Các biện pháp phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố

Việt Nam

Báo cáo đánh giá đa phương

Tháng 1/2022



Nhóm Châu Á – Thái Bình Dương về Chống rửa tiền (APG) là một tổ chức liên chính phủ bao gồm 41 nước thành viên trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và các tổ chức, quan sát viên đến từ các nước nằm ngoài khu vực.

Theo Điều 1 - Điều khoản Tham chiếu 2019 của APG, APG là một tổ chức phi chính trị, thuần túy kỹ thuật, nơi mà các thành viên cam kết thực hiện một cách có hiệu quả các chuẩn mực quốc tế đã được công nhận về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, và chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Lực lượng Đặc nhiệm tài chính ban hành.

Tài liệu này, dưới bất kỳ hình thức thể hiện nào, và/hoặc các sơ đồ liên quan bao gồm, không bị ảnh hưởng bởi vị thế của, hoặc chủ quyền của bất kỳ lãnh thổ nào, hoặc bị hạn chế bởi các rào cản quốc tế hay thuộc về tên của bất kỳ lãnh thổ, thành phố hoặc khu vực.

Theo Điều khoản Tham chiếu của APG, nghĩa vụ thành viên của APG được mở ra cho tất cả các quốc gia trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

Để biết thêm thông tin về APG, truy cập trang: www.apgml.org.

Báo cáo đánh giá đa phương này đã được APG thông qua tại Hội nghị thường niên đặc biệt tháng 11 năm 2021.

Tài liệu tham chiếu:

APG (2021), *Các biện pháp Phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố – Việt Nam,* Báo cáo đánh giá đa phương vòng ba, APG, Sydney http://www.apgml.org/includes/handlers/get-document.ashx?d=c28e7a40-87d5-4535-a196-847ef08383c0

© APG tháng 01/2022

Không được phép sao chép hoặc chuyển dịch ấn bản này mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản cua. Các thủ tục để được cho phép in ấn toàn bộ hoặc một phần của báo cáo này xin gửi về:

Ban thư ký APG
Locked Bag A3000
Sydney South
New South Wales 1232
AUSTRALIA
Tel: +61 2 5126 9110
E mail: mail@apgml.org
Web: www.apgml.org

Hình ảnh trang bìa được cung cấp bởi Cục Phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Hồ Hoàn Kiếm.

KHUYẾN CÁO: *Tài liệu này là bản dịch không chính thức của Báo cáo đánh giá đa phương của đối với Việt Nam năm 2022, được cung cấp với mục đích tham khảo thông tin. Phiên bản chính thức của tài liệu này là văn bản bằng tiếng Anh được công bố trên trang điện tử của APG (www.apgml.org). APG không chịu trách nhiệm về bất kỳ sự thiếu chính xác nào trong bản dịch không chính thức. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt hoặc xung đột nào giữa bản dịch này và bản gốc bằng tiếng Anh, phiên bản chính thức của tài liệu được công bố trên trang điện tử của APG sẽ được ưu tiên.*

MỤC LỤC

TÓM LƯỢC *1*
A. Các Phát hiện chính **1**
B. Rủi ro và tình hình chung **3**
C. Tổng thể về Hiệu quả thực thi và Tuân thủ kỹ thuật **3**
D. Các hành động ưu tiên **9**
E. Xếp hạng Hiệu quả và Tuân thủ kỹ thuật **11**
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM *12*
Lời tựa *12*
CHƯƠNG 1. RỦI RO RT/TTKB VÀ BỐI CẢNH *14*
Rủi ro RT/TTKB và xác định phạm vi vấn đề có rủi ro cao **14**
Tính trọng yếu **16**
Các yếu tố mang tính cấu trúc **18**
CHƯƠNG 2. CÁC CHÍNH SÁCH PCRT/TTKB VÀ ĐIỀU PHỐI QUỐC GIA *26*
Các Phát hiện chính và các Hành động Khuyến nghị **26**
Kết quả trực tiếp số 1 (Rủi ro, Chính sách và Điều phối) **27**
CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRIỂN KHAI *37*
Các Phát hiện chính và các Hành động Khuyến nghị **37**
Kết quả trực tiếp số 6 (Tình báo tài chính về RT/TTKB) **41**
Kết quả trực tiếp số 7 (Điều tra và truy tố tội RT) **49**
Kết quả trực tiếp số 8 (Tịch thu) **54**
CHƯƠNG 4. TÀI TRỢ KHỦNG BỐ VÀ TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT *60*
Các phát hiện chính và hành động khuyến nghị **60**
Kết quả trực tiếp số 9 (Điều tra và truy tố tội TTKB) **63**
CHƯƠNG 5. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA *81*
Các Phát hiện chính và các Hành động khuyến nghị **81**
Kết quả trực tiếp số 4 (Các biện pháp phòng ngừa) **82**
CHƯƠNG 6. THANH TRA GIÁM SÁT *95*
Các Phát hiện chính và Hành động khuyến nghị **95**
Kết quả trực tiếp số 3 (Thanh tra giám sát) **96**
CHƯƠNG 7. PHÁP NHÂN VÀ CÁC THỎA THUẬN PHÁP LÝ *105*
Các Phát hiện chính và các Hành động khuyến nghị **105**
Kết quả trực tiếp số 5 (Pháp nhân và các thỏa thuận pháp lý) **106**

CHƯƠNG 8. HỢP TÁC QUỐC TẾ 114
Các Phát hiện chính và các Hành động khuyến nghị 114
Kết quả trực tiếp số 2 (Hợp tác Quốc tế) 115
PHỤ LỤC VỀ TUÂN THỦ KỸ THUẬT 127
Khuyến nghị 1 – Đánh giá rủi ro và áp dụng phương pháp trên cơ sở rủi ro 127
Khuyến nghị 2 – Hợp tác và điều phối trong nước 130
Khuyến nghị 3 –Tội phạm rửa tiền 131
Khuyến nghị 4 – Tịch thu và các biện pháp dự phòng 135
Khuyến nghị 5 – Tội phạm tài trợ khủng bố 137
Khuyến nghị 6 – Hình phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố 140
Khuyến nghị 7 – Các Hình phạt Tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt 145
Khuyến nghị 8 – Tổ chức Phi lợi nhuận 148
Khuyến nghị 9 – Pháp luật về bí mật của các tổ chức tài chính 152
Khuyến nghị 10 – Thẩm định khách hàng 153
Khuyến nghị 11- Lưu trữ hồ sơ 158
Khuyến nghị 12 – Cá nhân có ảnh hưởng chính trị 159
Khuyến nghị 13 – Ngân hàng đại lý 160
Khuyến nghị 14 – Dich vụ chuyển tiền 161
Khuyến nghị 15 – Công nghệ mới 162
Khuyến nghị 16 – Giao dịch chuyển tiền điện tử 164
Khuyến nghị 17 – Dựa vào bên thứ ba 166
Khuyến nghị 18 – Kiểm soát nội bộ và các chi nhánh, công ty con ở nước ngoài .. 168
Khuyến nghị 19 – Các quốc gia có rủi ro cao 169
Khuyến nghị 20 – Báo cáo giao dịch đáng ngờ 169
Khuyến nghị 21 – Tiết lộ thông tin và tính bảo mật 170
Khuyến nghị 22 – Các DNFBP: Thẩm định khách hàng 171
Khuyến nghị 23 – Các DNFBP: Các biện pháp khác 173
Khuyến nghị 24 – Minh bạch và chủ sở hữu hưởng lợi tại các pháp nhân 175
Khuyến nghị 25 – Minh bạch và sở hữu hưởng lợi tại các thỏa thuận pháp lý 180
Khuyến nghị 26: Quản lý và thanh tra giám sát các tổ chức tài chính 182
Khuyến nghị 27 – Thẩm quyền của cơ quan thanh tra giám sát 185
Khuyến nghị 28 – Quản lý và thanh tra giám sát các DNFBP 187
Khuyến nghị 29 – Đơn vị tình báo tài chính 189

Khuyến nghị 31 – Thẩm quyền của các cơ quan điều tra và thực thi pháp luật .. 194
Khuyến nghị 32 – Vận chuyển tiền mặt 196
Khuyến nghị 33 – Số liệu Thống kê 200
Khuyến nghị 34 – Hướng dẫn và phản hồi 201
Khuyến nghị 35 – Xử phạt 202
Khuyến nghị 36 – Các công cụ hợp tác quốc tế 204
Khuyến nghị 37 – Tương trợ tư pháp 205
Khuyến nghị 38 – Tương trợ tư pháp: phong tỏa và tịch thu 206
Khuyến nghị 39 – Dẫn độ 207
Khuyến nghị 40 – Các hình thức hợp tác quốc tế khác 209
Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính 215
Thuật ngữ viết tắt 234

TÓM LƯỢC

1. Báo cáo này tóm lược các biện pháp phòng, chống rửa tiền/tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB) đang được áp dụng ở Việt Nam tại thời điểm thực hiện đợt đánh giá tại chỗ kết thúc ngày 15/11/2019. Báo cáo phân tích mức độ tuân thủ 40 Khuyến nghị của FATF cũng như tính hiệu quả của hệ thống PCRT/TTKB của Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị để tăng cường hiệu quả của hệ thống này.

A. Các Phát hiện chính

a) Kể từ sau đợt đánh giá đa phương năm 2009, mặc dù Việt Nam đã có cải thiện về mặt tuân thủ kỹ thuật nhưng một số những thiếu hụt đáng kể về tuân thủ kỹ thuật vẫn cần phải được xử lý để đảm bảo hiệu quả hoạt động của cơ chế PCRT/TTKB tại Việt Nam trong việc chống lại các mối nguy cơ và những tổn thương nghiêm trọng trong hoạt động rửa tiền.

b) Việt Nam có nhận thức ngày càng cao về rủi ro rửa tiền (RT) và tài trợ khủng bố (TTKB). Trong năm 2019, Việt Nam đã hoàn thành báo cáo Đánh giá rủi ro quốc gia (NRA) đầu tiên, và sau đó đã bổ sung các đánh giá về NPO, pháp nhân, và đánh giá rủi ro về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Các báo cáo đánh giá này đã cho thấy sự phối kết hợp tốt giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam và nhìn chung đã cải thiện được nhận thức về rủi ro. Tuy nhiên, vẫn còn những thiếu sót trong nhận thức về rủi ro của Việt Nam, bao gồm các nội dung liên quan đến tài sản ảo (VA) và nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP); các công ty tín thác nước ngoài; và các tội phạm nguồn gồm tội phạm có tổ chức và hoạt động mại dâm. Kế hoạch hành động quốc gia về PCRT/TTKB của Việt Nam vẫn chưa đủ tập trung vào các rủi ro RT/TTKB đã được nhận diện. Ở cấp chính sách, việc điều phối được thực hiện tốt thông qua các Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống RT và chống TTKB, tuy nhiên công tác điều phối ở cấp thực thi chưa thực sự hiệu quả.

c) Việc phát triển và sử dụng thông tin tình báo tài chính ở Việt Nam còn rất hạn chế. Các cơ quan thực thi pháp luật sử dụng rất ít thông tin tình báo tài chính khi lần theo dấu vết của tội phạm, điều tra RT và các hành vi tội phạm nguồn có liên quan và TTKB. Đơn vị tình báo tài chính của Việt nam, Cục Phòng chống Rửa tiền (Cục PCRT) thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện rất hạn chế các phân tích hoạt động và chủ yếu tập trung vào các tội phạm nguồn. Những thách thức liên quan tới sự sẵn có và chất lượng của các báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR) và những điểm yếu trong hệ thống và năng lực phân tích làm hạn chế số lượng và chất lượng các sản phẩm phân tích của Đơn vị tình báo tài chính. Có rất ít các thông tin do Cục PCRT cung cấp đã giúp dẫn đến việc phát triển thông tin tình báo tài chính hoặc điều tra tài chính bởi các cơ quan thực thi pháp luật. Việc trao đổi thông tin tình báo tài chính giữa Cục PCRT và các cơ quan có thẩm quyền khác ngoại trừ Bộ Công an chỉ ở mức tối thiểu.

d) Việt Nam đã hình sự hóa phần lớn tội RT theo tiêu chuẩn quốc tế và các cơ quan thực thi pháp luật cũng có quyền hạn và trách nhiệm trong việc điều tra và truy tố các tội về RT nhưng Việt Nam không điều tra và truy tố tội RT phù hợp với mức độ rủi ro tại Việt Nam. Có rất ít các vụ truy tố về tội RT tương quan với số lượng lớn các vụ điều tra tội phạm nguồn tạo ra nguồn thu bất hợp pháp tại Việt Nam. Sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong quá trình điều tra thường tập trung vào các tội phạm nguồn mà ít theo đuổi các cuộc điều tra tài chính song song liên quan đến tội RT.

e) Hệ thống tịch thu, thu hồi tài sản của Việt Nam dựa trên cơ sở kết án đã đạt được những kết quả phản ánh mức độ rủi ro về RT ở một mức độ nhất định, đặc biệt liên quan đến các tội phạm nguồn có rủi ro cao như tham ô, đánh bạc và buôn bán ma túy. Việt Nam thực hiện kê biên, tịch thu tiền hay công cụ phạm tội nhằm đảm bảo thực hiện thu hồi số tiền theo bản án (đại diện cho thiệt hại phát sinh từ một hành vi phạm tội). Tuy nhiên còn có những thách thức trong việc xác định và truy tìm tài sản, đặc biệt liên quan đến các loại tội phạm phức tạp. Cũng còn có những yếu kém trong việc xác định mục tiêu, phát hiện và vụ việc điều tra về tiền tệ và công cụ chuyển nhượng (BNI) được vận chuyển trái phép qua biên giới.

f) Hoạt động thanh tra giám sát về PCRT/TTKB tại Việt Nam còn rất hạn chế và những đợt thanh tra giám sát đã được thực hiện cũng không dựa trên cơ sở rủi ro. Chỉ có lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và ở mức độ hạn chế hơn là lĩnh vực kinh doanh trò chơi có thưởng là chịu sự giám sát về PCRT/TTKB. Tuy nhiên, phạm vi thanh tra giám sát này hẹp và các vi phạm bị phát hiện chưa được theo dõi tiếp hoặc xử phạt. Các giám sát viên về PCRT/TTKB ở các khu vực khác còn thiếu năng lực. Việc thực hiện các biện pháp kiểm soát thích hợp cũng như hiểu biết về rủi ro RT/TTKB của các giám sát viên không được toàn diện.

g) Mức độ hiểu biết về rủi ro RT/TTKB, các nghĩa vụ liên quan đến PCRT/TTKB cũng như việc thực hiện báo cáo và triển khai các biện pháp phòng ngừa còn có sự khác biệt giữa các đối tượng báo cáo. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm và chứng khoán và thấp hơn một chút là các công ty chuyển tiền chứng minh được một số hiểu biết và triển khai một số hoạt động nhất định về các nghĩa vụ PCRT/TTKB nhưng chủ yếu dựa trên các quy tắc tuân thủ thay vì dựa trên cơ sở rủi ro. Trong số các TCTC khác và các DNFBP thì hầu như thiếu sự hiểu biết và thực thi, trong khi đó các đơn vị cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP) chưa chịu sự điều chỉnh của quy định về PCRT/TTKB. Những thiếu hụt quan trọng về tuân thủ kỹ thuật và thiếu hụt trong một loạt các biện pháp phòng ngừa làm giảm hiệu quả thực thi về PCRT/TTKB.

h) Dù có rủi ro thấp, các cơ quan chức năng của Việt Nam đã thể hiện cam kết phòng chống khủng bố và TTKB cũng như có khả năng nhận diện và điều tra hoạt động TTKB. Hiện nay còn có những bất cập trong khuôn khổ pháp lý về TTKB của Việt Nam để thực hiện các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến hoạt động khủng bố và TTKB. Tuy nhiên, do trước đây Việt Nam chưa phải đối mặt với rủi ro khủng bố xuyên quốc gia hoặc rủi ro TTKB, việc thiếu các vụ truy tố về TTKB cũng như phong tỏa tài sản liên quan đến khủng bố phù hợp với mức độ rủi ro của Việt Nam.

i) Việt Nam đã ban hành khung pháp lý để áp dụng các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt vào tháng 11/2019. Tuy nhiên, khuôn khổ này vẫn chưa thực sự mang lại hiệu lực trong giai đoạn đánh giá tại chỗ do thiếu các biện pháp xử phạt đối với hành vi không tuân thủ, đồng thời cũng không chứng minh được hiệu quả thực thi. Việt Nam vẫn chưa xác định hoặc phong tỏa bất cứ tài sản nào liên quan tới các cá nhân và tổ chức bị chỉ định, bất chấp những rủi ro liên quan tới hành động trốn tránh trừng phạt trong khu vực.

j) Việt Nam có khuôn khổ pháp lý hợp lý để minh bạch thông tin cơ bản liên quan đến pháp nhân thương mại, nhưng còn thiếu sót trong việc thu thập và cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Nguồn chính của thông tin chủ sở hữu hưởng lợi về pháp nhân và các thỏa thuận là thông tin do các đối tượng báo cáo thu thập theo nghĩa vụ thẩm định khách hàng của các đối tượng này.

k) Việt Nam có phản hồi các yêu cầu đề nghị hợp tác chính thức và không chính thức và cũng tìm kiếm sự hợp tác liên quan đến tội phạm nguồn. Tuy nhiên, số lượng các yêu cầu gửi đi liên quan đến RT là chưa tương xứng với mức độ rủi ro của Việt Nam và việc này cho thấy sự thiếu chủ động trong hoạt động điều tra về RT. Hoạt động hợp tác quốc tế của Cục PCRT là rất hạn chế và thanh tra giám sát cũng không tìm kiếm cơ hội hợp tác.

B. Rủi ro và tình hình chung

2. Việt Nam đã trải qua cải cách thị trường sâu rộng kể từ khi bắt đầu thời kỳ Đổi mới[1], dẫn đến tăng trưởng kinh tế nhanh chóng và chuyển đổi từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới sang nước có thu nhập trung bình thấp. Việt Nam vẫn là nền kinh tế hoạt động chủ yếu dựa vào tiền mặt, cùng với mức độ ngày một gia tăng về thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài. Vị trí địa lý cùng với đường biên giới kéo dài với Trung Quốc, CHDCND Lào và Campuchia khiến Việt Nam dễ bị ảnh hưởng bởi hoạt động buôn lậu và buôn bán trái phép.

3. Kết quả đánh giá rủi ro do Việt Nam thực hiện đã xác định tham nhũng (bao gồm tham ô tài sản), đánh bạc bất hợp pháp, buôn bán ma túy, trốn thuế, buôn bán động vật hoang dã, lừa đảo, buôn lậu tiền tệ, hàng hóa và buôn bán người là những mối đe dọa về RT trọng yếu nhất. Các lĩnh vực dễ xảy ra tội phạm RT nhất bao gồm ngân hàng và chuyển tiền bất hợp pháp, tiếp theo là bất động sản, các công ty chuyển tiền và kiều hối, công ty chứng khoán và sòng bạc. Mức độ tham nhũng cao và các hạn chế về năng lực là những thách thức hiện hữu gây cản trở các nỗ lực về PCRT/TTKB.

4. Việt Nam chưa phải đối mặt với khủng bố xuyên quốc gia hoặc rủi ro TTKB nghiêm trọng. Hiện chưa có vụ khủng bố nào ở Việt Nam liên quan đến các nhóm khủng bố xuyên quốc gia đã được nhận diện. Việt Nam chủ yếu là phải đối mặt với các nguy cơ từ các nhóm đối lập trong nước phản đối Chính phủ Việt Nam nhằm mục đích lật đổ chính quyền.

5. Việt Nam có khả năng bị ảnh hưởng bởi hoạt động tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PBVKHDHL) tiềm ẩn xuất phát từ các liên kết toàn cầu và khu vực ngày càng tăng của mình với hệ thống tài chính quốc tế, lĩnh vực hàng hải quy mô lớn cũng như nguy cơ phơi nhiễm với hoạt động hàng hải bất hợp pháp trong khu vực, sự gia tăng nhu cầu về nguyên liệu thô và hàng hóa nhập khẩu khác cho mục đích phát triển kinh tế cùng với các mối quan hệ mang tính lịch sử với một số nước có nguy cơ cao.

C. Tổng thể về Hiệu quả thực thi và Tuân thủ kỹ thuật

6. Sau lần đánh giá đa phương gần nhất cùng với việc bị đưa vào quy trình giám sát của Nhóm đánh giá hợp tác quốc tế (ICRG) của FATF, cơ chế PCRT/TTKB của Việt Nam đã được cải thiện đáng kể. Việc ban hành Bộ luật hình sự mới năm 2015, cùng với việc bổ sung các điều chỉnh về tội RT và TTKB và quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, cũng như Luật phòng chống rửa tiền năm 2012, Luật phòng chống khủng bố năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn đã cho thấy một số cải thiện trong cơ chế PCRT/TTKB của Việt Nam và mức độ tuân thủ kỹ thuật. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu hụt kỹ thuật đáng kể và cần có những cải thiện nhiều hơn nữa trên nhiều lĩnh vực.

[1] Cải cách kinh tế bắt đầu từ năm 1986

7. Xét về tính hiệu quả, Việt Nam đạt kết quả trung bình liên quan đến rủi ro, chính sách và điều phối, hợp tác quốc tế, hoạt động điều tra và truy tố tội TTKB. Mặc dù đã áp dụng một số biện pháp, Việt Nam cần có cải thiện cơ bản liên quan đến hoạt động thanh tra giám sát, các biện pháp phòng ngừa, sử dụng thông tin tình báo tài chính, hoạt động điều tra và truy tố tội RT, tịch thu, tính minh bạch của pháp nhân và các thỏa thuận pháp lý, các biện pháp phòng ngừa TTKB và tài trợ PBVKHDHL và tăng cường hợp tác quốc tế phù hợp với mực độ rủi ro của Việt Nam.

Đánh giá rủi ro, Công tác phối hợp và thiết lập chính sách (Chương 2 – Kết quả trực tiếp số 1; Khuyến nghị số 1, Khuyến nghị số 2, Khuyến nghị số 33& 34)

8. Việt Nam có hiểu biết ngày càng tốt hơn về rủi ro RT/TTKB và được hoan nghênh là đã hoàn thành báo cáo NRA đầu tiên vào tháng 4/2019. Quá trình phối hợp liên ngành để xây dựng báo cáo NRA và việc chia sẻ kết quả đánh giá cho thấy sự phối kết hợp tốt giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam. Sau đó vào cuối năm 2019, báo cáo NRA đã được bổ sung các đánh giá rủi ro chi tiết hơn về NPO, pháp nhân và TTPBVKHDHL. Các quá trình đánh giá rủi ro này đã cải thiện nhận thức về rủi ro của các cơ quan có thẩm quyền ở một mức độ nhất định, mặc dù vậy vẫn cần phải cải thiện đáng kể hơn nữa. Cục PCRT đưa ra các phân tích chiến lược còn hạn chế để đóng góp cho đánh giá rủi ro. Rủi ro về RT/TTKB liên quan đến các VA/VASP cũng như các công ty tín thác nước ngoài chưa được đánh giá và chưa được hiểu rõ.

9. Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về PCRT/TTKB, trong đó đưa ra các chiến lược cấp cao để giải quyết ở mức độ hạn chế các thiếu hụt về pháp lý, thể chế và năng lực. Mặc dù các bộ, ban ngành đã ban hành các kế hoạch hành động dành riêng cho từng cơ quan, trong đó có đưa ra các giải pháp chung để xử lý các thiếu hụt về thể chế và năng lực, tuy nhiên vẫn chưa đủ để tập trung vào các hành động giải quyết rủi ro đã được xác định. Việt Nam chưa thực hiện cách tiếp cận toàn diện dựa trên cơ sở rủi ro đối với việc phân bổ nguồn lực hoặc thực hiện các biện pháp ngăn chặn RT/TTKB, đồng thời các mục tiêu và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền là chưa nhất quán với rủi ro về RT/TTKB đã được xác định trong báo cáo NRA.

10. Mặc dù kết quả đánh giá rủi ro đã xác định một số khu vực chịu rủi ro cao, nhưng các biện pháp tăng cường áp dụng cho các khu vực rủi ro cao đã được xác định như khu vực ngân hàng, bất động sản, ngoại hối và chuyển tiền chưa được thực hiện. Tương tự, Việt Nam cũng không có các biện pháp đơn giản hóa áp dụng cho các lĩnh vực có rủi ro thấp hơn.

11. Cơ chế hợp tác và điều phối liên ngành ở cấp độ chính sách đã được thiết lập tốt thông qua hai Ban chỉ đạo quốc gia về phòng chống RT và TTKB. Một số cơ chế điều phối ở cấp vận hành cho PCRT/TTKB đã được áp dụng, tuy nhiên tính hiệu quả của các cơ chế phối hợp hoạt động này là không rõ ràng. Mặc dù Bộ Quốc phòng đã được giao làm đầu mối thực hiện các biện pháp phòng, chống tài trợ PBVKHDHL tại thời điểm đợt làm việc tại chỗ chưa có một khuôn khổ hợp tác và điều phối quốc gia cụ thể được áp dụng đối với hoạt động tài trợ PBVKHDHL.

12. Nhận thức và hiểu biết của khu vực tư nhân về kết quả đánh giá NRA cũng như các nội dung đánh giá rủi ro bổ sung là không đồng đều. Các TCTC lớn phần nào đã có nhận thức về rủi ro RT/TTKB nhưng các TCTC nhỏ hơn cũng như các DNFBP thì còn cần phải cải thiện đáng kể.

Tình báo Tài chính, Điều tra RT, Truy tố và Tịch thu (Chương 3 – Kết quả trực tiếp số 6, 7,-8; Khuyến nghị số 1, Khuyến nghị số 3, Khuyến nghị số 4, Khuyến nghị số 29-32)

13. Các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam sử dụng một số thông tin tình báo tài chính để điều tra tội phạm nguồn và lần theo dấu vết tội phạm, nhưng việc điều tra của cơ quan

thực thi pháp luật và việc sử dụng thông tin tình báo tài chính để điều tra hoạt động RT/TTKB vẫn còn hạn chế. Các cơ quan thực thi pháp luật không phát triển hoặc sử dụng thông tin tình báo tài chính để lập hồ sơ vụ việc về RT hoặc điều tra tài chính song song khi mà qua công tác điều tra tội phạm nguồn đã phát hiện ra mối liên kết tài chính. Các cơ quan thực thi pháp luật cũng hiếm khi yêu cầu Cục PCRT gửi thông tin để phục vụ cho công tác điều tra về RT, tội phạm nguồn hoặc truy tìm tài sản. Việc trao đổi thông tin và tình báo tài chính giữa Cục PCRT và các cơ quan có thẩm quyền khác tại Việt Nam còn ở mức tối thiểu.

14. Cục PCRT của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với vai trò là Đơn vị tình báo tài chính của Việt Nam chỉ phân tích ở mức hạn chế với việc rất ít những thông tin phân tích mà đơn vị này chuyển giao thực sự hỗ trợ cho công tác điều tra tội phạm RT hay tội phạm nguồn. Cục PCRT còn phải đối mặt với một loạt các thách thức về công nghệ, chẳng hạn như vẫn còn rất nhiều báo cáo tiếp nhận một cách thủ công và thiếu các công cụ IT được tích hợp để hỗ trợ công tác phân tích. Cục trưởng Cục PCRT chịu trách nhiệm trước Chánh thanh tra giám sát ngân hàng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mọi hoạt động của Cục PCRT, như vậy chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu để Cục PCRT thực hiện chức năng của mình một cách độc lập và tự chủ.

15. Cục PCRT nhận được số lượng hạn chế và chất lượng thấp của các báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR) từ các đối tượng báo cáo và các STR nộp cho Cục PCRT chưa đủ để Cục PCRT thực hiện phân tích một cách hiệu quả. Các STR do Cục PCRT chuyển giao chủ yếu liên quan đến các loại tội phạm nguồn, đồng thời ít dấu hiệu cho thấy việc phân tích sâu hơn đã được thực hiện để củng cố hoặc bổ sung giá trị cho các báo cáo. Mặc dù báo cáo giao dịch tiền mặt và báo cáo chuyển tiền điện tử được gửi đến Cục PCRT, nhưng lại chưa được sử dụng để bổ sung cho các báo cáo đã chuyển giao.

16. Các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam có quyền và trách nhiệm đủ rộng để tiến hành điều tra và truy tố tội RT. Quy định về tội RT cũng đã được điều chỉnh và hiện chỉ còn một số hạn chế không đáng kể trong việc hình sự hóa tội RT. Tuy nhiên, phạm vi điều tra, truy tố và kết án tội RT chưa tương xứng với các loại hình rủi ro của Việt Nam, đặc biệt trong tương quan với số lượng cuộc điều tra về các hành vi tội phạm nguồn có nguồn thu bất hợp pháp. Mới chỉ có 03 vụ truy tố về RT trong 10 năm qua và có 03 cuộc điều tra về RT đang được thực hiện tại thời điểm đánh giá tại chỗ. Các hình thức xử phạt áp dụng trong 03 vụ án đã hoàn thành là chưa tương xứng và chưa có tính răn đe.

17. Bộ Công an với vai trò là cơ quan điều tra chính về RT, thiếu năng lực về điều tra RT. Bộ Công an chưa thành lập một đơn vị chuyên trách điều tra về RT theo các hoạt động RT mục tiêu, và dường như đang thiếu nhận thức chung về tội RT hay giá trị của việc "lần theo dòng tiền". Các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan chức năng của Việt Nam có sự trao đổi thông tin và hợp tác trong việc điều tra về tội RT, nhưng không tiến hành các cuộc điều tra chung. Khi việc hợp tác và trao đổi thông tin giữa các cơ quan được thực hiện, thường chỉ tập trung vào các tội phạm nguồn mà ít tập trung vào các cuộc điều tra tài chính song song đối với hoạt động RT.

18. Việt Nam có một hệ thống tịch thu, thu hồi tài sản dựa trên kết án dẫn tới việc các kết quả của hoạt động kê biên, thu hồi tài sản đã phản ánh mức độ rủi ro RT của Việt Nam ở một chừng mực nào đó, đặc biệt liên quan đến các tội phạm nguồn có rủi ro cao như tham ô tài sản, tổ chức đánh bạc và buôn bán ma túy. Tuy nhiên, Việt Nam không tiến hành kê biên hoặc tịch biên số tiền bất hợp pháp hoặc công cụ phạm tội mà chỉ mới dừng ở việc thu hồi theo phán quyết của tòa án (là mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra). Tỷ lệ thu hồi tài sản theo lệnh tịch thu là thấp: tỷ lệ số tiền được thu hồi trung bình là 29% trên tổng số tiền phải thu theo các bản án đối với tất cả các loại tội phạm nguồn.

19. Ưu tiên theo đuổi việc tịch thu, thu hồi tài sản do phạm tội mà có, và Việt Nam đã có một số chính sách và chiến lược ở cấp quốc gia và hoạt động để theo đuổi việc thu hồi tài sản. Các cơ quan thực thi pháp luật đối mặt với nhiều thách thức trong công tác xác định và truy tìm tài sản, đặc biệt liên quan đến các loại tội phạm phức tạp. Một số thách thức cụ thể bao gồm việc xác định tài sản hợp pháp và bất hợp pháp, sử dụng các bên liên quan để che giấu quyền chủ sở hữu hưởng lợi cũng như khối lượng tiền mặt lớn được sử dụng trong các hoạt động tội phạm. Các cơ quan thực thi pháp luật dường như không xác định ưu tiên hoặc điều tra có hiệu quả các nguồn tiền bị thu tại khu vực biên giới, cảng và sân bay của Việt Nam, dẫn đến hiệu quả các biện pháp tịch thu đối với việc vận chuyển tiền mặt trái phép hay không khai báo hoặc BNI còn khiêm tốn.

Tài trợ khủng bố và Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (Chương 4 – Kết quả trực tiếp số 9, 10, 11; Khuyến nghị số 1, Khuyến nghị số 4, Khuyến nghị số 5-8, Khuyến nghị số 30, Khuyến nghị số 31& Khuyến nghị số 39)

20. Mặc dù rủi ro về TTKB là thấp, Việt Nam vẫn thể hiện cam kết của mình ở cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh trong công tác phòng chống khủng bố và TTKB. Tuy nhiên, hiện còn những thiếu sót kỹ thuật quy định về tội phạm TTKB của Việt Nam, đặc biệt liên quan đến hoạt động tài trợ khủng bố. Việt Nam đã chứng minh năng lực trong việc xác định và điều tra hoạt động TTKB. Tuy nhiên, phạm vi điều chỉnh của hành vi phạm tội TTKB và chính sách truy tố của Việt Nam, trong đó ưu tiên truy tố tội khủng bố hơn là tội TTKB, trong hầu hết các lĩnh vực cho thấy ít kết tội TTKB. Chưa có trường hợp truy tố và kết án về tội TTKB. Tuy nhiên, phù hợp với rủi ro về TTKB, Việt Nam đã thành công trong việc xác định và điều tra vụ việc liên quan đến TTKB, và đã truy tố kết án đối với các cá nhân tham gua hoạt động TTKB dưới tội danh là tội khủng bố, chứng tỏ là Việt Nam đã chú trọng vào các nỗ lực ngăn chặn TTKB.

21. Việt Nam có hệ thống TFS về chống khủng bố, tuy nhiên vẫn còn những thiếu hụt ở mức vừa phải làm giảm tính hiệu quả. Tại thời điểm thực hiện đánh giá tại chỗ, Việt Nam đã xác định trong nước có 02 tổ chức và các cá nhân liên quan tham gia hoạt động khủng bố. Mặc dù chưa đề xuất đưa vào danh sách chỉ định của UN và cũng không có vụ việc phong tỏa tài sản, tuy nhiên điều này phù hợp với mức độ rủi ro thấp về TTKB của Việt Nam. Việc thực hiện các nghĩa vụ TFS của khu vực tư nhân còn có những sự khác biệt, nhưng của các TCTC nhỏ và các DNFBP thì còn yếu trong khi các VASPs thì chưa có. Năng lực tiếp cận và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền còn chưa được toàn diện.

22. Việt Nam hiện có khu vực NPO với quy mô lớn và gần đây đã thực hiện đánh giá rủi ro TTKB liên quan đến các NPO và đã xác định những tổ chức có nguy cơ cao hơn bị lợi dụng. Việt Nam đã có một số biện pháp chung được áp dụng để giảm thiểu rủi ro TTKB trong khu vực này, được đánh giá là có rủi ro thấp. Các cơ quan thực thi pháp luật không áp dụng cách tiếp cận dựa trên cơ sở rủi ro để thanh tra, giám sát các NPO. Việc tiếp cận lĩnh vực này chủ yếu mang tính hành chính, nhưng các cơ quan có thẩm quyền đã bắt đầu triển khai một số cách tiếp cận về các biện pháp phòng ngừa TTKB ngay tước thời điểm đánh giá tại chỗ.

23. Việt Nam đã ban hành khung pháp lý để triển khai TFS liên quan đến hoạt động tài trợ PBVKHDHL trong tháng 11/2019. Tuy nhiên, các trách nhiệm TFS được quy định tại Nghị định liên quan vẫn chưa được thực thi tại thời điểm thực hiện đánh giá tại chỗ do thiếu chế tài xử lý cho việc không tuân thủ, đồng thời cũng chưa đủ thời gian để Việt Nam thực hiện Nghị định và chứng minh tính hiệu lực. Việc kiểm tra khu vực tư nhân thực hiện các nghĩa vụ TFS và giám sát mức độ tuân thủ của các đối tượng báo cáo chưa được thực hiện. Đến nay, Việt Nam chưa phát hiện ra bất kỳ khoản tiền hoặc tài sản nào liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định có liên quan đến hoạt động tài trợ phổ

biến mặc dù là quốc gia có nguy cơ đối với các hành vi né tránh lệnh xử phạt cũng các hoạt động tài trợ PBVKHDHL tiềm ẩn.

Các biện pháp Phòng ngừa (Chương 5 - Kết quả trực tiếp số 4; Khuyến nghị số 9-23)

24. Một số bất cập về tuân thủ kỹ thuật liên quan đến các biện pháp phòng ngừa làm giảm tính hiệu quả. Những bất cập này đặc biệt liên quan đến CDD, PEP trong nước, đồng thời thiếu biện pháp để xác định, điều chỉnh và giám sát các VA và VASP. Phần lớn các biện pháp phòng ngừa chỉ liên quan đến hoạt động RT và chưa mở rộng áp dụng rõ ràng đến hoạt động chống tài trợ khủng bố.

25. Nhận thức về rủi ro RT/TTKB, về các nghĩa vụ liên quan đến RT/TTKB và tình hình triển khai các nghĩa vụ này giữa các TCTC còn sự khác biệt. Các ngân hàng, công ty chứng khoán và bảo hiểm có nhận thức nhất định về rủi ro và các nghĩa vụ TFS nói trên và hiện đang triển khai các nghĩa vụ này ở mức độ nhất định. Các TCTC chịu ảnh hưởng bởi các chính sách PCRT/TTKB nội bộ trong nhóm định chế toàn cầu có mức độ hiểu biết và thực hiện tốt hơn. Các công ty chuyển tiền có mức độ thực hiện và hiểu biết về RT/TTKB thấp hơn, trong khi các tổ chức tín dụng phi ngân hàng và quầy đổi tiền có mức độ hiểu biết và thực hiện dường như là không đáng kể.

26. Các TCTC dường như áp dụng các biện pháp phòng ngừa dựa trên việc tuân thủ các quy định, chưa tính đến mức độ rủi ro về RT/TTKB của Việt Nam. Các ngân hàng, công ty chứng khoán, bảo hiểm và chuyển tiền có thực hiện CDD, các biện pháp giám sát liên tục và lưu giữ hồ sơ. Đáng chú ý là việc áp dụng CDD đối với các chủ sở hữu hưởng lợi còn là thách thức, đặc biệt khi liên quan đến các công ty nước ngoài. Các TCTC khác thực hiện CDD cơ bản và có hệ thống giám sát, lưu trữ hồ sơ chưa tốt và chưa đầy đủ.

27. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm, chứng khoán và chuyển tiền có áp dụng các biện pháp tăng cường đối với các cá nhân tổ chức có ảnh hưởng chính trị (PEP) và các quốc gia có rủi ro cao hơn, cũng như có các biện pháp cụ thể trong hoạt động ngân hàng đại lý, công nghệ mới, chuyển khoản ngân hàng và TFS liên quan đến khủng bố và TTKB. Các tổ chức này có cơ chế giám sát và báo cáo hành vi nghi ngờ, nhưng điều đáng chú ý là đa phần STR là từ các ngân hàng. Các TCTC khác không có cơ chế báo cáo STR rõ ràng. Hầu hết các STR báo cáo đều căn cứ theo ngưỡng quy định chứ chưa căn cứ theo hành vi đáng ngờ. Rất ít các STR liên quan đến TTKB được lập, việc này phù hợp với với mức độ rủi ro TTKB thấp của Việt Nam.

28. Các DNFBP có vẻ chưa có nhận thức về rủi ro RT/TTKB hay những nghĩa vụ về PCRT/TTKB của họ. DNFBP đang thực thi các biện pháp phòng ngừa ở mức độ không đáng kể, đồng thời phần lớn trong số họ không thực hiện lập báo cáo STR. Các VASP chưa chịu sự điều chỉnh của quy định về PCRT/TTKB và các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán chỉ mới được coi là đối tượng phải thực hiện nghĩa vụ về PCRT/TTKB trong thời gian đánh giá tại chỗ.

Thanh tra, giám sát (Chương 6 - Kết quả trực tiếp số 3; Khuyến nghị số 14, Khuyến nghị số 26-28, Khuyến nghị số 34, Khuyến nghị số 35)

29. Mặc dù đã tổ chức thanh tra về PCRT/TTKB đối với cả các TCTC và DNFBP, tuy nhiên công tác này vẫn chưa được ưu tiên đúng mức và chưa được thực hiện trên cơ sở rủi ro. Hoạt động thanh tra giám sát về PCRT/TTKB đã được thực hiện hầu hết chỉ giới hạn trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán và một vài doanh nghiệp kinh doanh trò chơi có thưởng và sòng bạc. Tuy nhiên, phạm vi và tần suất thanh tra giám sát chưa dựa trên cơ sở rủi ro. Mới chỉ thực hiện thanh tra tại chỗ với phạm vi hạn chế. Hoạt động thanh tra giám sát PCRT/TTKB đối với khu vực ngân hang chủ yếu dựa trên nguyên tắc giám sát an toàn. Chỉ có một số ít các vi phạm về PCRT/TTKB được phát hiện, tuy nhiên

công tác theo dõi sau phát hiện chưa được triển khai và chưa có cơ quan thanh tra giám sát nào chứng minh được việc áp dụng các biện pháp khắc phục hoặc xử phạt.

30. Việc thực hiện kiểm tra tính đúng đắn và phù hợp chưa toàn diện. Việc kiểm tra lý lịch hình sự của các giám đốc và cổ đông thường trực được thực hiện theo các nguyên tắc cốt lõi áp dụng cho các TCTC và sòng bạc. Tuy nhiên lại chưa xem xét đến tình đúng đắn và phù hợp liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi cũng như mối liên hệ với các đối tượng tội phạm. Đối với các TCTC và DNFBP còn lại, việc kiểm tra mức độ đúng đắn và phù hợp chỉ dựa trên cơ sở các thủ tục, quy trình đăng ký cơ bản.

31. Tất cả các cơ quan thanh tra giám sát đã tham gia vào quá trình NRA, mức độ hiểu biết về rủi ro RT/TTKB của các cơ quan này có sự khác nhau các cơ quan chịu trách nhiệm giám sát các TCTC phi ngân hàng và DNFBP thể hiện có ít hiểu biết về vấn đề này. Năng lực thanh tra giám sát về PCRT/TTKB còn yếu và chưa được đào tạo bồi dưỡng. Các cơ quan thanh tra giám sát cũng đã tổ chức một số khóa đào tạo và hội thảo để tăng cường hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và các nghĩa vụ PCRT/TTKB cho các đối tượng báo cáo. Tuy nhiên, phạm vi và hiệu quả đào tạo còn hạn chế.

32. Các VASP chưa chịu sự điều chỉnh theo các quy định hoặc cơ chế giám sát về PCRT/TTKB.

Minh bạch và Chủ sở hữu hưởng lợi (Chương 7 - Kết quả trực tiếp số 5; Khuyến nghị số 24-25)

33. Ở Việt Nam, các thông tin về việc thành lập và các loại hình pháp nhân thương mại được phổ biến rộng rãi. Gần đây, Việt Nam đã tiến hành đánh giá rủi ro về RT/TTKB liên quan đến pháp nhân. Tuy nhiên, kết quả đánh giá vẫn chưa được tiếp nhận rộng rãi và việc đánh giá rủi ro RT liên quan đến pháp nhân phi thương mại còn chưa toàn diện.

34. Việt Nam có khuôn khổ pháp lý thích hợp về minh bạch thông tin cơ bản liên quan đến các pháp nhân thương mại. Các thông tin cơ bản này theo yêu cầu phải đăng ký và công khai trực tuyến. Việc tuân thủ các yêu cầu về đăng ký sở hữu cơ bản bị hạn chế bởi các hình phạt thấp, chỉ áp dụng đối với pháp nhân thương mại.

35. Vẫn còn những bất cập trong việc thu thập cũng như mức độ sẵn sàng của các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Nguồn thông tin chính về chủ sở hữu hưởng lợi đối với các pháp nhân và các thỏa thuận pháp lý liên quan là các thông tin do các đối tượng báo cáo thu thập theo nghĩa vụ CDD của họ. Tuy nhiên, các quy định pháp luật liên quan còn có những bất cập; mức độ hiểu biết về khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi còn hạn chế; và mức độ tuân thủ của các đối tượng báo cáo đối với các yêu cầu thu thập thông tin là chưa đồng đều. Có một số biện pháp đang được thực hiện nhằm tang cường tính minh bạch của pháp nhân.

36. Mặc dù pháp luật Việt Nam chưa cho phép thực hiện các hoạt động tín thác và các thỏa thuận pháp lý, nhưng hiện nay các biện pháp được áp dụng nhằm ngăn chặn việc lạm dụng các hoạt động ủy thác nước ngoài cho mục đích RT/TTKB còn rất hạn chế.

Hợp tác quốc tế (Chương 8 - Kết quả trực tiếp số 2; Khuyến nghị số 36-40)

37. Việt Nam có khung pháp lý hiện hành tương đối phù hợp đối với hoạt động hợp tác quốc tế về PCRT/TTKB được tăng cường bởi các cơ chế song phương và đa phương để đảm bảo cho hoạt động hợp tác quốc tế cả chính thức và không chính thức. Khung pháp lý về tương trợ tư pháp (MLA) liên quan đến hoạt động phong tỏa và tịch thu còn một số bất cập.

38. Việt Nam đã đáp ứng các yêu cầu hợp tác quốc tế chính thức và đã cung cấp MLA cũng như thực hiện dẫn độ cho một loạt các quốc gia và vùng lãnh thổ trong các khung thời gian hợp lý, bao gồm cả liên quan đến tội RT và các loại tội phạm nguồn. Việt Nam

cũng đã yêu cầu tương trợ MLA và dẫn độ liên quan đến các hành vi tội phạm nguồn. Tuy nhiên, các yêu cầu tương trợ liên quan đến RT được gửi đi còn hạn chế, đây là hệ quả của việc điều tra thiếu chủ động về RT và cũng chưa phù hợp với hồ sơ rủi ro về RT ở Việt Nam.

39. Liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế không chính thức, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có phản hồi các yêu cầu từ các đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, việc chú trọng vào hoạt động gửi yêu cầu đề nghị hỗ trợ sang các nước khác còn chưa phù hợp với rủi ro về RT của Việt Nam. Cục PCRT của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sử dụng rất ít hoạt động hợp tác quốc tế, các yêu cầu từ các cơ quan thực thi pháp luật liên quan đến RT cũng hạn chế và chưa có cơ quan giám sát nào chủ động hợp tác quốc tế trong công tác PCRT/TTKB.

40. Hoạt động hợp tác quốc tế trong công tác xác định và trao đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi liên quan đến pháp nhân còn hạn chế và chưa có hợp tác về điều tra các thỏa thuận pháp lý. Trên thực tế, những bất cập thiếu sót liên quan đến minh bạch thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi có thể làm hạn chế năng lực của các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện hợp tác chính thức hoặc không chính thức về lĩnh vực này.

D. Các hành động ưu tiên

a) Việt Nam cần tiếp tục tăng cường nhận thức về các rủi ro RT/TTKB thông qua việc thực hiện đánh giá bổ sung theo ngành và trên cơ sở các mối nguy cơ để hiểu rõ hơn các rủi ro chính.

b) Dựa trên các phát hiện trong đánh giá rủi ro hiện tại và sau này, Việt Nam cần xây dựng các chính sách tổng thể cấp quốc gia cũng như các kế hoạch cấp bộ ngành về PCRT/TTKB theo các loại hình rủi ro đã được nhận diện.

c) Hợp tác và phối hợp ở cấp thực thi cần được tăng cường với trọng tâm là các lĩnh vực có rủi ro cao đã xác định.

d) Cục PCRT thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần nỗ lực cải thiện nhiều hơn nữa về chất lượng và số lượng các sản phẩm tình báo tài chính của mình, đồng thời cần tập trung hơn vào hoạt động RT thay vì chỉ chú trọng tội phạm nguồn. Cục PCRT cần được tăng cường nguồn lực, năng lực phân tích và chia sẻ thông tin với các cơ quan thực thi pháp luật khác ngoài Bộ Công an, đồng thời chủ động cung cấp thông tin tình báo tài chính để hỗ trợ công tác điều tra.

e) Bộ Công an và các cơ quan thực thi pháp luật khác cần ưu tiên các hành động để chủ động tìm kiếm và tăng cường phát triển và sử dụng tình báo tài chính cho cả hoạt động điều tra song song và độc lập về RT theo loại hình rủi ro của Việt Nam. Điều này cần được phản ánh trong việc phân bổ nguồn lực cho các cuộc điều tra tài chính, được hỗ trợ bởi các chính sách, thủ tục và hướng dẫn để tăng cường nhận thức cũng như thúc đẩy công tác điều tra và truy tố tội phạm RT.

f) Các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam cần tăng cường sử dụng thông tin tình báo tài chính để theo dõi các vụ án tội phạm, điều tra, truy tìm và tiếp tục xem xét, sửa đổi các chính sách và các chiến lược ở cả cấp quốc gia và vận hành để thực hiện được việc tịch thu, thu hồi tài sản, đặc biệt đối với các tội phạm có rủi ro cao.

g) Việt Nam cần xây dựng và thực hiện chiến lược giám sát dựa trên rủi ro, đồng thời cần tăng cường đáng kể nguồn lực và hoạt động giám sát đối với tất cả các lĩnh vực đang được quản lý, bao gồm cả hoạt động thanh tra tại chỗ và giám sát từ xa toàn diện trên cơ sở rủi ro về RT/TTKB. Trường hợp phát hiện có vi phạm thì phải theo dõi và áp dụng các chế tài xử lý tương xứng và có tính răn đe.

h) Việt Nam cần sửa đổi khung pháp lý để giải quyết các thiếu hụt về tuân thủ kỹ thuật liên quan đến các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là liên quan đến thẩm định khách hàng (CDD), cá nhân có ảnh hưởng chính trị (PEP), chuyển tiền điện tử và các công nghệ mới, trong đó bao gồm VASP, và đảm bảo rằng tất cả các quy định này cũng được áp dụng cho cả hoạt động TTKB, bao gồm nghĩa vụ đối với STRs có liên quan đến TTKB.

i) Các cơ quan có thẩm quyền nên tăng cường khả năng tiếp cận đến tất cả các đối tượng báo cáo ngoài ngân hàng và bao gồm các DNFBP để nâng cao nhận thức về rủi ro RT/TTKB và các nghĩa vụ PCRT/TTKB, cũng như để hỗ trợ chuyển đổi từ phương pháp tuân thủ sang rủi ro.

j) Việt Nam cần phát triển sự hiểu biết toàn diện hơn về các đặc điểm của các loại pháp nhân dễ bị lạm dụng RT/TTKB. Các yêu cầu về quyền sở hữu có lợi nên được mở rộng cho tất cả các pháp nhân và các thỏa thuận pháp lý nước ngoài khi được công nhận.

k) Việt Nam cần sửa đổi khung pháp lý để yêu cầu tuân thủ toàn diện các nghĩa vụ TFS về tài trợ PBVKHDHL, bao gồm việc áp dụng các biện pháp xử phạt thoả đáng và có tính răn đe đối với việc không tuân thủ; Việt Nam nên ưu tiên thực hiện hiệu quả chế độ TFS về tài trợ PBVKHDHL mới, kể cả tăng cường năng lực của các cơ quan có thẩm quyền và thực hiện tiếp cận theo mục tiêu đối với khu vực tư nhân.

l) Việt Nam cần chủ động và tăng cường tìm kiếm sự hợp tác cả chính thức và không chính thức liên quan đến RT phù hợp với mức độ rủi ro của mình. Các hoạt động này cần bao gồm cả tương trợ tư pháp (MLA) để tìm kiếm và cung cấp các bằng chứng hỗ hoạt động phong tỏa và tịch thu, thu hồi tài sản cũng như truy tố tội RT và tội phạm nguồn.

m) Việt Nam cần sửa đổi khung pháp lý để khắc phục những thiếu hụt trong việc hình sự hóa các hành vi TTKB và sửa đổi các chính sách truy tố nhằm đảm bảo rằng hành vi TTKB có thể bị truy tố một cách có hiệu quả.

n) Việt Nam cần sửa đổi khung pháp lý nghĩa vụ TFS về TTKB theo hướng quy định tất cả các thể nhân và pháp nhân phải phong tỏa tiền và các tài sản khác của cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định một cách không chậm trễ và không cần thông báo trước, đồng thời phải có các chế tài xử phạt cho việc không tuân thủ các nghĩa vụ TFS (phong tỏa và ngăn chặn) để có thể được thi hành đối với mọi thể nhân và pháp nhân và các hình phạt là tương xứng và có tính răn đe.

E. Xếp hạng Hiệu quả và Tuân thủ kỹ thuật

Xếp hạng Hiệu quả

IO.1 – Rủi ro , chính sách và phối hợp	**IO.2** – Hợp tác quốc tế	**IO.3** – Thanh tra, giám sát	**IO.4** – Các biện pháp phòng ngừa	**IO.5** – Các pháp nhân và thỏa thuận pháp lý	**IO.6** – Tình báo tài chính
TRUNG BÌNH	**TRUNG BÌNH**	**THẤP**	**THẤP**	**THẤP**	**THẤP**
IO.7 - Điều tra & truy tố rửa tiền	**IO.8** – Tịch thu	**IO.9** – Điều tra và truy tố TTKB	**IO.10** - Các biện pháp phòng ngừa TTKB & Các hình phạt tài chính	**IO.11** – Các hình phạt tài chính đối với tài trợ PBVKHDHL	
THẤP	**KHÁ**	**KHÁ**	**THẤP**	**THẤP**	

R.1 – Đánh giá rủi ro, và áp dụng phương pháp dựa trên rủi ro	**R.2** – Hợp tác và điều phối cấp quốc gia	**R.3** – Tội rửa tiền	**R.4** – Tịch thu và các biện pháp phòng ngừa	**R.5** – Tội tài trợ khủng bố	**R.6** – Xử phạt tài chính mục tiêu – Khủng bố và tài trợ khủng bố
PC	**LC**	**PC**	**LC**	**LC**	**PC**
R.7 – Xử phạt tài chính mục tiêu đối với tài trợ PBVKHDHL	**R.8** – Tổ chức phi lợi nhuận	**R.9** – Luật Bảo mật của các tổ chức tài chính	**R.10** – Xác minh thông tin khách hàng	**R.11** – Lưu giữ hồ sơ	**R.12** – Người có ảnh hưởng chính trị
NC	**LC**	**LC**	**PC**	**PC**	**NC**
R.13 - Ngân hàng đại lý	**R.14** – Dịch vụ chuyển tiền hoặc giá trị	**R.15** – Công nghệ mới	**R.16** – Chuyển tiền điện tử	**R.17** – Sử dụng bên thứ ba	**R.18** – Kiểm soát nội bộ, chi nhánh nước ngoài và công ty con
PC	**PC**	**NC**	**PC**	**PC**	**PC**
R.19 – Các quốc gia có rủi ro cao hơn	**R.20** – Báo cáo giao dịch đáng ngờ	**R.21** – Cung cấp thông tin và bảo mật	**R.22** - DNFBP: Xác minh thông tin khách hàng	**R.23** - DNFBP: Các biện pháp khác	**R.24** – Minh bạch & BO của pháp nhân
PC	**PC**	**PC**	**PC**	**PC**	**PC**
R.25 - Minh bạch & BO của thỏa thuận Pháp lý	**R.26** – Quản lý & thanh tra giám sát Các tổ chức tài chính	**R.27** – Thẩm quyền Thanh tra giám sát	**R.28** – Quản lý & thanh tra giám sát DNFBP	**R.29** – Đơn vị Tình báo tài chính	**R.30** - Trách nhiệm của các cơ quan thực thi pháp luật và điều tra
PC	**PC**	**PC**	**PC**	**PC**	**C**
R.31 – Thẩm quyền của cơ quan thực thi pháp luật và điều tra	**R.32** – Vận chuyển tiền mặt	**R.33** – Thống kê	**R.34** – Hướng dẫn & phản hồi	**R.35** – Xử phạt	**R.36** – Các công cụ quốc tế
LC	**LC**	**C**	**PC**	**NC**	**LC**
R.37 – Tương trợ tư pháp	**R.38** – Tương trợ tư pháp, phong tỏa và tịch thu	**R.39** – Dẫn độ	**R.40** – Các hình thức hợp tác quốc tế khác		
LC	**PC**	**LC**	**LC**		

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ ĐA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM

Lời tựa

Báo cáo này tóm lược các biện pháp PCRT/TTKB đang được áp dụng ở Việt Nam tại thời điểm thực hiện đợt đánh giá tại chỗ từ ngày 4-15/11/2019. Báo cáo phân tích mức độ tuân thủ 40 Khuyến nghị của FATF cũng như tính hiệu quả của hệ thống PCRT/TTKB của Việt Nam, đồng thời đưa ra các khuyến nghị cách thức làm thế nào để tăng cường hiệu quả của hệ thống này.

Đánh giá này được thực hiện trên cơ sở các Khuyến nghị của FATF năm 2012 và được xây dựng sử dụng Phương pháp luận năm 2013. Đánh giá được thực hiện trên cơ sở các thông tin do Việt Nam cung cấp cùng với các thông tin do đoàn đánh giá thu thập trong đợt làm việc tại chỗ tại Việt Nam từ 4 – 15/11/2019.

Đánh giá được thực hiện bởi đoàn đánh giá gồm các thành viên sau:

- Ông Ahmad Farhan Sharifuddin, Ngân hàng trung ương, Malaysia (chuyên gia tài chính)
- Ông Daniel Burnicle, Cảnh sát liên bang Úc, Úc (chuyên gia thực thi pháp luật)
- Ông Duarte Chagas, Văn phòng Điều phối và Thanh tra kinh doanh trò chơi, Macao, Trung Quốc (chuyên gia pháp lý)
- Ông Jesse Baker, Bộ Tài chính, Mỹ (chuyên gia tài chính)
- Ông Nesar Yosyfzai, Ngân hàng TW, Afghanistan (chuyên gia tài chính)
- Ông Sok Heng Hak, Hội đồng Bộ trưởng, Campuchia (chuyên gia pháp lý)
- Bà Zhang Yi, Ngân hàng trung ương, Trung Quốc (chuyên gia tài chính)

Quá trình đánh giá nhận được sự hỗ trợ công tác từ Ông David Becker; Ông David Shannon, Bà Henna Goodrick; Bà Lauren Hirsh; và ông Mustafa Akbar của Ban thư ký APG.

Báo cáo này được rà soát bởi Ông Khairul Anam, Cơ quan tình báo tài chính Bangladesh; Ông Rocky Yuen, Bộ Nội vụ New Zealand; và Ban thư ký của FATF.

Việt Nam trước đây đã trải qua đợt Đánh giá đa phương của FATF năm 2009, sử dụng Phương pháp luận của FATF năm 2004. Báo cáo đánh giá năm 2009 đã được công bố và có thể tham khảo tại tại www.apgml.org.

Đánh giá đa phương năm 2009 của Việt Nam đã kết luận rằng Việt Nam đã tuân thủ một Khuyến nghị; tuân thủ phần lớn ba Khuyến nghị; tuân thủ một phần 25 Khuyến nghị; và không tuân thủ 18 Khuyến nghị. Hai Khuyến nghị được đánh giá là không áp dụng. Việt Nam được đánh giá tuân thủ hoặc tuân thủ phần lớn với một trong 16 Khuyến nghị chủ chốt và cốt lõi.

Việt Nam bước vào quá trình giám sát tăng cường của APG vào năm 2012 khi tuân thủ 13 trong số 16 Khuyến nghị chủ chốt, các Khuyến nghị chính đạt mức độ không tuân thủ/tuân thủ một phần. Năm 2013, Việt Nam đã kết thúc quá trình giám sát tăng cường và chuyển sang giai đoạn theo dõi thường xuyên, sau khi ban hành Luật PCRT năm 2012 cùng với các tiến bộ khác. Tại thời điểm kết thúc vòng đánh giá đa phương thứ 2 của APG vào năm 2014[2], Việt Nam có chín Khuyến nghị chủ chốt và chính còn lại (KN.3, KN.5,

[2] APG đã quyết định đưa dần các nước trong quy trình theo dõi thường xuyên ra khỏi danh sách từ năm 2014

KN.13, KN.23, R.35, SR.I, SR.III, SR.IV, SR.V) vẫn ở mức tuân thủ một phần/không tuân thủ.

Việt Nam đã chịu sự theo dõi của Nhóm đánh giá hợp tác quốc tế (ICRG) của FATF kể từ tháng 10/2010 cho đến khi được ra khỏi quá trình theo dõi vào tháng 2/2014. Việt Nam đã đạt được tiến bộ đáng kể trong giai đoạn bị theo dõi ICRG, bao gồm việc sửa đổi các quy định về tội phạm RT và TTKB; quy định về trách nhiệm hình sự đối với doanh nghiệp; ban hành Luật PCRT 2012 và Luật Phòng, chống khủng bố 2013, cũng như thực hiện các Nghị định hướng dẫn; đồng thời ban hành khung pháp lý cho việc thực hiện TFS liên quan đến khủng bố và TTKB.

CHƯƠNG 1. RỦI RO RT/TTKB VÀ BỐI CẢNH

1. Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ("Việt Nam") nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương ở Đông Nam, có diện tích 331.698 km^2 với đường biên giới dài 4.550 km. Phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp với CHDCND Lào và Campuchia, phía Tây nam giáp với vịnh Thái Lan, phía Đông và phía Nam tiếp giáp với biển Đông nơi có hơn 4.000 đảo lớn nhỏ.

2. Việt Nam là quốc gia có thu nhập trung bình thấp với dân số 97 triệu người[3]. Từ năm 1986, Việt Nam đã thực hiện chính sách cải cách kinh tế "Đổi mới", biến đất nước từ nền kinh tế tập trung thành nền kinh tế thị trường với định hướng của Nhà nước. Điều này đã giúp tăng trưởng kinh tế ổn định từ năm 2012 (5,25% GDP) đến năm 2017 (6,81%), với thu nhập bình quân đầu người xấp xỉ 2.109 USD. Vị trí địa lý của Việt Nam và nguồn nhân lực sẵn có đã khiến Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn cho đầu tư nước ngoài.

3. Việt Nam là nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và chỉ có một đảng chính trị cầm quyền là Đảng Cộng sản Việt Nam. Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất và cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, chịu sự giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch nước. Tòa án nhân dân là cơ quan tư pháp thực thi quyền lực tư pháp và Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan công tố giám sát các hoạt động tư pháp tại Việt Nam.

4. Việt Nam có hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa dựa trên hệ thống luật dân sự[4] theo đó, cơ quan lập pháp là nguồn pháp lý quan trọng nhất; hệ thống tòa án là cơ quan áp dụng pháp luật và phải đưa ra các quyết định trên cơ sở các văn bản pháp lý; và các chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Rủi ro RT/TTKB và xác định phạm vi vấn đề có rủi ro cao

Tổng quan về Rủi ro RT/TTKB

5. Việt Nam phải đối mặt với một loạt các mối đe dọa RT. Tăng trưởng, đa dạng hóa kinh tế, thương mại quốc tế gia tăng cùng đường biên giới đất liền dài và chưa định hình cho thấy rủi ro các luồng tài chính bất hợp pháp ra, vào Việt Nam đang gia tăng và được kì vọng sẽ tiếp tục gia tăng trong những năm tới. Theo ước tính từ Tổ chức Liêm chính Tài chính Toàn cầu, năm 2015, giá trị của cả hai dòng tiền bất hợp pháp vào và ra khỏi Việt Nam là hơn 9 tỉ USD (chảy vào 9,7 tỉ USD và chảy ra 9,1 tỉ USD).[5]

6. Việt Nam có đường biên giới dài với Trung Quốc, CHDCND Lào và Campuchia khiến Việt Nam dễ bị tác động trong các vụ buôn lậu tiền mặt, động vật hoang dã và buôn bán ma túy. Việt Nam cũng nằm gần khu vực tam giác vàng, trung tâm sản xuất ma túy lớn của cả khu vực và toàn cầu, nên càng dễ bị tác động bởi hoạt động buôn bán ma túy.

7. Nguồn tiền bất hợp pháp bao gồm tham nhũng trong khu vực công, chuyển tiền từ các nhóm tội phạm có tổ chức người Việt Nam, lừa đảo, đánh bạc, mại dâm, sản xuất hàng giả, buôn bán người, ma túy, động vật hoang dã và hàng hóa liên quan. Việt Nam vẫn là nền kinh tế chủ yếu dựa vào tiền mặt với các mặt hàng có giá trị cao thường được mua bằng tiền mặt, bao gồm cả bất động sản và xe hạng sang. Sự xuất hiện của gian lận hải quan và xuất hóa đơn vượt quá và thấp hơn giá trị xuất nhập khẩu có thể là các chỉ số RT dựa trên thương mại.

[3] https://www.worldbank.org/en/country/vietnam
[4] https://oxfordbusinessgroup.com/overview/law-land-look-country%e2%80%99s-legal-system
[5] https://oxfordbusinessgroup.com/overview/law-land-look-country%e2%80%99s-legal-system

8. Không có dấu hiệu về nguy cơ của các nhóm tội phạm khủng bố xuyên quốc gia tại Việt Nam. Việt Nam phải đối mặt với một số mối đe dọa khủng bố và TTKB. Giai đoạn 2009-2017, Việt Nam đã ngăn chặn thành công 04 âm mưu liên quan đến 59 đối tượng thuộc tổ chức Việt Tân. Những âm mưu này, cùng với vụ đánh bom sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất năm 2017 tại Thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy Việt Nam phải đối mặt với một số mối đe dọa khủng bố trong nước và TTKB.

Đánh giá rủi ro quốc gia & Xác định phạm vi các vấn đề có rủi ro cao

9. Việt Nam đã thực hiện đánh giá rủi ro RT/TTKB đầu tiên thông qua Báo cáo Đánh giá Rủi ro Quốc gia về RT và TTKB (NRA), hoàn thành vào tháng 4/2019. Công việc này đã được thực hiện qua một cơ chế phối hợp trong Tổ công tác NRA[6] gồm đại diện của 16 Bộ, ngành và cơ quan. Cuối năm 2019, Việt Nam đã bổ sung đánh giá rủi ro đối với các tổ chức phi lợi nhuận (NPO), pháp nhân và tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt (PBVKHDHL). Trước khi có báo cáo NRA, Việt Nam chưa thực hiện đánh giá rủi ro RT/TTKB một cách cụ thể hoặc có hệ thống.

10. NRA xác định rủi ro RT tổng thể của Việt Nam ở mức Trung bình cao và rủi ro TTKB ở mức Thấp. NRA đánh giá các mối đe dọa đến từ 17 loại tội phạm nguồn và các nguồn lợi bất hợp pháp đến từ nước ngoài. Các mối đe dọa quan trọng nhất được đánh giá bao gồm tham nhũng, đánh bạc bất hợp pháp, buôn bán ma túy, trốn thuế, buôn bán động vật hoang dã, lừa đảo, buôn lậu tiền tệ và hàng hóa và buôn bán người. Trước khi NRA được hoàn tất thì gian lận và buôn bán ma túy đã được xác định trong báo cáo đánh giá đa phương năm 2009 là những loại tội phạm nguồn chính tạo ra nguồn tiền bất hợp pháp.

11. Đoàn đánh giá ghi nhận phạm vi của báo cáo NRA vẫn còn những thiếu sót vì chưa đánh giá được tất cả các loại tội phạm nguồn do FATF chỉ định. Một số loại tội phạm nguồn chưa được đánh giá do chưa bao giờ xảy ra ở Việt Nam hoặc không đủ thông tin, điều này cho thấy cần phân tích thêm về tất cả các tội phạm nguồn. Cụ thể là thiếu các loại tội phạm nguồn như tội phạm có tổ chức và lạm dụng tình dục, kể cả tình dục trẻ em.

12. Báo cáo NRA là cơ sở xác định sự hiểu biết của Việt Nam về rủi ro RT/TTKB. Tuy nhiên, Đoàn đánh giá ghi nhận rằng đánh giá về mối đe dọa và rủi ro RT liên quan đến một số tội phạm nguồn và lĩnh vực còn thiếu phân tích và cần xem xét sâu hơn, phạm vi dữ liệu rộng hơn, và do vậy có thể ảnh hưởng đến xếp hạng rủi ro. Việc đánh giá được thực hiện chủ yếu trên cơ sở các dữ liệu mang tính định lượng có thể đo lường được, chưa có nhiều đánh giá mang tính định tính về bối cảnh và mức độ trọng yếu.

13. Đánh giá RT theo ngành được thực hiện trên cơ sở các mối đe dọa và những yếu tố dễ bị tổn thương trong từng lĩnh vực. Lĩnh vực ngân hàng và chuyển tiền bất hợp pháp được xác định là có rủi ro cao, tiếp theo là bất động sản, các quầy thu đổi ngoại tệ và công ty chuyển tiền, công ty chứng khoán và các sòng bạc. Như đề cập ở trên, Đoàn đánh giá ghi nhận rằng phạm vi của NRA còn có những lỗ hổng vì chưa thực hiện phân tích rủi ro liên quan đến các quỹ ủy thác nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

14. Báo cáo NRA còn cho thấy rất nhiều giao dịch bất động sản sử dụng tiền mặt và các nguồn thông tin mở cũng cho thấy một vài người mua đất dùng vàng là phương tiện thanh toán. 7 lĩnh vực bất động sản là một trong những lĩnh vực đầu tư lớn và được cho là một trong những lĩnh vực có rủi ro đáng kể bị lợi dụng để RT. Có nhiều giao dịch bất động sản được thực hiện qua kênh chính thức như hệ thống ngân hàng. Cần lưu ý rằng

[6] Báo cáo NRA sử dụng công cụ đánh giá rủi ro của WB
[7] https://www.bangkokpost.com/world/1685260/you-can-still-buy-a-house-with-gold-bars-in-vietnam

tội phạm thường mua bất động sản dưới tên người thân gia đình, hoặc chuyển đổi và trao tặng bất động sản như một món quà.

15. Đánh giá rủi ro khu vực NPO kết luận rằng rủi ro TTKB của NPO tại Việt Nam là thấp. Rủi ro RT/TTKB liên quan đến tài sản ảo (VA) chưa được đánh giá, nhưng một nghiên cứu năm 2018 về khuôn khổ pháp lý[8] đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP) xác nhận rằng có tồn tại một số rủi ro do tính chất ẩn danh của tài sản.

16. Đánh giá rủi ro đối với pháp nhân xác định rủi ro RT ở mức trung bình và rủi ro TTKB ở mức thấp đối với tất cả các loại hình pháp nhân. Các mối đe dọa và yếu tố dễ bị tổn thương bởi RT được phát hiện là cao hơn ở các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn đa thành viên và công ty cổ phần. Những yếu tố dễ bị tổn thương được Việt Nam xác định bao gồm việc sử dụng các cá nhân thông qua các thỏa thuận ủy thác để che đậy mối quan hệ giữa chủ sở hữu hưởng lợi và chủ sở hữu theo pháp luật, kể cả sử dụng các cấu trúc kiểm soát và sở hữu phức tạp.

Xác định phạm vi các vấn đề rủi ro cao

17. Trong đợt đánh giá đa phương tại chỗ, Đoàn đánh giá tập trung vào các vấn đề rủi ro cao hơn sau đây, trên cơ sở tài liệu do Việt Nam cung cấp và thông tin từ các nguồn mở:

(a) Năng lực và khả năng của các cơ quan có thẩm quyền (kỹ năng và nguồn lực) để triển khai hệ thống PCRT/TTKB hiệu quả và trên rủi ro, cũng như các thách thức trong công tác phối hợp giữa các cơ quan;

(b) Tác động của tham nhũng đối với những nỗ lực PCRT/TTKB của Việt Nam;

(c) Những tội phạm nguồn quan trọng dưới đây và hoạt động RT liên quan:

- buôn lậu các sản phẩm liên quan đến tội phạm buôn bán động vật hoang dã
- ma túy bất hợp pháp
- sòng bạc và đánh bạc bất hợp pháp
- buôn người
- tội phạm có tổ chức

(d) Các mối đe dọa đến từ phạm vi và bản chất của nền kinh tế tiền mặt, bao gồm việc mua các mặt hàng xa xỉ và vận chuyển hàng hóa và tiền tệ qua biên giới;

(e) Lĩnh vực ngân hàng (cả trong nước và quốc tế) do vai trò chi phối ở Việt Nam, các luồng chu chuyển tiền quốc tế và tính dễ bị tổn thương cao đối với RT và TTKB, nhận diện các yếu tố dễ bị tổn thương liên quan đến các PEP trong nước; và

(f) Việc sử dụng phổ biến tiền mặt và vàng để mua các chứng quyền bất động sản.

Tính trọng yếu

Bản chất của nền kinh tế

18. Việt Nam là quốc gia có thu nhập trung bình thấp với tổng sản phẩm quốc nội (GDP) xấp xỉ 245 tỉ USD năm 2018. Tỉ lệ nghèo đã giảm mạnh, từ hơn 70% năm 2002 xuống dưới 6% vào năm 2018 và GDP bình quân đầu người đã tăng 2,5 lần trong cùng kỳ[9].

[8] Báo cáo rà soát và đánh giá toàn diện về hiện trạng pháp lý và thực tiễn về tài sản ảo và tiền ảo ở Việt Nam và quốc tế: nhận diện đề xuất các sáng kiến hoàn thiện khuôn khổ pháp lý. Số 255, Bộ Tư pháp ngày 29/10/2018.

[9] https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 7.1% vào năm 2018. Lạm phát hàng năm giữ ở mức ổn định, trung bình 3,5% vào năm 2018.

19. Ngân hàng đóng vai trò chi phối hệ thống tài chính Việt Nam, chiếm khoảng 94,7% tổng tài sản của hệ thống tài chính. 43,4% thị phần hệ thống ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước. Lĩnh vực bảo hiểm và chứng khoán tương ứng là 3,5% và 1,8% tổng tài sản của khu vực tài chính. Các nhà cung cấp dịch vụ tài chính quy mô nhỏ khác ở Việt Nam bao gồm các công ty chuyển tiền cung cấp các dịch vụ chuyển tiền hạn chế và các quầy thu đổi tiền. Các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán mới được đưa vào trong diện đối tượng báo cáo ngay trước đợt đánh giá tại chỗ.

20. Các ngành nghề kinh doanh phi tài chính chỉ định (DNFBP) ở Việt Nam còn tương đối nhỏ, bao gồm sòng bạc, công ty phát hành trò chơi điện tử có thưởng, các công ty luật và công chứng, các công ty kiểm toán và kế toán, các công ty kinh doanh vàng bạc đá quý và công ty môi giới bất động sản.

21. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấm sử dụng tiền ảo để thanh toán vào tháng 10/2017 và Ủy ban Chứng khoán đã cấm các công ty đã được niêm yết, các công ty quản lý quỹ và chứng khoán phát hành, giao dịch hoặc môi giới bằng tiền mã hóa. Tuy nhiên, các thông tin nguồn mở cho thấy đầu tư và đào tiền mã hóa không vi phạm một trong những quy định cấm ở trên, tiền ảo và tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản ảo không bị quản lý với mục đích chống RT/TTKB ở Việt Nam.

Tài chính toàn diện và mức độ sử dụng tiền mặt

22. Việt Nam là nền kinh tế chủ yếu dựa vào tiền mặt, với các quốc gia láng giềng cũng là nền kinh tế tiền mặt (Campuchia và Lào). Ngân hàng Thế giới cho biết vào năm 2017, 31% dân số trưởng thành có tài khoản giao dịch và 23% tiến hành giao dịch trên nền tảng điện tử. 69% người trưởng thành thanh toán hóa đơn bằng tiền mặt trong năm 2017 (giảm so với 92% trong năm 2014).[10]

23. Tình trạng đô la hóa nền kinh tế vẫn ở mức cao với khối lượng nắm giữ USD ước tính ở mức 60 tỉ USD hoặc 25% GDP[11]. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang thực hiện các bước để hạn chế đô la hóa, bao gồm sửa đổi gần đây để điều chỉnh việc cho vay bằng ngoại tệ đối với người cư trú Việt Nam.

Kiều hối

24. Việt Nam là nước nhận nguồn kiều hối khá lớn, khoảng 12,3 tỉ USD vào năm 2015, trong đó 7 tỷ USD được cho là chuyển từ Mỹ về Việt Nam.[12] Những con số này không bao gồm các nguồn kiều hối chuyển ngầm không được ghi nhận hoặc không chính thức, được sử dụng để chuyển tiền vào và ra khỏi Việt Nam. Trong NRA, rủi ro RT/TTKB liên quan đến kiều hối được đánh giá là cao đối với khu vực kiều hối bất hợp pháp và trung bình cao đối với kiều hối chuyển chính thức.

Rủi ro trong hoạt động thương mại và tài chính với DPRK hoặc Iran

[10] https://ufa.worldbank.org/en/country-progress/vietnam

[11] IMF: Báo cáo đoàn Điều IV của IMF về Vietnam 2019 — Thông cáo báo chí, Staff Report; and Statement by the Executive Director for Vietnam https://www.imf.org/en/Publications/CR/Issues/2019/07/16/Vietnam-2019-Article-IV- Consultation-Press-Release-Staff-Report-and-Statement-by-the-47124

[12] https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/23743/9781464803192.pdf?sequence=3&isAllowed=y

25. Việt Nam có rủi ro liên quan đến hoạt động tài trợ PBVKHDHL do mối liên kết toàn cầu và khu vực ngày càng tăng với hệ thống tài chính quốc tế, lĩnh vực hàng hải lớn và tiếp xúc với hoạt động vận tải biển bất hợp pháp trong khu vực, nhu cầu ngày càng tăng về nguyên liệu thô và hàng hóa nhập khẩu khác để phát triển kinh tế và mối quan hệ lịch sử với một số nước có rủi ro cao.

26. Việt Nam và DPRK đã có quan hệ ngoại giao gần gũi kể từ khi bắt đầu Đổi mới năm 1986. Việt Nam là thị trường lớn có ý nghĩa lịch sử đối với than và các mặt hàng xuất khẩu khác của Triều Tiên trước khi những mặt hàng xuất khẩu này chịu các lệnh cấm của UNSCR. Mặc dù vẫn còn quan hệ ngoại giao đầy đủ với DPRK, Việt Nam đã cam kết thực hiện các biện pháp xử phạt thương mại và ngành/lĩnh vực của UNSCR cũng như từng bước giảm bớt rủi ro này để giao thương với DPRK.

Các yếu tố mang tính cấu trúc

27. Các chỉ số về quản trị và liêm chính trong Báo cáo Chỉ số Quản trị Toàn cầu – Ghi nhanh tại Quốc gia[13] giai đoạn 2008 đến 2018 của Ngân hàng Thế giới cho thấy Việt Nam đã đạt được tiến bộ trên tất cả các chỉ số, đáng chú ý là về luật pháp và kiểm soát tham nhũng. Điểm số xếp hạng được tóm tắt như sau:

Bảng 1.1. Chỉ số Quản trị 2008 và 2018
Báo cáo Ghi nhanh tại các quốc gia của Ngân hàng Thế giới

Chỉ số	Xếp hạng phân vị (0-100) 2008	Xếp hạng phân vị (0-100) 2018
Tiếng nói và Trách nhiệm giải trình	8.17	9.36
Ổn định chính trị & không có bạo động/khủng bố	49.52	53.81
Hiệu quả của Chính phủ	47.09	53.37
Chất lượng quản lý	30.10	36.54
Tuân thủ pháp luật	38.46	54.33
Kiểm soát tham nhũng	28.16	37.98
Trung bình	**33.58**	**40.90**

28. Báo cáo Tự do báo chí Việt Nam 2017 của tổ chức Freedom House xếp loại báo chí Việt Nam là "Không tự do" với thứ hạng toàn cầu là 177/199 quốc gia và vùng lãnh thổ. Mặc dù Hiến pháp và pháp luật quy định quyền tự do ngôn luận và báo chí, trong thực tế các quyền tự do này bị hạn chế. Chỉ số quản trị của Ngân hàng Thế giới về "Phát ngôn và Trách nhiệm giải trình", được nêu trong bảng trên vẫn nằm trong phân vị thứ 10 thấp nhất.

Thông tin cơ bản và các Yếu tố mang tính bối cảnh khác

Các vấn đề về tham nhũng

29. Chính phủ Việt Nam xác định tham nhũng (bao gồm tham ô tài sản, nhận hối lộ và lạm dụng quyền lực) là một tội phạm nguồn của tội RT và là một thách thức lớn. Việt Nam đã triển khai mạnh mẽ hoạt động truy tố và xử phạt các cá nhân tham nhũng trong

[13] http://info.worldbank.org/governance/wgi/#reports

vài năm qua nhưng tham nhũng v ẫn là một thách thức đáng kể, và xảy ra ở tất cả các cấp và trong tất cả các lĩnh vực.

30. Mặc dù có sự cải thiện trong bảng xếp hạng chỉ số quản trị của Ngân hàng Thế giới về "kiểm soát tham nhũng", nhưng tham nhũng vẫn là một vấn đề nghiêm trọng ở Việt Nam. Việt Nam được xếp hạng 117 trên 180 quốc gia trong Chỉ số Nhận thức Tham nhũng năm 2018 của Tổ chức Minh bạch Quốc tế.[14]

Chiến lược PCRT/TTKB

31. Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia về PCRT/TTKB (Kế hoạch hành động hậu NRA) sau khi hoàn thành báo cáo NRA vào tháng 4/2019. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm theo dõi và báo cáo Thủ tướng việc thực hiện Kế hoạch hành động. Trước khi ban hành Kế hoạch hành động, Việt Nam đã ban hành 04 kế hoạch hành động từ năm 2010 đến 2014, chủ yếu nhắm vào các cải cách pháp lý, quản lý và chính sách PCRT/TTKB.

32. Đoàn đánh giá ghi nhận rằng mục đích chính của Kế hoạch hành động hậu NRA là nhằm giải quyết các yếu tố dễ bị tổn thương của hệ thống trong ngắn hạn, bao gồm các bất cập về pháp lý, thể chế và năng lực. Kế hoạch không nêu rõ một cách tổng thể mục đích, cách tiếp cận và ưu tiên trong việc giải quyết các rủi ro RT/TTKB của Việt Nam. Các cơ quan chức năng có liên quan đã ban hành kế hoạch hành động cụ thể của cơ quan mình với mục đích tương tự.

Khung pháp lý và thể chế

33. Khuôn khổ thể chế cho PCRT/TTKB như sau:

• *Các Ban chỉ đạo quốc gia về chống RT và chống TTKB (NCC):* Ban liên ngành giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và điều phối các hoạt động về PCRT/TTKB giữa các bộ chủ quản và chính quyền địa phương tại Việt Nam.

• *Cục Phòng chống rửa tiền (Cục PCRT):* Đơn vị thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được chỉ định là Đơn vị tình báo tài chính của Việt Nam. Cục PCRT tiếp nhận, phân tích và chuyển giao các báo cáo giao dịch đáng ngờ (STR) và báo cáo giao dịch tiền mặt giá trị lớn (CTR).

• *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:* Ngân hàng Nhà nước là ngân hàng trung ương của Việt Nam và là cơ quan có thẩm quyền được chỉ định để cấp phép ngân hàng và các TCTC khác, thanh tra và giám sát các hoạt động PCRT/TTKB đối với các hoạt động tiền tệ, ngân hàng và ngoại hối. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định về PCRT. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng là cơ quan có thẩm quyền được chỉ định giám sát, kiểm tra hoạt động PCRT/TTKB của các cửa hàng kinh doanh vàng miếng.

• *Bộ Công An:* Bộ Công an là cơ quan điều tra RT/TTKB được chỉ định, chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc phát hiện, điều tra và xử lý các tội phạm liên quan đến PCRT/TTKB và các tội phạm nguồn liên quan.

• *Viện kiểm sát nhân dân tối cao:* Viện kiểm sát nhân dân tốt cao là cơ quan giữ quyền công tố tại Việt Nam.

• *Tòa án nhân dân tối cao (SPC):* Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan tư pháp tại Việt Nam, thực thi thẩm quyền tư pháp tại Việt Nam, và là cơ quan ở cấp cao nhất trong hệ thống

[14] https://www.transparency.org/cpi2018

Tòa án nhân dân và chịu trách nhiệm xét xử các vụ án RT, khủng bố, TTKB và các tội phạm khác theo Bộ luật Hình sự.

• *Thanh tra Chính phủ:* Thanh tra Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về tất cả hoạt động thanh tra tại Việt Nam, giải quyết khiếu nại tố cáo, và ngăn ngừa và chống tham nhũng theo quy định của pháp luật. Thanh tra Chính phủ cũng là cơ quan đầu mối thực hiện quản lý nhà nước về chống tham nhũng.

• *Bộ Tư pháp:* Bộ Tư pháp là cơ quan chức năng được chỉ định quản lý và giám sát việc thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB đối với các công ty luật, tổ chức hành nghề luật sư, công chứng và tổ chức cung cấp dịch vụ công chứng. Bộ thực hiện quản lý nhà nước về xây dựng và thực thi pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, giáo dục pháp luật, thi hành án dân sự và hành chính, và quản lý việc thực thi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

• *Bộ Tài chính:* Bộ Tài chính là cơ quan có thẩm quyền được chỉ định để quản lý, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB đối với chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ đầu tư, dịch vụ kế toán, sòng bạc và các doanh nghiệp trò chơi có thưởng.

• *Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:* Ủy ban Chứng khoán nhà nước là cơ quan thuộc Bộ Tài chính, hỗ trợ quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán và trực tiếp quản lý và giám sát các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán.

• *Quản lý và Giám sát Bảo hiểm:* Cục Quản lý và Giám sát Bảo hiểm là đơn vị thuộc Bộ Tài chính quản lý và giám sát việc thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB trong lĩnh vực bảo hiểm.

• *Vụ Tài chính Ngân hàng và Tổ chức Tài chính:* Vụ Tài chính Ngân hàng và Tổ chức Tài chính là đơn vị thuộc Bộ Tài chính, có nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các hoạt động sòng bạc và trò chơi điện tử. Bộ điều phối, giám sát, kiểm tra và quản lý các hành vi vi phạm pháp luật về trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài, sòng bạc và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh sòng bạc.

• *Tổng cục Hải quan:* Tổng cục Hải quan là cơ quan thuộc Bộ Tài chính, có chức năng kiểm tra, kiểm soát hàng hóa và phương tiện vận tải xuyên biên giới; phòng ngừa và chống buôn lậu xuyên biên giới và vận chuyển hàng hóa bất hợp pháp; thực hiện các quy định về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu và các chính sách và biện pháp quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu. Cơ quan cũng quản lý việc tuân thủ các quy định khai báo hải quan tiền mặt xuyên biên giới.

• *Bộ Quốc phòng:* Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chính trong việc quản lý các vấn đề liên quan đến các Nghị quyết Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (UNSCR), đặc biệt về tài trợ và PBVKHDHL và từ tháng 11/2019 được chỉ định là cơ quan đầu mối điều phối các hoạt động chống tài trợ PBVKHDHL. Ban Chỉ đạo Phòng chống khủng bố, các bộ và cơ quan cấp bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

• *Bộ Ngoại giao:* Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam liên quan đến các điều ước và công ước quốc tế, bao gồm các Nghị quyết của Hội dồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSCR). Bộ Ngoại giao cũng là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

• *Bộ Kế hoạch và Đầu tư:* Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Sở chịu trách nhiệm đăng ký, quản lý và giám sát các doanh nghiệp kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp. Đây là cơ quan chịu trách nhiệm thành lập doanh nghiệp.

• *Bộ Xây dựng:* Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm quản lý, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB trong lĩnh vực bất động sản.

• *Bộ Công thương:* Bộ Công thương quy định việc bán buôn, nhập khẩu và xuất khẩu kim loại quý, nhưng không phải là cơ quan giám sát đối với các nhà kinh doanh bán lẻ kim loại quý hoặc đá quý.

• *Bộ Nội vụ:* Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các tổ chức và hoạt động của các quỹ, bao gồm thanh tra, giám sát và hoạt động của các quỹ.

• *Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (COMINGO):* Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài giúp Thủ tướng chỉ đạo và giải quyết các vấn đề liên quan đến các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

• *Ủy ban nhân dân:* Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm thực thi và chỉ đạo việc phổ biến và giáo dục Luật Phòng, chống rửa tiền tại địa phương; phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các hướng dẫn, chính sách, chiến lược và kế hoạch PCRT; phát hiện, xử lý kịp thời và nghiêm minh các vi phạm quy định về PCRT theo các ủy ban liên quan.

Lĩnh vực tài chính, DNFBP và VASP

34. Phần này cung cấp thông tin chung về quy mô và sự hình thành của khu vực tài chính và DNFBP tại Việt Nam. Không phải tất cả các khu vực tài chính và DNFBP đều có tầm quan trọng như nhau, do rủi ro và bối cảnh cụ thể của khu vực tài chính Việt Nam. Mức độ và các loại rủi ro RT/TTKB ảnh hưởng đến các TCTC và DNFBP khác nhau rất nhiều, cũng như các rủi ro RT/TTKB trong các các khu vực cụ thể.

35. Đoàn đánh giá đã xếp hạng các khu vực dựa trên mức độ quan trọng tương đối của các khu vực này trong bối cảnh Việt Nam với mức độ trọng yếu và mức độ rủi ro RT/TTKB tương ứng. Các chuyên gia đánh giá đã sử dụng các bảng xếp hạng này để thông báo kết luận của họ xuyên suốt báo cáo này, đánh giá các vấn đề tích cực và tiêu cực trong việc thực hiện đối với các lĩnh vực quan trọng hơn là đối với các lĩnh vực ít quan trọng. Cách tiếp cận này được áp dụng trong toàn bộ báo cáo, nhưng được thể hiện rõ nhất trong Chương 6 về Kết quả trực tiếp số 3 và Chương 5 về Kết quả trực tiếp số 4.

36. Dựa trên tầm quan trọng tương đối và rủi ro, bối cảnh và tính trọng yếu của Việt Nam, các vấn đề liên quan tới việc thực thi được đặt nặng nhất vào khu vực ngân hàng, tiếp theo là lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán và bất động sản. Trọng số đáng kể cũng được đưa ra trên VASP dựa trên ước tính của các cá nhân tham gia vào giao dịch tài sản ảo và quy mô ước tính của các giao dịch hàng ngày. Trọng số nhỏ hơn được áp dụng cho các TCTC và DNFBP khác.

37. Các nghĩa vụ về PCRT/TTKB đều được áp dụng cho các TCTC và DNFBP liên quan, xin lưu ý nghĩa vụ này cũng phải được áp dụng cho các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian vào thời điểm đánh giá tại chỗ. Khung quy định còn một số thiếu hụt về kỹ thuật liên quan đến các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là đối với các PEP, CDD và STRs trong nước, những yếu tố này làm giảm hiệu quả của các đối tượng báo cáo, đặc biệt là những tổ chức không phải tuân theo bất kỳ chính sách PCRT/TTKB nội bộ nào trên toàn cầu và các mối quan hệ ngân hàng đại lý. Phần lớn các đối tượng báo cáo thuộc sở hữu trong nước, như vậy trọng số đáng kể sẽ áp dụng đối với mức độ ảnh hưởng của các thiếu hụt kỹ thuật này. Việc thiếu sự giám sát để củng cố các nghĩa vụ TFS cũng làm suy yếu phạm vi thực hiện các biện pháp phòng ngừa.

Lĩnh vực tài chính

38. Bảng dưới đây (Bảng 1.2) liệt kê các loại tổ chức trong lĩnh vực tài chính của Việt Nam và các cơ quan quản lý và giám sát tương ứng tới tháng 12/2018:

Bảng 1.2. Lĩnh vực tài chính ở Việt Nam

Lĩnh vực	Số lượng tổ chức	Cơ quan quản lý	Cơ quan thanh tra giám sát PCRT/TTKB	Mức độ rủi ro RT trong NRA
Ngân hàng	46	NHNN	NHNN	Cao
Công ty chuyển tiền	36		Chi nhánh NHNN	Trung bình cao
Đại lý Thu đổi ngoại tệ	605	NHNN	Chi nhánh NHNN	Trung bình cao
Công ty chứng khoán	83	Ủy ban Chứng khoán nhà nước	Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Bộ Tài chính	Trung bình
Công ty quản lý quỹ	46	Ủy ban Chứng khoán nhà nước	Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Bộ Tài chính	Trung bình
Công ty kinh doanh chứng khoán phái sinh	18	Ủy ban Chứng khoán nhà nước	Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Bộ Tài chính	Trung bình
Công ty bảo hiểm	18	Bộ Tài chính	Cục quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính	Trung bình thấp
Tổ chức trung gian thanh toán	30	NHNN	NHNN	
Tổ chức tài chính vi mô	4	NHNN	NHNN	Thấp
Quỹ tín dụng nhân dân	1	NHNN	NHNN	Thấp
Bưu điện Việt Nam	1	Bộ Thông tin và truyền thông	NHNN	Trung bình thấp

39. Ngân hàng đóng vai trò chi phối lĩnh vực tài chính của Việt Nam, chiếm 94,7% tổng tài sản toàn hệ thống tài chính. Lĩnh vực ngân hàng bao gồm các ngân hàng quốc doanh (43,4% tổng thị phần), ngân hàng thương mại cổ phần (41,6%), ngân hàng liên doanh và ngân hàng 100% vốn nước ngoài (10,3%), ngân hàng chính sách (1,8%) và ngân hàng hợp tác xã (0,3%). Phần còn lại là các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, bao gồm các công ty tài chính và cho thuê tài chính (1,6%) trong đó phần lớn thuộc sở hữu của các ngân hàng và Quỹ tín dụng nhân dân (1,0%). Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng nhỏ khác bao gồm các quỹ đầu tư phát triển địa phương và các tổ chức tài chính vi mô.

40. Các công ty bảo hiểm nhân thọ chiếm phần lớn trong lĩnh vực bảo hiểm (80,1% thị phần) và 19,9% còn lại là các công ty bảo hiểm phi nhân thọ không thuộc diện đối tượng báo cáo.

41. Lĩnh vực chứng khoán bao gồm các công ty chứng khoán (chiếm 65,4% thị phần) và các công ty quản lý quỹ (34,6%). Quy mô của thị trường trái phiếu chiếm khoảng 28,6% tổng GDP và cổ phiếu được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí

Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Hơn 51% các công ty chứng khoán có sở hữu nước ngoài.

DNFBP

42. Quy mô khu vực DNFBP tại Việt Nam tương đối nhỏ, bao gồm sòng bạc, công ty trò chơi điện tử có thưởng, luật sư và công chứng, kế toán và kiểm toán viên, các công ty kinh doanh vàng bạc đá quý và các công ty đại lý bất động sản. Bất động sản là khu vực DNFBP lớn nhất, chiếm gần 5% GDP và trong năm 2018 có 1.304 sàn giao dịch. Tại Việt Nam, lĩnh vực sòng bạc rất nhỏ với tám sòng bạc được cấp phép và 46 doanh nghiệp cấp phép lắp đặt máy trò chơi điện tử có thưởng. Ngành pháp lý có 11.800 luật sư trên 4.100 tổ chức và 2.398 công chứng viên trên 1.026 tổ chức và ngành kế toán có 300 công ty kế toán đã đăng ký trên 109 công ty. Tuy nhiên, các chỉ số gần đây của Ngân hàng Thế giới về Quan sát các tiêu chuẩn và thông lệ cho thấy con số này cao hơn nhiều với 1.700 CPA được Bộ Tài chính cấp phép năm 2016, nhưng lại không cung cấp số liệu về mức độ rộng của ngành kế toán[15]. Tại Việt Nam có 21 tổ chức tín dụng có hoạt động kinh doanh vàng miếng, 15 doanh nghiệp được phép kinh doanh vàng miếng và hơn 5.979 doanh nghiệp gia đình sản xuất đồ trang sức và 1.154 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kim loại quý, đá quý.

43. Bảng 1.3 liệt kê các loại hình DNFBP tại Việt Nam và các cơ quan quản lý và giám sát tương ứng tới tháng 12/2018:

Bảng 1.3: Các DNFBP tại Việt Nam (2018)

Lĩnh vực	Số lượng tổ chức	Cơ quan quản lý	Cơ quan thanh tra giám sát PCRT/TTKB	Mức độ rủi ro RT trong NRA
Đại lý bất động sản	1.304	Bộ Xây dựng	Bộ Xây dựng	Trung bình cao
Casino	8	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Trung bình
Cung cấp dịch vụ ủy thác và công ty	450	Không	Không	Trung bình thấp
Kinh doanh vàng miếng*	21 tổ chức tín dụng và 15 doanh nghiệp	NHNN – Cửa hàng kinh doanh vàng miếng	NHNN – Cửa hàng kinh doanh vàng miếng	Trung bình thấp
Kinh doanh kim loại và đá quý*	1.154	Không	Không	Trung bình thấp
Công ty kế toán	109	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	Thấp
Luật sư	4.100	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp	Thấp
Công chứng	1.026	Bộ Tư pháp	Bộ Tư pháp	Thấp

*Bộ Công thương quản lý hoạt động bán buôn, nhập khẩu và xuất khẩu kim loại quý và đá quý, nhưng chưa có cơ quan nào quản lý, giám sát hoạt động bán lẻ.

[15] Báo cáo World Bank về Quan sát các tiêu chuẩn và thông lệ (ROSC), Cấu phần kế toán và kiểm toán, Việt Nam 2016 - https://documents1.worldbank.org/curated/en/220021512482581847/pdf/121901-ROSC-PUBLIC-FinalROSCEN.pdf

VASP

44. Chưa có khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của các VASP và VA tại Việt Nam. Các VASP không phải là các đối tượng báo cáo. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cấm sử dụng tiền ảo để thanh toán từ tháng 10/2017, và Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã cấm các công ty niêm yết đại chúng và công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ không được phát hành giao dịch hoặc môi giới tiền ảo. Khuôn khổ pháp lý để quản lý/thanh tra giám sát tiền ảo tại Việt Nam chưa rõ. Nghiên cứu từ các thông tin nguồn mở cho thấy ở Việt Nam hoạt động đầu tư và đào tiền mã hóa diễn ra nhiều. Việt Nam chưa thực hiện đánh giá chuyên sâu về quy mô và phạm vi sử dụng tài sản ảo trong tất cả các lĩnh vực và do đó chưa thể nhận biết được rủi ro RT/TTKB cũng như những yếu tố dễ bị tổn thương liên quan đến VA và VASP. Việt Nam đã xem xét một cách có chừng mực các vấn đề PCRT/TTKB liên quan đến các VA và VASP vào tháng 10/2019 ngay trước đợt đánh giá tại chỗ.

Các biện pháp phòng ngừa

45. Các biện pháp phòng ngừa chủ yếu được quy định trong Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2012 và các Nghị định và Thông tư liên quan, và Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013. Đoàn đánh giá ghi nhận rằng các biện pháp phòng ngừa được các TCTC và DNFBP áp dụng theo quy định và chưa tính đến mức độ rủi ro RT/TTKB của Việt Nam. Việt Nam chưa phân loại xác định những ngành hoặc hoạt động cụ thể không phải thực hiện yêu cầu PCRT/TTKB.

Các pháp nhân và thỏa thuận pháp lý

46. Pháp nhân tại Việt Nam được gọi là "tổ chức pháp lý" (juridical persons) và được chia thành pháp nhân thương mại và phi thương mại.

47. Pháp nhân thương mại là những tổ chức có mục đích chính là tìm kiếm lợi nhuận (Điều 75, Bộ luật Dân sự). Luật Doanh nghiệp 2014 phân loại các hình thức pháp nhân thương mại:

(a) Công ty trách nhiệm hữu hạn (Khoản 4, Điều 4) bao gồm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên (xem Điều 47); và
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (xem Điều 73).

(b) Công ty cổ phần (Điều 110);

(c) Công ty hợp danh (Điều 172); và

(d) Các công ty tư nhân/Công ty hợp danh chỉ gồm 01 bên (Điều 183).

48. Pháp nhân phi thương mại là những tổ chức có mục đích chính không phải là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận của họ có thể không được phân phối cho các thành viên của mình (Điều 76, Bộ luật Dân sự 2015). Pháp nhân phi thương mại và các nghị định khác nhau đã thiết lập được trình bày dưới đây:

(a) Hiệp hội - Nghị định số 45/2010

(b) NGO quốc tế - Nghị định số 12/2012

(c) Quỹ xã hội và quỹ từ thiện - Nghị định số 30/2012

49. Ủy thác nhanh và các thỏa thuận pháp lý tương tự không thể được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có quy định hạn chế hoạt động của các loại hình quỹ ủy thác nhanh này thành lập theo luật pháp của một nước khác và các bên nhận ủy thác của các quỹ đó ở Việt Nam (kể cả việc hình thành các mối quan hệ với các TCTC và DNFBP).

Cơ chế thanh tra giám sát

50. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm giám sát hoạt động PCRT/TTKB trong lĩnh vực ngân hàng và tập trung vào việc xây dựng các quy định PCRT/TTKB. Hoạt động giám sát PCRT/TTKB của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không được hợp nhất và các đơn vị thanh tra giám sát an toàn theo lĩnh vực thực hiện các hoạt động giám sát PCRT/TTKB cụ thể, không theo rủi ro. Chi nhánh của Ngân hàng Nhà nước thực hiện giám sát các công ty cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và thu đổi ngoại tệ, trong khi đó Bộ Tài chính giám sát các công ty chứng khoán và bảo hiểm.

51. Đối với các DNFBP, Bộ Tài chính giám sát sòng bạc, trò chơi có thưởng. Bộ Xây dựng giám sát các công ty giao dịch bất động sản, Bộ Tư pháp giám sát công chứng viên và luật sư. Bộ Công thương giám sát hoạt động kinh doanh kim loại quý và đá quý (kể cả vàng) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư giám sát các dịch vụ ủy thác đầu tư và thành lập công ty, trong khi đó chưa có cơ quan nào được giao giám sát các hộ kinh doanh đá quý và các tổ chức cung cấp dịch vụ ủy thác và công ty trong khuôn khổ thanh tra giám sát PCRT/TTKB. Đoàn đánh giá ghi nhận rằng trên thực tế, việc giám sát PCRT/TTKB đối với các DNFBP hiếm khi được thực hiện, ngoại trừ sòng bạc trong những dịp rất hạn chế.

Hợp tác Quốc tế

52. Biên giới đất liền dài và địa hình đồi núi của Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho tội phạm vận chuyển trái phép hàng hóa và tiền tệ qua biên giới. Điều này góp phần gây ra rủi ro RT đáng kể cho Việt Nam từ buôn bán ma túy và động vật hoang dã, vận chuyển hàng hóa và tiền tệ xuyên biên giới bất hợp pháp, buôn bán người và buôn lậu. Hơn nữa, những rủi ro liên quan đến chuyển kiều hối bất hợp pháp vốn đã mang tính quốc tế, khiến nhu cầu hợp tác quốc tế một cách chủ động của Việt Nam ngày càng tăng.

CHƯƠNG 2. CÁC CHÍNH SÁCH PCRT/TTKB VÀ ĐIỀU PHỐI QUỐC GIA

Các Phát hiện chính và các Hành động Khuyến nghị

Các Phát hiện chính

a) Việt Nam đã và đang tăng cường hiểu biết về các rủi ro RT/TTKB, chủ yếu thông qua báo cáo Đánh giá rủi ro quốc gia (NRA) mới hoàn thành gần đây. Sự tham gia của nhiều cơ quan trong việc thực hiện NRA và các hoạt động chia sẻ kết quả của NRA phản ánh sự phối hợp tốt giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam và NRA đóng vai trò là nền tảng tốt cho sự hiểu biết của Việt Nam về rủi ro RT/TTKB của mình. Nhìn chung các quy trình này đã cải thiện sự hiểu biết về rủi ro RT/TTKB của khu vực công và khu vực tư nhân ở một mức độ nhất định, tuy nhiên vẫn cần cải thiện đáng kể hiểu biết của các cơ quan chức năng về rủi ro RT đặc biệt là ngoài NRA. Nhận thức của các khu vực tư nhân về rủi ro RT/TTKB giữa các TCTC và các DNFBP nhỏ hơn cũng cần cải thiện đáng kể.

b) Các phát hiện của NRA 2019 có vẻ hợp lý, mặc dù có một số thiếu hụt trong phạm vi của NRA như không bao gồm tất cả các loại tội được FATF chỉ định như tội phạm có tổ chức, bóc lột tình dục và tội phạm môi trường (bao gồm cả đánh bắt cá bất hợp pháp), và kết luận về một số tội phạm nguồn và các lĩnh vực cần được xem xét kỹ lưỡng hơn. Đánh giá rủi ro đối với NPO, pháp nhân và TTPBVKHDHL vào cuối năm 2019 bổ sung cho NRA, nhưng không có đánh giá rủi ro được thực hiện đối với VA và VASP, cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan chức năng khác không thường xuyên đưa ra các đánh giá về mối đe dọa và các đánh giá khác về rủi ro RT/TTKB.

c) Rủi ro khủng bố và TTKB ở Việt Nam được coi là thấp, điều này có vẻ hợp lý mặc dù chưa rõ liệu những rủi ro liên quan đến việc Việt Nam có thể trở thành quốc gia trung chuyển TTKB có được các cơ quan chức năng của Việt Nam nhận thức đầy đủ, lưu ý rằng Việt Nam đang phân bổ các nguồn lực để tiến hành phân tích sâu hơn về các mối đe dọa bên ngoài của TTKB.

d) Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về PCRT/TTKB hậu NRA (Kế hoạch hành động PCRT/TTKB hậu NRA), trong đó đề ra các chính sách cấp quốc gia và các chiến lược cấp cao để giải quyết các bất cập về pháp lý, thể chế và năng lực. Các kế hoạch hành động cụ thể cho từng cơ quan do mỗi bộ và cơ quan xây dựng cũng bao gồm các nguyên tắc bao trùm và các biện pháp chung được áp dụng cho mục đích giải quyết các bất cập về thể chế và năng lực trong các bộ và các cơ quan hơn là các rủi ro đã xác định. Mặc dù vậy, phải thừa nhận rằng việc giải quyết các thiếu hụt về pháp lý, thể chế và năng lực là một bước quan trọng để Việt Nam giải quyết hơn nữa các rủi ro RT/TTKB đã được xác định và Kế hoạch Hành động hậu NRA đã khởi xướng những thay đổi đối với luật, quy định và chính sách liên quan đến PCRT/TTKB.

e) Việt Nam chưa thực hiện cách tiếp cận dựa trên rủi ro toàn diện để phân bổ nguồn lực và thực hiện các biện pháp phòng ngừa hoặc giảm thiểu RT/TTKB dựa trên rủi ro được đánh giá và các mục tiêu và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền chưa phù hợp với rủi ro RT/TTKB.

f) Các biện pháp tăng cường đối với những lĩnh vực rủi ro cao đã xác định như ngân hàng, bất động sản, ngoại hối và chuyển tiền thì lại chưa được thực hiện. Tương tự, Việt Nam chưa thực hiện các biện pháp đơn giản hóa cho những lĩnh vực rủi ro thấp hơn.

g) Ở cấp chính sách, việc thiết lập hiệu quả công tác điều phối và phối hợp liên ngành được thực hiện thông qua hai Ban chỉ đạo quốc gia (NCC) về RT và TTKB. Hiện cũng có một số cơ chế phối hợp cấp kỹ thuật, tuy nhiên chưa rõ mức độ hiệu quả của các cơ chế phối hợp hoạt động này.

h) Trong tháng 11/2019, Việt Nam đã chỉ định Bộ Quốc phòng làm cơ quan đầu mối triển hai các biện pháp phòng, chống tài trợ PBVKHDHL, tuy nhiên chưa có khuôn khổ hợp tác và điều phối quốc gia cụ thể cho vấn đề phòng, chống tài trợ PBVKHDHL.

Các Hành động Khuyến nghị

a) Cập nhật hiểu biết về rủi ro thông qua các đánh giá bổ sung về rủi ro RT/TTKB, bao gồm các đánh giá về nguy cơ (đối với tội phạm có tổ chức, buôn bán người, bóc lột tình dục,vận chuyển hàng hóa hoặc tiền tệ bất hợp pháp qua biên giới và tội phạm môi trường) và đánh giá theo ngành (đối với VA và VASP, ủy thác nước ngoài, sòng bạc, kinh doanh kim loại quý và đá quý, luật sư, công chứng viên và các chuyên gia pháp lý độc lập khác). Khi tiến hành đánh giá, cần xem xét phạm vi thông tin rộng hơn bao gồm phân tích thông tin tình báo, phân tích chiến lược, các báo cáo/nghiên cứu trong nước và quốc tế.

b) Thông qua một kế hoạch hành động quốc gia cung cấp các chính sách quốc gia về PCRT/TTKB rõ ràng được hướng dẫn bởi các mối đe dọa đã được xác định và rủi ro ngành. Tương tự, các cơ quan riêng lẻ nên thông qua và đưa vào kế hoạch cấp cơ quan của mình các hạng mục hành động trong kế hoạch hành động quốc gia dựa trên mức độ rủi ro. Đảm bảo các cơ chế ở cấp quốc gia và chính sách để giám sát tiến độ thực hiện các kế hoạch hành động.

c) Thực hiện cách tiếp cận dựa trên rủi ro trong các cơ quan chủ chốt để ưu tiên nâng cao năng lực và đào tạo, phân bổ nguồn lực nhằm phát triển và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro RT/TTKB. Điều này bao gồm từng bước triển khai tại Ngân hàng nhà nước, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan chủ chốt khác để đảm bảo mục tiêu và hoạt động được nhất quán với chính sách quốc gia về PCRT/TTKB và rủi ro đã xác định. Để tối ưu hóa nguồn lực hiệu quả hơn, áp dụng các biện pháp tăng cường với những lĩnh vực rủi ro cao như ngân hàng, bất động sản, và các lĩnh vực khác và xem xét áp dụng các biện pháp đơn giản hóa đối với các lĩnh vực rủi ro thấp.

d) Tăng cường hợp tác và phối hợp ở cấp kỹ thuật thông qua việc thiết lập hoặc cải thiện các cơ chế tập trung vào những lĩnh vực được xác định có rủi ro cao trong NRA để đảm bảo sự hợp tác và phối hợp chính xác và thường xuyên để phòng chống RT/TTKB. Việc này bao gồm các lực lượng đặc nhiệm chung cùng các cơ quan thực thi pháp luật chủ chốt để chống tội phạm có nguy cơ cao hơn và giám sát chung giữa các cơ quan cấp phép và giám sát đối với một số lĩnh vực có nguy cơ cao hơn.

e) Đảm bảo các cơ quan có thẩm quyền phù hợp hợp tác và phối hợp trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách và hoạt động nhằm phòng, chống tài trợ PBVKHDHL, bằng cách kết hợp điều này vào Kế hoạch hành động nâng cao sau NRA hoặc kỳ Kế hoạch hành động mới cấp quốc gia hoặc ở cấp bộ, ngành cụ thể.

f) Tiếp tục phối hợp với các đối tượng báo cáo, dựa trên rủi ro và bối cảnh bao gồm TCTC nhỏ hơn và DNFBP để nâng cao nhận thức của họ về rủi ro RT/TTKB của Việt Nam. Chúng bao gồm phổ biến các phát hiện của NRA và các đánh giá trong tương lai, bao gồm thông qua các chương trình tiếp cận cộng đồng để đảm bảo tất cả các đối tượng báo cáo có hiểu biết cơ bản về các nghĩa vụ PCRT/TTKB và các rủi ro liên quan.

53. Kết quả trực tiếp có liên quan được xem xét và đánh giá trong chương này là Kết quả trực tiếp số 1. Các khuyến nghị liên quan để đánh giá hiệu quả trong phần này là các khuyến nghị số 1, 2, 33 và 34 và các một số nội dung trong Khuyến nghị số 15.

Kết quả trực tiếp số 1 (Rủi ro, Chính sách và Điều phối)

Hiểu biết về rủi ro của Việt Nam

54. Việt Nam đã và đang tăng cường hiểu biết về các rủi ro RT/TTKB, chủ yếu thông qua báo cáo NRA mới hoàn thành gần đây. Cơ sở để đoàn đánh giá đưa ra kết luận này là: rà soát các đánh giá rủi ro và mối đe dọa hiện có; và các buổi thảo luận với các bộ, ngành của Việt Nam, các cơ quan thực thi pháp luật, các cơ quan thanh tra giám sát và các lĩnh vực được quản lý.

55. Việt Nam đã hoàn thành NRA đầu tiên vào tháng 4 năm 2019. Các cơ quan phối hợp tiến hành NRA từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 4 năm 2019 và các hoạt động chia sẻ kết quả NRA phản ánh sự phối hợp tốt giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam. Các kết quả của NRA đã được chia sẻ ở mức độ hợp lý giữa chính phủ và khu vực tư nhân. NRA được coi là một nền tảng tốt để Việt Nam hiểu rõ về rủi ro RT/TTKB của mình, tuy nhiên, việc hiểu biết về rủi ro RT, đặc biệt là ngoài NRA của các cơ quan có thẩm quyền vẫn cần có những cải thiện đáng kể.

56. Các cơ quan có thẩm quyền đã hoàn thành đánh giá rủi ro đối với NPO, pháp nhân và tài trợ PBVKHDHL vào cuối năm 2019 nhưng không có đánh giá rủi ro nào được thực hiện đối với VA và VASP.

57. Các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền khác không thường xuyên đưa ra các đánh giá về mối đe dọa và các đánh giá khác về rủi ro RT/TTKB.

58. Trong lần đánh giá đa phương năm 2009, các cơ quan chức năng của Việt Nam mới chỉ xem xét trước rủi ro RT tại Việt Nam mặc dù chưa có đánh giá rủi ro cụ thể hoặc có hệ thống được thực hiện trước báo cáo NRA 2019. Trước đó, các cơ quan chức năng đã ghi nhận rằng các rủi ro liên quan đến buôn bán ma túy và tham nhũng cần phải cân nhắc thận trọng, bằng chứng thể hiện qua số lượng lớn các cuộc điều tra và thu hồi tài sản liên quan đến các tội này trong vài năm qua.

59. Quá trình NRA được tiến hành bằng cách sử dụng công cụ đánh giá rủi ro do Ngân hàng Thế giới phát triển, đưa ra xếp hạng rủi ro RT quốc gia là "trung bình-cao" và xếp hạng rủi ro TTKB là "thấp" có vẻ hợp lý. Sự hiểu biết về rủi ro RT/TTKB của các cơ quan có thẩm quyền, vốn dựa trên kết quả của NRA, là nhất quán giữa các cơ quan có thẩm quyền. Sự hiểu biết về rủi ro RT/TTKB ngoài NRA không được chứng minh rõ ràng.

60. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thành lập Nhóm công tác NRA vào tháng 9/2016, bao gồm đại diện của 16 bộ, ngành. Thông tin và số liệu thống kê được thu thập từ các tổ chức thuộc khu vực công và tư nhân có liên quan bao gồm 26 ngân hàng, 18 công ty bảo hiểm, 32 doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và 6 sòng bạc. Sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân khác trong NRA không được thể hiện. Dự thảo báo cáo NRA được gửi cho các thành viên của NCC và một số đối tượng báo cáo được lựa chọn để cho ý kiến, và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã tổ chức hai hội thảo trong tháng 6/2018 với các bên liên quan thuộc khu vực công và tư nhân. Báo cáo NRA hoàn thiện đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua vào tháng 4/2019.

61. Kết quả NRA đã được chia sẻ rộng rãi. Sau khi báo cáo NRA được thông qua, từ tháng 5 – 7/2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tổ chức 6 hội thảo nhằm chia sẻ kết quả NRA tới các cơ quan có thẩm quyền và các đối tượng báo cáo có liên quan.

62. Mặc dù kết luận tổng thể của NRA có vẻ hợp lý, nhưng nguy cơ về RT và đánh giá rủi ro đối với một số tội phạm nguồn và các lĩnh vực thiếu phân tích sâu và thiếu sự xem xét trong phạm vi dữ liệu rộng, điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả xếp hạng rủi ro được đưa ra. Đánh giá chủ yếu dựa vào dữ liệu định lượng có thể đo lường được, thay vì đánh giá định tính với sự cân nhắc kỹ lưỡng về bối cảnh và trọng yếu. Mặc dù các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chỉ ra rằng việc đánh giá đã xem xét các nguồn định tính, song

vẫn chưa rõ dữ liệu định tính này từ tất cả các nguồn sẵn có đã được xem xét ở mức độ nào để đưa ra xếp hạng rủi ro cuối cùng. Nguồn dữ liệu bao gồm dữ liệu từ các nghiên cứu hoặc báo cáo tình báo và báo cáo chuyên đề, phân tích tình báo chiến lược, các xu hướng và kiểu mẫu liên quan đến RT/TTKB, đặc biệt là đối với tội phạm và các lĩnh vực vốn được coi là có nguy cơ RT cao hơn dựa trên rủi ro và bối cảnh chung của Việt Nam. Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng bất chấp những thiếu hụt đã được lưu ý, điều đó không làm mất hiệu lực của các phát hiện trong NRA, giúp Việt Nam hiểu rõ hơn về rủi ro RT/TTKB và là nền tảng tốt. Mặc dù vậy, cần có những cải tiến lớn trong đánh giá rủi ro trong tương lai để củng cố hơn nữa sự hiểu biết về những rủi ro này.

63. Có những đánh giá riêng được thực hiện bổ sung đối với NPO và các pháp nhân, được hoàn thành ngay trước chuyến làm việc tại chỗ vào tháng 9 năm 2019 và tháng 11/2019. Đánh giá rủi ro đối với các NPO kết luận rủi ro TTKB của các NPO là "thấp". Đánh giá rủi ro đối với pháp nhân xác định rủi ro RT và TTKB đối với tất cả loại hình pháp nhân tại Việt Nam tương ứng là "trung bình" và "thấp". Đề nghị tham khảo phân tích theo Kết quả trực tiếp số 5 và Kết quả trực tiếp số 10 để biết thêm chi tiết. Tháng 11/2019, các cơ quan quản lý cũng đã hoàn thành đánh giá rủi ro tài trợ PBVKHDHL, theo đó kết luận rủi ro tài trợ PBVKHDHL ở Việt Nam là thấp (xem Kết quả trực tiếp số 11).

64. Chưa có đánh giá rủi ro RT/TTKB thực hiện đối với VA và các VASP[16]. Vào năm 2018, Việt Nam đã hoàn thành một nghiên cứu về khung pháp lý nhằm quản lý VA và tiền mã hóa. Báo cáo chỉ ra rằng mặc dù không có khung pháp lý rõ ràng cho VA tại Việt Nam, các giao dịch liên quan đến tài sản ảo vẫn có thể được thực hiện. Nghiên cứu cũng nhận ra rằng có rủi ro RT/TTKB liên quan đến tài sản ảo do tính chất ẩn danh của nó.

65. Rủi ro RT/TTKB liên quan đến quỹ tín thác nước ngoài không được xem xét trong NRA. Mặc dù không thể thành lập quỹ tín thác theo luật Việt Nam, nhưng quỹ tín thác nước ngoài có thể được hình thành và hoạt động tại Việt Nam (xem Kết quả trực tiếp số 4 và Kết quả trực tiếp số 5).

Hiểu biết về rủi ro RT

66. Nhìn chung, quy trình thực hiện NRA dường như có vẻ phù hợp. NRA đã bao gồm đánh giá các mối đe dọa về RT từ nguồn tiền do phạm tội mà có của 17 loại tội phạm nguồn và các nguồn thu bất hợp pháp từ nước ngoài. NRA cũng đã xem xét các mối đe dọa RT quốc tế chủ yếu thông qua số liệu từ hoạt động tương trợ tư pháp, tình báo, đối tác quốc tế (Đơn vị tình báo tài chính) và các giao dịch chuyển tiền qua biên giới. Việc đánh giá RT ngành dựa vào các mối đe dọa và dễ tổn thương bao gồm các loại tội phạm chính xảy ra trong ngành, lĩnh vực đó. Báo cáo NRA cũng chỉ ra các thiếu hụt trong thể chế và năng lực trong cả khu vực tư nhân và khu vực công, và đưa ra các khuyến nghị nhằm giảm thiểu các thiếu hụt này.

67. NRA kết luận rủi ro RT tổng thể của Việt Nam là "trung bình-cao" được coi là hợp lý. NRA cũng xác định một cách hợp lý các mối đe dọa từ bên ngoài có nguy cơ cao bao gồm tội phạm ma túy, trốn thuế, lạm dụng quyền lực và tham nhũng, và các cơ quan chức năng của Việt Nam nhận thấy việc họ gần với tam giác vàng đã làm tăng thêm nguy cơ đe dọa từ bên ngoài về RT. Mối nguy cơ về RT của 17 tội phạm nguồn và rủi ro RT theo ngành đối với TCTC và DNFBP, do NRA cung cấp, được tóm tắt trong Bảng 2.1 và 2.2 tương ứng:

[16] Phương pháp luận của FATT, bao gồm các quy định về VASP được cập nhật vào tháng 10/2019 ngay trước thời điểm Đoàn vào đánh giá tại chỗ.

Bảng 2.1: Đánh giá các nguy cơ về RT trong đánh giá rủi ro quốc gia

Tội phạm nguồn	Nguy cơ rửa tiền	Tội phạm nguồn	Nguy cơ rửa tiền
1. Tham ô tài sản (tham nhũng) 2. Tổ chức đánh bạc (không được cấp phép) 3. Buôn bán ma túy	Cao	11. Vận chuyển trái phép hàng hóa và/hoặc tiền qua biên giới 12. Buôn người	Trung bình
4. Nhận hối lộ 5. Lợi dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản 6. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản 7. Đánh bạc (Đánh bạc bất hợp pháp) 8. Trốn thuế 9. Buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp (buôn bán động vật hoang dã trái phép) 10. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Lừa đảo)	Trung bình - Cao	13. Sản xuất, tàng trữ và/hoặc lưu thông tiền, tín phiếu và/hoặc trái phiếu kho bạc giả 14. Sản xuất và/hoặc kinh doanh hàng giả 15. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và/hoặc buôn bán hàng cấm 16. Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, buôn bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng và/hoặc khí tài quân sự 17. Buôn lậu	Thấp

Bảng 2.2: Đánh giá rủi ro ngành

Lĩnh vực	Nguy cơ RT	Tính dễ bị tổn thương RT	Rủi ro RT
Ngân hàng	Cao	Trung bình cao	Cao
Chuyển tiền ngầm	Cao	Cao	
Đại lý bất động sản	Cao	Trung bình	Trung bình -Cao
Công ty thu đổi ngoại tệ và chuyển tiền	Trung bình - Cao	Trung bình	
Công ty chứng khoán	Trung bình	Trung bình	Trung bình
Casinos	Trung bình	Trung bình	
Công ty bảo hiểm	Trung bình - Thấp	Thấp	Trung bình - Thấp
Cung cấp dịch vụ công ty và tín thác	Thấp	Trung bình thấp	
Kinh doanh kim loại và đá quý	Thấp	Trung bình	
Quỹ đầu tư phát triển địa phương	Thấp	Trung bình cao	
Kế toán và kiểm toán	Thấp	Thấp	Thấp
Luật sư, công chứng và các chuyên gia pháp lý độc lập khác	Thấp	Thấp	
Quỹ tín dụng nhân dân	Thấp	Thấp	
Tổ chức tài chính vi mô	Thấp	Thấp	

68. Có thiếu sót trong phạm vi của NRA đối với một số loại tội phạm được chỉ định, trong đó bỏ sót các tội phạm có nguy cơ cao đối với Việt Nam như tội phạm có tổ chức, bóc lột tình dục và tội phạm môi trường (cụ thể là đánh bắt cá bất hợp pháp) là một mối quan tâm đặc biệt. Các nhà chức trách Việt Nam chỉ ra rằng 17 tội phạm nguồn được thu hẹp từ hơn 20 tội danh theo Bộ luật Hình sự bao gồm các tội phạm nguồn do FATF chỉ định dựa trên dữ liệu sẵn có, bao gồm dữ liệu từ Cục PCRT, các cuộc điều tra, truy tố, hỗ trợ pháp lý đa phương và kinh nghiệm của các cơ quan thực thi pháp luật. Mặc dù Bộ Công an chỉ ra rằng việc loại trừ các danh mục tội phạm được FATF chỉ định từ NRA dựa trên các tội phạm không xảy ra ở Việt Nam hoặc không có đủ thông tin về tội phạm, điều này cho thấy cần phải phân tích thêm theo NRA (hoặc thông qua một phân tích riêng biệt) về tất cả các tội phạm nguồn được chỉ định.

69. Các nhà chức trách Việt Nam chỉ ra rằng nguy cơ tội phạm có tổ chức được xem xét khi đánh giá các nguy cơ của tất cả 17 tội phạm nguồn, tuy nhiên các phát hiện cụ thể về mối liên hệ của tội phạm nguồn với tội phạm có tổ chức không được chứng minh. Là một nền kinh tế dựa trên tiền mặt lớn, sự tăng trưởng kinh tế và nền kinh tế tiền mặt của Việt Nam đã tạo ra một môi trường để các nhóm tội phạm có tổ chức phát triển mạnh. Các nhóm tội phạm này có thể hoạt động và kiếm tiền, từ nhiều lĩnh vực, bao gồm buôn người, mại dâm, cờ bạc, buôn bán động vật hoang dã và buôn bán ma túy (trong số những lĩnh vực khác). Ngoài ra, hoạt động tội phạm có tổ chức thường gắn liền với việc mua tài sản và sử dụng các công ty bình phong để ngụy tạo quyền sở hữu. Bóc lột tình dục bao gồm cả lạm dụng tình dục trẻ em dường như vẫn còn là mối lo ngại ở Việt Nam (xem bên dưới). Điều này được chứng minh bằng việc Ủy ban Châu Âu đã ban hành thẻ vàng vào tháng 10 năm 2017 vì nỗ lực hạn chế trong việc loại bỏ hoạt động đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không được kiểm soát.

70. Báo cáo NRA đánh giá những nguy cơ RT từ tội buôn bán người là "trung bình". Việt Nam là một nguồn, điểm trung chuyển và điểm đến của nạn buôn người. Báo cáo NRA cho biết lý do cơ bản của sự gia tăng nạn buôn người là do lợi nhuận cao. Ngoài ra, có một số báo cáo trong nước và quốc tế như Báo cáo Hoạt động Buôn bán người năm 2019 của Mỹ, Báo cáo về Tình trạng Lạm dụng tình dục trẻ em năm 2019 của UNICEF cho thấy Việt Nam rất dễ xảy ra nạn buôn bán người và buôn người chủ yếu cho mục đích nô lệ hiện đại bao gồm bóc lột tình dục, điều này cho thấy rủi ro liên quan đến buôn người có thể cao hơn so với đánh giá trong NRA. Không rõ khi thực hiện báo cáo NRA có xem xét các thông tin này hay không và như đã ghi nhận ở trên, bóc lột tình dục chưa được xem xét riêng trong báo cáo NRA.

71. Báo cáo NRA xác định rủi ro từ vận chuyển hàng hóa hoặc tiền tệ bất hợp pháp xuyên biên giới là "trung bình". Với một nền kinh tế chủ yếu dựa trên tiền mặt được bao quanh bởi các quốc gia dựa trên tiền mặt khác, tiền mặt dễ dàng được vận chuyển qua biên giới Việt Nam, làm tăng rủi ro RT tổng thể. Việc vận chuyển hàng hóa và tiền bất hợp pháp qua biên giới cũng có thể có mối liên hệ với lĩnh vực chuyển tiền ngầm, được xác định là có rủi ro cao trong NRA.

72. Về rủi ro ngành, NRA đã đánh giá một cách hợp lý rằng rủi ro RT đối với ngân hàng, chuyển tiền ngầm và đại lý bất động sản là "cao" dựa theo bối cảnh và tính trọng yếu của các ngành này đối với Việt Nam. Đợt đánh giá tại chỗ xác nhận tính chất rủi ro cao của lĩnh vực bất động sản, đây là một DNFBP chính ở Việt Nam. Kết luận này xuất phát từ thực tiễn sử dụng vàng và tiền mặt, cách thức rất dễ bị lợi dụng cho mục đích RT, làm phương tiện thanh toán cho hoạt động mua sắm trong nước. Chưa có bằng chứng cho thấy tài sản ảo được sử dụng làm phương tiện thanh toán trong lĩnh vực bất động sản ở Việt Nam, tuy vậy việc xem xét, đánh giá phương thức thanh toán này còn rất hạn chế cho tới thời điểm hiện tại.

73. Đối với các lĩnh vực khác, NRA xác định rủi ro RT của sòng bạc là "trung bình". Mặc dù phải thừa nhận rằng quy mô của sòng bạc ở Việt Nam còn nhỏ, nhưng vẫn chưa rõ liệu NRA có xem xét các dữ liệu định lượng và định tính khác về việc tiền mặt được sử dụng nhiều trong sòng bạc, đây là dấu hiệu cho thấy có thể đối với sòng bạc thì rủi ro là cao hơn. Việc thiếu giám sát về PCRT/TTKB đối với các song bạc cũng có thể làm tăng mức độ rủi ro RT của lĩnh vực này (xem Kết quả trực tiếp số 3).

74. Báo cáo NRA xác định rủi ro RT của các đại lý giao dịch kim loại và đá quý là "trung bình thấp" với các mối đe dọa RT được đánh giá là "thấp" do quy mô của ngành tương đối nhỏ. Tuy nhiên kinh doanh vàng, một phương tiện hấp dẫn cho hoạt động RT, là một ngành có quy mô lớn ở Việt Nam và NRA lưu ý rằng các giao dịch tiền mặt là phổ biến và chiếm tỷ lệ lớn trong thanh toán. Cũng theo NRA, hiểu biết về PCRT của các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực giao dịch vàng còn hạn chế và các đối tượng này chưa có hệ thống quản lý rủi ro RT đầy đủ. Ngoài ra, có những dấu hiệu cho thấy các công ty bán lẻ trang sức cũng đã xin cấp phép hoạt động thu đổi ngoại tệ và như vậy làm tăng khả năng xảy ra rủi ro RT/TTKB. Điều này cho thấy rủi ro RT liên quan đến kim loại quý và đặc biệt là vàng cần được xem xét thêm.

75. Đối với luật sư, công chứng viên và các chuyên gia pháp lý độc lập khác (được xếp hạng rủi ro RT "thấp"), báo cáo NRA chỉ ra rằng các chuyên gia pháp lý có thực hiện giao dịch trong lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực được coi là rủi ro cao. Việc các chuyên gia pháp lý không nộp báo cáo STR là lý do chính cho xếp hạng rủi ro "thấp" của lĩnh vực này. Việc thực hiện một đánh giá toàn diện hơn sẽ cho phép có được nhận thức khách quan hơn về rủi ro RT liên quan đến các chuyên gia pháp lý, đặc biệt khi họ chưa nhận thức được nghĩa vụ PCRT/TTKB của mình (xem Kết quả trực tiếp số 4). Ngoài ra, chưa rõ báo cáo NRA có xem xét các dữ liệu định lượng và định tính khác hay không, đặc biệt là sự tham gia của các chuyên gia pháp lý vào các hoạt động rủi ro cao bao gồm thành lập công ty và quản lý tài khoản khách hàng.

Hiểu biết rủi ro về TTKB

76. Đánh giá rủi ro TTKB ở mức "thấp" có vẻ hợp lý. Từ năm 2009 đến 2017, Việt Nam đã ngăn chặn thành công bốn âm mưu khủng bố liên quan tới tổ chức Việt Tân, điều này cho thấy Việt Nam phải đối mặt với một số rủi ro khủng bố. Một trường hợp khác là âm mưu đánh bom sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 4/2017 cho thấy các hành động khủng bố có khả năng xảy ra. Trong đánh giá rủi ro TTKB, báo cáo NRA xem xét việc liệu có vụ việc buôn lậu hàng hóa có giá trị, vũ khí và vật liệu nổ từ nước ngoài hay trong Việt Nam và hoặc có trường hợp cháy nổ ở Việt Nam hay không. Báo cáo NRA cho rằng Việt Nam có nguy cơ bị đe dọa khủng bố từ các nhóm khủng bố nước ngoài, tuy nhiên việc đánh giá nghiêng nhiều về các hoạt động khủng bố hơn là TTKB. Các cơ quan chức năng của Việt Nam cho biết chưa phát hiện vụ việc nào mà Việt Nam bị sử dụng làm nơi trung chuyển của hoạt động TTKB, tuy nhiên vẫn chưa rõ liệu các nguy cơ TTKB từ bên ngoài và khả năng của Việt Nam được sử dụng như một quốc gia trung chuyển cho hoạt động TTKB có được đánh giá và hiểu rõ hay không, lưu ý rằng Việt Nam đang bố trí các nguồn lực cần thiết để tiến hành phân tích sâu hơn về các nguy cơ từ bên ngoài của TTKB.

Chính sách quốc gia để giải quyết những rủi ro RT/TTKB đã xác định

77. Sau khi hoàn thành NRA vào tháng 4/2019, Việt Nam đã ban hành Kế hoạch hành động quốc gia hậu báo cáo NRA (Kế hoạch hành động hậu NRA) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã bắt đầu thay đổi luật, quy định và chính sách liên quan đến PCRT/TTKB. Ngân hàng nhà nước chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động hậu NRA và báo cáo Thủ tướng về tiến độ thực hiện các kế hoạch hành động. Trước khi có Kế hoạch hành động hậu NRA, Việt Nam đã ban hành bốn kế hoạch hành

động từ năm 2010 đến 2014, chủ yếu nhằm thực hiện cải cách pháp luật, quy định và chính sách PCRT/TTKB, bao gồm hình sự hóa RT và TTKB (ở một mức độ nhất định), và các biện pháp phòng ngừa.

78. Mặc dù các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam dự định sử dụng Kế hoạch hành động hậu NRA để giải quyết các rủi ro RT/TTKB đã được xác định trong NRA, nhưng thực chất Kế hoạch hành động hậu NRA dường như chủ yếu giải quyết những bất cập mang tính hệ thống trong ngắn hạn cụ thể về pháp lý, thể chế và năng lực. Mặc dù những cải cách này là những bước quan trọng để Việt Nam tiếp tục giải quyết các rủi ro RT/TTKB, các biện pháp này chưa ưu tiên cho các hành động cần thực hiện trên cơ sở những rủi ro đã xác định, với tất cả các hành động này sẽ được hoàn thành vào năm 2020.

79. Kế hoạch hành động hậu NRA có các yếu tố của chính sách quốc gia, nhưng chưa nêu bật được mục tiêu tổng quát, cách tiếp cận và thứ tự ưu tiên để giải quyết rủi ro RT/TTKB cho Việt Nam. Trong số 52 hành động, chỉ có hai hành động giải quyết rủi ro RT/TTKB đã được xác định trong báo cáo NRA. Những hành động này gồm Ngân hàng nhà nước yêu cầu các đối tượng báo cáo tăng cường giám sát các giao dịch đáng ngờ liên quan đến những tội phạm có rủi ro cao và Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao tăng cường điều tra, truy tố và xét xử các vụ án RT song song với các tội phạm có rủi ro cao. Các kế hoạch hành động này vẫn chưa được chuyển thành việc thực hiện hiệu quả và bền vững.

80. Dựa trên Kế hoạch hành động hậu NRA, các cơ quan có thẩm quyền liên quan đã ban hành các kế hoạch hành động cụ thể của cơ quan mình. Tương tự như Kế hoạch hành động hậu NRA, kế hoạch hành động của các bộ, ngành cũng liên quan chủ yếu đến việc đưa ra các nguyên tắc tổng quát và các biện pháp chung để giải quyết các bất cập về thể chế và năng lực chứ chưa theo các loại hình rủi ro đã xác định. Ví dụ như kế hoạch hành động của Bộ Công an đưa ra đường hướng cho các cơ quan thực thi pháp luật cần tăng cường công tác điều tra RT song song với các tội phạm nguồn, tổ chức các khóa đào tạo cho các cán bộ của Bộ Công an và tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật. Tháng 7/2019, Bộ Xây dựng đã có văn bản gửi các Sở Xây dựng và đại lý bất động sản để yêu cầu triển khai công tác PCRT trong lĩnh vực bất động sản. Tháng 8/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã chỉ đạo các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện rà soát và đánh giá các bằng chứng để truy tố các tội RT/TTKB. Đồng thời, Ngân hàng nhà nước cũng đã chỉ đạo các đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý thực hiện các quy định về PCRT, bao gồm cả việc cập nhật các quy định nội bộ. Các văn bản và chỉ thị này được ban hành ngay trước đợt đánh giá tại chỗ, do đó chưa có điều kiện thực hiện đầy đủ.

Miễn trừ, các biện pháp tăng cường và đơn giản hóa

81. Việt Nam vẫn chưa áp dụng các biện pháp PCRT/TTKB tăng cường hoặc giản lược theo kết quả đánh giá rủi ro tương ứng ở mức độ cao hay thấp. Chưa có biện pháp nâng cao nào được áp dụng đối với những lĩnh vực rủi ro cao như ngân hàng, chuyển tiền ngầm, bất động sản, chuyển tiền và ngoại hối để giảm thiểu rủi ro. Tương tự, chưa có biện pháp đơn giản hóa nào được áp dụng cho những lĩnh vực rủi ro thấp hơn, lưu ý rằng luật pháp Việt Nam cho phép đối tượng báo cáo áp dụng các biện pháp CDD đơn giản cho các khách hàng được đánh giá là có rủi ro thấp (xem Khuyến nghị số 1.8). Không có dấu hiệu nào cho thấy các cơ quan có thẩm quyền đã đánh giá các biện pháp đơn giản hóa đã thúc đẩy sự hòa nhập tài chính ở Việt Nam như thế nào. Việt Nam không miễn trừ bất cứ lĩnh vực nào trong việc áp dụng các Khuyến nghị của FATF dựa trên rủi ro (xem Khuyến nghị số 1.6).

Mục tiêu và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền

82. Nhìn chung, Việt Nam chưa thực hiện cách tiếp cận dựa trên cơ sở rủi ro toàn diện để phân bổ nguồn lực và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa hoặc giảm thiểu RT/TTKB trên cơ sở rủi ro được đánh giá. Mục tiêu và hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền chưa phù hợp với rủi ro RT/TTKB được xác định theo NRA. Trong khi Kế hoạch hành động hậu NRA và các kế hoạch hành động của các bộ ngành liên quan là các bước tích cực, các cuộc điều tra và truy tố tội RT đối với các tội phạm nguồn liên quan không phù hợp với các rủi ro đã được xác định và các cơ quan giám sát không tiến hành giám sát trên cơ sở mức độ nhạy cảm với rủi ro. Như đã phân tích trong các Kết quả trực tiếp tương ứng khác, mức độ liên kết giữa hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền về rủi ro RT/TTKB là không đáng kể.

83. Chưa có bằng chứng rõ ràng cho thấy hệ thống tư pháp hình sự tập trung các nguồn lực và nỗ lực của mình vào tội phạm RT, kể cả trong các lĩnh vực có rủi ro RT cao. Các cơ quan thực thi pháp luật chưa chứng minh được việc đã áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro cho các cuộc điều tra như dự kiến trong báo cáo NRA, mặc dù Bộ Công an đã thông báo rằng họ đã thành lập một đơn vị chuyên trách về PCRT nhưng chỉ mới ngay trước đợt đánh giá tại chỗ. Mặc dù rủi ro TTKB thấp, có vẻ như Việt Nam có nguồn lực tương đối dồi dào (xem phân tích của Kết quả trực tiếp số 9). Cục PCRT cho biết nguồn lực của Cục được tăng cường vào tháng 6/2019, tuy nhiên, việc này là nhằm cải thiện chức năng tổng thể của Cục PCRT chứ không phải phân bổ lại nguồn lực trên cơ sở rủi ro đã xác định. Mục tiêu và hoạt động của các cơ quan giám sát về PCRT/TTKB và phân bổ nguồn lực liên quan đến các hoạt động giám sát PCRT/TTKB cũng chưa được điều chỉnh theo các kết quả đánh giá rủi ro.

Điều phối và hợp tác cấp quốc gia

84. Khuôn khổ điều phối và hợp tác trong nước ở cấp chính sách được tổ chức và hoạt động tốt. Ở cấp chính sách, có sự hợp tác và phối hợp giữa các cơ quan thông qua hai Ban chỉ đạo chuyên trách riêng biệt về PCRT và TTKB, do Phó Thủ tướng và Thủ tướng làm Trưởng ban. Các NCC chịu trách nhiệm giúp Thủ tướng chỉ đạo và điều phối các nỗ lực quốc gia cho mục đích phòng, chống hoạt động RT và TTKB tại Việt Nam. Trong thời gian rà soát, các NCC đã đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng và triển khai pháp luật về PCRT/TTKB cũng như xây dựng báo cáo NRA. Các NCC có cơ sở pháp lý vững chắc và phản ánh sự lãnh đạo ở cấp chính trị và cam kết đối với các nỗ lực PCRT/TTKB.

85. NCC về PCRT (do Phó Thủ tướng làm Trưởng Ban) được thành lập vào tháng 4/2009 với thành viên gồm 15 bộ và cơ quan ngang bộ. Trong 4 năm qua, NCC đã tổ chức tám cuộc họp để thảo luận về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch hành động quốc gia, phối hợp liên ngành và xây dựng NRA. NCC về TTKB được thành lập vào tháng 11/2015 do Thủ tướng làm Trưởng Ban đã tổ chức bốn cuộc họp chính thức để thảo luận về cách thức tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai các biện pháp phòng chống TTKB. Các cuộc họp này cũng quyết định cơ quan chịu trách nhiệm đầu mối thực hiện điều tra khủng bố và TTKB cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

86. Công tác điều phối và hợp tác ở cấp kỹ thuật về PCRT vẫn gặp phải một số thách thức. Các cơ quan có thẩm quyền chưa có sự liên kết thông qua một cơ chế phối hợp chung về PCRT ở cấp kỹ thuật. Tuy nhiên, các cơ quan chức năng cho biết có một số cơ chế phối hợp cấp kỹ thuật, cụ thể bao gồm các ủy ban thường trực hỗ trợ để thực hiện các quyết định của NCC, thu xếp các buổi làm việc hai bên và chia sẻ thông tin, và có nhóm công tác đặc trách trong trường hợp hoặc vấn đề cụ thể. Tuy nhiên, kết quả của cơ chế phối hợp ở cấp kỹ thuật về RT này chưa được chứng minh. Quy định về phối hợp liên quan đến việc trao đổi thông tin để điều tra, truy tố và xét xử các vụ án RT giữa Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao là một bước đi đáng được hoan nghênh,

tuy nhiên cơ chế này mới được ban hành ngay trước đợt đánh giá tại chỗ nên chưa hỗ trợ nâng cao hiệu quả phối hợp ở cấp kỹ thuật trong các vấn đề PCRT.

87. Cơ chế của Việt Nam điều phối và hợp tác quốc gia ở cấp kỹ thuật đối với phòng, chống TTKB có vẻ mạnh hơn so với RT. Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Phòng chống khủng bố (Ban Chỉ đạo) điều phối hoạt động phòng, chống TTKB ở cấp tỉnh. Bên cạnh các cuộc họp định kỳ, từ năm 2013 - 2018, Ban Chỉ đạo cũng đã tổ chức 313 hội thảo nhằm nâng cao nhận thức cho các cơ quan quản lý cấp tỉnh. Ngân hàng nhà nước cũng đã thành lập ban điều phối phòng, chống TTKB trong lĩnh vực ngân hàng do một Phó Thống đốc của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm Trưởng Ban. Thành viên ban điều phối này là thủ trưởng các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng nhà nước và các ngân hàng. Ban điều phối phòng, chống TTKB này họp mỗi năm một lần để chỉ đạo và ban hành các kế hoạch hành động phòng, chống TTKB trong lĩnh vực ngân hàng.

88. Hiện chưa có khuôn khổ điều phối và hợp tác quốc gia cụ thể cho tài trợ PBVKHDHL. Theo đánh giá rủi ro về tài trợ PBVKHDHL ban hành tháng 11/2019, sự phối hợp và hợp tác hiện tại giữa các cơ quan có thẩm quyền bị phân tán do thiếu cơ quan đầu mối điều phối về tài trợ PBVKHDHL. Ngoài ra, các cơ quan quản lý cũng thừa nhận rằng sự phối hợp và chia sẻ thông tin về tài trợ PBVKHDHL còn hạn chế. Theo khuôn khổ pháp lý về tài trợ PBVKHDHL được ban hành trong đợt đánh giá tại chỗ, Bộ Quốc phòng là cơ quan đầu mối quốc gia về tài trợ PBVKHDHL và Bộ Tư lệnh Hóa học, trực thuộc Bộ Quốc phòng, là đơn vị thường trực.

Nhận thức về rủi ro của khu vực tư nhân

89. Ngân hàng nhà nước đã phổ biến toàn bộ báo cáo NRA cho các bộ ngành liên quan. Chưa rõ liệu tất cả các đối tượng báo cáo đã nhận được báo cáo đầy đủ hay chưa, nhưng tất cả các đối tượng báo cáo đều có thể tiếp cận bản tóm tắt của báo cáo NRA. Sự tham gia của khu vực tư nhân, đặc biệt là các ngân hàng và công ty bảo hiểm được lựa chọn vào quy trình NRA chỉ ở mức cung cấp dữ liệu và rà soát dự thảo báo cáo. Chưa rõ phản hồi của khu vực tư nhân có được tiếp thu và ảnh hưởng đến báo cáo NRA được thông qua hay không.

90. Trước khi thông qua báo cáo NRA, Cục PCRT đã tổ chức sáu cuộc họp giới thiệu tóm tắt các phát hiện của NRA cho các đối tượng thuộc khu vực công và tư nhân. Các cơ quan có thẩm quyền tương ứng đã chỉ đạo các đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý của mình tham khảo trang điện tử của Ngân hàng nhà nước về các phát hiện của NRA.

91. Các tổ chức thuộc khu vực tư nhân gặp gỡ trong quá trình đánh giá tại chỗ dường như có nhận thức chung về kết quả của NRA mặc dù điều này có sự khác biệt đáng kể cả trong và giữa các ngành. Các TCTC lớn hơn (tức là ngân hàng, công ty bảo hiểm và chứng khoán) dường như nhận thức rõ ràng về rủi ro RT/TTKB. Tuy nhiên, trong khi nhận thức về rủi ro được xác định ở Việt Nam trong lĩnh vực tài chính có vẻ hợp lý, thì nhận thức về rủi ro này của các tổ chức tài chính nhỏ hơn bao gồm các tổ chức tín dụng phi ngân hàng và cơ sở đổi tiền đòi hỏi phải có những cải thiện lớn. Nhận thức về rủi ro RT/TTKB được xác định trong NRA giữa các DNFBP là không đáng kể. Xét về tính trọng yếu của các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán đối với rủi ro RT/TTKB, đoàn đánh giá đặt trọng số cao hơn vào các lĩnh vực này.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 1

92. Việt Nam đã cho thấy một số đặc điểm của một hệ thống đánh giá rủi ro hiệu quả. Khi đánh giá xếp hạng, Việt Nam có trọng số lớn hơn đối với sự hiểu biết của Việt Nam về rủi ro RT/TTKB cũng như các chính sách và hoạt động quốc gia để giải quyết các rủi ro đã được xác định, vốn đòi hỏi những cải tiến lớn. Việc hoàn thành NRA là một bước đi tích cực nhằm tạo nền tảng tốt cho Việt Nam trong việc hiểu biết về rủi ro RT/TTKB. Bất

chấp những khiếm khuyết được ghi nhận trong NRA, các phát hiện và kết luận tổng thể của NRA vẫn được chấp nhận và các cơ quan chức năng của Việt Nam có thể sử dụng để lập chiến lược giảm thiểu rủi ro tổng thể tốt hơn thông qua Kế hoạch hành động nâng cao sau NRA. Cũng cần có những cải tiến lớn liên quan đến các mục tiêu và hoạt động phù hợp với chính sách quốc gia và rủi ro đã xác định, và cơ chế điều phối cấp hoạt động trong khu vực công, những cơ chế này được đưa ra ít trọng lượng hơn. Trọng số thấp nhất được áp dụng đối với các lĩnh vực miễn trừ, các biện pháp nâng cao và đơn giản hóa và nhận thức về rủi ro RT/TTKB của các DNFBP đòi hỏi những cải tiến cơ bản.

93. Việt Nam đạt mức hiệu quả trung bình đối với Kết quả trực tiếp số 1.

CHƯƠNG 3. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VÀ CÁC VẤN ĐỀ TRIỂN KHAI

Các Phát hiện chính và các Hành động Khuyến nghị

Các phát hiện chính

Kết quả trực tiếp số 6

a) Các cơ quan thực thi pháp luật không thường xuyên xây dựng, tiếp cận hoặc sử dụng thông tin tình báo tài chính và các thông tin khác để xây dựng bằng chứng về RT/TTKB và tội phạm nguồn, hoặc truy vết tài sản phạm tội.

b) Cục PCRT của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan duy nhất cung cấp thông tin tình báo tài chính. Những thách thức về tính sẵn có và chất lượng của báo cáo giao dịch đáng ngờ hạn chế nguồn phân tích của Cục PCRT và các sản phẩm tình báo. Số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ và các báo cáo khác mà Cục PCRT nhận được nhìn chung còn thấp và chưa tạo cơ sở tốt cho việc phân tích, điều này làm giảm vai trò tình báo tài chính của Cục PCRT. Cấp độ của báo cáo giao dịch đáng ngờ chưa phù hợp với các loại hình rủi ro của Việt Nam, cùng với đó số lượng báo cáo của các lĩnh vực có rủi ro cao như bất động sản, sòng bạc, các công ty thu đổi ngoại tệ và chuyển tiền là không đáng kể.

c) Cục PCRT thiếu công nghệ thông tin, quy trình và đội ngũ nhân viên được đào tạo để đảm nhận cả phân tích hoạt động và chiến lược. Khả năng tăng cường tình báo tài chính hạn chế làm suy yếu đáng kể việc sử dụng thông tin tình báo tài chính của các cơ quan có thẩm quyền trong việc điều tra RT/TTKB.

d) Cục PCRT đưa ra số lượng phân tích hoạt động hạn chế, có chất lượng thấp. Phân tích chiến lược đã được đưa ra trong bốn trường hợp. Đối với những báo cáo giao dịch đáng ngờ do Cục PCRT phổ biến, chỉ có dấu hiệu hạn chế thể hiện các báo cáo giao dịch đáng ngờ được phân tích sâu hơn được để củng cố hoặc tăng thêm giá trị cho các báo cáo này.

e) Thông tin tình báo tài chính do Cục PCRT cung cấp cho các cơ quan thực thi pháp luật tập trung vào các tội phạm nguồn (thay vì RT). Rất ít thông tin do Cục PCRT cung cấp cuối cùng góp phần vào điều tra và truy tố tội phạm RT hoặc tội phạm nguồn. Mặc dù Việt Nam đã có một số báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến TTKB, báo cáo này không dẫn đến các cuộc điều tra TTKB.

f) Có sự trao đổi tối thiểu về thông tin tài chính và thông tin tình báo giữa Cục PCRT và các cơ quan có thẩm quyền khác để hỗ trợ nhu cầu công việc của họ. Việc không có các thỏa thuận hợp tác đồng bộ và hiệu quả ở cấp độ hoạt động cản trở đáng kể việc sử dụng thông tin và tình báo tài chính. Ngoài ra, việc không có các kênh được bảo vệ và an toàn để phổ biến thông tin dẫn đến nguy cơ rò rỉ thông tin nhạy cảm.

Kết quả trực tiếp số 7

a) Sau khi hoàn thành báo cáo rủi ro quốc gia vào năm 2019 và ngay trước đợt đánh giá tại chỗ, Việt Nam đã yêu cầu các cơ quan thực thi pháp luật tăng cường hoạt động điều tra tội RT. Trong thực tế, các cuộc điều tra về RT được ưu tiên này chưa được thực hiện và hoạt động điều tra về RT không thường xuyên được thực hiện song song với các cuộc điều tra tội phạm nguồn. Việc thiếu các cuộc điều tra song song đã dẫn đến việc thiếu các vụ việc điều tra về RT.

b) Việt Nam thiếu một chính sách quốc gia rõ ràng để ưu tiên hoạt động điều tra tội RT, cùng với việc tập trung vào điều tra song song khoản tiền có được nhằm hoạt động phạm tội.

c) Các cơ quan hành pháp có một loạt các quyền hạn và trách nhiệm để điều tra và truy tố các tội phạm RT. Tuy nhiên, Việt Nam chỉ đưa ra được 3 ví dụ về các vụ truy tố tội RT (liên quan đến tham ô, lừa đảo và tội đánh bạc) trong 10 năm qua và chỉ có hai cuộc điều tra về RT đang diễn ra (liên quan đến lừa đảo và buôn lậu). Chưa có ví dụ về trường hợp điều tra riêng hoạt động RT, các cuộc điều tra liên quan đến cơ quan đại diện nước ngoài hoặc RT thông qua pháp nhân.

d) Xét theo số lượng điều tra về các nguồn tiền có được từ tội phạm nguồn thì mức độ điều tra, truy tố và xét xử tội RT còn chưa tương xứng với các loại hình rủi ro RT của Việt Nam. Đối với trường hợp có điều tra tài chính song song, thì cũng phần lớn là để giúp tịch thu được số tiền phạm tội chứ chưa phải điều tra chuyên ngành về hoạt động rửa tiền do phạm tội mà có.

e) Bộ Công an không tiến hành các cuộc điều tra RT phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam, không có nhóm điều tra RT chuyên trách để tập trung vào các hoạt động RT và có vẻ như đang thiếu nhận thức chung về các hành vi vi phạm RT hoặc giá trị của việc "theo dấu đồng tiền".

f) Các cơ quan hành pháp và các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam có thực hiện trao đổi thông tin và hợp tác trong quá trình điều tra, nhưng không tiến hành điều tra chung. Hợp tác thường tập trung vào các tội phạm nguồn mà ít tập trung vào điều tra tài chính song song cho tội RT.

g) Mức độ xử phạt đủ sức răn đe và tương xứng đã được áp dụng trong 3 vụ truy tố tội RT đã hoàn thành.

Kết quả trực tiếp số 8

a) Cơ chế ưu tiên đã được đưa ra để theo đuổi việc tịch thu tiền có được từ hoạt động phạm tội, và Việt Nam đã có một số chính sách và chiến lược ở cấp quốc gia và cấp hoạt động để theo đuổi việc tịch thu. Mức độ ưu tiên chưa được phản ánh trên tất cả các cơ quan thực thi pháp luật. Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu tịch thu đầy tham vọng, điều này đáng khen ngợi.

b) Việt Nam tiến hành kê biên và tịch thu các khoản tiền hay công cụ phạm tội theo số tiền do tòa án tuyên phạt (thể hiện mức độ thiệt hại phát sinh do hành vi phạm tội gây ra).

c) Ở một chừng mực nào đó, kết quả tịch thu của Việt Nam phản ánh mức độ rủi ro RT, đặc biệt liên quan đến các loại tội phạm nguồn có rủi ro cao như tham ô tài sản, tổ chức đánh bạc và buôn bán ma túy. Tuy nhiên, việc thu hồi tài sản liên quan đến tham nhũng là thấp khi so sánh với các tội phạm nguồn khác. Việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và các công cụ liên quan chủ yếu đến các tội phạm nguồn trong nước.

d) Với vai trò là những cơ quan chính chịu trách nhiệm thu hồi tài sản đã bị phong tỏa, Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao phải đối mặt với những thách thức trong việc xác định và truy vết tài sản, đặc biệt liên quan tới các loại tội phạm phức tạp. Hơn nữa, khi phải đối mặt với các vấn đề phức tạp và những bị cáo nhiều thủ đoạn, các cơ quan thực thi pháp luật gặp khó khăn trong việc truy tìm và liên kết tài sản với bị cáo trong quá trình tố tụng hình sự.

e) Việt Nam chưa chứng minh được việc áp dụng một cách thường xuyên phương pháp ngăn giữ ở mức tối đa các loại hình tài sản trong giai đoạn đầu hoặc theo yêu cầu điều tra truy tìm tài sản chi tiết. Mặc dù luật pháp cho phép việc kê biên tài sản không cần thông báo trước, cơ quan chức năng thường chỉ thực hiện khi kê biên có lệnh khởi tố điều tra.

f) Trong khi có một số hướng dẫn về quản lý tài sản, Việt Nam có thể cải thiện được việc quản lý tài sản đã bị thu giữ để đảm bảo thu hồi được giá trị tối đa. Không có cơ quan chính phủ được chỉ định nào để quản lý số tài sản đã bị kê biên, thu giữ và tịch thu.

g) Mặc dù luật pháp cho phép ngăn giữ tài sản mà không cần thông báo trước, các cơ quan chức năng thường ngăn giữ tài sản sau khi có lệnh khởi tố điều tra và như vậy (những) đối tượng bị điều tra biết được đang bị điều tra tội phạm, điều này tạo ra những thách thức đáng kể trong việc ngăn chặn việc tiêu tán tài sản trước khi ngăn giữ

h) Tỷ lệ thu hồi tài sản theo lệnh tịch biên (tức là giá trị tài sản thu hồi được trên số tiền phán quyết của tòa án) là rất thấp. Tỷ lệ thu hồi thấp là một vấn đề đối với tất cả tội phạm nguồn, với tỷ lệ thu hồi bình quân từ tài sản tịch thu tương đương khoảng 29% giá trị phán quyết của tòa án.

i) Việc tịch thu tiền giả hoặc tiền vận chuyển không khai báo hay thương phiếu (công cụ chuyển nhượng) cũng dường như chỉ ở mức vừa phải. Các cơ quan hành pháp hình như chưa ưu tiên hoặc có bất kỳ chiến lược điều tra một cách có hiệu quả nguồn tiền bị tạm giữ tại biên giới, cảng biển và sân bay của Việt Nam.

Các Hành động khuyến nghị

Kết quả trực tiếp số 6

a) Các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan điều tra khác nên tăng cường thu thập và thường xuyên sử dụng các thông tin tình báo tài chính và các thông tin liên quan, thông qua các quy trình của riêng các cơ quan thực thi pháp luật và thông tin tình báo của Cục PCRT để ưu tiên điều tra tài chính để xây dựng bằng chứng và truy vết tội phạm liên quan đến RT, tội phạm nguồn và TTKB. Các cơ quan hành pháp nên có phản hồi về hiệu quả sử dụng thông tin tình báo tài chính cho Cục PCRT.

b) Cục PCRT cần tăng cường nhiều hơn nữa hoạt động phân tích của mình bằng cách nâng cấp các quy trình phân tích mà phản ánh các phương pháp luận về tình báo tội phạm và tích hợp lưu trữ dữ liệu để tạo kết nối giữa mọi người, thực thể, tài sản và giao dịch. Cục PCRT cần thu thập đủ thông tin tài chính và cung cấp các sản phẩm có giá trị gia tăng cho các cơ quan hành pháp. Việc tăng cường cần bao gồm phân tích hoạt động và chiến lược.

c) Các thông tin tình báo tài chính của Cục PCRT nên mở rộng ra ngoài các tội phạm nguồn để trọng tâm vào RT và sự di chuyển của tiền thu được từ tội phạm, đáp ứng tốt hơn với hồ sơ rủi ro RT.

d) Cục PCRT phải cải thiện việc truy cập kịp thời vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hành pháp và tận dụng nền tảng một cách tốt hơn để trao đổi thông tin điện tử, bao gồm cả của Tổng cục Hải quan. Cần cải thiện sự phối hợp và hợp tác giữa Cục PCRT và Tổng cục Hải quan để chia sẻ thông tin, bao gồm các báo cáo xuyên biên giới, và hỗ trợ các cuộc điều tra tài chính của Hải quan.

e) Các nguồn lực khác cần được phân bổ cho Cục PCRT và các cơ quan hành pháp khác để cải thiện việc cung cấp thông tin và sử dụng thông tin tài chính phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam.

f) Cục PCRT và các cơ quan hành pháp nên xây dựng cải thiện các hệ thống, quy trình và năng lực của nhân viên, bao gồm đào tạo đầy đủ và phù hợp để nâng cao chất lượng phân tích và điều tra tài chính nhằm hỗ trợ tốt nhất cho nhu cầu hoạt động của cơ quan hành pháp để xây dựng bằng chứng và truy tìm các khoản tiền thu được từ tội phạm liên quan đến RT, các tội phạm nguồn có liên quan và TTKB.

g) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải đảm bảo tính độc lập trong hoạt động của Cục PCRT liên quan đến chức năng phân tích và phổ biến thông tin của Cục PCRT, các thỏa thuận hợp tác trong nước và quốc tế và khả năng thu thập và triển khai các nguồn lực.

h) Hợp tác và trao đổi thông tin và tình báo tài chính giữa Cục PCRT và các cơ quan có thẩm quyền khác cần được tăng cường để hỗ trợ nhu cầu hoạt động của họ. Các kênh được bảo vệ và an toàn để phổ biến giữa Cục PCRT và các cơ quan chức năng khác nên được phát triển và sử dụng để bảo vệ thông tin nhạy cảm.

Kết quả trực tiếp số 7

a) Các chính sách quốc gia rõ ràng cần được xây dựng để nâng cao nhận thức cho tất cả các cơ quan hành pháp và các cơ quan công tố về việc ưu tiên và tiến hành các cuộc điều tra và truy tố RT song song với việc xác định tội phạm nguồn và đối với RT riêng lẻ, phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam. Bộ Công an và các cơ quan hành pháp khác phải thể hiện mức độ ưu tiên.

b) Phát triển và triển khai chính sách và quy trình điều tra RT cho mỗi cơ quan hành pháp tập trung vào RT liên quan tới rủi ro trọng yếu. Quá trình này phải bao gồm cả đào tạo điều tra RT và thiết lập các đội RT chuyên biệt tập trung vào điều tra song song đối với các tội phạm sinh ra tài sản phạm tội mà có rủi ro cao.

c) Hỗ trợ nâng cao nhận thức và hiểu biết cho các cơ quan hành pháp và ưu tiên đặt mục tiêu điều tra việc sử dụng bên thứ ba để rửa tiền cũng như sử dụng điều tra RT để nhận diện và tập trung vào những mạng lưới tội phạm ở cấp độ sinh ra lợi nhuận.

d) Tăng cường năng lực cho các cơ quan chức năng để đảm bảo rằng các cơ quan điều tra và công tố viên được đào tạo và trang bị đầy đủ nguồn lực để nhận diện, điều tra và truy tố các hoạt động RT có thể thông qua thiết lập các đội đặc nhiệm hoặc thoả thuận tương tự cho một vài cơ quan chức năng cùng phối hợp điều tra về RT, nếu thích hợp.

e) Bộ Công an cần tăng cường các kênh hợp tác điều tra và trao đổi thông tin với Tổng cục Hải quan để xử lý một cách có hiệu quả các tội phạm xuyên biên giới và hành vi RT liên quan.

g) Tiếp tục hỗ trợ hoạt động điều tra các trường hợp RT xuyên quốc gia bằng cách các cơ chế hợp tác chính thức (hỗ trợ pháp lý đa phương).

h) Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để xác định các hành vi khả năng có RT và chuẩn bị cho quá trình truy tố để tăng cường truy tố và áp dụng các biện pháp trừng phạt.

Kết quả trực tiếp số 8

a) Việt Nam cần phải tiếp tục rà soát và sửa đổi nếu cần thiết các chính sách và chiến lược ở cấp quốc gia và cấp vận hành để có thể thực hiện tịch thu, kể cả chuyển trả, chia sẻ và bồi thường số tiền, công cụ có được do phạm tội và tài sản có giá trị tương đương, đặc biệt đối với các lĩnh vực được xác định là có rủi ro cao.

b) Bộ Công an cần phân bổ nhiều hơn nguồn lực (nhân lực và hệ thống), ngân sách và đào tạo cho công tác điều tra tài sản liên quan đến các tội phạm tài chính phức tạp và xác định chủ sở hữu tài sản trong các cấu trúc phức tạp.

c) Các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan nắm quyền công tố nên thiết lập và thực hiện các ưu tiên cấp cơ quan để truy tìm và kê biên tài sản và tiến hành tịch thu đối với các tội phạm nguồn có rủi ro RT cao, để tăng cường nhận biết các công cụ và tiền thu được cho mục đích tịch thu. Cụ thể, các cơ quan hành pháp cần tập trung điều tra tiền mặt và các tài sản có rủi ro cao như bất động sản.

d) Ưu tiên cải thiện các biện pháp tình báo, điều tra và tịch thu để đối phó với hoạt động buôn lậu tiền mặt. Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần thiết lập các kênh chia sẻ thông tin và hợp tác điều tra mạnh hơn giữa Tổng cục Hải quan và Cục PCRT. Cơ quan thực thi pháp luật cần xác định các bến cảng có rủi ro cao nơi diễn ra hoạt động buôn lậu tiền mặt và áp dụng các biện pháp cưỡng chế thích hợp.

e) Việt Nam cần đưa ra yêu cầu phải điều tra tài chính song song đối với tất cả các tài sản phát sinh từ quá trình điều tra (kể cả cho mục đích truy vết tịch thu tài sản) trong tất cả các cuộc điều tra tội phạm tạo ra tiền lớn khi hoàn cảnh cho phép, đặc biệt là truy tìm tài sản đối với các bị can trong các vụ án tham nhũng, đại án, các tình tiết phù hợp.

f) Việt Nam cần xem xét thành lập các đội chuyên trách truy vết tài sản, đặc biệt là trong các vụ án tham nhũng và ở những lĩnh vực có các giao dịch tiền mặt lớn. Khi thích hợp, các cơ quan thực thi pháp luật nên xem xét thành lập các lực lượng đặc nhiệm cho mục đích này.

g) Việt Nam cần cân nhắc khả năng sử dụng thêm các biện pháp về đánh thuế để thu hồi tiền do phạm tội mà có trong những trường hợp chưa thể áp dụng biện pháp hình sự khác.

94. Các Kết quả trực tiếp liên quan được xem xét và đánh giá trong chương này là các kết quả trực tiếp từ số 6-8. Các khuyến nghị liên quan để đánh giá hiệu quả trong phần này là Khuyến nghị số 1, Khuyến nghị số 3, Khuyến nghị số 4 và Khuyến nghị số 29-32 và một phần của Khuyến nghị số 2, 8, 9, 15, 30, 31, 34, 37, 38, 39 và 40.

Kết quả trực tiếp số 6 (Tình báo tài chính về RT/TTKB)

95. Cục PCRT là Đơn vị tình báo tài chính Việt Nam và được đặt trong Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cục PCRT đóng vai trò là trung tâm quốc gia để tiếp nhận, phân tích và chuyển giao các thông tin tình báo tài chính và các thông tin khác liên quan đến hoạt động RT và TTKB. Cục PCRT có vai trò chủ chốt để điều phối các nỗ lực chống rửa tiền/tài trợ khủng bố tại Việt Nam, thu thập các báo cáo giao dịch tiền mặt, báo cáo chuyển tiền điện tử xuyên biên giới, báo cáo giao dịch đáng ngờ và các thông tin khác từ các đối tượng báo cáo và chuyển giao thông tin tình báo tài chính cho cơ quan hành pháp. Đây là Đơn vị tình báo tài chính hành chính và không có chức năng hành pháp, và có thể tiến hành thanh tra giám sát chống RT/TTKB.

96. Cục PCRT có 36 nhân viên chia thành bốn phòng, trong đó có 11 nhân viên được phân công thu thập và phân tích các báo cáo.

Sử dụng tình báo tài chính và các thông tin khác

97. Cơ quan hành pháp của Việt Nam có thực hiện một số điều tra tài chính liên quan đến các tội phạm nguồn, nhưng chỉ sử dụng hạn chế thông tin và thông tin tình báo tài chính. Với ghi nhận số lượng điều tra và truy tố tội RT còn ít (bốn cuộc điều tra RT, ba vụ truy tố, và ba vụ kết án trong mười năm qua), cho thấy tình báo tài chính chưa được phát triển hoặc sử dụng một cách có hiệu quả cơ quan hành pháp để xây dựng bằng chứng và truy tìm tiền liên quan đến RT và TTKB. Việc sử dụng tình báo tài chính trong việc điều tra các tội phạm nguồn là nhiều hơn, tuy nhiên vẫn chỉ ở mức hạn chế so với bối cảnh và các loại hình rủi ro của Việt Nam. Các cơ quan hành pháp chưa phát triển hoặc sử dụng thông tin tình báo tài chính để lập hồ sơ về RT hoặc điều tra tài chính song song khi qua công tác điều tra tội phạm nguồn phát hiện có liên quan đến tài chính.

98. Các cơ quan hành pháp ở Việt Nam và đặc biệt là Bộ Công an chỉ sử dụng ở mức hạn chế các thông tin tình báo tài chính do Cục PCRT thu thập và chuyển giao. Xét theo bối cảnh và loại hình rủi ro của Việt Nam, các cơ quan hành pháp chưa thường xuyên yêu

cầu Cục PCRT cung cấp thông tin tình báo tài chính hoặc các thông tin khác phục vụ công tác điều tra tội phạm nguồn, truy tìm tài sản hoặc điều tra RT/TTKB.

99. Trong giai đoạn 2013-2018, Cục PCRT đã nhận được 760 yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền. Những thông tin Cục PCRT được yêu cầu cung cấp chủ yếu liên quan đến các bị cáo và nghi phạm, đặc biệt liên quan đến các tội phạm nguồn. Cục PCRT đã trả lời tất cả các yêu cầu từ các đơn vị điều tra của Bộ Công an, Cơ quan Thuế và Hải quan. Cục PCRT có quy trình nội bộ để ưu tiên "trường hợp khẩn cấp" cho phân tích. Tuy nhiên, chưa có quy trình phân loại ưu tiên cụ thể nào đối với cả các báo cáo giao dịch đáng ngờ và bất kỳ yêu cầu nào nhận được từ các cơ quan hành pháp.

100. Bộ Công an là cơ quan nhận nhiều thông tin tình báo nhất từ Cục PCRT. Trong giai đoạn 2014-2018, Bộ Công an đã nhận được 349 vụ việc chuyển giao bao gồm 1.832 báo cáo giao dịch đáng ngờ từ Cục PCRT. Dù có số lượng lớn các kết quả thông tin tình báo được chuyển giao, việc chuyển giao của Cục PCRT chỉ dẫn đến 24 vụ việc mà tội phạm nguồn được điều tra, truy tố và kết án. Chỉ có sáu trường hợp RT đã được điều tra với chỉ ba trong số này bị kết án trong suốt giai đoạn đó. Ba trường hợp đang trong quá trình điều tra RT tại thời điểm báo cáo[17].

101. Bảng dưới đây liệt kê danh mục chuyển giao và điều tra trong giai đoạn 2016 đến 2019: 'Các vụ đã điều tra' được liệt kê bên dưới có thể chứa thông tin từ một hoặc nhiều báo cáo giao dịch đáng ngờ và thông tin bổ sung của Cục PCRT:

Bảng 3.1: Sử dụng tình báo tài chính

Năm	Số báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được	Số báo cáo giao dịch đáng ngờ phân tích	Số báo cáo giao dịch đáng ngờ chuyển giao	Số vụ việc được điều tra	Số báo cáo giao dịch đáng ngờ dẫn đến các vụ việc RT
2016	1.325	1.325	962	81	0
2017	1.474	1.474	530	57	1
2018	1.540	1.450	749	68	1
2019	2.156	1.032	1.118	148	7
Tổng	**6.495**	**5.281**	**3.359**	**354**	**8**

102. Thông tin tình báo tài chính của Cục PCRT không được sử dụng đúng cách trong các cuộc điều tra về RT/TTKB. Các cơ quan chức năng Việt Nam, cụ thể là Bộ Công an, đã không phản hồi với Cục PCRT về hiệu quả của thông tin tình báo tài chính. Chưa có đơn vị điều tra và truy tố RT chuyên trách trong các cơ quan có liên quan để ưu tiên xử lý các trường hợp RT và tiến hành điều tra song song (xem phân tích của Kết quả trực tiếp số 7).

103. Cục PCRT chưa đưa ra được bất kỳ ví dụ nào về việc chủ động chuyển giao thông tin cho Tổng cục Hải quan. Mặc dù Cục PCRT đã trả lời các yêu cầu cung cấp thông tin từ Tổng cục Hải quan. Ngoài ra, thông tin do Tổng cục Hải quan cung cấp về tiền mặt và công cụ chuyển nhượng cung cấp cho Cục PCRT thiếu thông tin quan trọng về nguồn vốn và mục đích của giao dịch để giúp cảnh báo khả năng buôn lậu xuyên biên giới. Chưa có hoạt động điều tra, truy tố hoặc kết án nào xuất phát từ các thông tin khai báo tiền mặt đáng ngờ và công cụ chuyển nhượng.

104. Trường hợp nghiên cứu sau đây là một trong những ví dụ hạn chế về việc sử dụng các báo cáo giao dịch đáng ngờ (như thông tin tình báo tài chính) do Cục PCRT chuyển giao sang Bộ Công an trong công tác điều tra về tội RT sau đó thực hiện truy tố các nghi phạm.

[17] Tổng số 07 vụ việc rửa tiền được điều tra tính đến tháng 6/2021.

Nghiên cứu tình huống 1 – Giang Văn Hiển (2014)

Việc điều tra đối tượng Giang Văn Hiển được thực hiện dựa trên báo cáo giao dịch đang ngờ do Cục PCRT chia sẻ. Ông Giang Văn Hiển là cha của ông Giang Kim Đạt (Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Vận tải Viễn dương Vinashin) bị cáo buộc tham ô. Giám đốc kinh doanh đã yêu cầu cha anh ta mở 22 tài khoản ngân hàng bằng ngoại tệ tại các ngân hàng khác nhau để tránh sự chú ý của cơ quan có thẩm quyền và che giấu tiền của tội phạm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển tiền từ các đối tác nước ngoài tham gia vào hoạt động tội phạm.

Các đối tác nước ngoài đã thực hiện 92 giao dịch đến các tài khoản này với số tiền là 16 triệu USD. Giang Văn Hiển mua 40 bất động sản đứng tên các thành viên trong gia đình và mua bán 13 ô tô hạng sang. Anh ta nhận thức được rằng số tiền này là tiền thu được từ tội phạm và cố ý thực hiện các giao dịch.

Vào tháng 2 năm 2017, ông Giang Văn Hiển bị kết án 12 năm về tội RT. Bộ công an đã triển khai điều tra rửa tiền vụ thứ hai 'Phan Sào Nam và đồng bọn' dẫn đến kết án vào năm 2018. Vụ việc này cũng phát sinh từ báo cáo giao dịch đáng ngờ được Cục PCRT chia sẻ.

Số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được và yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền

105. Các báo cáo giao dịch đáng ngờ được lập có thể chưa có đủ thông tin liên quan để cho Đơn vị tình báo tài chính xây dựng thông tin tình báo của có thể là tiền thu được từ tội phạm, RT và tội phạm nguồn có liên quan, hoặc TTKB. Báo cáo giao dịch đáng ngờ được báo cáo từ một phạm vi hẹp của các đối tượng báo cáo và có những lo ngại rằng chất lượng của báo cáo giao dịch đáng ngờ không cao. Còn có nhiều quan ngại sâu sắc về mức độ chính xác của các của các thông tin tình báo tài chính có thể xây dựng dựa trên các báo cáo giao dịch đáng ngờ do mức độ báo cáo tổng thể còn thấp và một số lĩnh vực rủi ro cao chưa có báo cáo cũng như chất lượng chung chưa cao của các báo cáo giao dịch đáng ngờ được lập.

106. Cục PCRT nhận được báo cáo giấy và điện tử, trong đó báo cáo giấy phổ biến hơn ngoại trừ các ngân hàng thương mại có xu hướng báo cáo điện tử. Báo cáo giấy đặt ra những thách thức đối với Cục PCRT.

107. Liên quan đến các vấn đề hải quan, Tổng cục Hải quan không đưa ra yêu cầu cung cấp thông tin từ Cục PCRT liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc bất kỳ hành vi vi phạm từ ngữ nào. Tuy nhiên, Cục PCRT đã gửi một số lượng thấp yêu cầu cung cấp thông tin cho Tổng cục Hải quan để tìm kiếm thêm thông tin. Cục PCRT cũng nhận tiền mặt xuyên biên giới và báo cáo công cụ chuyển nhượng từ Tổng cục Hải quan, và các báo cáo được lưu trong cơ sở dữ liệu Cục PCRT. Các báo cáo không được sử dụng để phát triển trí thông minh tài chính hoặc hỗ trợ phát triển trí thông minh hoặc điều tra tài chính của cơ quan hành pháp. Cục PCRT không chứng minh bất kỳ hồ sơ nào được kích hoạt bởi tiền mặt & báo cáo công cụ chuyển nhượng hoặc rằng thông tin được sử dụng trong bất kỳ trường hợp rửa tiền nào. Mặc dù thông tin tình báo không được chia sẻ rộng rãi giữa Tổng cục Hải quan và Cục PCRT, nhưng không có ví dụ nào về phản hồi về thông tin tình báo tài chính mà Cục PCRT đã nhận được từ Tổng cục Hải quan. Ngoài ra, Việt Nam chưa đưa ra bất kỳ ví dụ nào về việc khai báo công cụ chuyển nhượng sai. Các nhu cầu hoạt động được hỗ trợ bởi hoạt động phân tích và chuyển giao của cơ quan tình báo tài chính.

108. Ngoài báo cáo giao dịch đáng ngờ, Cục PCRT nhận báo cáo chuyển tiền điện tử từ các ngân hàng và báo cáo giao dịch tiền mặt từ tổ chức tài chính và một số DNFBP. Cục

PCRT có lượng báo cáo chuyển tiền điện tử và báo cáo giao dịch tiền mặt rất lớn, nhưng số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ rất nhỏ (khoảng 1.000.000 báo cáo giao dịch tiền mặt và 60.000 báo cáo chuyển tiền điện tử báo cáo mỗi tháng). Tính đến tháng 12 năm 2018, Cục PCRT đã nắm giữ khoảng 9.000 báo cáo giao dịch đáng ngờ được nộp từ năm 2014 và 300 triệu báo cáo giao dịch (báo cáo chuyển tiền điện tử và báo cáo giao dịch tiền mặt) liên quan đến 11 triệu khách hàng.

Bảng 3.2: Số lượng báo cáo giao dịch tiền mặt và báo cáo chuyển tiền điện tử nhận được giai đoạn 2016-2018

Đối tượng báo cáo	Loại báo cáo	2016		2017		2018	
		Báo cáo	Giao dịch	Báo cáo	Giao dịch	Báo cáo	Giao dịch
Ngân hàng	Giao dịch tiền mặt	26.759	40.307.687	27.364	43.816.710	27.254	51.504.203
	Chuyển tiền điện tử quốc tế	27.045	2.847.848	27.839	2.952.749	27.274	3.105.673
Casinos	Giao dịch tiền mặt	805	7.552	867	9.417	904	8.039
Công ty tài chính	Giao dịch tiền mặt	1.247	13	1.021	57	1.017	103
Công ty kinh doanh vàng	Giao dịch tiền mặt	785	3.116	734	2.174	375	1.105
Công ty bảo hiểm	Giao dịch tiền mặt	267	498	322	637	340	689
Công ty xổ số	Giao dịch tiền mặt	29	63	270	763	173	551
Quỹ tín dụng nhân dân	Giao dịch tiền mặt	46	0	320	593	466	941
Công ty bất động sản	Giao dịch tiền mặt	0	0	0	0	0	0

Bảng 3.3: Báo cáo giao dịch đáng ngờ mà Cục PCRT nhận được

Năm	NHTM Nhà nước	NHTM Cổ phần	Ngân hàng nước ngoài và chi nhánh	Công ty Bảo hiểm	Công ty Chứng khoán	Công ty chuyển tiền quốc tế	Khác (bao gồm các TCTC và DNFBP)	Tổng
2014	413	352	84	24	1			**874**
2015	305	851	192	80		114		**1,542**
2016	236	456	237	25		372		**1,326**
2017	305	343	294	46		485	1	**1,474**
2018	380	322	523	25		285	5	**1,540**
2019	543	325	410	25		41	9	**1,353**
Tổng	**2,182**	**2,649**	**1,740**	**225**	**1**	**1,297**	**15**	**8,109**

Bảng 3.4: Số lượng yêu cầu cung cấp thêm thông tin của Cục PCRT gửi các đối tượng báo cáo 2013-2018

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Tổng
Yêu cầu/năm	96	145	275	282	155	203	**1,156**

Bảng 3.5: Số lượng các yêu cầu mà Bộ Công an thực hiện đối với Cục PCRT liên quan đến TTKB

Năm	Yêu cầu	Phản hồi	Nhận xét
2013	9	9	
2014	26	26	
2015	23	23	
2016	25	25	
2017	39	39	

2018	29	29	Không bị truy tố và kết án
2019	33	33	
Tổng	**183**	**154**	

109. Trong giai đoạn 2014-2018, phần lớn báo cáo giao dịch đáng ngờ mà Cục PCRT tiếp nhận đã được chuyển giao cho Bộ Công an. Một số ít các cuộc điều tra được Bộ Công an thực hiện xuất phát từ báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được. Bộ Công an không thể xử lý (phân tích và điều tra) và xem xét tất cả các báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được. Cục PCRT đã chuyển giao 1832 báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Bộ Công an, nhưng như đã đề cập ở trên, hiệu quả sử dụng thông tin tình báo tài chính do Cục PCRT thực hiện là rất hạn chế. Số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các TCTC phi ngân hàng và DNFBP đến Cục PCRT rất thấp, cùng với chất lượng kém của các tờ khai xuyên biên giới là những lỗ hổng đáng kể trong thông tin cơ bản sẵn có tại Cục PCRT để hỗ trợ phân tích và chuyển giao.

110. Hơn 80% số lượng các báo cáo giao dịch đáng ngờ là do ngân hàng nộp, nhưng dưới 1% là từ các DNFBP và một số tổ chức tài chính (các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, các quầy đổi tiền). Điều này giới hạn khả năng của Cục PCRT trong việc phân tích và chuyển giao các thông tin tình báo tài chính liên quan đến các lĩnh vực này, một số trong đó có rủi ro RT cao ở Việt Nam. Ví dụ, lĩnh vực bất động sản, các công ty chuyển tiền và sòng bạc có rủi ro xảy ra tội phạm RT cao hơn, điều này cho thấy số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được không phù hợp với mức độ rủi ro về RT của các lĩnh vực này dẫn đến không có thông tin tình báo nào được xây dựng để hỗ trợ các hoạt động điều tra ngày càng tăng về tội RT.

111. Cục PCRT thực hiện các chương trình đào tạo và phổ biến kiến thức cho các đối tượng báo cáo để tăng cường nhận thức của họ về nghĩa vụ báo cáo và cải thiện chất lượng của các báo cáo giao dịch đáng ngờ. Cụ thể, Cục PCRT cho biết rằng họ phối hợp cùng các tổ chức ngân hàng để cải thiện các biện pháp chống rửa tiền/tài trợ khủng bố trong lĩnh vực này. Tuy nhiên, đối với các tổ chức tài chính phi ngân hàng và các DNFBP thì chưa thực hiện công tác phối hợp và phổ biến kiến thức như vậy. Nhìn chung, việc đào tạo và phổ biến kiến thức chưa tạo ra được những chuyển biến đáng kể trong chất lượng báo cáo, đặc biệt là bởi các tổ chức tài chính phi ngân hàng và các DNFBP.

112. Cục PCRT nhận được một số báo cáo thông tin tình báo liên quan đến TTKB từ các ngân hàng mặc dù còn lỗ hổng về quy định pháp luật về báo cáo yêu cầu các đối tượng báo cáo phải báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến TTKB (xem Khuyến nghị số 20).

113. Tổng cục Hải quan cũng cung cấp cho Cục PCRT thông tin liên quan đến vận chuyển tiền mặt và khai báo công cụ chuyển nhượng hàng tháng. Các báo cáo vận chuyển tiền mặt qua biên giới do Tổng cục Hải quan gửi cho Cục PCRT là hạn chế và thiếu những thông tin quan trọng như nguồn tiền và mục đích chuyển tiền. Ngoài ra, trên cơ sở các quan sát tại chỗ, chúng tôi nhận thấy rằng các cơ chế phối hợp và hợp tác giữa Cục PCRT và Tổng cục Hải quan còn yếu và như vậy có thể hạn chế chất lượng phân tích của Cục PCRT, đặc biệt liên quan đến các tội phạm xuyên biên giới.

Nhu cầu hoạt động được hỗ trợ bằng các kết quả phân tích và chuyển giao của Đơn vị tình báo tài chính

Phân tích

114. Trước khi chuyển giao cho cơ quan hành pháp, Cục PCRT thực hiện rất ít phân tích các báo cáo giao dịch đáng ngờ và các báo cáo khác. Cục PCRT thiếu các công cụ công nghệ thông tin phân tích tích hợp để tạo thuận lợi cho quá trình phân tích.

115. Cục PCRT có một số quy trình và thủ tục điều hành cho phân tích hoạt động (thông tư nội bộ năm 2019), bao gồm một số yếu tố của việc ưu tiên. Mặc dù vậy vẫn còn quan ngại rằng rất ít phân tích hoạt động được thực hiện trước khi chuyển giao, các báo cáo giao dịch đáng ngờ (đang gây ra nghi ngờ) được chuyển cho cơ quan hành pháp mà không có phân tích để "gia tăng giá trị" cho báo cáo giao dịch đáng ngờ.

116. Cục PCRT đã xây dựng một số sản phẩm tình báo chiến lược xem xét các phương thức RT và các tội phạm liên quan dựa trên dữ liệu báo cáo giao dịch đáng ngờ tổng hợp. Cục PCRT đã ban hành một thông tư nội bộ vào năm 2019 liệt kê các giao thức và quy trình khai thác dữ liệu để phân tích chiến lược. Bốn Báo cáo Phân tích chiến lược đã được ban hành, xây dựng giữa năm 2015 và 2018[18] bao gồm: thẻ ngân hàng (2017), kiều hối (2017), rút tiền mặt (ngoại tệ) ở nước ngoài (2017) và trung gian thanh toán (2018).

117. Cục PCRT sử dụng một số lượng cơ sở dữ liệu hạn chế để tiến hành phân tích (bao gồm Cổng thông tin đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, và cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế). Khả năng sử dụng các cơ sở dữ liệu của cơ quan thực thi pháp luật và hành chính trong phân tích là rất hạn chế. Quy trình thu thập dữ liệu từ các cơ quan thực thi pháp luật hầu như thủ công và tốn thời gian. Cục PCRT bị hạn chế truy cập trực tiếp vào cổng thông tin của Hải quan, Thuế, Cục Hồ sơ Nghiệp vụ, Cục quản lý Xuất nhập cảnh và các cơ quan hành pháp khác. Tài liệu chuyển giao của Cục PCRT thiếu các thông tin như vậy, do đó giảm đáng kể giá trị của các báo cáo chuyển giao.

118. Mặc dù số lượng nhân viên tương đối ít (có 36 nhân viên với 11 nhân viên được giao phân tích các báo cáo giao dịch đáng ngờ và thông tin tài chính khác), Cục PCRT cho biết đã phân tích 100% số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được trong giai đoạn 2014-2018, điều này càng khẳng định phát hiện rằng trước khi chuyển giao các báo cáo cho cơ quan hành pháp thì Cục PCRT chỉ thực hiện phân tích một cách hạn chế. Tiếp cận cơ sở dữ liệu một cách hạn chế, năng lực phân tích thấp, thiếu các tài liệu hướng dẫn cập nhật đã khẳng định thêm rằng năng lực tạo ra các các sản phẩm giá trị gia tăng cho các cơ quan hành pháp của Cục PCRT bị hạn chế nghiêm trọng.

119. Mặc dù Cục PCRT cũng nhận được báo cáo vận chuyển tiền mặt và công cụ chuyển nhượng qua biên giới từ Tổng cục Hải quan, nhưng những thông tin này chưa được Cục PCRT sử dụng để xây dựng các báo cáo tình báo. Tuy nhiên, Cục PCRT đang có kế hoạch ký MOU với Tổng cục Hải quan để tăng cường hơn nữa việc sử dụng thông tin thông qua việc gắn kết và nhận thức được tính hữu ích của các báo cáo này.

120. Cục PCRT chưa thu thập thông tin về RT và TTKB từ đối tác nước ngoài, do đó phân tích của Cục PCRT thường không bao gồm thông tin từ đối tác nước ngoài. Cục PCRT không phải là thành viên của Nhóm Egmont và phòng hợp tác quốc tế của Cục PCRT chỉ giới hạn trong việc trao đổi thông tin liên quan đến RT. Cục PCRT đã không tìm kiếm bất kỳ thông tin nào về RT và TTKB từ các đối tác nước ngoài. Điều này không phù hợp với hồ sơ rủi ro RT.

121. Lưu ý các vấn đề nêu trên, quá trình phân tích và chuyển giao thông tin tình báo tài chính đòi hỏi phải xem xét tổng thể nhằm kết hợp với các phản hồi của các cơ quan thực thi pháp luật đối với tính hữu ích của các thông tin do Cục PCRT chuyển giao nhằm hỗ trợ cho một số cuộc điều tra, truy tố và kết án dựa trên hồ sơ của Cục PCRT.

122. Liên quan đến TTKB, Cục PCRT đã chia sẻ 29 trường hợp chia sẻ thông tin tình báo tài chính cho Bộ Công an từ năm 2013 đến năm 2019 dựa trên các vấn đề liên quan đến TTKB

[18] Vào năm 2020-2021, Cục PCRT đang hoàn thành 04 báo cáo phân tích chiến lược sâu hơn. Chủ đề bao gồm các hoạt động đánh bạc; chuyển tiền điện tử (luồng vào/luồng ra); quy định PCRT/TTKB trong nước và kiểm toán các TCTC.

do các ngân hàng báo cáo. Các báo cáo này chưa dẫn đến bất kỳ cuộc điều tra, truy tố hoặc kết tội nào và không rõ những phân tích nào đã xảy ra liên quan đến chúng. Hồ sơ đánh giá rủi ro quốc gia của Việt Nam vạch ra rằng rủi ro TTKB của Việt Nam thấp, có thể là một lý do cho thông tin tình báo của các cơ quan liên quan, bao gồm Cục PCRT, trong mối quan hệ với TTKB. Cục PCRT đã không gửi bất kỳ yêu cầu nào cho các đối tác nước ngoài và trong nước về TTKB, điều này phù hợp với rủi ro thấp đối với TTKB. Các đối tượng báo cáo đã nộp một số báo cáo liên quan đến TTKB cho Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chuyển giao

123. Trao đổi thông tin giữa Cục PCRT và các cơ quan thực thi pháp luật được thực hiện thông qua các MOU. Tuy nhiên, quá trình trao đổi thông tin và liên lạc với các cơ quan thực thi pháp luật là thủ công (bằng giấy tờ) dẫn đến sự chậm trễ trong việc chuyển giao. Mặc dù có một số cơ chế bảo mật thông tin nhưng việc trao đổi thông tin theo cách thủ công làm tăng nguy cơ vi phạm bí mật và bảo mật thông tin và thông tin tình báo.

124. Số lượng chuyển giao không tương xứng với hồ sơ rủi ro hoặc bối cảnh của Việt Nam. Điều này là do chất lượng hạn chế của thông tin do Cục PCRT xây dựng, năng lực hạn chế của cơ quan thực thi pháp luật để điều tra RT và các vụ án tội phạm tài chính và sự tập trung của các điều tra viên và công tố viên vào tội phạm nguồn hơn là RT. Bảng sau đây nêu rõ số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ được chuyển giao cho các cơ quan có thẩm quyền liên quan trong giai đoạn 2014-2019.

Bảng 3.6: Số lượng báo cáo giao dịch đáng ngờ được chuyển giao

Năm	Bộ Công an	Cơ quan điều tra	Khác	Tổng
2014	242	233	0	475
2015	217	619	3	839
2016	497	454	11	962
2017	291	237	2	530
2018	586	152	11	749
2019*	82	4	6	92
Tổng	**1.915**	**1.699**	**33**	**3.647**

* Tính đến tháng 9/2019

125. Phần lớn các báo cáo giao dịch đáng ngờ trong danh mục Cơ quan thanh tra được cung cấp cho cơ quan thuế. Việc chuyển giao cho các cơ quan khác bao gồm Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính, Cục Phòng chống tham nhũng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Công Thương, Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh, các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Giám sát Bộ Xây dựng.

126. Cục PCRT đã chuyển giao một số vụ việc sau cho các cơ quan liên quan (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bất kỳ các cơ quan nào khác được pháp luật giao thực hiện điều tra ban đầu):

Bảng 3.7: Số lượng chuyển giao từ Cục PCRT trong giai đoạn 2014-2019

Cơ quan	Vụ việc	Báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan
Bộ Công an	349	1.832
Các cơ quan thuế	234	1.622
Khác	44	101
Tổng	**627**	**3.555**

127. Thông tin tình báo tài chính do Cục PCRT cung cấp chủ yếu liên quan đến các tội phạm nguồn và được chuyển đến các bộ phận cụ thể của Bộ Công an (ví dụ là bộ phận gắn với tội phạm nguồn cụ thể). Việc chuyển giao thông tin của Cục PCRT rất hạn chế, chủ yếu liên quan đến việc theo dõi tài sản và cung cấp manh mối cho các cuộc điều tra song song. Tuy nhiên, Cục PCRT chỉ ra rằng họ chủ động cung cấp thông tin 'theo yêu cầu' cho cơ quan thực thi pháp luật mặc dù họ không cung cấp thông tin rằng việc Cục PCRT cung cấp (theo yêu cầu và chủ động) đã dẫn đến các cuộc điều tra và truy tố song song ngoài ba vụ kết án RT (xem IO.7). Tóm lại, Cục PCRT đã không chứng minh được rằng họ đã tạo ra các sản phẩm phân tích chủ động đã được chuyển giao cho các cơ quan hành pháp. Cục PCRT chỉ cung cấp hồ sơ về các báo cáo giao dịch đáng ngờ đã nhận và chuyển cho cơ quan thực thi pháp luật.

Bảng 3.8: Số lượng báo cáo tình báo tài chính chuyển giao liên quan đến TTKB

Năm	Vụ	Báo cáo tình báo liên quan
2014	1	3
2015	9	10
2016	1	1
2017	3	3
2018	2	2
2019	5	10
Tổng	**21**	**29**

128. Cục PCRT không có quy trình chuẩn nào để phác thảo quy trình tiết lộ thông tin tự phát về TTKB. Ngoài những vụ bộc lộ tự phát nêu trên; Bộ Công an đã yêu cầu Cục PCRT cung cấp thông tin tình báo tài chính liên quan đến 151 hồ sơ TTKB đang được điều tra.

Hợp tác trao đổi thông tin/tin tức tình báo tài chính

129. Các cơ quan có thẩm quyền đã không chứng minh được mức độ hợp tác, phối hợp và trao đổi ở mức độ cao các thông tin tình báo tài chính. Các cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam không hợp tác và trao đổi các thông tin và thông tin tình báo tài chính thường xuyên cho PCRT/TTKB, bao gồm cả quốc tế.

130. Như đã nêu trong Kết quả trực tiếp số 1, cơ chế phối hợp và hợp tác ở cấp độ hoạt động đòi hỏi phải cải thiện. Các cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam có thẩm quyền pháp lý để phối hợp. Cục PCRT đã ký MOU với INTERPOL Việt Nam, Bộ Công an và Tổng cục Thuế của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Việt Nam không thể hiện được liệu các MOU hiện tại có tăng cường được hợp tác giữa Cục PCRT, các cơ quan hành pháp và các cơ quan chính phủ quan trọng khác hay không. Có vẻ như Cục PCRT cần tăng cường hơn nữa phạm vi hợp tác và phối hợp với Hải quan, Cơ quan Thuế, Bộ Công an, và các cơ quan có thẩm quyền khác và cải thiện việc chia sẻ thông tin. Mặc dù Cục PCRT đã trả lời tất cả các yêu cầu nhận được từ các cơ quan hành pháp, nhưng việc trao đổi thông tin chưa được thực hiện một cách điện tử được mã hóa. Việc ưu tiên xử lý các các yêu cầu chưa được thực hiện một cách có hiệu quả tại Cục PCRT và các cơ quan hành pháp chưa thường xuyên phản hồi cho Cục PCRT không chỉ về kết quả chuyển giao mà còn cả về mức độ hữu ích của các thông tin do Cục PCRT cung cấp.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 6

131. Nhìn chung việc phát triển và sử dụng thông tin tình báo tài chính bởi cơ quan thực thi pháp luật ở Việt Nam là rất hạn chế. Công tác thu thập xây dựng thông tin tình báo tài chính của Cục PCRT bị hạn chế và các cơ quan thực thi pháp luật ít khi yêu cầu hoặc sử dụng thông tin của Cục PCRT trong điều tra tội phạm nguồn, truy vết tài sản

hoặc điều tra RT. Việc xây dựng thông tin tình báo tài chính bị cản trở bởi số lượng ít và chất lượng thấp các báo cáo giao dịch đáng ngờ và trong khi có các báo cáo giao dịch tiền mặt và báo cáo chuyển tiền điện tử, nhưng các báo cáo này dường như không được sử dụng để tăng cường các báo cáo được chuyển giao. Cục PCRT chỉ thực hiện hạn chế việc truy cập trực tiếp hoặc gián tiếp vào các nguồn dữ liệu và những thiếu sót chính đã được nêu trong quy trình phân tích. Cục PCRT thiếu công nghệ thông tin, quy trình và đội ngũ nhân viên được đào tạo để thực hiện cả phân tích chiến lược và phân tích hoạt động. Cục PCRT chuyển giao trực tiếp rất nhiều báo cáo giao dịch đáng ngờ nhận được từ các đối tượng báo cáo sang cho các cơ quan thực thi pháp luật chứ chưa bổ sung thêm giá trị thông qua các phân tích chiến lược và hoạt động.

132. Việt Nam đạt mức độ hiệu quả thấp đối với Kết quả trực tiếp số 6.

Kết quả trực tiếp số 7 (Điều tra và truy tố tội RT)

Nhận diện và điều tra tội RT

133. Hệ thống pháp luật Việt Nam quy định một loạt các quyền hạn và trách nhiệm cho các cơ quan thực thi pháp luật để điều tra và truy tố các tội phạm RT. Bộ Công an được giao làm cơ quan trực tiếp thực hiện điều tra RT. Quân đội cũng được giao thực hiện điều tra RT nhưng chỉ trong một số trường hợp nhất định (xem Khuyến nghị số 30). Tuy nhiên, Việt Nam chưa có bằng chứng nào cho thấy Quân đội đã từng tiến hành một cuộc điều tra RT. Theo đó, trong thực tế dường như chỉ có Bộ Công an là cơ quan duy nhất thực hiện các cuộc điều tra RT.

134. Điều tra RT có thể được khởi xướng theo một số cách thức, chẳng hạn như bằng việc chuyển giao báo cáo giao dịch đáng ngờ, điều tra tội phạm nguồn và chuyển giao các vụ việc của các cơ quan khác. Ví dụ, điều tra RT của Bộ Công an có thể được xác định qua công tác điều tra đang được thực hiện bởi một cơ quan khác, chẳng hạn như Tổng cục Hải quan. Trong những trường hợp này, cần có quy định nghiêm ngặt về thời hiệu đối với cơ quan này phải chuyển giao vụ việc đó sang Bộ Công an hay Quân đội để bắt đầu một cuộc điều tra RT, thông thường khoảng thời gian này là 7 ngày.

135. Mặc dù có sẵn các cơ chế để tiến hành điều tra và truy tố tội RT, Việt Nam chỉ đưa ra được ba ví dụ về các vụ truy tố RT trong 10 năm qua. Ba vụ án này liên quan đến tham ô, lừa đảo và đánh bạc (được đánh giá là có rủi ro cao theo báo cáo rủi ro quốc gia của Việt Nam). Chỉ có ba cuộc điều tra RT đang diễn ra trong hai năm qua liên quan đến gian lận và buôn lậu (được đánh giá là rủi ro trung bình và cao tương ứng)[19].

136. Trong tất cả các vụ việc nêu trên, các cuộc điều tra RT đã được bắt đầu sau khi Cục PCRT chuyển giao báo cáo giao dịch đáng ngờ. Chưa có ví dụ nào cho thấy việc điều tra RT được tiến hành xuất phát từ chuyển giao vụ việc của các cơ quan khác.

137. Số lượng các vụ việc RT thấp không tương xứng với các thông tin tình báo tài chính mà Cục PCRT cung cấp. Cục PCRT cung cấp thông tin tình báo tài chính khác nhau cho các cơ quan thực thi pháp luật (chủ yếu là báo cáo giao dịch đáng ngờ), tuy nhiên các thông tin tình báo tài chính chuyển giao chỉ tập trung vào xác định tội phạm nguồn chứ chưa chú ý vào tội RT. Như vậy, các thông tin tình báo tài chính dường như chưa được sử dụng hiệu quả để khởi xướng và hỗ trợ công tác điều tra về RT. Ngoài ra, với các vấn đề nêu trong Kết quả trực tiếp số 6, số lượng điều tra RT thấp cũng làm dấy lên một số lo ngại về khả năng của Cục PCRT trong việc xây dựng cơ sở thông tin tình báo tài chính đạt chất lượng cao.

[19] Tổng cộng có bảy vụ RT đang được điều tra vào tháng 6 năm 2021.

138. Cho đến nay, tội phạm RT ở Việt Nam chỉ được điều tra trong những trường hợp rất hạn chế. Bộ Công an thông báo cho đoàn đánh giá rằng Bộ Công an chủ yếu tập trung điều tra vào các tội phạm nguồn hơn là tội RT. Hơn nữa, khi thực hiện điều tra tài chính song song, họ chủ yếu tập trung vào việc xác định các tài sản được sử dụng trong việc thực hiện hành vi phạm tội (cho mục đích thu hồi tài sản). Việc thiếu các cuộc điều tra tài chính song song có thể đã góp phần làm cho số lượng các cuộc điều tra RT do Việt Nam thực hiện thấp.

139. Các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam không tiến hành điều tra chung đối với tội phạm nguồn hoặc tội phạm RT. Hợp tác trao đổi thông tin giữa các cơ quan thực thi pháp luật và các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình điều tra còn hạn chế. Tuy nhiên, như đã đề cập ở trên, sự hợp tác như vậy thường tập trung vào các tội phạm nguồn mà ít tập trung vào điều tra tài chính song song đối với tội RT. Hợp tác cần mở rộng để có sự tham gia giữa các cơ quan hành pháp, các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan công tố như Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhằm đưa ra những khuyến nghị về các yêu cầu chứng cứ để khởi tố tội RT thành công.

140. Mặc dù ở Việt Nam có một số lượng lớn các tội phạm tạo ra tiền (như buôn bán ma túy, tham nhũng và tham ô tài sản) và như vậy có thể làm gia tăng hành vi RT và số lượng tương đối lớn các sản phẩm tình báo tài chính (như các báo cáo giao dịch đáng ngờ) đang được chuyển giao cho Bộ Công an, nhưng số lượng các cuộc điều tra và truy tố tội RT còn ít.

141. Không có trở ngại trong các văn bản pháp luật để bắt đầu tiến hành điều tra RT. Tuy nhiên, chỉ mới gần đây Việt Nam mới ban hành các văn bản mật yêu cầu các cơ quan hành pháp thực hiện điều tra RT. Do các văn bản này là văn bản mật, đoàn đánh giá không được cung cấp bản sao. Trên thực tế, hoạt động điều tra RT chưa thực sự được ưu tiên.

142. Bộ Công an dường như có đủ khả năng điều tra và truy tố một số lượng lớn tội phạm nguồn tạo ra tiền, chẳng hạn như tham nhũng và buôn bán ma túy. Tuy nhiên, năng lực này chưa được sử dụng để bắt đầu điều tra hoặc truy tố tội RT.

143. Bộ Công an và các cơ quan điều tra khác dường như thiếu nhận thức và hiểu biết về hoạt động điều tra RT và giá trị của việc "lần theo dòng tiền". Vấn đề này càng rõ ràng hơn khi chỉ có một số ít nguồn lực được phân bổ cho mục đích điều tra RT. Đặc biệt, chưa có một đơn vị chuyên trách điều tra về RT và còn thiếu đào tạo về kỹ thuật điều tra RT, điều tra tài chính và truy tìm tài sản.

144. Việt Nam thiếu một chính sách quốc gia rõ ràng, trong đó ưu tiên điều tra các hành vi phạm tội RT, tập trung thực hiện điều tra song song đối với các loại tội phạm tạo ra tiền nguy cơ cao. Việc này chưa được thực hiện cho phù hợp theo đánh giá của báo cáo rủi ro quốc gia hoàn thành gần đây, theo đó chỉ ra nguy cơ cao xảy ra các hoạt động RT. Hợp tác tốt hơn giữa các cơ quan điều tra khác tại Việt Nam để ưu tiên xác định RT và/hoặc các chỉ báo về RT cũng như chuyển giao vụ việc một cách hiệu quả cho Bộ Công an để điều tra sẽ làm tăng các vụ việc đang được điều tra và truy tố.

145. Ngoài tội RT theo Điều 324 Bộ luật Hình sự (xem Khuyến nghị số 3), Việt Nam cung cấp dữ liệu liên quan đến tội hình sự hóa việc chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có (Điều 323 Bộ luật Hình sự). Hành vi phạm tội này không được sử dụng thay thế cho tội danh RT theo Điều 324, và chỉ được sử dụng liên quan đến tội phạm với tài sản nhỏ để truy tố những đối tượng không thực hiện hành vi phạm tội trước đó. Việc sử dụng Điều 323 không được coi là một biện pháp hữu hiệu để điều tra

và truy tố RT do giá trị điều tra thấp. Từ năm 2014 đến 2019, Việt Nam đã khởi tố 1.335 vụ.

Mức độ nhất quán giữa điều tra truy tố RT với những mối đe dọa và loại hình rủi ro, và các chính sách PCRT quốc gia

146. Hoạt động RT chưa được điều tra và truy tố phù hợp với các loại hình rủi ro và mối đe dọa của Việt Nam. Chỉ có bốn cuộc điều tra RT đã được thực hiện trong 10 năm qua và chỉ có ba cuộc điều tra RT đã dẫn đến kết án[20]. Việt Nam phải đối mặt với những rủi ro RT đáng kể do các hành vi tội phạm nguồn tạo ra tiền có rủi ro cao. Như được mô tả trong phân tích tại Kết quả trực tiếp số 1, Việt Nam đã hoàn tất và thông qua Báo cáo Đánh giá rủi ro quốc gia (đánh giá rủi ro quốc gia) đầu tiên vào tháng 4/2019, theo đó xác định 17 tội phạm nguồn là những mối đe dọa lớn đối với RT. Tham ô, tổ chức đánh bạc và buôn bán ma túy được đánh giá là tội phạm nguồn có rủi ro cao. Các tội phạm nguồn liên quan đến tham nhũng và trốn thuế được đánh giá ở mức trung bình cao.

147. Bốn cuộc điều tra RT nói trên liên quan đến buôn lậu, tham ô, lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, không có cuộc điều tra RT nào về tội buôn bán ma túy, tham nhũng và trốn thuế dưới hình thức tội phạm nguồn. Các cuộc điều tra RT không được Bộ Công an ưu tiên và có rất ít cuộc điều tra RT phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam.

148. Bảng 3.9 dưới đây cho thấy số vụ kết án và điều tra RT so với số vụ tội phạm nguồn bị kết án.

Bảng 3.9: Tội phạm nguồn và RT (2014-2018)

Tội phạm nguồn	Số lượng điều tra tội phạm nguồn dẫn đến kết án	Điều tra RT	Điều tra RT dẫn đến kết án tội RT
Buôn người	550	0	0
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	10.769	1	0
Lợi dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản	5.526	0	0
Buôn lậu	417	1	0
Vận chuyển trái phép hàng hóa và/hoặc tiền tệ qua biên giới	322	0	0
Sản xuất và/hoặc buôn bán hàng giả	156	0	0
Trốn thuế	167	0	0
Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và/hoặc lưu thông tiền giả và giấ tờ có giá giả	301	0	0
Vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm	342	0	0
Buôn bán ma túy	76.787	0	0
Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, buôn bán hoặc chiếm dụng bất hợp pháp vũ khí và khí tà quân sự	604	0	0
Đánh bạc	22.650	0	0
Tổ chức đánh bạc	2.452	1**	1***
Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và/hoặc buôn bán hàng cấm	2.478	0	0
Tham ô	509	1**	1
Nhận hối lộ	100	0	0
Lợi dụng chức vụ quyền hạn đ chiếm đoạt tài sản	182	0	0
Tổng	**125.647**	**4**	2

* Không có dữ liệu năm 2019.
** Điều tra RT đối với tội Tham ô và Đánh bạc được bắt đầu thực hiện từ trước năm 2014. Tuy nhiên, việc kết án các vụ việc RT này lại thực hiện sau năm 2014.
*** Bốn bị can đã bị kết án và buộc tội RT liên quan đến việc tổ chức đánh bạc.

[20] Một trong ba vụ được kết án, việc tuyên án diễn ra 10 ngày sau khi kết thúc đợt đánh giá tại chỗ.

149. Việc điều tra RT cho đến nay chưa nhất quán hoặc tương xứng với số vụ điều tra tội phạm nguồn của Việt Nam. Vào tháng 5/2019, Hội đồng Thẩm phán của Tòa án Nhân dân tối cao đã ban hành một nghị quyết để "Hướng dẫn thực hiện Điều 324 Bộ luật Hình sự về tội Rửa tiền". Nghị quyết này có hiệu lực vào ngày 7/7/2019. Mục đích của Nghị quyết là đưa ra hướng dẫn bổ sung cho các cơ quan điều tra. Nghị quyết là một bước đi tích cực để hướng dẫn và giải thích rõ cho Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Ngoài ra, việc Bộ Công an triển khai hướng dẫn điều tra RT là một bước tích cực khác để tạo ra nhận thức và ưu tiên hoạt động điều tra RT trong tương lai.

Trường hợp nghiên cứu 2: Công ty Bất động sản Alibaba

Năm 2018, Công ty Bất động sản Alibaba đã thu tiền từ các cá nhân để đầu tư phát triển bất động sản. Tổng số thu được bởi Bất động sản Alibaba vượt quá 50.000.000.000 VND (2.155.000 USD). Vào thời điểm đó, Chủ tịch của Bất động sản Alibaba đã tổ chức cho một số thành viên gia đình của mình mở tài khoản ngân hàng. Chủ tịch ủy quyền chuyển 13.000.000.000 VND (568.000 USD) từ công ty vào tài khoản ngân hàng thuộc về nhà đầu tư vào tài khoản của các thành viên trong gia đình. Số tiền này sau đó được sử dụng để mua tài sản và rút tiền mặt. Chủ tịch công ty đã bị truy tố tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và em trai, người đã mở tài khoản ngân hàng, bị truy tố tội rửa tiền.

Các loại hình vụ việc RT đang theo đuổi

150. Như đã lưu ý ở trên, chỉ có bốn cuộc điều tra RT trong 10 năm qua và hai cuộc bắt đầu từ hơn năm năm trước mà đã được truy tố thành công. Vụ án thứ ba bắt đầu vào năm 2018 và được khởi tố vào năm 2019. Các cuộc điều tra và truy tố RT được thực hiện tập trung chủ yếu vào các hoạt động tự rửa tiền. Cả ba vụ RT thành công đều liên quan đến số tiền rất lớn và dường như đã được truy tố đầy đủ.

151. Không có ví dụ nào về các vụ án RT độc lập mà Bộ Công an đã điều tra. Chưa có điều tra RT và truy tố liên quan đến tội phạm nguồn nước ngoài hoặc rửa tiền thông qua pháp nhân. Việt Nam không yêu cầu tương trợ tư pháp trong quá trình điều tra RT. Điều tra tài chính song song, khi được thực hiện, chủ yếu là để hỗ trợ thu hồi tài sản hơn là điều tra chuyên biệt về RT.

152. Bộ Công an đã chưa chứng minh được rằng các điều tra viên của mình tập trung vào điều tra các trường hợp RT độc lập. Trong 10 năm qua, việc Việt Nam mới chỉ tập trung vào các trường hợp tự rửa tiền là lý do cần phải tổ chức đào tạo chuyên sâu về RT và điều tra tài chính cho các cơ quan hành pháp và các công tố viên.

153. Mặc dù vậy, Việt Nam đang tìm cách tăng số lượng điều tra RT và đây là tín hiệu tích cực. Đặc biệt, vào ngày 30/10/2019, Bộ Công an đã ban hành văn bản số 4855/QT-C03-P13 đề ngày 30/10/2019 về Quy trình điều tra về tội phạm rửa tiền để có hướng dẫn tốt hơn cho các cơ quan hành pháp có thẩm quyền điều tra và để cải thiện hiệu quả và kết quả của các cuộc điều tra RT.

Tính hiệu quả, các hình thức xử phạt tương xứng và mang tính răn đe

154. Mức phạt tương xứng và đủ sức răn đe được áp dụng chỉ mới đối với ba vụ án RT đã được xét xử ở Việt Nam. Như đã thảo luận tại Khuyến nghị số 3, hình thức xử phạt cho cá nhân phạm tội RT là từ 1 đến 15 năm tù (tùy theo bất kỳ tình tiết tăng nặng nào), phạt tiền từ 20 triệu đến 100 triệu VND (từ 850 đến 4.000 USD) và tịch thu tài sản. Các pháp nhân thương mại tham gia RT cũng có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đến 10.000.000.000 VND (tương đương 43.000 đến 430.000 USD). Tuy nhiên, các pháp nhân phi thương mại không bị chịu trách nhiệm hình sự (xem Khuyến nghị số 3).

155. Trong vụ án đầu tiên, Vụ kiện Vinashin Shipping (xem Kết quả trực tiếp số 6), bị cáo bị kết án 12 năm tù vì tội RT. Trong vụ thứ hai, Nguyễn Văn Dương và Phan Sào Nam, bốn bị cáo bị tuyên phạt từ hai năm đến năm năm về tội RT và phải chịu hình phạt tài chính. Trong vụ án thứ ba, Lê Thị Hà Nội, bị cáo bị kết án bảy năm tù về tội danh RT[21].

Trường hợp nghiên cứu 3: Nguyễn Văn Dương và Phan Sào Nam

Năm 2017, trong quá trình điều tra vụ án lừa đảo, Cơ quan An ninh điều tra Phú Thọ đã phát hiện một dây chuyền tổ chức đánh bạc trực tuyến lớn. Từ năm 2014, Phan Sao Nam đã âm mưu cùng với Nguyễn Văn Đồng và một số người khác phát triển và vận hành hệ thống đánh bạc trực tuyến, được kết nối với một số công ty thanh toán trung gian, cho phép người chơi đánh bạc tiền ảo trên các trò chơi bài và chuyển tiền thắng của họ thành tiền thật tiền bạc. Hệ thống đánh bạc trực tuyến được liên kết với tiền ảo của chính nó được mua và bán bởi một mạng lưới các đại lý.

Năm 2017, một cuộc điều tra về dây chuyền tổ chức đánh bạc trực tuyến đã bắt đầu, được hỗ trợ bởi thông tin tình báo tài chính và thông tin do Cục PCRT cung cấp về các tài khoản, luồng tiền, các giao dịch đáng ngờ và có giá trị lớn. Cuộc điều tra đã phát hiện gần 43 triệu tài khoản đánh bạc và đặt cược trị giá 9,8 nghìn tỷ VND (tương đương 430 triệu USD). Phan Sào Nam và Nguyễn Văn Dương đã kiếm được hơn 3 nghìn tỷ VND (127 triệu USD) tiền lãi.

Để che giấu số tiền phạm tội, Phan Sao Nam và đồng phạm đã tạo ra các hợp đồng và hóa đơn gian lận, đầu tư vào các dự án bất động sản và xây dựng, ô tô và vàng, chuyển tiền ra nước ngoài và cho người thân, sau đó trả lại tiền.

Đây là một vụ truy tố đối với 105 đối tượng cho nhiều tội danh khác nhau, trong đó có sáu cá nhân bị truy tố vì rửa tiền. 92 người đã bị kết án, trong đó có bốn kết án tội RT. Nguyễn Văn Dương bị kết án 5 năm tù cho tội rửa tiền, còn Phan Sào Nam và các đồng phạm khác nhận bản án 3 năm (một cho hưởng án treo). Một cá nhân nhận bản án 2 năm cho RT.

Tòa án đã ra lệnh phong tỏa 1,1 tỷ đồng (48.300.000 USD), phạt các bị cáo 2,3 tỷ đồng (97.500.000 USD) và thu hồi khoảng 506 tỷ đồng (22.000.000 USD).

Trường hợp nghiên cứu 4: Lê Thị Hà Nội

Tháng 8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc nhận được đơn trình báo của một cá nhân nghi có liên quan đến vụ án lừa đảo. Ông ta đã được yêu cầu chuyển tất cả tiền cá nhân của mình vào một tài khoản ngân hàng cụ thể vì ông ta có liên quan đến một bưu kiện có liên quan đến một vụ án có thể về ma túy và rửa tiền. Một báo cáo tương tự cũng được nhận từ một cá nhân khác ở tỉnh Gia Lai.Tài khoản ngân hàng do Lê Thị Hà Nội nắm giữ, đối tượng đã sử dụng giấy tờ tùy thân gian dối để mở một số tài khoản. Cô ta sử dụng tiền của các nạn nhân để mua bán tài sản ảo (Bitcoin và Ethereum), định chuyển giá bán cho hai công dân Trung Quốc để lấy 8% cổ phần. Tuy nhiên, Lê Thị Hà Nội vẫn giữ số tiền lừa đảo được và không chuyển đi. Một số tiền được sử dụng để chi hoa hồng cho các cá nhân hỗ trợ Lê Thị Hà Nội kinh doanh tài sản ảo. Khởi tố vào tháng 9/2018, ban đầu về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vào tháng 9 năm 2019, đã có quyết định truy tố RT thay vì tội danh từ trước. Bị cáo đã bị kết án vào tháng 11 năm 2019 và nhận bản án 7 năm về tội rửa tiền. 750 triệu đồng (33.000 USD) liên quan đến vụ án đã được thu giữ và thu hồi.

[21] Đối với vụ án Lê Thị Hà Nội, việc tuyên án diễn ra sau mười ngày sau khi kết thúc đoàn làm việc tại chỗ.

156. Các biện pháp xử phạt theo quy định và các hình thức xử phạt được áp dụng trong các trường hợp hạn chế này, dường như chưa đủ sức răn đe và tương xứng như các hình thức xử phạt được áp dụng đối với những loại tội phạm nguy hiểm khác ở Việt Nam. Tuy nhiên, do số lượng các vụ án RT quá nhỏ nên chưa thể đánh giá được tính hiệu quả, mức độ tương xứng hay răn đe của các hình thức xử phạt trên thực tế, và cũng thực tế là các hình thức xử phạt này cũng không thường xuyên được áp dụng trong hệ thống tư pháp hình sự của Việt Nam.

Sử dụng các biện pháp thay thế

157. Không có trường hợp nào Việt Nam có các biện pháp tư pháp hình sự thay thế khi mà chưa thể kết án về tội RT.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 7

158. Hoạt động điều tra RT chưa được ưu tiên và chưa phù hợp với mức độ rủi ro RT của Việt Nam. Việc thiếu các đội chuyên trách điều tra rửa tiền trong mọi cơ quan hành pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác để xác định mục tiêu và điều tra RT đã làm rõ việc thiếu một cách tổng thể nhận thức về tội phạm RT hoặc giá trị của việc "theo dấu dòng tiền". Số lượng điều tra và truy tố RT không đáng kể trong 10 năm qua là bằng chứng về mức độ ưu tiên thấp. Việc thiếu các nhóm công tác liên ngành ở Việt Nam ảnh hưởng đến năng lực của các cơ quan hành pháp trong việc hợp tác điều tra một cách có hiệu quả về RT. Việt Nam mới chỉ truy tố được 3 trường hợp RT và hình thức xử phạt đều chưa đủ sức răn đe.

159. Việt Nam có mức độ hiệu quả thấp đối với Kết quả trực tiếp số 7.

Kết quả trực tiếp số 8 (Tịch thu)

Tịch thu tiền, công cụ và tài sản có giá trị tương đương là một mục tiêu chính sách

160. Việt Nam thực hiện tịch thu tài sản liên quan đến nhiều loại tội phạm nguồn. Chỉ có thể thực hiện tịch thu tài sản khi bị cáo hình sự đã bị kết án về một tội phạm nguồn hay tội RT.

161. Về tổng thể, sau khi tòa tuyên án đối với bị cáo hình sự bị kết án phạm tội nguồn thì tài sản bị niêm phong, phong tỏa và tạm giữ [22] theo bản án. Số tiền tuyên phạt của tòa thể hiện mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội hình sự gây ra. Nhóm đánh giá được thông tin rằng các tài sản bị kê biên và tịch thu theo bản án. Việc này thường diễn ra sau khi các khoản án phí được nộp và đối tượng bị điều tra biết được đang bị điều tra. Trong quá trình tố tụng tội khủng bố và TTKB, việc niêm phong, phong tỏa và tạm giữ được thực hiện ngay lập tức và không cần thông báo trước theo quy định của Nghị định số 122/2013.

162. Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan chính chịu trách nhiệm tịch thu tài sản. Việt Nam dường như chỉ thực hiện tịch thu tài sản khi có mối liên hệ trực tiếp giữa các tài sản có liên quan (đối tượng bị tịch thu), nghi phạm và tội phạm nguồn.

163. Các mục tiêu trong chính sách chống RT/TTKB chưa ưu tiên một cách thỏa đáng việc truy tìm và tịch thu tiền do phạm tội mà có cũng như các tài sản có giá trị tương đương. Kế hoạch hành động để giải quyết các rủi ro chống rửa tiền/tài trợ khủng bố của Việt Nam (ban hành theo Quyết định số 474 đề tháng 4/2019) có đề cập chung chung đến việc tịch thu tài sản. Ngoài nội dung này, Quốc hội đã thực hiện Nghị quyết số 111/2015, trong đó đưa ra một số chỉ thị hạn chế cho các cơ quan hành pháp về việc

[22] Trong luật Việt Nam, việc kê biên tài sản được gọi là "kê biên" - xem R4.

truy tìm, phong tỏa và tạm giữ và tịch thu các tài sản liên quan đến tội phạm tài chính và tham nhũng. Cụ thể, chỉ thị này đưa ra chỉ tiêu tịch thu tài sản (theo quyết định tịch thu tài sản do tòa tuyên) đạt mức 60% đối với tội phạm tài chính và tham nhũng. Cần lưu ý rằng đây là một mục tiêu đầy tham vọng và cho thấy mục tiêu chính sách để thu hồi tiền thu được từ hoạt động phạm tội.

164. Thêm vào đó, năm 2016 Việt Nam đã phát động chiến dịch chống tham nhũng mang tên "Đốt lò", trong đó cũng có các chỉ đạo phải tăng cường tịch thu tiền do phạm tội mà có[23].

165. Việt Nam thừa nhận rằng mặc dù tập trung vào chống tham nhũng và tội phạm tài chính, tỷ lệ tịch thu thực tế đối với những loại tội phạm này vẫn chỉ ở mức thấp. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tỷ lệ thu hồi là 7%, lạm dụng chức vụ chiếm đoạt tài sản tỷ lệ thu hồi là 10% và nhận hối lộ tỷ lệ thu hồi là 37%. Tỷ lệ thu hồi thấp có thể cho thấy phần lớn tiền thu lợi bất chính từ các hoạt động tội phạm vẫn chưa được thu hồi.

Tịch thu tiền do phạm tội trong và ngoài nước có được và tiền để ở nước ngoài

166. Việt Nam cung cấp số liệu thống kê cho thấy trong giai đoạn 2014-2018, khoảng 12,6 nghìn tỷ VND (khoảng 544 triệu USD) đã bị tịch thu.

167. Tuy nhiên, dù có số lượng lớn các vụ án hình sự và tài sản phải thu hồi theo phán quyết của tòa án, nhưng tỷ lệ thu hồi thông qua xử lý tài sản tịch thu mới chỉ ở mức 29% số tiền của bản án. Bảng 3.10 dưới đây cho thấy sự khác biệt giữa số tiền của bản án và số thu hồi thông qua xử lý tài sản bị tịch thu thực tế của 17 tội phạm nguồn đã được xác định trong đánh giá rủi ro quốc gia.

Bảng 3.10: Tịch thu tài sản giai đoạn 2014-2019

Tội phạm nguồn	Phán quyết thu hồi tài sản	Số tiền theo phán quyết (nghìn đồng)	Số tịch thu thực tế	Tương đương USD	Tỷ lệ thu hồi
Buôn người	1.179	47.529.938	17.163.847	736.909	36%
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	12.726	30.785.390.829	9.115.195.275	391.349.970	29%
Lợi dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản	6.419	2.754.504.469	183.527.408	7.879.529	7%
Buôn lậu	458	1.313.115.983	253.460.903	10.882.039	19%
Vận chuyển bất hợp pháp hàng hóa và/hoặc tiền tệ qua biên giới	371	146.918.686	139.316.345	5.981.380	95%
Sản xuất và/hoặc buôn bán hàng giả	188	60.963.423	21.321.282	915.403	35%
Trốn thuế	198	950.014.729	339.150.837	14.561.034	35%
Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và/hoặc lưu thông tiền giả và giấy tớ có giá giả	319	20.789.240	3.242.552	139.215	16%
Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm	431	16.996.870	4.650.479	199.662	27%
Tàng trữ, buôn bán và vận chuyển hoặc chiếm đoạt bất hợp pháp ma túy	92.679	1.592.657.404	561.387.758	24.102.509	35%
Sản xuất, tàng trữ, sử dụng, buôn bán hoặc chiếm đoạt bất hợp pháp vũ khí và khí tài	707	6.078.650	2.212.389	94.986	36%

[23] Việt Nam chưa cung cấp số hồ sơ liên quan đến "Đốt lò" tại thời điểm thực hiện đánh giá tại chỗ. Tuy nhiên, đến tháng 2/2021, đã có tổng số 163 vụ việc thuộc diện khởi xướng (86 vụ thuộc Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và 77 vụ thuộc cơ quan thi hành án dân sự địa phương).

quân sự					
Đánh bạc	26.662	1.133.416.587	568.897.746	24.424.942	50%
Tổ chức đánh bạc hoặc đánh bạc có tổ chức	3.062	433.527.361	286.650.863	12.307.009	66%
Che dấu hoặc tiêu thụ tiền do phạm tội mà có	1.537	41.587.919	9.305.449	399.518	22%
Tham ô tài sản	628	2.398.341.241	979.447.553	42.051.405	41%
Nhận hối lộ	120	80.942.362	29.632.157	1.272.221	37%
Lợi dụng chức vụ quyền hạn để chiếm đoạt tài sản	231	1.172.814.078	113.914.488	4.890.781	10%
Tổng (nghìn đồng)	**147.365**	**42.955.589.769**	**12.628.477.331**	**542.188.520**	**29%**
Tổng tương đương USD		**1.844.246.700**	**542.188.520**		

168. Bảng 3.10 ở trên cho thấy Việt Nam đã thu hồi được 12,6 nghìn tỷ VND (khoảng 542 triệu USD) trong giai đoạn 2014 đến 2019 trong tổng số 42,9 nghìn tỷ VND (1,8 tỷ USD) trong các bản án của tòa án.

169. Các xu hướng của hoạt động tịch thu nêu trong Bảng 3.11 (bên dưới) cho thấy trong những năm gần đây Việt Nam đã đẩy mạnh thu hồi tiền tuyên phạt của tòa.

Bảng 3.11: Tổng số tiền tịch thu giai đoạn 2014 - 2019

	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Số tiền phán quyết của tòa (triệu đồng)	847.164	1.650.341	19.883.269	3.686.671	7.304.016	9.585.128
Số tiền tịch thu thực tế (triệu đồng)	349.737	478.131	1.927.438	585.528	3.934.261	5.353.381
Tương đương USD	15.015.538	20.527.980	82.752.237	25.138.942	168.912.774	229.840.989
Tỷ lệ	41%	29%	10%	16%	54%	56%

170. Việt Nam cho biết thu hồi theo bản án được thực hiện, ngoài những hình thức khác, bằng tiền mặt, tài khoản ngân hàng, bất động sản và phương tiện. Mua bất động sản bằng tiền mặt và vàng được xác định là phương thức rửa tiền phổ biến. Ngoài ra, báo cáo rủi ro quốc gia đã xác định lĩnh vực bất động sản được đánh giá có rủi ro RT "cao". Việt Nam không thể nắm bắt số tiền tịch thu theo loại tài sản như giá trị của bất động sản so với tiền mặt bị tịch thu.

Trường hợp nghiên cứu 5: Vận chuyển vàng qua biên giới

Năm 2016, một công dân Campuchia đã bị bắt tại cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên mang theo 18 kg vàng (trị giá 15.688.227.446 VND hoặc khoảng 673,555 USD).

Đối tượng phạm tội đã bị kết án vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới vào năm 2017 và bị kết án 6 năm tù trước khi bị trục xuất. 18 kg vàng đã bị tịch thu.

171. Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, với tư cách là các cơ quan chính chịu trách nhiệm thực hiện tịch thu tài sản, gặp khó khăn trong việc xác định và truy tìm tài sản liên quan đến các loại tội phạm phức tạp và tinh vi. Cần lưu ý rằng các vụ án tham nhũng thường liên quan đến những người có địa vị và các bị cáo thường có thu nhập tốt và các cơ quan hành pháp gặp khó khăn trong việc truy tìm mối liên hệ giữa các tài sản với các bị cáo trong các vụ án đó.

172. Bộ Công an xác định sự trộn lẫn giữa tài sản hợp pháp và tiền thu lợi bất chính cũng như việc sử dụng các mối quan hệ hợp tác hoặc người thân để che giấu quyền sở hữu tài sản là những yếu tố trở hoạt động điều tra và thu hồi tài sản. Việc sử dụng rất nhiều tiền mặt trong các hoạt động tội phạm và tiền thu lợi bất chính từ những hoạt động đó, bao gồm cả việc mua các tài sản có giá trị cao, chẳng hạn liên quan đến tội

phạm nguồn. Hơn nữa, việc sử dụng tiền mặt cho phép tẩu tán nhanh số tiền thu lợi bất chính, vào tài khoản ngân hàng của các đối tác quan hệ hoặc chuyển qua biên giới.

173. Về mặt này, các cơ quan thực thi pháp luật dường như tập trung vào những tài sản mà dễ xác định có liên quan tới tội phạm nguồn và nghi phạm. Mặc dù với mức độ đe dọa về RT đối với Việt Nam, các cơ quan thực thi pháp luật chưa đủ khả năng hoặc nguồn lực để truy tìm, phong tỏa, kê biên và tịch thu các tài sản không liên quan trực tiếp đến tội phạm hoặc được che dấu tinh vi. Chưa có lực lượng hoặc đội đặc nhiệm cụ thể nào được giao chuyên trách xử lý tiền và công cụ phạm tội và có vẻ như sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật bị hạn chế khi xác định tiền thu lợi bất chính. Mặc dù có những thách thức nêu trên, Việt Nam đã cung cấp một ví dụ về một lượng nhỏ tài sản bị tịch thu liên quan đến hoạt động TTKB.

174. Những nỗ lực tịch thu tài sản của Việt Nam tập trung vào các tội phạm nguồn trong nước. Việt Nam không đưa ra bất kỳ ví dụ nào về việc tịch thu tài sản trong một vụ án mà địa điểm xảy ra tội phạm nguồn là ở Việt Nam nhưng số tiền thu lợi bất chính và các công cụ phạm tội phải thu hồi đã bị chuyển ra nước ngoài.

175. Tuy nhiên, Việt Nam đã thu giữ và tịch thu thành công một công cụ phạm tội của một tội phạm nguồn diễn ra bên ngoài Việt Nam và đang bị chính quyền Tây Ban Nha điều tra. Việt Nam đã thực hiện hành động này thay mặt cho chính quyền Tây Ban Nha để đáp ứng yêu cầu tương trợ tư pháp. Việt Nam theo đuổi việc thu hồi tài sản tại các cơ quan tài phán nước ngoài và lưu ý rằng đây có thể là những quá trình kéo dài.

176. Việt Nam chưa thể hiện được việc thường xuyên thu giữ tài sản ở mức tối đa ngay trong giai đoạn đầu hoặc để phục vụ các cuộc điều tra truy tìm tài sản chi tiết. Thông thường, các cơ quan chức năng chỉ thực hiện thu giữ tài sản vào thời điểm khởi tố điều tra và (những) người bị điều tra biết được việc bị khởi tố điều tra.

177. Việc quản lý một cách có hiệu quả các tài sản bị thu giữ hay kê biên chưa được minh chứng rõ ràng. Như đã lưu ý ở trên, Việt Nam đã có luật và một số tài liệu hướng dẫn liên quan đến việc quản lý các tài sản bị thu giữ, kê biên hay tịch thu trong quá trình tố tụng hình sự. Tuy nhiên, không có cơ quan chính phủ nào được giao cụ thể để quản lý các tài sản bị thu giữ, kê biên và tịch thu. Thực trạng này có thể gây nên rủi ro đối với việc bảo toàn giá trị tiềm năng để thu hồi của tài sản, đặc biệt là khi các thành viên gia đình hoặc các cộng sự của bị can có thể tiếp cận các tài sản đó trong thời gian đang tiến hành tố tụng (và điều tra).

178. Việc sử dụng tiền thuế còn lại cho mục đích nhằm mục tiêu và thu hồi số tiền thu được từ tội phạm hoặc theo đuổi tịch thu không được Việt Nam sử dụng rộng rãi.

Trường hợp nghiên cứu 6: Lê Minh Quang

Vào năm 2015, Bộ Công an đã điều tra việc huy động vốn đáng ngờ và trao đổi vàng. Cục PCRT đã cung cấp thông tin tài chính cho Bộ Công an xác định có tới 384 tỷ đồng (khoảng 17 triệu USD) liên quan đến các hành vi phạm tội.

Tội phạm chính bị kết tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bị phạt tù 20 năm.

Cuộc điều tra dẫn đến việc tịch thu các tài sản sau:

- 466.780.000 VND tiền mặt (khoảng 20.000 USD)
- 393.000.000 VND từ tài khoản ngân hàng (khoảng 17.000 USD)
- 4,5 kg đá quý và kim loại
- 1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (diện tích 413,5 m2)

Tịch thu các giao dịch tiền tệ/công cụ chuyển nhượng qua biên giới không khai báo hoặc khai báo sai

179. Việc vận chuyển hàng hóa và/hoặc tiền tệ qua biên giới bất hợp pháp được đánh giá là mối đe dọa 'Trung bình" trong đánh giá rủi ro quốc gia và Đoàn đánh giá ghi nhận có những rủi ro đáng kể với một nền kinh tế tiền mặt và việc vận chuyển qua biên giới tiền thu lợi bất chính. Hành động ngăn chặn và tịch thu tiền mặt nhập lậu, bao gồm vận chuyển tiền mặt/công cụ chuyển nhượng giả hoặc không khai báo có vẻ khiêm tốn. Các cơ quan hành pháp biên giới dường như không ưu tiên các nguồn lực để phát hiện tiền mặt hoặc công cụ chuyển nhượng đang được vận chuyển hoặc điều tra phát hiện nguồn gốc tiền ngay khi bị tịch thu tại biên giới, cảng và sân bay của Việt Nam.

180. Mặc dù Việt Nam có một hệ thống qui định về khai báo đối với việc mang tiền mặt/công cụ chuyển nhượng qua biên giới nhưng vẫn còn một số bất cập trong thực hiện và tính hiệu quả. Các cá nhân mang hộ chiếu nhập cảnh hoặc xuất cảnh khỏi Việt Nam phải thực hiện khai báo nếu mang quá 15.000.000 VND (650 USD) và/hoặc ngoại tệ quá 5.000 USD. Những người sử dụng giấy thông hành qua biên giới có ngưỡng thấp hơn. Chi tiết khai báo do Tổng cục Hải quan tổng hợp và cung cấp cho Cục PCRT hàng tháng.

181. Chưa có số liệu về các vụ việc vận chuyển tiền mặt hay công cụ chuyển nhượng giả hoặc không khai báo mà Tổng cục Hải quan phát hiện ra và chuyển cho Bộ Công an (hoặc bất kỳ cơ quan có chức năng điều tra nào) để tiến hành điều tra. Tổng cục Hải quan cho biết phần lớn các trường hợp phát hiện tiền mặt đều có giá trị thấp, mặc dù vậy số liệu thống kê toàn diện về các phát hiện và số tiền tịch thu chưa có. Tổng cục Hải quan cho biết hầu hết các vụ phát hiện đều liên quan đến những người tránh kiểm soát ngân hàng chứ không phải là những tội phạm có rủi ro cao như buôn bán ma túy.

182. Tổng cục Hải quan thể hiện rằng họ quan tâm như nhau đến cả dòng tiền ra và dòng tiền vào không được khai báo, tuy nhiên Tổng cục Hải quan không chứng minh được rằng đã xác định hoặc ưu tiên các khu vực có nguy cơ cao (ví dụ: cảng biển cụ thể, sân bay quốc tế hoặc cửa khẩu biên giới đất liền) nơi đang diễn ra hành vi phạm tội có nguy cơ cao hoặc rửa tiền. Quy trình ưu tiên của Tổng cục Hải quan dường như là một quy trình thường xuyên mà không có liên hệ đến đến hồ sơ rủi ro của Việt Nam. Tổng cục Hải quan không xác định được xu hướng đối với các con đường buôn lậu tiền mặt. Việt Nam đã không chứng minh được việc đang hướng đến mục tiêu là tội phạm xuyên biên giới có nguy cơ cao.

183. Việt Nam đã cung cấp một số số liệu thống kê về số lượng và giá trị tiền được khai báo. Số lượng khai báo mang vào Việt Nam nhìn chung còn ít (từ 3-23 trường hợp/năm trong 2014-2018) và có tăng gần đây, với 637 trường hợp năm 2019. Tổng giá trị khai báo năm 2019 là khoảng 16 triệu USD. Số lượng khai báo mang ra thấp chỉ có 14 trường hợp năm 2019 và tổng chỉ có hai trong giai đoạn 2014-2018.

184. Từ năm 2015 đến 2018, Việt Nam đã phát hiện và tịch thu tiền mặt và kim loại quý ở biên giới 14 lần. Tổng giá trị số tiền mặt thu giữ được là 8.628.034.084 đồng (371.005 USD) và 50kg vàng. Không biết liệu Tổng cục Hải quan có phát hiện công cụ chuyển nhượng được vận chuyển qua biên giới Việt Nam hay không.

185. Tổng cục Hải quan cho biết do giá trị tiền mặt được phát hiện thấp, thường không tiến hành điều tra thêm để xác định nguồn gốc hoặc điểm đến của các khoản tiền. Việc này xảy ra ngay cả khi các cơ quan hành pháp đã trích dẫn các ví dụ về các trường hợp một lượng nhỏ tiền mặt được cho là có liên quan đến các hoạt động buôn bán ma túy. Trong một vụ việc, 50.000 USD tiền mặt đã bị thu giữ vì được cho là có liên quan đến các hoạt

động buôn bán ma túy. Trong ví dụ này (được trình bày cho các đánh giá viên), mặc dù đã thu giữ 50.000 USD, không có cuộc điều tra tiếp theo nào về nguồn tiền cả.

186. Nhìn chung, Việt Nam dường như chưa có chiến lược đặt mục tiêu vào hoạt động vận chuyển tiền mặt hoặc công cụ chuyển nhượng qua biên giới để giảm rủi ro RT hoặc tịch thu tiền thu lợi bất chính.

Tính nhất quán giữa kết quả tịch thu với rủi ro RT/TTKB và các chính sách, ưu tiên về chống rửa tiền/chống tài trợ khủng bố của quốc gia

187. Kết quả tịch thu của Việt Nam, ở một mức độ nào đó, phản ánh mức độ rủi ro của Việt Nam về RT. Như thể hiện trong Bảng 3.10 ở trên, Việt Nam đã thực hiện tịch thu số lượng lớn tiền và các công cụ phạm tội liên quan đến các tội phạm nguồn rủi ro cao như tham ô tài sản, đánh bạc có tổ chức và buôn bán ma túy. Ngoài số lượng lớn bị tịch thu, tỷ lệ thu hồi cho các tội phạm nguồn này cao hơn mức trung bình và phần lớn phù hợp với mức độ rủi ro của Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả tịch thu liên quan đến một số tội phạm nguồn dính đến tham nhũng là thấp khi so sánh với các tội phạm nguồn khác, ví dụ tội lạm dụng chức vụ và/hoặc quyền hạn để thu lợi bất chính có tỷ lệ thu hồi chỉ là 7%.

188. Việt Nam cho thấy tỷ lệ thu hồi thấp đối với hầu hết các hành vi phạm tội, với tỷ lệ thu hồi tổng thể là khoảng 29% giá trị được yêu cầu trong các bản án tịch thu (xem Bảng 3.10). Điều này cho thấy rằng mặc dù có tỷ lệ phần trăm cao hơn của tài sản liên quan đến các yếu tố rủi ro cao sẽ bị ra lệnh tịch thu, sẽ không thu hồi được toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Điều này phản ánh những lỗ hổng liên quan đến khả năng điều tra của cơ quan thực thi pháp luật về xác định, truy tìm và hạn chế phạm vi rộng nhất của tài sản liên quan đến tội phạm nguồn trước khi tịch thu. Như đã đề cập ở trên, cơ quan thực thi pháp luật đã gặp khó khăn trong việc thu hồi tài sản khi phải đối mặt với những dàn xếp tài chính tinh vi và phức tạp hoặc tài sản do những người không phải bị đơn nắm giữ.

189. Mục tiêu của Nghị quyết số 111/2015 là đạt tỷ lệ thu hồi 60% đối với các vụ án tội phạm tài chính và tham nhũng chưa đạt được nhưng đặt ra rất cao và là phạm vi để Việt Nam tiếp tục cải thiện tỷ lệ thu hồi. Hơn nữa, kết quả của chiến dịch chống tham nhũng "Đốt lò" do Việt Nam thực hiện làm tăng mức độ ưu tiên điều tra tham nhũng và phù hợp với đánh giá rủi ro quốc gia.

190. Trường hợp tài sản đã được xác định và có liên kết rõ ràng với tội phạm nguồn, Việt Nam dường như có một hệ thống thu giữ và và tịch thu tốt với việc tòa án xử lý một số lượng lớn các vụ án. Tuy nhiên, tỷ lệ thu hồi 29% cho thấy một lượng tiền và công cụ phạm tội đáng kể vẫn nằm ngoài tầm với của chính quyền.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 8

191. Mục tiêu trực tiếp đã đạt được phần lớn và chỉ cần một số cải thiện nhỏ. Ưu tiên chính sách đã được trao cho việc theo đuổi việc tịch thu tài sản thu được từ tội phạm của Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, nhưng điều này không được phản ánh ở tất cả các cơ quan thực thi pháp luật. Việc truy tìm, kê biên tài sản có xảy ra nhưng không phải lúc nào cũng được hỗ trợ đắc lực. Việt Nam có tìm cách thu hồi tài sản thu được từ phạm tội từ những người liên quan đến hoạt động tội phạm sau khi đã bị kết án. Tuy nhiên, còn có yếu kém trong việc thu hồi tiền thu lợi bất chính khi bản án đã tuyên do khó khăn trong việc liên kết tài sản với tội phạm nguồn hoặc người phạm tội. Mặc dù đã có một số phát hiện và tịch thu tài sản, có một số điểm yếu trong việc xác định mục tiêu, phát hiện và điều tra tiền tệ và công cụ chuyển nhượng được buôn lậu qua biên giới.

192. Việt Nam có mức độ hiệu quả đáng kể đối với Kết quả trực tiếp số 8.

CHƯƠNG 4. TÀI TRỢ KHỦNG BỐ VÀ TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Các phát hiện chính và hành động khuyến nghị

Các phát hiện chính

Kết quả trực tiếp số 9

a) Việt Nam đã hình sự hóa hành vi TTKB theo Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, tội riêng biệt của TTKB chỉ phạm tội tài trợ cho một tổ chức khủng bố hoặc khủng bố riêng lẻ. Phạm vi hạn chế của tội phạm TTKB dẫn đến việc tập trung vào tội phạm khủng bố trong TTKB.

b) Việt Nam đã thể hiện cam kết của mình ở cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh trong việc chống khủng bố và TTKB. Bộ An ninh Nội địa và Cơ quan An ninh Điều tra trong Bộ Công an đã chứng tỏ khả năng của họ trong việc xác định và điều tra hoạt động của Lực lượng đặc nhiệm liên quan đến các vụ khủng bố trong nước. Tuy nhiên, các cuộc điều tra của TTKB thường được sử dụng để hỗ trợ các cuộc điều tra về khủng bố, đặc biệt là các vấn đề trong nước, và không dẫn đến việc khởi tố TTKB.

c) Việt Nam gần đây đã ban hành quy trình điều tra TTKB chính thức hóa các quy trình đã được thực hiện trong thực tế và nêu các bước và sự phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình điều tra. Nó không cung cấp một thủ tục để điều tra các hành vi tài trợ khủng bố.

d) Không có khởi tố hoặc kết án nào đối với TTKB ở Việt Nam, điều này nói chung là phù hợp với hồ sơ rủi ro TTKB thấp. Có hai cuộc điều tra về tội phạm TTKB ở Việt Nam đã được bắt đầu vào năm 2019 và đang diễn ra tại thời điểm chuyến thăm tại chỗ. Các cuộc điều tra khủng bố trong nước khác đã xác định được hoạt động của TTKB nhưng các vụ việc không được theo đuổi như là khởi tố của TTKB vì theo hệ thống pháp luật Việt Nam, nơi mà đối tượng cung cấp tài chính có liên quan đến âm mưu khủng bố hoặc tổ chức khủng bố thì họ phải bị truy tố về tội khủng bố chứ không phải TTKB.

e) Việc áp dụng các hình phạt hình sự chưa được kiểm tra do không có các cuộc truy tố TTKB. Ngoài ra, các chế tài đối với pháp nhân cũng không đủ răn đe

f) Việt Nam đã điều tra, truy tố và kết án những người tham gia vào các khía cạnh tài chính của tội khủng bố trong nước cho các tội khác, và đã làm gián đoạn một số hoạt động tiềm năng của TTKB. Việt Nam đã chứng tỏ khả năng xác định vai trò của những người tài trợ trong một vụ khủng bố và theo dõi số tiền trong quá trình điều tra khủng bố. Mức độ hành động này đối với những người tham gia vào các hoạt động TTKB phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam.

Kết quả trực tiếp số 10

a) Có một số lỗ hổng trong khuôn khổ pháp lý để đóng băng tài sản của những cá nhân và pháp nhân được chỉ định ngay lập tức theo UNSCR 1267 và UNSCR 1373, bao gồm cả việc không có hình phạt đối với việc không tuân thủ nghĩa vụ đóng băng đối với thể nhân và pháp nhân, ngoại trừ ngân hàng và vi phạm lệnh cấm cung cấp tiền, tài sản, tài nguyên hoặc dịch vụ. Không có chế tài hình sự nào đối với việc không tuân thủ các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu và các biện pháp trừng phạt hiện có không tương xứng hoặc không phù hợp.

b) Bộ Công an duy trì một "danh sách đen" có sẵn công khai, bao gồm Hội đồng bảo an Liên hợp quốc và các chỉ định trong nước, đồng thời kích hoạt các nghĩa vụ đóng băng tài sản của những cá nhân và tổ chức được chỉ định và áp dụng những điều cấm. Tuy nhiên, danh sách trừng phạt của Ủy ban Hội đồng bảo an Liên hợp quốc năm 1988 chỉ được đưa vào danh sách đen của Bộ Công an trong chuyến thăm tại chỗ của đoàn đánh giá đa phương, không đủ thời gian thực hiện.

c) Việt Nam đã thiết lập cơ chế chỉ định trong nước chống khủng bố và TTKB vào năm 2013. Từ thời điểm đó đến chuyến thăm tại chỗ, Việt Nam đã chỉ định hai tổ chức và cá nhân liên quan tham gia chống khủng bố.

d) Việc thiếu đề xuất chỉ định UNSCR 1267 phù hợp với rủi ro thấp của TTKB ở Việt Nam. Việc không phong tỏa tài sản và công cụ cũng có thể nhất quán, nhưng cũng có thể là do thiếu sót trong khuôn khổ pháp lý.

e) Việc thực hiện các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu của khu vực tư nhân còn yếu và việc tiếp cận cộng đồng chưa toàn diện. Các thay đổi đối với danh sách UNSCR 1267 và 1988 được cung cấp cho các thực thể báo cáo ngay lập tức nhưng chỉ một số thực thể báo cáo chủ động theo dõi các thay đổi đối với trang web. Các ngân hàng lớn hơn trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài có các thủ tục để thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu, phần lớn là do nhu cầu của họ để duy trì khả năng tiếp cận thị trường vốn quốc tế. Các ngân hàng nội địa nhỏ hơn theo dõi các danh sách liên quan của Liên hợp quốc để tiến hành kiểm tra đối chiếu so sánh tên với kiểm tra thông tin khách hàng (CDD), nhưng không áp dụng bất kỳ biện pháp giám sát nào khác. Một số TCTC phi ngân hàng và DNFBP khác thực hiện nghĩa vụ bằng cách tiến hành kiểm tra đối chiếu tên cho CDD, nhưng nhiều người không biết về nghĩa vụ. Không chứng minh được rằng các VASP thực hiện các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu.

f) Việt Nam có một khu vực tổ chức phi lợi nhuận lớn. Hoạt động tiếp cận do các giám sát viên tổ chức phi lợi nhuận thực hiện phần lớn là hành chính, mặc dù Việt Nam gần đây đã bắt đầu một số hoạt động tiếp cận về rủi ro TTKB và các biện pháp phòng ngừa và Bộ Công an tham gia vào việc giám sát tăng cường các tổ chức phi lợi nhuận được coi là có nguy cơ cao bị lạm dụng TTKB.

g) Bộ Công an đã hoàn thành đánh giá rủi ro TTKB trong lĩnh vực tổ chức phi lợi nhuận ngay trước khi thực hiện tại đánh giá tại chỗ , nhưng không đủ thời gian để cung cấp kết luận đánh giá rủi ro cho các tổ chức phi lợi nhuận, bao gồm các tổ chức phi lợi nhuận được coi là rủi ro cao nhất đối với lạm dụng TTKB. Bản đánh giá đã xác định một số tổ chức phi lợi nhuận có nguy cơ bị lạm dụng TTKB cao hơn và đưa ra một số biện pháp khuyến nghị, mặc dù bản đánh giá không đánh giá toàn diện rủi ro đối với lĩnh vực này ở Việt Nam.

h) Cả Bộ Nội vụ và COMINGO đều không thực hiện cách tiếp cận dựa trên cơ sở rủi ro để giám sát các lĩnh vực tổ chức phi lợi nhuận tương ứng của họ, mặc dù đã có các biện pháp chung như yêu cầu đăng ký và báo cáo thông tin tài chính.

Kết quả trực tiếp số 11

a) Việt Nam gần đây (trong đợt đánh giá tại chỗ) đã ban hành Nghị định để thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí. Tuy nhiên, các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu có trong Nghị định này chưa được thực thi do thiếu hình thức xử phạt cho việc không tuân thủ và chưa đủ thời gian để Việt Nam thực hiện và chứng minh tính hiệu quả của Nghị định.

b) Khuôn khổ pháp lý triển khai trừng phạt tài chính mục tiêu cho phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt chưa được thực hiện đầy đủ vào cuối đợt đánh giá tại chỗ, vì Bộ Quốc phòng chưa công bố các nghĩa vụ và danh sách UNSCR 1718 và các chỉ định liên quan đến phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo yêu cầu của khuôn khổ pháp lý của Việt Nam[24]. Các cơ quan có thẩm quyền trước đây đã không thông báo về việc chỉ định liên quan đến phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt cho các tổ chức tài chính và DNFBP.

c) Cho đến nay, Việt Nam chưa xác định được bất kỳ quỹ hoặc tài sản nào liên quan đến các cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định. Trong trường hợp các vi phạm trừng phạt đã được xác định, các cơ quan có thẩm quyền đã không thực hiện các bước để xác định quỹ hoặc tài sản khác của những người và tổ chức được chỉ định và ngăn cản họ điều hành hoặc thực hiện các giao dịch liên quan đến phổ biến vũ khí.

[24] Kể từ đợt đánh giá tại chỗ, Bộ quốc phòng đã công bố trên trang web đường dẫn trực tiếp tới Danh sách trừng phạt của LHQ cũng như đường dẫn tới Nghị định số 81/2019.

d) Việt Nam đã hoàn thành đánh giá rủi ro tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt vào tháng 11 năm 2019, đánh giá này sau khi được phổ biến sẽ giúp cải thiện việc thực hiện tập trung trừng phạt tài chính mục tiêu của khu vực tư nhân.

e) Việt Nam chưa tiến hành tiếp cận khu vực tư nhân về các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt mới của họ. Các TCTC có sự hiện diện hoặc quyền sở hữu quốc tế tiến hành sàng lọc khách hàng, để xác định những khách hàng được liệt kê trong USNCR có liên quan, từ quan điểm tuân thủ toàn cầu và đã làm như vậy trước khi ban hành Nghị định. Tuy nhiên, các DNFBP, VASP và các TCTC khác (các ngân hàng nội địa nhỏ hơn và NFBI) thiếu nhận thức về các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt và không có cơ chế xác định tài sản và ngăn chặn các giao dịch tài chính liên quan đến gia tăng.

f) Việt Nam chưa bắt đầu giám sát các TCTC, DNFBP hoặc VASP với nghĩa vụ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt trừng phạt tài chính mục tiêu của họ. Vì không có hình phạt đối với việc không tuân thủ các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu, các cơ quan có thẩm quyền không thể thực thi việc tuân thủ.

g) Việt Nam trước đây có mối quan hệ ngoại giao và kinh doanh chặt chẽ với DPRK và đang đạt được tiến bộ trong việc hạn chế tiếp xúc với nguồn tài chính phổ biến vũ khí và trốn tránh các lệnh trừng phạt từ DPRK. Việt Nam đưa ra một số trường hợp các tàu cố gắng vận chuyển hàng hóa có xuất xứ DPRK nhưng bị quay ra khỏi lãnh hải Việt Nam hoặc bị bắt giữ. Tuy nhiên, Việt Nam đã không tiến hành bất kỳ cuộc điều tra bổ sung nào đối với các cá nhân và tổ chức đứng sau hoạt động này để xác định xem họ có được chỉ định hay áp dụng bất kỳ trừng phạt tài chính mục tiêu nào hay không.

Các hành động khuyến nghị

***Kết quả trực tiếp số* 9**

a) Việt Nam cần hình sự hóa toàn diện việc tài trợ cho các hoạt động khủng bố; đảm bảo rằng các biện pháp trừng phạt đối với TTKB là tương xứng và phù hợp; và đưa ra đầy đủ trách nhiệm pháp lý đối với các pháp nhân tài trợ cho các hành động khủng bố.

b) Việt Nam cần làm rõ hơn và cập nhật các quy trình thủ tục điều tra TTKB, bao gồm cả điều tra tài trợ cho các hành vi khủng bố.

c) Việt Nam cần nhấn mạnh việc truy tố tội TTKB, thay vì dựa vào tội khủng bố, và cần tăng cường hiểu biết của cơ quan hành pháp, công tố viên và thẩm phán về phạm vi và việc áp dụng tội TTKB.

d) Bộ Công an nên sử dụng nhiều hơn thông tin tình báo tài chính của Cục PCRT để theo đuổi các cuộc điều tra tài trợ khủng bố.

***Kết quả trực tiếp số* 10**

a) Sửa đổi nghĩa vụ đóng băng trong Nghị định số 122/2013 để yêu cầu tất cả các thể nhân và pháp nhân phải đóng băng ngay lập tức và không cần thông báo trước.

b) Thiết lập các hình phạt đối với việc không tuân thủ các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu (đóng băng các nghĩa vụ và các điều cấm) để chúng áp dụng cho tất cả các thể nhân và pháp nhân, tương xứng và không phù hợp.

c) Thực hiện một cơ chế liên lạc được chuẩn hóa và nhanh chóng để thông báo cho tất cả các lĩnh vực phải cập nhật danh sách đen của Bộ Công an, đặc biệt là những lĩnh vực ít có khả năng giám sát tích cực các danh sách của Liên hợp quốc bằng hệ thống tự động hoặc nhân viên chuyên trách.

d) Bắt đầu tiếp cận trực tiếp và định kỳ với TCTC phi ngân hàng và DNFBP về các nghĩa vụ của UNSCR. Phương thức tiếp cận cần được điều chỉnh và tuân theo yêu cầu đối với các

thực thể báo cáo về những gì họ đã làm để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu.

e) Dựa trên đánh giá rủi ro tổ chức phi lợi nhuận gần đây, duy trì tiếp cận với các tổ chức phi lợi nhuận được đánh giá là có mức độ rủi ro cao hơn đối với lạm dụng TTKB, áp dụng các biện pháp dựa trên rủi ro cho các tổ chức phi lợi nhuận này và hợp tác phát triển các phương pháp hay nhất để giải quyết rủi ro TTKB trong bối cảnh của Việt Nam.

***Kết quả trực tiếp số* 11**

a) Sửa đổi các khuôn khổ pháp lý để đảm bảo khả năng thực thi đầy đủ của trừng phạt tài chính mục tiêu, bao gồm cả việc đưa ra các biện pháp trừng phạt không phù hợp đối với việc không tuân thủ các nghĩa vụ của trừng phạt tài chính mục tiêu đối với PBVKHDHL.

b) Ưu tiên thực hiện có hiệu quả cơ chế trừng phạt tài chính mục tiêu của PBVKHDHL mới, bao gồm xây dựng hiểu biết và năng lực của Bộ Quốc phòng với tư cách là đầu mối và giám sát, và bằng cách thiết lập các cơ chế giao tiếp và cộng tác hiệu quả với các cơ quan có thẩm quyền khác.

c) Bắt đầu tiếp cận trực tiếp và định kỳ với các TCTC phi ngân hàng và DNFBP về nghĩa vụ pháp lý của họ trong việc thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến PBVKHDHL theo Nghị định mới và ban hành hướng dẫn về các biện pháp trừng phạt có thể có trong bối cảnh Việt Nam để hướng dẫn cảnh giác và thực hiện. Phương thức tiếp cận cần được điều chỉnh và tuân theo yêu cầu đối với các thực thể báo cáo về những gì họ đã làm để đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu.

d) Thực hiện một cơ chế thông tin liên lạc được tiêu chuẩn hóa và nhanh chóng để thông báo cho tất cả các lĩnh vực cập nhật đối với các chỉ định của UNSCR.

e) Thiết lập và thực hiện cơ chế giám sát các TCTC, DNFBP và VASP về việc tuân thủ các nghĩa vụ của trừng phạt tài chính mục tiêu theo Nghị định số 81/2019 và áp dụng các hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm trừng phạt tài chính mục tiêu.

f) Theo đuổi việc xác định các quỹ và tài sản liên quan đến PBVKHDHL và xem xét liệu có những trở ngại trong việc xác định các tài sản đó ở Việt Nam hay không.

g) Tiến hành điều tra hoạt động trốn tránh các lệnh trừng phạt của Liên hợp quốc trong phạm vi quyền hạn của Việt Nam để xác định bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân được chỉ định nào có liên quan để thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu, nếu cần thiết.

193. Các Kết quả trực tiếp có liên quan được xem xét và đánh giá trong chương này là Kết quả trực tiếp số 9-11. Các khuyến nghị liên quan để đánh giá hiệu quả trong phần này là các Khuyến nghị số 1, 4, 5-8, 30, 31 và 39, và một số nội dung của các Khuyến nghị số 2, 14, 15, 16, 32, 37, 38 và 40.

Kết quả trực tiếp số 9 (Điều tra và truy tố tội TTKB)

194. Như đã thảo luận trong Kết quả trực tiếp số 1, Việt Nam đánh giá rủi ro TTKB là một phần của đánh giá rủi ro quốc gia, kết luận rằng nguy cơ khủng bố và TTKB ở Việt Nam là thấp. Trong khi đánh giá rủi ro quốc gia tập trung vào các hoạt động khủng bố hơn là vào TTKB, và không rõ ràng rằng các rủi ro TTKB xuyên quốc gia hiện tại liên quan đến nguy cơ Việt Nam là một quốc gia trung chuyển cho TTKB được các cơ quan có thẩm quyền hiểu đầy đủ. Các nhà chức trách thừa nhận rằng các nguy cơ khủng bố/TTKB khu vực, toàn cầu ngày càng gia tăng ở Đông Nam Á và sự phát triển công nghệ nhanh chóng có thể khiến Việt Nam đối mặt với các nguy cơ khủng bố/TTKB gia tăng trong tương lai. Nhóm đánh giá kết luận rằng về tổng thể, xếp hạng rủi ro TTKB thấp trong đánh giá rủi ro quốc gia là hợp lý.

195. Việt Nam chưa phải đối mặt với tội phạm khủng bố xuyên quốc gia hoặc các rủi ro TTKB nào đáng kể. Việt Nam chủ yếu phải đối mặt với các mối đe dọa khủng bố trong nước từ các nhóm đối lập với Chính phủ Việt Nam. Động lực của các nhóm này là lật đổ chính quyền và gây hoang mang dư luận. Mặc dù các nhóm này có sự hiện diện bên ngoài Việt Nam, nhưng chúng không có liên kết với các tổ chức khủng bố quốc tế và không có bằng chứng nào cho thấy các tổ chức khủng bố quốc tế đang tiến hành các hoạt động khủng bố hoặc TTKB tại Việt Nam. Kể từ năm 2014, Việt Nam đã ngăn chặn thành công sáu âm mưu khủng bố tập trung trong nước, hai âm mưu liên quan đến các tổ chức được chỉ định trong nước là Việt Tân (bao gồm bốn bị can) và Chính phủ Quốc gia Việt Nam lâm thời (gồm 15 bị can). Từ năm 2016 đến năm 2020, tất cả các bị can đã bị truy tố và bị kết án vì tội khủng bố.

196. Việt Nam đã đánh giá rằng các yếu tố dễ bị tổn thương do khủng bố/TTKB là thấp vì hệ thống pháp lý liên quan tương đối phù hợp cũng như khả năng chủ động ngăn chặn các cuộc tấn công khủng bố bằng các đơn vị chuyên chống khủng bố đặt trong Bộ Công an từ cấp quốc gia đến cấp tỉnh.

Truy tố/kết án các loại hình hoạt động TTKB phù hợp với loại hình rủi ro của quốc gia

197. Theo mô tả tại Khuyến nghị số 5, Việt Nam đã hình sự hóa TTKB theo Bộ luật Hình sự 2015. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của TTKB tại Điều 300 chỉ hình sự hóa hành vi tài trợ cho tổ chức hoặc cá nhân khủng bố.

198. Việt Nam chưa có khởi tố hay kết án nào về tội TTKB. Tuy nhiên, đã có những trường hợp hoạt động TTKB được xác định và điều tra và Việt Nam đã khởi tố và kết án thành công các đối tượng phạm tội khủng bố. Điều này là do theo hệ thống pháp luật Việt Nam, nếu nhà tài chính có liên quan đến âm mưu khủng bố hoặc tổ chức khủng bố, thì họ bị phạm tội khủng bố và phải bị truy tố về tội khủng bố chứ không phải tội nhẹ hơn của TTKB, có mức hình phạt thấp hơn.[25] Mức độ xác định và điều tra các vụ việc TTKB phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam.

199. Điều này có nghĩa là trong thực tế tại Việt Nam, các trường hợp một người có thể bị truy tố và kết án về tội TTKB bị giới hạn trong các tình huống một người đó thực hiện cung cấp tiền hoặc tài sản cho một cá nhân khủng bố hoặc tổ chức khủng bố mà bản thân không liên quan đến âm mưu khủng bố hoặc tổ chức khủng bố. Các hình thức hoạt động TTKB khác chỉ có thể bị truy tố là tội khủng bố hoặc tội bổ sung đối với tội phạm khủng bố. Vì lý do này, hành vi TTKB cụ thể thường không được theo đuổi để buộc tội.

200. Như đã nói ở trên, chỉ có trường hợp khủng bố trong nước bị truy tố và không có trường hợp nào liên quan đến khủng bố nước ngoài hoặc tổ chức khủng bố, điều này phù hợp với hồ sơ rủi ro.

Trường hợp nghiên cứu 7: Chính phủ Quốc gia Việt Nam lâm thời (PNGV)

Vào ngày 22/4/2017, lực lượng an ninh tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh) đã tìm thấy hai quả bom xăng tự chế được giấu trong hai hộp carton. Một quả bom đã nổ và quả kia đã bị phá hủy. Vụ việc này đã dẫn đến một cuộc điều tra khủng bố của Bộ Công an phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục PCRT), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao.

Trước vụ việc này, vào ngày 8/4/2017, đã có một vụ việc khác là 15 đối tượng ném bom xăng đốt cháy 320 xe máy tại Công an thành phố Biên Hoà.

[25] Chủ trương truy tố này đã được khẳng định trong Nghị quyết số 07/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 và Điều 300 Bộ luật Hình sự, được ban hành ngày 25 tháng 10 năm 2019 nhưng đến ngày 01/12/2019 mới có hiệu lực.

Qua điều tra tài chính, xác định rằng bà Lisa Phạm, một trong những lãnh đạo của PNGV, ở Mỹ, đã chuyển 8.375.000 VND cho bạn gái của ông Đặng Hoàng Thiện và giao cho Nguyễn Thị Chung giao lại 23.500.000 VND cho Đặng Hoàng Thiện để mua linh kiện và chế tạo các thiết bị nổ thực hiện các cuộc tấn công khủng bố này và để khảo sát sự di chuyển của các mục tiêu khủng bố.

Năm 2018, 15 cá nhân đã bị truy tố và kết án vì tội khủng bố và bị kết án tù từ 5 đến 16 năm. Ông Dân Hoàng Thiện bị kết án 16-18 năm tù vì tội khủng bố chống lại chính quyền nhân dân và Nguyễn Thị Chung bị kết án 10-12 năm tù cho cùng một tội.

Lệnh bắt Lisa Phạm đã được ban hành. Tuy nhiên, bà này không bị truy tố hay kết án vì đang sống ở Mỹ. Vào tháng 9 năm 2019, Bộ Công an nhận được đơn thư tố cáo rằng Lisa Pham đã chỉ đạo ông Tình chuyển 500 Đô la Canada cho ông Đặng Hoàng Thiện vào tháng 4 năm 2017 để chế tạo bom xăng. Vào tháng 10 năm 2019, Bộ Công an đã bắt đầu một cuộc điều tra TTKB và gửi yêu cầu tương trợ tư pháp tới cả Hoa Kỳ và Canada để xác minh Lisa Phạm và các giao dịch tài chính của một nghi phạm khác và để phục vụ yêu cầu điều tra những cá nhân đó. Việt Nam vẫn chưa nhận được phản hồi tại thời điểm thực hiện đánh giá tại chỗ.

Xác định và điều tra TTKB

201. Việt Nam đã thể hiện cam kết của mình trong việc chống khủng bố và TTKB ở cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh, cũng như khả năng xác định và điều tra hoạt động của TTKB. Cục An ninh Nội địa Bộ Công an và Cơ quan An ninh Điều tra là các lực lượng được chỉ định trong công tác chống khủng bố. Cục An ninh Nội địa của Bộ Công an là đầu mối phối hợp các hoạt động chống khủng bố và TTKB. Họ là những cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan liên quan khác trong cuộc điều tra TTKB. Tất cả các cán bộ công an an ninh đều được đào tạo về chống khủng bố, bao gồm cả thành phần tài trợ khủng bố.

202. Ở cấp tỉnh, tất cả 63 tỉnh đã thành lập các bộ phận chuyên trách chống khủng bố. Các lực lượng chuyên trách này có trách nhiệm phối hợp với các bộ và cơ quan liên quan để thực hiện các biện pháp chống khủng bố và TTKB. Có hơn 1.200 cán bộ phụ trách điều tra ban đầu về TTKB trên khắp các tỉnh, bao gồm 132 cán bộ đã được đào tạo về kỹ năng điều tra TTKB.

203. Cơ quan An ninh Điều tra thuộc Bộ Công an chịu trách nhiệm điều tra các vụ khủng bố và tội phạm TTKB. Ở cấp quốc gia, có 171 cán bộ chịu trách nhiệm điều tra TTKB và 12 điều tra viên được đào tạo về kỹ năng điều tra TTKB. Ở cấp tỉnh, có 1127 cán bộ được ủy quyền tham gia điều tra TTKB và 45 điều tra viên được đào tạo về kỹ năng điều tra TTKB.

204. Cục An ninh Nội địa thuộc Bộ Công an là đầu mối điều phối các nỗ lực chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố. Họ tiếp nhận thông tin, tố giác về hoạt động khủng bố và TTKB, sau đó tiến hành điều tra ban đầu để xác định xem có đủ căn cứ khởi tố vụ án hình sự hay không, bao gồm điều tra toàn diện, lấy lời khai, khám nghiệm hiện trường, khám xét, thu giữ, tạm giữ và bảo quản tang vật và tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ án ('điều tra TTKB ban đầu'). Họ phải chuyển vụ việc cho Cơ quan An ninh điều tra để điều tra đầy đủ trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày ra quyết định. Ở cấp quốc gia, Cục An ninh Nội địa Bộ Công an có 96 cán bộ phụ trách các cuộc điều tra TTKB ban đầu, trong đó có 33 cán bộ được đào tạo về các kỹ năng điều tra TTKB.

205. Ngày 01/11/2019, Bộ Công an đã ban hành quy trình điều tra TTKB. Quy trình mô tả các bước cần thực hiện trong một cuộc điều tra TTKB và cách thức mà các cơ quan có liên quan phối hợp. Quy trình này quy định cụ thể việc điều tra hành vi phạm tội TTKB, bao gồm tài trợ cho các tổ chức và cá nhân khủng bố. Nó không bao gồm một quy trình

điều tra tài trợ cho các hành vi TTKB, hành vi tài trợ này được coi là cấu thành một hành vi phạm tội tài trợ cho tội khủng bố.

206. Mặc dù quy trình này chỉ mới được ban hành gần đây, nhưng nó đã chính thức hóa các quy trình đã xảy ra trong thực tế. Như đã nêu trong quy trình, TTKB được xác định thông qua một loạt các nguồn, bao gồm các trường hợp bị kết án trước đây về tội phạm nguồn; tin tức; báo cáo tội phạm của công dân Việt Nam; hoạt động chuyên trách của cơ quan hành pháp, bao gồm điều tra khủng bố; phát hiện trong danh sách đen Bộ Công an; các chuỗi và báo cáo liên quan đến khủng bố hoặc TTKB; và trao đổi thông tin từ các quốc gia khác hoặc các tổ chức quốc tế.

207. Việt Nam cũng thiết lập một số "đường dây nóng" chống khủng bố, qua đó đại diện của 16 nước đối tác có thể liên hệ với Bộ Công an để kịp thời trao đổi thông tin liên quan đến chống khủng bố và TTKB. Thông qua các "đường dây nóng" chống khủng bố, Bộ Công an đã nhận được ba báo cáo liên quan đến TTKB. Tuy nhiên, Bộ Công an đã tiến hành điều tra để xác minh các báo cáo này và xác định rằng chúng không liên quan đến TTKB. Do đó, các báo cáo này đã không dẫn đến các cuộc điều tra đầy đủ. Ngoài ra, theo Luật Chống khủng bố 2013, bất kỳ nghi ngờ nào về khủng bố và hoạt động của TTKB phải được báo cáo cho cả Bộ Công an và Cục PCRT của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nhìn chung, các báo cáo ban đầu được thực hiện qua điện thoại và báo cáo chi tiết bằng văn bản sẽ được gửi ở giai đoạn sau.

208. Bộ Công an sử dụng một cách hạn chế thông tin tình báo tài chính để xác định và điều tra TTKB. Trong giai đoạn từ 2014-2019, Cục PCRT đã chuyển giao 27 báo cáo giao dịch đáng ngờ về TTKB liên quan đến 20 vụ việc nghi ngờ cho Bộ Công an. Bộ Công an đã điều tra và xác minh toàn bộ 20 vụ việc và nhận thấy tất cả không liên quan đến khủng bố hoặc hoạt động TTKB, do vậy không thực hiện điều tra tiếp. Trong khoảng thời gian từ 2014-2019, Bộ Công an đã gửi 168 yêu cầu cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cục PCRT đã trả lời tất cả các yêu cầu và cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản và giao dịch. Cục PCRT mất trung bình 1-2 tuần để phản hồi.

Bảng 4.1: Trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công an từ năm 2014 - 2019

Năm	Chủ động chuyển giao	Chuyển giao theo yêu cầu
2014	3	26
2015	10	23
2016	1	25
2017	3	39
2018	2	29
2019	8	26
Tổng	**27**	**168**

Nguồn: Cục Phòng, chống rửa tiền, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

209. Việt Nam cho biết trong công tác điều tra khủng bố đều thực hiện cả điều tra về tài chính. Mặc dù vậy việc này không được nêu ra trong quy trình điều tra TTKB. Thông qua vụ án PNGV (Trường hợp nghiên cứu 7) và vụ án Triều đại Việt (Trường hợp nghiên cứu 8), Việt Nam đã thể hiện rõ khả năng xác định vai trò của người tài trợ trong vụ khủng bố và theo dõi dòng tiền trong quá trình điều tra khủng bố. Từ 2014-2019, Việt Nam đã thực hiện 58 cuộc điều tra TTKB ban đầu và hiện có hai cuộc điều tra toàn diện về hành vi phạm tội TTKB đã được bắt đầu vào năm 2019 và vẫn đang tiếp tục điều tra.

Bảng 4.2: Điều tra TTKB 2014-2019

	2014	2015	2016	2017	2018	2019	Tổng
Điều tra ban đầu*	***37***	***46***	***47***	***83***	***93***	***71***	***377***

Khủng bố	31	34	37	70	84	63	319
TTKB	6	12	10	13	9	8	58
Điều tra	***0***	***1***	***0***	***2***	***1***	**5**	**9**
Khủng bố		1		1			2
Khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân				1	1	3	5
TTKB						2	2

* Tiến hành điều tra ban đầu nếu có đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự bao gồm cả điều tra toàn diện. *Lưu ý: Số vụ được liệt kê theo năm điều tra.*
Nguồn: Cục An ninh Nội địa - Bộ Công an.

Trường hợp nghiên cứu 8: Vụ án triều đại Việt

Tiếp sau ba vụ nổ tại Trụ sở Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Hậu Giang trong khoảng thời gian từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2018, một cuộc điều tra về vụ đánh bom đã được tiến hành, do Bộ Công an chủ trì với sự tham gia của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao. Thông qua điều tra tài chính xác định vụ án được tài trợ bởi Ngô Văn Hoàng Hùng, lãnh đạo của Triều đại Việt, ở Canada. Ngô Văn Hoàng Hùng đã gửi tổng cộng 313.750.000 đồng (13.300 USD), 1.000 CAD (700 USD) và 100 USD thông qua dịch vụ chuyển tiền cho 5 công dân Việt Nam. Năm nghi phạm khai nhận đã nhận và sử dụng tiền để mua vật liệu nổ, phương tiện liên lạc, mục tiêu khảo sát và chi tiêu cá nhân khác.

Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an đã ra hai quyết định truy nã vào tháng 6/2019 và 9/2019 đối với Ngô Văn Hoàng Hùng về tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân và tội TTKB. Bộ Công an đã yêu cầu INTERPOL đăng thông báo truy nã chính thức đối với Ngô Văn Hoàng Hùng và gửi hai yêu cầu tương trợ tư pháp thông qua Viện kiểm sát nhân dân tối cao đến Canada yêu cầu xác minh danh tính của ông Ngô Văn Hoàng Hùng và tìm cách làm rõ hoạt động phạm tội của người này. Việt Nam vẫn chưa nhận được phản hồi về những yêu cầu này.

Hoạt động điều tra TTKB được tích hợp vào(và được hỗ trợ bởi) các chiến lược quốc gia

210. Chống khủng bố và TTKB đã được lồng ghép trong các kế hoạch hành động và hướng dẫn do Ban chỉ đạo quốc gia về chống khủng bố của Việt Nam ban hành. Ban chỉ đạo cấp Bộ, cơ quan, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thực hiện các quy định về chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố trong phạm vi trách nhiệm, quyền hạn của mình. Theo các cơ quan chức năng của Việt Nam, khái niệm về lần theo dấu đồng tiền là một phần quan trọng trong các nỗ lực chống khủng bố ở Việt Nam, vì các cuộc điều tra tài chính đối với hoạt động TTKB được triển khai là một phần của mọi cuộc điều tra khủng bố.

211. Điều tra TTKB được sử dụng để hỗ trợ điều tra và truy tố khủng bố và chỉ định trong nước theo Nghị quyết 1373 của Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc (UNSCR 1373). Các cuộc điều tra tài chính trong các vụ khủng bố đã giúp xác định hai tổ chức khủng bố trong nước và các cá nhân có liên quan đã được chỉ định trong nước trong danh sách đen của Bộ Công an và một tổ chức khác hiện đang được điều tra và sẽ sớm được thêm vào danh sách đen của Bộ Công an.

212. Trong khi Việt Nam đã thể hiện cam kết cấp cao trong việc chống khủng bố và sử dụng các cuộc điều tra của TTKB để theo đuổi mục tiêu này; các cuộc điều tra TTKB tổng thể để theo đuổi các mục tiêu chống TTKB không rõ ràng.

Tính hiệu quả, các hình thức xử phạt tương xứng và mang tính răn đe

213. Chưa thể đánh giá hiệu quả, tính tương xứng và tính răn đe của các biện pháp xử phạt đối với TTKB, vì chưa có vụ truy tố về tội TTKB nào và do đó chưa có biện pháp xử phạt nào đối với tội TTKB. Như đã lưu ý trong phân tích tuân thủ kỹ thuật, các hình thức xử phạt dành cho thể nhân bị kết án TTKB (5-10 năm tù) được coi là tương xứng và có tính răn đe.

214. Đã có những trường hợp người phạm tội đã bị kết án và bị phạt tù vì tội khủng bố trong các vụ án liên quan đến hoạt động TTKB. Tuy nhiên trong bản án không thể hiện rõ ràng về mức độ hoạt động TTKB.

215. Ngoài ra, có những lo ngại liên quan đến các hình thức xử phạt dành cho các pháp nhân doanh nghiệp bị kết án TTKB do chỉ có một lựa chọn đình chỉ hoạt động trong 6 tháng. Các pháp nhân doanh nghiệp không thể chịu trách nhiệm hình sự về việc tài trợ cho các hành vi khủng bố và không có trách nhiệm hình sự đối với các pháp nhân phi thương mại. Tuy nhiên, hình thức xử phạt hành chính về đình chỉ hoạt động, thu hồi đăng ký và giải thể có thể được áp dụng cho các pháp nhân phi thương mại có hoạt động TTKB.

Các biện pháp thay thế được sử dụng khi không thể kết án TTKB (ví dụ: ngăn chặn)

216. Việt Nam tập trung mạnh vào việc ngăn chặn các tổ chức khủng bố và các hành vi khủng bố trước khi chúng xảy ra. Khi nhận được thông tin từ các nguồn trong nước hoặc nước ngoài liên quan đến hoạt động TTKB bị nghi ngờ, các cơ quan chức năng của Việt Nam thực hiện các biện pháp phòng ngừa, như giám sát tiền, tài sản và sự di chuyển của các tổ chức và cá nhân bị nghi ngờ TTKB, để ngăn chặn hoạt động TTKB hoặc khủng bố. Do đó, các cuộc điều tra có thể không tiến tới giai đoạn xét xử tội TTKB.

217. Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố một số vụ án có hoạt động TTKB như là vụ án khủng bố. Đã có bốn vụ việc, liên quan đến năm cá nhân, trong đó những đối tượng phạm tội đã sử dụng tiền cá nhân để mua tiền chất nổ và các chất cần thiết khác để tạo ra các thiết bị nổ. Những cá nhân này đã bị truy tố và kết án về tội khủng bố, tuy nhiên hoạt động tài trợ của các đối tượng này cũng bị xem xét trong bản án.

Kết luận chung về Kết quả trực tiếp số 9

218. Chưa có truy tố hay kết án nào về tội TTKB ở Việt Nam. Tuy nhiên, đã có các cuộc điều tra, truy tố và kết tội khủng bố, trong các trường hợp liên quan đến hoạt động TTKB. Đây một phần là kết quả của cách thức vận hành khung pháp lý của Việt Nam về phòng, chống TTKB. Việt Nam đã chứng tỏ khả năng xác định và điều tra hoạt động TTKB, mặc dù mức độ đầy đủ mà việc xác định và điều tra này ảnh hưởng đến truy tố và kết án vẫn chưa rõ ràng. Quy trình điều tra TTKB không toàn diện và việc áp dụng hạn chế tội TTKB phản ánh việc tập trung vào các tội khủng bố thay vì TTKB. Do không có khởi tố TTKB nên không có biện pháp trừng phạt nào được đưa ra đối với TTKB. Tuy nhiên, vẫn có những lo ngại về tính tương xứng và không có tính răn đe của các hình phạt hiện có. Việt Nam áp dụng cách tiếp cận ngăn chặn đối với khủng bố và TTKB và theo đuổi việc truy tố tội khủng bố khi trong thực tế không thể kết án tội TTKB do phạm vi phạm tội và các chính sách truy tố của Việt Nam. Mức độ điều tra và thực hiện các hành động chống TTKB nhìn chung phù hợp với hồ sơ rủi ro TTKB thấp.

219. Việt Nam đạt mức hiệu quả khá đối với Kết quả trực tiếp số 9.

Kết quả trực tiếp số 10 (Các biện pháp phòng ngừa TTKB và các hình thức xử phạt tài chính)

Triển khai các hình thức xử phạt tài chính mục tiêu đối với TTKB một cách không chậm trễ

220. Việt Nam rất quan tâm đến các vấn đề về khủng bố, TTKB và nghĩa vụ theo Liên Hợp Quốc của mình, mặc dù có một số bất cập trong khung pháp lý để thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố (xem Khuyến nghị số 6). Bộ Công an đóng vai trò trung tâm trong việc triển khai trừng phạt tài chính mục tiêu cho TTKB và là cơ quan đầu mối phối hợp và hợp tác liên ngành.

221. Trang web của Bộ Công an hiển thị nổi bật một đường nối đến "Danh sách tổ chức cá nhân liên quan đến khủng bố và TTKB", được biết đến rộng rãi ở Việt Nam dưới tên danh sách đen của Bộ Công an. Danh sách này bao gồm những cá nhân và tổ chức được chỉ định trong nước và theo Liên hợp quốc. Các chỉ định của Liên hợp quốc được bao gồm, cũng như liên kết trực tiếp đến danh sách trừng phạt hợp nhất của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (bao gồm các UNSCR 1267/1989 và 1988).

222. Danh sách đen của Bộ Công an là cơ sở pháp lý trong nước để Việt Nam thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu đối với TTKB. Những chỉ định mới trong nước và của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc có hiệu lực ngay khi được công bố trong danh sách đen của Bộ Công an. Do danh sách đen của Bộ Công an có một liên kết trực tiếp đến danh sách trừng phạt của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, vì vậy các chỉ định của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc có hiệu lực ngay khi được công bố trên trang web của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.

223. Tuy nhiên, liên kết đến danh sách trừng phạt của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc chỉ được thêm vào trang web Bộ Công an trong đợt đánh giá tại chỗ. Trước đây, trang web Bộ Công an bao gồm một liên kết đến danh sách trừng phạt của Ủy ban 1267 Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, không bao gồm các danh sách theo UNSCR 1988. Điều này có nghĩa là từ trước cho đến đợt đánh giá tại chỗ, trong danh sách đen của Bộ Công an chỉ mới bao gồm các chỉ định trong nước và cá nhân và tổ chức theo UNSCR 1267, và như vậy việc sàng lọc trước đó theo danh sách này chưa bao gồm danh sách trừng phạt theo Ủy ban 1988 Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Mặc dù việc cập nhật trang web đã giải quyết vấn đề thiếu tuân thủ kỹ thuật, Việt Nam chưa đủ thời gian để chứng minh tác động và mức độ hiệu quả của thay đổi này.

224. Cơ chế của Việt Nam sử dụng để phổ biến và đưa ra khỏi danh sách các chỉ định là thông qua hoạt động công khai danh sách đen trên trang web Bộ Công an. Các TCTC và DNFBP (nhưng chưa bao gồm các VASP) có nghĩa vụ theo dõi trang web. Không có thông báo nào, trên trang web hoặc theo cách khác, được đưa ra khi danh sách được cập nhật. Do mức độ hiểu biết khác nhau giữa các TCTC và DNFBP về nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu của họ (được mô tả thêm bên dưới) và thiếu nghĩa vụ theo dõi đối với các VASP, chưa rõ cơ chế truyền thông như thế này đã đảm bảo một cách có hiệu quả rằng khu vực tư nhân nhận thức được các chỉ định mới và những danh sách gỡ bỏ mới hay chưa.

Các chỉ định

225. Việt Nam chưa đưa ra bất kỳ đề xuất chỉ định nào theo các Ủy ban 1267/1989 hoặc 1988 của UNSCR, điều này phù hợp với rủi ro TTKB thấp của Việt Nam. Quyết định số 2570/2018 của Cục An ninh nội địa thuộc Bộ Công an quy định trình tự thực hiện các đề xuất chỉ định tại Liên hợp quốc và trong nước tại Việt Nam, do Bộ Công an đầu mối và phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm.

226. Việt Nam đã thể hiện được rằng có thể xác định các mục tiêu chỉ định trong nước dựa trên tình báo và điều tra, nhưng trên thực tế, Việt Nam chỉ sử dụng cơ chế này theo phán quyết của tòa án. Việt Nam đã chỉ định hai tổ chức và các cá nhân liên quan trong nước theo khuôn khổ UNSCR 1373. Hai tổ chức đó là Chính phủ Quốc gia Việt Nam lâm thời, được chỉ định vào ngày 30 tháng 1 năm 2018 và Việt Tân được chỉ định vào ngày 4 tháng 10 năm 2016. Có 17 cá nhân liên quan đến chỉ định tổ chức thứ nhất và 5 cá nhân

liên quan đến chỉ định tổ chức thứ hai. Cả hai tổ chức này đều chống Chính phủ Việt Nam và và việc chống đối chính trị chính thức này bị cấm theo luật pháp Việt Nam[26].

227. Tổ chức bị chỉ định Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời được thành lập năm 1991, lãnh đạo của tổ chức này là các cá nhân từ chế độ miền Nam Việt Nam cũ. Nhóm này đã bắt đầu lên kế hoạch tấn công tại Việt Nam vào năm 2015. Các cơ quan chức năng của Việt Nam đã quy trách nhiệm cho tổ chức này vì đã tiến hành các vụ tấn công dẫn đến phá hủy tài sản vào ngày 8 tháng 4 năm 2017 và ngày 22 tháng 4 năm 2017.

228. Tổ chức bị chỉ định Việt Tân, còn gọi là "Việt Nam canh tân cách mạng đảng", được thành lập năm 1981. Tổ chức này có mục tiêu thiết lập chế độ chính trị đa đảng phái tại Việt Nam. Các cơ quan chức năng Việt Nam đã quy trách nhiệm cho nhóm này tham gia vào kế hoạch thực hiện các hành vi phá hoại, bắt cóc và ám sát ở Việt Nam.

229. Các chỉ định trong nước do Việt Nam chủ động thực hiện. Thông tin về các tổ chức bị chỉ định đã được chia sẻ với một số quốc gia khác vào năm 2019. Tuy nhiên, Việt Nam đã không yêu cầu các quốc gia này thực hiện chỉ định và cho đến nay các tổ chức và cá nhân này vẫn chưa được các quốc gia/vùng lãnh thổ khác chỉ định, có thể một phần do những thiếu sót trong thông tin và bằng chứng được cung cấp. Việt Nam chưa nhận được bất kỳ yêu cầu nào từ các quốc gia khác về việc chỉ định hoặc thực hiện các hành động đóng băng theo UNSCR 1373.

230. Việt Nam chưa ban hành bất kỳ sự cho phép sử dụng các chi phí cơ bản hoặc bất thường nào cho các cá nhân, tổ chức bị chỉ định và chưa đưa ra khỏi danh sách bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân liên quan nào mà họ đã chỉ định trong nước.

Thực hiện TFS của các đối tượng báo cáo và các cơ quan Chính phủ

231. Các TCTC lớn và có giao dịch quốc tế thể hiện mức độ nhận thức cao về nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu của họ, trong khi sự hiểu biết của các TCTC nhỏ và đặc biệt là các DNFBP và VASP còn yếu. Hầu hết các TCTC và một số DNFBP đã báo cáo rằng họ thỉnh thoảng nhận được văn bản về trừng phạt tài chính mục tiêu từ Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cục PCRT. Các VASP chưa nhận được văn bản nào như vậy. Những văn bản liên hệ như vậy thường là các văn bản thông báo về nghĩa vụ phải thực hiện theo Nghị định số 122/2013 hoặc các thông tin liên quan đến các nghị định, thông tư và quyết định mới hoặc cập nhật của chính phủ. Chẳng hạn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã gửi hai văn bản cho các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam để triển khai các UNSCR liên quan (Công văn số 202/NHNN-TTGSNH7 ngày 11 tháng 1 năm 2010 và Công văn số 387/NHNN- TTGSNH ngày 5 tháng 6 năm 2019), trong đó bao gồm cả hướng dẫn về nghĩa vụ TFS. Việt Nam chưa có văn bản hướng dẫn gửi cho các TCTC, DNFBP và VASP khác về các nghĩa vụ của họ, thông lệ tốt nhất để thực hiện TFS, cách thức hay hình thức, hoặc tiếp cận họ để phổ biến về các vấn đề này.

232. Như đã nêu ở trên, TCTC và DNFBP có trách nhiệm theo dõi danh sách đen của Bộ Công an để nắm về các chỉ định hoặc đưa ra khỏi danh sách mới, điều này làm giảm hiệu quả thực hiện do mức độ hiểu biết về nghĩa vụ TFS khác nhau. Các VASP hiện chưa được quản lý hoặc giám sát tại Việt Nam và các VASPS không có nghĩa vụ phải theo dõi danh sách đen của Bộ Công an.

233. Các ngân hàng lớn trong nước và nước ngoài có các quy trình để thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu, phần lớn là do rủi ro danh tiếng và vì nhu cầu duy trì tiếp cận thị trường vốn quốc tế. Các ngân hàng này hầu hết đều đã mua các dịch vụ giám sát và

[26] Sau đợt đánh giá tại chỗ, vào ngày 5/1/2021, Việt Nam đã chỉ định một tổ chức thứ ba, Triều Đại Việt, và 22 cá nhân có liên quan. Điều này diễn ra sau khoảng thời gian được đánh giá.

sàng lọc của bên thứ ba cho các danh sách trừng phạt khác nhau của Liên hợp quốc, siêu quốc gia và quốc gia. Các ngân hàng này cũng thực hiện các biện pháp CDD nghiêm ngặt và phổ biến các loại hình hiện tại cho các bộ phận tuân thủ của họ. Các ngân hàng này nhận thức được các yêu cầu về danh sách đen và phong tỏa của Bộ Công an nếu họ xác định bất kỳ giao dịch nào liên quan đến khủng bố hoặc TTKB, nhưng không dựa vào danh sách đen để tuân thủ các nghĩa vụ này. Nhìn chung, hướng dẫn từ các trụ sở chính tại nước ngoài của họ (trong trường hợp là ngân hàng nước ngoài) và rủi ro uy tín dường như là yếu tố thúc đẩy có ý nghĩa quan trọng hơn cho việc tuân thủ của các TCTC này với nghĩa vụ TFS so với yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc lo ngại về các biện pháp xử phạt trong nước đối với việc không tuân thủ.

234. Hầu hết các ngân hàng nhỏ hơn trong nước sử dụng phần mềm của bên thứ ba để theo dõi các danh sách liên quan của Liên hợp quốc để tiến hành kiểm tra đối chiếu tên cho CDD, nhưng nhìn chung dường như không áp dụng bất kỳ biện pháp theo dõi nào khác hoặc thể hiện nhận thức về các loại hình phức tạp hơn. Trong một số trường hợp, các ngân hàng trong nước nhỏ được hưởng lợi từ mối quan hệ đại lý của họ với các ngân hàng trong nước và nước ngoài lớn, vì theo đó họ có thể được thực hiện các biện pháp giám sát, sàng lọc và kiểm tra khách hàng nghiêm ngặt hơn để duy trì các mối quan hệ này.

235. Một số TCTC phi ngân hàng và DNFBP khác thực hiện nghĩa vụ bằng cách tiến hành kiểm tra đối chiếu tên trong khi thực hiện CDD, nhưng vẫn còn nhiều lo ngại rằng nhiều người có thể không biết về nghĩa vụ TFS hoặc áp dụng sàng lọc khách hàng. Có những điểm yếu mang tính hệ thống với việc thực hiện kiểm soát nội bộ bởi nhiều TCTC và hầu hết các DNFBP, bao gồm cả TFS (xem Kết quả trực tiếp số 4). Việt Nam cho biết rằng các TCTC/DNFBP nhận thức được yêu cầu phong tỏa không chậm trễ và có các biện pháp xử phạt hành chính áp dụng đối với các vi phạm. Sự giám sát đối với việc kiểm soát này rất yếu hoặc không tồn tại (xem Kết quả trực tiếp số 3).

236. Việc tiếp cận hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền đối với các TCTC phi ngân hàng/DNFBP này là không thống nhất; một số chưa bao giờ được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam yêu đề cập về nghĩa vụ đối với họ, nhưng trong một số trường hợp, cũng biết về các nghĩa vụ đó vì phải giao dịch qua ngân hàng, trong đó áp đặt một số yêu cầu tuân thủ.

237. Các VASP tại Việt Nam đã không thực hiện nghĩa vụ TFS trong thời gian đoàn đánh giá tại chỗ.

Các hành động phong tỏa được thực hiện

238. Như được mô tả trong Khuyến nghị số 6, có những thiếu sót về tuân thủ kỹ thuật trong nghĩa vụ phong tỏa của Việt Nam và không phải tất cả các thể nhân và pháp nhân đều được yêu cầu phong tỏa không chậm chễ hoặc thông báo trước. Chỉ một số nghĩa vụ phong tỏa là được thực thi và và là tại các ngân hàng. Các đối tượng báo cáo được yêu cầu báo cáo các giao dịch bị đóng băng cho cả Bộ Công an và Cục PCRT, mặc dù các nghĩa vụ này được trình bày chi tiết trong hai công cụ riêng biệt và mức độ thực tế các đối tượng báo cáo nhận thức được các nghĩa vụ riêng biệt này và trình tự thích hợp không rõ ràng.

239. Các ngân hàng lớn đã báo cáo một vài giao dịch đã bị phong tỏa, được báo cáo bằng văn bản cho Bộ Công an và cũng qua báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cục PCRT và sau đó gỡ bỏ sau khi Bộ Công an cung cấp phản hồi rằng các giao dịch là cảnh báo giả và họ có thể tiến hành giao dịch. Các TCTC và DNFBP nhỏ không báo cáo bất kỳ giao dịch nào bị phong tỏa. Việt Nam không tìm thấy bất kỳ tài khoản hoặc tài sản nào khác được nắm giữ tại

Việt Nam bởi hai đối tượng được chỉ định trong nước hoặc 22 cá nhân có liên quan và do đó không có tài sản hoặc khoản tiền nào bị phong tỏa.

Trường hợp nghiên cứu 9: Cảnh báo giả và Cơ chế phong tỏa

Năm 2015, một ngân hàng lớn trong nước đã xác định tên khách hàng gần với tên của một cá nhân được chỉ định trong danh sách trừng phạt của UNSCR 1267. Khách hàng đã cố gắng thực hiện chuyển khoản 500 USD cho một cá nhân ở tại một quốc gia được đánh giá có rủi ro TTKB cao hơn. Ngân hàng đã báo cáo vấn đề này với Cục Phòng, chống khủng bố của Bộ Công an và Cục PCRT (thông qua báo cáo giao dịch đáng ngờ) trong vòng một giờ và ngay lập tức trì hoãn giao dịch chờ kết quả đánh giá.

Bộ Công an đã tiến hành xem xét báo cáo, đồng thời liên hệ với Đại sứ quán của quốc gia có rủi ro cao hơn kia để xác định xem họ có thể cung cấp bất kỳ thông tin tình báo tài chính nào có liên quan hay không. Bộ Công an đã có thể xác nhận rằng khách hàng này không liên quan đến khủng bố/TTKB. Trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được báo cáo từ ngân hàng, Bộ Công an đã chuyển giao kết quả xem xét cho ngân hàng để giải tỏa phong tỏa.

Tiếp cận có mục tiêu, tiếp cận và giám sát các tổ chức phi lợi nhuận có rủi ro

240. Việt Nam có một khu vực phi lợi nhuận lớn, với 71.370 tổ chức hoạt động trên toàn quốc hoặc địa phương. Hầu hết trong số này là các hiệp hội thành viên địa phương không nằm trong định nghĩa của FATF về NPO.

241. Bộ Công an đã hoàn thành đánh giá rủi ro NPO đầu tiên của Việt Nam vào tháng 9/2019, trong đó xem xét quy mô hơn về số lượng tổ chức này và sau đó xác định 543 NPO trong nước và 500 NPO nước ngoài đáp ứng định nghĩa của FATF trong ba loại hình - quỹ từ thiện và xã hội, tổ chức tôn giáo và tổ chức phi chính phủ quốc tế.

242. Kết quả đánh giá rủi ro đối với các NPO của Việt Nam cho thấy rủi ro tổng thể của lạm dụng TTKB là thấp, phù hợp với rủi ro TTKB chung của Việt Nam. Nhìn chung, đánh giá này có vẻ hợp lý, tuy nhiên, có một số lỗ hổng trong cách hiểu về rủi ro TTKB (xem Kết quả trực tiếp số 1). Việc đánh giá kết hợp các cân nhắc về việc liệu các NPO có kết nối hoặc hoạt động ở các quốc gia có rủi ro cao hơn hay không. Việc đánh giá chủ yếu dựa trên các hoạt động thu thập thông tin và thực thi pháp luật, không có thông tin đầu vào rõ ràng từ các hoạt động tiếp cận và giám sát, và do đó không rõ liệu Việt Nam có được tiếp cận các dữ liệu cần thiết để hiểu đầy đủ về rủi ro hay không.

243. Đánh giá của Việt Nam cho thấy trong số các NPO, các tổ chức tôn giáo có nguy cơ bị khủng bố lạm dụng cao hơn một chút, và đặc biệt là có bảy tổ chức hoạt động chủ yếu trong một nhóm nhỏ dân số Việt Nam, mặc dù trong đánh giá không có thông tin về nguyên nhân của vấn đề này. Trong khi đánh giá đưa ra các biện pháp được khuyến nghị phù hợp với cách tiếp cận hiệu quả trong việc xác định, ngăn ngừa và chống lại sự lạm dụng các NPO để TTKB, phần lớn trọng tâm nằm ở thu thập và điều tra thông tin, và Việt Nam đã không chứng minh được khả năng tiếp cận và giám sát dựa trên rủi ro bền vững. Đánh giá rủi ro lĩnh vực NPO đã được hoàn thành ngay trước khi thực hiện đánh giá tại chỗ, và do đó, kết luận đánh giá rủi ro vẫn chưa được gửi đến các NPO, bao gồm cả những NPO được coi là có nguy cơ bị lạm dụng TTKB cao nhất.

Giám sát

244. Tất cả các NPO đều phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để hoạt động. Các NPO trong nước do Bộ Nội vụ giám sát và các NPO nước ngoài được giám sát bởi một cơ quan liên ngành được gọi là Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (COMINGO). COMINGO được thành lập để quản lý các hoạt động tổ chức phi lợi nhuận nước ngoài tại Việt Nam và những cơ quan tham gia là Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng

Chính phủ, Ủy ban Đối ngoại Trung ương và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. Bộ Công an chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động của các NPO nước ngoài tại Việt Nam từ góc độ rủi ro an ninh quốc gia. Cả Bộ Nội vụ và COMINGO đều không có cách tiếp cận dựa trên cơ sở rủi ro để giám sát các NPO tương ứng của họ.

245. Các NPO trong nước báo cáo cho Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hàng năm về hiệu suất, hoạt động, quản lý tài chính và tình hình tài chính của họ, bao gồm cả việc gây quỹ và chi phí. Các NPO trong nước được yêu cầu mở tài khoản ngân hàng để hoạt động và có thể sử dụng tiền mặt cho các hoạt động địa phương và mua hàng hóa. Các NPO trong nước báo cáo rằng phần lớn tài trợ đến từ các nguồn trong nước; nếu NPO nước ngoài cung cấp tài trợ hoặc quyên góp cho NPO trong nước cho dự án, NPO trong nước phải nộp tài liệu cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó bao gồm nguồn tiền, số tiền và cách sử dụng tiền. Quá trình này được tiến hành song song bởi NPO nước ngoài, phải báo cáo thông tin tương tự với COMINGO.

246. Các NPO nước ngoài được yêu cầu báo cáo các nhà tài trợ, nhà hảo tâm và phải có các dự án được Việt Nam phê duyệt ở cấp tỉnh. Thông tin này được chia sẻ với COMINGO, để đưa vào các quyết định phê duyệt và các tài liệu dự án. COMINGO cũng tổ chức bốn "nhóm công tác" liên ngành, trực tiếp làm việc ở cấp tỉnh để giám sát các dự án cụ thể của NPO, nhưng chưa có trách nhiệm giám sát về TTKB.

247. COMINGO, với tư cách là ủy ban liên cơ quan, không có bất kỳ thỏa thuận chia sẻ thông tin quốc tế chính thức nào; mọi thông tin được chia sẻ sẽ được chuyển qua Bộ Công an thông qua các mối quan hệ và thỏa thuận chia sẻ. COMINGO chưa chia sẻ bất kỳ thông tin nào liên quan đến vấn đề lạm dụng TTKB trong lĩnh vực NPO. Bộ Công an chỉ ra rằng họ đã nhận được thông tin về một tổ chức phi lợi nhuận bị chỉ định liên quan đến TTKB ở một quốc gia khác đang tìm cách triển khai hoạt động tại Việt Nam và sau đó đã chặn được tổ chức này đăng ký và hoạt động tại Việt Nam.

Tiếp cận tới các NPO

248. Cục An ninh Nội địa của Bộ Công an chịu trách nhiệm đảm bảo các NPO có nguy cơ không bị những kẻ khủng bố lạm dụng. Sau đánh giá rủi ro đối với các NPO, Bộ Công an đã tiến hành tiếp cận và đào tạo về TTKB cho 22 NPO, bao gồm bảy NPO có nguy cơ lạm dụng TTKB cao hơn và lực lượng công an địa phương thường xuyên gặp gỡ và tiếp cận bảy NPO này. Một cách tổng quát, thì Bộ Công an tiến hành tiếp cận theo chủ đề và gặp gỡ các nhóm có nguy cơ và đưa ra các bản tin hàng tháng cho Ủy ban chỉ đạo quốc gia về TTKB, bao gồm các báo cáo liên quan về NPO. Cuối cùng, Cục An ninh Đối ngoại của Bộ Công an là thành viên của COMINGO, chịu trách nhiệm đầu mối thông tin giữa các bộ thành viên và Bộ Công an.

249. Ngoài các nỗ lực có mục tiêu/trọng điểm của Cục An ninh Nội địa Bộ Công an, Bộ Nội vụ tổ chức các khóa đào tạo chung cho các NPO trong nước về các tài liệu pháp lý mới, cung cấp cho các NPO cập nhật các yêu cầu pháp lý mới và các chính sách mới của chính phủ về chống RT/TTKB. Khóa đào tạo này được thực hiện hàng năm ở ba khu vực (bắc, trung, nam), nhưng Bộ Nội vụ không đặt mục tiêu cụ thể vào các NPO có nguy cơ cao để tiếp cận, hoặc cũng không đề cập đến các rủi ro và các hình thức rủi ro trong hoạt động đào tạo của mình để giúp các NPO hiểu được những vấn đề dễ bị tổn thương của họ cũng như tuân thủ các biện pháp bảo vệ bản thân khỏi mối đe dọa bị lạm dụng cho khủng bố. Việc tiếp cận được thực hiện bởi Bộ Nội vụ phần lớn mang tính hành chính và không bao gồm các mối đe dọa bị lạm dụng TTKB.

250. Đối với các NPO nước ngoài, COMINGO tổ chức hai cuộc họp hàng năm, một cuộc họp cho các NPO hoạt động ở miền Bắc và một tại miền Nam. COMINGO đã cung cấp thông tin về các luật và quy định liên quan đến TTKB, nhưng dường như không đề cập đến rủi ro

và các loại hình giúp NPO hiểu được những vấn đề dễ bị tổn thương của họ cũng như tuân thủ các biện pháp tự bảo vệ trước mối đe dọa bị lạm dụng cho khủng bố. COMINGO không làm việc với các NPO nước ngoài về TTKB.

Hiểu biết của tổ chức phi lợi nhuận về rủi ro TTKB

251. Cả NPO trong và ngoài nước đều đã biết về báo cáo rủi ro quốc gia và xác nhận rằng rủi ro TTKB đối với ngành và tổ chức của họ là thấp. Các NPO chưa được biết về báo cáo đánh giá rủi ro đối với NPO được hoàn thành gần đây và việc tiếp cận với Việt Nam về rủi ro TTKB ở mức tối thiểu. Nói rộng hơn, các NPO đều coi các quy định và yêu cầu của chính phủ là rất chặt chẽ và một số thể hiện nhận thức rằng tiền liên quan đến TTKB sẽ cần phải được phong tỏa ngay lập tức. Các NPO nước ngoài đã thể hiện sự hiểu biết sâu sắc hơn về nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu và các loại hình TTKB, phần lớn là do hướng dẫn từ trụ sở chính tại nước ngoài của họ.

Tước bỏ tài sản và các công cụ TTKB

252. Hiện tại chưa xác định được và phong tỏa tài sản và công cụ liên quan đến hoạt động TTKB của các tổ chức và cá nhân được chỉ định, nhìn chung phù hợp với hồ sơ rủi ro TTKB thấp. Tuy nhiên, đây cũng có thể là một yếu tố bất cập trong nghĩa vụ phong tỏa để áp dụng không chậm trễ và không cần thông báo trước, cũng như tác động có thể xảy ra của việc thiếu thông báo chỉ định, thiếu hướng dẫn về nghĩa vụ TFS và thiếu giám sát, thực thi.

253. Như đã lưu ý trong phân tích ở trên, việc chỉ định các tổ chức và cá nhân trong nước của Việt Nam đã không được thực hiện cho đến khi có phán quyết của tòa án, điều này hạn chế khả năng tước bỏ tài sản và công cụ của TTKB, và sẽ có thời gian để các tài sản đó di chuyển. Việt Nam cũng không thể hiện nỗ lực xác định các tài sản được sở hữu hoặc kiểm soát gián tiếp bởi những người và tổ chức được chỉ định của Liên hợp quốc hay trong nước.

254. Như đã thảo luận trong Kết quả trực tiếp số 9, Việt Nam đã tiến hành một số cuộc điều tra về hoạt động TTKB trong lãnh thổ của mình, nhưng chưa thực hiện truy tố hay kết án về tội TTKB, chủ yếu vì các cá nhân và/hoặc tổ chức hoặc là tự tài trợ hoặc là bị truy tố vì tội khủng bố. Như vậy, ở Việt Nam chưa có bất kỳ vụ tịch thu nào liên quan đến TTKB.

Tính nhất quán giữa các biện pháp với hồ sơ rủi ro TTKB tổng thể

255. Như đã đề cập ở trên, Việt Nam đánh giá rủi ro TTKB của mình là thấp trong báo cáo rủi ro quốc gia. Đối với những lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ, Việt Nam cho biết, người dân Việt Nam chưa bao giờ thể hiện ý định bạo loạn hoặc ly khai, và không có người Việt nào ủng hộ các nhóm như ISIS, và qua trao đổi thông tin với các đối tác quốc tế không có bất kỳ bằng chứng nào về sự tham gia của người Việt Nam trong các tổ chức khủng bố. Đánh giá thừa nhận rằng do toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng của Việt Nam vào hệ thống quốc tế và nguy cơ khủng bố ở khu vực Đông Nam Á, thì cũng có một số mối đe dọa từ khủng bố xuyên quốc gia và TTKB. Như vậy, các biện pháp Việt Nam thực hiện cho đến nay còn hạn chế - đặc biệt là liên quan đến sự hiểu biết không đầy đủ về các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu của nhiều TCTC và DNFBP, thiếu việc thực thi các nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu của các VASP, không thực thi đầy đủ và các biện pháp trừng phạt tương xứng và không khoan nhượng đối với việc không tuân thủ, và những nỗ lực sơ khai để giải quyết rủi ro TTKB trong lĩnh vực NPO - không hoàn toàn phù hợp với rủi ro.

256. Nhìn chung, Việt Nam đã thực hiện UNSCR 1267, nhưng chỉ gần đây mới bắt đầu thực hiện UNSCR 1988. Khung pháp lý của Việt Nam để thực hiện cơ chế đóng băng không chậm trễ còn một số lỗ hổng, nghiêm trọng nhất là không có hình phạt đối với việc không tuân

thủ các nghĩa vụ đóng băng và do đó không thể thi hành. Mức độ thực hiện thấp của nhiều TCTC phi ngân hàng, DNFBP và VASP là một lĩnh vực đáng quan tâm mà các cơ quan chức năng cần giải quyết.

257. Liên quan đến NPO, Việt Nam đang bắt đầu đánh giá và hiểu rủi ro TTKB trong lĩnh vực này, nhưng cần phải thực hiện các bước để thực hiện tiếp cận dựa trên rủi ro và giám sát theo mục tiêu.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 10

258. Việt Nam có khuôn khổ pháp lý để sử dụng TFS làm công cụ chống khủng bố và TTKB, nhưng cần có những cải thiện cơ bản vì nó liên quan đến việc thực hiện TFS, mức độ hiểu biết của các đối tượng báo cáo về nghĩa vụ TFS của họ và việc thực hiện phương pháp tiếp cận trên cơ sở rủi ro để tiếp cận và giám sát khu vực NPO. Việc thiếu các đề xuất chỉ định theo UNSCR 1267/1989 là phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam, mặc dù việc thiếu đóng băng tài sản/tiền có thể là hệ quả của những thiếu sót đã được xác định trong quá trình Việt Nam thực hiện TFS và hiểu biết của TCTC/DNFBP về TFS, cũng như việc các nghĩa vụ đóng băng không có hiệu lực pháp lý. Việt Nam đã chỉ định hai đối tượng theo UNSCR 1373, tuy nhiên điều này đã chỉ diễn ra sau khi có phán quyết của tòa án và không có tài sản nào bị phong tỏa theo các chỉ định này. Tất cả các ngân hàng đều đang triển khai TFS, mặc dù ở các mức độ khác nhau. Tuy nhiên, nhiều TCTC phi ngân hàng, DNFBP và VASP không thực hiện TFS, cũng như nhiều đơn vị không nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ của mình. Lĩnh vực NPO được quản lý chặt chẽ, nhưng Việt Nam mới chỉ bắt đầu đánh giá và quản lý rủi ro TTKB trong lĩnh vực này, hiểu biết về rủi ro có thể chưa đầy đủ và chưa triển khai việc thanh tra hay giám sát trên cơ sở rủi ro. Trong khi các NPO nước ngoài nhận thức được các nghĩa vụ TFS của mình, nhiều NPO trong nước chỉ có hiểu biết hạn chế và khả năng tiếp cận của Việt Nam đối với NPO trong nước về TFS là rất ít.

259. Việt Nam đạt mức hiệu quả thấp đối với Kết quả trực tiếp số 10.

Kết quả trực tiếp số 11 (Hình phạt tài chính áp dụng cho tài trợ PBVKHDHL)

260. Việt Nam nằm trong một khu vực có rủi ro xảy ra hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PBVKHDHL) và trốn tránh các biện pháp trừng phạt liên quan. Điều này bắt nguồn từ sự liên kết toàn cầu và khu vực ngày càng tăng với hệ thống tài chính quốc tế, đường hàng hải rộng và trải dài và rủi ro tiếp xúc với hoạt động hàng hải bất hợp pháp trong khu vực, nhu cầu ngày càng tăng đối với nguyên liệu thô và hàng hóa nhập khẩu khác để phát triển kinh tế và mối quan hệ lịch sử với một số nước có rủi ro cao. Việt Nam đã từng là thị trường quan trọng mang tính lịch sử đối với ngành than của DPRK và các mặt hàng xuất khẩu khác, trước khi những mặt hàng xuất khẩu này bị cấm theo các UNSCR. Việt Nam có rất ít quan hệ với Iran.

261. Việt Nam và DPRK có mối quan hệ gần gũi về mặt ngoại giao kể từ khi bắt đầu thời kỳ Đổi Mới cách đây ba thập kỷ. Mặc dù vẫn có quan hệ ngoại giao đầy đủ với DPRK, Việt Nam cũng đã cam kết thực hiện các biện pháp trừng phạt theo lĩnh vực và thương mại của UNSCR, bao gồm cả TFS.

262. Kể từ năm 2014, Việt Nam đã ban hành một số chỉ thị và văn bản cho các bộ, ngành để thực hiện UNSCR liên quan đến hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và giảm nguy cơ trốn tránh trừng phạt và các hoạt động bất hợp pháp khác, bao gồm UNSCR 1718 và các nghị quyết kế thừa liên quan đến DPRK, cũng như UNSCR 2231, liên quan đến Iran.[27] Những văn bản này yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền tuân thủ

[27] Việt Nam đã cung cấp các tài liệu liên quan sau: Chỉ thị số 884/CT-BQP (2016) về việc thực hiện UNSCR 2270; Công văn số 6645/VP-DN (2016) về việc thực hiện UNSCR 2270; Công văn số 6887/VP-DN (2017) về chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về UNSCR 2356; Công văn số 1562/BNG-TCQT-tm (2016) về việc thực hiện UNSCR 2270; Công văn số 1738/BNG-TCQT-tm (2017) về việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về UNSCR 2356; Công văn số 2483/CPCP-QHQT (2014) về việc xác minh các hoạt động liên quan đến các UNSCR; Công văn số

các UNSCR, phân công trách nhiệm tổ chức và khuyến khích sự phối hợp giữa các tổ chức có liên quan, nhưng hầu hết chưa đề cập đến nghĩa vụ TFS. Có một văn bản ngoại lệ là Công văn số 1738 (2017) của Bộ Ngoại giao về việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về UNSCR 2356, đoạn 2, trong đó yêu cầu các bộ, ngành phổ biến danh sách các cá nhân và tổ chức được chỉ định và đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phong tỏa bất kỳ tài sản nào của cá nhân và tổ chức nào nằm trong Nghị quyết.

263. Việt Nam cũng yêu cầu dừng hoạt động một số doanh nghiệp do DPRK sở hữu và điều hành, yêu cầu hồi hương đối với một số công dân DPRK, đình chỉ hầu hết hàng nhập khẩu và xuất khẩu từ DPRK, yêu cầu đổi lộ trình một số tàu chở hàng bị Hội đồng bảo an Liên hợp quốc cấm xuất khẩu từ DPRK, tịch thu hơn 2000 tấn than có nguồn gốc từ DPRK và giám sát chặt chẽ các tài khoản ngân hàng do công dân DPRK nắm giữ.

264. Mặc dù các chuẩn mực của FATF không yêu cầu, Việt Nam đã hoàn thành đánh giá rủi ro tài trợ PBVKHDHL vào ngày 12/11/2019, và sẽ được cập nhật 5 năm một lần. Đánh giá rủi ro này thừa nhận Việt Nam có rủi ro với các hoạt động tài trợ PBVKHDHL do vị trí địa lý và các hoạt động hàng hải bất hợp pháp ở khu vực Đông Nam Á. Một khi kết quả đánh giá rủi ro tài trợ PBVKHDHL được phổ biến, đánh giá rủi ro này sẽ cải thiện mức độ nhận thức về rủi ro tài trợ PBVKHDHL trong lãnh thổ Việt Nam.

Triển khai các biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu đối với hoạt động tài trợ phổ biến vũ khí một cách không chậm chễ

265. Việt Nam đã ban hành khung pháp lý trong nước về TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL đối với việc PBVKHDHL vào tháng 11/2019. Do được ban hành trong thời gian đánh giá tại chỗ nên việc triển khai khung pháp lý mới này chưa được thực hiện. Trước đó, Việt Nam đã căn cứ vào một loạt các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành cụ thể thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các UNSCR về PBVKHDHL và tài trợ PBVKHDHL. Những chỉ thị này không tạo thành một khung pháp lý để thực hiện TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL.

266. Hơn nữa, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam định kỳ gửi văn bản cho các TCTC và một số DNFBP yêu cầu phải tuân thủ tất cả các UNSCR, bao gồm cả phong tỏa tài sản của cá nhân, tổ chức được chỉ định và không cung cấp cho họ tài sản hoặc dịch vụ. Tuy nhiên, những văn bản này chưa có hiệu lực thực thi và việc thực hiện cũng không được giám sát.

267. Nghị định số 81/2019, có hiệu lực vào ngày 11 tháng 11 năm 2019, cung cấp cơ sở pháp lý để thực hiện một số yếu tố của TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL, tuy nhiên các nghĩa vụ phong tỏa và cấm các hành vi tài trợ chưa có hiệu lực thực thi. Nghị định quy định Bộ Quốc phòng là cơ quan đầu mối quốc gia trong việc phòng chống PBVKHDHL và thực hiện TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL nhằm tuân thủ các UNSCR liên quan. Nghị định yêu cầu tất cả các thể nhân và pháp nhân phong tỏa không chậm trễ và không cần thông báo trước tài sản của tổ chức và cá nhân được chỉ định và quy định nghĩa vụ của các bộ, ngành và chính quyền địa phương trong việc ngăn chặn các tổ chức và cá nhân cung cấp tài sản và dịch vụ; tuy nhiên, Nghị định không trực tiếp cấm tổ chức và cá nhân thực hiện việc này. Nghĩa vụ phong tỏa được thực hiện theo chỉ định của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc và tài sản phải được phong tỏa trong vòng 24 giờ kể từ ngày chỉ định đó. Không có yêu cầu đưa vấn đề chỉ định vào luật pháp Việt Nam.

13318/VP-DN (2018) về các biện pháp thực hiện các UNSCR; Công văn số 3386/VPCP-QHQT (2018) về các biện pháp thực hiện nghiêm túc các UNSCR; Công văn số 11666/VP-DN (2017) về việc thực hiện UNSCR 2375; Công văn số 652/VP-DN (2018) về việc thực hiện UNSCR 2397; Công văn số 1562/BNG-TCQT-tm (2016) về việc tiếp tục thực hiện UNSCR 2270.

268. Tuy nhiên, như đã lưu ý trong phân tích của Khuyến nghị số 7, Nghị định yêu cầu trang web của Bộ Quốc phòng cần có thông tin về các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL và có đường dẫn trực tiếp đến Danh sách trừng phạt của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc có liên quan. Các TCTC, DNFBP và VASP có nghĩa vụ phải thường xuyên theo dõi danh sách trừng phạt của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc trên trang web của Bộ Quốc phòng để xác định các cá nhân, tổ chức được chỉ định và đưa ra khỏi danh sách chỉ định mới. Không có thông báo về việc cập nhật. Tuy nhiên, chuyên mục về TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL đã không được tạo trên trang web của Bộ Quốc phòng vào cuối đợt đánh giá tại chỗ, do đó, khung về thực hiện TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL chưa được triển khai đầy đủ và không thể đánh giá tính hiệu quả.[28] Ngoài ra, hiện tại không có biện pháp xử phạt nào đối với việc không tuân thủ nghĩa vụ TFS và do đó những nghĩa vụ này không có hiệu lực thực thi.

269. Danh sách đen của Bộ Công an, có sẵn trên trang web của Bộ Công an, có đường dẫn đến Danh sách trừng phạt tổng hợp của Liên hợp quốc, trong đó có cả UNSCR 1718 và các chỉ định liên quan đến tài trợ PBVKHDHL khác, nhưng như vậy vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 81/2019 đối với Bộ Quốc phòng là phải công khai danh sách chỉ định liên quan đến PBVKHDHL và tài trợ PBVKHDHL. Hơn nữa, vì đường dẫn này chỉ mới được thêm vào trong đợt đánh giá tại chỗ nên chưa thể xác định tính hiệu quả.

270. Bộ Quốc phòng đã ký thỏa thuận phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan để chia sẻ thông tin liên quan đến PBVKHDHL, tuy nhiên như đã lưu ý trong đánh giá rủi ro về tài trợ PBVKHDHL, còn có hạn chế trong hợp tác và chia sẻ thông tin về tài trợ PBVKHDHL. Như đã thảo luận trong Mục tiêu trực tiếp số 1, Việt Nam chưa thiết lập được một cơ chế điều phối về tài trợ PBVKHDHL tương tự như Ủy ban điều phối quốc gia về rửa tiền hoặc Ủy ban điều phối quốc gia về tài trợ khủng bố.

271. Lĩnh vực hàng hải Việt Nam đã bị tổn thương trước các hoạt động trốn tránh xử phạt và một số tàu mang cờ Việt Nam đã bị phát hiện bị lạm dụng để trốn tránh các lệnh trừng phạt liên quan đến DPRK đối với buôn bán than. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm đăng ký và hủy đăng ký tàu tại cơ quan đăng ký vận tải biển, cũng như quản lý hoạt động bán và đóng tầu. Theo Luật Hàng hải năm 2015, việc tham gia PBVKHDHL hoặc tài trợ PBVKHDHL không phải là điều kiện để hủy đăng ký, nhưng Việt Nam có thể làm như vậy theo Luật Điều ước quốc tế năm 2016, luật này quy định rằng nếu có sự khác biệt giữa luật quốc gia và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì áp dụng công ước quốc tế. Trong thực tế, Việt Nam đã làm điều này đối với trường hợp tàu Tân Phát 36, đã bị hủy đăng ký vào ngày 26 tháng 5 năm 2019 vì đã cố gắng nhập khẩu than từ DPRK[29].

272. Khi các tổ chức hàng hải có trụ sở tại Việt Nam bị Hội đồng bảo an Liên hợp quốc chỉ định, Bộ Ngoại giao sẽ gửi thông tin trực tiếp đến Bộ Giao thông vận tải để xử lý. Trong một trường hợp, Bộ Giao thông vận tải đã hủy đăng ký một con tàu vào ngày 6 tháng 5 năm 2019 và Bộ Ngoại giao sau đó đã báo cáo lại cho Ủy ban 1718. Bộ Giao thông vận tải biết về các UNSCR liên quan đến tài trợ PBVKHDHL và cung cấp thông tin về các USNCR mới và chỉ định cho cơ quan chức năng cảng biển, bảo vệ bờ biển và bảo vệ biên giới. Tuy nhiên, chưa có hành động phong tỏa hay cấm nào được áp dụng.

273. Việt Nam chưa tiến hành điều tra các giao dịch tài chính liên quan đến hoạt động trốn tránh trừng phạt của UNSCR phù hợp với mức độ rủi ro đã được mô tả ở trên.

[28] Như đã nêu ở trên, kể từ đợt đánh giá tại chỗ, Bộ Quốc phòng đã công bố trên trang web đường dẫn trực tiếp đến Danh sách trừng phạt tổng hợp của Liên hợp quốc cũng như đường dẫn đến Nghị định số 81/2019.

[29] Công văn chính thức của Bộ Quốc phòng số 11603/BQP-CSB (2019) về than bắt nguồn từ Tàu Star 18.

Xác định tài sản và tiền do người/tổ chức bị chỉ định nắm giữ và các lệnh cấm

274. Cho đến nay, chưa có tiền hoặc tài sản khác của những người và tổ chức được chỉ định (hoặc của những người thay mặt họ hoặc theo chỉ đạo của họ) được xác định hoặc phong tỏa tại Việt Nam và chưa có bất kỳ báo cáo giao dịch đáng ngờ nào liên quan đến tài trợ PBVKHDHL được nộp. Do Việt Nam có rủi ro với hoạt động tài trợ PBVKHDHL, đoàn đánh giá đặt câu hỏi liệu việc thiếu hoạt động xác định tài sản có hợp lý không. Đây có thể là sự phản ánh của việc mới đưa vào các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL đối với tất cả các thể nhân và pháp nhân và của sự hiểu biết không đồng đều về các nghĩa vụ này giữa các đối tượng báo cáo và các cơ quan có thẩm quyền, như được thảo luận dưới đây.

275. Việt Nam đưa ra tám trường hợp tàu hàng hải nghi ngờ trốn tránh trừng phạt đã bị bắt giữ hoặc từ chối nhập cảnh vào cảng, bao gồm các tàu được chỉ định tại Liên hợp quốc (xem trường hợp nghiên cứu dưới đây là một ví dụ), nhưng nghĩa vụ TFS đối với tài trợ PBVKHDHL không được thực hiện. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành khác không cung cấp bằng chứng cho thấy họ đã điều tra mạng lưới các thể nhân và pháp nhân tại Việt Nam - bao gồm thu thập và phân tích thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi - liên quan đến các trường hợp này, để xác định xem có nghĩa vụ phong tỏa nào áp dụng cho những tổ chức và cá nhân đó không.

Trường hợp nghiên cứu 10: Cấm tầu nằm trong danh sách

Vào cuối tháng 4/2018, Việt Nam phát hiện tàu HUA FU đi qua lãnh hải của mình. HUA FU bị Liên hợp quốc đưa vào danh sách là tài sản của Công ty trách nhiệm hữu hạn Chang An Shipping & Technology, được chỉ định bởi Ủy ban UNSCR 1718 vào ngày 30/3/2018. Cảnh sát biển Việt Nam đã cấm tàu HUA FU, mặc dù lúc đó tàu không chở bất kỳ hàng hóa nào nhưng cho thấy dấu vết vận chuyển than trước đây. Việt Nam sau đó đã hộ tống tàu ra khỏi vùng biển Việt Nam.[30]

Cơ quan có thẩm quyền đã xác định tổ chức Việt Nam vận hành con tàu, và xác nhận rằng tổ chức đó có hợp đồng với chủ tàu, Công ty Chang An Shipping & Technology. Tuy nhiên, Việt Nam sau đó đã không áp dụng TFS hoặc phong tỏa đối với bất kỳ khoản tiền hoặc tài sản khác, hoặc áp dụng bất kỳ biện pháp xử phạt nào đối với tổ chức Việt Nam hoặc các TCTC liên quan đã cung cấp dịch vụ cho một tổ chức bị chỉ định.

276. Liên quan đến việc trốn tránh các biện pháp trừng phạt, Việt Nam đã xác định được 32 tài khoản ngân hàng do công dân DPRK nắm giữ, chủ yếu là nhân viên đại sứ quán, các tài khoản này được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo dõi chặt chẽ. Việt Nam cho biết không có tài khoản nào là của người hoặc tổ chức được chỉ định, mặc dù Việt Nam không cung cấp bằng chứng là đã điều tra xem các tài khoản này có được giữ hộ cho hay vì lợi ích của một người hoặc tổ chức được chỉ định không.

277. Vào ngày 28/3/2017, khi xem xét các giao dịch trong quá khứ từ các tài khoản này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã xác định một giao dịch liên quan đến một nhân viên đại sứ quán DPRK tham gia vào hoạt động thương mại bị cấm theo UNSCR 2321, nhưng giao dịch xảy ra vào ngày 23/2/2017, vì vậy không thể phong tỏa được số tiền này. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đóng ba tài khoản như là kết quả của cuộc điều tra.

Hiểu biết về và tuân thủ với các nghĩa vụ của các TCTC và các DNFBP

[30] Bộ Ngoại giao, Báo cáo số 2384/BC-BNG-TCQT-m (ngày 17/8/2018).

278. Các cơ quan có thẩm quyền chưa phổ biến cho các TCTC và DNFBP về các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL. Bộ Quốc phòng gần đây mới được chỉ định là cơ quan đầu mối quốc gia về tài trợ PBVKHDHL theo Nghị định số 81/2019, và do đó chưa phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền khác phổ biến về các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL mới. Trước khi Nghị định số 81/2019 có hiệu lực, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam định kỳ thông báo cho các TCTC bằng văn bản về việc họ phải thực hiện các UNSCR, bao gồm cả những UNSCR liên quan đến tài trợ PBVKHDHL, nhưng lại không có các quy định của pháp luật trong nước để thực hiện các nghĩa vụ đó. Một số TCTC phi ngân hàng đã báo cáo rằng không có sự phổ biến nào về tài trợ PBVKHDHL từ Cục Phòng, chống rửa tiền hay Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Không có sự phổ biến về nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL cho DNFBP hoặc VASP.

279. Do đó, sự hiểu biết về các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL giữa các TCTC, DNFBP và VASP bị hạn chế. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ PBVKHDHL thừa nhận rằng có sự hiểu biết không đồng đều giữa các tổ chức và cá nhân về nghĩa vụ của họ trong việc chống tài trợ PBVKHDHL. Các ngân hàng nước ngoài và một số ngân hàng lớn hơn trong nước đã thể hiện sự hiểu biết về nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL. Tuy nhiên, các ngân hàng này đã tuân theo các chính sách của toàn tập đoàn hoặc chịu yêu cầu áp đặt từ các ngân hàng đại lý.

280. Trước khi Nghị định số 81/2019 có hiệu lực, TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL đã được triển khai trong một số trường hợp, cụ thể là tại các ngân hàng lớn hơn trong nước và ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng này đã ban hành các quy định để tránh rủi ro danh tiếng và do cần duy trì việc tiếp cận thị trường vốn quốc tế. Các ngân hàng này hầu như đều mua các dịch vụ giám sát và sàng lọc của bên thứ ba đối với các danh sách trừng phạt khác nhau của UN, siêu quốc gia và một số quốc gia cụ thể. Các ngân hàng nhỏ hơn trong nước cũng theo dõi các danh sách liên quan của Liên hợp quốc để tiến hành kiểm tra đối chiếu cơ bản theo tên đối với CDD, nhưng nhìn chung không áp dụng bất kỳ biện pháp giám sát nào khác.

281. Không có ngân hàng nào báo cáo hành động phong tỏa đối với người hoặc tổ chức được chỉ định do tài trợ PBVKHDHL. Một số ngân hàng có chính sách từ chối khách hàng DPRK và Iran, nhưng kết hợp quyết định của họ để tránh khách hàng đến từ các vùng lãnh thổ có rủi ro cao với nghĩa vụ TFS của họ. Ví dụ, một ngân hàng báo cáo rằng họ đã xác định được một khách hàng có liên quan đến DPRK, ngay lập tức tiến hành phong tỏa tài khoản và báo cáo với Cục Phòng, chống rửa tiền và Bộ Công an trong vòng 3 ngày sau khi phong tỏa. Cục Phòng, chống rửa tiền đã phản hồi rằng các giao dịch không liên quan đến các tổ chức được chỉ định và các giao dịch có thể được tiến hành.

282. Các TCTC phi ngân hàng và DNFBP khác phần lớn không biết và không thực hiện nghĩa vụ TFS đối với tài trợ PBVKHDHL, hoặc đã kết hợp nghĩa vụ tài trợ PBVKHDHL với các nghĩa vụ khác của các UNSCR như đối với TTKB. Các TCTC phi ngân hàng/DNFBP cho biết họ đã tuân thủ một cách tự nguyện các nghĩa vụ của UNSCR và không coi đó là nghĩa vụ pháp lý tại Việt Nam. Không có VASP nào được phỏng vấn trong đợt đánh giá tại chỗ. Tuy nhiên, Việt Nam đã không cung cấp bằng chứng cho thấy VASP hiểu hoặc tuân thủ nghĩa vụ TFS.

Các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo và giám sát việc tuân thủ

283. Việt Nam đã ban hành khung pháp lý trong thời gian đánh giá tại chỗ và giao trách nhiệm cho các bộ, ngành, do đó không có thời gian để thực hiện hoặc quan sát tính hiệu quả của giám sát và tuân thủ. Trong khi Nghị định số 81/2019 chỉ định Bộ

Quốc phòng là dơ quan chịu trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành khác để giám sát việc thực hiện Nghị định, tuy nhiên chưa có hoạt động giám sát nào được thực hiện.

284. Việt Nam không có đủ nguồn nhân lực và đội ngũ nhân sự được đào tạo đầy đủ trong các cơ quan có thẩm quyền để tiến hành giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL. Đánh giá rủi ro tài trợ PBVKHDHL của Việt Nam thừa nhận rằng có sự thiếu cán bộ chuyên môn được đào tạo đầy đủ và sự hiểu biết không đồng đều giữa các cơ quan khiến việc giám sát trở nên khó khăn.

285. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không coi các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL là một phần của khung giám sát. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã làm việc với các ngân hàng lớn trong nước và quốc tế về TFS, nhưng lại ít làm việc với các ngân hàng nhỏ về TFS. Các TCTC và DNFBP cho biết không có bất kỳ hoạt động thanh tra hay giám sát nào của các cơ quan có thẩm quyền về các nghĩa vụ TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL.

Kết luận chung về Kết quả Trực tiếp 11

286. Việt Nam gần đây đã ban hành một khung pháp lý mới để thực hiện TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL mặc dù còn có một số thiếu sót đáng kể như không có nghĩa vụ phong tỏa có hiệu lực hoặc các lệnh cấm. Cần phải có cải thiện căn bản để chứng minh việc thực hiện TFS có hiệu quả, sự hiểu biết và tuân thủ giữa các TCTC/DNFBP với nghĩa vụ TFS và hoạt động giám sát của các cơ quan có thẩm quyền. Việt Nam có một số tổ chức được chỉ định, nhưng số tiền hoặc tài sản khác bị phong tỏa (là con số không) là thấp trong khi Việt Nam có rủi ro đối với các hoạt động trốn tránh trừng phạt trong khu vực. Các ngân hàng lớn hơn đang triển khai TFS nhưng nhiều ngân hàng nhỏ hơn, các TCTC phi ngân hàng và DNFBP không thực hiện TFS cũng như không biết về nghĩa vụ TFS. Không có hoạt động giám sát tuân thủ nghĩa vụ TFS nào được diễn ra.

287. Việt Nam đạt mức hiệu quả thấp đối với Kết quả trực tiếp số 11.

CHƯƠNG 5. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Các Phát hiện chính và các Hành động khuyến nghị

Các phát hiện chính

a) Các nghĩa vụ về PCRT/TTKB được áp dụng cho tất cả các TCTC và DNFBP nhưng chưa áp dụng cho các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản ảo (VASP). Các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán mới chỉ được đưa vào nghĩa vụ thực hiện PCRT/TTKB tại thời điểm đánh giá tại chỗ. Thiếu hụt kỹ thuật bao gồm các biện pháp phòng ngừa liên quan đến TTKB và việc thiếu sự giám sát để củng cố các nghĩa vụ thực hiện các biện pháp tuân thủ.

b) Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa không được thể hiện tốt và đạt được ở mức độ không đáng kể. Các biện pháp phòng ngừa được các TCTC áp dụng dựa theo quy định thay vì dựa trên các nguyên tắc cơ bản và không tính đến yếu tố rủi ro RT/TTKB của Việt Nam. NRA được hoàn thành bảy tháng trước đợt đánh giá tại chỗ.

c) Mức độ hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và các nghĩa vụ PCRT/TTKB có sự khác nhau trong khu vực tư nhân. Các TCTC lớn (ví dụ ngân hàng, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán), đặc biệt là các TCTC có quy mô toàn cầu có hiểu biết tương đối tốt về rủi ro và nghĩa vụ RT/TTKB và chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ đầy đủ. Các công ty chuyển tiền hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB ở mức độ thấp hơn. Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, các quầy đổi tiền có hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB dường như rất ít với các thiếu hụt cơ bản đã được phát hiện trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa PCRT/TTKB.

d) Hiểu biết về rủi ro RT/TTKB của các DNFBP còn rất hạn chế dẫn tới việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa PCRT/TTKB là không đáng kể.

e) Việc áp dụng các yêu cầu CDD nâng cao hoặc cụ thể và các yêu cầu lưu giữ hồ sơ khác nhau giữa các TCTC. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty chuyển tiền có các biện pháp CDD, lưu giữ hồ sơ và giám sát liên tục phù hợp. Tuy nhiên, CDD liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi là một thách thức, đặc biệt đối với các chủ sở hữu nước ngoài. Đối với các TCTC khác, các quy trình CDD được xây dựng không phù hợp khi các quy trình này chỉ giới hạn ở CDD cơ bản dựa trên các tài liệu nhận dạng hoặc quy trình đánh giá tín dụng. Dường như có những điểm yếu khi thực hiện nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ và hệ thống giám sát còn thiếu hoặc không phù hợp đối với các TCTC này.

f) Các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty chuyển tiền ở một phạm vi nào đó đã áp dụng các biện pháp tăng cường đối với các cá nhân có ảnh hưởng chính trị nước ngoài và các quốc gia có rủi ro cao hơn do FATF xác định và các biện pháp cụ thể về ngân hàng đại lý, công nghệ mới, chuyển khoản ngân hàng và TFS liên quan đến TTKB. Việc chưa có yêu cầu xác định các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước là quan ngại đáng kể mặc dù thiếu hụt này được giảm nhẹ phần nào bởi các chính sách nội bộ về PCRT/TTKB áp dụng toàn cầu của các đối tượng báo cáo quốc tế, trong đó dường như đã bao gồm cả các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước cũng như quốc tế. Các thiếu hụt cơ bản trong các lĩnh vực này cũng tồn tại đối với các TCTC khác.

g) Ngoại trừ các công ty kế toán lớn và sòng bạc lớn, việc áp dụng các yêu cầu CDD nâng cao hoặc cụ thể, các yêu cầu lưu giữ hồ sơ và các biện pháp giám sát

liên tục đối với khu vực DNFBP, bao gồm bất động sản, kinh doanh vàng bạc đá quý là các lĩnh vực có rủi ro cao hơn còn rất hạn chế. Hiểu biết của tất cả các DNFBP về yêu cầu liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi cũng còn rất hạn chế.

h) Nhìn chung, các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty chuyển tiền có cơ chế báo cáo STR phù hợp mặc dù phần lớn các STR là do các ngân hàng báo cáo. Đối với các TCTC khác, có TCTC thiếu hụt cơ bản về cơ chế báo cáo STR, có TCTC chưa có cơ chế báo cáo STR rõ ràng. Đối với các TCTC gửi báo cáo STR, có thiếu hụt lớn trong các báo cáo STR được gửi tới, theo đó việc gửi báo cáo không dựa trên rủi ro và không rõ các mẫu báo cáo STR phải gửi có phù hợp với rủi ro RT/TTKB mà các đối tượng báo cáo gặp phải hay không. Điều này được chứng minh qua việc các TCTC chủ yếu gửi báo cáo STR dựa trên các ngưỡng nghi ngờ và không phải dựa trên hành vi đáng ngờ. Không có nghĩa vụ pháp lý quy định rõ các đối tượng báo cáo phải nộp các báo cáo STR liên quan đến TTKB, và đây là một thiếu hụt căn bản. Trong khi các đối tượng báo cáo hiểu rằng họ được yêu cầu làm vậy thì có rất ít báo cáo STR liên quan đến TTKB được gửi đến, điều này phù hợp với mức rủi ro TTKB thấp.

Hành động khuyến nghị

a) Giải quyết những thiếu hụt về tuân thủ kỹ thuật liên quan đến các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là về CDD, các cá nhân có ảnh hưởng chính trị, chuyển khoản và các công nghệ mới bao gồm cả các yêu cầu đối với tài sản ảo, VASP và đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu như vậy cũng được áp dụng đối với TTKB.

b) Đảm bảo chuyển đổi sang cách tiếp cận dựa trên rủi ro bằng cách hỗ trợ hiểu biết của TCTC và DNFBP về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB, bao gồm thông qua tiếp cận và hướng dẫn (chung và theo lĩnh vực cụ thể) cho tất cả các lĩnh vực của các biện pháp phòng ngừa và giám sát mục tiêu dựa trên rủi ro. Cần tập trung chính vào đánh giá rủi ro (đánh giá rủi ro tại tổ chức và lập hồ sơ rủi ro khách hàng), CDD, lưu trữ hồ sơ, giám sát thường xuyên, các biện pháp nâng cao và cụ thể, báo cáo STR và quy trình nội bộ.

c) Các thanh tra viên và Cục PCRT nên thiết lập một nền tảng để tham gia thường xuyên với đối tượng báo cáo bao gồm các hiệp hội ngành nghề và các cơ quan tự quản lý, đặc biệt là các lĩnh vực có rủi ro cao hơn như ngân hàng, đại lý bất động sản, công ty đổi tiền, công ty chuyển tiền, công ty kinh doanh vàng và sòng bạc, để đảm bảo các lĩnh vực này bám sát các rủi ro RT/TTKB, xu hướng, mô hình RT/TTKB mới nhất, và các nghĩa vụ PCRT/TTKB.

d) Áp dụng các biện pháp PCRT/TTKB nâng cao như tăng cường giám sát khách hàng từ các lĩnh vực rủi ro cao hơn bao gồm các lĩnh vực đã xác định trong NRA, và xem xét áp dụng các biện pháp đơn giản hóa trong các lĩnh vực có rủi ro thấp hơn.

288. Mục tiêu trực tiếp có liên quan được xem xét và đánh giá trong chương này là Kết quả trực tiếp số 4. Các khuyến nghị liên quan để đánh giá hiệu quả trong phần này là các Khuyến nghị số 9-23 và một số nội dung của các Khuyến nghị số 1, 6, 15 và 29.

Kết quả trực tiếp số 4 (Các biện pháp phòng ngừa)

289. Dựa trên tầm quan trọng tương đối và rủi ro, bối cảnh, tính trọng yếu của Việt Nam, vấn đề thực thi đặt nặng nhất đối với ngành ngân hàng, tiếp theo là lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán và sòng bạc. Tiếp theo là các VASP dựa trên đánh giá về các cá

nhân có liên quan trong giao dịch tài sản ảo và quy mô giao dịch ước tính hàng ngày. Các TCTC khác và các DNFBP có mức độ trọng yếu thấp hơn.

290. Tất cả các TCTC có liên quan và các DNFBP ở Việt Nam đều chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ PCRT/TTKB, lưu ý rằng các nhà cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán được đưa vào quy định thực hiện nghĩa vụ PCRT/TTKB tại thời điểm đánh giá tại chỗ. Khuôn khổ pháp lý còn một số thiếu sót kỹ thuật liên quan đến các biện pháp phòng ngừa nhất là trong lĩnh vực các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước, CDD và các báo cáo STR dẫn đến hạn chế hiệu quả của các đối tượng báo cáo, đặc biệt là các đối tượng báo cáo không phải tuân theo bất kỳ chính sách PCRT/TTKB nội bộ trên phạm vi toàn cầu và theo mối quan hệ ngân hàng đại lý nào. Như đã lưu ý trong Chương 1, phần lớn các đối tượng báo cáo thuộc sở hữu trong nước, vì vậy đặt nặng trọng số đánh giá vào tác động của các thiếu hụt kỹ thuật này. Việc thiếu hụt hoạt động giám sát nhằm tăng cường thực hiện nghĩa vụ khiến phạm vi thực hiện biện pháp phòng ngừa bị suy yếu.

291. Khu vực tài chính Việt Nam bị chi phối bởi ngành ngân hàng, chiếm 94,7% tài sản của khu vực tài chính, tiếp theo là ngành bảo hiểm và chứng khoán. Các đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính nhỏ khác ở Việt Nam bao gồm các công ty chuyển tiền, đổi tiền. Lĩnh vực DNFBP tại Việt Nam còn ít và bao gồm các sòng bạc, công ty trò chơi điện tử có thưởng và tất cả các DNFBP khác. Lĩnh vực DNFBP chính là bất động sản, chiếm gần 5% GDP, trong khi lĩnh vực sòng bạc mới chỉ có 8 sòng bạc được cấp phép. Ngành pháp lý, công chứng và kế toán cũng chiếm tỷ trọng rất nhỏ và Việt Nam chỉ có một số lượng hạn chế doanh nghiệp kinh doanh kim loại quý, đá quý.

292. Chưa có quy định pháp lý cho tài sản ảo và VASP tại Việt Nam. Đến tháng 5/2018, ước tính có tổng cộng 1 triệu cá nhân Việt Nam sở hữu và tham gia mua bán tài sản ảo với giá trị giao dịch hàng ngày dao động từ 200 – 300 tỷ VND (tương đương từ 8,7 – 12,9 triệu USD). Trên cơ sở đó, đặt nặng trọng số đánh giá vào sự thiếu sót liên quan tới tài sản ảo và VASP.

293. Tài sản ảo và các VASP không phải tuân theo bất kỳ yêu cầu PCRT/TTKB nào và Việt Nam chưa thực hiện đánh giá rủi ro RT/TTKB liên quan đến tài sản ảo và VASP. Ngân hàng Nhà nước đã cấm sử dụng tiền ảo để thanh toán từ tháng 10/2017 và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấm các công ty niêm yết đại chúng, các công ty quản lý quỹ và công ty chứng khoán phát hành, giao dịch hoặc môi giới tiền mã hóa. Tuy nhiên, các tìm kiếm từ mã nguồn mở cho thấy các hoạt động VASP khác nằm trong phạm vi yêu cầu của FATF bao gồm đầu tư và khai thác tiền mã hóa không thuộc phạm vi cấm này và do đó không nhất thiết cấu thành vi phạm. Điều này cho thấy cần phải đánh giá rủi ro toàn diện với việc xem xét đưa thêm các VASP vào làm đối tượng báo cáo. Không thực hiện đánh giá về mức độ tuân thủ của các VASP do không thu xếp được cuộc họp nào về nội dung này trong đợt đánh giá tại chỗ.

Hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và các nghĩa vụ PCRT/TTKB

294. Mặc dù NRA đầu tiên đã hoàn thành vào tháng 4/2019, hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB còn khác nhau trong khu vực tài chính và hiểu biết hạn chế trong lĩnh vực DNFBP. Hạn chế trong quy định và thanh tra giám sát dẫn đến việc các đối tượng báo cáo thực hiện yếu kém các biện pháp phòng ngừa. Nghĩa vụ thực hiện đánh giá rủi ro RT/TTKB tại tổ chức đối với các đối tượng báo cáo (Thông tư số 20/2019) chỉ mới có hiệu lực trong thời gian đánh giá tại chỗ. Do đó hầu hết đối tượng báo cáo chưa thực hiện đánh giá rủi ro RT/TTKB của chính họ.

295. Nhìn chung, các ngân hàng, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán có hiểu biết nhất định về rủi ro và nghĩa vụ RT/TTKB, các TCTC có hoạt động tập đoàn trên phạm

vi toàn cầu có hiểu biết tốt hơn. Tuy nhiên, có lỗ hổng trong mức độ và phạm vi hiểu biết, đặc biệt về các yếu tố rủi ro khác nhau, nhất là các mối đe dọa cụ thể đến các lĩnh vực dễ bị tổn thương (ví dụ tham nhũng và buôn lậu ma túy). Các lĩnh vực này nhìn chung cho thấy sự hiểu biết về nghĩa vụ PCRT/TTKB ở mức nhất định như việc thực hiện quy trình và chính sách PCRT/TTKB phù hợp ở các TCTC có công ty mẹ ở nước ngoài, có trình độ phát triển cao là một minh chứng. Hiểu biết về rủi ro và thực hiện nghĩa vụ PCRT/TTKB của các công ty chuyển tiền dường như ở mức thấp hơn do hiểu biết về rủi ro bị giới hạn trong ngành. Các khu vực TCTC khác dường như kém hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB của họ.

296. Khuôn khổ pháp lý không hỗ trợ phương pháp tiếp cận trên cơ sở rủi ro như một yếu tố trung tâm. Điều này dẫn đến một hệ thống dựa trên quy tắc chứ không xem xét đến yếu tố rủi ro của bất kỳ lĩnh vực nào, ngoại trừ các ngân hàng thuộc sở hữu nước ngoài. Điều này càng trở nên trầm trọng bởi Việt Nam không có chính sách tổng thể quốc gia rõ ràng dựa trên rủi ro cho cả khu vực công và tư nhân để hướng dẫn cụ thể đối tượng báo cáo thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro, ví dụ như một khuôn khổ thanh tra giám sát để lập chiến lược cho các hoạt động thanh tra tại chỗ và giám sát từ xa, các hoạt động này cần phù hợp với rủi ro đã được xác định (xem Kết quả trực tiếp số 1).

297. Việc triển khai đánh giá rủi ro trên toàn doanh nghiệp mới ở mức hạn chế vào năm 2019. Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tư pháp đã ban hành các công văn không mang tính ràng buộc vào tháng 5 và tháng 8/2019 yêu cầu các TCTC thực hiện đánh giá rủi ro trên toàn doanh nghiệp. Do chính sách nội bộ PCRT/TTKB của riêng họ, các ngân hàng thuộc sở hữu nước ngoài, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán cho biết họ đã tiến hành đánh giá rủi ro trên toàn doanh nghiệp một cách liên tục, với tần suất từ một đến hai năm, điều này được coi là chấp nhận được. Mặc dù phạm vi đánh giá rủi ro trên toàn doanh nghiệp của các tổ chức này là phù hợp bao gồm các yếu tố rủi ro thông thường (ví dụ, khách hàng, giao dịch, sản phẩm/dịch vụ/kênh phân phối và vị trí địa lý), vẫn cần đánh giá sâu hơn nhằm xem xét tính liên kết giữa NRA với đánh giá rủi ro tổ chức. Nên kết hợp đánh giá về các mối đe dọa hoặc tội phạm cụ thể trong NRA là những nội dung khiến các đối tượng báo cáo dễ bị tổn thương thêm đối với rủi ro RT/TTKB. Các cơ quan giám sát Việt Nam chưa đánh giá tính phù hợp và toàn diện của các đánh giá rủi ro này về các mặt rủi ro, bối cảnh và khuôn khổ pháp lý của Việt Nam.

298. Hiểu biết về rủi ro RT/TTKB của các đối tượng thuộc sở hữu trong nước hạn chế hơn. Các ngân hàng trong nước chỉ bắt đầu tiến hành đánh giá rủi ro toàn doanh nghiệp vào năm 2018 và 2019 nhưng chưa cho thấy họ đưa được các phát hiện của NRA vào các đánh giá rủi ro và chính sách nội bộ của họ. Nhận thức về rủi ro không thống nhất với các lĩnh vực rủi ro như NRA đã nhấn mạnh, như rủi ro tham nhũng và lĩnh vực bất động sản.

299. Mặc dù không tiến hành đánh giá rủi ro có hệ thống, các công ty chuyển tiền dường như hiểu rõ về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ của họ. Ngành này thừa nhận rằng lĩnh vực của họ chịu rủi ro RT/TTKB do bản chất của kinh doanh chuyển tiền và tiếp xúc với khách hàng nước ngoài và thực hiện giao dịch nước ngoài.

300. Các TCTC khác không thực hiện đánh giá rủi ro trên toàn doanh nghiệp và hiểu biết của họ về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB về cơ bản là không đủ. Lấy ví dụ các đơn vị cung cấp dịch vụ đổi tiền có hiểu biết về rủi ro chỉ giới hạn là vẻ ngoài của khách hàng và tiền giả mà không có rủi ro RT/TTKB tiềm năng nào được nhận thấy đối với lĩnh vực của họ. Hiểu biết về các nghĩa vụ PCRT/TTKB chỉ giới hạn với CDD cơ bản. Ngân hàng Nhà nước chưa tiến hành thanh tra giám sát công tác PCRT/TTKB đối với các lĩnh vực này.

301. Hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và các biện pháp phòng ngừa PCRT/TTKB của các DNFBP còn hạn chế. Lĩnh vực DNFBP chưa tiến hành đánh giá rủi ro tại tổ chức. Mới có một số ít tiếp cận các DNFBP liên quan đến rủi ro và nghĩa vụ.

302. Trong lĩnh vực bất động sản, Bộ Xây dựng (Công văn số 1590 tháng 7 năm 2019) đã yêu cầu các đối tượng báo cáo thực hiện các biện pháp sau: a) xây dựng chính sách và quy định nội bộ về PCRT/TTKB; b) thực hiện các biện pháp phòng ngừa liên quan đến CDD bao gồm các khách hàng có rủi ro cao; c) Báo cáo về hành vi đáng ngờ và các giao dịch lớn; d) tiến hành đánh giá rủi ro nội bộ; và e) tiến hành kiểm tra nâng cao đối với các cá nhân có ảnh hưởng chính trị (chỉ các các cá nhân có ảnh hưởng chính trị nước ngoài). Tuy nhiên, đoàn đánh giá tại chỗ nhận thấy lĩnh vực bất động sản có hiểu biết hạn chế về kết quả NRA bao gồm các rủi ro RT/TTKB gắn liền với lĩnh vực này. Điều này còn dẫn tới sự hiểu biết ít ỏi về các biện pháp phòng ngừa cần thiết, kéo theo việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa không đáng kể. Bất động sản là lĩnh vực DNFBP lớn nhất tại Việt Nam và có hiểu biết tối thiểu về các nghĩa vụ PCRT/TTKB.

303. Mặc dù các luật sư, công chứng viên và kế toán viên có một số thông tin về NRA, nhưng họ có hiểu biết ở mức độ thấp về rủi ro RT/TTKB trong bối cảnh cần có một số hiểu biết, nhận thức khi cung cấp dịch vụ tư vấn. Họ cung cấp dịch vụ cho các công ty lớn ở Việt Nam, nhưng lại không nhận thức được đặc tính dễ bị tổn thương của pháp nhân và tín thác nước ngoài có thể bị lạm dụng tại Việt Nam. Luật sư và công chứng viên có vai trò tích cực liên quan đến giao dịch bất động sản là hoạt động có rủi ro cao, nhưng họ chỉ tập trung vào việc tuân thủ các yêu cầu pháp lý của giao dịch mà không xem xét các rủi ro RT/TTKB và các nghĩa vụ PCRT/TTKB.

304. Trong khi một số sòng bạc lớn có vẻ hiểu về rủi ro RT/TTKB, các sòng bạc khác dường như chỉ có nhận thức tối thiểu về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB. Vị trí địa lý của một số sòng bạc nhỏ ở biên giới với Trung Quốc làm tăng rủi ro RT/TTKB của họ và họ cũng chấp nhận đồng Nhân dân tệ làm phương tiện giao dịch trong sòng bạc. Không có bằng chứng cho thấy tài sản ảo đang được sử dụng tại các sòng bạc Việt Nam.

305. Buôn bán kim loại quý và đá quý được phân chia thành các công ty kim hoàn và các công ty kinh doanh vàng, và mặc dù bộ phận này dường như nhận thức được về kết quả NRA, hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và các nghĩa vụ chỉ dừng lại ở mức tối thiểu.

Áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro

306. Với những phát hiện trên về hiểu biết rủi ro, việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu không được thực hiện tương xứng với rủi ro đối với hầu hết các TCTC. Ngoài ra, do thiếu hụt kỹ thuật và công tác thanh tra giám sát hạn chế, rất khó để xác định đầy đủ liệu các TCTC của Việt Nam đã có đầy đủ các biện pháp giảm thiểu rủi ro hay chưa.

307. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán chỉ ra rằng họ có các chính sách và thủ tục PCRT/TTKB và đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro, đặc biệt là các tổ chức có công ty mẹ ở nước ngoài có trình độ phát triển hơn. Các ngân hàng sở hữu trong nước cho thấy rằng họ đảm bảo các chính sách PCRT/TTKB của mình phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, theo mục đích duy trì quan hệ với các ngân hàng đại lý. Ngoài ra, các tổ chức này cũng có vẻ hướng dẫn thực hiện kiểm soát PCRT/TTKB đặc biệt trong lĩnh vực CDD. Tuy nhiên, mức độ toàn diện của việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa không được thể hiện rõ một phần do thiếu sót về kỹ thuật và thiếu giám sát để xác minh tính hiệu quả của các biện pháp được thực hiện. Hơn nữa, đại đa số các biện pháp phòng ngừa chủ yếu chỉ liên quan tới RT theo quy định của Luật PCRT và không mở rộng ra đối với TTKB (xem tuân thủ kỹ thuật về các biện pháp phòng ngừa). Nhìn chung, mặc dù đã có NRA, các cơ quan thanh tra giám sát

và Cục PCRT đã không cung cấp đủ thông tin để hỗ trợ chuyển từ cách tiếp cận dựa trên quy định sang cách tiếp cận dựa trên rủi ro. Thêm vào đó, không có bằng chứng nào được cung cấp để xem mức độ tuân thủ chống lạm dụng RT/TTKB có được cải thiện hay không khi thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

308. Mặc dù các công ty chuyển tiền dường như có áp dụng một số biện pháp giảm thiểu chủ yếu bao gồm CDD, lưu giữ hồ sơ, sàng lọc, xử phạt và cơ chế báo cáo STR, nhưng họ vẫn chủ yếu dựa trên các quy định và chưa chuyển sang phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro. Với việc thiếu các hoạt động giám sát được thực hiện đối với lĩnh vực này, không có xác nhận nào để đảm bảo mức độ tuân thủ có được cải thiện trong suốt nhiều năm hay không. Các công ty chuyển tiền dường như không sử dụng thông tin về rủi ro như loại khách hàng, kênh được sử dụng, quy mô, loại giao dịch và khu vực địa lý để thúc đẩy phản ứng đối với những rủi ro này. Các TCTC khác, đặc biệt là những đối tượng không phải công ty con của ngân hàng, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán không có hoặc hạn chế tương tác với cán bộ thanh tra giám sát, không thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro. Đối với những dịch vụ đổi tiền (cũng được đánh giá rủi ro ở mức "trung bình cao"), các biện pháp giảm thiểu chỉ giới hạn ở CDD cơ bản.

309. Mặc dù các công ty kế toán lớn và sòng bạc lớn đang áp dụng các biện pháp hạn chế, khu vực DNFBP nhìn chung vẫn không áp dụng bất cứ biện pháp giảm thiểu nào tương xứng với rủi ro. Hầu hết các lĩnh vực đều chưa bắt đầu phương pháp tiếp cận dựa trên quy định và chưa được hướng dẫn sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB. Mặc dù đã có NRA, cơ quan thanh tra giám sát và Cục PCRT đã không cung cấp đủ thông tin để hỗ trợ chuyển từ cách tiếp cận dựa trên quy tắc sang cách tiếp cận dựa trên rủi ro. Tài sản ảo và các VASP không chịu điều chỉnh từ bất kỳ quy định hay hoạt động thanh tra nào.

Áp dụng CDD tăng cường hoặc cụ thể và các yêu cầu về lưu trữ hồ sơ

310. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán có vẻ như đã thực hiện các yêu cầu về CDD, lưu giữ hồ sơ ở một mức nào đó và đã đưa ra chính sách, thủ tục liên quan. Là một phần trong quy trình tiếp nhận khách hàng, các tổ chức này thu thập thông tin CDD và các tài liệu liên quan và từ chối khách hàng nếu CDD không đầy đủ. Từ 2014 đến tháng 3/2019, các ngân hàng đã từ chối tổng số 1469 khách hàng/giao dịch trong khi chỉ có 06 STR được báo cáo về Cục PCRT do không hoàn thành CDD. Con số thống kê này được xem là cực kỳ thấp so với quy mô và bối cảnh của Việt Nam trong đó bao gồm cả khu vực tài chính. Các hồ sơ CDD được lưu giữ ít nhất năm năm và cũng có các biện pháp lập hồ sơ rủi ro của khách hàng, sau đó được sử dụng để xác định mức độ giám sát liên tục và liệu có cần phê duyệt của cấp quản lý để chấp nhận khách hàng hay không.

311. Do hoạt động thanh tra giám sát còn hạn chế, nhà chức trách chưa xác định rõ ràng liệu CDD và lưu trữ hồ sơ toàn diện có được thực hiện bởi phần lớn các TCTC hay không. Các TCTC lớn hơn và các TCTC có chủ sở hữu nước ngoài dường như đáp ứng các tiêu chuẩn CDD và lưu giữ hồ sơ theo chính sách và quy trình của tập đoàn trên phạm vi toàn cầu, mặc dù chưa có xác nhận đối với các giao dịch của Việt Nam.

312. Tần suất ngân hàng cập nhật thông tin của khách hàng tùy thuộc vào xếp hạng rủi ro của khách hàng, có nghĩa là thông tin CDD của khách hàng có rủi ro cao sẽ được cập nhật hàng năm trong khi khách hàng có rủi ro trung bình và thấp sẽ được cập nhật hai năm một lần. Tần suất cập nhật thông tin cũng thay đổi bởi sự kiện đột xuất, khi các ngân hàng nhận bất kỳ thông tin mới nào hoặc bất kỳ nghi ngờ nào về khách hàng hoặc giao dịch. Các ngân hàng đã có kinh nghiệm về việc mở tài khoản cho các khách hàng phức tạp hơn, bao gồm cả ủy thác nước ngoài, tuy nhiên chưa thể hiện rõ về độ sâu và

chất lượng của CDD đã thực hiện. Về mặt giám sát giao dịch, các ngân hàng đã có hệ thống giám sát. Các TCTC do nước ngoài sở hữu có cơ chế tiên tiến hơn như hệ thống giám sát hai cấp bởi các nhóm phụ trách tuân thủ phạm vi sở tại và toàn cầu.

313. Các công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán cũng đã áp dụng các biện pháp CDD và lưu trữ hồ sơ. Đối với các công ty bảo hiểm, CDD cấp độ đầu tiên được thực hiện bởi các đại lý của họ, và các công ty vẫn xác minh xem thông tin CDD được các đại lý thu thập có đầy đủ hay không. Trong trường hợp thông tin CDD không đầy đủ, chính sách bảo hiểm sẽ không được áp dụng trừ khi và cho đến khi đại lý có được thông tin CDD hoàn chỉnh từ khách hàng tiềm năng. Các TCTC dường như không dựa vào các bên thứ ba để tiến hành CDD mặc dù luật pháp Việt Nam cho phép họ làm như vậy. CDD chủ yếu tập trung vào nhận dạng khách hàng cơ bản và không rõ liệu các TCTC có thực hiện CDD đối với nguồn gốc hay đối với mục đích của dòng tiền như là một phần của giám sát liên tục hay không.

314. Đối với khách hàng là pháp nhân, các TCTC yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu về thành lập pháp nhân bao gồm thông tin về cổ đông, giám đốc và các cá nhân được ủy quyền thay mặt pháp nhân tiến hành giao dịch. CDD về các chủ sở hữu hưởng lợi tại tất cả các đối tượng đều là một thách thức đặc biệt là khi nó liên quan đến vấn đề sở hữu nước ngoài. Các công ty chứng khoán đã có kinh nghiệm về việc khách hàng là các bên tham gia ủy thác nước ngoài và có được hồ sơ ủy thác trong quá trình thực hiện CDD.

315. Các công ty chuyển tiền lớn hơn đã áp dụng các biện pháp CDD và lưu trữ hồ sơ. Họ tiến hành CDD trên mọi giao dịch, chủ yếu dựa trên các tài liệu nhận dạng. Không rõ các công ty chuyển tiền xác định hiệu quả đến mức nào nguồn gốc hoặc mục đích của dòng tiền như một phần của quá trình giám sát. Hồ sơ được lưu giữ trong khoảng thời gian ít nhất là năm năm, một số trường hợp công ty chuyển tiền lưu giữ hồ sơ điện tử.

316. Quá trình CDD của các TCTC khác bao gồm dịch vụ đổi tiền, quỹ đầu tư phát triển địa phương, TCTC vi mô, Quỹ tín dụng nhân dân là không đầy đủ khi CDD chỉ giới hạn ở thông tin cơ bản hoặc thông tin tín dụng. Mặc dù các tổ chức tín dụng phi ngân hàng chủ yếu để tạo điều kiện cho tài chính toàn diện và được đánh giá "thấp" trong báo cáo NRA, họ vẫn cần tuân thủ các yêu cầu tối thiểu về PCRT/TTKB. Những bộ phận này dường như không biết về các yêu cầu lưu giữ hồ sơ năm năm. Thông tin CDD thu được từ dịch vụ đổi tiền chỉ giới hạn ở tài liệu nhận dạng khách hàng và thiếu cơ chế giám sát giao dịch. Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng thực hiện CDD toàn diện hơn so với dịch vụ đổi tiền nhưng là vì phòng ngừa rủi ro tín dụng và gian lận. Sự thiếu hiểu biết về việc tiến hành CDD đối với chủ sở hữu hưởng lợi là vấn đề quan ngại do họ cũng có khách hàng là doanh nghiệp.

317. Các DNFBP dường như tiến hành nhận dạng khách hàng cơ bản và không thực hiện CDD toàn diện đối với những khách hàng có rủi ro cao hơn trong đó không có bước thực hiện nào để xác định nguồn gốc tiền được sử dụng bởi khách hàng hay chủ sở hữu hưởng lợi. Chỉ các công ty kế toán lớn (do chính sách toàn cầu của tập đoàn) và sòng bạc lớn hơn có quy trình chấp nhận khách hàng với bằng chứng về mối quan hệ với khách hàng đã chấm dứt nếu quy trình CDD không được hoàn thành. Các STR do các DNFBP gửi là không đáng kể và đối với hầu hết các lĩnh vực là không có, chủ yếu do không có sự giám sát và sự tham gia không đáng kể của các cơ quan chức năng. Điều này cũng phù hợp với sự hiểu biết không đáng kể về rủi ro RT/TTKB của các lĩnh vực này. Việc thực hiện lưu giữ hồ sơ liên quan đến PCRT/TTKB của các DNFBP không được thể hiện rõ ràng.

318. Sòng bạc lớn có chính sách khách hàng chi tiết và cơ chế kiểm soát đầu vào đảm bảo không có khách hàng vay tiền nóng hoặc hoạt động cho vay tiền nặng lãi. Những chính sách này bao gồm phát hành thẻ khách hàng giúp giám sát và ghi lại hoạt động chơi game và giao dịch của khách hàng thường xuyên thông qua hệ thống giám sát trung tâm. Các chính sách lưu giữ hồ sơ và CDD này giúp giảm thiểu rủi ro RT/TTKB cũng như thực hiện nghĩa vụ báo cáo các giao dịch có giá trị cao (tức là từ 300 triệu đồng trở lên). Xác định nguồn gốc dòng tiền là khó thực hiện ở Việt Nam đặc biệt trong các sòng bạc nhỏ do thiếu nguồn lực. Việc này được thực hiện tốt hơn ở các sòng bạc lớn hơn tuy ở mức độ nhất định, do đây không phải mối quan ngại hàng đầu của hoạt động sòng bạc do thách thức từ việc xác định khách vãng lai.

319. Lĩnh vực bất động sản không thực hiện CDD dựa trên rủi ro. Chỉ có nhận dạng cơ bản được thực hiện trên các khách hàng tiềm năng mà không có đánh giá về chủ sở hữu hưởng lợi và nguồn gốc tiền.

Áp dụng các biện pháp CDD tăng cường

320. Việt Nam có sự thiếu hụt kỹ thuật trong vấn đề các cá nhân có ảnh hưởng chính trị, quan hệ ngân hàng đại lý, công nghệ mới và quy định chuyển tiền điện tử. Việc thiếu yêu cầu xác định các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước là quan ngại lớn. Quan ngại cũng được giảm nhẹ phần nào do một số đối tượng báo cáo thuộc sở hữu nước ngoài xác định tất cả các các cá nhân có ảnh hưởng chính trị theo chính sách toàn cầu của họ.

321. Các TCTC cho biết tỷ lệ khách hàng có rủi ro cao của họ là thấp mặc dù trong khu vực này chưa hề thực hiện đánh giá về tính toàn diện của hồ sơ rủi ro khách hàng. Các TCTC xác định khách hàng có rủi ro cao phổ biến là các cá nhân có ảnh hưởng chính trị cả trong và ngoài nước và khách hàng từ các quốc gia và vùng lãnh thổ có rủi ro cao hơn do FATF xác định. Một số ngân hàng và công ty bảo hiểm cũng coi khách hàng NPO, nhân viên ngoại giao và những cá nhân có tên trong danh sách của OFAC là có rủi ro cao. Đây là những điểm không phù hợp với kết quả của NRA.

322. Nhìn chung, do thiếu hướng dẫn và hạn chế trong công tác thanh tra giám sát, các đối tượng báo cáo dường như không có quan điểm nhất quán về việc đâu là đối tượng có nguy cơ cao, điều này có nghĩa là gì và cần phải làm gì để giải quyết các rủi ro này cũng như khó để có thể xác định đầy đủ mức độ và tính toàn diện của các biện pháp CDD tăng cường. Mặc dù các TCTC thuộc sở hữu nước ngoài có nhiều chính sách và quy trình trọng yếu hơn, rất khó để xác nhận liệu những chính sách và quy trình này có đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Việt Nam hay không, đặc biệt lưu ý rằng không phát hiện được vi phạm đáng kể nào.

323. Các DNFBP tại Việt Nam có mức độ hiểu biết thấp về các biện pháp CDD tăng cường phục vụ PCRT/TTKB và mới chỉ thực hiện ở mức độ rất hạn chế các biện pháp như vậy. Một sòng bạc lớn, các công ty kế toán quốc tế và công ty bất động sản nước ngoài là trường hợp ngoại lệ do có vẻ như họ thực hiện thủ tục CDD tăng cường như một phần thủ tục hoạt động tiêu chuẩn liên quan đến các cá nhân có ảnh hưởng chính trị, chuyển khoản, hình thức xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến TTKB và các quốc gia có rủi ro cao do FATF xác định.

Cá nhân có ảnh hưởng chính trị (PEP)

324. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty chuyển tiền có các biện pháp thích hợp xác định các cá nhân có ảnh hưởng chính trị quốc tế và trong nước và áp dụng các biện pháp nâng cao cho nhóm khách hàng này bằng cơ sở dữ liệu thương mại tự động hoặc cơ sở dữ liệu độc quyền do nội bộ xây dựng. Các biện pháp bao gồm cả việc phải có được sự chấp thuận của quản lý cấp cao trước khi thiết lập

mối quan hệ với các cá nhân có ảnh hưởng chính trị và xác định nguồn gốc tài sản, nguồn gốc tiền. Các đối tượng này cho biết họ đã tiến hành CDD tăng cường đối với cả các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong và ngoài nước và không có sự khác biệt trong cách tiếp cận, áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro giữa các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong và ngoài nước. Mặc dù yêu cầu xác định các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước không phải là nghĩa vụ pháp lý ở Việt Nam, các TCTC cho biết cho sàng lọc các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước để duy trì các quan hệ ngân hàng đại lý. Tuy nhiên, không rõ liệu tất cả các đối tượng báo cáo có áp dụng cách tiếp cận tương tự hay không trong bối cảnh còn thiếu sót kỹ thuật liên quan đến các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước và không phải tất cả đối tượng đều được thanh tra giám sát bởi các cơ quan thanh tra.

325. Các quỹ đầu tư phát triển địa phương, TCTC vi mô, Quỹ tín dụng nhân dân cho rằng họ không có bất kỳ khách hàng nào là các cá nhân có ảnh hưởng chính trị. Mặc dù điều này có vẻ hợp lý với việc các đối tượng này chủ yếu cung cấp dịch vụ tài chính cho dân số có thu nhập thấp, vẫn có quan ngại là liệu các đối tượng này có xác định các cá nhân có ảnh hưởng chính trị một cách phù hợp hay không do hiểu biết hạn chế về nghĩa vụ PCRT/TTKB của họ. Những công ty dịch vụ đổi tiền không thể hiện được nhận thức đầy đủ đối với các yêu cầu liên quan đến các cá nhân có ảnh hưởng chính trị.

326. Các DNFBP nhìn chung có hiểu biết rất hạn chế về các nghĩa vụ xác định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro liên quan đến các cá nhân có ảnh hưởng chính trị.

Quan hệ ngân hàng đại lý

327. Tuy có thiếu hụt kỹ thuật trong vấn đề ngân hàng đại lý, nhìn chung các ngân hàng thực hiện đầy đủ các yêu cầu về ngân hàng đại lý theo các tiêu chuẩn của FATF, bao gồm thực hiện đánh giá về mức độ tuân thủ của các ngân hàng đại lý tiềm năng liên quan đến các biện pháp kiểm soát PCRT/TTKB của họ. Phần lớn các ngân hàng thuộc sở hữu trong nước là các ngân hàng đại lý của các ngân hàng nước ngoài và phải trải qua quá trình đánh giá nghiêm ngặt, liên tục của các ngân hàng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác. Mức độ đánh giá xem xét từ phía ngân hàng Việt Nam ít rõ ràng hơn.

Công nghệ mới

328. Tại Việt Nam chưa có yêu cầu cụ thể, có tính thực thi đối với các đối tượng báo cáo về việc đánh giá rủi ro RT/TTKB của sản phẩm mới, thông lệ kinh doanh và công nghệ. Yêu cầu thực hiện đánh giá rủi ro chỉ áp dụng đối với các giao dịch không cần trực tiếp gặp gỡ. Các tổ chức do nước ngoài sở hữu thực hiện nhiều quy trình thủ tục mạnh mẽ hơn liên quan đến đánh giá rủi ro công nghệ mới, chủ yếu do yêu cầu của chính sách áp dụng toàn cầu và là một phần của việc đánh giá toàn cầu đối với những rủi ro đi kèm.

329. Các VASP chưa phải thực hiện nghĩa vụ PCRT/TTKB, đồng thời tại Việt Nam cũng chưa có cơ chế pháp lý cho tài sản ảo và VASP. Các đối tượng báo cáo chưa cân nhắc hoặc chưa đưa ra bất kỳ chính sách cụ thể nào về tài sản ảo và VASP. Đây là quan ngại đáng lưu tâm vì các cơ quan chức năng Việt Nam cho biết hầu hết giao dịch liên quan đến tài sản ảo được thực hiện qua ngân hàng. Trọng số đánh giá đặt nặng đối với thiếu hụt liên quan đến tài sản ảo và VASP.

Các quy định về chuyển tiền điện tử

330. Dù có thiếu sót kỹ thuật liên quan đến quy định về chuyển tiền, các ngân hàng và công ty chuyển tiền hiểu các yêu cầu liên quan đến chuyển tiền và cho biết họ có các chính sách và quy trình hoạt động liên quan đến việc thực hiện chuyển tiền. Các chính sách và quy trình này bao gồm yêu cầu khi thông tin người chuyển tiền hoặc thông tin

người thụ hưởng không đầy đủ. Việc sàng lọc cho mục tiêu TFS liên quan đến TTKB cũng được tiến hành thông qua cơ sở dữ liệu thương mại trước khi thực hiện chuyển tiền. Không có biện pháp cụ thể hoặc tăng cường nào khác được thực hiện bởi các TCTC. Cũng tồn tại một số quan ngại rằng việc thực hiện các yêu cầu liên quan chưa được hỗ trợ tốt và thiếu hụt này cũng trở nên nghiêm trọng hơn do thiếu thanh tra giám sát về PCRT/TTKB.

Trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến TTKB

331. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty chuyển tiền áp dụng đầy đủ các biện pháp để thực hiện TFS liên quan đến TTKB. Với khối lượng khách hàng và giao dịch cao, các đối tượng báo cáo này dựa vào các hệ thống tự động (bao gồm cả cơ sở dữ liệu thương mại) nhằm sàng lọc TFS liên quan đến TTKB. Các TCTC dường như hiểu về các nghĩa vụ phong tỏa tiền hoặc giao dịch và gửi STR cho Cục PCRT nếu có bất kỳ kết quả nào trong quá trình sàng lọc cho thấy tên khách hàng trong danh sách trừng phạt. Có 01 giao dịch liên quan đến DPRK (TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL) đã bị chặn, tuy nhiên Cục PCRT xác nhận rằng đối tượng giao dịch không phải là một đối tượng trừng phạt và vì vậy giao dịch sau đo đã được phép tiến hành.

332. Mặc dù các đối tượng báo cáo tham chiếu danh sách do Bộ Công an công bố danh sách để sàng lọc trừng phạt, hiệu quả thực hiện bị giảm do mức độ hiểu biết khác nhau về các nghĩa vụ của đối tượng báo cáo (xem Kết quả trực tiếp số 10) và vì không có hướng dẫn và đầu mối thường xuyên thực hiện thông báo cho các TCTC về danh sách chỉ định mới hay các đối tượng bị loại khỏi danh sách. đối tượng báo cáo cũng có trách nhiệm tự mình theo dõi các danh sách này. Đối với các đối tượng báo cáo sử dụng hệ thống tự động để sàng lọc, danh sách do Cục PCRT công bố được tích hợp vào hệ thống của họ.

333. Các quỹ đầu tư phát triển địa phương, TCTC vi mô và Quỹ tín dụng nhân dân cho biết họ tiến hành sàng lọc thủ công đối với khách hàng dựa trên danh sách do Bộ Công an cung cấp, mặc dù không cung cấp kết quả sàng lọc cho thấy phát hiện đối tượng xử phạt. Dịch vụ đổi tiền không nhận thức được các yêu cầu về TFS liên quan đến TTKB.

334. Các DNFBP có hiểu biết không đáng kể về rủi ro TTKB. Ngoại trừ các công ty kế toán lớn và các sòng bạc lớn hơn, các biện pháp TFS và TTKB bị thực hiện hạn chế. Mặc dù rủi ro tổng thể của TTKB là thấp, nhưng điều này không có nghĩa rằng sự hiểu biết không đáng kể là tương xứng với rủi ro này và bối cảnh ở Việt Nam.

Các quốc gia có rủi ro cao do FATF xác định

335. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty chuyển tiền nhận thức được các rủi ro liên quan đến quốc gia và vùng lãnh thổ được FATF xác định là có rủi ro cao. Các TCTC này áp dụng một số biện pháp đối phó bao gồm không thành lập các công ty con hoặc chi nhánh tại các quốc gia và vùng lãnh thổ có rủi ro cao hơn và hạn chế mối quan hệ kinh doanh với các cá nhân từ các quốc gia và vùng lãnh thổ có rủi ro cao hơn. Hầu hết các TCTC áp dụng chính sách không chấp nhận khách hàng từ các quốc gia có rủi ro cao hơn.

336. Các quỹ đầu tư phát triển địa phương, TCTC vi mô và Quỹ tín dụng nhân dân nhìn chung hạn chế quan hệ với khách hàng hoặc có giao dịch từ các quốc gia có rủi ro cao hơn. Các đối tượng này, bao gồm cả dịch vụ đổi tiền thể hiện họ không hiểu gì về yêu cầu này.

337. Các DNFBP dường như không có hiểu biết về sự cần thiết phải xem xét các rủi ro gắn với các quốc gia và vùng lãnh thổ bị FATF xác định là có rủi ro cao.

Nghĩa vụ báo cáo và tiết lộ thông tin

338. Nhìn chung, các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty chuyển tiền có cơ chế báo cáo STR đầy đủ. Tuy nhiên, chỉ có một lượng nhỏ các đối tượng báo cáo ghi nhận giao dịch đáng ngờ và số giao dịch được ghi nhận cũng thấp. 81% các báo cáo giao dịch đáng ngờ được gửi bởi các ngân hàng, tiếp theo là các công ty chuyển tiền (16%) và các công ty bảo hiểm (3%). Báo cáo STR được gửi bởi các ngành khác là không đáng kể. Đại đa số các đối tượng báo cáo trên tất cả các lĩnh vực dường như nộp báo cáo STR dựa theo ngưỡng nghi ngờ hơn là hành vi đáng ngờ, mà điều này không không thống nhất với hồ sơ rủi ro được nêu trong NRA.

Bảng 5.1: Tổng số STR do các đối tượng báo cáo báo cáo*

Năm	Ngân hàng			Công ty chuyển tiền nước ngoài	Công ty bảo hiểm	Công ty chứng khoán	Khác (Các TCTC khác và DNFBP)	Tổng số
	TMCP	Sở hữu nhà nước	Liên doanh và 100% vốn nước ngoài					
2014	352	413	84	-	24	1	-	**874**
2015	851	305	192	114	80	-	-	**1.542**
2016	456	236	237	372	25	-	-	**1.326**
2017	343	305	294	485	46	-	1	**1.474**
2018	322	380	523	285	25	-	5	**1.540**
2019 (tính đến tháng 9)	325	543	410	41	25		9	**1.353**
Tổng	**2.649**	**2.182**	**1.740**	**1.297**	**225**	**1**	**15**	**8.109**

*Số liệu tính tới tháng 9/2019

339. Mặc dù các đối tượng báo cáo có vẻ như có tham chiếu đến các dấu hiệu cảnh báo do Cục PCRT cung cấp để hướng dẫn họ phát hiện các giao dịch đáng ngờ, nhưng các hành động đối tượng báo cáo để theo dõi và xác định các giao dịch đáng ngờ lại không được thực hiện tốt. Các TCTC có sở hữu nước ngoài cũng được hướng dẫn bởi các chính sách toàn cầu của họ. Hầu hết các STR phát sinh nội bộ bắt nguồn từ hệ thống giám sát giao dịch và chỉ một số ít là từ nhân viên tuyến đầu giao dịch trực tiếp với khách hàng và có thể báo cáo dựa trên hành vi đáng ngờ. Số lượng STR được gửi trên tổng số các giao dịch thực hiện là không đáng kể.

340. Rất nhiều đối tượng báo cáo dường như chỉ báo cáo STR theo ngưỡng chứ chưa theo hành vi nghi ngờ. Các TCTC cho biết các STR thường được nộp theo nguyên tắc các giao dịch lớn và/hoặc các giao dịch có tần suất lớn, không phù hợp với hồ sơ của khách hàng. Trong năm năm qua, Cục PCRT cho biết đã nhận được 6 (0,07%) báo cáo STR do không đủ thông tin để hoàn thành CDD và 244 (3%) STR báo cáo về các giao dịch liên quan đến tài sản ảo. Ngoài việc yêu cầu cung cấp thêm thông tin và tài liệu, Cục PCRT chưa phản hồi về chất lượng các STR do các đối tượng báo cáo này nộp lên. Trên cơ sở thanh tra chuyên đề về PCRT/TTKB năm 2019, Ngân hàng Nhà nước cho biết các đối tượng báo cáo đã và đang nộp các báo cáo STR chất lượng thấp chỉ với những thông tin hạn chế.

341. Như đề cập ở trên, chưa có quy định rõ ràng về việc các đối tượng báo cáo nộp báo cáo STR về TTKB. Trên thực tế, chỉ có một số lượng hạn chế các STR liên quan đến TTKB đã được báo cáo, nhìn chung phù hợp với mức độ rủi ro TTKB thấp (xem Kết quả trực tiếp số 9).

342. Các TCTC khác không có cơ chế báo cáo STR đầy đủ. Không có báo cáo STR nào của các đối tượng báo cáo này bao gồm cả quỹ đầu tư phát triển địa phương, TCTC vi mô và Quỹ tín dụng nhân dân và họ đều thiếu nhận thức về dấu hiệu cảnh báo để phát hiện các giao dịch đáng ngờ và cũng như ít hiểu biết về việc Cục PCRT có sẵn một danh sách các dấu hiệu cảnh báo.

343. Phần lớn các DNFBP có tỷ lệ báo cáo STR không đáng kể do thiếu hiểu biết về giao dịch đáng ngờ hoặc hành vi đáng ngờ và kém nhận thức về nghĩa vụ cũng như rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB.

344. Các luật sư/công chứng viên không báo cáo STR do hiểu biết hạn chế về các yêu cầu PCRT/TTKB. Tại Việt Nam, đặc quyền pháp lý đối với khách hàng của Luật sư/công chứng viên, kế toán không cản trở việc thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB bao gồm cả nghĩa vụ báo cáo các giao dịch đáng ngờ.

345. Liên quan đến tiết lộ thông tin, các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và công ty kiều hối quản lý các rủi ro tiết lộ thông tin thông qua việc nộp các STR một cách bảo mật và chỉ các cán bộ nhất định của TCTC mới có thể tiếp cận các STR này. Đối với các TCTC khác, họ không có bất kỳ biện pháp nào để ngăn chặn tiết lộ thông tin. Các DNFBP không có sự hiểu biết về biện pháp phòng ngừa tiết lộ thông tin, lưu ý rằng Việt Nam chưa có báo cáo bất kỳ trường hợp nào để lộ thông tin.

Kiểm soát nội bộ và các yêu cầu về quản lý/pháp lý ảnh hưởng đến việc thực thi

346. Mức độ áp dụng kiểm soát nội bộ khác nhau giữa các tổ chức khác nhau trong khu vực tài chính. Các ngân hàng, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán dường như đã thực hiện đầy đủ chính sách nội bộ, đồng thời các tổ chức thuộc sở hữu nước ngoài còn có cả yêu cầu bổ sung từ các chính sách và thủ tục trong nội bộ toàn tập đoàn. Các ngân hàng thuộc sở hữu trong nước cũng cho biết họ phải đảm bảo kiểm soát nội bộ của mình ngang bằng với các tổ chức thuộc sở hữu nước ngoài nhằm mục đích duy trì các mối quan hệ ngân hàng đại lý. Tuy nhiên, cơ quan quản lý của Việt Nam đã không thực hiện các bước để đảm bảo rằng các chính sách và thủ tục PCRT/TTKB của ngành tài chính phù hợp với luật pháp trong nước có liên quan khác.

347. Các TCTC khác, đặc biệt là các tổ chức tín dụng phi ngân hàng và dịch vụ đổi tiền không có quy trình kiểm soát nội bộ đầy đủ. Phần lớn các DNFBP thiếu hiểu biết về nghĩa vụ PCRT/TTKB và không có quy trình kiểm soát nội bộ. Các công ty kế toán quốc tế và sòng bạc lớn có quy trình kiểm soát PCRT/TTKB nội bộ.

348. Trước khi giao việc cho nhân viên mới, các ngân hàng cho biết họ tiến hành sàng lọc nhân viên, bao gồm kiểm tra lý lịch về thông tin xác thực và uy tín của nhân viên mới tiềm năng. Bước rà soát này dựa trên thông tin từ sơ yếu lý lịch và tham khảo người giới thiệu. Không có sàng lọc tiến hành trên cơ sở lịch sử tội phạm ngoại trừ các TCTC lớn thuộc sở hữu nước ngoài. Các tổ chức này có tiến hành đào tạo và tăng cường nhận thức về PCRT/TTKB cho nhân viên đối với nhân viên mới cũng như tiến hành đào tạo liên tục trong quá trình làm việc. Các khóa đào tạo được xây dựng trên cơ sở mức độ trách nhiệm của nhân viên trong việc phát hiện các hoạt động RT/TTKB. Đã có một số trường hợp trong đó các TCTC kỷ luật nhân viên vì không tuân thủ các quy định nội bộ.

349. Các TCTC tiến hành kiểm toán nội bộ hàng năm, nhưng không rõ việc kiểm toán có mang tính toàn diện và hiệu quả, nhất là khi chưa bao giờ kiểm toán đưa ra bất kỳ vấn

đề gì về PCRT/TTKB. Cục PCRT chỉ ra rằng các TCTC có sở hữu nước ngoài được kiểm toán hàng năm bởi tổ chức mẹ theo chính sách toàn cầu của tập đoàn. Trên cơ sở rà soát báo cáo kiểm toán nội bộ của các đối tượng báo cáo, Cục PCRT cho biết phạm vi kiểm toán chủ yếu là đào tạo nhân viên và tuân thủ quy định nội bộ về PCRT/TTKB, không có vấn đề nào liên quan đến CDD, các cá nhân có ảnh hưởng chính trị và nhấn mạnh nội dung về hệ thống thông tin quản lý.

350. Ngân hàng Nhà nước, Cục PCRT, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Cơ quan giám sát bảo hiểm trong 05 năm qua đã tiến hành các lớp đào tạo bồi dưỡng tăng cường nhận thức, bao gồm 70 ngày đào tạo cho khoảng 7.000 người trong giai đoạn này. Tuy nhiên, một số lĩnh vực chỉ được đào tạo rất ít mặc dù có rủi ro đáng kể trong giai đoạn này bao gồm chứng khoán và quản lý quỹ (02 ngày trong năm 2014); Sòng bạc (không có); Các công ty kế toán (không có), luật sư & công chứng viên (không có) và bất động sản (0,5 ngày mỗi năm). Ngoài ra, năm 2015, Cơ quan TTGSNH đã ban hành "Cẩm nang về PCRT/TTKB cho các ngân hàng tại Việt Nam" được các tổ chức tín dụng ở Việt Nam sử dụng làm tài liệu tham khảo trong quá trình thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB. Bộ Công an dường như có thẩm quyền chung trong giám sát các đối tượng báo cáo thuẩn thủ các biện pháp phòng, chống TTKB bao gồm thực hiện TFS liên quan đến TTKB, song lại không tiến hành nâng cao nhận thực và không có hướng dẫn các đối tượng báo cáo về những vấn đề này (xem Kết quả trực tiếp số 3). Mặc dù luật pháp quy định các đối tượng báo cáo phải có kiểm soát nội bộ nhưng các cơ quan chức năng ko ban hành hướng dẫn cụ thể giúp các đối tượng báo cáo thực hiện quá trình này.

351. Các đối tượng báo cáo lớn bao gồm ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, công ty kế toán lớn và sòng bạc lớn đã thực hiện đào tạo về PCRT/TTKB một cách liên tục cho nhân viên, trái ngược với các TCTC nhỏ hơn và các DNFBP còn lại. Nhìn chung, khi xem xét các rủi ro, quy mô và bối cảnh tại Việt Nam, có thể thấy hướng dẫn và đào tạo liên quan còn hạn chế.

352. Các điều khoản bảo mật ở Việt Nam bị loại trừ trong trường hợp chính quyền yêu cầu thông tin để hỗ trợ điều tra các hoạt động tội phạm. Thực tế, các điều khoản bảo mật dường như không cản trở việc các TCTC và cơ quan có thẩm quyền thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB. Các chuyên gia pháp lý cũng cho biết đặc quyền ưu tiên pháp lý không cản trở họ thực hiện các nghĩa vụ PCRT/TTKB.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 4

353. Các cơ quan chức năng chưa hỗ trợ và hướng dẫn đầy đủ để đảm bảo các TCTC và DNFBP có nhận thức tốt về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB của họ. Trọng số đánh giá phần lớn dành cho ngân hàng, công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán. Các ngân hàng, nhất là các ngân hàng thuộc sở hữu trong nước, các công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán đang triển khai các biện pháp PCRT/TTKB theo cách tiếp cận dựa trên các quy định, chưa chuyển sang cách tiếp cận dựa trên rủi ro và cần cải thiện trong một loạt các lĩnh vực hoạt động. Các tổ chức nước ngoài có quy trình, công cụ kiểm soát về PCRT/TTKB tiên tiến hơn với những cải tiến vừa phải cần thiết. Khó có thể xác định đầy đủ mức độ toàn diện và thực hiện phù hợp các biện pháp phòng ngừa trong số tất cả các TCTC lớn hơn do thiếu hụt kỹ thuật và thiếu thanh tra giám sát để đánh giá hiệu quả của các biện pháp được áp dụng. Trọng số đánh giá lớn đặt ra đối với những thiếu hụt về VASP. Các công ty chuyển tiền đang thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB ở mức độ thấp hơn. Cần cải thiện cơ bản cho các tổ chức tín dụng phi ngân hàng dịch vụ đổi tiền về tất cả các nghĩa vụ của PCRT/TTKB. DNFBP đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa ở mức độ không đáng kể. Bất động sản là nhóm ngành DNFBP lớn nhất, và lĩnh vực này có hiểu biết hạn chế về rủi ro RT/TTKB và việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa giảm thiểu rủi ro là không đáng kể.

354. Việt Nam đạt mức hiệu quả thấp đối với Kết quả trực tiếp số 4.

CHƯƠNG 6. THANH TRA GIÁM SÁT

Các Phát hiện chính và Hành động khuyến nghị

Các Phát hiện Chính

a) Việt Nam đã thiết lập hệ thống giám sát sơ bộ về PCRT/TTKB cho các tổ chức tài chính. Tuy nhiên, hoạt động thanh tra giám sát về PCRT/TTKB chưa được ưu tiên và còn rất hạn chế. Không có giám sát về PCRT/TTKB từ xa và cũng rất hạn chế thanh tra tại chỗ mà chủ yếu là thanh tra tuân thủ theo phương pháp dựa trên quy định.

b) Tần suất và phạm vi thanh tra giám sát về PCRT/TTKB không dựa trên rủi ro. Thanh tra giám sát đối với các tổ chức tài chính lớn chủ yếu trên cơ sở kết hợp với giám sát an toàn chứ chưa phải trên cơ sở rủi ro về RT/TTKB. Hầu hết các cuộc thanh tra tại chỗ về PCRT/TTKB nếu được tổ chức thì hạn chế về phạm vi. Thanh tra giám sát về PCRT/TTKB gần như chỉ giới hạn trong các lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm. Trong số các DNFBP chỉ có vài công ty kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và sòng bạc đã được thanh tra tại chỗ về PCRT/TTKB với phạm vi thanh tra hạn chế.

c) Bộ Công an có trách nhiệm lớn về phòng, chống khủng bố, bao gồm cả TTKB, tuy nhiên, Bộ Công an chưa xây dựng được một cơ chế quy định cụ thể, hướng dẫn hoặc tiến hành thanh tra đối với các đối tượng báo cáo về tuân thủ các biện pháp chống TTKB. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan giám sát và quản lý được chỉ định để chống TTKB, nhưng pháp luật không ủy quyền rõ ràng trong việc xây dựng các yêu cầu quản lý và thực hiện giám sát.

d) Mặc dù tất cả các cơ quan thanh tra, giám sát đã tham gia vào quá trình xây dựng NRA, trừ Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam còn lại các cơ quan thanh tra, giám sát các TCTC phi ngân hàng và thanh tra, giám sát DNFBP đều thể hiện hiểu biết hạn chế về rủi ro RT/TTKB và cách quản lý và giảm thiểu rủi ro này. Các cơ quan thanh tra, giám sát cũng chưa có đánh giá ở cấp độ tổ chức/ngành sau khi hoàn thành báo cáo NRA diện rộng đầu năm 2019

e) Việc thực hiện kiểm soát chính xác và phù hợp nhìn chung không toàn diện. Việc kiểm tra lý lịch hình sự của giám đốc và cổ đông thường xuyên đã được thực hiện đối với các tổ chức tài chính và sòng bạc mang tính cốt lõi, tuy nhiên, các yêu cầu về xác định nguồn gốc tiền, sự chính xác và phù hợp về chủ sở hữu hưởng lợi, các liên quan đến tội phạm không được xem xét. Đối với các TCTC và DNFBP còn lại, kiểm tra sự chính xác và phù hợp chủ yếu dựa vào các thủ tục đăng ký cơ bản. Các cơ quan giám sát chưa từng từ chối việc gia nhập thị trường do lý lịch hình sự hoặc có liên quan đến tội phạm.

f) Hoạt động thanh tra giám sát mới chỉ phát hiện được số lượng hạn chế các vi phạm về PCRT/TTKB chứ chưa theo dõi để đảm bảo tính tuân thủ. Việt Nam chưa có các hành động khắc phục, chưa áp dụng các chế tài xử phạt hiệu quả, tương xứng và mang tính răn đe đối với các vi phạm về PCRT/TTKB. Các chế tài dừng lại ở các thư hậu kiểm liệt kê các thiếu sót.

g) Năng lực giám sát về PCRT/TTKB còn yếu và không được hỗ trợ đào tạo. Việc một số lượng lớn các giám sát viên thận trọng và chỉ thỉnh thoảng tiến hành giám sát về PCRT/TTKB làm giảm hiệu quả trong việc xây dựng các kĩ năng chuyên gia và chương trình đào tạo về PCRT/TTKB, đồng thời cũng làm giảm năng lực PCRT/TTKB của các cơ quan giám sát về mặt lâu dài.

h) Các cơ quan thanh tra, giám sát đã tổ chức các khóa đào tạo và hội thảo để tăng cường hiểu biết của các đối tượng báo cáo về RT/TTKB và các nghĩa vụ PCRT/TTKB. Tuy nhiên,

phạm vi tiếp cận của đào tạo còn hạn chế, hiệu quả của việc hướng dẫn quy định là thấp, thể hiện ở việc hướng dẫn không theo rủi ro RT/TTKB, không theo mục tiêu hay không cụ thể cho từng ngành nghề.

Các Hành động khuyến nghị

a) Phát triển và thực hiện chiến lược giám sát trên cơ sở rủi ro, đưa ra mức độ ưu tiên và phương pháp cho thanh tra giám sát PCRT/TTKB cả tại chỗ và từ xa cho tất cả các tổ chức tài chính, DNFBP và VASP đã quy định, với ưu tiên thực hiện (phạm vi, tần suất và cường độ) dựa trên rủi ro và bối cảnh.

b) Thực hiện thanh tra tại chỗ và giám sát từ xa về PCRT/TTKB một cách kỹ càng và toàn diện hơn đối với tất cả các lĩnh vực quản lý trên cơ sở rủi ro về PCRT/TTKB và được hỗ trợ bởi quy trình thao tác chuẩn và các hướng dẫn.

c) Thực hiện đánh giá thống nhất và toàn diện về sự chính xác và phù hợp đối với các tổ chức tài chính và DNFBP, bao gồm cả hiểu biết về quyền sở hữu hưởng lợi, thông tin rủi ro phù hợp.

d) Các cơ quan quản lý về PCRT/TTKB cần tiến hành các chương trình tiếp cận toàn diện để cải thiện tuân thủ và nhận thức về các nghĩa vụ và rủi ro RT/TTKB bao gồm các biện pháp phòng ngừa.

e) Triển khai một chiến lược thực thi rõ ràng để áp dụng các biện pháp xử phạt hiệu quả, thích đáng và có tính răn đe để tăng cường tuân thủ và hiệu quả kiểm soát về PCRT/TTKB của các đối tượng báo cáo.

f) Mở rộng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan thanh tra giám sát về PCRT trong thực hiện yêu cầu phòng, chống TTKB, lưu ý là các yêu cầu về phòng, chống TTKB toàn diện, vẫn cần được ban hành (như trong Kết quả trực tiếp số 4).

g) Tăng cường đào tạo, nâng cao hệ thống và tăng cường năng lực cho các cơ quan thực hiện thanh tra giám sát dựa trên rủi ro về PCRT/TTKB (bao gồm các bài kiểm tra).

355. Kết quả trực tiếp có liên quan được xem xét và đánh giá trong chương này là Kết quả trực tiếp số 3. Các khuyến nghị liên quan để đánh giá hiệu quả trong phần này là các Khuyến nghị số 14, 15, 26-28, 34, 35 và các yếu tố của các Khuyến nghị số 1 và 40.

Kết quả trực tiếp số 3 (Thanh tra giám sát)

Thông tin cơ bản

356. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền cấp phép cho các tổ chức tín dụng, tổ chức thu đổi ngoại tệ, dịch vụ chuyển tiền, chuyển tiền và tổ chức trung gian thanh toán, cũng như cửa hàng kinh doanh vàng miếng. Bộ Tài chính là cơ quan cấp phép cho các công ty chứng khoán và quản lý quỹ, công ty bảo hiểm, sòng bạc, tổ chức trò chơi điện tử có thưởng và các dịch vụ kế toán chuyên biệt cho tổ chức và cá nhân. Bộ Tư pháp là cơ quan cấp phép cho luật sư và công chứng viên. Bộ Xây dựng cấp phép cho các trung gian bất động sản

357. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát PCRT/TTKB trong lĩnh vực ngân hàng. Hoạt động thanh tra giám sát về PCRT/TTKB của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không được hợp nhất và các bộ phận giám sát an toàn vĩ mô của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng thực hiện các hoạt động thanh tra giám sát về PCRT/TTKB đối với các đối tượng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quản lý. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan thanh tra, giám sát đối với các ngân hàng, tổ chức tín dụng khác và nhà cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và chuyển tiền do các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh giám sát. Bộ Công an

có thẩm quyền thanh tra giám sát về phòng, chống TTKB theo quy định của Luật phòng, chống tài trợ khủng bố.

358. Mặc dù Bộ Công an có trách nhiệm lớn về phòng, chống khủng bố bao gồm cả TTKB nhưng quyền hạn thanh tra, kiểm tra mang tính chung chung và không cụ thể đối với các tổ chức tài chính, DNFBP và/hoặc VASP liên quan đến các yêu cầu về PCRT/TTKB. Bộ Công an không xây dựng một cơ chế quy định cụ thể, hướng dẫn hay thực hiện bất kỳ một hoạt động thanh tra về việc tuân thủ của các đối tượng báo cáo đối với biện pháp phòng, chống TTKB.

359. Bộ Tài chính là cơ quan thanh tra giám sát của các công ty chứng khoán, bảo hiểm và 03 khu vực DNFBP, bao gồm sòng bạc, dịch vụ trò chơi điện tử có thưởng và dịch vụ kế toán.

360. Đối với các DNFBP khác, Bộ Xây dựng thanh tra giám sát các công ty bất động sản, Bộ Tư pháp thanh tra giám sát công chứng/luật sư và Bộ Công thương thanh tra giám sát các đơn vị kinh doanh kim loại quý và đá quý kể cả vàng. Chưa có cơ quan chịu trách nhiệm thanh tra giám sát người kinh doanh kim loại quý và đá quý (ngoại trừ các cửa hàng bán vàng miếng) và nhà cung ứng dịch vụ uỷ thác và dịch vụ công ty, nhưng một số luật sư có thể cung cấp dịch vụ ủy thác hoặc dịch vụ công ty.

Cấp phép, đăng ký và kiểm soát để ngăn chặn tội phạm và đồng phạm xâm nhập thị trường

361. Các cơ quan quản lý chưa quan tâm đúng mức đến rủi ro RT/TTKB tại thời điểm cấp phép gia nhập thị trường. Chưa có sự chú ý đầy đủ vào sự phù hợp của cổ đông lớn và các thành viên doanh nghiệp cũng như những nhân viên chủ chốt. Trong quá trình cấp phép cho ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán và sòng bạc, việc kiểm tra lý lịch hình sự của giám đốc và một số cổ đông nhất định đã được xem xét. Tuy nhiên, việc xem xét nguồn tiền, quyền sở hữu hưởng lợi và các mối liên kết tội phạm không được coi là một phần của quy trình này. Không rõ liệu thông tin được tìm kiếm từ các cơ quan quản lý nước ngoài, khi có liên quan, có là một phần của quá trình này hay không. Đối với các tổ chức tài chính và các DNFBP khác, việc kiểm tra lý lịch hình sự chủ yếu dựa vào các thủ tục đăng ký do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện. Các cơ quan quản lý không từ chối cấp phép hoặc đình chỉ chức vụ tại tổ chức do cơ quan quản lý vì lý do không vượt qua kiểm tra "sự chính xác và phù hợp", bao gồm cả kiểm tra lý lịch hình sự và nguồn gốc dòng tiền.

362. Khi tiến hành quy trình cấp phép, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra hồ sơ tội phạm (do Bộ Tư pháp cấp), tài liệu nhận dạng (chứng minh thư và địa chỉ) và tình trạng pháp lý của người xin cấp phép. Khi các cổ đông là người trong nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể kiểm tra hồ sơ tội phạm của họ với Bộ Công an. Từ khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực, chưa phát sinh hồ sơ nào xin thành lập ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tìm thông tin đầu vào từ Bộ Công an đối với hồ sơ xin cấp phép của 01 ngân hàng nước ngoài, không rõ Bộ Công an có được thông tin từ các cơ quan nước ngoài có thẩm quyền hay không. Việc cấp phép cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán chủ yếu tập trung vào trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế. Đối với các đại lý chuyển tiền và cung cấp dịch vụ đổi ngoại tệ, tình trạng pháp lý và thu nhập của người nộp đơn là vấn đề chính được xem xét. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan quản lý khác dường như không kiểm tra "sự chính xác và phù hợp" khi có các thỏa thuận sử hữu cổ phần hay thay đổi về mặt quản lý xuất hiện mà chỉ kiểm tra vào thời điểm cấp phép.

363. Bộ Tài chính thường kiểm tra lý lịch tư pháp của các giám đốc và cổ đông nắm giữ hơn 5% cổ phần khi xem xét đơn xin cấp phép thành lập công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán. Tuy nhiên, các biện pháp không được thực hiện nhằm ngăn chặn các chủ sở hữu hưởng lợi không phù hợp trở thành cổ đông kiểm soát đáng kể các tổ chức tín

dụng. Khi kiểm tra nguồn gốc tiền, Bộ Tài chính chủ yếu tập trung vào năng lực tài chính.

364. Với DNFBP, chỉ các cơ quan quản lý sòng bạc mới xem xét các yêu cầu "chính xác và phù hợp" đối với người nộp đơn. Từ năm 2018, Bộ Tài chính đã tiến hành cấp phép trong đó quy trình có bao gồm kiểm tra lý lịch hình sự. Đối với các trò chơi có thưởng và các dịch vụ DNFBP khác, không có biện pháp nào được thực hiện để ngăn chặn tội phạm và đồng phạm sở hữu hoặc kiểm soát các đối tượng này.

Hiểu biết và nhận diện rủi ro RT/TTKB của các cơ quan thanh tra giám sát

365. Hiểu biết về RT/TTKB của các cơ quan thanh tra, giám sát PCRT/TTKB chủ yếu dựa trên NRA được hoàn thành vào tháng 4/2019. Trước khi có NRA, không có cơ chế để các cơ quan thanh tra, giám sát hiểu và xác định rủi ro RT/TTKB trong từng lĩnh vực. Mặc dù tất cả các cơ quan có thẩm quyền đã tham gia vào quy trình xây dựng NRA, họ chỉ thể hiện sự hiểu biết ở mức độ rất sơ qua và chung chung về rủi ro RT/TTKB tại Việt Nam và không thể hiện sự hiểu biết toàn diện về các rủi ro cụ thể của các ngành khác nhau. Việt Nam dự định điều chỉnh lại NRA năm năm một lần nhằm hỗ trợ các cơ quan thanh tra giám sát nhận dạng và hiểu biết về các rủi ro RT/TTKB đang diễn ra.

366. Các cơ quan thanh tra, giám sát chưa xây dựng các quy trình hoặc hoạt động cho phép họ xác định và duy trì sự hiểu biết về rủi ro RT/TTKB giữa các ngành và các loại tổ chức khác nhau cũng như của từng tổ chức. Thông tin bao gồm các báo cáo STR, các vụ RT/TTKB cũng như các thông tin tình báo khác như phân tích mô hình và phân tích chiến lược chưa được các cơ quan thanh tra giám sát xem xét để hiểu rõ hơn về rủi ro RT/TTKB cấp ngành hoặc cấp doanh nghiệp và hỗ trợ thanh tra giám sát trên cơ sở rủi ro. Các đối tượng báo cáo hiện được yêu cầu thực hiện các đánh giá rủi ro của riêng tổ chức họ (mới thực hiện ngay trước khi đoàn đánh giá tại chỗ vào làm việc) nhưng các cơ quan thanh tra giám sát đã không xem xét các đánh giá này để hiểu rõ hơn và chia sẻ thông tin cho thanh tra giám sát các lĩnh vực khác.

367. Trong khi ngân hàng có rủi ro RT/TTKB cao nhất trong các loại hình tổ chức tài chính, cán bộ thanh tra giám sát ngân hàng không thể nói rõ bản chất những rủi ro RT/TTKB mà ngành ngân hàng phải đối mặt là gì. Cán bộ thanh tra giám sát về PCRT/TTKB tại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và đặc biệt là Cục PCRT cho thấy họ hiểu một số rủi ro RT/TTKB trong lĩnh vực ngân hàng, nhưng các cán bộ thanh tra giám sát khác tại Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thì không. Đối với khu vực phi ngân hàng, dường như các cơ quan thanh tra, giám sát quản lý các sàn giao dịch ngoại tệ, nhà cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian, bảo hiểm và chứng khoán không hiểu rõ các mối đe dọa RT/TTKB hoặc các nguy cơ phải đối mặt và các điểm yếu dễ bị tổn thương của các tổ chức tài chính từ hoạt động trong lĩnh vực này. Trong đợt đánh giá tại chỗ, trong hầu hết các trường hợp, các cơ quan quản lý của các tổ chức tài chính phi ngân hàng không thể chỉ rõ rủi ro RT/TTKB tiềm năng của các tổ chức do họ quản lý là gì. Việc thiếu báo cáo STR càng làm hạn chế thêm thêm sự hiểu biết về rủi ro của các cơ quan quản lý.

368. Tất cả các cơ quan thanh tra giám sát DNFBP đều thiếu nhận thức về các rủi ro RT/TTKB gắn liền với DNFBP tại Việt Nam. Một số trường hợp RT ở Việt Nam có sử dụng chẳng hạn như bất động sản để che giấu tiền thu được từ các vụ tham nhũng, nhưng những trường hợp này dường như không đủ cảnh tỉnh và góp phần cải thiện sự hiểu biết về rủi ro RT/TTKB trong lĩnh vực liên quan.

Thanh tra trên cơ sở rủi ro đối với việc tuân thủ các yêu cầu PCRT/TTKB

369. Việt Nam chưa thực hiện phương pháp tiếp cận mang tính chiến lược để phát triển năng lực thanh tra, giám sát PCRT/TTKB. Các cơ quan giám sát thiếu các nhóm và chương

trình chuyên biệt về PCRT/TTKB. Số lượng cán bộ thanh tra, giám sát PCRT/TTKB tuân theo khuôn khổ quy định của ngành, không có cán bộ chuyên trách vê PCRT/TTKB tron g các nhóm đánh giá theo ngành. Đây dường như là thách thức đối với các cơ quan thanh tra, giám sát trong việc xây dựng các kỹ năng và chương trình về PCRT/TTKB cần thiết. Sổ tay thanh tra, giám sát hướng dẫn thanh tra về PCRT/TTKB chưa toàn diện, không tham khảo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro để có thể hướng dẫn các cán bộ thanh tra, giám sát thanh tra, giám sát các đối tượng báo cáo về nội dung gì và như thế nào.

370. Về chống TTKB, không rõ liệu các cơ quan quản lý (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) có đủ thẩm quyền pháp lý để xây dựng các yêu cầu quản lý và thực hiện giám sát hay không. Điều này sẽ làm giảm hiệu quả của việc giám sát chống TTKB cũng như sự tuân thủ của các đối tượng báo cáo đối với các biện pháp phòng ngừa liên quan đến tài trợ khủng bố. Ngoài ra, không có bất kỳ cơ quan quản lý nào hoặc Bộ Công an tiến hành giám sát các đối tượng báo cáo về việc tuân thủ các yêu cầu của chống TTKB.

371. Thanh tra giám sát về PCRT/TTKB chưa được ưu tiên dựa trên cơ sở rủi ro và chưa được hỗ trợ bởi các quy định cũng như nguồn lực tổ chức phù hợp. Toàn bộ các cơ quan thanh giám sát đều có kế hoạch thực hiện thanh tra hàng năm được Thanh tra Chính phủ phê duyệt. Hầu như các cuộc thanh tra được thực hiện bởi Thanh tra Chính phủ đều không bao gồm nội dung về PCRT/TTKB và không căn cứ vào rủi ro RT/TTKB.

372. Đối với hầu hết các tổ chức tín dụng, thanh tra giám sát an toàn sẽ xây dựng trước trong kế hoạch thanh tra hàng năm và tiến hành thanh tra tại chỗ định kỳ. Rất ít các đối tượng báo cáo được thanh tra hàng năm hoặc dựa trên cơ sở rủi ro rủi ro, đồng thời nội dung thanh tra về PCRT/TTKB cũng hạn chế (Bảng 6.3). Khó xác định được cơ quan thanh tra có đủ nguồn lực để thực hiện thanh tra PCRT/TTKB hay không.

373. Các nội dung thanh tra ưu tiên không dựa theo các phát hiện của đánh giá rủi ro để ưu tiên thanh tra trong các lĩnh vực cụ thể. Báo cáo NRA đã xác định ngân hàng, bất động sản và chuyển tiền là các lĩnh vực có rủi ro cao nhất. Mặc dù Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện thanh tra tại chỗ thường xuyên tại các ngân hàng, việc lập kế hoạch và phạm vi tiến hành thanh tra về PCRT/TTKB không tương xứng với hồ sơ rủi ro. Đối với khu vực ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiến hành thanh tra tại chỗ theo một chu trình có thời gian thời hạn cụ thể, trong đó có thể bổ sung các cấu phần nội dung về PCRT/TTKB. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm dựa trên 09 tiêu chí định tính và định lượng trong đó PCRT/TTKB chỉ là một thành tố nhỏ nằm trong chỉ số về kiểm soát nội bộ.

374. Năm 2019, do có một số điều tra hình sự liên quan đến RT, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng đã thay đổi kế hoạch thanh tra và bổ sung 03 ngân hàng thương mại vào danh sách thanh tra tại chỗ mặc dù dường như các trường hợp này được đưa vào khi việc điều tra đã được tiến hành một thời gian. Các cuộc thanh tra tại chỗ trên chưa hoàn thành tại thời điểm đoàn đánh giá tại chỗ kết thúc làm việc tại Việt Nam.

375. Không có biện pháp thanh tra, giám sát được sử dụng cho các đại lý kinh doanh ngoại tệ, công ty chuyển tiền cũng như các đại lý bất động sản.

376. Phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro không được áp dụng để tiến hành thanh tra, giám sát về PCRT/TTKB trong các ngành. Các cơ quan thanh tra, giám sát không sử dụng đánh giá rủi ro về RT/TTKB (ở cấp độ ngành hoặc doanh nghiệp) để hỗ trợ phương pháp dựa trên rủi ro đối với các ngành và/hoặc tổ chức đặc thù cho cả giám sát từ xa lẫn thanh tra tại chỗ. Các cơ quan thanh tra giám sát có xu hướng xem xét các báo cáo kiểm toán nội bộ về PCRT do các đối tượng báo cáo nộp, tuy nhiên các kiểm toán viên xây dựng báo cáo lại thường xem xét các vấn đề kiểm soát nội bộ hơn là vấn đề rủi ro. Mặc dù các đối tượng báo cáo hiện đã được yêu cầu tiến hành đánh giá rủi ro trong tổ chức

mình (mới chỉ thực hiện ngay trước khi đoàn đánh giá tại chỗ vào làm việc), việc thanh tra giám sát quá trình thực hiện đánh giá này chưa được tiến hành và do đó các báo cáo đánh giá hoàn thiện chưa được gửi cho các cơ quan thanh tra giám sát.

377. Các cơ quan chức năng Việt Nam đã cung cấp số liệu thống kê về số đoàn thanh tra được thực hiện (Bảng 6.1), tuy nhiên hầu như tất cả các đoàn thanh tra của ngành tài chính đều là thanh tra an toàn, trong đó một số đoàn có bao gồm nội dung PCRT/TTKB hạn chế. Không có đoàn thanh tra nào đối với dịch vụ đổi tiền, chuyển tiền, tổ chức tài chính phi ngân hàng và tài chính vi mô.

Bảng 6.1: Các cuộc thanh tra, giám sát về PCRT/TTKB đã thực hiện[31]

Loại hình tổ chức	Số lượng các cuộc thanh tra				
	2015	2016	2017	2018	2019
Tổ chức tín dụng	92	117	97	78	
Do Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thực hiện			3	4	7
Do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện			153	115	155
Công ty bảo hiểm	02	02	02	03	1
Công ty chứng khoán	12	13	14	12	14
Công ty quản lý quỹ	10	10	08	09	9
Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	0	0	0	06	13
Kinh doanh Casino	0	0	0	0	4
Các tổ chức cung cấp dịch vụ kế toán và kiểm toán	0	0	0	0	0
Các tổ chức hành nghề luật và công chứng	8	18	18	3	0
Kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản	0	0	0	0	0
Tổng	124	160	141	123	

Lưu ý: Không rõ phạm vi thanh tra về PCRT/TTKB như thế nào trong mỗi cuộc thanh tra.

Các tổ chức tài chính

378. Thanh tra, giám sát PCRT/TTKB trong lĩnh vực tài chính (bao gồm bảo hiểm và chứng khoán) được thực hiện từ góc độ giám sát an toàn. Theo sổ tay thanh tra giám sát cho khu vực ngân hàng và bảo hiểm, một loạt các yếu tố PCRT/TTKB thường được xem xét điển hình tập trung vào tuân thủ báo cáo giao dịch giá trị cao. Tuy nhiên, các cơ quan thanh tra giám sát không tập trung xem xét cách các tổ chức tài chính lập hồ sơ rủi ro khách hàng, giao dịch hoặc rủi ro doanh nghiệp trong khuôn khổ quy trình PCRT của họ.

379. Trước khi tiến hành thanh tra tại chỗ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét các báo cáo kiểm toán nội bộ từ các tổ chức tín dụng cũng như các thông tin từ cơ quan có thẩm quyền khác, bao gồm cả thông tin từ Cục PCRT. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin và số liệu cần thiết để tiến hành thanh tra, bao gồm cả quy định nội bộ về PCRT, quy trình CDD, thông tin liên quan đến nghĩa vụ báo cáo và nghĩa vụ TFS mặc dù không có bằng chứng nào được cung cấp để chứng tỏ rằng đoàn thanh tra đã xem xét đầy đủ các nội dung này. Ví dụ, trong một báo

[31] Không rõ mức độ liên quan đến nội dung PCRT/TTKB của những đợt thanh tra này.

cáo thanh tra, không một khuyến nghị nào được đưa ra mặc dù cán bộ thanh tra có phát hiện ra không báo cáo STR nào được nộp, không thực hiện rà soát hàng năm quy trình CDD và đối tượng báo cáo không có chính sách đối với các khách hàng rủi ro cao.

380. Việc thanh tra công ty chuyển tiền và thu đổi ngoại tệ được thực hiện hàng năm bởi Ngân hành Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trong đó mức độ tham chiếu nội dung tuân thủ về PCRT/TTKB là nhỏ. Các nhà cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán không được chỉ định là đối tượng báo cáo cho đến khi đoàn đánh giá tại chỗ vào làm việc tháng 11/2019. Với các rủi ro rửa tiền khá cao ở Việt Nam, việc thiếu các quy định trên cơ sở rủi ro thực sự đáng quan ngại.

Các DNFBP

381. Thanh tra các DNFBP về PCRT/TTKB là không đáng kể và trong khoảng 2013 tới 2018, không có báo cáo thanh tra nào được cung cấp có liên quan tới một số cuộc thanh tra được thực hiện. Không thực hiện thanh tra tại chỗ và giám sát từ xa trừ một số cuộc thanh tra sòng bạc và trò chơi điện tử có thưởng. Ví dụ, năm 2019, Bộ Tài chính đã thực hiện 04 đoàn thanh tra tại chỗ đối với dịch vụ sòng bạc thông qua đơn vị thanh tra chung, với trọng tâm là tuân thủ về PCRT/TTKB, nhưng kết quả thanh tra không rõ ràng. Sở Xây dựng tại các tỉnh, thành phố đã tiến hành thanh tra lĩnh vực bất động sản mặc dù chi tiết về bản chất, phạm vi và kết quả thanh tra không được cho biết rõ. Các giao dịch có giá trị cao là trọng tâm trong số lượng ít các cuộc thanh tra được thực hiện đối với DNFBP. Quy trình xác định chủ sở hữu hưởng lợi chưa bao giờ được thanh tra.

Các biện pháp khắc phục và các hình thức xử phạt hiệu quả, tương xứng và có tính răn đe

382. Việt Nam đã không thể hiện được rằng các hành động khắc phục hoặc các biện pháp xử phạt hiệu quả, thích đáng và có tính răn đe cho các vi phạm trong lĩnh vực PCRT/TTKB (trong khi thừa nhận các khiếm khuyết của Khuyến nghị số 35). Có ít vi phạm liên quan đến PCRT/TTKB bị phát hiện, với việc xử phạt rất hạn chế. Vì vậy, các biện pháp thanh tra giám sát đối với các đối tượng báo cáo ở mức không đáng kể. Trong hầu hết các trường hợp, cơ quan thanh tra giám sát chỉ phát hành văn bản để lưu ý về các thiếu hụt hoặc vấn đề phát hiện qua thanh tra, dù đây không được coi là một biện pháp xử phạt và văn bản thì thường ko liên quan đến các thiếu hụt được xác định. Các báo cáo thanh tra cung cấp cho đoành đánh giá có rất ít phân tích về thiếu hụt và những vấn đề cần thực hiện để xử lý cũng như không có nội dung chỉ định để theo dõi giám sát liên tục.

383. Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác chưa hề vị xử phạt liên quan đến PCRT/TTKB, rất ít thiếu hụt hay vi phạm liên quan đến PCRT/TTKB được xác định một cách chính thức và không có đối tượng để theo dõi liên tục, bắt buộc thực thi. Sau thanh tra, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thường đưa ra thông báo cho toàn bộ các đối tượng báo cáo về những phát hiện rộng rãi của các đợt thanh tra mà không đề cập đến đối tượng từng báo cáo hoặc những thiếu sót, vi phạm cụ thể.

384. Đối với các TCTC phi ngân hàng, Bộ Tài chính đã áp dụng các biện pháp xử phạt tài chính đối với hai công ty bảo hiểm vào tháng 11/2019, ngay trước khi kết thúc đợt đánh giá tại chỗ, tuy nhiên không rõ việc này bằng cách nào đó có tác động đến PCRT/TTKB hay không.

385. Đối với các DNFBP, một doanh nghiệp trò chơi có thưởng đã bị Bộ Tài chính phạt tiền vì vi phạm báo cáo giao dịch có giá trị cao vào tháng 5/2019. Số tiền phạt là 80 triệu VND (khoảng 3.453 USD), khó có thể được coi là thích đáng và có tính răn đe. Không có chế tài và hình thức xử phạt nào được áp dụng đối với các DNFBP khác liên quan đến vi phạm về PCRT/TTKB.

Bảng 6.2: Danh sách vi phạm PCRT/TTKB được phát hiện qua thanh tra và hình thức xử phạt

Lĩnh vực	Hình thức xử phạt (năm/số lượng)				
	Cảnh cáo	Phạt tiền	Đình chỉ hoạt động	Rút giấy phép	Khác
Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác	0	0	0	0	2014(1) 2015(2) 2016(1) 2017(2) 2018(1)
Công ty bảo hiểm	0	2019(2)	0	0	0
Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài	0	2019(1)	0	0	

Ghi chú: Thuật ngữ "khác" ở trên hàm ý là các văn bản của cơ quan thanh tra giám sát gửi về kết luận thanh tra sau khi kết thúc thanh tra và hầu hết trong các trường hợp đều không được coi là hình thức xử phạt.

Tác động của công tác thanh tra giám sát lên việc tuân thủ

386. Các cơ quan thanh tra giám sát đã không chứng minh được hành động của họ có tác động tích cực đến việc tuân thủ PCRT/TTKB của các tổ chức tín dụng và DNFBP. Sau thanh tra tại chỗ, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng luôn thông báo cho đối tượng báo cáo liên quan để làm rõ những thiếu sót hành chính phát hiện qua thanh tra, song đều là những thiếu sót nhỏ. Đến nay, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng chưa phát hiện những vi phạm đáng kể đối với các yêu cầu về CDD, STR hoặc PCRT/TTKB khác có thể do ít thực hiện các nội dung thanh tra về PCRT/TTKB, dù trong nhiều trường hợp việc thiếu báo cáo STR không bị đưa vào báo cáo như là một vấn đề quan ngại.

387. Sau thanh tra, Bộ Tài chính thường thông báo cho tổ chức do cơ quan này quản lý những phát hiện chính của đơn vị thanh tra với mục đích giúp toàn bộ ngành cải thiện mức độ tuân thủ. Do quy định nghiêm ngặt đối với ngành bảo hiểm (đã có quy định về quy trình tiến hành thanh tra) và chứng khoán, việc tuân thủ của các tổ chức có thể được cải thiện vì mục đích quản lý rủi ro thận trọng, nhưng không rõ những cải thiện nào đã đạt được liên quan đến PCRT/TTKB do hạn chế của phạm vi thanh tra cũng như giám sát theo dõi sau thanh tra.

388. Hoạt động thanh tra tại chỗ của Bộ Tài chính đối với kinh doanh sòng bạc và trò chơi điện tử có thưởng đã cho thấy các thiếu sót chính liên quan đến lưu giữ hồ sơ thông tin như số hộ chiếu và quốc tịch của khách hàng. Ngoài ra, các cuộc phỏng vấn tại chỗ với đối tượng báo cáo cho thấy DNFBP thường không nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ PCRT/TTKB của họ và thậm chí ít được thông báo về rủi ro RT/TTKB của họ trong mỗi lĩnh vực là gì. Tuy nhiên, không có STR nào được báo cáo bởi DNFBP (chỉ một số báo cáo giá trị giao dịch cao) và các lỗ hổng đáng kể được phát hiện qua đợt đánh giá tại chỗ cho thấy các đối tượng báo cáo trong các lĩnh vực này gần như không hiểu về rủi ro và các biện pháp PCRT/TTKB.

389. Đối với các tổ chức tín dụng và DNFBP khác, vì không có cuộc thanh tra nào được thực hiện hoặc không có thiếu sót, vi phạm nào được phát hiện, nên không thể đánh giá hiệu quả của các hành động thanh tra giám sát.

390. Tác động của hoạt động giám sát tuân thủ không được chứng minh rõ ràng và việc thiếu kết quả phản ánh việc giám sát trên cơ sở rủi ro không được thực hiện đáng kể. Nhìn chung, sự thiếu hành động của các cơ quan giám sát để phát hiện và xử phạt các trường hợp khôg tuân thủ sẽ làm giảm những cải thiện tích cực để ngăn chặn RT/TTKB.

Tăng cường hiểu biết rõ về các nghĩa vụ PCRT/TTKB và rủi ro RT/TTKB

391. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan thanh tra, giám sát khác đã bắt đầu khuyến khích sự hiểu biết rõ ràng về rủi ro và nghĩa vụ về PCRT/TTKB, nhưng mới ở giai đoạn sơ khởi và không có văn bản hướng dẫn hỗ trợ. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức các buổi đào tạo và tăng cường nhận thức (xem Bảng 6.3) và gửi công văn hỗ trợ các đối tượng báo cáo nâng cao hiểu biết về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB mặc dù phạm vi tiếp cận là tối thiểu khi xem xét quy mô và cấu trúc của các đối tượng báo cáo ở Việt Nam. Dường như các hoạt động nâng cao nhận thức và đào tạo không được định hướng bởi các rủi ro về RT/TTKB và không bắt đầu thay đổi trong thực tế nhằm cải thiện tính hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa của các đối tượng báo cáo. Việc khu vực tư nhân cáo cáo rất hạn chế cho thấy cho đến nay tác động này là yếu.

Bảng 6.3: Đào tạo về PCRT/TTKB cho các tổ chức báo cáo

Loại hình tổ chức		2014		2015		2016		2017		2018	
		Ngày	Số người	Ngày	Số người	Ngày	Số người	Ngày	Số người	Ngày	Số người
Tổ chức tín dụng		3	150	0	0	0	0	36	1.588	6	377
Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ		2	190	0	0	0	0	0	0	0	0
Bảo hiểm	Hội thảo	1	120	-	-	-	-	-	-	1	120
	Đào tạo NRA							18	36		
Sòng bạc, kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Dịch vụ kế toán, kiểm toán		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Luật sư, công chứng		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Kinh doanh bất động sản, sàn giao dịch bất động sản		1/2	709	1/2	1.203	1/2	742	1/2	771	1/2	1.099

392. Sau khi hoàn thành NRA vào tháng 4/2019, bản kế hoạch hành động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi cho tất cả các đối tượng báo cáo để khuyến khích hiểu biết về rủi ro RT/TTKB thông qua việc đăng bản tóm tắt NRA trên trang web của Ngân hàng Nhà nước và thông qua công văn yêu cầu đối tượng báo cáo nghiên cứu NRA để hiểu rõ hơn về rủi ro RT/TTKB, các điểm yếu dễ bị tổn thương và mối đe dọa trong lĩnh vực của họ cũng như trên khắp Việt Nam nói chung. Mặc dù các biện pháp này, ở một mức độ nào đó, giúp các đối tượng báo cáo xem xét rủi ro RT/TTKB tổng thể, sự hiểu biết về rủi ro ở Việt Nam và tác động của các rủi ro này trong hầu hết các lĩnh vực (ngoại trừ các ngân hàng lớn) là rất hạn chế. Có vẻ như hầu hết các đối tượng báo cáo không hiểu tại sao họ phải hiểu rủi ro của mình và những biện pháp nào nên được thực hiện để đối phó với những rủi ro này.

393. Cục Quản lý giám sát bảo hiểm của Bộ Tài chính đã tổ chức đào tạo về PCRT/TTKB trong đó Cục PCRT được mời trình bày để các công ty bảo hiểm có thể hiểu rõ hơn về nghĩa vụ PCRT/TTKB. Bộ Tài chính cũng đã ban hành văn bản đề nghị các doanh nghiệp trong lĩnh vực sòng bạc và trò chơi có thưởng nghiên cứu các rủi ro trong báo cáo NRA trên trang web, nhưng không có bằng chứng rõ ràng về việc các lĩnh vực này hiểu đâu là những rủi ro và các biện pháp họ cần thực hiện để giảm thiểu những rủi ro đó.

394. Các thanh tra viên cần hiểu sâu hơn về rủi ro RT/TTKB để hỗ trợ tăng cường nhận thức cho các tổ chức tín dụng và DNFBP về rủi ro RT/TTKB và nghĩa vụ PCRT/TTKB.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 3

395. Thanh tra, giám sát dựa trên rủi ro chưa được thực hiện tại Việt Nam và phạm vi, mức độ thanh tra chưa đủ để cho thấy hoạt động thanh tra về PCRT/TTKB được ưu tiên. Trong một chừng mực nào đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính có các cơ chế để ngăn chặn tội phạm xâm nhập thị trường thông qua cơ chế cấp phép. Đối với các TCTC và DNFBP còn lại, việc thanh tra kiểm tra "sự chính xác và phù hợp" là rất hạn chế. Các cơ quan thanh tra, giám sát có sự hiểu biết khác nhau về rủi ro RT/TTKB trong các lĩnh vực của họ và hiểu

biết về tác động của những rủi ro này đối với từng lĩnh vực là rất hạn chế. Thanh tra, giám sát về PCRT/TTKB đối với lĩnh vực ngân hàng còn hạn chế và chủ yếu được định hướng bởi nguyên tắc thanh tra, giám sát an toàn, trong khi thanh tra, giám sát đối với các tổ chức tài chính và DNFBP còn lại nói chung là rất ít. Cho đến nay không có biện pháp xử phạt nào thích đáng và có tính răn đe. Những thiếu sót này đòi hỏi phải cải thiện một cách căn bản.

396. Việt Nam đạt mức hiệu quả thấp đối với Kết quả trực tiếp số 3.

CHƯƠNG 7. PHÁP NHÂN VÀ CÁC THỎA THUẬN PHÁP LÝ

Các Phát hiện chính và các Hành động khuyến nghị

Các Phát hiện chính

a) Mặc dù thông tin về việc thành lập pháp nhân thương mại được công khai bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh trực tuyến, thông tin về việc lập và các loại hình pháp nhân phi thương mại không được công khai. Các thông tin cơ bản về pháp nhân thương mại được công khai đối với các cơ quan có thẩm quyền và cả công chúng. Các thông tin này được xác minh và cập nhật thường xuyên.

b) Việt Nam có hiểu biết về rủi ro RT/TTKB liên quan đến pháp nhân thương mại, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số lỗ hổng trong đánh giá và kết quả đánh giá vẫn chưa được phổ biến một cách rộng rãi. Sự nhận thức về rủi ro rửa tiền và tính dễ tổn thương của các pháp nhân phi lợi nhuận tại Việt Nam là chưa cao. Một số cơ quan có thẩm quyền không có những hiểu biết về chủ sở hữu hưởng lợi và việc kiểm soát các quỹ tín thác nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

c) Có một số biện pháp nhằm tăng tính minh bạch của pháp nhân thương mại.

d) Việt Nam đang phụ thuộc vào việc sử dụng thông tin thẩm định khách hàng được cung cấp bởi các đối tượng báo cáo để từ đó các cơ quan có thẩm quyền tiếp cận tới các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân và quỹ tín thác. Tuy nhiên, như đã được đề cập tại Kết quả trực tiếp số 4, vẫn còn tồn tại thiếu sót trong các yêu cầu pháp lý và hầu hết các đối tượng báo cáo đều có hiểu biết và kiến thức hạn chế về khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi và cách xác định người thực hiện quyền kiểm soát cuối cùng đối với một pháp nhân. Khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi thường bị hiểu nhầm là chủ sở hữu hợp pháp, và được xác định bằng cách kiểm tra thông tin cơ bản về pháp nhân trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh. Sự thiếu hiểu biết này là bằng chứng cho thấy các cơ quan thanh tra giám sát chưa có hướng dẫn đầy đủ đối với các đối tượng báo cáo.

e) Có rất ít các bằng chứng cho thấy các đối tượng báo cáo đang thu thập các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi và kiểm soát thông tin liên quan đến các quỹ tín thác nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, khi có yêu cầu, những thông tin này có thể được cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền.

f) Các chế tài xử phạt là tương xứng nhưng số tiền phạt quá thấp để có tính răn đe và chỉ áp dụng cho các pháp nhân thương mại khi không tuân thủ các yêu cầu về thông tin cơ bản. Không có các bằng chứng về các hình thức xử phạt được áp dụng đối với các đối tượng báo cáo khi không cung cấp được các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi phải thu thập theo nghĩa vụ thẩm định khách hàng khi có yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền.

Các Hành động khuyến nghị

a) Cần công khai thông tin về việc thành lập và các loại hình pháp nhân phi thương mại cũng như các thông tin liên quan đến việc công nhận thỏa thuận pháp lý nước ngoài.

b) Việt Nam cần tăng cường sự hiểu biết một cách toàn diện hơn về đặc điểm của các loại hình pháp nhân khác nhau mà khiến chúng dễ bị lạm dụng RT/TTKB, từ đó giải quyết các thiếu sót được xác định liên quan đến đánh giá rủi ro gần đây. Khi làm như vậy, Việt Nam nên tham khảo ý kiến của khu vực tư nhân và tìm kiếm thông tin từ họ.

c) Việt Nam cần mở rộng yêu cầu về chủ sở hữu hưởng lợi cho tất cả các pháp nhân và đối với các thỏa thuận pháp lý nước ngoài khi được công nhận.

d) Việt Nam cần tiến hành đào tạo và nâng cao nhận thức cho các cơ quan có thẩm quyền để nâng cao hiểu biết về khái niệm về chủ sở hữu hưởng lợi và kết quả đánh giá rủi ro đối với

pháp nhân cũng như các bước cần thực hiện để có được thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi có sẵn.

e) Việt Nam cần thực hiện kế hoạch hành động giảm thiểu rủi ro đã được xác định trong báo cáo đánh giá rủi ro về pháp nhân nhằm ngăn chặn sự lạm dụng RT/TTKB của tất cả các pháp nhân; đặc biệt là nâng cao hiệu quả của việc thanh tra và chia sẻ thông tin.

f) Việt Nam cần đưa ra các biện pháp để ngăn chặn việc lạm dụng tín thác nước ngoài hiện diện ở Việt Nam, bao gồm yêu cầu bên ủy thác tiết lộ tình trạng của họ với các tổ chức tài chính và tổ chức kinh doanh ngành nghề phi tài chính chỉ định.

397. Kết quả trực tiếp liên quan được xem xét và đánh giá trong chương này là Kết quả trực tiếp số 5. Các khuyến nghị liên quan để đánh giá hiệu quả trong phần này là các khuyến nghị số 24 và 25 và một số nội dung của các khuyến nghị số 1, 10, 37 và 40[32].

Kết quả trực tiếp số 5 (Pháp nhân và các thỏa thuận pháp lý)

Mức độ công khai thông tin về việc thành lập, loại hình pháp nhân và các thỏa thuận pháp lý

411. Pháp nhân tại Việt Nam có thể được chia thành hai loại chính: pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại. Thông tin về việc thành lập và loại hình pháp nhân thương mại được công khai trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh trực tuyến Việt Nam (www.dangkykinhdoanh.gov.vn), bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh. Thông tin này bao gồm hướng dẫn về quy trình đăng ký kinh doanh. Các quy định pháp luật áp dụng đối với việc thành lập và hoạt động của pháp nhân thương mại được công khai trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh (https://dangkykinhdoanh.gov.vn/en/pages/LegalDocument.aspx), mặc dù các quy định này liên quan đến một loạt các luật, nghị định, thông tư và quyết định.

412. Thông tin liên quan đến việc thành lập và các loại pháp nhân phi thương mại được nêu trong các nghị định liên quan, cụ thể là Nghị định số 45/2010 (Hiệp hội), Nghị định số 12/2012 (các tổ chức phi chính phủ nước ngoài), Nghị định số 30/2012 (Quỹ xã hội và Quỹ từ thiện). Tuy nhiên không có đủ bằng chứng cho thấy các quy định này hoặc thông tin liên quan được công khai.

414. Luật pháp Việt Nam chưa cho phép thành lập các thỏa thuận pháp lý và do đó, không có thông tin nào về việc thành lập thoả thuận pháp lý được công khai. Việt Nam có các thỏa thuận được gọi là "quỹ tín thác đầu tư bất động sản" nhưng bản chất pháp lý của thỏa thuận này không giống với định nghĩa về các thỏa thuận pháp lý của FATF.

Xác định, đánh giá và hiểu về rủi ro RT/TTKB và các yếu tố dễ bị tổn thương của pháp nhân

415. Rủi ro RT/TTKB của pháp nhân tại Việt Nam đã được đánh giá và được hiểu bởi một số cơ quan có thẩm quyền ở một mức độ nào đó. Việt Nam gần đây đã tiến hành Đánh giá rủi ro RT/TTKB đối với pháp nhân, trong đó xem xét tất cả các loại pháp nhân thương mại có thể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp 2014: (a) công ty trách nhiệm hữu hạn đa thành viên; (b) các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (c) công ty cổ phần; (d) quan hệ đối tác; và (e) quyền sở hữu tư nhân/duy nhất. Đánh giá cũng bao gồm các rủi ro RT liên quan ở một mức độ hạn chế. Rủi ro TTKB liên quan đến các NPO đã được đánh giá riêng (như được nêu trong Khuyến nghị số 8 và Kết quả trực tiếp số 10. Đánh giá rủi ro đã chính thức được phê duyệt vào tháng 11/2019, trong đợt đánh giá đa phương tại chỗ.

416. Đánh giá rủi ro được xây dựng bởi một nhóm công tác do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đứng đầu và bao gồm các đại diện từ Cục PCRT, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, và COMINGO. Một nhóm lớn hơn bao gồm các cơ quan như Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

[32] Mức độ sẵn có của các thông tin chính xác và cập nhật về quan hệ chủ sở hữu hưởng lợi được đánh giá bởi Diễn đàn Toàn cầu của OECD về Trao đổi thông tin và Minh bạch về Thuế. Trong một số trường hợp, các thông tin có thể khác đi do có sự khác biệt trong phương pháp luận, mục tiêu và phạm vi chuẩn mực đứng từ góc độ FATF và Diễn đàn toàn cầu.

và Tòa án nhân dân tối cao đã được hỏi ý kiến về bản dự thảo của báo cáo. Tuy nhiên, khu vực tư nhân không được tham khảo ý kiến và không cung cấp bất kỳ thông tin đầu vào nào cho quá trình đánh giá, điều này phần nào làm giảm tính toàn diện của đánh giá.

417. Đánh giá được thực hiện trên cơ sở các cuộc phỏng vấn; dữ liệu được cung cấp bởi các cơ quan có thẩm quyền, bao gồm số liệu thống kê điều tra được cung cấp bởi Bộ Công an và các STR do Cục PCRT cung cấp; và các thông tin liên quan đến tiếp xúc với đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ quốc gia có rủi ro cao. Các thông tin có sẵn công khai về các mô hình cũng được xem xét.

418. Đánh giá rủi ro kết luận rằng về tổng thể rủi ro RT đối với pháp nhân thương mại là trung bình và rủi ro TTKB được đánh giá là thấp. Các mối đe dọa và các lỗ hổng do RT được phát hiện là cao hơn giữa các công ty trách nhiệm hữu hạn đa thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các công ty cổ phần. Dựa trên đánh giá còn hạn chế thì rủi ro RT liên quan đến NPO là thấp. Nhìn chung, đoàn đánh giá kết luận rằng những xếp hạng này là hợp lý, mặc dù có một số thiếu sót được xác định trong đánh giá, như chi tiết dưới đây.

419. Dữ liệu và phản hồi của Bộ Công an về các cuộc điều tra cho thấy các công ty trách nhiệm hữu hạn đa thành viên thường xuyên bị lạm dụng vì mục đích hình sự (47,08% điều tra về pháp nhân cho các tội phạm kinh tế) so với các công ty cổ phần (30,62%) và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (17,79%). Có tương đối ít các trường hợp liên quan đến các loại hình pháp nhân khác. Những phát hiện này phù hợp với số lượng STR mà Cục PCRT nhận được trên các pháp nhân.

Bảng 7.1: Báo cáo STR liên quan đến Pháp nhân

Năm	Số lượng pháp nhân liên quan đến STR	Công ty cổ phần/liên doanh liên kết	Công ty TNHH một thành viên	Công ty TNHH đa thành viên	Doanh nghiệp tư nhân/tự doanh	Quan hệ đối tác
2014	353	86	63	182	22	0
2015	739	173	135	399	32	0
2016	374	108	72	189	5	0
2017	349	95	53	198	3	0
2018	366	81	59	219	7	0

Nguồn: Cục PCRT

420. Các lỗ hổng RT chính do Việt Nam xác định bao gồm việc sử dụng các cá nhân thông qua các thỏa thuận ủy nhiệm để che giấu mối quan hệ giữa chủ sở hữu hưởng lợi và chủ sở hữu hợp pháp, bao gồm cả việc sử dụng các cấu trúc về kiểm soát và sở hữu phức tạp. Thỏa thuận ủy nhiệm thường được thực hiện theo hình thức cộng tác làm ăn, không nhất thiết phải là thành viên gia đình. Thỏa thuận ủy nhiệm này được xem như là các thỏa thuận không chính thức.

421. Một lỗ hổng khác được xác định là tiếp xúc với đầu tư nước ngoài. Mặc dù đánh giá rủi ro cho thấy rằng về tổng thể Việt Nam không được coi là một quốc gia hấp dẫn đối với việc thành lập công ty vì các yêu cầu về pháp lý và rào cản ngôn ngữ, nhưng báo cáo cũng thừa nhận rằng Việt Nam có đầu tư nước ngoài đáng kể. Hàn Quốc (25,6%), Trung Quốc (17,76%) và Nhật Bản (11,37%) có tỷ lệ đầu tư nước ngoài cao nhất tại Việt Nam. Tuy nhiên, các rủi ro RT cụ thể phát sinh từ các quốc gia này không được xem xét, chỉ có rủi ro chung liên quan đến đầu tư nước ngoài.

422. Ngoài ra cũng còn có ít đầu tư từ "quốc gia có rủi ro cao" (2%). Trong số này có cả các quốc gia nằm trong danh sách rà soát của ICRG thuộc FATF[33] và các quốc gia có rủi ro TTKB cao[34]. Báo cáo ghi nhận những thách thức trong việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng tại các quốc gia này.

423. Tuy nhiên, báo cáo đánh giá đã không xem xét các đặc điểm của các loại pháp nhân cụ thể khiến các loại pháp nhân này bị lạm dụng ít hay nhiều cho RT/TTKB, hoặc thảo luận về tính minh bạch tương đối của chúng. Thay vào đó, đánh giá tập trung vào kiểm soát quy định, số lượng vi phạm và sở hữu nước ngoài.

424. Rủi ro TTKB của pháp nhân thương mại được đánh giá là thấp. Điều này được xác định trên cơ sở thiếu điều tra và truy tố TTKB, thiếu thông tin tình báo về lạm dụng pháp nhân đối với TTKB và phát hiện của NRA rằng rủi ro tổng thể của TTKB tại Việt Nam là thấp. Dường như không có bất kỳ sự xem xét nào về các cách thức mà các loại pháp nhân khác nhau có thể bị lạm dụng cho TTKB. Mặc dù việc đánh giá rủi ro TTKB liên quan đến pháp nhân là không toàn diện, đánh giá có vẻ hợp lý khi được xem xét cùng với NRA.

425. Tương tự, xếp hạng rủi ro RT thấp đối với lĩnh vực NPO được xác định chỉ dựa trên cơ sở là không phải thực hiện điều tra, truy tố hoặc dựa trên các thông tin về việc lạm dụng NPO cho RT. Có rất ít phân tích về các mối đe dọa và lỗ hổng RT mà NPO phải đối mặt ở Việt Nam. Do đó, không rõ Việt Nam có thực sự hiểu một cách toàn diện về rủi ro RT trong lĩnh vực NPO hay không.

426. Kết quả đánh giá rủi ro chỉ mới được phê duyệt và phổ biến gần đây cho các bộ, ngành liên quan tại thời điểm đánh giá tại chỗ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các cơ quan khác trực tiếp tham gia đánh giá rủi ro (Cục PCRT và Bộ Công an) đã thể hiện sự hiểu biết về rủi ro phù hợp với đánh giá rủi ro. Tuy nhiên, do thiếu tham vấn với khu vực tư nhân và các thiếu hụt khác trong đánh giá, như đã xác định ở trên, thì sự hiểu biết này chưa thể coi là toàn diện. Rõ ràng là trước khi tiến hành đánh giá rủi ro gần đây, các cơ quan chức năng có hiểu biết hạn chế về rủi ro RT/TTKB liên quan đến pháp nhân.

427. Ngoài những cơ quan có liên quan trực tiếp đến việc đánh giá, nhận thức và hiểu biết về kết quả đánh giá và rủi ro RT/TTKB đối với pháp nhân nói chung, hiểu biết của các cơ quan có thẩm quyền khác còn rất hạn chế. Trong đợt đánh giá tại chỗ, nhiều cơ quan chức năng, bao gồm cả một số cá nhân có liên quan đến đánh giá, đã chứng minh rằng họ không hiểu sự khác biệt giữa chủ sở hữu hưởng lợi và quyền sở hữu hợp pháp. Một trong những mục trong kế hoạch hành động đánh giá rủi ro là tổ chức tăng cường năng lực và đào tạo cho nhân viên. Tuy nhiên, điều này chưa xảy ra tại thời điểm đánh giá tại chỗ.

Các biện pháp giảm thiểu để ngăn ngừa việc lạm dụng các pháp nhân và thỏa thuận

Pháp nhân thương mại

428. Nhìn chung, có một số ít biện pháp để tăng cường tính minh bạch và ngăn chặn lạm dụng pháp nhân thương mại, tuy nhiên, do khung thời gian hoàn thiện đánh giá rủi ro của pháp nhân, không rõ các biện pháp này có căn cứ theo mức độ rủi ro RT/TTKB hay không[35]. Các biện pháp chính để tăng cường tính minh bạch của pháp nhân là thu thập, xác minh và công khai thông tin cơ bản có trong Cổng thông tin đăng ký kinh doanh, tính minh bạch của

[33] Vào thời điểm lập báo cáo đánh giá, các quốc gia này bao gồm Sri Lanka, Cambodia, Yemen, North Korea, Panama, Ghana, Bahamas, Ethiopia.
[34] Việt Nam đã bổ sung năm quốc gia được xác định có hoạt động khủng bố hàng đầu trên cơ sở Chỉ số Khủng bố Toàn cầu 2017 (2017 Global Terrorism Index) đó là Iraq, Afghanistan, Nigeria, Syria và Pakistan.
[35] Đánh giá rủi ro RT/TTKB của các pháp nhân bao gồm kế hoạch hành động về các biện pháp được thực hiện vào năm 2020 để giảm thiểu rủi ro được xác định. Tuy nhiên, các biện pháp này chưa được thực hiện tại thời điểm chuyến làm việc tại chỗ và do đó không thể đánh giá được.

thông tin cổ đông và thu thập thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của đối tượng báo cáo theo Luật PCRT 2012 và Nghị định số 116/2013.

429. Việt Nam đã thông qua áp dụng Luật Doanh nghiệp mới năm 2014 nhằm tăng cường tính minh bạch của pháp nhân và thành lập Cổng thông tin đăng ký kinh doanh trực tuyến mới để cho phép các cơ quan có thẩm quyền và công chúng truy cập kịp thời hơn vào thông tin chính xác. Việc tiêu chuẩn hóa quá trình thành lập công ty và tập trung hóa thông tin cơ bản ở định dạng điện tử là một sự phát triển tích cực. Yêu cầu pháp lý bắt buộc rằng thông tin phải được cập nhật và chính quyền có quyền truy cập ngay vào thông tin này. Tuy nhiên, như được nêu dưới đây, điều này không bao gồm thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.

430. Các yêu cầu pháp lý để xác định cổ đông cũng làm tăng tính minh bạch của pháp nhân thương mại. Cổ phiếu không ghi tên và giấy chứng nhận cổ phần vô danh không thể được phát hành tại Việt Nam vì Luật Doanh nghiệp 2014 yêu cầu các công ty cổ phần phải duy trì sổ đăng ký cổ đông, bao gồm tên và chi tiết cá nhân/doanh nghiệp của mỗi cổ đông. Sổ đăng ký này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn đa thành viên, có những yêu cầu tương tự đối là tất cả các thành viên của công ty phải được ghi lại trong sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở. Tuy nhiên, trong khi các cổ đông và thành viên phải được xác định trong sổ đăng ký, pháp luật Việt Nam không có yêu cầu về nghĩa vụ phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi cuối cùng.

431. Pháp luật Việt Nam không công nhận cổ đông ủy nhiệm và giám đốc ủy nhiệm. Bất kỳ người nào chính thức thay mặt cho cổ đông hoặc giám đốc đều sẽ phải thực hiện thông qua một người đại diện mà yêu cầu người được đại diện cấp giấy ủy quyền cho người được ủy quyền, mặc dù chủ thể bị điều chỉnh buộc phải có liên quan là không rõ ràng. Giấy ủy quyền cụ thể này sẽ xác định hai bên có liên quan trong các thủ tục đại diện [nhưng không rõ việc này có thể dễ dàng được xác định bởi cơ quan có thẩm quyền khi xác định chủ sở hữu hưởng lợi hay không].

432. Các công ty tại Việt Nam không có nghĩa vụ phải thu thập và lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Luật PCRT 2012 quy định nghĩa vụ pháp lý đối với sàn giao dịch chứng khoán là phải thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi đối với với các công ty niêm yết và cơ quan đăng ký kinh doanh là phải thu thập thông tin chủ sở hữu hưởng lợi đối với các công ty chưa được niêm yết. Tuy nhiên, không có bằng chứng nào được đưa ra cho thấy các cơ quan có thẩm quyền đang thu thập thông tin này trong thực tế và không có hướng dẫn nào được đưa ra bởi các cơ quan này về chủ sở hữu hưởng lợi hoặc việc thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.

433. Theo luật, các đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi của cả pháp nhân, các thỏa thuận pháp lý và cơ quan có thẩm quyền có thể có quyền truy cập các thông tin này. Tuy nhiên, như được mô tả dưới đây và tại Kết quả trực tiếp số 4, chất lượng và tính toàn diện của thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi được thu thập bởi các đối tượng báo cáo trong thực tế thay đổi tùy theo mức độ quan hệ đại lý/quy mô hay hiện diện quốc tế của các tổ chức này.

434. Kết quả đánh giá rủi ro của pháp nhân chưa được chia sẻ với khu vực tư nhân. Tại thời điểm đánh giá tại chỗ, khu vực tư nhân thể hiện sự hiểu biết hạn chế về rủi ro của pháp nhân bị lạm dụng cho mục đích RT/TTKB.

Thỏa thuận pháp lý

435. Tín thác nhanh và các thỏa thuận pháp lý tương tự không thể được thành lập theo luật pháp Việt Nam. Tuy nhiên, pháp luật không cấm thành lập các quỹ quỷ thác nhanh theo luật pháp của một quốc gia khác rồi sau đó các bên được ủy thác của tín thác đó vào hoạt động tại Việt Nam (kể cả thiết lập quan hệ với tổ chức tài chính và DNFBPs). Việt Nam chưa đánh

giá rủi ro RT/TTKB liên quan đến tín thác nước ngoài và các cơ quan có thẩm quyền cũng như khu vực tư nhân cho thấy không có hiểu biết về cách thức mà tín thác nước ngoài có thể bị lạm dụng cho mục đích RT/TTKB.

436. Bên cạnh các nghĩa vụ CDD áp dụng đối với đối tượng báo cáo và nghĩa vụ thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi hạn chế áp dụng đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ tín thác và công ty (được mô tả bên dưới), không có biện pháp giảm thiểu nào để ngăn chặn việc lạm dụng tín thác nước ngoài.

437. Mặc dù trong thời gian đánh giá tại chỗ đã đưa vào áp dụng nghĩa vụ pháp lý đối với các đối tượng báo cáo để yêu cầu thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi từ khách hàng liên quan đến các thỏa thuận pháp lý, nhưng bên ủy thác lại không có nghĩa vụ pháp lý phải tiết lộ trạng thái của họ cho các tổ chức tài chính và các DNFBP khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện giao dịch.

438. Cũng không có yêu cầu nào đối với những bên được ủy thác chuyên nghiệp phải duy trì thông tin họ nắm giữ trong ít nhất năm năm sau khi họ kết thúc hợp đồng ủy thác (trừ trường hợp người ủy thác chuyên nghiệp cũng là đối tượng báo cáo) (xem thêm tại Khuyến nghị số 25).

Truy cập kịp thời vào các thông tin cơ bản và quan hệ sở hữu hưởng lợi một cách đầy đủ và chính xác về pháp nhân.

Thông tin cơ bản

439. Thông tin cơ bản về pháp nhân thương mại được công khai và dễ dàng truy cập thông qua Cổng thông tin đăng ký kinh doanh trực tuyến. Thông tin cơ bản đầy đủ và chính xác do quá trình xác minh khi đăng ký và thông tin được cập nhật theo các yêu cầu pháp lý.

Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi

440. Trong thời gian đánh giá tại chỗ đã cho thấy có sự hiểu biết không đồng đều về khái niệm chủ sở hữu hưởng lợi của các cơ quan chức năng. Nhiều cơ quan cho rằng trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh có chứa thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi vì chủ sở hữu, người sáng lập và cổ đông của pháp nhân thương mại bắt buộc phải được xác định và danh tính của họ phải được xác minh. Trường hợp chủ sở hữu là một công ty trách nhiệm hữu hạn khác, (các) chủ sở hữu của công ty đó đã được xác định và xác minh. Trường hợp chủ sở hữu là một công ty cổ phần, chủ tịch hội đồng quản trị được xác định và xác minh. Mặc dù việc này là có liên quan trong trường hợp (các) chủ sở hữu của công ty hoặc chủ sở hữu hợp pháp thay mặt họ thực hiện, nhưng nó không giải quyết các trường hợp mà (các) chủ sở hữu của công ty hoặc chủ sở hữu hợp pháp của cổ phiếu đang sở hữu thay cho một pháp nhân hoặc thể nhân khác.

441. Như được nêu trong Khuyến nghị số 24, các cơ quan đăng ký kinh doanh và giao dịch chứng khoán có nghĩa vụ phải thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi cho các công ty niêm yết và các công ty chưa niêm yết, tương ứng. Tuy nhiên, không có cơ chế nào được quy định trong luật hoặc cơ chế để các công ty khác cung cấp thông tin này cho các cơ quan có thẩm quyền và không có bằng chứng nào được đưa ra cho thấy các cơ quan này thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi trong thực tế.

442. Nguồn thông tin chính về chủ sở hưởng lợi của pháp nhân tại Việt Nam là thông tin được thu thập và nắm giữ bởi các tổ chức tài chính và các DNFBP theo nghĩa vụ CDD của họ. Tuy nhiên, có những thiếu sót trong các yêu cầu về mặt pháp lý liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi (xem phân tích tại Khuyến nghị số 10 và Khuyến nghị số 22) và không rõ rằng tất cả các pháp nhân tại Việt Nam đều có nghĩa vụ bắt buộc phải có mối quan hệ với tổ chức tài chính hoặc DNFBP.

443. Ngoài ra, trong thời gian đánh giá tại chỗ, các đối tượng báo cáo cho thấy có sự khác nhau trong cách hiểu về nghĩa vụ xác định chủ sở hữu hưởng lợi của họ. Trong khi các ngân hàng quốc tế lớn thể hiện sự hiểu biết đúng đắn về các yêu cầu của chủ sở hữu hưởng lợi, thì các ngân hàng nhỏ, các tổ chức tài chính phi ngân hàng và DNFBP đã cho thấy hiểu biết hạn chế về luật doanh nghiệp và kiến thức hạn chế về quy trình và thủ tục (ví dụ: tài liệu và nguồn) có thể được sử dụng để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân, đặc biệt liên quan đến các cấu trúc pháp lý đa quốc gia và phức tạp. Các đối tượng báo cáo có quan hệ quốc tế thừa nhận rằng rất khó có được và xác minh thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân khi có sự tham gia của các tổ chức nước ngoài.

444. Nhận thức khác nhau giữa các tổ chức tài chính và DNFBP phản ánh việc hướng dẫn chưa đầy đủ từ các cơ quan thanh tra giám sát về cách tiến hành CDD đúng và thiếu sự giám sát và cưỡng chế thực thi tuân thủ các yêu cầu CDD (Kết quả trực tiếp số 3). Không có hướng dẫn về những điều kiện gì tạo nên chủ sở hữu hưởng lợi, loại tài liệu và nguồn nào có thể được sử dụng để xác định (các) thể nhân thực sự kiểm soát pháp nhân đó. Trong khi một số đối tượng báo cáo nhận thức được nghĩa vụ pháp lý trong việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân, thì đa số không thể xác định được những tài liệu và cơ chế nào sẽ sử dụng để đạt được điều này ngoài việc tham khảo Cổng thông tin đăng ký kinh doanh để biết thông tin cơ bản. Các cơ quan có thẩm quyền đã không thúc đẩy sự hiểu biết về nguy cơ lạm dụng pháp nhân đối với các đối tượng báo cáo để hỗ trợ các nỗ lực CDD của họ.

445. Các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là các cơ quan thực thi pháp luật có thẩm quyền pháp lý theo Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 yêu cầu các đối tượng báo cáo cung cấp thông tin về các tài khoản do pháp nhân nắm giữ và các đối tượng báo cáo đó có nghĩa vụ phải tuân thủ. Đây là cơ chế được sử dụng tại Việt Nam như một phần của quá trình thu thập chứng cứ trong điều tra tội phạm để xác định xem các tài khoản được giữ hoặc kiểm soát bởi thể nhân hoặc pháp nhân. Trước khi một cuộc điều tra hình sự bắt đầu cho mục đích điều tra tài chính, Nghị định số 117/2018 quy định rằng các cơ quan quản lý có thể yêu cầu tổ chức tài chính cung cấp thông tin khách hàng.

446. Các cơ quan thực thi pháp luật cho biết họ có thể thường xuyên truy cập thông tin trong vòng 1-2 ngày và thời gian tối đa để trả lời thường là 5 ngày. Nói chung, sẽ mất nhiều thời gian hơn nếu đối tượng ở một tỉnh khác. Tuy nhiên, do thiếu sót trong thu thập thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của các đối tượng báo cáo, không rõ rằng các cơ quan có thẩm quyền có thể truy cập thông tin đầy đủ, chính xác và hiện tại một cách kịp thời không.

447. Cục PCRT nắm giữ một số thông tin hạn chế về chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân, dựa trên phân tích STR nhận được. Cục PCRT lưu thông tin này dưới dạng bảng và có thể chia sẻ với các cơ quan thực thi pháp luật và cơ quan có thẩm quyền khác khi có yêu cầu bằng văn bản. Tuy nhiên, không có bằng chứng cho thấy các cơ quan có thẩm quyền trong nước đã sử dụng quyền hạn của mình để trao đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.

Truy cập kịp thời các thông tin cơ bản và chủ sở hữu hưởng lợi một cách đầy đủ và chính xác về các thoả thuận pháp lý

448. Như đã nêu ở trên, không một thỏa thuận pháp lý trong nước nào có thể được thiết lập theo khung pháp lý Việt Nam. Việt Nam nhận ra rằng các quỹ tín thác nước ngoài có thể hoạt động tại Việt Nam nhưng chỉ tham gia hạn chế vào thị trường tài chính và chứng khoán.

449. Luật phòng, chống rửa tiền năm 2012 bắt buộc các cá nhân và tổ chức cung cấp dịch vụ ủy thác phải có, lưu và cập nhật thông tin về thỏa thuận ủy thác và người thụ hưởng ủy thác (xem thêm Khuyến nghị số 25). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục PCRT) và các cơ quan có thẩm quyền khác có thể yêu cầu các cá nhân và tổ chức cung cấp thông tin này. Tuy nhiên, các cá nhân và tổ chức cung cấp dịch vụ uỷ thác không có nghĩa vụ phải thu thập

thông tin về bất kỳ thể nhân nào khác, người mà có thể kiểm soát thực sự quỹ ủy thác đó. Hơn nữa, không có bằng chứng nào cho thấy rằng các nhà cung cấp dịch vụ ủy thác nhận thức hoặc tuân thủ theo nghĩa vụ này.

450. Nguồn tin duy nhất khác về các thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi liên quan đến một quỹ tín thác nước ngoài tại Việt Nam là thông tin do đối tượng báo cáo nắm giữ theo nghĩa vụ CDD của họ (xem Khuyến nghị số 25 để biết thêm chi tiết). Cơ quan có thẩm quyền có thể sử dụng quyền hạn của họ để truy cập thông tin này. Tuy nhiên, trong khi nghĩa vụ mang tính pháp lý này mới được đưa ra trong đợt đánh giá tại chỗ đối với các đối tượng báo cáo để yêu cầu thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi từ khách hàng liên quan đến các thỏa thuận pháp lý, không có nghĩa vụ pháp lý nào đối với người ủy thác phải tiết lộ tình trạng của họ. Hơn nữa, như với pháp nhân, có những thiếu sót trong nghĩa vụ CDD (xem Khuyến nghị số 10 và 22), thiếu hướng dẫn về cách xác định chủ sở hữu hưởng lợi, và sự thiếu hiểu biết cũng như sai sót của phần lớn các DNFBP, một số tổ chức tài chính phi ngân hàng và các ngân hàng nhỏ hơn trong việc tuân thủ nghĩa vụ CDD của họ (xem Chương 5 để biết thêm chi tiết). Các yếu tố này cản trở khả năng của các cơ quan có thẩm quyền truy cập đầy đủ thông tin cơ bản, chính xác và cập nhật và các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của các thỏa thuận pháp lý từ các đối tượng báo cáo này.

451. Trong thời gian đánh giá tại chỗ, các bằng chứng về việc các đối tượng báo cáo đang thu thập thông tin đầy đủ và chính xác về chủ sở hữu hưởng lợi của các quỹ tín thác nước ngoài là rất hạn chế. Một công ty chứng khoán, với công ty mẹ được thành lập tại một quốc gia áp dụng công luật, đã cung cấp một số bằng chứng về việc thu thập thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của các thỏa thuận pháp lý nước ngoài nhưng điều này là do chính sách của công ty mẹ và không dựa trên các yêu cầu của Việt Nam.

452. Không có bằng chứng nào cho thấy các cơ quan Việt Nam đã từng yêu cầu bất kỳ thông tin nào từ các đối tượng báo cáo hoặc các đối tác nước ngoài liên quan đến các ủy thác nước ngoài và do đó, không có bằng chứng nào cho thấy các cơ quan Việt Nam có thể tiếp cận các thông tin này một cách đầy đủ và chính xác.

Mức độ hiệu quả, tính tương xứng và có tính răn đe của các hình thức xử phạt

453. Việc đánh giá rủi ro đối với pháp nhân xác định rằng trong giai đoạn 2014-2018 có 1.330 công ty đã bị phạt tiền do vi phạm các quy định hành chính trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh. Thống kê cũng cho thấy các công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn đa thành viên là hai loại hình doanh nghiệp có tỷ lệ vi phạm cao nhất, lần lượt là 48% và 46,6%.

454. Trong cùng thời kỳ, có tổng cộng 27.175 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã bị thu hồi do khai báo sai trong tài liệu đăng ký kinh doanh hoặc không báo cáo.

455. Các loại hình phạt được áp dụng cho thấy các biện pháp xử phạt được áp dụng là tương xứng với các chế tài hành chính khác theo quy định pháp luật Việt Nam, nhưng chưa đủ sức răn đe.

456. Tuy nhiên, các hình thức xử phạt chỉ được áp dụng liên quan đến vi phạm đăng ký kinh doanh của pháp nhân thương mại. Trong khi không chứng minh được một yêu cầu nào từ các cơ quan có thẩm quyền đối với thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi được thu thập trong quá trình CDD, cũng không có bằng chứng về các biện pháp xử phạt áp dụng cho việc không tuân thủ các yêu cầu cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 5

457. Các cơ quan tại Việt Nam đã thể hiện một số hiểu biết về rủi ro RT/TTKB liên quan đến pháp nhân thương mại. Tuy nhiên, có những thiếu sót trong đánh giá rủi ro gần đây về pháp

nhân và kết quả của việc đánh giá vẫn chưa được phổ biến rộng rãi. Có một số biện pháp nhằm tăng tính minh bạch của pháp nhân, và các thông tin cơ bản về pháp nhân thương mại được công khai. Nguồn thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi chính là thông tin do các đối tượng báo cáo thu thập theo yêu cầu của CDD và việc tuân thủ có sự khác biệt giữa các đối tượng báo cáo. Các bằng chứng về việc thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi liên quan đến các thỏa thuận pháp lý nước ngoài đang được thu thập là rất hạn chế. Mặc dù các cơ quan Việt Nam đã áp dụng hình thức xử phạt đối với pháp nhân thương mại vì không tuân thủ các yêu cầu đăng ký kinh doanh, nhưng các hình thức xử phạt này chưa được coi là mang tính răn đe.

458. Việt Nam đạt mức hiệu quả thấp đối với Kết quả trực tiếp số 5.

CHƯƠNG 8. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Các Phát hiện chính và các Hành động khuyến nghị

Các Phát hiện chính

a) Việt Nam đã chứng tỏ hiệu quả trong việc thực hiện hợp tác quốc tế chính thức, đáp ứng các yêu cầu, cung cấp MLA và dẫn độ cho các quốc gia và khu vực pháp lý trong một khoảng thời gian hợp lý, bao gồm tội RT và các tội phạm nguồn.

b) Việt Nam đã tìm kiếm MLA và dẫn độ, bao gồm liên quan đến các tội phạm nguồn, tuy nhiên, mới chỉ có những yêu cầu hạn chế liên quan đến RT, việc này chứng tỏ Việt Nam thiếu điều tra chủ động về RT. Điều này không phù hợp với mức độ rủi ro của RT tại Việt Nam.

c) Mặc dù Việt Nam tích cực theo đuổi MLA và các hình thức yêu cầu chính thức khác bao gồm dẫn độ, nhưng chất lượng yêu cầu và phản hồi chưa tương xứng. Phần lớn các yêu cầu gửi đến đều được xử lý và hoàn thành trong khoảng thời gian hợp lý. Tỷ lệ các yêu cầu gửi đi không được trả lời khá cao do đó Việt Nam tiếp tục theo đuổi các vụ việc mà không có phản hồi. Yêu cầu gửi đi liên quan tới RT ít được hoàn thành, và không được hoàn thành từ năm 2016, trong đó có một số yêu cầu đã bị từ chối.

d) Không có yêu cầu dẫn độ và yêu cầu MLA liên quan đến TTKB còn hạn chế. Điều này phù hợp với rủi ro TTKB thấp.

e) Trong khi Cục PCRT và các cơ quan thực thi pháp luật đáp ứng các yêu cầu hợp tác quốc tế, con đường trao đổi thông tin của Cục PCRT với các FIU nước ngoài một cách nhanh chóng và an toàn vẫn hạn chế. Phần lớn các yêu cầu gửi đi của Cục PCRT, liên quan đến cờ bạc có tổ chức, thay vì tội RT hoặc các tội phạm nguồn có rủi ro cao hơn. Các cơ quan thực thi pháp luật hợp tác thường xuyên với các đối tác nước ngoài liên quan đến tội phạm nguồn, tuy nhiên, hoạt động hợp tác quốc tế về RT còn hạn chế. Các điều tra viên và công tố viên thiếu tập trung trong việc hỗ trợ điều tra tài chính đối với các tội phạm có rủi ro cao với sự hỗ trợ từ hợp tác quốc tế chính thức và không chính thức.

f) Các cơ quan thanh tra giám sát của Việt Nam tìm kiếm và cung cấp hợp tác liên quan đến giám sát an toàn nhưng không chủ động tìm kiếm sự hợp tác liên quan đến chống RT/TTKB. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện hợp tác về RT/TTKB một cách hạn chế, nhưng không có bằng chứng về việc các cơ quan thanh tra giám sát khác có thực hiện hợp tác liên quan đến chống RT/TTKB.

g) Thông tin cơ bản được cung cấp công khai trên Cổng thông tin đăng ký kinh doanh trực tuyến của Việt Nam, có thể truy cập bởi các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Cục PCRT đã trao đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi liên quan đến pháp nhân thương mại với các đối tác nước ngoài. Mặc dù không có thông tin nào được trao đổi liên quan đến thỏa thuận pháp lý.

Các Hành động khuyến nghị

a) Việt Nam cần ưu tiên hợp tác quốc tế ở cấp quốc gia và lĩnh vực theo các nội dung ưu tiên. Cần hỗ trợ tăng cường nguồn lực cho cơ quan thẩm quyền cấp trung ương và các cơ quan quản lý hành chính nhà nước khác để quản lý khối lượng yêu cầu đi và đến, xây dựng và ký kết thêm các MOU quốc tế. Mọi cán bộ đều cần được đào tạo và nâng cao năng lực trong việc lập yêu cầu và xử lý các yêu cầu trong hợp tác quốc tế.

b) Việt Nam cần chủ động và tăng cường tìm kiếm sự hợp tác quốc tế cả chính thức và không chính thức liên quan đến RT phù hợp với hồ sơ rủi ro của mình bao gồm MLA để hỗ trợ ngăn chặn và tịch thu tài sản cũng như truy tố tội RT.

c) Cục PCRT cần tăng cường các cơ chế hợp tác quốc tế hiệu quả, bao gồm ưu tiên sử dụng nguồn thông tin nước ngoài trong công tác phân tích bằng cách tiếp tục tiến trình gia nhập và trở thành thành viên của nhóm Egmont và ký kết các MOU với nhiều đơn vị tình báo tài chính nước ngoài (FIU) nhất có thể để đảm bảo rằng Cục PCRT có thể cung cấp và nhận được hợp tác kịp thời từ các đối tác nước ngoài nhằm tránh rủi ro.

d) Các cơ quan thanh tra giám sát tài chính nên chủ động hợp tác với các đối tác nước ngoài về RT/TTKB, bao gồm cả việc trao đổi thông tin để kiểm tra mức độ phù hợp và đúng đắn, các yếu tố rủi ro và lập kế hoạch giám sát để khi thích hợp thì tiến hành giám sát chung và chia sẻ các báo cáo thanh tra. Để làm được việc này có thể phải sửa đổi các MOU đã ký.

e) Các cơ quan có thẩm quyền gồm Cục PCRT, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công an nên đồng thời cung cấp thông tin, thông tin tình báo về hoạt động RT, tội phạm nguồn và TTKB có thể xảy ra cho các đối tác nước ngoài.

f) Việt Nam cần đảm bảo khi có yêu cầu MLA/dẫn độ, phải tuân thủ các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài và phải cung cấp thêm thông tin khi được yêu cầu thay vì từ chối yêu cầu.[36]

g) Việt Nam cần tăng cường các cơ hội hợp tác không chính thức và các kết nối khu vực để tang cường cơ hội hợp tác thành công thông qua việc tham gia các tổ chức như ARIN-AP.

h) Việt Nam cần liên tục đào tạo cho các điều tra viên và công tố viên về các kênh hợp tác chính thức và không chính thức để tăng cường khả năng thực hiện của họ.

459. Kết quả trực tiếp có liên quan được xem xét và đánh giá trong chương này là Kết quả trực tiếp số 2. Các khuyến nghị liên quan để đánh giá hiệu quả trong phần này là các Khuyến nghị số 36-40 và các nội dung của các Khuyến nghị số 9, 15, 24, 25 và 32.

Kết quả trực tiếp số 2 (Hợp tác Quốc tế)

Cung cấp MLA một cách kịp thời, mang tính xây dựng và công tác dẫn độ

460. Việt Nam có cơ sở pháp lý tương đối hợp lý để cung cấp nhiều loại tương trợ tư pháp và dẫn độ, bao gồm cả liên quan đến RT, các tội phạm nguồn liên quan và TTKB, dựa trên Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Luật Tương trợ Tư pháp 2007, các điều ước quốc tế song và đa phương, công ước quốc tế, cũng như việc áp dụng nguyên tắc tương trợ tư pháp. Tuy nhiên, có một số lỗ hổng trong khung pháp lý liên quan đến phong tỏa và tịch thu, như được mô tả trong Khuyến nghị số 38, đặc biệt Việt Nam không có quy định cụ thể về phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tài sản theo yêu cầu MLA.

461. Trong trường hợp MLA, Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan chịu trách nhiệm chính. Vụ Hợp tác Quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự có bảy nhân viên chịu trách nhiệm thực hiện, tiếp nhận và xử lý các yêu cầu tương trợ tư pháp . Trong trường hợp dẫn độ, Bộ Công an là cơ quan chịu trách nhiệm chính. Cục Pháp chế và cải cách hành chính tư pháp (Phòng pháp luật và điều ước quốc tế), có 11 cán bộ, xử lý các vấn đề dẫn độ, ngoài ra còn thực hiện các nhiệm vụ khác của Cục. Để đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả, Việt Nam cần nâng cao trình độ cán bộ bằng cách tăng cường đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ về hợp tác quốc tế để xử lý các vấn đề về tương trợ tư pháp và dẫn độ.

462. Ngoài Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Công an, Bộ Ngoại giao cũng đảm nhận vai trò nhận các yêu cầu qua các kênh ngoại giao và phối hợp giữa cơ quan trung ương được chỉ định và đối tác nước ngoài trong một số trường hợp.

[36] Sau đợt đánh giá tại chỗ, Việt Nam trở thành thành viên của ARIN-AP vào tháng 12/2020.

463. Các quy trình và khung thời gian để xử lý tương trợ tư pháp (MLA) và yêu cầu dẫn độ được quy định rõ ràng trong Luật Tương trợ Tư pháp 2007, từ 4-5 tháng đối với MLA và 8 tháng đối với dẫn độ (trừ các trường hợp khẩn cấp có thể xử lý nhanh hơn) được coi là hợp lý.

464. Không có vấn đề nào được nêu ra liên quan đến điều phối trong nước và hợp tác quốc tế. Việt Nam thừa nhận rằng số lượng yêu cầu đến và đi đã tăng lên trong ba năm qua, họ cho rằng có thể chưa có đủ nguồn lực để quản lý các yêu cầu MLA, để ký MOU với các đối tác quốc tế và để cung cấp hướng dẫn nhiều hơn cho một loạt các đối tác trong nước, mặc dù không có bằng chứng cho việc này.

465. Các cơ quan nước ngoài có thể gặp thách thức trong tiếp cận thông tin khi gửi yêu cầu MLA tới cơ quan thẩm quyền trung ương của Việt Nam mặc dù không có tài liệu cụ thể nào về những trường hợp này. Các thông tin về cơ quan thẩm quyền và các yêu cầu MLA được truy cập trực tuyến, sẵn có bằng tiếng Anh và nội dung hạn chế.

Tương trợ tư pháp (MLA)

466. Nói chung, Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu về MLA và cung cấp hỗ trợ đầy đủ, kịp thời. Mặc dù có một quốc gia cho biết rằng có thể gặp khó khăn khi yêu cầu thông tin theo dõi tiếp theo từ Việt Nam và không phải lúc nào cũng kịp thời. Việt Nam đã cung cấp hỗ trợ cho một loạt các quốc gia, liên quan đến RT và các tội phạm nguồn. Việt Nam báo cáo đã không từ chối bất kỳ một yêu cầu MLA nào trong 5 năm qua do vậy không có lý do từ chối mà đoàn đánh giá có thể phân tích (Bảng 2.1). Hơn nữa, không có thách thức cụ thể nào được đưa ra có liên quan tới bất kỳ một loại hình hỗ trợ nào.

467. Việt Nam cung cấp MLA dựa trên Luật tương trợ tư pháp năm 2007, các hiệp ước đã ký và dựa trên nguyên tắc tương hỗ khi không có hiệp ước. Tội phạm kép là một yêu cầu đối với MLA. Tuy nhiên, trên thực tế, Việt Nam áp dụng cách tiếp cận linh hoạt đối với yêu cầu này và xem xét hành vi cơ bản của yêu cầu hơn là tên, từ ngữ hoặc phạm trù phạm tội. Việt Nam chưa bao giờ từ chối yêu cầu MLA với lý do thiếu tội phạm kép.

468. Đối với các nước láng giềng, Trung Quốc và Lào, Việt Nam đã thiết lập một cơ chế tương trợ tư pháp trực tiếp để đẩy nhanh quá trình MLA, cho phép liên hệ trực tiếp giữa các cơ quan công tố địa phương của các tỉnh giáp ranh, nhưng phải báo cáo trước cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Điều này cho phép các yêu cầu được thực hiện hiệu quả hơn. Mặc dù điều này dựa vào khoảng cách và không hoàn toàn dựa trên rủi ro, nhưng khoảng cách gần gũi với các khu vực có nguy cơ buôn bán ma túy cao cho thấy các cơ chế này nên được hỗ trợ giảm thiểu rủi ro.

469. Trong sáu năm từ 2014-2019, Việt Nam đã nhận được 151 yêu cầu MLA. Trong số các yêu cầu này, 24 yêu cầu liên quan đến RT và 127 liên quan đến tội phạm nguồn, [đáng chú ý liên quan đến chiếm đoạt tài sản thông qua lừa đảo, ma túy (27 yêu cầu), và sản xuất và kinh doanh hàng giả (23 yêu cầu)] (xem Bảng 8.1 phía dưới). Việt Nam chưa nhận được yêu cầu nào liên quan đến TTKB.

470. Kể từ năm 2014, chỉ có một trường hợp (chưa hoàn thành) Việt Nam tịch thu tài sản để đáp ứng yêu cầu MLA từ Tây Ban Nha và không có trường hợp nào trả lại tài sản bị tịch thu cho nước ngoài. Trong khi Hiệp ước MLA ASEAN và các hiệp ước song phương hiện nay có một số điều khoản hạn chế liên quan đến việc thu hồi tài sản bị tịch thu cho nước ngoài (Indonesia và Pháp), nhưng Việt Nam chưa có cơ chế nào cho việc này. Ngoài ra, Việt Nam bị hạn chế đối với việc phong tỏa hoặc tịch thu tài sản khi chưa có bản án.

Tình huống nghiên cứu 11: Vụ "Volante"

Ngày 20/3/2014, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận được một yêu cầu hỗ trợ từ Úc liên quan đến hoạt động điều tra buôn bán ma túy và RT. Yêu cầu bao gồm lấy lời khai

của nghi phạm và nhân chứng, thu thập tài liệu và hồ sơ và cho phép cơ quan thực thi pháp luật Úc đến Việt Nam để phối hợp thực hiện hỗ trợ này.

Ngày 31/3/2014, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã chuyển yêu cầu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra của Bộ Công an và Bộ Công an đã hoàn thành tất cả yêu cầu trên. Ngày 21/8/2014, Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhận được phản hồi từ Bộ Công an và sau đó gửi chúng đến Úc ngày 26/8/2014, gồm 42 trang tài liệu. Tuy nhiên, không có phản hồi nào nhận được từ Úc về kết quả của vụ án này, hai bên vẫn làm việc cùng nhau về vụ việc trên vào tháng 5/2020.

471. Quá trình thực hiện một yêu cầu đến thường mất khoảng 4-5 tháng, và được coi là hợp lý. Việt Nam đã ban hành hướng dẫn (tháng 10/2019) về việc ưu tiên và thực hiện các yêu cầu MLA ngay trước khi đợt đánh giá tại chỗ. Phương pháp tiếp cận ưu tiên dựa trên rủi ro, nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện kịp thời, phù hợp với hồ sơ rủi ro. Theo hướng dẫn, Việt Nam ưu tiên cho các trường hợp liên quan đến RT, TTKB và các tội phạm nguồn có nguy cơ cao bao gồm tham nhũng, buôn bán ma túy, buôn bán người và buôn bán động vật hoang dã. Ưu tiên cũng được dành cho các quốc gia có rủi ro địa lý cao hơn, bao gồm Trung Quốc, Lào, Campuchia, Singapore, Úc, Mỹ, Anh và Nga. Vì hướng dẫn này chỉ mới được ban hành, nên không có đủ thời gian để chứng minh cho việc thực hiện vào cuối đợt đánh giá tại chỗ.

472. Tuy nhiên, trước khi ban hành hướng dẫn ưu tiên, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã thể hiện khả năng xử lý các yêu cầu một cách nhanh chóng nếu khẩn cấp. Vào tháng 6/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã nhận được yêu cầu khẩn cấp từ Úc và yêu cầu này đã được hoàn thành vào tháng 9/2019, điều này đã thể hiện rõ khả năng xử lý trong các trường hợp khẩn cấp. Việc quản lý trường hợp đã được thực hiện thông qua cả văn bản giấy và điện tử. Theo Bảng 8.1, một số yêu cầu vẫn còn tồn đọng cho thấy không phải tất cả các yêu cầu đều được xử lý trong 4-5 tháng.

473. Việt Nam không tìm kiếm và nhận được phản hồi hạn chế từ các nước khác về thời gian xử lý và chất lượng của thông tin và/hoặc hỗ trợ được cung cấp.

Bảng 8.1: Các yêu cầu MLA đến và đi trong giai đoạn 2014-2019

Yêu cầu	Yêu cầu gửi đến						Yêu cầu gửi đi					
	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng	**22**	**18**	**29**	**25**	**23**	**34**	**49**	**63**	**70**	**78**	**96**	**84**
Liên quan RT	***4***	0	***1***	***5***	***5***	**9**	***1***	***7***	***5***	***3***	***6***	***1***
Đã xử lý	4	0	1	5	3	7	1	5	3	0	0	0
Đang xử lý	0	0	0	0	2	2	0	1	1	0	6	1
Từ chối	0	0	0	0	0	0	0	1	1	3	0	0
Liên quan tội phạm nguồn	***18***	***18***	***28***	***20***	***18***	***25***	***48***	***56***	***65***	***75***	***90***	***80***
Đã xử lý	18	17	27	19	16	20	28	31	39	38	41	17
Đang xử lý	0	1	1	1	2	5	20	25	26	37	49	63
Từ chối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Liên quan TTKB	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	0	***3***
Đã xử lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Đang xử lý	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
Từ chối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Dẫn độ

474. Mặc dù đã bảo lưu đối với các quy định về dẫn độ trong các công ước quốc tế, Việt Nam cũng vẫn đáp ứng các yêu cầu dẫn độ. Nhìn chung, Việt Nam không từ chối yêu cầu dẫn độ. Trong giai đoạn 2014-2019, Việt Nam đã nhận được 25 yêu cầu dẫn độ về một loạt các hành

vi phạm tội. Trong số các yêu cầu, 14 yêu cầu đã được thực hiện thành công, hai yêu cầu đang được xử lý, một bị từ chối vì nghi phạm đã rời khỏi Việt Nam và tám yêu cầu bị coi là bị từ chối vì những người liên quan đã bị dẫn độ sang một quốc gia khác. Trong những yêu cầu đó, chỉ một yêu cầu liên quan đến RT và 23 liên quan đến tội phạm nguồn. Không có yêu cầu liên quan đến TTKB.

475. Việt Nam có 12 hiệp ước dẫn độ song phương và cũng có thể dẫn độ sang các quốc gia chưa ký hiệp ước trên cơ sở nguyên tắc tương hỗ, ví dụ, Việt Nam dẫn độ một người sang Lithuania vào tháng 8 năm 2016 mặc dù không có hiệp ước song phương hoặc đa phương với quốc gia này.

476. Nhìn chung, Việt Nam không từ chối yêu cầu dẫn độ trừ những trường hợp đã nêu ở trên. Trong đó, Việt Nam không dẫn độ công dân của chính mình, đối với những trường hợp như vậy, Việt Nam buộc phải nộp đơn lên tòa án có thẩm quyền để truy tố trong nước. Có thêm một trường hợp như sau, một quốc gia đã gửi yêu cầu dẫn độ bảy công dân Việt Nam bằng công hàm ngoại giao. Tuy nhiên, yêu cầu này không chứa đầy đủ thông tin hoặc căn cứ để dẫn độ và do đó Việt Nam không coi đó là yêu cầu dẫn độ chính thức và không được đưa vào thống kê của Việt Nam. Trong trường hợp trên, Việt Nam đã trả lời bằng công hàm ngoại giao để thông báo với quốc gia đó rằng Việt Nam có nghĩa vụ từ chối yêu cầu vì nó liên quan đến công dân Việt Nam và quốc gia đó nên xem xét chuyển hồ sơ sang Việt Nam để truy tố hình sự. Ngoài ra, Việt Nam cho biết, nếu quốc gia đó quyết định tiếp tục muốn dẫn độ, cần phải bổ sung yêu cầu với đầy đủ các thông tin và tài liệu. Việt Nam chưa bao giờ nhận được một yêu cầu dẫn độ chính thức từ quốc gia đó.

477. Trung bình sẽ mất tám tháng để xử lý các yêu cầu gửi đến nhưng đã có một yêu cầu mất 23 tháng để thực hiện. Tuy nhiên, điều này là do thực tế đối tượng đã chấp hành án tù vì các tội khác ở Việt Nam.

478. Vào tháng 10/2019, Việt Nam đã ban hành hướng dẫn về việc ưu tiên và thực hiện các yêu cầu dẫn độ. Việc ưu tiên dành cho các trường hợp liên quan đến RT, TTKB và tội phạm nguồn rủi ro cao bao gồm ma túy, buôn người, tham nhũng, chiếm đoạt tài sản và lừa đảo. Ưu tiên cũng được dành cho các quốc gia có rủi ro địa lý cao hơn hoặc nơi có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài lớn, bao gồm Trung Quốc, Lào, Campuchia, Nga, Úc, Mỹ, Anh và Cộng hòa Séc. Mặc dù không có đủ thời gian để chứng minh việc thực hiện các quy trình này, Bộ Công an đã cung cấp bằng chứng về việc tiến hành các quy trình dẫn độ trong trường hợp khẩn cấp. Chẳng hạn như Bộ Công an đã thực hiện một yêu cầu dẫn độ khẩn cấp từ Nga trong 2 tháng và 17 ngày sau khi nhận được yêu cầu (ngày 3 tháng 7 năm 2019 – ngày 20 tháng 9 năm 2019).

Bảng 8.2: Các yêu cầu dẫn độ gửi đi và nhận được giai đoạn 2014-2019

	Yêu cầu gửi đến						**Yêu cầu gửi đi**					
	2014	**2015**	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2014**	**2015**	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**
Tổng	**1**	**4**	**17**	**1**	**1**	**1**	**5**	**5**	**4**	**9**	**5**	**1**
Liên quan RT	**-**	**-**	**-**	***1***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Đã xử lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đang xử lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Từ chối	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-
Liên quan tội phạm nguồn	***1***	***4***	***17***	**-**	***1***	***1***	***5***	***5***	***4***	***9***	***5***	***1***
Đã xử lý	1	3	8	-	1	1	1	1	-	1	-	-
Đang xử lý	-	1	1	-	-	-	2	3	4	8	5	1
Từ chối	-	-	8	-	-	-	3	1	-	-	-	-
Liên quan TTKB	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Đã xử lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Đang xử lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Từ chối	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Tìm kiếm tương trợ tư pháp kịp thời để theo dõi các vụ việc liên quan đến các vụ việc rửa tiền trong nước, tội phạm nguồn liên quan và TTKB có các yếu tố xuyên quốc gia

479. Việt Nam cũng tích cực tìm kiếm MLA và kể từ năm 2014 đã xử lý nhiều hơn gấp đôi số yêu cầu đã nhận được. Tính theo số lượng thì chủ yếu là về tội phạm nguồn. Trong giai đoạn 2014-2019, Việt Nam đã xử lý 440 yêu cầu MLA (xem Bảng 8.1). Trong số 440 yêu cầu, 417 yêu cầu (khoảng 95%) liên quan đến tội phạm nguồn, đáng chú ý là liên quan đến chiếm đoạt tài sản thông qua lừa đảo (108 yêu cầu), ma túy (102 yêu cầu) và buôn lậu (77 yêu cầu). 9 yêu cầu liên quan đến RT và 14 yêu cầu liên quan đến xác minh, phong tỏa hoặc tịch thu tài sản). Trong thời gian đánh giá tại chỗ, Việt Nam cho biết có hai yêu cầu MLA đang được xử lý liên quan đến việc trả lại tài sản bị tịch thu.

480. Các hạn chế về yêu cầu MLA liên quan đến RT là kết quả của việc thiếu chủ động điều tra và truy tố RT, như được đề cập trong Kết quả trực tiếp số 7. Trong khi tám yêu cầu là một con số đáng kể thì chỉ có hai vụ truy tố RT ở Việt Nam (bảy yêu cầu liên quan đến vụ án Giang Kim Đạt và một yêu cầu liên quan đến vụ án Phan Sào Nam), nói chung, số lượng yêu cầu liên quan đến RT thấp hơn nhiều so với số lượng yêu cầu liên quan đến tội phạm nguồn là chưa phù hợp với hồ sơ rủi ro RT của Việt Nam. Ngoài ra, bốn trong số bảy yêu cầu được gửi trong vụ án Giang Kim Đạt đã bị từ chối hoặc không được thực hiện vì chúng không đáp ứng yêu cầu hoặc không có thông tin đầy đủ. Từ năm 2017 đến 2019, trong số 10 yêu cầu gửi đi liên quan đến RT không có yêu cầu nào được hoàn thành cả (Bảng 2.1).

481. Gần đây đã có ba yêu cầu MLA được thực hiện liên quan đến TTKB và khủng bố gửi cho Hoa Kỳ (một) và Canada (hai). Mặc dù con số này là nhỏ, nhưng điều này phù hợp với hồ sơ rủi ro TTKB thấp ở Việt Nam.

482. Các phản hồi về khảo sát hợp tác quốc tế phản ánh rằng Việt Nam đang tích cực theo đuổi MLA nhưng chất lượng yêu cầu chưa đồng đều. Một quốc gia chỉ ra rằng các yêu cầu từ Việt Nam nhìn chung là rất rõ ràng, được sắp xếp hợp lý và các bản dịch có chất lượng cao. Tuy nhiên, một số quốc gia khác lại chỉ ra rằng có những thiếu sót trong các yêu cầu của Việt Nam, bao gồm thiếu thông tin, các lỗi dịch thuật và thường các quốc gia phải đề nghị bổ sung thêm thông tin từ phía Việt Nam thì mới xử lý được yêu cầu. Trong nhiều trường hợp, các cơ quan Việt Nam không thể đáp ứng được các đề nghị trên và do đó các yêu cầu chưa được hoàn thành. Mặc dù vậy Việt Nam vẫn tiếp tục theo đuổi những vụ việc này dù không nhận được phản hồi.

483. Việt Nam gặp phải những thách thức khi đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật MLA liên quan tới thu hồi tài sản. Việt Nam không phải là thành viên của Mạng lưới Liên hiệp Thu hồi tài sản - Châu Á - Thái Bình Dương (ARIN-AP)[37]. Tham gia ARIN-AP sẽ tăng cường kết nối khu vực của Việt Nam và giúp các cán bộ chuyên trách của Việt Nam tiếp cận với những thông lệ tốt nhất, từ đó giúp Việt Nam cải thiện chất lượng các yêu cầu và nâng cao cơ hội hợp tác thành công với các đối tác trong khu vực.

Tình huống nghiên cứu: Vụ án Phan Sào Nam (PSN)

Từ 2014, Phan Sào Nam và các đồng phạm đã thành lập và điều hành một đường dây đánh bạc trực tuyến, với tổng trị giá giao dịch là 9,8 nghìn tỷ VND (tương đương 418 triệu USD) (xem tình huống nghiên cứu 3 trong Chương 3 để biết thêm chi tiết). Một cuộc điều tra đã được bắt đầu vào 2017, cho thấy Nam đã thu lợi được gần 1,5 nghìn tỷ VND (63,5 triệu USD). Để rửa số tiền phi pháp thu được, Nam đã thực hiện một loạt các hành vi, bao gồm chuyển số tiền 3,5 triệu USD sang Singapore.

[37] Sau khi triển khai đánh giá tại chỗ, Việt Nam trở thành thành viên của ARIN-AP vào tháng 12 năm 2020.

Tháng 11/2018, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã yêu cầu MLA từ Singapore theo Hiệp ước MLA ASEAN nhằm tìm kiếm, xác định, xác minh, thu giữ tài sản và hoàn trả tài sản của một công dân Việt Nam bị kết án về tội đánh bạc có tổ chức và RT.

Tháng 1/2019, Singapore đã phản hồi và cho biết rằng tài khoản có 3,5 triệu USD đã bị rút và đóng hoàn toàn. Tuy nhiên, họ đã xác định được một tài khoản khác với số tiền 5 triệu USD đã bị phong tỏa. Để hỗ trợ thu hồi số tiền này, Singapore yêu cầu Việt Nam cung cấp thêm thông tin và xác định mối quan hệ giữa số tiền và hành vi phạm tội tại Việt Nam. Việt Nam đã cung cấp thêm thông tin, tài liệu và bằng chứng, cũng như yêu cầu Singapore phong tỏa thêm số tiền để Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tiến hành điều tra mở rộng tại Việt Nam. Cơ quan đầu mối cũng đã cử đoàn công tác liên ngành đến Singapore để làm việc trực tiếp với Tổng chưởng lý vào tháng 7/2019. Tính đến thời điểm đánh giá tại chỗ, Việt Nam đang tiếp tục làm việc với cơ quan thẩm quyền Singapore về vấn đề này.

484. Về dẫn độ, Việt Nam đã đưa ra một số lượng yêu cầu tương đương với số lượng yêu cầu nhận được. Từ 2014-2019, Việt Nam xử lý 29 yêu cầu dẫn độ, tất cả đều liên quan đến tội phạm nguồn, đáng chú ý là lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tám yêu cầu), tội phạm ma túy (ba yêu cầu), lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (ba yêu cầu), buôn lậu (hai yêu cầu) và 10 yêu cầu khác. Không có yêu cầu dẫn độ đi liên quan đến RT hoặc TTKB. Trong khi một số yêu cầu này liên quan đến các tội phạm nguồn có rủi ro cao, thực trạng này chưa thực sự phù hợp với hồ sơ rủi ro RT của Việt Nam.

485. Trong số 29 yêu cầu dẫn độ được đưa ra trong giai đoạn 2014-2019, chỉ có ba yêu cầu được thực hiện. Bốn trong số các yêu cầu này đã bị từ chối - một do đối tượng được cấp tình trạng tị nạn, một do đối tượng đã trốn khỏi quốc gia được yêu cầu, một do đối tượng đang chấp hành án phạt tù vì một tội danh khác và cuối cùng do thời hạn hiệu lực luật pháp nước yêu cầu. 22 yêu cầu khác vẫn còn tồn đọng và Việt Nam đã cung cấp thông tin bổ sung (Bảng 2.2).

486. Việt Nam đã xác định nhu cầu đào tạo điều tra viên, công tố viên và thẩm phán về hợp tác quốc tế nhằm tăng cường sử dụng MLA và dẫn độ. Không rõ liệu điều này có liên quan đến việc hiểu biết các quy trình, không biết liệu quy trình có sẵn hay không hay đánh giá cao lợi ích của việc tăng cường sử dụng.

Tìm kiếm các hình thức hợp tác quốc tế khác cho mục đích chống RT/TTKB

487. Việt Nam có khuôn khổ cho phép hợp tác quốc tế không chính thức, dựa trên các công cụ pháp lý, MOU song phương và đa phương, thành viên của các tổ chức quốc tế và áp dụng nguyên tắc tương hỗ, như được mô tả trong Khuyến nghị số 40.

Đơn vị tình báo tài chính

488. Cục PCRT có những yếu kém đáng kể trong hoạt động hợp tác quốc tế khi so sánh với hồ sơ rủi ro của Việt Nam. Cục PCRT không thường xuyên tìm kiếm thông tin hoặc thông tin tình báo từ các FIU nước ngoài, chỉ mới gửi 49 yêu cầu đến 21 quốc gia trong giai đoạn 2016-2019. Cục PCRT không phải là thành viên của Nhóm Egmont nhưng có chín MOU với các đối tác nước ngoài và cũng trao đổi thông tin và thông tin tình báo mà không cần MOU theo nguyên tắc hỗ trợ.

489. Nội dung chính của các yêu cầu do Cục PCRT gửi đi chưa phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam. Các tội phạm nguồn chủ yếu của Việt Nam là buôn bán ma túy, buôn bán động vật hoang dã, buôn lậu và buôn bán người, tất cả đều có tính chất xuyên quốc gia (như đã nêu trong Chương 1). Tất cả các yêu cầu do Cục PCRT gửi đi đều liên quan đến tội danh từ trước, chủ yếu là đánh bạc có tổ chức. Không có yêu cầu gửi đi để tìm kiếm thông tin về RT hoặc TTKB. Việc thiếu các yêu cầu liên quan đến RT và các tội phạm nguồn rủi ro cao như tham nhũng, ma túy và tội phạm môi trường là chưa phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam.

Có tổng số 49 yêu cầu gửi đi trong bốn năm từ 2014-2019 cho 20 quốc gia khác nhau, như vậy hầu hết các quốc gia trong số này chỉ nhận được một yêu cầu duy nhất.

Bảng 8.3: Các yêu cầu gửi đi của AMLD phân theo loại tội phạm (2016-2019)

Loại tội phạm	Số lượng yêu cầu			
	2016	2017	2018	2019
Tổng	**1**	**4**	**20**	**24**
Rửa tiền	0	0	0	0
TTKB	0	0	0	0
Đánh bạc có tổ chức	0	0	16	0
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	0	0	0	4
Khác (tổng)	1	4	4	20
Xác minh hối phiếu	1	1	0	0
Xác minh nguồn/tính hợp pháp của tiền được chuyển	0	1	0	0
Xác minh séc	0	2	0	0
STR và xác minh nội dung	0	0	3	17
Trao đổi và cung cấp thông tin	0	0	1	3

490. Các cơ quan thực thi pháp luật gửi yêu cầu của họ đến Cục PCRT để yêu cầu các đối tác nước ngoài cung cấp thông tin. Các thông tin cơ bản như xác minh danh tính hoặc tình trạng pháp lý của một công ty được xử lý qua Cục PCRT thay vì truy cập trực tiếp giữa các cơ quan thực thi pháp luật, điều này cho thấy những thách thức của các cơ quan trong việc trao đổi thông tin.

491. Mặc dù số lượng yêu cầu gửi đi đã tăng đáng kể trong hai năm qua so với các năm về trước, nhưng con số này vẫn rất thấp, đặc biệt khi so sánh với số lượng lớn các yêu cầu chính thức gửi đi về MLA. Việc thiếu các yêu cầu gửi đi liên quan đến RT có thể phản ánh số lượng điều tra và truy tố RT thấp, như đề cập trong Kết quả trực tiếp số 7.

Các cơ quan thanh tra, giám sát tài chính

492. Các cơ quan thanh tra giám sát có trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế theo luật và theo các thỏa thuận song phương và đa phương. Mặc dù cơ sở pháp lý đủ rộng để cho phép hợp tác quốc tế liên quan đến phòng, chống RT/TTKB, nhưng trong luật và trong hầu hết các MOU đều không có quy định cụ thể nào về trao đổi thông tin phòng, chống RT/ TTKB hoặc về hợp tác giám sát phòng, chống RT/TTKB, và cũng không có cơ quan thanh tra giám sát nào yêu cầu hợp tác liên quan đến phòng, chống RT/TTKB. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính đã ký một số lượng lớn MOU với các đối tác nước ngoài, điều này tạo cơ sở cho việc hợp tác quốc tế về giám sát ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm. Phần lớn các MOU có quy định đủ rộng để thực hiện hợp tác quốc tế liên quan đến giám sát phòng, chống RT/TTKB.

493. Không có cơ quan giám sát nào đưa ra yêu cầu hợp tác liên quan đến phòng, chống RT/TTKB. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính đã không chứng minh được rằng 2 cơ quan đã tìm cách trao đổi thông tin hoặc hợp tác quốc tế liên quan đến phòng, chống RT/TTKB theo các thỏa thuận trên. Sự nhầm lẫn giữa các cơ quan về vai trò và trách nhiệm giám sát đã tác động tiêu cực đến việc hợp tác quốc tế liên quan đến phòng, chống RT/TTKB

494. Bộ Tài chính không có bất kỳ thỏa thuận hợp tác quốc tế nào liên quan đến giám sát casino hoặc các công ty kế toán. Các cơ quan thanh tra giám sát về DNFBP khác (Bộ Xây dựng - bất động sản, Bộ Kế hoạch và Đầu tư - cung cấp dịch vụ công ty, Bộ Tư pháp - công chứng viên và luật sư, Bộ Công thương – kinh doanh vàng bạc đá quý) cũng không có thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài liên quan đến phòng, chống RT/TTKB.

495. Về hợp tác quốc tế cơ quan giám sát NPO, trong khi không có thỏa thuận hợp tác quốc tế, COMINGO trao đổi thông tin về các NPO nước ngoài thông qua các đại sứ quán và họp với các cơ quan hợp tác phát triển nước ngoài. Không có thông tin nào được cung cấp liên quan đến hợp tác của Bộ Nội vụ đối với NPO trong nước. Bộ Công an với tư cách là thành viên của COMINGO có thể chia sẻ thông tin với các đối tác nước ngoài (theo Kết quả trực tiếp số 10) bằng cách sử dụng các kênh hợp tác quốc tế của cơ quan thực thi pháp luật.

Các cơ quan thực thi pháp luật

496. Các cơ quan thực thi pháp luật được ủy quyền thực hiện hợp tác quốc tế theo luật, các thỏa thuận song phương và đa phương, công ước quốc tế, nguyên tắc tương trợ và theo tư cách thành viên trong các tổ chức quốc tế như INTERPOL, ASEANAPOL, WCO, v.v.

497. Bộ Công an thường xuyên hợp tác với các đối tác nước ngoài, và thường xuyên nhất là thông qua INTERPOL nhưng cũng qua các thỏa thuận song phương và MOU, tuy không theo cách thức phù hợp với hồ sơ rủi ro RT của Việt Nam. Bộ Công an tích cực hợp tác với các đối tác nước ngoài liên quan đến các tội phạm nguồn có nguy cơ cao hơn, như tội phạm ma túy và buôn bán người. Tuy nhiên, Bộ Công an chỉ gửi bốn yêu cầu ra ngoài liên quan đến RT trong giai đoạn 2016-2019 (và toàn bộ trong năm 2019), so với trung bình 175 yêu cầu mỗi năm liên quan đến các tội phạm nguồn. Điều này phản ánh sự tập trung của LEA vào các cuộc điều tra tội phạm nguồn và thiếu chủ động điều tra về RT (như đề cập trong Kết quả trực tiếp số 7).

Bảng 8.4: Các yêu cầu gửi đi của Bộ Công an phân theo loại tội phạm

Tội phạm	Số lượng yêu cầu gửi đi			
	2016	2017	2018	2019
Rửa tiền	**0**	**0**	**0**	**4**
Hoàn thành	0	0	0	4
Đang xử lý	0	0	0	0
Từ chối	0	0	0	0
Tài trợ khủng bố	**0**	**0**	**0**	**0**
Tội phạm nguồn	**177**	**194**	**151**	**178**
Tội phạm hình sự	71	78	71	82
Tội phạm liên quan đến ma túy	27	78	71	82
Tội phạm liên quan đến kinh tế	25	32	7	21
Buôn người	42	56	43	42
Tội phạm công nghệ cao	12	8	7	9
Tội phạm môi trường	0	0	0	0
Hoàn thành	110	118	113	141
Đang xử lý	67	76	38	37
Từ chối	0	0	0	0
Tổng	**177**	**194**	**151**	**182**

498. Cần lưu ý rằng trong dữ liệu của Bộ Công an được nêu ở trên, số liệu thống kê các yêu cầu 'đang được xử lý' sẽ được chuyển sang dữ liệu cho năm sau để xử lý thêm. Điều này có thể phản ánh mức độ phức tạp của các yêu cầu hoặc cho thấy các yêu cầu đòi hỏi Bộ Công an phải điều tra liên tục. Trên cơ sở này, các số liệu cho năm 2017 - 2019 bao gồm 67 yêu cầu trong tình trạng "đang xử lý" từ năm 2016

499. Bộ Công an không đưa ra bất kỳ yêu cầu hợp tác quốc tế nào liên quan đến TTKB nhưng đã thực hiện các bước để đảm bảo rằng các thông tin liên lạc ưu tiên được hỗ trợ tốt. Cục An ninh Nội địa của Bộ Công an đã thành lập 16 "đường dây nóng" với nước ngoài để trao đổi thông tin tình báo và thông tin về khủng bố hoặc TTKB một cách kịp thời. Các đường dây nóng cho phép các cơ quan nước ngoài liên hệ trực tiếp với các cơ quan chức

năng của Việt Nam để thảo luận về các vụ việc hoặc yêu cầu thông tin mà không cần nộp yêu cầu chính thức. Việt Nam chứng minh rằng thông tin được trao đổi qua đường dây nóng này đã dẫn đến các cuộc điều tra tình báo liên quan đến các vấn đề TTKB có thể xảy ra. Do hồ sơ rủi ro TTKB thấp của Việt Nam, việc thiếu các yêu cầu phù hợp với rủi ro này.

500. Tổng Cục Hải quan đã gửi tổng số 3.591 yêu cầu ra nước ngoài trong giai đoạn 2013-2018, bao gồm cả các quốc gia có và không có MOU với Việt Nam. Tuy nhiên, không có yêu cầu nào liên quan đến RT hoặc TTKB được đưa ra, điều này phản ánh sự thiếu tập trung của Hải quan vào RT/TTKB và không phù hợp với hồ sơ rủi ro. Tổng cục Hải quan đã ký 20 MOU với một loạt quốc gia và tổ chức.

501. Bộ đội Biên phòng của Bộ Quốc phòng được ủy quyền hợp tác với các chính phủ và cơ quan bảo vệ biên giới nước ngoài theo quy định của pháp luật và đã tìm cách hợp tác liên quan đến các tội phạm nguồn (Bảng 2.6). Trong giai đoạn 2017-2019, Bộ đội biên phòng đã gửi 72 yêu cầu đề nghị hỗ trợ. Không có yêu cầu gửi đi liên quan đến RT hoặc TTKB, điều này phản ánh Bộ đội biên phòng ít chú trọng tới RT/TTKB.

Bảng 8.5: Bộ đội Biên phòng – yêu cầu gửi đi phân theo loại tội phạm nguồn

Tội phạm nguồn	Số lượng yêu cầu		
	2017	2018	2019
Tổng	**22**	**19**	**25**
Tội phạm ma tuý	20	19	20
Buôn lậu	0	0	2
Buôn người	2	0	3
Khác	0	0	0

502. Việt Nam không cung cấp bất kỳ bằng chứng nào về hợp tác quốc tế phi chính thức được thực hiện bởi các cơ quan điều tra khác (Quân đội hoặc Viện kiểm sát nhân dân tối cao) liên quan đến RT, tội phạm nguồn hoặc điều tra TTKB.

Khác

503. Tổng cục thuế tại Việt Nam đã ký 75 MOU để trao đổi thông tin thuế với cơ quan thuế nước ngoài. Việt Nam đã đưa ra yêu cầu trao đổi thông tin về 161 trường hợp cho cơ quan thuế nước ngoài. Không có thông tin nào được trao đổi về các tội phạm liên quan đến thuế xuyên biên giới hoặc liên quan đến RT/TTKB, điều này phản ánh Tổng cục thuế thiếu tập trung vào RT/TTKB.

Cung cấp các hình thức hợp tác quốc tế khác về PCRT/TTKB

Đơn vị Tình báo Tài chính

504. Cục PCRT phản hồi các yêu cầu từ các đối tác nước ngoài và hợp tác ngay cả khi không có MOU. Tuy nhiên, Cục PCRT chỉ cung cấp thông tin chủ động hai lần cho các FIU nước ngoài trong giai đoạn 2014-2019. Trong những năm 2016-2019, Cục PCRT đã nhận được 66 yêu cầu hợp tác quốc tế và phản hồi tất cả. 52 trường hợp trong số này, đã có sự hợp tác trên cơ sở có đi có lại (không có MOU). Cục PCRT không phải là thành viên của Nhóm Egmont, việc này làm suy giảm và tác động tiêu cực đến hiệu quả và bảo mật của trao đổi thông tin, được thực hiện qua email, fax, bưu điện và được ký hiệu là "mật" hoặc qua các kênh ngoại giao.

505. Bảng 8.5 cho thấy số lượng hạn chế về các yêu cầu liên quan đến tội phạm nguồn mà Cục PCRT nhận được.

Bảng 8.5: Yêu cầu gửi đến Cục PCRT theo loại tội phạm (2016-2019)

Tội phạm liên quan	Số lượng yêu cầu gửi đến			
	2016	2017	2018	2019
Rửa tiền	**0**	**5**	**12**	**11**
TTKB	**0**	**1**	**0**	**0**
Ma túy			1	3
Tham nhũng			3	
Đánh bạc có tổ chức				
Nhận hối lộ				1
Lợi dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản				
Lợi dụng chức vụ và quyền hạn để chiếm đoạt tài sản				
Đánh bạc				
Trốn thuế	2	2	1	5
Tội phạm môi trường				
Lừa đảo chiếm đoạt tài sản		1	1	1
Vận chuyển trái phép hàng hóa và/hoặc tiền tệ qua biên giới				
Buôn lậu			1	
Buôn người				
Sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và/hoặc lưu hành tiền giả và giấy tờ có giá giả				
Buôn bán động vật hoang dã bất hợp pháp				1
Khác	**2**	**5**	**5**	
Tổng	**4**	**14**	**24**	**22**

506. Mặc dù thời gian xử lý các yêu cầu của nước ngoài chuyển tới đã được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều thách thức. Thời gian trung bình để Cục PCRT phản hồi yêu cầu quốc tế đã giảm từ 201 ngày trong năm 2016 xuống còn 35 ngày vào năm 2019. Tuy nhiên, theo quy trình nội bộ của Việt Nam đối với các yêu cầu quốc tế cần phải được xử lý trong vòng 2 tuần. Trong một trường hợp, phản hồi từ một FIU nước ngoài chỉ ra rằng các phản hồi của Cục PCRT mất trung bình 293 ngày để hoàn thành, và như vậy là không kịp thời.

507. Số lượng phản hồi về chất lượng và tính hữu ích của thông tin nhận được còn hạn chế.

Cơ quan thanh tra, giám sát tài chính

508. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện hợp tác quốc tế liên quan đến thanh tra giám sát an toàn, điều này không thể hiện sự hợp tác liên quan đến giám sát phòng chống RT/TTKB hoặc kiểm soát việc thâm nhập thị trường. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có những hợp tác hạn chế nhưng không thể hiện hợp tác liên quan đến phòng, chống RT dưới hình thức trao đổi thông tin có được thông qua các cuộc thanh tra với các đối tác nước ngoài, bao gồm Malaysia, Hàn Quốc và Đài Loan. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã cho phép các đối tác nước ngoài tiến hành thanh tra các ngân hàng chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm cả Pháp và Malaysia. Tuy nhiên, không rõ liệu đây có phải là phòng, chống RT hay là thanh tra giám sát an toàn. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã không từ chối bất kỳ yêu cầu quốc tế nào được gửi bởi các cơ quan giám sát đối tác.

509. Mặc dù Bộ Tài chính đã trao đổi thông tin với các đối tác nước ngoài về chứng khoán, nhưng điều này không liên quan đến phòng, chống RT/TTKB. Không có bằng chứng về các cơ quan thanh tra giám sát khác tại Việt Nam hợp tác liên quan đến phòng, chống RT/TTKB.

Cơ quan thực thi pháp luật

510. Tương tự, Bộ Công an đã phản hồi các yêu cầu hợp tác quốc tế nhận được từ các đối tác nước ngoài. Trong giai đoạn từ tháng 8/2018 đến tháng 9/2019, Bộ Công an đã nhận được 540 yêu cầu từ hơn 34 quốc gia thông qua INTERPOL và đã phản hồi 349 yêu cầu, bao gồm trao đổi thông tin và thông tin tình báo. Từ 2016-2019, Bộ Công an đã nhận và hoàn thành bốn yêu cầu liên quan đến RT và nhiều yêu cầu khác liên quan đến tội phạm nguồn (xem Bảng 8.6 bên dưới). Bộ Công an đã không từ chối bất kỳ yêu cầu quốc tế nào; các yêu cầu còn lại vẫn đang được xử lý. Do vậy, về mặt tội phạm nguồn, điều này đã chứng tỏ mức độ hiệu quả.

511. Trung bình, phải mất 30-45 ngày để Bộ Công an trả lời các yêu cầu nhận được thông qua INTERPOL nhưng các trường hợp khẩn cấp có thể được giải quyết và trả lời trong một tuần. Các yêu cầu hợp tác thông tin quốc tế khác được hoàn thành trung bình trong vòng 2 tháng. Tuy nhiên, số liệu thống kê được cung cấp cho thấy rằng có những yêu cầu đã nhận được từ INTERPOL trong năm 2017 vẫn chưa được phản hồi, điều này cho thấy các phản hồi không phải lúc nào cũng kịp thời.

Bảng 8.6: Yêu cầu gửi đến Bộ Công an theo loại tội phạm

Tội phạm	**Số lượng yêu cầu gửi đến**			
	2016	2017	2018	2019
Rửa tiền	**0**	**1**	**1**	**2**
Hoàn thành	0	1	1	2
Đang xử lý	0	0	0	0
Từ chối	0	0	0	0
Tài trợ khủng bố	**0**	**0**	**0**	**0**
Tội phạm nguồn	**130**	**155**	**170**	**191**
Tội phạm hình sự	47	56	61	68
Tội phạm về ma túy	31	45	49	67
Tội phạm về kinh tế	27	25	25	22
Buôn người	14	18	21	17
Tội phạm công nghệ cao	11	9	13	15
Tội phạm về môi trường	0	2	1	2
Hoàn thành	116	133	155	157
Đang xử lý	14	22	15	10
Từ chối	0	0	0	0
TỔNG	**177**	**194**	**151**	**182**
Thời gian xử lý bình quân	***Khoảng từ 1 tuần – 2 tháng***			

512. Từ 2014-2018, Tổng Cục Hải quan đã phản hồi 56 yêu cầu nhận được từ các đối tác, không có yêu cầu nào liên quan đến RT hoặc TTKB. Không có Cơ quan thực thi pháp luật nào khác nhận được yêu cầu hoặc cung cấp hợp tác liên quan đến RT. Không có yêu cầu nào nhận được bởi bất kỳ Cơ quan thực thi pháp luật nào liên quan đến TTKB.

513. Việt Nam chưa cung cấp bất kỳ số liệu thống kê nào về điều tra chung và truy tìm tài sản. Không rõ các yêu cầu mà Cơ quan thực thi pháp luật nhận được được ưu tiên và xử lý như thế nào, trừ khi chúng được INTERPOL đánh dấu khẩn cấp. Ngoài ra, không có thông tin nào được cung cấp về phản hồi mà Cơ quan thực thi pháp luật nhận được từ các đối tác

nước ngoài liên quan đến chất lượng và tính hữu ích của thông tin được cung cấp đối với việc truy tố, kết án và thu hồi tài sản thành công.

Trao đổi quốc tế về những thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của các pháp nhân và thỏa thuận pháp lý

514. Như được nêu trong Kết quả trực tiếp số 5, Việt Nam có một cổng thông tin đăng ký kinh doanh trực tuyến, trong đó thông tin cơ bản về pháp nhân thương mại được ghi nhận và công khai. Thông tin này có thể được truy cập trực tiếp bởi các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài mà không cần yêu cầu về hợp tác quốc tế. Thông tin cơ bản về pháp nhân phi thương mại được lưu giữ bởi các cơ quan có thẩm quyền mà các đối tượng đó bắt buộc phải đăng ký và chỉ có thể có được theo yêu cầu. Nguồn chính của thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi là thông tin được thu thập và lưu giữ bởi các đối tượng báo cáo như một phần của quy trình CDD, cơ quan có thẩm quyền có thể sử dụng quyền hạn của mình để tiếp cận với các thông tin này. Tuy nhiên, mức độ hiểu biết và tuân thủ các nghĩa vụ này của các đối tượng báo cáo có sự khác biệt. Việt Nam có thể trao đổi thông tin cơ bản và thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi thông qua các yêu cầu MLA chính thức hoặc theo các MOU hiện có và các thỏa thuận hợp tác quốc tế giữa các cơ quan thẩm quyền của Việt Nam với các cơ quan thẩm quyền nước ngoài. Việc đánh giá rủi ro pháp nhân đã xác định được các rủi ro liên quan đến pháp nhân, bao gồm cả rủi ro liên quan đến đầu tư nước ngoài đáng kể, vì vậy cần có hợp tác quốc tế ở một mức độ trong lĩnh vực này.

515. Trong giai đoạn 2014-2018, Cục PCRT đã nhận được tổng số 32 yêu cầu quốc tế về thông tin chủ sở hữu hưởng lợi và đã có phản hồi cho từng trường hợp. Tuy nhiên, chỉ có 2 phản hồi liên quan đến thông tin chủ sở hữu hưởng lợi và phần còn lại là thông tin về các pháp nhân. Ngoài ra, Cục PCRT cũng đã gửi 22 yêu cầu ra ngoài để xác minh pháp nhân. Tất cả các yêu cầu liên quan đến pháp nhân và không có yêu cầu liên quan thỏa thuận pháp lý. Việt Nam chưa đưa ra được tình huống nghiên cứu nào cho thấy hợp tác quốc tế về sở hữu hưởng lợi giúp dẫn đến một cuộc điều tra, truy tố, kết án hoặc thu hồi tài sản thành công. Ngoài Cục PCRT, các cơ quan khác cũng có thể trao đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi, mặc dù không có bằng chứng nào được cung cấp về vấn đề này.

Kết luận tổng thể về Kết quả trực tiếp số 2

516. Việt Nam có khuôn khổ tương đối hợp lý cho cả hợp tác quốc tế chính thức và không chính thức. Việt Nam đã chứng minh rằng mình cho phép việc tìm kiếm và thực hiện hợp tác quốc tế cả chính thức và không chính thức. Việt Nam không từ chối một yêu cầu nào, tuy nhiên vẫn có sự chậm trễ khi phản hồi các yêu cầu quốc tế. Tuy nhiên, số lượng yêu cầu hợp tác chính thức và không chính thức liên quan đến RT thấp, không phù hợp với hồ sơ rủi ro của Việt Nam và cho thấy trọng tâm hợp tác của các cơ quan thực thi pháp luật là để phục vụ điều tra tội phạm nguồn, và số lượng điều tra RT thấp (như được mô tả trong Kết quả trực tiếp số 7). Cục PCRT cần tăng cường nhiều hơn các hỗ trợ về hợp tác quốc tế. Các cơ quan thanh tra giám sát đã có sự hợp tác quốc tế về phòng, chống RT/TTKB nhưng còn rất hạn chế. Hợp tác trao đổi thông tin về sở hữu hưởng lợi cũng đã được thực hiện nhưng theo một cách hạn chế.

517. Việt Nam được đánh giá đạt mức hiệu quả trung bình đối với Kết quả trực tiếp số 2.

PHỤ LỤC VỀ TUÂN THỦ KỸ THUẬT

1. Phụ lục này đưa ra các phân tích chi tiết về mức độ tuân thủ 40 Khuyến nghị của FATF đối với Việt Nam theo số thứ tự. Phần này không bao gồm nội dung mô tả tình hình hoặc rủi ro của quốc gia, và giới hạn theo phạm vi phân tích các tiêu chí kỹ thuật của từng Khuyến nghị. Phụ lục này cần tham chiếu đồng thời với Báo cáo Đánh giá đa phương.

2. Khi các yêu cầu của FATF và quy định pháp luật trong nước không có thay đổi, báo cáo này sẽ tham chiếu đến các nội dung phân tích đã được thực hiện trong báo cáo Đánh giá đa phương trước đây vào [ngày]. Báo cáo Đánh giá đa phương này có thể tham khảo tại www.apgml.org.

Khuyến nghị 1 – Đánh giá rủi ro và áp dụng phương pháp trên cơ sở rủi ro

3. Đây là Khuyến nghị mới– không được đánh giá trong Báo cáo Đánh giá đa phương năm 2009.

4. *Tiêu chí 1.1* - Việt Nam đã hoàn thành đánh giá rủi ro quốc gia (NRA) về rửa tiền/tài trợ khủng bố (RT/TTKB) lần đầu tiên vào tháng 4 năm 2019. Các cơ quan có thẩm quyền đã hoàn thành đánh giá rủi ro đối với các tổ chức phi lợi nhuận (NPO), pháp nhân và tài trợ phổ biến vũ khí (PF) vào cuối năm 2019. Các cơ quan thực thi pháp luật (LEA) và các cơ quan chức năng khác không đưa ra các đánh giá về mối đe dọa và các đánh giá khác về rủi ro RT/TTKB một cách thường xuyên.

5. NRA dựa trên công cụ đánh giá rủi ro do Ngân hàng Thế giới xây dựng và báo cáo NRA cung cấp xếp hạng rủi ro tổng thể về RT/TTKB, với xếp hạng rủi ro ngành cụ thể được chỉ định cho các TCTC và DNFBP. NRA cũng bao gồm đánh giá về những nguy cơ, bao gồm các nguy cơ phát sinh từ những khoản tiền thu được từ các tội phạm nguồn chính và tiền thu được từ tội phạm có nguồn gốc từ nước ngoài. NRA xác định rõ hơn những thách thức trong khu vực công và khu vực tư nhân, đồng thời đề xuất các khuyến nghị để giảm thiểu những thách thức đó. Tuy nhiên, có những hạn chế tiềm ẩn trong phạm vi đánh giá của NRA vì nó không đưa vào nội dung phân tích rủi ro từ các quỹ tín thác nước ngoài. Phạm vi NRA không bao trùm tất cả các loại tội phạm được chỉ định của FATF và loại trừ tội phạm có tổ chức, tội phạm lạm dụng tình dục và tội phạm về môi trường nói riêng (bao gồm cả tội đánh cá bất hợp pháp) không được chứng minh chắc chắn về mặt dữ liệu và phân tích định lượng hoặc định tính. Nhìn chung, phân tích định lượng là cách tiếp cận chủ yếu được sử dụng trong NRA.

6. Nguy cơ về RT và các đánh giá rủi ro theo ngành đối với một số tội phạm nguồn và các lĩnh vực có vẻ như thiếu các phân tích chuyên sâu và thiếu phạm vi dữ liệu rộng, đặc biệt là đối với các lĩnh vực được coi là có rủi ro cao hơn, chẳng hạn như buôn bán người, vận chuyển hàng hóa hoặc tiền mặt trái phép qua biên giới, sòng bạc, kinh doanh kim loại quý hoặc đá quý và các chuyên gia pháp lý.

7. Tiêu chí 1.2 - Vào tháng 11 năm 2014, Việt Nam đã ban hành Kế hoạch Hành động Quốc gia theo Quyết định số 2112/2014 (Kế hoạch Hành động trước NRA) quy định trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công an trong việc chỉ đạo và phối hợp đánh giá rủi ro RT và đánh giá rủi ro TTKB tương ứng. Đánh giá rủi ro RT/TTKB được thực hiện với sự phối hợp của các bộ và cơ quan khác dưới sự điều hành của Ban chỉ đạo phòng chống rửa tiền. Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo phòng chống rửa tiền vào năm 2009 (Quyết định số 470/2009) như một tổ chức liên ngành được điều hành bởi Phó thủ tướng nhằm mục đích giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo và điều phối các nỗ lực quốc gia vì mục tiêu phòng, chống rửa tiền ở Việt Nam. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan thường trực (và điều phối) cho Ban chỉ đạo phòng chống rửa tiền (Điều 4 Quyết định số 470/2009)

8. *Tiêu chí 1.3* **-** NRA đầu tiên của Việt Nam đã được hoàn thành và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 4 năm 2019. Kế hoạch Hành động trước NRA quy định rằng các đánh giá rủi ro RT/TTKB phải được thực hiện 5 năm một lần. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công an có trách nhiệm thường xuyên rà soát và xem xét nếu có bất kỳ rủi ro mới nào phát sinh. Việt Nam không thường xuyên tiến hành đánh giá các mối đe dọa cụ thể khác hoặc đánh giá theo ngành để bổ sung cho quá trình NRA và cập nhật các đánh giá. Tuy nhiên, việc đánh giá NPO, pháp nhân và rủi ro về phổ biến vũ khí hủy diệt được lưu ý là những cập nhật có tính quan trọng.

9. *Tiêu chí 1.4* – Điều 12 (1) của Thông tư số 20/2019 quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phổ biến kết quả của NRA cho các bộ, cơ quan liên quan, bao gồm cả các đơn vị báo cáo dưới sự điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Kế hoạch hành động quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành vào tháng 4 năm 2019 theo Quyết định số 474/2019 (Kế hoạch hành động sau NRA) quy định trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Công an trong việc phổ biến kết quả của NRA cho các bộ ngành và các cơ quan liên quan, và phổ biến thêm kết quả cho các đơn vị báo cáo trong phạm vi xem xét của mình. Ngoài việc thực hiện 6 cuộc họp với các khu vực công và khu vực tư nhân và công bố kết quả NRA trên trang web, các cơ quan có thẩm quyền có liên quan cũng đã ban hành một công văn (Công văn số 1790) cho các bên liên quan bao gồm cả các đối tượng báo cáo cho mục đích phổ biến kết quả NRA.

10. *Tiêu chí 1.5* – Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch hành động sau NRA theo Quyết định số 474/2019 nhằm mục đích giải quyết các rủi ro được xác định trong NRA. Kế hoạch Hành động hậu NRA mang đến các khía cạnh của chính sách quốc gia và chiến lược tổng thể, trong đó chủ yếu xác định một loạt các biện pháp cấp cao để giải quyết các lỗ hổng về pháp lý và thể chế. Kế hoạch Hành động hậu NRA sử dụng các phát hiện của NRA ở một mức độ hạn chế (chỉ có 2 trong số 52 mục hành động liên quan đến việc giải quyết các rủi ro như được xác định trong NRA) để hướng dẫn các chính sách áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro nhằm mục đích phân bổ nguồn lực và ưu tiên các hoạt động để giải quyết rủi ro đã xác định. Ngoài ra, Kế hoạch Hành động Hậu NRA mới chỉ được ban hành vào tháng 4 năm 2019 và do đó việc triển khai kế hoạch này chưa được chứng minh rõ ràng.

11. *Tiêu chí 1.6* - Việt Nam không miễn trừ bất kỳ hoạt động cụ thể nào, bất kỳ TCTC hoặc DNFBP cụ thể nào áp dụng Khuyến nghị FATF đều dựa trên rủi ro thấp. Điều 2 của Luật PCRT 2012 quy định khả năng áp dụng Luật về các TCTC và DNFBP mà không có bất kỳ miễn trừ nào.

Tiêu chí 1.7

12. 1.7 (a) Các Đối tượng báo cáo được yêu cầu áp dụng các biện pháp tăng cường đối với các giao dịch, hoạt động và khách hàng có rủi ro cao (Điều 13 đến 17 của Luật PCRT 2012). Điều 3 của Thông tư 35/2013 kết hợp cùng với Điều 1 (1) của Thông tư 31/2014 có hướng dẫn chi tiết cho các Đối tượng báo cáo để tiến hành các biện pháp thẩm định tăng cường đối với các khách hàng có rủi ro cao. Hiện chưa có quy định yêu cầu tất cả các Đối tượng báo cáo phải thực hiện các biện pháp tăng cường để quản lý và giảm thiểu rủi ro từ các khu vực chịu rủi ro cao hơn đã được NRA xác định, lưu ý rằng Điều 2 (1) và (2) của Thông tư 31 đưa ra yêu cầu các tổ chức tín dụng cần tăng cường và nâng cao việc xác minh nhận dạng khách hàng cũng như các giao dịch đối với các lĩnh vực có rủi ro cao và trung bình cao như NRA đã xác định.

13. 1.7 (b) Điều 1 (2) Thông tư số 20/2019 yêu cầu các đối tượng báo cáo phải thực hiện đánh giá rủi ro tại tổ chức dựa trên kết quả của NRA.

14. *Tiêu chí 1.8* – Các đối tượng báo cáo có thể áp dụng các biện CDD đơn giản đối với các khách hàng được đánh giá là có rủi ro thấp (Điều 12 (2) của Luật PCRT 2012). Điều 9

của Luật PCRT 2012 kết hợp với Điều 1 (4) của Nghị định số 87/2019 quy định các trường hợp cụ thể và nội dung thông tin CDD cần thiết tối thiểu. Tuy nhiên, không rõ liệu việc nhận dạng hoặc đánh giá của khách hàng có rủi ro thấp có phù hợp với NRA hay không. Ngoài các biện pháp CDD đơn giản áp dụng cho khách hàng có rủi ro thấp, Việt Nam không cho phép việc áp dụng các biện pháp đơn giản đối với các khu vực rủi ro thấp hơn khác.

15. *Tiêu chí 1.9* - Căn cứ các Điều 37-41 của Luật PCRT 2012 và Điều 26 của Nghị định số 116/2013, kết hợp với Điều 1 của Thông tư 20/2019, các cơ quan có thẩm quyền có liên quan (ví dụ: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Công Thương) có trách nhiệm giám sát các đối tượng báo cáo có liên quan trong việc phải tuân thủ Khuyến nghị số 1. Tuy nhiên, vẫn còn các thiếu sót tương tự như ghi nhận tại tiêu chí 1.11, 26.1 và 28.2 ở đây.

16. *Tiêu chí 1.10* - Điều 1 (2) Thông tư số 20/2019 yêu cầu các đối tượng báo cáo phải thực hiện đánh giá rủi ro về RT/TTKB của tổ chức.

17. *1.10* (a) Quy định yêu cầu thực hiện đánh giá rủi ro bằng văn bản có thể được suy ra từ quy định yêu cầu đánh giá rủi ro do Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc của đối tượng báo cáo ký thông qua, như theo quy định tại Điều 1 (2) của Thông tư số 20/2019.

18. *1.*10 (b) Yêu cầu các đối tượng báo cáo tiến hành đánh giá rủi ro dựa trên các khách hàng, quốc gia hoặc khu vực địa lý, sản phẩm, dịch vụ, giao dịch hoặc các kênh phân phối (giao hàng), cùng với mức độ và loại hình giảm thiểu thích hợp được áp dụng.

19. *1.*10 (c) Yêu cầu các đối tượng báo cáo phải cập nhật đánh giá rủi ro hàng năm.

20. *1.*10 (d) Quy định rằng các đối tượng báo cáo phải nộp kết quả đánh giá rủi ro cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có thẩm quyền có liên quan trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký, ban hành, sửa đổi và bổ sung (tùy theo trường hợp).

Tiêu chí 1.11 -

21. 1.11 (a) Điều 20 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các đối tượng báo cáo xây dựng các quy định nội bộ về PCRT và Điều 13 của Nghị định số 116/2013 cùng với Điều 1 (5) của Thông tư số 31 /2014 quy định các nội dung chi tiết áp dụng cho các quy định nội bộ về PCRT/TTKB. Điều 1 (2) Thông tư 20/2019 có quy định thêm các chính sách và quy trình quản lý (quy định nội bộ) phải được Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phê duyệt và việc xây dựng các quy định nội bộ này phải dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tại chính tổ chức.

22. 1.11 (b) Điều 20 (1) của Luật PCRT 2012 và Điều 13 (9) của Nghị định số 116/2013 có quy định cụ thể về giám sát thông qua kiểm toán nội bộ nhưng không có yêu cầu nào áp dụng cho các đối tượng báo cáo để tăng cường kiểm soát khi cần thiết.

23. 1.11 (c) Điều 1 (2) của Thông tư số 20/2019 quy định các quy định nội bộ của PCRT/TTKB phải bao gồm các biện pháp kiểm soát tăng cường đối với các lĩnh vực rủi ro cao. Điều 12 (3) của Luật PCRT 2012 yêu cầu các đối tượng báo cáo áp dụng các biện pháp nâng cao đối với khách hàng có rủi ro cao và Điều 3 của Thông tư 35/2013 được đọc cùng với Điều 1 (1) của Thông tư số 31 / 2014 cung cấp chi tiết về thông tin cần thiết khi tiến hành các biện pháp thẩm định nâng cao.

24. Tiêu chí 1.12 - Điều 1 (2) Thông tư số 20/2019 quy định về quy định nội bộ PCRT/TTKB cho phép đơn giản hóa các biện pháp kiểm soát đối với các lĩnh vực rủi ro thấp. Điều 12 của Luật PCRT 2012 cho phép các các đối tượng báo cáo áp dụng các biện pháp CDD đơn giản hóa cho các khách hàng được đánh giá là có rủi ro thấp (xem c1.8). Tuy nhiên, các thiếu xót được xác định theo tiêu chí 1.9 đến 1.11 cũng tồn tại ở đây. Điều 1 (4) của Nghị định số 87/2019 quy định rằng các các đối tượng báo cáo không được áp dụng các biện pháp đơn giản hóa khi có sự nghi ngờ về RT/TTKB.

Trọng số và kết luận

25. Có một số thiếu sót ở mức vừa phải. Có những lỗ hổng trong việc xác định và đánh giá những rủi ro RT/TTKB nhất định và những phương pháp để xử lý các rủi ro đã được nhận diện. Chưa có sự áp dụng trên cơ sở rủi ro trong việc phân bổ nguồn lực và thực thi các biện pháp nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro về RT/TTKB đã được nhận diện trong Đánh giá rủi ro quốc gia. Không có quy định yêu cầu các đối tượng báo cáo phải thực hiện các biện pháp tăng cường để quản lý và giảm thiểu rủi ro từ các khu vực có rủi ro cao hơn đã được nhận diện trong Đánh giá rủi ro quốc gia. Trong khi đó, hiện có quy định yêu cầu các đối tượng báo cáo phải xây dựng các quy định nội bộ nhưng các quy định này là nhằm quản lý và giảm thiểu rủi ro được xác định tại các đối tượng báo cáo chứ không phải đối với quốc gia. Ngoài ra, không có quy định nào yêu cầu các đối tượng báo cáo tăng cường kiểm soát *khi cần thiết.* **Khuyến nghị 1 được đánh giá Tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 2 – Hợp tác và điều phối trong nước

26. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu của khuyến nghị này. Việt Nam thiếu một Ủy ban điều phối quốc gia để ra chính sách và xử lý các vấn đề về PCRT/TTKB.

27. *Tiêu chí 2.1* - Kể từ Báo cáo ĐGĐP năm 2009, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành bốn Kế hoạch hành động quốc gia bao gồm cả Kế hoạch hành động sau Đánh giá rủi ro quốc gia theo Quyết định số 474/2019 được ký ban hành cùng lúc với Đánh giá rủi ro quốc gia trong năm 2019. Mục đích chính của Kế hoạch hành động sau Đánh giá rủi ro quốc gia là nhằm giải quyết tính dễ bị tổn thương của hệ thống trong ngắn hạn đến trung hạn bao gồm việc cải thiện khung pháp lý và tăng cường năng lực cho đơn vị tình báo tài chính của Việt Nam (Cục PCRT/ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Các kế hoạch hành động này sẽ cung cấp thông tin cho các chính sách và hoạt động của các bộ ngành liên quan. Mặc dù Quyết định số 474/2019 có 18 hành động chính, yếu tố rủi ro chỉ đóng vai trò hạn chế trong việc chỉ đạo các hành động ưu tiên, ví dụ, công tác giám sát các ngành có rủi ro cao theo lịch trình các kế hoạch hàng năm được quyết định bởi Thanh tra Chính phủ xác định ở giai đoạn đầu (Điều 15, 1b, Luật của Thanh tra 2010) chứ không phải rủi ro RT/TTKB. Các kế hoạch và chính sách hành động chưa được thông báo đầy đủ rủi ro RT và TTKB.

28. *Tiêu chí 2.2* - Vào ngày 13/4/2009, Việt Nam đã thành lập Ban điều phối quốc gia về PCRT (NCC) theo Quyết định số 470/2009. Chính phủ cũng thành lập Ban điều phối quốc gia về chống khủng bố và tài trợ khủng bố, đứng đầu là Thủ tướng Chính phủ. Các Ban điều phối quốc gia chịu trách nhiệm điều phối thực hiện các chính sách PCRT/TTKB của Việt Nam. Các Ban là một tổ chức liên ngành giúp việc cho Thủ tướng Chính phủ trong việc chỉ đạo và điều phối các hoạt động về PCRT và TTKB giữa các Bộ chủ quản và chính quyền địa phương và đồng thời chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách và kế hoạch quốc gia liên quan đến PCRT/TTKB. NCC do Phó Thủ tướng làm Chủ tịch cùng với Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Công an là Phó Chủ tịch. Các thành viên khác bao gồm đại diện cấp cao từ: Tòa án nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Văn phòng Chính phủ; Bộ Công an (MPS); Bộ Ngoại giao (MOHA); Bộ Nội vụ (MHA); Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin truyền thông; Thanh tra Chính phủ; và Bộ Quốc phòng (MOD).

29. *Tiêu chí 2.3* - Ở cấp chính sách, NCC chịu trách nhiệm điều phối thông tin như được nêu trong Điều 2 của Quyết định số 470/2009. Tất cả các cơ quan liên quan đều tham gia.

30. Ở cấp vận hành, các bộ ban ngành thường xuyên tổ chức các cuộc họp liên ngành để trao đổi về các nội dung cụ thể, chẳng hạn như các cuộc họp giữa các cơ quan thực thi pháp luật (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao) để đẩy mạnh công tác điều tra, truy tố, xét xử các tội

phạm về RT và tội phạm nguồn. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan trong quá trình điều tra, truy tố và kết án các tội phạm về RT (Điều 21 Nghị định số 116/2013), mặc dù vậy mối liên hệ về hoạt động RT chỉ đạt được ở một mức độ hạn chế. Trên thực tế ở cấp độ vận hành, việc trao đổi thông tin được hỗ trợ thông qua các Biên bản ghi nhớ (MOU) do bộ ban ngành ký kết với nhau. MOU giữa các bộ ban ngành liên quan bao gồm các nội dung về nguyên tắc phối hợp, nội dung trao đổi thông tin, hình thức và điều khoản trao đổi thông tin, cơ quan trao đổi thông tin, trách nhiệm của các bên tham gia và hiệu lực của MOU. Trong trường hợp không có MOU, Điều 21 Nghị định số 116/2013 cho phép thực hiện trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan khác. Nghị định ủy quyền cho các cơ quan được điều chỉnh tại Điều này và các bộ liên quan ký kết các quy định về phối hợp và trao đổi thông tin mặc dù không có bằng chứng nào cho thấy các quy định này tồn tại khi MOU không được áp dụng.

31. *Tiêu chí 2.4* - Việt Nam ban hành Nghị định 81/2019 về phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt vào tháng 11/2019, theo đó Bộ Quốc phòng là cơ quan chủ trì phối hợp ở cả cấp chính sách và cấp vận hành, đồng thời đề ra một số cơ chế phối điều phối chính sách và hoạt động để phòng chống việc tài trợ cho hoạt động phổ biến vũ khí vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD). Bộ Quốc phòng hợp tác với các cơ quan thuộc ban điều phối quốc gia về PCRT và chống KB (Điều 13, Nghị định 81/2019).

32. *Tiêu chí 2.5* - Việt Nam có các cơ chế hợp tác và phối hợp được áp dụng triển khai thông qua NCC (xem 2.3). NCC tập hợp các cơ quan hữu quan để đảm bảo tính tương thích giữa các yêu cầu về PCRT/TTKB với các cơ chế quản lý và pháp lý khác liên quan đến bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư tại Việt Nam. Mặc dù Việt Nam có nghĩa vụ bảo mật nhưng dường như không có nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu cụ thể được áp dụng cho các cơ quan có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ bảo mật gây cản trở cho việc thực hiện các yêu cầu về PCRT/TTKB.

Trọng số và kết luận

33. Việt Nam đã thực hiện một số bước tích cực để cải thiện sự hợp tác và phối hợp. Việt Nam đã ban hành bốn kế hoạch hành động, được rà soát và cập nhật thường xuyên. Các kế hoạch hành động này hoạt động như các chính sách quốc gia và cung cấp thông tin cho các chính sách và hoạt động của các bộ liên quan, tuy nhiên rủi ro RT và TTKB chỉ có một vai trò hạn chế và Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ kế hoạch hành động hoặc chính sách được thông tin đầy đủ về rủi ro RT và TTKB. Hơn nữa, khi không có MOU, cơ chế hỗ trợ hợp tác và điều phối hoạt động còn chưa rõ ràng. **Khuyến nghị 2 được đánh giá tuân thủ phần lớn.**

Khuyến nghị 3 –Tội phạm rửa tiền

34. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần đối với các yêu cầu. Tội RT không được hinh sự hóa theo tất cả các yêu cầu của Công ước Vienna và Palermo; định nghĩa về "tài sản" quy định tại Bộ luật hình sự là chưa rõ ràng; một số loại phạm tội cần thiết về tội phạm nguồn chưa bị hình sự hóa, bao gồm tội TTKB, vi phạm bản quyền, giao dịch nội gián và thao túng thị trường, hay tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức và buôn bán ma túy; đồng thời pháp nhân không phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với tội RT theo Bộ luật Hình sự. Bộ luật hình sự mới 2015 đã đưa vào tội phạm RT mới, Bộ luật này đã được sửa đổi phần lớn vào năm 2017.

35. *Tiêu chí 3.1* - Tội RT được hình sự hóa tại Điều 324 Bộ luật hình sự sửa đổi 2015 năm, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2018. Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán số 03/2019 đưa ra hướng dẫn mang tính ràng buộc pháp lý đối với việc áp dụng Điều 324.

36. Điều 324 hình sự hóa tội RT áp dụng cho cả thể nhân và pháp nhân, phần lớn dựa trên Công ước Viên và Công ước Palermo. Điều 324 có bao gồm hành vi tham gia vào các giao dịch tài chính, ngân hàng và các giao dịch khác, sử dụng và che giấu tài sản có được

thông qua việc thực hiện tội phạm. Nghị quyết số 03/2019 đưa ra hướng dẫn thêm các nội dung được bao gồm trong mỗi loại hành vi này. Tuy nhiên, do hạn chế của Điều 324, khoản 1, đoạn (a) đối với hành vi tham gia giao dịch, không rõ ràng rằng tất cả các hình thức chuyển nhượng và chuyển đổi đều được điều chỉnh hay không như theo yêu cầu của các Công ước, bao gồm việc chuyển, gửi, hoặc giao hàng, vận chuyển, chuyển tin và thay đổi.

37. Bộ luật Hình sự 2015 quy định cả các tội hỗ trợ phạm tội và các chế tài xử lý liên quan áp dụng cho tất cả các loại tội phạm, bao gồm cả hành vi chuẩn bị phạm tội (Điều 14), các nỗ lực phạm tội (Điều 15) và đồng phạm (Điều 17), trong đó bao gồm các yếu tố như theo yêu cầu của các công ước (tham gia, liên kết hoặc có âm mưu thực hiện, cố gắng thực hiện và trợ giúp, tiếp tay, tạo điều kiện hay tư vấn cho việc thực hiện hành vi). Việc chuẩn bị cho việc thực hiện hành vi phạm tội về RT cũng bị hình sự hóa cụ thể tại khoản 4 Điều 324.

38. *Tiêu chí 3.2* **-** Các tội phạm nguồn về hoạt động RT bao gồm bất kỳ tội phạm nào được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015, đây là nguồn tội phạm hình sự cũng như các hình thức xử phạt duy nhất theo luật pháp Việt Nam. Các loại hình tội phạm được chỉ định theo quy định trong mục Thuật ngữ chung của Phương pháp FATF hầu hết đã được quy định trong Bộ luật hình sự 2015. Việc tham gia vào một nhóm tội phạm có tổ chức và buôn bán ma tuý không bị hình sự hóa riêng biệt ở Việt Nam, cũng không có tội phạm dựa trên âm mưu. Tuy nhiên, việc thực hiện tội phạm của một nhóm có tổ chức là một yếu tố tăng nặng cho nhiều tội phạm hình sự ở Việt Nam, làm tăng hình thức xử phạt áp dụng. Các hành vi phạm tội phụ trợ của đồng phạm (Điều 17, Bộ luật Hình sự 2015) cũng bao gồm các loại tội phạm có tổ chức.

39. Một số hành vi (như tham nhũng, buôn bán ma túy hoặc vũ khí, hầu hết các hình thức lừa đảo, v.v.) do các pháp nhân thực hiện không phải chịu trách nhiệm hình sự và do đó không có hành vi tội phạm nguồn vì mục đích RT. Có kẽ hở trong quy định về tội phạm nguồn về RT vì pháp nhân Việt Nam chỉ chịu trách nhiệm đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự 2015. Điều này bao gồm một số nhưng không phải tất cả các loại tội phạm được chỉ định và nó không áp dụng cho pháp nhân khác với pháp nhân doanh nghiệp. Theo Bộ luật Dân sự (Điều 75), pháp nhân doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp và các pháp nhân thương mại hoạt động vì lợi nhuận khác. Điều này có thể bao gồm các pháp nhân nước ngoài theo quy định của Bộ luật Hình sự (Điều 5).

40. *Tiêu chí 3.3* - Việt Nam không sử dụng cách tiếp cận có sử dụng ngưỡng hoặc cách tiếp cận kết hợp.

41. *Tiêu chí 3.4* **-** Tội danh RT được áp dụng đối với "tiền hoặc tài sản", có được thông qua việc thực hiện hành vi phạm tội, bất kể giá trị. Bộ luật hình sự 2015 không có định nghĩa về các thuật ngữ này. Tuy nhiên, Nghị định số 03/2019 định nghĩa "tiền" bao gồm VND, bất kỳ ngoại tệ, tiền mặt hoặc tiền trong tài khoản. Nghị quyết cũng định nghĩa về "tài sản" bằng cách dẫn chiếu Bộ luật Dân sự 2015 và quy định rằng tài sản bao gồm các vật dụng, giấy tờ có giá và quyền tài sản tồn tại ở dạng vật lý hoặc phi vật lý; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; tài liệu pháp lý hoặc công cụ chứng minh quyền sở hữu hoặc hưởng lợi đối với tài sản.

42. Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015, bao gồm định nghĩa về tài sản và Điều 106 đến 115 quy định cụ thể về các định nghĩa đó và bao gồm tất cả các loại tài sản có liên quan, bao gồm cả tài sản ảo. Tuy nhiên, vì hành vi phạm tội RT áp dụng đối với tiền hoặc tài sản có được thông qua việc thực hiện tội phạm, nên không rõ ràng rằng nó bao gồm cả tài sản đại diện gián tiếp cho tiền thu được từ tội phạm.

43. *Tiêu chí 3.5* **-** Khi chứng minh được tài sản là thu nhập có được hoạt động tội phạm, không nhất thiết một cá nhân phải bị kết án về một loại tội phạm nguồn. Tội RT được áp dụng đối với tiền hoặc tài sản có được thông qua việc thực hiện tội phạm. Nghị định số

03/2019 quy định rằng việc xác định hành vi phạm tội được dựa trên phán quyết của Tòa án; hoặc trên các tài liệu của tòa án (ví dụ: các quyết định truy tố, kết luận điều tra, cáo trạng); hoặc các tài liệu và bằng chứng xác định hành vi phạm tội (ví dụ: tài liệu hoặc bằng chứng từ INTERPOL) (Điều 2, Khoản 3). Điều này cho thấy rằng một bản án cuối cùng cho hành vi tội phạm nguồn là không cần thiết. Nghị quyết số 03/2019 cũng quy định rằng việc truy tố tội RT có thể được tiến hành đồng thời với việc truy tố các tội danh tội phạm nguồn.

44. *Tiêu chí 3.6* - Theo Điều 6, Bộ luật Hình sự 2015 có quy định với phạm vi áp dụng ngoài lãnh thổ liên quan đến:

a) Công dân Việt Nam hoặc pháp nhân Việt Nam hoặc người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện các hành vi được quy định là tội phạm theo Bộ luật hình sự; và

b) Cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài có hành vi phạm tội xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công dân Việt Nam hoặc lợi ích của Việt Nam hoặc theo thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

45. Điều 3, Khoản 1 Nghị định số 03/2019 quy định rằng các tội phạm nguồn bao gồm:

a) Hành vi phạm tội của công dân Việt Nam; tổ chức thương mại Việt Nam; và người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam; trong hoặc ngoài Việt Nam; và

b) Hành vi phạm tội được thực hiện bên ngoài Việt Nam của công dân nước ngoài và pháp nhân nước ngoài nếu các tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015, hoặc luật pháp tại quốc gia hoặc lãnh thổ sở tại nơi hành vi phạm tội được thực hiện.

46. Như vậy, các tội phạm nguồn của tội rửa tiền sẽ được mở rộng để xử lý các trường hợp xảy ra ở một quốc gia khác sẽ cấu thành tội phạm ở quốc gia đó cũng như sẽ cấu thành tội phạm nguồn đã xảy ra ở trong nước.

47. *Tiêu chí 3.7* - Điều 324 áp dụng cho tất cả những cá nhân thực hiện hành vi tội phạm nguồn. Trách nhiệm hình sự được áp dụng trong cả hai tình huống về hành vi tự rửa tiền và rửa tiền của bên thứ ba.

48. *Tiêu chí 3.8* - Theo Điều 324 của Bộ luật Hình sự 2015, yếu tố tinh thần của hành vi phạm tội RT là quan điểm rằng tiền hoặc tài sản có được thông qua việc thực hiện tội phạm. Các quy tắc về chứng cứ có thể được sử dụng để chứng minh hành vi phạm tội RT được quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

49. Điều 86 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định rằng bằng chứng bao gồm các tình tiết có giá trị để xử lý vụ án. Theo Điều 86 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Điều 2, Khoản 4 Nghị định số 03/2019 đưa ra các hướng dẫn về thời điểm một người được coi là có hiểu biết về về hành vi phạm tội của người khác, bao gồm việc đưa ra các ví dụ như tội phạm được báo cáo trên các phương tiện truyền thông hoặc một người biết rằng sự giàu có của người khác vượt xa mức thu nhập của họ. Điều này cho thấy sự hiểu biết có thể được suy ra từ hoàn cảnh thực tế khách quan.

50. Pháp luật hình sự Việt Nam không cấm việc có sự hiểu biết cần thiết đối với hành vi phạm tội RT được suy ra từ hoàn cảnh thực tế khách quan. Trường hợp của Tập đoàn Vinashin là bằng chứng cho việc tuân thủ tiêu chí này. Trong trường hợp này, việc một người cha đã mở và vận hành 22 tài khoản ngân hàng theo sự chỉ dẫn của con trai mình để nhận tiền và mua bất động sản và xe hơi sang trọng đã được chứng minh rằng ông ta biết rằng tiền là tiền có được từ hành vi phạm tội và cuối cùng ông ta đã bị kết án vì tội danh RT. Mặc dù cần lưu ý rằng vụ án này đã bị truy tố vì tội RT theo quy định tại Bộ luật Hình sự cũ (Điều 250).

51. *Tiêu chí 3.9* **-** Theo Điều 324, hình thức xử phạt đối với các cá nhân thực hiện hành vi RT là từ 1 đến 5 năm tù (Khoản 1). Các biện pháp xử phạt có thể được tăng lên đối với các tình tiết tăng nặng (khoản 2-3). Các hành vi chuẩn bị cho việc thực hiện hành vi phạm tội RT cũng chịu khung hình thức xử phạt từ 6-36 tháng tù (Khoản 4). Theo khoản 5, người phạm tội cũng có thể bị phạt tiền từ 20 triệu VND (850 USD) đến 100 triệu VND (4.300 USD) hoặc bị cấm giữ một số vị trí hoặc công việc nhất định trong thời gian 1-5 năm hoặc tịch thu của tất cả/một phần tài sản của người đó.

52. Hình thức xử phạt tù dành cho những thể nhân bị kết án RT tương xứng với những hình thức xử phạt có sẵn cho các tội phạm nghiêm trọng khác ở Việt Nam và được coi là có tính răn đe. Các mức phát tiền hiện được áp dụng là chưa tương xứng hoặc chưa có tính răn đe.

53. *Tiêu chí 3.10* **-** Trách nhiệm hình sự của pháp nhân về tội RT đã được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 khi sửa đổi Chương XI của Bộ luật Hình sự 2015 để xác định trách nhiệm hình sự của các pháp nhân doanh nghiệp. Phạm vi trách nhiệm hình sự của các pháp nhân doanh nghiệp được nêu tại Điều 76, trong đó cũng bao gồm nội dung tại Điều 324. Tuy nhiên, trách nhiệm hình sự của pháp nhân quy định tại Điều 76 BLHS bao gồm một số nhưng không phải tất cả các loại tội phạm nguồn và không áp dụng cho tất cả các pháp nhân ngoài pháp nhân doanh nghiệp.

54. Điều 75 Bộ luật hình sự quy định các điều kiện để pháp nhân doanh nghiệp chịu trách nhiệm hình sự và nêu rõ thực tế pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự sẽ không loại trừ trách nhiệm hình sự của thể nhân.

55. Các mức xử phạt được áp dụng hiện nay được coi là tương xứng và có tính răn đe, theo đó các khoản tiền phạt là từ 1.000.000.000 VND (43.160 USD) đến 10.000.000.000 (430.600 USD), kèm theo có thể đình chỉ hoạt động hay bắt buộc duy trì vận hành hay cấm hoạt động trong một số lĩnh vực hoặc tăng vốn bắt buộc (Điều 324).

56. Trách nhiệm hình sự và chế tài xử phạt đối với tội RT chỉ áp dụng đối với pháp nhân doanh nghiệp mà không áp dụng đối với pháp nhân phi thương mại. Tuy nhiên, theo Nghị định số 12/2012 (Điều 15), Nghị định số 30/2012 (Điều 37-38) và Nghị định số 45/2010 (Điều 29), các NPO nước ngoài và trong nước có thể bị đình chỉ, rút giấy phép đăng ký, hoặc phải giải thể vì có hành vi RT.

57. *Tiêu chí 3.11* **–** Tội Đồng phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015, áp dụng đối với tất cả các loại tội phạm, bao gồm việc chuẩn bị hành vi phạm tội (Điều 14), các nỗ lực phạm tội (Điều 15) và Đồng phạm (Điều 17). Tội đồng lõa bao gồm các yếu tố tiếp nối, tạo điều kiện; và tư vấn cho hành vi phạm tội. Việc chuẩn bị cho việc thực hiện hành vi phạm tội RT cũng được hình sự hóa cụ thể tại khoản 4 Điều 324.

Trọng số và kết luận

58. Có những thiếu sót trung bình với việc hình sự hóa RT, vì hành vi phạm tội RT chưa bao gồm cả hành vi chuyển nhượng hay chuyển đổi. Có một số bất cập vừa phải đối với hình sự hóa pháp nhân tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự bao gồm một số nhưng không phải tất cả các loại tội phạm được chỉ định và không áp dụng cho tất cả các pháp nhân ngoài pháp nhân thương mại. Điều này ngụ ý rằng nếu các hành vi như tham nhũng, buôn bán ma túy hoặc vũ khí và hầu hết các hình thức gian lận được thực hiện bởi các pháp nhân doanh nghiệp hoặc bất kỳ hành vi nào được thực hiện bởi các pháp nhân phi thương mại, thì sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự và do đó không có hành vi phạm tội mục đích của RT. Ngoài ra, không rõ rằng các tội này có mở rộng đến cả tài sản thể hiện gián tiếp số tiền do phạm tội mà có hay không. **Khuyến nghị 3 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 4 – Tịch thu và các biện pháp dự phòng

59. Tại Báo cáo ĐGĐP năm 2009, Việt Nam được đánh giá tuân thủ một phần đối với các yêu cầu. Thiếu các quy định cụ thể để cho phép các cơ quan chức năng phong tỏa, tạm giữ và thực hiện các biện pháp tạm thời. Dường như không có bất kỳ văn bản luật cụ thể nào cho phép xác định và truy tìm số tiền thu được từ việc phạm tội và không có quy định hình sự nào cho phép vô hiệu hóa các hợp đồng được thiết kế nhằm mục đích cản trở hoạt động tịch thu.

Tiêu chí 4.1

60. Khung pháp lý của Việt Nam áp dụng hình thức tịch thu hình sự (dựa trên bản án) theo Bộ luật Hình sự 2015, Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Luật PCRT 2012. Các luật này bao gồm hành vi rửa tài sản, tiền thu được từ hoạt động tội phạm và các quyền lợi, công cụ khác. Phán quyết của toà án đưa ra cơ chế để tịch thu tài sản có giá trị tương đương, tuy nhiên, không có quy định rõ ràng về tài sản có giá trị tương đương.

61. *4.1(a)* – Điều 45 Bộ luật hình sự 2015 quy định về việc tịch thu tài sản của các bị cáo hình sự và bên thứ ba. Điều 45, 46, 47 của Bộ luật Hình sự 2015 quy định các biện pháp tư pháp có sẵn đối với các cá nhân và pháp nhân phạm tội. Những biện pháp này bao gồm tịch thu tài sản liên quan trực tiếp đến tội phạm nghiêm trọng; bao gồm các tội phạm rửa tiền.

62. Điều 45 Bộ luật hình sự 2015 quy định *Tài sản do các* bên thứ ba nắm giữ trong hoạt động tội phạm có thể bị tịch thu. Điều 47 Bộ luật hình sự quy định về việc tịch thu tài sản của người thứ ba được sử dụng để phạm tội trong trường hợp người này cho phép người phạm tội sử dụng nó để thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ, nếu chủ nhà kho biết rằng người thuê sử dụng hoa hồng của nhà kho để lưu trữ và bán ma túy).

63. Việc tịch thu tài sản cũng có thể được áp dụng như một hình thức xử phạt tăng cường cho một số hành vi phạm tội nhất định. Khoản 5 Điều 324 Bộ luật Hình sự 2015 (liên quan đến tội phạm rửa tiền) có quy định việc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản của cá nhân đã phạm tội RT.

64. *4.1(b)* – Ngoài Điều 45 Bộ luật hình sự 2015, Điều 46 (1) (a) 5 quy định cung cấp các biện pháp tư pháp để tịch thu tiền và các vật dụng liên quan trực tiếp đến tội phạm. Điều 47 của Bộ luật hình sự có quy định về việc tịch thu các công cụ phạm tội, lợi nhuận bất hợp pháp (như thu nhập có được từ việc phạm tội) và các mặt hàng bị Nhà nước cấm.

65. *4.1(c)* – Việc tịch thu tài sản là số tiền thu được hoặc được sử dụng vào mục đích hoặc được phân bổ để sử dụng vào mục đích tài trợ cho khủng bố, hoạt động khủng bố hoặc tổ chức khủng bố thuộc quy định tại Điều 299 và Điều 300 của Bộ luật Hình sự năm 2015, phù hợp với các quy định tại Điều 45 đến Điều 47 của BLHS).

66. *4.1(d)* - Việt Nam sử dụng biện pháp thông qua bản án của tòa án để tịch thu những thiệt hại phát sinh từ hành vi phạm tội làm cơ chế thu hồi tài sản có giá trị tương ứng. Tuy nhiên, một số ý kiến còn lo ngại là các quy định cụ thể về tịch thu tài sản có giá trị tương ứng (Luật Thi hành án dân sự số 12 / VBHN-VPQH ngày 11/12/2014) có khoảng trống về phạm vi và chưa được kiểm tra bởi các tòa án cấp trên.

Tiêu chí 4.2

67. Tất cả các loại tài sản đều có thể bị kê biên , nhưng chỉ có tài khoản ngân hàng mới có thể bị phong tỏa. Trong Bộ luật Hình sự 2015 và Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, thuật ngữ "distraint " được sử dụng. Nhóm đánh giá đã được thông báo rằng nội dung này đề cập đến việc "kê biên – restraint " tài sản.

68. *Tiêu chí 4.2(a)* –Hiện có các biện pháp sẵn có mà các cơ quan có thẩm quyền có thể vận dụng để cho phép họ xác định và truy tìm tài sản thuộc diện có thể bị tịch thu. Nhìn rộng ra, Điều 5 và 6 của Bộ luật Tố tụng Hình sự có quy định trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc điều tra và phòng chống tội phạm theo luật đó. Hơn nữa, Điều 35 đến 42 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định việc phân bổ trách nhiệm cho các cơ quan điều tra để thu thập tài liệu và bằng chứng trong quá trình điều tra theo quy định. Ví dụ, Điều 36 (2) ủy quyền cho người đứng đầu và Phó thủ trưởng cơ quan điều tra đưa ra quyết định liên quan đến việc khám xét và Điều 37 quy định việc ủy quyền cho các điều tra viên tiến hành khám xét. Điều 38 quy định thẩm quyền và trách nhiệm đối với các cán bộ điều tra của các cơ quan có thẩm quyền (xem thêm Khuyến nghị số 30 và 31). Các Điều 36 đến 44 Luật PCRT 2012 cũng nêu chi tiết trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong các công tác điều tra PCRT Điều 39 đến 49 về Luật Chống khủng bố 2013 cũng quy định trách nhiệm và quyền hạn tương tự đối với các cơ quan điều tra (xem thêm c4.2 (d)).

69. *4.2(b)* - Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định các biện pháp tạm thời để áp dụng mà không cần thông báo trước, liên quan đến tiền thu được từ tội phạm, cụ thể là; Điều 128 (liên quan đến việc kê biên tài sản), Điều 129 (liên quan đến phong tỏa tài khoản ngân hàng). Như đã lưu ý ở trên, Điều 437 và Điều 438 mô tả hoạt động kê biên tài sản và phong tỏa tài khoản ngân hàng.

70. Điều 34 của Luật PCRT năm 2012 quy định quyền cho các đối tượng báo cáo phong tỏa tài khoản, áp dụng niêm phong hoặc tạm giữ tài sản của cá nhân và pháp nhân theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, Luật PCRT 2012 chỉ quy định việc phong tỏa tài khoản. Điều 23 của Nghị định số 116/2012 (được sửa đổi bởi Điều 13 của Nghị định 87/2019) có mở rộng các quyền hạn này để cho phép việc niêm phong và tạm giữ tài sản khác theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Các tài sản là tang vật có thể được bảo quản theo Điều 90 và Điều 105 đến 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, nhằm ngăn chặn việc giao dịch, chuyển nhượng hoặc tẩu tán các tài sản đó.

71. Điều 10 Luật Chống khủng bố quy định rằng tiền, tài sản liên quan đến hoạt động khủng bố, TTKB cần phải được ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý theo luật pháp và quy định hiện hành.

72. *4.2(c)*–Hiện chưa có quy định nào cho phép chính quyền thực hiện các bước để vô hiệu hóa hoặc ngăn chặn các hành động làm phương hại đến khả năng của một quốc gia trong việc phong tỏa, tịch thu hoặc thu hồi tài sản thuộc diện phải bị tịch thu.

73. *4.2(d)* - Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định quy trình để cơ quan điều tra thu thập chứng cứ. Ví dụ, Điều 88 của Bộ luật Tố tụng Hình sự ủy quyền cho các cơ quan điều tra yêu cầu các cơ quan và tổ chức khác cung cấp bằng chứng, tài liệu, vật phẩm, dữ liệu điện tử và thông tin thực tế. Điều 92 đến 97 quy định về các khoản ký gửi được lấy từ một số cá nhân nhất định (nghi phạm, người cung cấp thông tin, nhân chứng) liên quan đến hành vi phạm tội. Điều 107 liên quan đến việc thu lại các tài liệu và dữ liệu điện tử. Điều 108 liên quan đến việc kiểm tra và đánh giá chứng cứ. Điều 192 đến 198 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 cũng có các điều khoản liên quan đến việc khám xét, tạm giữ và kiểm tra các vật phẩm điện tử trong quá trình điều tra. Điều 223 đến 228 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định thủ tục đặc biệt về điều tra hình sự áp dụng cho hoạt động rửa tiền và khủng bố (cùng với các tội khác). Điều 168 yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền và các đối tượng tuân thủ các yêu cầu từ cơ quan điều tra. Điều 28 của Luật PCRT 2012 cũng yêu cầu các đối tượng báo cáo phải cung cấp các tệp, tài liệu được lưu trữ và các thông tin liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước được giao ủy quyền khác khi có yêu cầu (xem thêm Khuyến nghị số 31 và Khuyến nghị 4.2 (a) đến (c)).

74. *Tiêu chí 4.3* - Việt Nam có các điều khoản liên quan đến bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba ngay tình. Khoản 2, Điều 47 và 48 của Bộ luật Hình sự 2015 quy định việc trả lại

tiền hoặc vật phẩm bị chiếm đoạt bất hợp pháp cho chủ sở hữu hợp pháp hoặc để bồi thường thiệt hại. Điều 93 của Luật Tham nhũng 2018 có các điều khoản tương tự quy định việc bảo vệ quyền lợi của các bên thứ ba ngay tình. Điều 133 Bộ luật Dân sự 2015 quy định các biện pháp bảo vệ cho các bên thứ ba ngay tình trong các giao dịch dân sự không hợp lệ như đã được xác định tại Điều 122 đến123 của Bộ luật Dân sự.

75. *Tiêu chí 4.4* - Việt Nam có cơ chế quản lý tài sản bị tạm giữ trong quá trình tố tụng hình sự. Công văn số 3235 ngày 4 tháng 10 năm 2019 thiết lập các cơ chế liên quan đến việc tạm giữ và kiểm soát, tiêu hủy hoặc xử lý tài sản đối với tài sản bị tịch thu, phong tỏa hoặc kê biên cũng như cách thức các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bị tịch thu.

76. Tài sản là tang vật có thể được bảo quản theo Điều 90 và Điều 105 đến 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nhằm ngăn chặn việc giao dịch, chuyển nhượng hoặc tẩu tán các tài sản đó. Những tang vật như vậy có thể bao gồm khoản thu nhập đã bị kê biên của tội phạm. Bộ luật hình sự 2015 cũng quy định một số điều khoản hạn chế liên quan đến việc quản lý tài sản, ví dụ, Điều 45 quy định rằng tịch thu có nghĩa là "việc tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của người bị kết án để nộp ngân sách nhà nước". Điều 46 đến 47 quy định một số điều khoản ở mức hạn chế liên quan đến việc "trả lại hoặc sửa chữa" tài sản. Điều 128 đến 130 có một số quy định ở mức hạn chế liên quan đến việc chấm dứt quá trình kê biên và phong tỏa tài sản.

Trọng số và kết luận

77. Việt Nam hiện có áp dụng các biện pháp để tịch thu, tạm giữ và phong tỏa tài sản, bao gồm một số biện pháp bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba thành thật. Những thiếu sót trung bình của các biện pháp này bao gồm việc chưa có quy định tịch thu tài sản có giá trị tương ứng, cùng với việc không có quy định nhằm vô hiệu hóa hoặc ngăn chặn các hành động có thể làm ảnh hưởng đến việc tiến hành tịch thu trong tương lai. **Khuyến nghị 4 được đánh giá tuân thủ một phần**.

Khuyến nghị 5 – Tội phạm tài trợ khủng bố

78. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ với các yêu cầu vì TTKB chưa bị hình sự hóa. Báo cáo theo dõi tiến độ năm 2012 đã nâng hạng SR.II lên mức tương đương với tuân thủ phần lớn vì đã sửa đổi Bộ luật hình sự năm 1999.

79. *Tiêu chí 5.1* - Tội danh TTKB được hình sự hóa tại Điều 300 Bộ luật Hình sự 2015, sau đó đã được sửa đổi vào năm 2017. Tuy nhiên, Điều khoản này chỉ hình sự hóa việc huy động và cung cấp tiền hoặc tài sản cho các tổ chức khủng bố hoặc cá nhân khủng bố.

80. Tổ chức khủng bố và cá nhân khủng bố không được định nghĩa, nhưng có thể được hiểu liên quan tới định nghĩa về khủng bố trong Điều 112 và 299 của Bộ luật Hình sự 2015 cùng định nghĩa về khủng bố trong Luật Chống tài trợ khủng bố năm 2013 (Điều 3). Theo Điều 299, một cá nhân có hành vi phạm tội khi xâm phạm tính mạng của người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, gây ra tình trạng hoảng sợ cho công chúng hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào sau đây: thành lập hoặc tham gia vào một tổ chức khủng bố hoặc tổ chức TTKB; Cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố; Xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe hoặc chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Khi mục đích là chống lại chính phủ thì Điều 113 sẽ được áp dụng.

81. Mặc dù các tội danh theo Điều 299 và 113 được định khung theo nghĩa "gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng" và "xâm phạm tính mạng", tương ứng khi được tham khảo đồng thời định nghĩa về khủng bố tại Điều 3 của Luật Chống khủng bố 2013, hành vi này cũng được áp dụng mở rộng đến hành vi gây ra cái chết hoặc thương tích cơ thể nghiêm trọng để ép buộc một chính phủ hoặc tổ chức quốc tế phải thực hiện hoặc không thực hiện

bất kỳ hành động nào. Việc cung cấp hoặc huy động tiền để hỗ trợ một hành động như vậy được coi là chuẩn bị cho hành vi phạm tội.

82. Tuy nhiên, khi hành vi phạm tội khủng bố có khung áp dụng rộng rãi nhưng chưa rõ có bao gồm tất cả các hành vi cấu thành tội phạm trong các điều ước được liệt kê trong phụ lục của Công ước về TTKB hay chưa. Hơn nữa, vì các hành vi TTKB bị hình sự hóa như là hành vi chuẩn bị cho khủng bố nên có sự hoài nghi rằng liệu các khía cạnh cụ thể của Điều 2 của Công ước TTKB có được bao gồm hay chưa, nghĩa là hành vi tài trợ trực tiếp hoặc gián tiếp; các sự nhận thức cần thiết hoặc cố tình; tài trợ toàn phần hay một phần, vv….

83. Không nhất thiết là các khoản tiền đó phải thực sự được sử dụng để thực hiện một vụ tấn công khủng bố để cấu thành hành vi chuẩn bị cho TTKB (Điều 300).

84. *Tiêu chí 5.2* **-** Theo Điều 300 của Bộ luật Hình sự 2015, việc một cá nhân huy động hoặc cung cấp tiền hoặc tài sản, dưới bất kỳ hình thức hay cách thức nào cho các tổ chức khủng bố hoặc cá nhân khủng bố là một hành vi phạm tội. Không cần phải có sự liên kết đến một hành động hoặc một số hành động khủng bố cụ thể nào đó. Điều khoản này cũng quy định cụ thể việc hình sự hóa hành vi chuẩn bị phạm tội. Không có sự hình sự hoá rõ ràng cho hành động TTKB.

85. Hành vi TTKB (Điều 300) áp dụng ngay cả khi tiền hoặc tài sản chỉ được sử dụng một phần để tài trợ cho khủng bố hoặc một tổ chức khủng bố hoặc nếu nó được sử dụng để gián tiếp tài trợ cho việc khủng bố hoặc một tổ chức khủng bố.

86. *Tiêu chí 5.2^{bis}* **-** Bộ luật Hình sự 2015 không hình sự hóa cụ thể hành vi tài trợ cho việc đi lại của các cá nhân đến một quốc gia khác ngoài quốc gia cá nhân đó cư trú hoặc có quốc tịch nhằm mục đích thực hiện, lập kế hoạch, hoặc chuẩn bị, hoặc tham gia vào các hành vi khủng bố hoặc tiến hành cung cấp hoặc nhận *đào tạo khủng bố***.** Vì thuật ngữ khủng bố không được định nghĩa trong luật pháp Việt Nam, nên không rõ liệu hành vi phạm tội chung về TTKB (Điều 300) có được mở rộng bao gồm cho cả những cá nhân này hay không.

87. *Tiêu chí 5.3* **-** Tội danh TTKB của Việt Nam áp dụng đối với hành vi cung cấp và thu thập "tiền" và "tài sản". Thuật ngữ “tài sản” được định nghĩa dẫn chiếu theo Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo Chương VII của Bộ luật Dân sự 2015, thuật ngữ "tài sản" bao gồm các vật thể di động và bất động, tiền, giấy tờ có giá và quyền sở hữu. Như vậy, thuật ngữ “tài sản” đủ rộng để bao gồm cả các tài sản ảo. Luật pháp không có quy định nào hạn chế việc áp dụng tội danh TTKB đối với tài sản có được từ một nguồn bất hợp pháp.

88. *Tiêu chí 5.4* **-** Điều 300 của Bộ luật Hình sự 2015 và TTKB theo quy định tại Điều 3 của Luật Chống khủng bố 2013 không yêu cầu tài sản phải được sử dụng để dự định thực hiện (các) một hành động khủng bố hoặc có liên quan đến (các) một hành vi khủng bố cụ thể. Không có sự hình sự hoá rõ ràng cho hành động TTKB.

89. *Tiêu chí 5.5* **-** Mặc dù trong luật pháp Việt Nam không quy định rõ rằng ý định hoặc hiểu biết có thể được suy luận từ hoàn cảnh thực tế khách quan, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định rằng chứng cứ là “những gì có thật”. Theo nghĩa này, dường như các thông tin thực tế có thể được sử dụng để chứng minh hành vi phạm tội hoặc sự vô tội của bị cáo. Như đề cập trong Khuyến nghị số 3, có một số trường hợp hoàn cảnh thực tế khách quan có thể được sử dụng để suy diễn.

90. *Tiêu chí 5.6* **-** Hành vi phạm tội TTKB bị phạt tù từ 5-10 năm, ngoài ra, phạt quản chế hoặc cấm cư trú trong 1-5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, có thể được áp dụng cho thể nhân (Điều 300, Bộ luật Hình sự 2015). Hình thức xử phạt này được coi là tương xứng và mang tính chất răn đe.

91. Không có sự hình sự hóa rõ ràng nào về việc tài trợ cho một hành động khủng bố và do đó các biện pháp trừng phạt hình sự như vậy không áp dụng đối với những thể nhân bị kết tội tài trợ cho một hành động khủng bố.

92. *Tiêu chí 5.7* - Theo Điều 76 của Bộ luật Hình sự 2015, pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với các tội danh được quy định tại Điều này, trong đó bao gồm Điều 300. Tuy nhiên, nó không bao gồm các pháp nhân phi thương mại. Ngoài ra, không có hình sự hóa rõ ràng các hành vi tài trợ khủng bố và các biện pháp trừng phạt hình sự như vậy không áp dụng cho pháp nhân bị kết án về hành động TTKB.

93. Khoản 4, Điều 300 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi năm 2017, quy định rằng một pháp nhân doanh nghiệp phải chịu hình thức xử phạt tiền từ 7.000.000.000 VND (300,000 USD) đến 15.000.000.000 VND (650,000 USD), đình chỉ vĩnh viễn hoặc đình chỉ tạm thời hoạt động trong thời gian từ 6-36 tháng. Trường hợp các hoạt động của pháp nhân gây thiệt hại hoặc có thể gây tổn hại đến tính mạng, sức khỏe của nhiều người, gây ra các trường hợp khẩn cấp về môi trường hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến trật tự, an ninh xã hội và thiệt hại không thể được sửa chữa, hoặc khi pháp nhân được thành lập với mục đích duy nhất là phạm tội hình sự, thì sẽ bị đóng cửa vĩnh viễn. Hơn nữa, có các hình thức xử phạt bổ sung ừ tiền phạt từ 1.000.000.000 VND (USD45,000) đến 5.000.000.000 VND (USD215,000), hay việc cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc tăng vốn bắt buộc trong 1-3 năm cũng có thể được áp dụng.

94. Trong khi hình thức xử phạt hình sự chỉ áp dụng đối với pháp nhân thương mại, theo Nghị định số 12/2012 (Điều 15), Nghị định số 30/2012 (Điều 37-38) và Nghị định số 45/2010 (Điều 29), các NPO trong nước và nước ngoài có thể bị đình chỉ, rút giấy phép đăng ký hoặc giải thể vì có hành vi TTKB.

95. Mặc dù có áp dụng những hình thức xử phạt mang tính răn đe, nhưng nhìn chung hình thức xử phạt dành cho các pháp nhân thương mại không được coi là tương xứng và không có tính răn đe vì chỉ áp dụng chế tài đình chỉ hoạt động trong 6 tháng.

96. Điều 75 (2) quy định rằng trách nhiệm pháp lý của các pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của các cá nhân.

Tiêu chí 5.8

97. 5.8 (a): Bộ luật hình sự hình sự hóa hành vi chuẩn bị phạm tội (Điều 14) và hành vi cố gắng phạm tội (Điều 15). Khoản 2, Điều 300 quy định rằng một người có hành vi chuẩn bị cho hoạt động TTKB phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, không có sự hình sự hoá rõ ràng cho hành vi tài trợ khủng bố, các hành vi hỗ trợ phạm tội bao gồm hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi cố gắng phạm tội không được áp dụng.

98. 5.8 (b) (c) và (d): Điều 17 Bộ luật hình sự 2015 quy định rằng người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hiện, người xúi giục hoặc người giúp sức. Người đồng phạm phải chịu trách nhiệm hình sự giống như người thực hiện, nhưng mức độ xử phạt khác nhau tùy thuộc vào bản chất của sự đồng lõa và mức độ tham gia. Hành vi hỗ trợ phạm tội này áp dụng cho cả Khoản 4, Điều 299 và Điều 300.

99. *Tiêu chí 5.9* - Việt Nam đã áp dụng tất các cách tiếp cận về tội phạm đối với các tội phạm nguồn về RT, có nghĩa là tất cả các tội phạm đều được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 bao gồm cả tội TTKB, đều là tội phạm nguồn về RT. Nghị quyết số 03/2019 của Hội đồng Thẩm phán cung cấp hướng dẫn bổ sung về việc vận dụng Điều khoản 324 về tội phạm RT và quy định rằng TTKB là hành vi tội phạm nguồn đối với RT. Trong trường hợp không có sự hình sự hoá rõ ràng cho hành vi TTKB, số tiền thu được từ hành vi này không được coi là tội phạm nguồn về rửa tiền.

100. *Tiêu chí 5.10* - Hành vi phạm tội TTKB (Điều 300) không yêu cầu người bị cáo buộc phải thực hiện hành vi phạm tội ở cùng quốc gia nơi có (các) tổ chức hoặc cá nhân khủng bố hoặc khủng bố, hoặc nơi hành động khủng bố đã xảy ra hoặc sẽ xảy ra.

Trọng số và kết luận

101. Khung pháp lý về hình sự hóa hành vi TTKB có những thiếu sót ở mức vừa phải. Bối cảnh và rủi ro tổng thể về TTKB của Việt Nam thấp được cân nhắc khi xem xét các thiếu xót. Các thiếu sót bao gồm việc hình sự hóa các hành vi TTKB; tài trợ cho việc đi lại của các cá nhân có mục đích thực hiện các hành vi khủng bố hoặc việc thực hiện cung cấp hoặc tiếp nhận việc đào tạo khủng bố lại không bị hình sự hóa. Có một số kẽ hở trong chế tài xử phạt, đặc biệt là các biện pháp xử phạt hoạt động tài trợ cho các hành vi khủng bố (chuẩn bị cho khủng bố) và đối với pháp nhân. Khuyến nghị 5 được đánh giá là tuân thủ phần lớn.

Khuyến nghị 6 – Hình phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố

102. Tại Báo cáo ĐGĐP 2009, Việt Nam được đánh giá là không tuân thủ các yêu cầu này. Việt Nam thiếu quy định cụ thể để thực hiện các hình phạt tài chính mục tiêu (TFS); thực hiện không phù hợp các khuyến nghị liên quan của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc (UNSCRs); thiếu các quy trình thủ tục để đưa vào hoặc đưa ra khỏi danh sách chỉ định; không có khả năng phong tỏa hoặc dỡ bỏ phong tỏa tài sản và thiếu các hướng dẫn. Việt Nam sau đó đã ban hành Nghị định số 122/2013, như là một cơ sở pháp lý để thực hiện các hình phạt tài chính mục tiêu liên quan đến TTKB.

Xác định và chỉ định

Tiêu chí 6.1 -

103. *6.1 (a)*: Bộ Công an chịu trách nhiệm làm đầu mối và phối hợp với các cơ quan liên quan khác để đề xuất danh sách cá nhân hoặc tổ chức chỉ định bởi UNSC và Thủ tướng Chính phủ đưa ra quyết định về việc có trình đề xuất này lên Ủy ban UNSC có liên quan theo khoản 1, Điều 12 Nghị định số 122/2013. Bộ Ngoại giao trên thực tế sau đó là cơ quan chịu trách nhiệm trình đề xuất này lên các Ủy ban UNSC có liên quan để xem xét.
104. *6.1 (b)*: Bộ Công an chịu trách nhiệm chính trong việc xác định các cá nhân và tổ chức liên quan đến khủng bố và TTKB theo các UNSCRs với mục tiêu đề xuất danh sách chỉ định theo Khoản 1, Điều 12 của Nghị định số 122/2013.
105. Bộ Công an xác định các mục tiêu chỉ định thông qua thu thập thông tin tình báo, hoạt động điều tra và thông tin trao đổi từ các quốc gia khác. Quy trình đề xuất danh sách chỉ định của Liên hợp quốc và trong nước được mô tả trong Quyết định số 2570/2018 của Cục an ninh nội địa – Bộ Công an.
106. *6.1 (c)*: Nghị định số 122/2013 không nêu rõ tiêu chuẩn bằng chứng chứng minh khi xem xét việc quyết định liệu có hoặc không đề xuất danh sách chỉ định, Việt Nam cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu nào khác đề cập đến các tiêu chuẩn bằng chứng để thực hiện quy trình này. Đề xuất danh sách chỉ định không phải là điều kiện đối với quy trình tố tụng hình sự hiện hành.
107. *6.1 (d)* - (e): Việt Nam không đề xuất bất kỳ danh sách chỉ định nào tại Ủy ban 1267/1989 và 1988, nhưng có khuyến nghị rằng quốc gia này sẽ tuân theo tất cả các quy trình và mẫu chuẩn của UNSC để đề xuất danh sách chỉ định càng chi tiết càng tốt, như cách thức mà Việt Nam đã làm.

Tiêu chí 6.2 -

108. *6.2 (a)*: Bộ Công an chịu trách nhiệm chính trong việc chỉ định những cá nhân hoặc tổ chức đáp ứng các tiêu chí chỉ định; hoặc được xác định bởi Việt Nam theo Mục (c) và (d), Khoản 1, Điều 11, Nghị định 122/2013, theo yêu cầu của một quốc gia khác, theo Mục (b),

Khoản 1 hoặc trên cơ sở yêu cầu của các UNSCR, theo Mục (a), Khoản 1. Theo Điều 11, các cá nhân và tổ chức liên quan đến hoạt động khủng bố và TTKB có thể bị chỉ định. Điều này bao gồm cả những người thực hiện hoặc cố gắng thực hiện các hành vi khủng bố hoặc tham gia hoặc tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi khủng bố. Tuy nhiên, không rõ ràng rằng điều này có bao gồm các thực thể được sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hay gián tiếp bởi những cá nhân này hay không, hoặc hững cá nhân và tổ chức hoặc hoạt động núp bóng hoặc theo sự chỉ đạo của những cá nhân và tổ chức đó.

109. *6.2 (b):* Bộ Công an chịu trách nhiệm là cơ quan đầu mối phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan có liên quan khác để xác định các cá nhân và tổ chức để chỉ định theo Khoản 2, Điều 11 của Nghị định 122/2013. Các cá nhân được xác định thông qua kết quả điều tra, truy tố và xét xử cũng như thông qua các hoạt động chuyên môn khác của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và dựa trên các yêu cầu từ các quốc gia khác.

110. Tiêu chí *6.2 (c)*: Bộ Công an chịu trách nhiệm là đơn vị đầu mối xem xét các yêu cầu của các quốc gia khác trong việc thực hiện chỉ định. Nếu có cơ sở hợp lý để tin rằng một cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến khủng bố và/hoặc TTKB, Bộ Công an sẽ xác định xem có đưa cá nhân hoặc tổ chức đó vào danh sách hay không (Khoản 1, Điều 13, Nghị định số 122/2013). Việc này phải được thực hiện kịp thời (Khoản 2, Điều 4, Nghị định 122/2013) và trên thực tế, Việt Nam ưu tiên các yêu cầu này theo chính sách thường trực để chứng minh sự hợp tác chủ động và tích cực trong chính sách đối ngoại.

111. *6.2 (d)*: Bộ Công an là đơn vị đầu mối trong việc đánh giá và thẩm định xem thông tin phục vụ việc chỉ định có đáp ứng các tiêu chí quy định tại Khoản 1, Điều 11 của Nghị định 122/2013 hay không. Các đề xuất chỉ định không phải là điều kiện để thực hiện quy trình tố tụng hình sự. Quyết định số 2570/QĐ-ANND-P8 của Bộ Công an có mô tả quy trình nội bộ để thực hiện chỉ định, sử dụng các thuật ngữ "có cơ sở đầy đủ" và "căn cứ để chứng minh" (Điều 2, Khoản 1 (b) và 1 (c)) như một tiêu chuẩn bằng chứng để chứng minh.

112. *6.2 (e)*: Khi yêu cầu các quốc gia khác thực hiện các biện pháp TFS liên quan đến một cá nhân hoặc tổ chức, Bộ Công an là cơ quan đầu mối cung cấp các thông tin và bằng chứng hỗ trợ cho các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài (Khoản 2, Điều 13, Nghị định số 122/2013). Điều này bao gồm cả thông tin từ các cơ quan tư pháp và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Bộ Ngoại giao chuyển các yêu cầu bằng văn bản đến các đại sứ quán, và trong đó bao gồm các thông tin như tên tổ chức, tên các cá nhân chính cùng với ngày tháng năm sinh của họ, các thông tin chi tiết liên quan đến hành động khủng bố hoặc các hành động có khả năng xảy ra trong tương lai, đồng thời yêu cầu quốc gia tiến hành điều tra. Tuy nhiên, ví dụ về những yêu cầu Việt Nam cung cấp không yêu cầu các quốc gia phong tỏa tài sản hoặc quỹ, hoặc chỉ định các tổ chức và cá nhân.

Tiêu chí 6.3 -

113. *6.3 (a)*: Bộ Công an, với tư cách là cơ quan đầu mối về lĩnh vực TTKB có thẩm quyền theo Luật An ninh Quốc gia 2004 (Điều 24, Khoản 1, Mục (b)) yêu cầu các cơ quan, tổ chức và/hoặc cá nhân cung cấp thông tin và các tài liệu khi có căn cứ để xác định rằng họ có liên quan đến các "hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia".

114. *6.3 (b)*: Bộ Công an và các cơ quan có thẩm quyền khác có thể vận dụng cơ chế ex parte (đơn phương) đối với các cá nhân hoặc tổ chức đang được xem xét đưa vào danh sách chỉ định. Theo khoản 3, Điều 4, Nghị định số 122/2013, tên và thông tin của các cá nhân và tổ chức đang được xem xét chỉ định sẽ được giữ bí mật cho đến khi đề xuất chỉ định được hoàn thành và công bố.

Phong tỏa

115. *Tiêu chí 6.4* - Điều 11 của Nghị định 122/2013 thiết lập một danh sách các cá nhân và tổ chức liên quan đến khủng bố/tài trợ khủng bố (danh sách đen), đây là cơ chế mà Việt Nam thực hiện các TFS không trì hoãn. Nghĩa vụ thực hiện TFS được kích hoạt bằng cách bổ

sung tên vào danh sách đen. Danh sách đen này được công bố rộng rãi trên trang web của Bộ Công an.

116. Đối với danh sách chỉ định của Nghị quyết 1373 của UNSC, Bộ Công an làm đầu mối phối hợp với Bộ ngoại giao, Bộ Quốc phòng và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để chỉ định các cá nhân hoặc tổ chức mới, và một khi các đối tượng được bổ sung vào danh sách đen thì lệnh xử phạt TTKB được triển khai không chậm trễ.

117. Đối với các cơ chế xử phạt theo Nghị quyết 1267/1989 và 1988 của UNSC, là một phần trong danh sách đen, trang web của Bộ Công an cung cấp một đường dẫn trực tiếp đến danh sách trừng phạt được chỉ định của Liên Hợp Quốc được đăng tải trên trang web của Liên Hợp Quốc. Như vậy, không có sự chậm trễ giữa việc chỉ định của Liên Hợp Quốc và quá trình cập nhật danh sách đen.

Tiêu chí 6.5

118. Bộ Công an là cơ quan có thẩm quyền trong nước chịu trách nhiệm triển khai và thi hành các TFS liên quan đến khủng bố.

119. *6.5(a)*: Điều 6 Nghị định 122/2013 quy định rằng tiền hoặc tài sản liên quan đến khủng bố/TTKB (theo quy định tại khoản 5 Điều 3) phải bị phong tỏa và Điều 5 quy định việc không phong tỏa tiền hoặc tài sản đó là một hành vi phạm tội. Nghĩa vụ được mô tả trong Điều 6 là rộng và áp dụng cho tất cả các thể nhân và pháp nhân. Tuy nhiên, không có hình thức xử phạt nào cho việc không tuân thủ các nghĩa vụ này và do đó chúng không có hiệu lực thi hành. Hơn nữa, các Điều khoản này không quy định rằng việc phong tỏa phải xảy ra không chậm trễ hoặc không cần có thông báo trước cho cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định.

120. Điều 33 của Luật PCRT 2012 quy định rằng các đối tượng báo cáo phải tạm thời đình chỉ các giao dịch liên quan đến các đối tượng trong danh sách đen và Điều 34 bắt buộc các đối tượng báo cáo phải chặn tài khoản của họ và niêm phong hoặc tạm giữ tài sản khi được chỉ đạo bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm Bộ Công an. Điều 45 của Nghị định 96/2014 áp dụng các hình thức xử phạt cho hành vi vi phạm các nghĩa vụ này, tuy nhiên, các hình thức xử phạt này chỉ có hiệu lực đối với các ngân hàng và không có hiệu lực cho các thể nhân và pháp nhân.

121. Cũng theo Điều 8 trong Nghị định số 122/2013, các TCTC và DNFBP được yêu cầu kiểm tra thường xuyên các giao dịch đáng ngờ và ngay lập tức phong tỏa tiền và tài sản khi có nghi ngờ các giao dịch của khách hàng có liên quan đến khủng bố hoặc TTKB. Họ cũng phải báo cáo điều này với Bộ Công an và người đứng đầu cơ quan công an cấp tỉnh và thành phố để đưa ra quyết định về việc tiền hoặc tài sản bị phong tỏa thuộc về cá nhân hoặc tổ chức có liên quan đến khủng bố hay TTKB và đưa ra quyết định về việc phong tỏa tiền hoặc tài sản hoặc dỡ bỏ việc phong tỏa nếu người đó không nằm trong danh sách đen (Nghị định số 122/2013, Điều 7, Khoản 1 và Khoản 2, và Điều 8, Khoản 1). Mặc dù Điều 8 yêu cầu phong tỏa ngay lập tức, nhưng theo Điều khoản này, nghĩa vụ này chỉ được kích hoạt khi nhận diện được một giao dịch đáng ngờ, trái ngược với việc được kích hoạt qua sự chỉ định đối với một cá nhân hoặc tổ chức. Ngoài ra, Điều 8 chỉ áp dụng cho các tổ chức tài chính và DNFBPs, và việc tham chiếu Khoản 1 đối với thuật ngữ "các giao dịch của khách hàng" dường như hạn chế khả năng áp dụng của Điều này theo hướng không mở rộng áp dụng cho tất cả các thể nhân và pháp nhân. Tuy nhiên, không có hình thức xử phạt nào cho hành vi vi phạm các nghĩa vụ này, ngoại trừ việc Bộ Công an xác định theo Điều 8 tại Nghị định số 122/2013 có thể tạo thành một hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền theo Điều 34 của Luật PCRT 2012, và do vậy bản thân điều đó là không có hiệu lực thực thi.

122. Định nghĩa của Việt Nam về tiền và tài sản đủ rộng để bao trùm tất cả các loại trong định nghĩa của FATF về "tiền và các tài sản khác, bao gồm cả tài sản ảo" (Khoản 3 và 4, Điều 3, Nghị định 122/2013 và Chương 7 về "Tài sản" của Bộ luật dân sự 2015).

123. *6.5 (b)*: Nghĩa vụ phong tỏa tại Điều 6 và 8 của Nghị định 122/2013 áp dụng đối với tiền hoặc tài sản liên quan đến khủng bố/tài trợ khủng bố như được định nghĩa tại Khoản 5, Điều 3. Định nghĩa này bao gồm tất cả các loại quỹ và các tài sản khác được quy định trong tiêu chí này.
124. *6.5 (c)*: Công dân Việt Nam và các cá nhân và tổ chức khác tại quốc gia hay vùng lãnh thổ bị cấm trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực tài chính hoặc kinh tế, các dịch vụ tài chính hoặc các dịch vụ khác cho các cá nhân và tổ chức được chỉ định (Khoản 3, Điều 5 của Nghị định 122/2013), nhưng phạm vi đối tượng cấm này không bao gồm các tổ chức được sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi các cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định; hoặc cá nhân và tổ chức thay mặt cho hoặc theo chỉ dẫn của cá nhân và tổ chức bị chỉ định. Không có quy định xử phạt đối với việc vi phạm lệnh cấm này và do đó không có hiệu lực thực thi.
125. *6.5 (d)*: Nghị định số 122/2013 (Khoản 2, Điều 11) giao Bộ Công an là cơ quan chịu trách nhiệm truyền thông danh sách các tổ chức tài chính và DNFBP bị chỉ định. Phương thức cung cấp thông tin là thông qua trang web của Bộ Công an, nơi cũng đồng thời cung cấp "danh sách đen". Trách nhiệm của ngành tài chính và DNFBP là phải thường xuyên kiểm tra các nội dung cập nhật của trang web hoặc đăng ký các dịch vụ theo dõi khác để thực hiện thay họ chức năng này. Không có thông báo nếu danh sách này được cập nhật.
126. Việt Nam đã ban hành Công văn số 108/BC-A61 yêu cầu các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân địa phương thông báo cho các cá nhân và tổ chức có liên quan về việc đăng tải các thay đổi về danh sách chỉ định, nhưng không rõ liệu cơ chế này có hoạt động hay không và hoạt động như thế nào trong thực tế vì Việt Nam đã không chứng minh các cơ quan chính phủ đã cung cấp thông báo như vậy. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành các văn bản cho các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam để triển khai các Nghị quyết UNSC liên quan (Công văn số 202/NHNN-TTGSNH7 (ngày 11/1/2010) và Công văn 387/NHNN-TTGSNH7 (ngày 05/6/2019)) nhưng không chứng minh được họ đã phổ biến các hướng dẫn cụ thể cho các tổ chức tài chính và các cá nhân hoặc tổ chức khác, bao gồm cả các DNFBP về nghĩa vụ theo cơ chế phong tỏa.
127. 6.5 (e): Việt Nam có một số quy định liên quan đến tiêu chí phụ này. Việt Nam yêu cầu các tổ chức tài chính và DNFBPs phải báo cáo ngay cho Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Khoản 1, Điều 8, Nghị định 122/2013) khi tiến hành phong tỏa tiền hoặc tài sản mà họ nghi ngờ là có liên quan đến hoạt động khủng bố hoặc TTKB, đồng thời báo cáo việc thực hiện các hành động này bằng văn bản cho thủ trưởng các cơ quan chính sách ở cấp tỉnh. Khoản 1, Điều 33 của Luật Phòng chống khủng bố 2013 cũng quy định rằng các báo cáo phải được thực hiện "ngay khi phát hiện các dấu hiệu hoặc hành vi TTKB", mà Việt Nam đã chỉ ra là bao gồm trường hợp từ chối cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực và dịch vụ. Tuy nhiên, không có hình thức xử phạt nào cho việc không tuân thủ các nghĩa vụ này và do đó chúng không có hiệu lực thi hành. Điều 30 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các đơn vị có trách nhiệm báo cáo phải báo cáo cho các cơ quan phòng, chống khủng bố đồng thời gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi họ xác định các giao dịch được thực hiện nhân danh các cá nhân và tổ chức trong danh sách đen của Bộ Công an, hoặc khi có bằng chứng về RT cho mục đích TTKB. Điều 33 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các tổ chức báo cáo phải báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi họ áp dụng các biện pháp trì hoãn giao dịch của các đối tượng nằm trong danh sách đen. Tuy nhiên, các nghĩa vụ này chỉ áp dụng đối với các ngân hàng.
128. 6.5(f): Việt Nam quy định rằng "Tiền, tài sản, quyền, lợi ích" của bên thứ ba ngay tình được bảo vệ theo quy định của pháp luật theo khoản 5, Điều 4 của Nghị định 122/2013. Trong đó bao gồm các quy định trong Bộ luật Hình sự 2015, Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thi hành án Dân sự.

Đưa ra khỏi danh sách, dỡ bỏ phong tỏa và cho tiếp cận tới các quỹ bị đóng băng hoặc các tài sản khác

Tiêu chí 6.6 -

129. *6.6 (a)*: Bộ Công an đóng vai trò đầu mối trong việc khuyến nghị Thủ tướng Chính phủ đề xuất các tổ chức hoặc cá nhân được đưa ra khỏi danh sách trừng phạt của UNSC (Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 122/2013). Tại thời điểm đoàn đánh giá tại chỗ vào Việt Nam, các quy trình này đã được bổ sung vào trang web của Bộ Công an và được công bố rộng rãi.

130. *6.6 (b):* Bộ Công an có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách các cá nhân và tổ chức trong danh sách đen và dỡ bỏ phong tỏa tiền hoặc tài sản của họ sau khi đưa ra khỏi danh sách trừng phạt của UNSC theo yêu cầu của các quốc gia khác, theo kết quả điều tra, truy tố và bản án hình sự và hoạt động nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền (Khoản 1 và 2, Điều 11, Nghị định số 122/2013). Tuy nhiên, như được mô tả trước đây trong tiêu chí phụ (a) của tiêu chí 6.2, Việt Nam chỉ kết hợp một phần các tiêu chí chỉ định từ Nghị quyết UNSC 1373 vào chế độ chỉ định trong nước và không thể đáp ứng một cách đầy đủ tương ứng tiêu chí phụ này để đưa ra khỏi danh sách.

131. *6.6 (c):* Theo Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 122/2013, có quyền phản đối các quyết định chỉ định trên trang web của Bộ Công an. Điều 117 của Luật Thủ tục hành chính 2015 cho phép các tổ chức và cá nhân khởi kiện để lật ngược các quyết định đưa vào danh sách hoặc đưa ra khỏi danh sách các tổ chức và cá nhân đối với TTKB.

132. Bộ Công an và Bộ Tư pháp có các quy trình cho phép xem xét quyết định trước khi tòa án hoặc các cơ quan độc lập khác khi được yêu cầu, bao gồm các cá nhân và tổ chức được chỉ định trong nước. Đối với Bộ Công an, các thủ tục khiếu nại với Bộ Công an được mô tả trong Thông tư số 68/2013 và Thông tư số 11/2015 và đối với Bộ Tư pháp, quy trình khởi kiện được quy định trong Luật Thủ tục hành chính 2015.

133. *6.6. (d*): Trang web của Bộ Công an bao gồm các thông tin chi tiết về đầu mối liên lạc nhận và giải quyết khiếu nại về các danh sách của UNSC. Việt Nam không nỗ lực đưa cá nhân hay tổ chức nào ra khỏi danh sách tại Ủy ban 1988, nhưng tuyên bố sẽ sử dụng các hướng dẫn và thủ tục được Ủy ban 1988 thông qua, bao gồm các các hướng dẫn và thủ tục của Cơ chế đầu mối được thành lập theo Nghị quyết 1730 của UNSC.

134. *6.6 (e)*: Trên trang mô tả các thủ tục để kháng cáo việc chỉ định tại trang web của Bộ Công an, có một đường dẫn đến Văn phòng Liên Hợp Quốc về Ombudsman for ISIL (Da'esh) và Ủy ban Trừng phạt Al-Qaida. Việt Nam đã thông báo cho đoàn đánh giá rằng nếu có bất kỳ cá nhân và tổ chức nào được chỉ định trong Danh sách trừng phạt Al-Qaida có mặt tại Việt Nam, họ sẽ thông báo cho các đối tượng đó như một phần của việc thêm họ vào danh sách đen và thông báo này sẽ bao gồm quyền kháng cáo lên chính quyền Việt Nam và Văn phòng Liên Hiệp Quốc về Ombudsperson. Không có cá nhân hoặc tổ chức nào trong Danh sách Trừng phạt phạt Al-Qaida đã hoặc đang có mặt tại Việt Nam và vì vậy Việt Nam đã không có bất kỳ thông báo nào liên quan để đoàn đánh giá xác minh.

135. *6.6 (f)*: Bộ Công an có thẩm quyền dỡ bỏ phong tỏa tiền hoặc các tài sản khác đưa ra khỏi danh sách các cá nhân hoặc tổ chức chỉ định (Khoản 1 và 2, Điều 7, Nghị định 122/2013). Tuy nhiên, cơ quan chức năng không mô tả quy trình đối với các cá nhân hoặc tổ chức vô tình bị ảnh hưởng bởi cơ chế phong tỏa.

136. *6.6 (g)*: Nghị định số 122/2013 (Khoản 2, Điều 11) chỉ định Bộ Công an chịu trách nhiệm thông báo thông tin cho khu vực tài chính và các doanh nghiệp phi tài chính có liên quan về việc đưa ra khỏi danh sách chỉ định. Phương thức thông báo là thông qua trang web của Bộ Công an, nơi công khai "danh sách đen". Là một phần của quy trình, Bộ Công an sẽ đưa ra khỏi danh sách đen các tổ chức hoặc cá nhân trong nước. Đối với việc đưa ra khỏi danh sách của UNSC, có đường dẫn trực tiếp tới Danh sách Trừng phạt của UNSC. Các tổ chức tài chính và DNFBPs có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra trang web để cập nhật những thay đổi. Không có thông báo về việc đưa ra khỏi danh sách chỉ định. Việt Nam không chứng minh đã cung cấp hướng dẫn cho các TCTC, DNFBPs hoặc những cá nhân hoặc tổ

chức khác về nghĩa vụ của họ liên quan đến hành động đưa ra khỏi danh sách hoặc dỡ bỏ phong tỏa.

137. *Tiêu chí 6.7* - Việt Nam cho phép tiếp cận vào các khoản tiền/tài sản đã bị phong tỏa và các tài sản khác để thanh toán một số chi phí thiết yếu bao gồm phí pháp lý, phí dịch vụ, thực phẩm, ăn ở, chi phí y tế và các chi phí cơ bản cần thiết khác (Khoản 3, Điều 7, Nghị định 122/2013).

Trọng số và Kết luận

138. Việt Nam có khuôn khổ pháp lý để triển khai TFS đối với khủng bố và TTKB mặc dù vẫn còn những thiếu sót ở mức độ trung bình. Mặc dù Việt Nam đã thực hiện TFS theo Nghị quyết 1267/1989, 1988 và 1373 nhưng không có quy định yêu cầu phải phong tỏa không chậm trễ và không cần thông báo trước bởi tất cả các thể nhân và pháp nhân, đồng thời chỉ một số nghĩa vụ phong tỏa có hiệu quả và chỉ áp dụng đối với các ngân hàng. Cơ chế chỉ định trong nước và lệnh cấm của Việt Nam không bao gồm các tổ chức thuộc sở hữu hoặc kiểm soát, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi những cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định; hoặc các cá nhân và tổ chức hoạt động nhân danh hoặc theo chỉ dẫn của cá nhân và tổ chức được chỉ định. Các lệnh cấm không có hiệu lực và chỉ một số nghĩa vụ báo cáo có hiệu lực thi hành và chỉ áp dụng đối với ngân hàng. Cuối cùng, Việt Nam không có cơ chế hiệu quả để cung cấp thông báo về cập nhật mới đối với việc đưa vào và đưa ra khỏi danh sách chỉ định. **Khuyến nghị 6 được đánh giá tuân thủ một phần**.

Khuyến nghị 7 – Các Hình phạt Tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

139. Việc triển khai TFS liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PBVKHDHL) là một yêu cầu mới được bổ sung vào Khuyến nghị của FATF năm 2012 và không được đánh giá trong quá trình đánh giá đa phương của Việt Nam năm 2009.

140. Tiêu chí 7.1 - Việt Nam thực hiện TFS liên quan đến tài trợ PBVKHDHL theo Nghị định số 81/2019 (về phòng chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt). Nghị định 81 đã được hoàn thiện và ban hành vào tháng 11 năm 2019, trước khi kết thúc đợt đánh giá tại chỗ tại Việt Nam. Khoản 1, Điều 10 chỉ định Bộ Quốc phòng là cơ quan đầu mối thực hiện Nghị định và Khoản 5, Điều 11 chỉ định Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chủ trì thực hiện các Nghị quyết của UNSC về chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thông qua theo Chương VII của Hiến chương Liên hợp quốc.

141. Việc chỉ định của UNSC có hiệu lực ngay lập tức và TFS phải được thực hiện trong vòng 24 giờ kể từ ngày chỉ định (Mục (b), Khoản 5, Điều 11). Bộ Quốc phòng được yêu cầu duy trì tuyên bố về nghĩa vụ TFS trên trang web và cung cấp một đường dẫn trực tiếp đến cổng thông tin của UNSC (Mục (b), Khoản 5, Điều 11), trong đó tất cả các cơ quan, tổ chức và cá nhân ở Việt Nam phải chịu trách nhiệm thường xuyên rà soát để đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ phong tỏa. Đường dẫn và nghĩa vụ liên quan đến TFS đối với tài trợ PBVKHDHL này không có trên trang web của Bộ Quốc phòng tại thời điểm kết thúc đợt đánh giá tại chỗ và do đó, Việt Nam chưa hoàn toàn triển khai TFS không chậm trễ theo khuôn khổ do Nghị định 81 quy định[38].

Tiêu chí 7.2 -

142. Bộ Quốc phòng là cơ quan có thẩm quyền chịu trách nhiệm thực hiện TFS cùng với các Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố cấp bộ và cấp tỉnh. Các nghĩa vụ liên quan được quy định trong Nghị định số 81/2019, tuy nhiên các nghĩa vụ đóng băng và lệnh cấm không có hiệu lực thi hành rõ ràng.

[38] Kể từ đợt đánh giá tại chỗ, Bộ Quốc phòng đã công bố trên trang web đường dẫn trực tiếp đến Danh sách trừng phạt của Liên hợp quốc cũng như đường dẫn đến Nghị định 81/2019.

143. 7.2 (a): Khoản 5, Điều 11 yêu cầu tất cả các thể nhân và pháp nhân phong tỏa không chậm trễ và không cần thông báo trước đối với tài sản của các cá nhân và tổ chức được chỉ định (Mục (a)). Việc phong tỏa phải diễn ra trong vòng 24 giờ kể từ khi có chỉ định của UNSC, theo Mục (b). Nếu các TCTC và DNFBP, trong quá trình tiến hành CDD, xác định khách hàng hoặc giao dịch liên quan đến tài trợ PBVKHDHL, họ có nghĩa vụ phải đình chỉ ngay lập tức mọi giao dịch và phong tỏa tài sản liên quan đến tài trợ PBVKHDHL và báo cáo cho Bộ Quốc phòng hoặc đơn vị đầu mối cấp bộ/tỉnh (Mục (a), Khoản 2, Điều 22). Trong vòng ba ngày, đơn vị đầu mối có thẩm quyền sẽ xem xét và xác minh báo cáo. Nếu có căn cứ để nghi ngờ rằng tài sản có liên quan đến PBVKHDHL hoặc tài trợ PBVKHDHL, đơn vị đầu mối sẽ ra quyết định phong tỏa, niêm phong hoặc tịch thu tài sản. Nếu không có căn cứ, đơn vị đầu mối sẽ hướng dẫn tổ chức dỡ bỏ hành động phong tỏa (Khoản 3, Điều 22).
144. Tuy nhiên, không có hình thức xử phạt đối với việc không tuân thủ các quy định này và do đó, các yêu cầu phong tỏa vẫn chưa có hiệu lực thi hành.
145. Định nghĩa về tài sản (assets and property) của Việt Nam dẫn chiếu theo định nghĩa tại Bộ luật Dân sự đủ rộng để bao gồm tất cả các hạng mục trong định nghĩa của FATF về các "tiền và các tài sản khác" (Khoản 12 và 13, Điều 4, Nghị định số 81/2019 và Chương 7 "Tài sản" của Bộ luật Dân sự 2015).
146. 7.2 (b): Nghĩa vụ phong tỏa áp dụng đối với các tài sản liên quan đến PBVKHDHL và tài trợ PBVKHDHL theo quy định tại khoản 13, Điều 4 của Nghị định số 81/2019. Định nghĩa này mở rộng cho tất cả các loại tiền và tài sản khác trong tiêu chí này.
147. 7.2 (c): Không có lệnh cấm có hiệu lực được áp dụng trực tiếp cho cá nhân hoặc tổ chức. Các cơ quan chính phủ khác nhau được yêu cầu ngăn chặn các tổ chức và cá nhân cung cấp tiền và tài sản cho các cá nhân và tổ chức có liên quan đến việc PBVKHDHL trừ khi được cấp phép, ủy quyền hoặc thông báo khác theo Nghị quyết của UNSC có liên quan (Khoản 1, Điều 22, Nghị định số 81/2019). Tuy nhiên, việc các cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn điều này là không rõ ràng do thiếu hiệu lực thi hành.
148. 7.2 (d): Cơ chế truyền thông về việc chỉ định của Việt Nam được công bố trên trang web Bộ Quốc phòng. Điểm (b), khoản 5, Điều 11 của Nghị định 81/2019 yêu cầu Bộ Quốc phòng cung cấp một đường dẫn trực tiếp đến cổng thông tin của UNSC. Hơn nữa, điểm (c) của khoản 5 yêu cầu Bộ Quốc phòng thông báo cho tất cả các bộ và cơ quan có thẩm quyền khác trong vòng 24 giờ kể từ khi UNSC chỉ định để họ có thể chỉ đạo các tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền kiểm tra hoặc giám sát kiểm tra hoặc giám sát về các nghĩa vụ mới.
149. Về hướng dẫn, điểm (a), khoản 5, Điều 11 Nghị định số 81/2019 yêu cầu Bộ Quốc phòng phải duy trì tuyên bố công khai rõ ràng về các nghĩa vụ theo Nghị định trên trang web của Bộ Quốc phòng. Khoản 3, Điều 13 quy định Bộ Quốc phòng phải thường xuyên cập nhật và công bố thông tin về tài trợ PBVKHDHL trên trang web. Hơn nữa, Điều 15 quy định Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm phổ biến hướng dẫn và tiến hành tiếp cận và giáo dục về PBVKHDHLvà tài trợ PBVKHDHL, bao gồm cả luật và nghĩa vụ liên quan theo Nghị quyết của UNSC. Mục (c), Khoản 2, Điều 27 quy định thêm rằng Bộ Quốc phòng và các đơn vị đầu mối cấp bộ và cấp tỉnh sẽ hướng dẫn các TCTC và các cá nhân, tổ chức khác thực hiện các biện pháp phòng, chống PBVKHDHL.
150. Tuy nhiên, như đã nêu trên, cổng thông tin trên trang web Bộ Quốc phòng không được thiết lập cho tới thời điểm đợt đánh giá tại chỗ kết thúc và trên thực tế, Việt Nam đã không truyền thông việc chỉ định liên quan đến tài trợ PBVKHDHL tới các TCTC và DNFBP hoặc không cung cấp hướng dẫn rõ ràng về nghĩa vụ phong tỏa[39].
151. 7.2 (e): Việt Nam yêu cầu các TCTC và DNFBP phải thông báo ngay cho cơ quan đầu mối khi họ phong tỏa tài sản mà họ nghi ngờ có liên quan đến PBVKHDHL hoặc tài trợ PBVKHDHL (Mục (a), khoản 2, Điều 22, Nghị định số 81/2019). Mục (b) của điều khoản này yêu cầu các TCTC và DNFBP phải báo cáo cho Bộ Quốc phòng hoặc các đơn vị đầu mối cấp

[39] Như đã nêu trên, kể từ đợt đánh giá tại chỗ, Bộ Quốc phòng đã đăng tải lên trang web đường dẫn trực tiếp đến Danh sách trừng phạt của Liên hợp quốc cũng như đường dẫn đến Nghị định 81/2019.

bộ hoặc cấp tỉnh bất kỳ tài sản nào bị phong tỏa, tài sản liên quan đến VKHDHL hoặc các hành động được thực hiện theo Nghị quyết của UNSC có liên quan, bao gồm các giao dịch có ý định thực hiện. Tuy nhiên, không có hình thức xử phạt nào được quy định cho việc không tuân thủ các quy định này và do đó chúng chưa có hiệu quả thực thi.

152. 7.2 (f): Tài sản, quyền và lợi ích của bên thứ ba hợp pháp được bảo vệ theo pháp luật Việt Nam, theo khoản 3, Điều 5, Nghị định số 81/2019. Hơn nữa, Việt Nam sẽ trả lại tài sản của bên thứ ba nếu tài sản bị chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép cho mục đích của tài trợ PBVKHDHL (Khoản (a), Khoản 3, Điều 11).

153. *Tiêu chí 7.3* - Việt Nam có một số biện pháp giám sát và đảm bảo sự tuân thủ của TCTC và DNFBP với các nghĩa vụ theo Khuyến nghị 7, tuy nhiên không rõ cơ chế này vận hành như thế nào trong thực tế. Điều 7 Nghị định số 81/2019 bắt buộc Thanh tra các bộ, ngành, sở và ủy ban nhân dân tỉnh phải phối hợp với Bộ Quốc phòng và đơn vị đầu mối để thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị định số 81/2019. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm xây dựng các văn bản pháp lý quy định xử phạt hành chính áp dụng trong lĩnh vực phòng chống PBVKHDHL (Khoản (c), Khoản 1, Điều 29) và đề xuất hình thức xử phạt hình sự, dân sự hoặc hành chính đối với các cá nhân và tổ chức vi phạm Nghị định (Mục (h), Khoản 5, Điều 11; Khoản 5, Điều 12;). Tuy nhiên, Nghị định số 81/2019 không có bất kỳ hình thức xử phạt dân sự, hành chính hoặc hình sự nào cho việc không tuân thủ, cũng như không có bất kỳ công cụ pháp lý nào khác được ban hành quy định hình thức xử phạt cho việc không tuân thủ.

Tiêu chí 7.4 -

154. 7.4 (a): Theo khoản 6, Điều 11, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm cho phép những cá nhân và tổ chức trong danh sách được yêu cầu cơ quan Đầu mối đưa ra khỏi danh sách và thông báo trực tiếp cho những cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định để kiến nghị cơ quan đầu mối. Tuy nhiên, cách thức thực hiện quy trình này là chưa rõ ràng. Tại thời điểm đợt đánh giá tại chỗ, Nghị định này không được công bố công khai và quy trình này không được biết đến rộng rãi.

155. 7.4 (b): Bộ Quốc phòng cũng chịu trách nhiệm xác minh các cá nhân hoặc tổ chức có tài sản bị phong tỏa là cá nhân hoặc tổ chức bị chỉ định và chịu trách nhiệm hủy bỏ các lệnh phong tỏa (Khoản 4, Điều 12). Các quyết định dỡ bỏ phong tỏa tài sản được công khai (Mục (i), Khoản 2, Điều 27). Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dỡ bỏ phong tỏa và trả lại tài sản nếu cá nhân hoặc tổ chức được xác định không phải là cá nhân hoặc tổ chức được chỉ định (Mục (c), Khoản 3, Điều 11, Nghị định số 81/2019). Tại thời điểm đánh giá tại chỗ, Nghị định này chưa được công bố công khai và thủ tục chưa được biết đến rộng rãi.

156. 7.4 (c): Nếu các quy trình từ UNSCR được đáp ứng, Việt Nam cho phép tiếp cận các khoản tiền cho các chi phí sinh hoạt thiết yếu và các nghĩa vụ hợp pháp khác của các cá nhân và tổ chức được chỉ định có tài sản bị phong tỏa (Khoản (b), Khoản 3, Điều 11, Nghị định số 81/2019). Việt Nam cũng cho phép các cá nhân và tổ chức được chỉ định có tài sản bị phong tỏa nộp đơn xin Bộ Quốc phòng cho phép sử dụng tiền phong tỏa (Khoản (h), Khoản 2, Điều 27) và Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm, phối hợp với các bộ và cơ quan liên quan khác, cho phép tiếp cận tài sản bị phong tỏa khi Việt Nam xác định có các trường hợp ngoại lệ theo quy định tại UNSCR liên quan (Mục (l), Khoản 2, Điều 27).

157. 7.4 (d): Trong trường hợp đưa ra khỏi danh sách, cổng thông tin trang web Bộ Quốc phòng sẽ cung cấp một đường dẫn trực tiếp đến cổng thông tin UNSC và các TCTC và DNFBP chịu trách nhiệm theo dõi các thay đổi trong danh sách (Mục (k), Khoản 2, Điều 27 và Mục (b), Khoản 5, Điều 11). Khoản 5, Điều 11 cũng yêu cầu Bộ Quốc phòng duy trì việc tuyên bố các nghĩa vụ theo Nghị định số 81/2019 trên trang web của họ. Như đã nêu ở trên, điều này đã không được thực hiện tại thời điểm kết thúc đợt đánh giá tại chỗ vì Bộ Quốc

phòng chưa công bố thông tin về nghĩa vụ TTKPBVK hoặc đường dẫn đến cổng thông tin của UNSC để các TCTC và DNFBP hiểu được nghĩa vụ của họ.[40]

Tiêu chí 7.5

158. 7.5 (a): Việt Nam cho phép thanh toán tiền lãi và thu nhập khác từ hợp đồng, thỏa thuận hoặc nghĩa vụ phát sinh trước khi tài khoản bị phong tỏa; thu nhập này cũng sẽ bị phong tỏa (Mục (d), Khoản 2, Điều 27).

159. 7.5 (b): Việt Nam cho phép các tài khoản bị chặn của các cá nhân và tổ chức bị chỉ định được sử dụng để thanh toán theo các điều khoản hợp đồng trước đó, miễn là hợp đồng và các khoản thanh toán đáp ứng các yêu cầu trong tiêu chí phụ này và sẽ thông báo cho UNSC về ý định thực hiện hoặc ủy quyền dỡ bỏ phong tỏa tiền hoặc tài sản ít nhất 10 ngày trước khi ủy quyền.

Trọng số và Kết luận

160. Dù Việt Nam đã ban hành khuôn khổ pháp lý để thực hiện TFS liên quan đến PBVKHDHL, vẫn còn những thiếu sót lớn liên quan đến việc thực hiện TFS một cách không chậm trễ, thiếu các biện pháp xử phạt để đảm bảo hiệu quả thực thi nghĩa vụ phong tỏa hoặc cấm cung cấp tiền; thiếu một cơ chế truyền thông để chỉ định và đưa ra khỏi danh sách và thiếu hướng dẫn về nghĩa vụ TFS. Các nghĩa vụ phong tỏa và các lệnh cấm chưa có hiệu lực thực thi có trọng số lớn nhất. **Khuyến nghị 7 được đánh giá là không tuân thủ.**

Khuyến nghị 8 – Tổ chức Phi lợi nhuận

161. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần các yêu cầu này. Những thiếu hụt kỹ thuật quan trọng bao gồm đánh giá ngành chưa hoàn chỉnh, thiếu thanh tra và giám sát thích hợp, thiếu các yêu cầu minh bạch về NPO, không có các chương trình tiếp cận mang tính hệ thống và không có kênh chính thức cho hợp tác quốc tế. Kể từ thời điểm đó, Việt Nam đã ban hành một số Nghị định mới quy định về các NPO trong và ngoài nước và gần đây đã tiến hành đánh giá rủi ro NPO.

Thực hiện phương pháp tiếp cận trên cơ sở rủi ro

Tiêu chí 8.1 -

162. 8.1 (a): Bộ Công an chịu trách nhiệm đánh giá rủi ro TTKB trong lĩnh vực NPO và hoàn thành đánh giá rủi ro đầu tiên vào ngày 24 tháng 9 năm 2019 (Báo cáo của Cục An ninh nội địa – Bộ Công an số BC-A02-P8, Đánh giá rủi ro TTKB của NPO tại Việt Nam và giám sát về các tổ chức Hồi giáo và các tổ chức khác có rủi ro TTKB tại Việt Nam). Việt Nam có khoảng 500 NPO nước ngoài và 70,870 NPO trong nước. Trong số này, tất cả 500 NPO nước ngoài và 543 NPO trong nước (bao gồm 500 quỹ xã hội và từ thiện và 43 tổ chức tôn giáo) đã được Việt Nam xác định là NPO theo định nghĩa của FATF, với tổng số là 1043 NPO.

163. Việt Nam có các cơ quan có thẩm quyền giám sát các NPO nước ngoài - Bộ Ngoại giao và Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (COMINGO) (Điều 24 và Điều 25, Nghị định số 12/2012) - và đối với các NPO trong nước - Bộ Nội vụ (Điều 16, Nghị định số 30/2012).

164. Theo đánh giá rủi ro, khu vực NPO phần lớn được coi là có rủi ro bị lạm dụng cho TTKB thấp. Đánh giá rủi ro chỉ ra rằng các NPO tôn giáo tập trung vào các hoạt động từ thiện có rủi ro tương đối cao hơn, đặc biệt là các tổ chức có liên kết hoặc có tổ chức mẹ ở các quốc gia có rủi ro TTKB cao hơn.

[40] Như đã nêu ở phần trước, kể từ đợt đánh giá tại chỗ, Bộ Quốc phòng đã đăng tải trên trang web đường dẫn trực tiếp đến Danh sách trừng phạt của UN cũng như đường dẫn đến Nghị định 81.

165. 8.1 (b): Đánh giá rủi ro khu vực NPO của Việt Nam kết luận rằng rủi ro lạm dụng TTKB là thấp. Đánh giá tính dễ bị tổn thương TTKB là cơ bản và không bao gồm bất kỳ phân tích nào về rủi ro TTKB khu vực. Bản chất của các mối đe dọa được xác định bao gồm: những kẻ khủng bố sử dụng NPO để ngụy trang các hoạt động của chúng; sử dụng NPO để vận chuyển tiền cho khủng bố trong đó nhằm mục tiêu trốn tránh các biện pháp phong tỏa tài sản; và hành vi trộm cắp tiền từ NPO của những kẻ khủng bố. Việt Nam xác định một số NPO tôn giáo có nguy cơ lạm dụng TTKB cao hơn các NPO khác, mặc dù không có bằng chứng nào được cung cấp trong đánh giá rủi ro về lý do tại sao lại xảy ra trường hợp này. Việt Nam chưa xác định bất kỳ trường hợp nào mà NPO được cho là bị lạm dụng từ các hành động khủng bố.

166. 8.1 (c): Việt Nam gần đây đã rà soát khu vực NPO cũng như các luật và quy định liên quan như là một phần của đánh giá rủi ro NPO. Việt Nam đang thực hiện hành động tương xứng và hiệu quả để giải quyết rủi ro với việc Bộ Công an đã tiến hành tiếp cận tập trung vào các NPO mà họ coi là rủi ro cao hơn (NPO tôn giáo). Mục 4 của Báo cáo số BC-A02-P8 nêu chi tiết các cơ chế hiện hành để theo dõi và điều phối sự nỗ lực về rủi ro TTKB đối với NPO. Các cơ chế này bao gồm phân bổ cán bộ của Bộ Công an cho COMINGO và Bộ Nội vụ để theo dõi rủi ro an ninh quốc gia, yêu cầu báo cáo về hoạt động NPO từ các cơ quan có thẩm quyền 06 tháng hoặc 1 năm/lần và yêu cầu NPO phải đăng ký, có tài khoản ngân hàng, báo cáo và được giám sát bởi các cơ quan có thẩm quyền.

167. 8.1 (d): Như đã nêu, Việt Nam gần đây đã hoàn thành phân tích toàn ngành về tính tổn thương đối với các hoạt động khủng bố nhằm đảm bảo thực thi các biện pháp hiệu quả và Việt Nam cho biết đánh giá rủi ro NPO sẽ được bổ sung và cập nhật hàng năm mặc dù đây là vấn đề thực tiễn chứ không phải chính sách và không rõ liệu việc cập nhật này có được công bố hay phổ biến cho lĩnh vực này hay không. Các đánh giá và kiểm tra định kỳ của COMINGO và Bộ Nội vụ không liên quan đến việc đánh giá những tổn thương tiềm ẩn đối với các hoạt động khủng bố để đảm bảo thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống TTKB.

Duy trì tiếp cận liên quan đến các vấn đề về tài trợ khủng bố

Tiêu chí 8.2

168. 8.2 (a): Điều 19 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các NPO đã thành lập hoặc đang hoạt động tại Việt Nam phải duy trì đầy đủ thông tin về các nhà tài trợ, người nhận, quỹ và việc sử dụng của họ để đảm bảo tính minh bạch. Điều 12 của Nghị định số 116/2013 cung cấp hướng dẫn thêm về yêu cầu quản trị và thông tin cho các NPO để tuân thủ Điều 19.

169. 8.2 (b): COMINGO tổ chức các cuộc họp định kỳ sáu tháng với các NPO nước ngoài để phổ biến thông tin về PCRT/TTKB. Bộ Nội vụ tổ chức các hội thảo đào tạo hàng năm cho các NPO trong nước để phổ biến thông tin và hướng dẫn trong đó có nội dung PCRT/TTKB. Thông tin và đào tạo tập trung vào việc truyền thông các yêu cầu pháp lý mới bao gồm bất kỳ yêu cầu mới nào về chống TTKB. Việt Nam đã tổ chức hai hội thảo cho các NPO về TTKB vì nó liên quan đến rủi ro TTKB và các biện pháp phòng ngừa, đặc biệt là từ khi hoàn thành đánh giá rủi ro khu vực NPO. Gần đây, các cơ quan giám sát đã bắt đầu phổ biến thông tin liên quan đến tổn thương TTKB tiềm ẩn của NPO và các biện pháp NPO có thể thực hiện để tự bảo vệ trước nguy cơ bị lạm dụng cho TTKB. Bộ Công an cũng đang mở rộng phạm vi tiếp cận với các NPO được xác định là có nguy cơ lạm dụng cho TTKB cao hơn.

170. 8.2 (c): Việt Nam gần đây đã tiến hành tiếp cận về TTKB với một số NPO sau khi công bố đánh giá rủi ro khu vực NPO, bao gồm bảy NPO được đánh giá là có nguy cơ lạm dụng TTKB cao hơn so với các NPO còn lại. Hoạt động tiếp cận này bao gồm thông tin về rủi ro TTKB và các biện pháp phòng ngừa, nhưng cho đến nay vẫn chưa bao gồm các biện pháp tốt

nhất để phòng, chống lạm dụng TTKB. Đến nay, chưa có đủ thời gian để chứng minh rằng đây là một hoạt động bền vững và có tính hợp tác với các NPO.

171. 8.2 (d): Các NPO trong nước chỉ có thể hoạt động khi họ mở tài khoản ngân hàng và nhận được văn bản xác nhận từ ngân hàng về sự sẵn có của các quỹ (Khoản 3, Điều 21, Nghị định số 30/2012) và các NPO trong nước được yêu cầu phải khai báo trên một diễn đàn công khai (bản cứng hoặc phiên bản điện tử trực tuyến) số tài khoản, tên và địa chỉ của ngân hàng nơi NPO mở tài khoản trong vòng 30 ngày kể từ ngày thành lập (Điểm f, khoản 1, Điều 19, Nghị định số 30/2012). Việt Nam cũng yêu cầu quyên góp cho các NPO trong nước từ 50.000.000 đồng trở lên hoặc tương đương bằng ngoại tệ hoặc vàng được gửi vào tài khoản ngân hàng của các quỹ (khoản 3, Điều 31, Nghị định số 30/2012). Các biện pháp này tạo ra một môi trường để các NPO trong nước có nhiều khả năng thực hiện các giao dịch thông qua các kênh tài chính được quản lý, mặc dù họ được phép dùng tiền mặt cho các hoạt động tại địa phương.

172. Các NPO nước ngoài được khuyến khích thực hiện các giao dịch thông qua các kênh tài chính được quản lý để COMINGO có thể hỗ trợ trong quá trình mở tài khoản. Báo cáo của Bộ Công an số BC-A02-P8, phần 4 nói rằng các NPO bắt buộc phải có tài khoản ngân hàng nhưng báo cáo này không phải là tài liệu pháp lý. Khoản 2 và khoản 3, Điều 21, Nghị định số 12/2012 chỉ ra rằng các NPO nước ngoài có thể mở tài khoản bằng ngoại tệ hoặc đồng Việt Nam tại các ngân hàng được cấp phép hợp pháp tại Việt Nam và đại diện nước ngoài cũng như nhân viên của NPO nước ngoài có thể làm như vậy.

Giám sát trên cơ sở rủi ro mục tiêu hoặc giám sát các NPO

173. Tiêu chí 8.3 - COMINGO chịu trách nhiệm giám sát các NPO nước ngoài và Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm giám sát các NPO trong nước. Bộ Công an cũng giám sát hoạt động của các NPO nước ngoài. Các hoạt động giám sát của các cơ quan này được áp dụng theo cách tương tự đối với tất cả các NPO và không dựa trên rủi ro lạm dụng cho TTKB được xác định. Sự khác biệt chính trong giám sát NPO của Việt Nam là giữa các NPO trong nước và nước ngoài, với các biện pháp minh bạch hơn được áp dụng cho các NPO trong nước.

174. Các biện pháp của Việt Nam liên quan đến NPO giải quyết khá rộng các tổn thương liên quan đến TTKB. Chúng bao gồm yêu cầu đăng ký bắt buộc (mục đích và mục tiêu, nguồn tài trợ và kế hoạch dự án) tại Nghị định số 12/2012 và Nghị định số 30/2012. Ngoài ra, còn có các yêu cầu để các NPO nước ngoài báo cáo về tài chính và các hoạt động được thực hiện hàng năm (Điều 18, Nghị định số 12/2012) và các NPO trong nước báo cáo hàng quý và hàng năm danh sách những người đóng góp và nhà tài trợ, số tiền quyên góp, người thụ hưởng và số tiền (Khoản 10, Điều 30 và Điều 35, Nghị định số 30/2012). Ngoài ra, Điều 19 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các NPO thành lập hoặc hoạt động tại Việt Nam phải duy trì thông tin đầy đủ về các nhà tài trợ, người nhận, quỹ và việc sử dụng chúng. Các biện pháp này được áp dụng cho tất cả các NPO và không dựa trên nguy cơ bị lạm dụng cho TTKB được xác định.

Tiêu chí 8.4 -

175. 8.4 (a): Bộ Nội vụ và COMINGO theo dõi sự tuân thủ của NPO đối với các yêu cầu tại các nghị định liên quan được nêu tại Tiêu chí 8.3. Tuy nhiên, Bộ Nội vụ và COMINGO không theo dõi tăng cường các NPO có rủi ro cao hơn như xác định trong đánh giá rủi ro NPO, cũng không có bằng chứng cho thấy các cơ quan có thẩm quyền sử dụng thông tin thu thập được để giải quyết rủi ro TTKB. Ngoài ra, Bộ Công an chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội và an toàn trong hoạt động của các NPO nước ngoài tại Việt Nam (Khoản 3, Điều 26, Nghị định số 12/202). Đối với các NPO trong nước được đánh giá là có nguy cơ bị lạm dụng TTKB cao hơn trong đánh giá rủi ro NPO gần đây, Bộ Công an có kế hoạch tiến hành theo dõi tăng cường.

176. 8.4 (b): Nghị định số 12/2012 cấm các NPO nước ngoài tổ chức, thực hiện hoặc tham gia các hoạt động liên quan đến rửa tiền hoặc khủng bố và có các biện pháp xử phạt đối với các hành vi vi phạm Nghị định bao gồm hoạt động trái với giấy chứng nhận đăng ký của họ (Khoản 2, Điều 31). Các biện pháp xử phạt này bao gồm đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động và/hoặc thu hồi giấy phép hoạt động; tuy nhiên, không có hình phạt áp dụng cho những người hoạt động trên danh nghĩa NPO.

177. Tương tự, Nghị định số 30/2012 cấm các NPO trong nước rửa tiền, tài trợ khủng bố và thực hiện các hành vi bất hợp pháp khác (Mục (c), Khoản 1, Điều 7) và quy định giải thể NPO nếu thực hiện hành vi đó (Mục (d), Khoản 4, Điều 38). Không có hình phạt đối với các cá nhân hoạt động trên danh nghĩa NPO.

178. Do thiếu các hình phạt có tính xử phạt, không thể mô tả các biện pháp xử phạt này là tương xứng hoặc có tính răn đe. Hành vi vi phạm của NPO không thể bị xử phạt bởi bất cứ điều gì khác ngoài việc giải thể NPO.

Thu thập và điều tra thông tin hiệu quả

Tiêu chí 8.5 -

179. 8.5 (a): COMINGO đóng vai trò là cơ quan phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền (bao gồm Bộ Công an) và địa phương có liên quan về các NPO nước ngoài (khoản 4-7, Điều 25, Nghị định số 12/2012). Cơ quan có thẩm quyền báo cáo COMINGO về các hoạt động được thực hiện với sự hợp tác của các NPO nước ngoài 6 tháng một lần (Khoản 2, Điều 27, Nghị định số 12/2012); Chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm báo cáo COMINGO về hoạt động của các NPO nước ngoài hoạt động tại địa phương 6 tháng một lần (Khoản 3, Điều 28, Nghị định số 12/2012) và các đối tác Việt Nam của NPO nước ngoài có trách nhiệm báo cáo cho các cơ quan có thẩm quyền (khoản 3, Điều 29, Nghị định số 12/2012).

180. Tương tự, Bộ Nội vụ có trách nhiệm phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền (bao gồm Bộ Công an) về các NPO trong nước (Khoản 4, Điều 42, Nghị định số 30/2012). Chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm báo cáo hàng năm về hoạt động của các NPO trong nước hoạt động tại địa phương của họ cho Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính (khoản G, khoản 1, khoản 2, Điều 45, Nghị định số 30/2012).

181. 8.5 (b): Bộ Công an chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội và an toàn trong hoạt động của các NPO nước ngoài (Mục 3, Điều 26, Nghị định số 12/2012). Bộ Công an có các đơn vị điều tra chuyên ngành (Cục An ninh đối ngoại - A01 và Cục An ninh Nội địa - A02), điều tra các NPO có nghi ngờ bị lạm dụng TTKB hoặc thông đồng TTKB. Nếu các báo cáo là đáng tin cậy, Bộ Công an chuyển thông tin đến Cơ quan An ninh Điều tra của Bộ Công an. Việt Nam đã thông báo cho đoàn đánh giá quy trình này được nêu tại Thông tư 59/2011, tuy nhiên, đây là tài liệu mật.

182. 8.5 (c): Các cơ quan bảo vệ an ninh quốc gia bao gồm Bộ Công an - cơ quan thực thi quyền tài phán đối với các vấn đề an ninh quốc gia liên quan đến NPO có thẩm quyền yêu cầu các cơ quan, tổ chức và/hoặc cá nhân cung cấp thông tin khi có căn cứ để xác định rằng họ có liên quan đến các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia (khoản b, Điều 24, Luật An ninh quốc gia 2004). Bộ Công an cũng có quyền hạn theo Điều 88 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 để yêu cầu các cơ quan và tổ chức khác cung cấp tài liệu và thông tin khác. Điều 168 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 yêu cầu các cơ quan chức năng và tổ chức phải thực hiện nghiêm túc các quyết định và yêu cầu của cơ quan điều tra và các đơn vị được giao nhiệm vụ điều tra.

183. 8.5 (d): Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tài chính, tổ chức (bao gồm các cơ quan giám sát NPO) và các cá nhân đều được yêu cầu báo cáo ngay lập tức "các dấu hiệu

khủng bố" cho Bộ Công an và Bộ Quốc phòng một cách kịp thời (Mục a, Khoản 1, Điều 14 và Khoản 1, Điều 33, Luật Phòng, chống khủng bố 2013).

Năng lực phản hồi hiệu quả các yêu cầu cung cấp thông tin của quốc tế về vấn đề NPO

184. Tiêu chí 8.6 - COMINGO chịu trách nhiệm chia sẻ thông tin về các NPO nước ngoài (Khoản 7, Điều 25, Nghị định số 12/2012) và đã chia sẻ thông tin với các đối tác chính phủ nước ngoài theo các yêu cầu và tại các hội nghị và hội thảo quốc tế. Bộ Công an, với tư cách là thành viên của COMINGO, có thể chia sẻ thông tin thông qua các kênh thực thi pháp luật, như được mô tả trong Khuyến nghị 40. Không có quy trình được áp dụng để phản hồi yêu cầu cung cấp thông tin của các đối tác chính phủ nước ngoài liên quan đến NPO trong nước.

Trọng số và Kết luận

185. Việt Nam có khu vực NPO được quản lý tốt và đã hoàn thành đánh giá rủi ro khu vực NPO, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những thiếu sót ở mức độ nhỏ. Tiếp cận các NPO về TTKB là một bước tiến gần đây và Việt Nam đã không áp dụng cách tiếp cận mục tiêu dựa trên rủi ro để giám sát. Không có các biện pháp xử phạt tương xứng và can thiệp được áp dụng để đảm bảo tính tuân thủ. Cuối cùng, Việt Nam không có cơ chế rõ ràng để đáp ứng yêu cầu từ chính phủ nước ngoài liên quan đến NPO trong nước**. Khuyến nghị 8 được đánh giá là tuân th8 phần lớn.**

Khuyến nghị 9 – Pháp luật về bí mật của các tổ chức tài chính

186. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ phần lớn những yêu cầu này. Việt Nam không có quy định rõ ràng liên quan đến bí mật của tổ chức tài chính trong trường hợp TTKB.

Tiêu chí 9.1 –

187. Luật về bí mật của tổ chức tài chính nói chung không ngăn cản việc thực hiện các biện pháp PCRT/TKB ở Việt Nam.

188. Tiếp cận thông tin bởi cơ quan có thẩm quyền: Nhiệm vụ bảo mật thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng (bao gồm cả các ngân hàng Việt Nam) và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được quy định tại Nghị định 117/2018/NĐ-CP tháng 9 năm 2018. Nghị định khẳng định nghĩa vụ giữ bí mật là để sử dụng vào mục đích PCRT/TTKB (điều 1(4)) và được đưa thành yêu cầu cơ bản của các luật khác (điều 4(4)). Luật PCRT rõ ràng dỡ bỏ nghĩa vụ bảo mật này (Điều 28 Luật PCRT 2012 và Nghị định 116/2013). Điều này sẽ cho phép Cục PCRT và các cơ quan chức năng khác thu thập CDD và các thông tin khác có được theo luật liên quan đến RT/TTKB và tội phạm nguồn. Theo phân tích tại Khuyến nghị 27, 29 và 31, các cơ quan có thẩm quyền có quyền hạn pháp lý trong việc yêu cầu thông tin từ các TCTC. Các nghĩa vụ báo cáo phòng, chống TTKB được quy định trong Luật phòng, chống khủng bố, tuy nhiên, không có điều khoản riêng nào quy định việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo hoặc chia sẻ thông tin của họ sẽ không bị coi là vi phạm nghĩa vụ bảo mật. Nếu các đối tượng báo cáo không hợp tác, các cơ quan có thẩm quyền có thể buộc cung cấp thông tin đó thông qua một thỏa thuận tư pháp theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 (Điều 88 và 168).

189. Chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền: Một loạt các cơ chế tồn tại đảm bảo trao đổi thông tin giữa các cơ quan ở cấp độ hoạt động (xem phân tích của Khuyến nghị 2) và không có luật bí mật của tổ chức tài chính nào ngăn cản việc chia sẻ này. Việc chia sẻ thông tin giữa các cơ quan có thẩm quyền cũng diễn ra ở cấp độ quốc tế (xem phân tích của Khuyến nghị 40).

190. Chia sẻ thông tin giữa các TCTCs: Mặc dù luật các tổ chức tín dụng đưa ra yêu cầu chung để các TCTC phải thực hiện các biện pháp về PCRT/TTKB (Điều 11 Luật các tổ chức tín dụng, 2010), không rõ có đủ cơ sở pháp lý để dỡ bỏ nghĩa vụ bí mật ngân hàng nhằm cho

phép chia sẻ thông tin giữa các tổ chức tài chính trong trường hợp được yêu cầu theo các Khuyến nghị 13, 16 hoặc 17.

Trọng số và kết luận

191. Có những thiếu hụt nhỏ về các điều khoản riêng dỡ bỏ yêu cầu bảo mật liên quan đến các báo cáo về TTKB và việc chia sẻ thông tin giữa các TCTC khi điều này được yêu cầu theo các Khuyến nghị 13, 16 hoặc 17, trong đó tính đến rủi ro và bối cảnh của Việt Nam. **Khuyến nghị 9 được đánh giá là tuân thủ phần lớn.**

Khuyến nghị 10 – Thẩm định khách hàng

192. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này. Những thiếu sót gồm thiếu triển khai CDD, thiếu các lệnh cấm đối với tài khoản ẩn danh hoặc giả danh; ngưỡng chỉ định không phù hợp đối với tài khoản tiết kiệm, giao dịch tiền mặt và khách hàng không thường xuyên; thiếu yêu cầu xác minh rõ ràng, thiếu yêu cầu nhận dạng đối với người thay mặt khách hàng, thiếu yêu cầu thẩm định liên tục, hiểu biết không chính xác về chủ sở hữu hưởng lợi, thiếu thẩm định chuyên sâu đối với khách hàng có rủi ro cao, thiếu yêu cầu chấm dứt mối quan hệ kinh doanh do không đáp ứng các tiêu chí nhất định và việc tiến hành thanh tra để đánh giá hiệu quả các biện pháp xử phạt của Nghị định 74 là không thường xuyên, mang tính răn đe, tương xứng hoặc hiệu quả. Khuyến nghị về CDD đã được tăng cường với việc sửa đổi các tiêu chuẩn của FATF vào năm 2012.

Các yêu cầu CDD chi tiết

193. Tiêu chí 10.1 - Các tổ chức tài chính bị cấm mở hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc giả danh (Khoản 2, Điều 7 của Luật PCRT 2012). Các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán (IPSP) cũng bị cấm mở, duy trì tài khoản thanh toán nặc danh hoặc mạo danh (Khoản 5, Điều 6 của Nghị định 101/2012).

Khi nào phải thực hiện CDD

194. Tiêu chí 10.2 - Luật PCRT 2012 (Khoản 1, Điều 8) và Nghị định số 116/2013 (Điều 3) yêu cầu các tổ chức tài chính phải thực hiện CDD khi:

(a) khách hàng mở tài khoản hoặc thiết lập mối quan hệ kinh doanh với một tổ chức tài chính;

(b) khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn. Giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn là giao dịch của khách hàng không có tài khoản với một tổ chức tài chính hoặc có tài khoản nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên và giá trị giao dịch là ít nhất 300.000.000 đồng (xấp xỉ 13000 USD) trong một ngày;

(c) chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin (tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo);

(d) nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền; hoặc

(e) nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó (Khoản 1, Điều 3 Nghị định 116/2013).

195. Không có yêu cầu rõ ràng về việc các tổ chức tài chính thực hiện các biện pháp CDD trong trường hợp giao dịch không thường xuyên được thực hiện thành nhiều lần và các lần này dường như có liên quan đến nhau hoặc khi có nghi ngờ RT trong các hoàn cảnh khác ngoài giao dịch hoặc khi nghi ngờ có dấu hiệu TTKB.

196. Thông tư số 20/2019 được ban hành theo Luật PCRT 2012, Nghị định số 116/2013 và Luật Chống khủng bố 2013 đã bổ sung Thông tư số 35/2013 thông qua bổ sung điều khoản mới - Điều 10(b) về chống TTKB. Khoản 2 của điều khoản này mở rộng các nghĩa vụ được

quy định trong các điều khoản của Nghị định số 116/2013 (quy định chi tiết về các nghĩa vụ trong Luật PCRT 2012) để áp dụng đối với TTKB, bao gồm các biện pháp CDD.

197. Tuy nhiên, đoàn đánh giá hoài nghi về thẩm quyền pháp lý của Thông tư do một Bộ riêng lẻ (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) ban hành nhằm mở rộng nghĩa vụ pháp lý có trong Luật và Nghị định để áp dụng cho một vấn đề nằm ngoài phạm vi của các văn bản đó. Theo Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, Thông tư có thể hướng dẫn cho các điều, khoản và đoạn văn trong luật và nghị định nhưng không có thẩm quyền sửa đổi các nghĩa vụ trong các văn bản đó. Hơn nữa, điều này không đáp ứng yêu cầu rằng nguyên tắc mà TCTC tiến hành CDD phải được quy định trong luật.

Các biện pháp CDD bắt buộc đối với tất cả khách hàng

198. Tiêu chí 10.3 - Các tổ chức tài chính được yêu cầu phải xác định tất cả khách hàng bao gồm các thể nhân và pháp nhân (Điều 8 và 9 của Luật PCRT và Điều 4 của Nghị định số 116/2013). Hơn nữa, các tổ chức tài chính cũng phải xác định các thông tin cơ bản, cụ thể cho các loại khách hàng khác nhau (Điều 9 của Luật PCRT và Điều 4 của Nghị định 116/2013). Các TCTC cũng có nghĩa vụ yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin liên quan đến việc tham gia các thỏa thuận pháp lý trong quan hệ kinh doanh, trong việc mở tài khoản hoặc thực hiện giao dịch có giá trị lớn (khoản 10 Điều 1 Thông tư 20/2019 sửa đổi Điều 10c của Thông tư 35/2013).

199. Các TCTC phải xác minh nhận dạng bằng cách sử dụng các thông tin và dữ liệu tùy thuộc vào bản chất khách hàng. Các TCTC cũng có thể kiểm tra thông tin do khách hàng cung cấp bằng cách đối chiếu với thông tin có được thông qua "các cá nhân và tổ chức khác", những người đã có hoặc đang có mối quan hệ với khách hàng; thông qua các cơ quan quản lý hoặc các cơ quan có thẩm quyền nhà nước khác (Điều 11 của Luật PCRT và Điều 4 của Nghị định 116/2013). Các IPSP phải tuân thủ các biện pháp PCRT này do được xác định là TCTC cho các mục đích của Luật PCRT (Khoản 2, Điều 1 của Nghị định số 87/2019).

200. Tuy nhiên, các biện pháp xác minh này không có hiệu lực thi hành hoặc không bắt buộc. Ngoài ra, không có yêu cầu sử dụng các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin độc lập, đáng tin cậy khi các tổ chức tài chính tiến hành xác minh danh tính khách hàng.

201. Tiêu chí 10.4 - Ngoại trừ các công ty chứng khoán (Điều 47 Thông tư 210/2012), không có quy định hoặc biện pháp thực thi nào được áp dụng để các TCTC xác minh người có ý định thay mặt khách hàng được ủy quyền để làm việc này, cũng không có yêu cầu nào để xác định và xác minh danh tính của người đó.

202. Tiêu chí 10.5 - Các TCTC phải áp dụng các biện pháp phù hợp để xác định và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi (Điều 9 của Luật PCRT). Các TCTC phải thu thập thông tin về quyền sở hữu và cấu trúc kiểm soát để xác định được cá nhân có lợi ích kiểm soát đối với các pháp nhân và thỏa thuận ủy quyền (Khoản 2 (b) Điều 9 của Luật PCRT).[41] Hơn nữa, Điều 5 Nghị định 116/2013 (được sửa đổi bởi Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 87/2019) đưa ra ba tiêu chí để xác định chủ sở hữu hưởng lợi, là:

(a) chủ sở hữu thực sự hoặc đồng sở hữu một tài khoản hoặc bất kỳ người nào chi phối hoạt động của tài khoản hoặc thụ hưởng từ giao dịch của tài khoản;

(b) các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ 25% hoặc trên 25% vốn pháp định của một tổ chức, chủ doanh nghiệp tư nhân; hoặc cá nhân khác thực tế chi phối và kiểm soát tổ chức đó;

[41] Luật PCRT đề cập khác nhau đến các thỏa thuận ủy quyền, các ủy thác đầu tư, thỏa thuận ủy thác đầu tư, thỏa thuận ủy quyền và thỏa thuận được ủy quyền (những loại hình này gọi chung là thỏa thuận được ủy quyền). Những loại hình này khồn phải là thỏa thuận pháp lý theo định nghĩa tại Phương pháp luận của FATF. Những loại hình này thực tế là các tổ chức tài chính liên quan đến hoạt động quản lý và đầu tư quỹ.

(c) các cá nhân có quyền chi phối và ủy thác đầu tư hoặc thỏa thuận được ủy quyền.

203. Các TCTC phải yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng là các thỏa thuận pháp lý, mà ở Việt Nam sẽ là ủy thác nước ngoài, bao gồm thông tin chủ sở hữu hưởng lợi và thông tin về pháp nhân hoặc thể nhân liên quan đến những thỏa thuận này (Khoản 10, Điều 1 của Thông tư số 20/2019).

204. Tuy nhiên, không có quy định cụ thể nào về việc các TCTC phải sử dụng thông tin hoặc dữ liệu liên quan từ nguồn đáng tin cậy khi xác minh danh tính của chủ sở hữu hưởng lợi.

205. Tiêu chí 10.6 - Thông tin nhận dạng khách hàng phải bao gồm mục đích của mối quan hệ của khách hàng và TCTC (Điều 9 của Luật PCRT). Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng về việc các TCTC phải thu thập thông tin về bản chất thực của mối quan hệ kinh doanh.

Tiêu chí 10.7

206. Tiêu chí 10.7(a) – Các TCTC được yêu cầu thường xuyên cập nhật thông tin nhận dạng khách hàng để đảm bảo có đủ thông tin về khách hàng tại thời điểm thiết lập mối quan hệ kinh doanh. TCTC cũng phải đảm bảo rằng các giao dịch mà khách hàng thực hiện phù hợp với thông tin được thu thập trước đó của TCTC, nghĩa là các hoạt động, rủi ro và nguồn tài sản của khách hàng (Điều10 Luật PCRT). Tuy nhiên, không rõ nội hàm của việc thường xuyên cập nhật thông tin nhận dạng khách hàng là gì. Các yêu cầu như vậy dường như không tương xứng với việc xem xét kỹ lưỡng các giao dịch được thực hiện trong suốt quá trình của mối quan hệ kinh doanh hoặc trên cơ sở đang diễn ra.

207. Tiêu chí 10.7(b) – Điều 10 của Luật PCRT được áp dụng theo quy định trên, tuy nhiên, không có yêu cầu cụ thể nào quy định các TCTC phải cập nhật thông tin về các khách hàng có "rủi ro cao" hoặc rà soát các hồ sơ hiện có.

Các biện pháp CDD cụ thể bắt buộc đối với các pháp nhân và thỏa thuận pháp lý

208. Tiêu chí 10.8 - Đối với một khách hàng là pháp nhân hoặc "thỏa thuận pháp lý được ủy quyền", các TCTC phải thu thập thông tin về chủ sở hữu và cơ cấu kiểm soát để xác định cá nhân có lợi ích và kiểm soát chính đối với những khách hàng đó (Điều 9 của Luật PCRT).

209. Các tổ chức bảo hiểm được yêu cầu tiến hành phân tích khách hàng để hiểu bản chất kinh doanh của khách hàng (Điều 4 Thông tư 50/2017). Tuy nhiên, không có yêu cầu có tính hiệu lực nào đối với các tổ chức tài chính khác trong việc tìm hiểu bản chất của hoạt động kinh doanh của khách hàng.

210. Đối với các quỹ ủy thác nước ngoài có thể hoạt động và hình thành mối quan hệ kinh doanh với các TCTC tại Việt Nam, các TCTC được yêu cầu thu thập, xác minh và lưu giữ hồ sơ khi giao dịch với khách hàng là các thỏa thuận pháp lý (Điều10(c) Thông tư 25/2013 (đã sửa đổi). Tuy nhiên, không có yêu cầu về việc các TCTC phải hiểu bản chất của việc kinh doanh tại Việt Nam.

211. Tiêu chí 10.9 – các TCTC được yêu cầu xác định thông tin chính bao gồm: tên doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại và số fax, lĩnh vực kinh doanh, thông tin về người sáng lập doanh nghiệp và đại diện của pháp nhân (Điều 9 của Luật PCRT). Điều 11 của Luật PCRT quy định rằng các TCTC có thể sử dụng một số biện pháp nhất định để xác minh danh tính của khách hàng, như giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (xem Khuyến nghị số 24).

212. Các TCTC được yêu cầu phải cập nhật thông tin về khách hàng là các thỏa thuận pháp lý (như ủy thác nước ngoài) hoặc khách hàng có liên quan đến các thỏa thuận pháp lý đó. TCTC phải thu thập, xác minh và lưu giữ hồ sơ về tên, ngày, tài sản, quốc gia và chủ sở hữu hưởng lợi của các thỏa thuận pháp lý đó (Điều 10 (c) Thông tư 35/2013 (đã sửa đổi). Tuy nhiên, các biện pháp xác minh thông tin pháp nhân không có hiệu lực thực thi đối với các TCTC.

Tiêu chí 10.10

213. 10.10(a): Các TCTC được yêu cầu xác định chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng là pháp nhân theo các tiêu chí sau. Đầu tiên, chủ tài khoản hoặc người chi phối các hoạt động của tài khoản hoặc thu lợi từ các giao dịch. Thứ hai, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ 25% vốn của pháp nhân, các cá nhân thực sự kiểm soát pháp nhân hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân. Thứ ba, các cá nhân có quyền chi phối ủy thác đầu tư và thỏa thuận ủy quyền, (lưu ý rằng đây không phải là các thỏa thuận pháp lý theo như định nghĩa trong phương pháp luận của FATF (Điều 5 Nghị định 116/2013 (sửa đổi)). Các TCTC phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân (Điều 9 (2) của Luật PCRT). Tuy nhiên, không có yêu cầu có hiệu quả thực thi về việc thực hiện các biện pháp phù hợp để xác minh danh tính của chủ sở hữu hưởng lợi.

214. 10.10(b): Không có yêu cầu rõ ràng quy định các TCTC phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi kiểm soát pháp nhân bằng các phương tiện khác khi có nghi ngờ về chủ sở hữu hưởng lợi hoặc khi không có thể nhân nào kiểm soát thông qua lợi ích sở hữu.

215. 10.10(c). Các TCTC phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi của pháp nhân liên quan đến "chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân" và bất kỳ cá nhân nào khác thực sự chi phối và kiểm soát pháp nhân (Điều 5 của Nghị định 116/2013 (đã sửa đổi)). Tuy nhiên, không có quy định chi tiết khi nào và làm thế nào áp dụng những điều khoản này và cũng không đề cập cụ thể đến thể nhân là người giữ vị trí quản lý cấp cao.

216. Tiêu chí 10.11 - Các tổ chức tài chính phải xác định và thu thập thông tin liên quan đến các thỏa thuận pháp lý, bao gồm tên, văn bản ủy quyền, quốc gia của thỏa thuận pháp lý, người được ủy thác, người thụ hưởng và bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào liên quan đến thỏa thuận pháp lý (Thông tư 35/2013 (đã sửa đổi theo Thông tư 20/2019)). Không có quy định rõ ràng về việc phải xác định người chuyển nhượng và người bảo hộ của ủy thác, mặc dù những thông tin này có thể đã có trong tài liệu ủy quyền. Có yêu cầu rõ ràng về việc các tổ chức tài chính xác định thể nhân thực hiện kiểm soát hiệu quả cuối cùng đối với ủy thác hoặc cung cấp thông tin về chuỗi kiểm soát/sở hữu.

CDD đối với người thụ hưởng chính sách bảo hiểm nhân thọ

217. Tiêu chí 10.12 -

218. 10.12 (a). Các TCTC có liên quan phải nêu tên và địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm, người mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng trong hợp đồng bảo hiểm (Điều 13 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2000).

219. 10.12 (b). Trong trường hợp một người thụ hưởng được chỉ định theo các đặc điểm nhất định, theo thứ hạng hoặc bằng các phương tiện khác, không có yêu cầu cụ thể về việc thu thập đầy đủ thông tin về người thụ hưởng nhằm có thể xác định được danh tính tại thời điểm chi trả.

220. 10.12 (c). Khoản 2 Điều 18 của Quy định số 4330/2017 chi tiết các loại tài liệu cần thiết để yêu cầu quyền lợi bảo hiểm, bao gồm; hợp đồng bảo hiểm (nêu chi tiết về người mua bảo hiểm, người được bảo hiểm và người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm); bản sao giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân/hộ chiếu); tài liệu chứng minh quyền nhận quyền lợi bảo hiểm (như tài liệu chứng minh mối quan hệ với người được bảo hiểm).

221. Tuy nhiên, đối với các chính sách bảo hiểm nhân thọ và đầu tư khác, trường hợp người thụ hưởng được chỉ định bởi các đặc điểm hoặc theo tầng lớp hoặc bằng các phương tiện khác, không có yêu cầu cụ thể về việc phải xác minh danh tính của người thụ hưởng. Ngoài ra, không có quy định rõ ràng yêu cầu xác minh danh tính tại thời điểm chi trả.

222. Tiêu chí 10.13 - Có các yêu cầu chung để các đối tượng báo cáo phải tính đến các yếu tố rủi ro của khách hàng trong việc quyết định có nên áp dụng CDD tăng cường hay không

(Điều 12-17 của Luật PCRT). Tuy nhiên, không có yêu cầu cụ thể nào về việc các TCTC có liên quan phải xem người thụ hưởng chính sách bảo hiểm nhân thọ là một yếu tố rủi ro trong việc xác định có thể áp dụng các biện pháp CDD tăng cường hay không. Hơn nữa, không có yêu cầu cụ thể về việc thực hiện các biện pháp nâng cao, bao gồm các biện pháp phù hợp để xác định và xác minh danh tính của chủ sở hữu hưởng của người thụ hưởng, tại thời điểm thanh toán.

Thời gian xác minh

223. Tiêu chí 10.14 - Các tổ chức tài chính nên thực hiện các biện pháp để xác minh danh tính khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi khi họ tham gia vào một mối quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị cao không thường xuyên hoặc chuyển tiền điện tử (Điều 11 của Luật PCRT). Các tổ chức báo cáo cũng được phép áp dụng các biện pháp CDD đơn giản hóa bao gồm xác minh danh tính sau khi thiết lập mối quan hệ kinh doanh khi rủi ro RT/TTKB thấp (khoản 4, Điều 1 của Nghị định 87/2019). Tuy nhiên, điều kiện để xác minh sau này chỉ là rủi ro ở mức độ thấp, các điều kiện khác bao gồm tính khả thi, không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh thông thường và rủi ro RT/TTKB được quản lý hiệu quả là không liên quan.

224. Tiêu chí 10.15 - Không có điều khoản nào yêu cầu các TCTC phải áp dụng các quy trình quản lý rủi ro liên quan đến điều kiện mà khách hàng có thể sử dụng mối quan hệ kinh doanh trước khi xác minh.

Khách hàng hiện tại

225. Tiêu chí 10.16 – Các TCTC phải áp dụng các biện pháp nhận dạng khi có nghi ngờ về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin nhận dạng khách hàng đã thu thập trước đây. Các TCTC cũng phải cập nhật thường xuyên thông tin nhận dạng khách hàng (Điều 8 & 10 của Luật PCRT). Khoản 3, Điều 1 của Thông tư số 20/2019 cũng yêu cầu các đối tượng báo cáo thường xuyên cập nhật và lưu lại thông tin bao gồm các "rủi ro và các mối quan hệ kinh doanh".

226. Tuy nhiên, không có quy định cụ thể áp dụng cho khách hàng hiện tại. Cụ thể hơn, không có nghĩa vụ nào đối với các TCTC phải áp dụng các yêu cầu CDD cho khách hàng hiện tại dựa trên tính trọng yếu và rủi ro và vào những thời điểm thích hợp.

Phương pháp tiếp cận trên cơ sở rủi ro

227. Tiêu chí 10.17 - Các TCTC được yêu cầu phân loại khách hàng dựa trên mức độ rủi ro của khách hàng, danh mục, sản phẩm và dịch vụ được sử dụng bởi khách hàng và địa chỉ hoặc trụ sở chính của khách hàng đó. Đối với những khách hàng được phân loại là có rủi ro cao, các TCTC phải áp dụng các biện pháp tăng cường (Điều 12-17 của Luật PCRT; Điều 3 của Thông tư 35/2013; Điều 1 của Thông tư số 31/2014). Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng về việc các TCTC phải thực hiện các biện pháp nâng cao khi có rủi ro TTKB cao hơn hoặc trong các trường hợp khác bất kể mức độ rủi ro của khách hàng.

228. Tiêu chí 10.18 - Đối với những khách hàng có rủi ro thấp, các TCTC có thể áp dụng các biện pháp nhận dạng khách hàng ở mức độ thấp, nhưng phải đảm bảo thu thập thông tin khách hàng đầy đủ (Điều 12 của Luật PCRT). Tuy nhiên, không có yêu cầu cụ thể nào về việc quốc gia hoặc đối tượng báo cáo phải tiến hành phân tích rủi ro đầy đủ cho mục đích của Khuyến nghị 10. Ngoài ra, không có quy định rõ ràng về việc các biện pháp đơn giản hóa không được chấp nhận khi có nghi ngờ RT/TTKB, hoặc khi áp dụng các kịch bản rủi ro cao hơn.

Không hoàn thành CDD theo yêu cầu

Tiêu chí 10.19 -

229. 10.19 (a): Các TCTC không có nghĩa vụ phải mở tài khoản, bắt đầu quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện giao dịch; hoặc chấm dứt mối quan hệ kinh doanh khi CDD không thể hoàn thành. Chỉ các công ty quản lý quỹ mới có điều khoản cụ thể, theo đó họ "được phép", hay "có quyền" từ chối cung cấp dịch vụ nếu thông tin không được cung cấp đầy đủ và kịp thời (Điều 31 của Thông tư số 212/2012). Điều này không tuân thủ nghĩa vụ.

230. 10.19 (b): Không có nghĩa vụ phải nộp STR trong các trường hợp được nêu ở trên.

231. Tiêu chí 10.20 - Không có quy định rõ ràng nào cho phép các TCTC không theo đuổi quy trình CDD khi có nghi ngờ về RT/TTKB và có rủi ro là quy trình CDD sẽ tiết lộ cho khách hàng đó.

Trọng số và kết luận

232. Có nhiều yếu tố căn bản để đảm bảo thực hiện CDD. Các thiếu hụt trung bình liên quan đến việc thiếu: i) yêu cầu TCTC phải xác định và xác minh những người thực hiện nhân danh khách hàng; ii) yêu cầu cụ thể để TCTC phải thực hiện CDD tăng cường đối với các trường hợp rủi ro cao; iii) nghĩa vụ của TCTC để thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro hoặc báo cáo STRs khi họ không thể tuân thủ các biện pháp CDD; và iv) nghĩa vụ của các TCTC không mở tài khoản, bắt đầu quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện các giao dịch trước đó, hoặc chấm dứt quan hệ kinh doanh khi CDD không thể hoàn thành. Những thiếu hụt khác liên quan đến i) chưa có đầy đủ quy định để yêu cầu các TCTC thực hiện thẩm định liên tục; ii) thiếu cơ chế nhận dạng và xác minh cho những người thụ hưởng được chỉ định của bảo hiểm nhân thọ hoặc các chính sách bảo hiểm liên quan đến đầu tư khác; iii) thiếu chi tiết về thời điểm và cách thức áp dụng các tiêu chí xác định BO; iv) thiếu quy định cho phép các TCTC không cần phải thực hiện CDD đối với trường hợp có rủi ro về tiết lộ thông tin. **Khuyến nghị 10 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 11- Lưu trữ hồ sơ

233. Trong Báo cáo ĐGĐP 2009, Việt Nam được đánh giá tuân thủ một phần những yêu cầu này. Hạn chế chính là thiếu yêu cầu để các TCTC phải lưu giữ giấy tờ trao đổi kinh doanh và hồ sơ về tài khoản.

234. *Tiêu chí 11.1* – Các tổ chức báo cáo được yêu cầu lưu giữ hồ sơ giao dịch của khách hàng trong ít nhất 05 năm kể từ ngày đầu tiên của giao dịch (Điều 27, Luật PCRT). Tuy nhiên, không rõ liệu điều này có tương đương với việc hoàn thành giao dịch hay không và liệu tất cả các hồ sơ và hồ sơ cần thiết về giao dịch quốc tế có bao gồm trong yêu cầu này hay không.

235. *Tiêu chí 11.2* - Các tổ chức báo cáo phải lưu giữ các hồ sơ nhận dạng, hồ sơ tài khoản và các báo cáo chỉ liên quan đến các giao dịch có giá trị lớn (khoảng 21.362 USD, xem Tiêu chí 16.1), các giao dịch đáng ngờ, các giao dịch chuyển tiền điện tử vượt ngưỡng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đặt ra (Điều 21-23, Luật PCRT) trong ít nhất 05 năm sau khi đóng tài khoản hoặc giao dịch hoặc ngày báo cáo (Điều 27, Luật PCRT). Tuy nhiên, không có yêu cầu cụ thể liên quan đến tất cả các hồ sơ thu được từ các biện pháp CDD, giấy tờ trao đổi kinh doanh và không có yêu cầu lưu giữ hồ sơ liên quan đến bất kỳ phân tích nào được thực hiện. Hơn nữa, không rõ là liệu điều này có bao gồm việc lưu giữ hồ sơ giao dịch không thường xuyên dưới ngưỡng giá trị lớn hay không.

236. Tiêu chí 11.3 – Các tổ chức báo cáo phải lưu giữ hồ sơ giao dịch của khách hàng (Điều 27 của Luật PCRT) và các công ty chứng khoán được yêu cầu tiếp tục lưu giữ hồ sơ, chứng từ và tài liệu liên quan của khách hàng, cung cấp chi tiết và giao dịch của khách hàng và hoạt động của công ty (Điều 69, Thông tư số 210/2012). Tuy nhiên, chưa có bằng chứng rõ ràng về việc các TCTC phải lưu giữ hồ sơ giao dịch và các thông tin liên quan khác đủ để cho

phép thiết lập lại các giao dịch riêng lẻ nhằm cung cấp bằng chứng cho việc truy tố tội phạm nếu cần thiết.

237. Tiêu chí 11.4 - Các tổ chức báo cáo phải cung cấp hồ sơ, tài liệu lưu trữ và thông tin liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu (Điều 28, Luật PCRT). Tuy nhiên, không rõ liệu các tài liệu và thông tin này có nhanh chóng được cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không.

Trọng số và Kết luận

238. Những hạn chế đáng kể nhất liên quan đến: i) thiếu yêu cầu cụ thể về việc lưu giữ tất cả các hồ sơ thu thập được từ các biện pháp CDD, tất cả các kết quả phân tích được thực hiện và các giấy tờ trao đổi kinh doanh, ii) thiếu yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền một cách "nhanh chóng", và iii) các yêu cầu cụ thể để lưu giữ hồ sơ giao dịch và các thông tin liên quan khác đủ để cho phép thiết lập lại các giao dịch riêng lẻ là không rõ ràng. **Khuyến nghị 11 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 12 – Cá nhân có ảnh hưởng chính trị

239. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này do thiếu các quy định pháp luật hoặc các phương tiện thực thi để đặt ra các nghĩa vụ liên quan đến cá nhân có ảnh hưởng chính trị. Nội dung các Khuyến nghị năm 2012 đã mở rộng các nghĩa vụ để bao gồm các cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước và các tổ chức quốc tế.

240. 12.1 (a): Các tổ chức báo cáo phải có hệ thống quản lý rủi ro phù hợp để xác định khách hàng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị (Khoản 2, Điều 13, Luật PCRT). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ thông báo danh sách khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị cho các tổ chức báo cáo phải có hệ thống quản lý rủi ro phù hợp để xác định khách hàng là PEP (Điều 13, Luật PCRT). Tuy nhiên, định nghĩa này không bao gồm các cá nhân có ảnh hưởng chính trị không được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam liệt kê trong danh sách.

241. 12.1 (b): Không có quy định yêu cầu các tổ chức báo cáo phải có được sự chấp thuận của quản lý cấp cao trước khi thiết lập (hoặc tiếp tục, đối với khách hàng hiện tại) mối quan hệ kinh doanh với cá nhân có ảnh hưởng chính trị nước ngoài.

242. 12.1 (c): Các tổ chức báo cáo phải thực hiện các biện pháp xác định nguồn gốc tài sản của khách hàng khi khách hàng là cá nhân có ảnh hưởng chính trị nước ngoài (Khoản 2 [b], Điều 13, Luật PCRT). Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng về việc các biện pháp tương tự phải được áp dụng cho các chủ sở hữu hưởng lợi của khách hàng là pháp nhân.

243. 12.1 (d): Các TCTC phải áp dụng biện pháp giám sát tăng cường đối với khách hàng và mối quan hệ kinh doanh với các khách hàng được xác định là PEP (Khoản 2 [c], Điều 13, Luật PCRT). Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng nào về việc phải áp dụng các biện pháp tương tự đối với các chủ sở hữu hưởng lợi, cũng như không có yêu cầu rõ ràng nào về việc duy trì giám sát tăng cường.

244. Tiêu chí 12.2 - Các đối tượng báo cáo không bắt buộc phải thực hiện các yêu cầu cụ thể đối với cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước và những người được tổ chức quốc tế ủy thác nắm giữ chức năng chủ chốt.

245. Tiêu chí 12.3 - Luật PCRT (Điều 13.3) yêu cầu các tổ chức báo cáo thực hiện CDD cho các cá nhân có ảnh hưởng chính trị nước ngoài liên quan các thành viên trong gia đình họ (cha mẹ, chồng, vợ, con, anh chị em), tuy nhiên, không bao gồm cộng sự thân thiết của họ. Những điều khoản này không áp dụng cho cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước và những người được tổ chức quốc tế ủy thác nắm giữ chức năng chủ chốt.

246. Tiêu chí 12.4 - Không có điều khoản trong luật hoặc quy định liên quan đến người thụ hưởng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi của người thụ hưởng chính sách bảo hiểm nhân thọ có thể là các cá nhân có ảnh hưởng chính trị.

Trọng số và Kết luận

247. Những thiếu sót đáng kể nhất liên quan đến việc thiếu các quy định liên quan đến cá nhân có ảnh hưởng chính trị trong nước, đây là yếu tố chiếm trọng số đáng kể khi cân nhắc rủi ro và bối cảnh của Việt Nam; thiếu các yêu cầu liên quan đến các cộng sự thân thiết của tất cả các loại hình cá nhân có ảnh hưởng chính trị. Những thiếu sót khác bao gồm thiếu sự chấp thuận của quản lý cấp cao khi thiết lập quan hệ kinh doanh với các cá nhân có ảnh hưởng chính trị nước ngoài, các biện pháp giảm thiểu rủi ro đối với các cá nhân có ảnh hưởng chính trị nước ngoài không được áp dụng cho chủ sở hữu hưởng lợi và thiếu các yêu cầu để xác định cá nhân có ảnh hưởng chính trị liên quan đến chính sách bảo hiểm nhân thọ là vấn đề nghiêm trọng. **Khuyến nghị 12 được đánh giá là không tuân thủ.**

Khuyến nghị 13 – Ngân hàng đại lý

248. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam là không tuân thủ các yêu cầu này. Không có yêu cầu về việc các TCTC phải tuân thủ Khuyến nghị 7.

Tiêu chí 13.1

249. 13.1 (a): Các TCTC phải thu thập thông tin về ngân hàng đại lý để hiểu bản chất và đặc điểm kinh doanh của ngân hàng đại lý đó. Các TCTC phải đảm bảo rằng ngân hàng đại lý chịu sự giám sát và kiểm soát của các cơ quan thẩm quyền nước ngoài, tuy nhiên không có yêu cầu trực tiếp nào về việc các TCTC phải xác định chất lượng của hoạt động giám sát đó, bao gồm cả việc liệu ngân hàng đại lý đó có đang bị điều tra về RT/TTKB hoặc vướng vào vấn đề pháp lý nào không (Điều 14 (2) của Luật PCRT 2012).

250. 13.1 (b) Các TCTC phải đánh giá việc thực hiện các biện pháp PCRT của ngân hàng đại lý (Điều 14 (2) của Luật PCRT 2012). Điều 7 (2) của Nghị định số 116/2013 quy định các TCTC phải thu thập thông tin về ngân hàng đại lý, ngoài những đối tượng khác, mức xếp hạng và đánh giá của cơ quan giám sát ngân hàng đại lý và một số tiêu chí để các TCTC đánh giá việc thực hiện các biện pháp PCRT của ngân hàng đại lý. Điều 1(5) của Thông tư 31/2014 quy định việc mở rộng các biện pháp theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 116/2013 cho mục đích phòng, chống TTKB.

251. 13.1 (c) Điều 14 (3) của Luật PCRT 2012 cùng với Điều 12 của Luật các tổ chức tín dụng quy định các TCTC phải được sự chấp thuận của Tổng giám đốc (Giám đốc TCTC) hoặc cá nhân được Tổng giám đốc ủy quyền trước khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý.

252. 13.1 (d) Không có yêu cầu rõ ràng về việc các TCTC phải hiểu rõ trách nhiệm PCRT/TTKB tương ứng của từng tổ chức.

Tiêu chí 13.2 -

253. 13.2 (a): Các TCTC phải đảm bảo ngân hàng đại lý đã xác minh đầy đủ thông tin nhận dạng khách hàng, cập nhật thông tin khách hàng và thực hiện giám sát khách hàng (Điều 14 (4) của Luật PCRT 2012).

254. 13.2 (b): Các TCTC phải tự đảm bảo được rằng ngân hàng đại lý có thể cung cấp thông tin nhận dạng khách hàng khi được yêu cầu (Điều 14 (4) của Luật PCRT 2012).

255. Tiêu chí 13.3 - Các TCTC bị cấm thiết lập và duy trì mối quan hệ kinh doanh với các ngân hàng bình phong. Tuy nhiên, không có yêu cầu nào về việc các TCTC phải tự đảm bảo các ngân hàng đại lý không cho phép tài khoản của họ được sử dụng bởi các ngân hàng bình phong (Điều 7(3) Luật PCRT 2012).

Trọng số và Kết luận

256. Những thiếu sót ở mức độ trung bình liên quan đến việc thiếu quy định yêu cầu các TCTC xác định chất lượng giám sát của các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, bao gồm việc ngân hàng đối tác có đang bị điều tra về RT/TTKB hay vướng vào vấn đề pháp lý hay không. Không có yêu cầu rõ ràng về việc các TCTC phải hiểu rõ trách nhiệm PCRT/TTKB tương ứng của mỗi tổ chức. Ngoài ra, không có yêu cầu về việc các TCTC phải đảm bảo được các ngân hàng đại lý không cho phép tài khoản của họ được sử dụng bởi các ngân hàng bình phong. **Khuyến nghị 13 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 14 – Dich vụ chuyển tiền

257. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này. Không có quy định nào về các tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển tiền không chính thức và thiếu sự giám sát và theo dõi đối với các tổ chức cung cấp chuyển tiền chính thức.

258. Tiêu chí 14.1 - Tại Việt Nam, các tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển tiền là (i) tổ chức tín dụng, (ii) tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và (iii) đại lý thu đổi ngoại tệ. Chỉ có pháp nhân mới được đăng ký cung cấp dịch vụ chuyển tiền. Căn cứ vào Điều 2 (1) của Thông tư số 46/2014, Điều 1 (1) của Nghị định số 80/2016 và các Điều 4 (1), 5 (1) và 6 (1) của Nghị định 89/2016, chỉ có công ty hoặc doanh nghiệp mới có thể đăng ký trở thành tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển tiền. Điều 4 (9) của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan được giao cấp phép cho các tổ chức tín dụng và các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán [xem Điều 4 (1) của Thông tư 39/2014] trong khi Điều 4 (1) và (2) của Thông tư 34/2015 quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp phép đăng ký thực hiện dịch vụ chi trả ngoại tệ. Mặc dù không có quy định cấm cung cấp MVTS mà không được cấp phép hoặc đăng ký theo một trong ba loại trên, Điều 7 (4) của Luật PCRT 2012 quy định rằng việc cung cấp MVTS là bất hợp pháp, với từ "bất hợp pháp" thì được hiểu là các nhà cung cấp dịch vụ MVTS không thể hoạt động mà không được cấp phép hoặc đăng ký.

259. Tiêu chí 14.2 - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm thực hiện các hành động thực thi đối với dịch vụ chuyển tiền bất hợp pháp nhưng không có thông tin nào được cung cấp về các hành động cụ thể được thực hiện và liệu các biện pháp xử phạt được áp dụng có tương xứng và mang tính răn đe hay không. Điều 7 (4) của Luật PCRT 2012 nghiêm cấm hành vi cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác hoặc công cụ lưu trữ giá trị và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng tại một địa điểm khác. Nghị định 96/2014 quy định các hình thức xử phạt khác nhau đối với việc vi phạm các quy định PCRT và quản lý và sử dụng giấy phép. Điều 46 (2) Nghị định 96/2014 quy định mức phạt tiền từ 100 triệu đến 150 triệu VND (khoảng 4.300 đến 6.500 USD) đối với hành vi cung cấp các dịch vụ tiền tệ bất hợp pháp liên quan đến tiền mặt, séc, các công cụ tiền tệ khác hoặc các công cụ lưu giữ tiền tệ có giá trị cho những người thụ hưởng tại các địa điểm khác nhau. Điều 4 (6) Nghị định 96/2014 quy định mức phạt từ 400 triệu đến 500 triệu VND (khoảng 17.200 đến 21.400 USD) đối với hành vi kinh doanh không có giấy phép. Mặc dù, Điều 3 (3) của Nghị định 96/2014 quy định mức phạt gấp đôi đối với các tổ chức doanh nghiệp, đoàn đánh giá vẫn cho rằng các biện pháp xử phạt này là chưa tương xứng và chưa đủ sức răn đe vì các khoản phạt có thể được áp dụng là rất thấp bao gồm cả đối với pháp nhân.

260. Tiêu chí 14.3 - Điều 37 (5) của Luật PCRT 2012 cùng với Điều 24 (5) của Nghị định số 116/2013 và Điều 1(1) của Nghị định số 87/2019 quy định trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc thanh tra, giám sát về sự tuân thủ PCRT của các đối tượng báo cáo trong phạm vi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối và bao gồm (i) tổ chức tín dụng, (ii) tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và (iii) đại lý thu đổi ngoại tệ. Tuy nhiên, vẫn còn những thiếu hụt theo tiêu chí 26.1 liên quan đến thanh tra và giám sát cho các mục đích phòng, chống TTKB.

261. Tiêu chí 14.4 - Điều 30 của Luật tổ chức tín dụng cùng với Điều 4 của Thông tư số 21/2013 và số 53/2018 quy định rằng việc thành lập các chi nhánh và văn phòng đại diện của các tổ chức tín dụng cần có sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Điều 6 (2) của Thông tư 39/2014 nghiêm cấm các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán chỉ định một đối tượng khác làm đại lý để cung cấp dịch vụ được cấp phép (bao gồm dịch vụ chuyển tiền). Điều 22 của Thông tư 34/2015 quy định trách nhiệm của đại lý chi trả ngoại tệ trong việc cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam danh sách các tổ chức đại lý (tổ chức ủy quyền) theo quy định tại Phụ lục 16 của Thông tư. Tuy nhiên, không rõ liệu một thể nhân có thể trở thành một tổ chức ủy quyền hay không.

262. Tiêu chí 14.5 - Điều 20 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các tổ chức báo cáo phải xây dựng các quy định nội bộ về PCRT/TTKB. Vẫn còn thiếu hụt theo tiêu chí 14.3 và chưa rõ liệu các yêu cầu về quy định nội bộ có được áp dụng cho các chi nhánh của các tổ chức tín dụng hay không (xem thêm tiêu chí 18.2). Mặc dù Điều 18 Thông tư 34/2015 đưa ra yêu cầu chung đối với các đại lý thanh toán và thu đổi ngoại tệ (tổ chức ủy quyền) trong việc hướng dẫn đại lý (tổ chức được ủy quyền) và giám sát việc tuân thủ của các đơn vị này, tuy nhiên không rõ quy định này có mở rộng tới việc hướng dẫn và giám sát PCRT/TTKB hay không. Tương tự, không có yêu cầu rõ ràng về việc các tổ chức ủy quyền phải đưa các đại lý của họ (các tổ chức được ủy quyền) vào các chương trình tuân thủ PCRT/TTKB của mình.

Trọng số và Kết luận

263. Việt Nam không thể hiện được các cơ quan chức năng đã có hành động để xác định thể nhân hoặc pháp nhân thực hiện dịch vụ chuyển tiềnmà không có giấy phép hoặc đăng ký và để áp dụng các biện pháp xử phạt tương xứng và mang tính răn đe đối với các hành vi vi phạm. Thiếu hụt theo khuyến nghị 26 cũng tồn tại đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển tiền. Không có yêu cầu về việc các tổ chức tín dụng và tổ chức chi trả ngoại tệ phải đưa các đại lý của họ (chi nhánh trong trường hợp tổ chức tín dụng) vào chương trình tuân thủ PCRT/TTKB của mình và giám sát các đại lý tuân thủ các chương trình này. Cũng không rõ liệu thể nhân có thể trở thành đại lý cho các nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền hay không. **Khuyến nghị 14 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 15 – Công nghệ mới

264. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu liên quan tới công nghệ mới. Không có yêu cầu về việc các TCTC phải có chính sách để ngăn chặn việc lạm dụng những phát triển công nghệ vào RT/TTKB. Các nghĩa vụ toàn diện đối với tài sản ảo (VA) và nhà cung cấp dịch vụ VA (VASP) đã được đưa ra kể từ lần đánh giá cuối cùng.

Công nghệ mới

265. Tiêu chí 15.1 - Việt Nam chưa đánh giá các rủi ro RT/TTKB có thể phát sinh liên quan đến việc phát triển các sản phẩm mới và phương thức kinh doanh mới, bao gồm cơ chế phân phối mới và việc sử dụng công nghệ mới hoặc đang phát triển đối với các sản phẩm mới và sản phẩm hiện có. Ở cấp độ TCTC, Điều 8 Nghị định số 116/2013 yêu cầu các TCTC phải thiết lập quy trình đánh giá rủi ro RT khi cung cấp các dịch vụ sử dụng công nghệ mới nhưng chỉ hạn chế đối với các giao dịch không gặp mặt và không rõ ràng có bao gồm các sản phẩm mới và hoạt động kinh doanh mới gồm cơ chế phân phối mới và việc sử dụng công nghệ mới hoặc đang phát triển cho cả sản phẩm mới và sản phẩm hiện có hay không. Điều 1(5) của Thông tư số 31/2014 quy định mở rộng đánh giá rủi ro được quy định tại Điều 8 của Nghị định số 116/2013 đối với rủi ro TTKB.

Tiêu chí 15.2 -

266. 15.2 (a): Điều 8 Nghị định số 116/2013 yêu cầu các TCTC thực hiện đánh giá rủi ro đối với các giao dịch liên quan đến công nghệ mới. Tuy nhiên, không rõ liệu các TCTC có bắt

buộc phải thực hiện đánh giá rủi ro trước khi ra mắt hoặc sử dụng các sản phẩm, hoạt động và công nghệ đó hay không.

267. 15.2 (b): Điều 15 Luật PCRT 2012 và Điều 8 của Nghị định số 116/2013 yêu cầu các TCTC phải quản lý rủi ro RT khi thiết lập giao dịch với các khách hàng sử dụng công nghệ mới. Các thiếu sót được xác định theo tiêu chí 15.1 liên quan tới các giao dịch không gặp mặt cũng được áp dụng. Điều 1(5) của Thông tư 31/2014 quy định việc mở rộng các nghĩa vụ để quản lý rủi ro TTKB khi thiết lập giao dịch với khách hàng sử dụng công nghệ mới.

Tài sản ảo và các tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản ảo

268. Tiêu chí 15.3 - Các hoạt động VA và VASP theo định nghĩa của FATF đã tồn tại (bao gồm các hoạt động đầu tư và khai thác tiền điện tử) ở Việt Nam.

269. 15.3 (a): Việt Nam đã thực hiện một số bước hạn chế để đánh giá rủi ro RT/TTKB phát sinh từ các hoạt động VA và VASP. Báo cáo của Chính phủ số 1255/2017 đưa ra một số yếu tố rủi ro liên quan đến VA, tuy nhiên trọng tâm là rủi ro thanh toán và bao quát rộng rãi các rủi ro tội phạm VA chung. Không có đánh giá cụ thể về rủi ro RT/TTKB phát sinh từ các hoạt động VA và các hoạt động hoặc sự vận hành của VASP.

270. 15.3 (b): Việt Nam cấm ở mức độ hạn chế đối với VA, nhưng không cấm đối với các VASP và theo đó, các hoạt động VASP theo định nghĩa của FATF không bị cấm. VA không được công nhận là phương tiện thanh toán theo Nghị định số 101/2012 (Điều 4 (6)). Điều 4(7) của Nghị định quy định thêm rằng thanh toán bất hợp pháp đề cập đến các phương tiện thanh toán không được nêu chi tiết trong Điều 4 (6). Tuy nhiên, việc cấm chỉ giới hạn tới tiền ảo cho mục đích thanh toán và không bao gồm "tài sản" và việc sử dụng tiền ảo cho các mục đích khác ngoài thanh toán. Năm 2018, Việt Nam đã ban hành Chỉ thị tới các cơ quan có thẩm quyền và các ngân hàng để nhấn mạnh sự cần thiết phải tăng cường kiểm soát các giao dịch và hoạt động liên quan đến tiền điện tử. Điều này bao gồm việc yêu cầu các tổ chức tín dụng và nhà cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian không cung cấp dịch vụ hoặc giao dịch tiền điện tử và gửi STR về các giao dịch liên quan đến tiền điện tử (Chỉ thị 02/2018).

271. 15.3 (c) Do không có khuôn khổ về cấp phép hoặc đăng ký, các VASP không có nghĩa vụ phải thực hiện các bước thích hợp để xác định, đánh giá và giảm thiểu rủi ro RT/TTKB.

272. Tiêu chí 15.4 - Việt Nam không có biện pháp hay yêu cầu nào liên quan đến việc cấp phép hoặc đăng ký VASP theo 15.4 (a) và (b).

273. Tiêu chí 15.5 - Việt Nam không chứng minh được đã thực hiện các hành động để thực thi lệnh cấm một phần hoặc để xác định thể nhân hoặc pháp nhân thực hiện các hoạt động VASP mà không có giấy phép hoặc đăng ký cần thiết và áp dụng các biện pháp xử phạt thích hợp đối với họ.

274. Tiêu chí 15.6 – Việt Nam không có biện pháp hay yêu cầu nào đối với việc giám sát VASPs.

275. Tiêu chí 15.7 – Việt Nam không có biện pháp hay yêu cầu nào liên quan đến tiêu chí này.

276. Tiêu chí 15.8 – Việt Nam không có biện pháp hay yêu cầu nào liên quan đến (a) và (b).

277. Tiêu chí 15.9 – Việt Nam không có biện pháp hay yêu cầu nào liên quan đến (a) và (b).

278. Tiêu chí 15.10 - Cơ chế truyền thông về việc chỉ định, đưa ra khỏi danh sách/xóa bỏ phong tỏa là công bố danh sách đen của Bộ Công an trên trang web Bộ Công an về TFS-TTKB và công bố Danh sách trừng phạt của UNSC trên trang web của Bộ Quốc Phòng về TFS-tài trợ PBVKHDHL. Các cơ chế này áp dụng cho tất cả các thể nhân và pháp nhân, theo suy luận bao gồm VASP. Tuy nhiên, đối với TFS-TTPBVKHDHL, danh sách trừng phạt của

UNSC đã không được công bố trên trang web Bộ Quốc phòng tại thời điểm kết thúc đợt đánh giá tại chỗ[42] và đối với TFS-TTKB, nghĩa vụ theo dõi danh sách đen của Bộ Công an áp dụng cho TCTC, DNFBP và các cơ quan, tổ chức khác nhưng không rõ có áp dụng cho VASPs hay không (Điều 11 (3) Nghị định số 122/2013). Phân tích và các thiếu hụt được xác định theo Khuyến nghị 6.5 (d), Khuyến nghị 6.6 (g), Khuyến nghị 7.2 (d) và Khuyến nghị 7.4 (d) cũng được áp dụng ở đây. Không có biện pháp hoặc yêu cầu nào được áp dụng đối với VASP liên quan đến nghĩa vụ báo cáo [như được đề cập trong tiêu chí 6.5 (e) và 7.2 (e)]. Căn cứ vào Điều 7 của Nghị định 81/2019, các bộ/ngành và cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng trong việc giám sát các cá nhân và tổ chức đối với tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt -TFS, trong đó có thể bao gồm VASP. Tuy nhiên, như đã nêu trong tiêu chí 7.3, không rõ cơ chế này hoạt động như thế nào trong thực tế và không có hình phạt cho việc không tuân thủ các nghĩa vụ về tài trợ PBVKHDHL-TFS.

279. Tiêu chí 15.11 - Không có bất kỳ hạn chế nào đối với khả năng hợp tác của Việt Nam theo các cơ chế hiện có - như được nêu trong Khuyến nghị 37 đến 40 - về các vấn đề liên quan đến VA có liên quan đến RT/TTKB hoặc các tội phạm nguồn. Tuy nhiên, không có cơ sở pháp lý về việc các cơ quan giám sát trao đổi thông tin với các đối tác nước ngoài về VASP.

Trọng số và Kết luận

280. Có những hạn chế trong việc đánh giá và phản ứng với các rủi ro của công nghệ mới. Những hạn chế lớn là trong việc đánh giá rủi ro và các biện pháp kiểm soát mục tiêu đối với VA và VASP. Do Việt Nam dường như chưa kiểm soát chặt chẽ khu vực VA và VASP do một số hoạt động VASP được cho phép ở Việt Nam, nên việc thiếu các biện pháp cho VA và VASP được đánh giá với trọng số cao hơn so với các công nghệ mới. **Khuyến nghị 15 được đánh giá là không tuân thủ.**

Khuyến nghị 16 – Giao dịch chuyển tiền điện tử

281. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này. Sự thiếu hụt chính là thiếu phương tiện thực thi đối với chuyển tiền điện tử để đảm bảo các tổ chức tài chính hoàn thành thông tin người khởi tạo, số tài khoản của người khởi tạo và nhận dạng khách hàng không thường xuyên và các yêu cầu đối với thông tin đi kèm chuyển tiền điện tử. Các tiêu chuẩn của FATF trong lĩnh vực này đã được mở rộng để bao gồm các yêu cầu liên quan đến thông tin người thụ hưởng.

Các TCTC đặt lệnh

282. Tiêu chí 16.1 - Không có yêu cầu rõ ràng về thông tin chuyển tiền điện tử quốc tế của TCTC.

283. 16.1 (a): Không có quy định về việc phải có thông tin chính xác và bắt buộc về người khởi tạo đi kèm giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ USD/EUR 1000 trở lên.

284. 16.1 b): Không có quy định về việc bắt buộc có thông tin người thụ hưởng đi kèm giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ USD/EUR 1000 trở lên.

285. Tiêu chí 16.2 - Không có yêu cầu cụ thể cho chuyển tiền điện tử quốc tế theo lô.

286. Tiêu chí 16.3 - Không có yêu cầu cụ thể cho chuyển tiền điện tử quốc tế với giá trị dưới 1000 USD.

287. Tiêu chí 16.4 - Mặc dù có yêu cầu chung về CDD khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên tham gia vào hoạt động RT (Điều 3, Nghị định 116/2013), tuy nhiên đây không phải là yêu

[42] *Kể từ đợt đánh giá tại chỗ, Bộ Quốc phòng đã công bố trên trang web đường dẫn trực tiếp đến Danh sách trừng phạt của UNSC*

cầu xác minh các giao dịch chuyển tiền điện tử qua biên giới trị giá dưới 1000 USD khi có nghi ngờ về RT/TTKB.

288. Tiêu chí 16.5 - Các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán (bao gồm ngân hàng, tổ chức tín dụng, các IPSP) phải gửi lệnh chuyển tiền (kèm thông tin của người khởi tạo và người thụ hưởng) cho tổ chức tài chính của người thụ hưởng khi sử dụng tài khoản cũng như khi chuyển tiền mặt vãng lai (Điều 8 và 11, Thông tư 46/2014).

289. Tiêu chí 16.6 - Không có điều khoản nào cho phép thông tin đi kèm với chuyển khoản trong nước được cung cấp bằng các phương tiện khác từ việc chuyển tiền.

290. Tiêu chí 16.7 - Các đối tượng báo cáo phải báo cáo về các giao dịch chuyển tiền điện tử trên ngưỡng theo quy định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Điều 23, Luật PCRT), tức là 500 triệu VND hoặc khoảng 21.362 USD (Điều 7, Thông tư 35/2013 và Điều 1, Thông tư 31/2014). Các giao dịch được báo cáo cũng phải được lưu giữ trong ít nhất 05 năm (Điều 27, Luật PCRT). Ngoài ra, theo Thông tư số 43/2011, các ngân hàng nên lưu trữ các lệnh thanh toán và chứng từ thanh toán trong 10 năm. Tuy nhiên, không rõ liệu tất cả các thông tin về người khởi tạo và người thụ hưởng có phải được duy trì bởi tổ chức đặt lệnh hay không. Hơn nữa, các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán khác (bao gồm các tổ chức thanh toán, các tổ chức chuyển tiền và đổi ngoại tệ, v.v.) – các tổ chức có thể thực hiện chuyển khoản ngân hàng cũng không thuộc đối tượng duy trì các thông tin này.

291. Tiêu chí 16.8 – Mặc dù các TCTC bao gồm các TCTC đặt lệnh phải thực hiện các biện pháp phù hợp – bao gồm từ chối hoặc trì hoãn giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp theo dõi sau giao dịch (Điều 1 Thông tư 20/2019), không có điều khoản nào quy định rằng TCTC đặt lệnh không được phép thực hiện chuyển khoản nếu không tuân thủ các yêu cầu tại tiêu chí 16.1 đến tiêu chí 16.7.

Các TCTC trung gian

292. Tiêu chí 16.9 - Các tổ chức trung gian phải lưu giữ thông tin giao dịch ít nhất 05 năm (Khoản 3, Điều 7, Thông tư 35/2013). Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng về việc các tổ chức trung gian phải đảm bảo thông tin về người khởi tạo và người thụ hưởng đi kèm với giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế được lưu giữ cùng với giao dịch đó.

293. Tiêu chí 16.10 - Các tổ chức trung gian phải lưu giữ hồ sơ báo cáo giao dịch ít nhất 05 năm (Điều 7, Thông tư 35/2013/TT-NHNN). Tuy nhiên, không có quy định rõ ràng đối với trường hợp sự hạn chế về mặt kỹ thuật khiến các thông tin yêu cầu không đi kèm giao dịch chuyển tiền điện tử đó.

294. Tiêu chí 16.11 - Không có quy định cụ thể về việc các tổ chức trung gian phải thực hiện các biện pháp hợp lý phù hợp với quy trình xử lý điện tử (straight-through processing) để xác định các giao dịch chuyển tiền điện tử qua biên giới thiếu thông tin người khởi tạo hoặc thông tin người thụ hưởng.

295. Tiêu chí 16.12 - Các TCTC trung gian phải có chính sách dựa trên rủi ro và tiến hành các biện pháp phù hợp bao gồm từ chối hoặc trì hoãn giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp giám sát sau giao dịch (Điều 1 Thông tư 20/2019). Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng liên quan đến các hành động tiếp theo.

Các tổ chức tài chính thụ hưởng

296. Tiêu chí 16.13 - Các TCTC thụ hưởng cần thực hiện các biện pháp theo dõi để phát hiện các giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế thiếu thông tin về người khởi tạo lệnh chuyển tiền hoặc người thụ hưởng (Khoản 6, Điều 7, Thông tư số 20/2019).

297. Tiêu chí 16.14 - Đối với chuyển khoản quốc tế từ 1000 USD trở lên, các TCTC thụ hưởng cần xác thực và xác định người thụ hưởng theo quy định tại Điều 11 của Luật PCRT và phải giữ thông tin này theo quy định (Khoản 5, Điều 7 của Thông tư số 20/2019).

298. Tiêu chí 16.15 - Theo khoản 2, Điều 1 của Thông tư số 20/2019, đối với chuyển tiền điện tử quốc tế, dựa trên kết quả đánh giá rủi ro RT/TTKB, các TCTC phải có chính sách và thủ tục dựa trên rủi ro để xác định các giao dịch đủ điều kiện để thực hiện. Các biện pháp phù hợp cần được thực hiện bao gồm từ chối hoặc trì hoãn giao dịch, hoặc các biện pháp giám sát sau giao dịch trong trường hợp giao dịch thiếu thông tin về chuyển tiền và người thụ hưởng. Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng về các hành động tiếp theo.

Các nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền và tài sản

299. Tiêu chí 16.16 - Tại Việt Nam, các nhà cung cấp dịch vụ chuyển tiền và tài sản bao gồm các tổ chức tín dụng, IPSP, tổ chức thanh toán và quy đổi ngoại tệ (tham khảo Tiêu chí 14.1). Theo Điều 2 của Thông tư 35/2013, các TCTC bao gồm các tổ chức tín dụng và tổ chức thanh toán và quy đổi ngoại tệ cần tuân thủ các yêu cầu liên quan đến chuyển khoản điện tử. Các nhà cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán phải áp dụng các biện pháp PCRT theo quy định luật pháp (Khoản 3 Điều 4 Luật PCRT; Điều 1 Nghị định 87/2019). Tuy nhiên, không rõ liệu các đại lý dịch chuyển tiền ngoại tệ có phải tuân thủ Khuyến nghị 16 khi họ cung cấp các giao dịch tiền hoặc giá trị hay không.

300. Tiêu chí 16.17 - Không có yêu cầu cụ thể nào đối với các dịch vụ chuyển tiền (bao gồm các tổ chức tín dụng, các tổ chức thanh toán và quy đổi ngoại tệ và các IPSP) kiểm soát cả bên khởi tạo và bên thụ hưởng của một giao dịch chuyển tiền điện tử phải xem xét tất cả các thông tin để xác định xem liệu có phải lập một báo cáo STR không cũng như có phải tạo STR ở bất kỳ quốc gia nào bị ảnh hưởng bởi giao dịch chuyển tiền điện tử đáng ngờ hoặc cung cấp thông tin giao dịch có liên quan cho Đơn vị tình báo tài chính.

Thực thi các biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu

301. Tiêu chí 16.18 - Khi cung cấp giao dịch điện tử, các tổ chức báo cáo phải áp dụng các biện pháp trì hoãn lưu thông, phong tỏa tài khoản, niêm phong, tạm giữ tiền và tài sản và tuân thủ các quy định cấm giao dịch với các tổ chức và cá nhân trong danh sách chỉ định theo các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố và danh sách đen của Bộ Công an theo quy định của pháp luật (Khoản 4, Điều 1 của Thông tư số 20/2019).

Trọng số và Kết luận

302. Những thiếu hụt chính liên quan đến việc thiếu (i) các yêu cầu rõ ràng về thông tin người khởi tạo và người thụ hưởng kèm theo giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế; (ii) các yêu cầu xác minh thông tin người khởi tạo khi cung cấp giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế; (iii) các yêu cầu về chuyển tiền điện tử theo lô; (iv) các yêu cầu cụ thể về chuyển khoản tiền điện tử dưới 1000 USD; (v) các yêu cầu để xác minh thông tin được đề cập trong Tiêu chí 16.3 khi có nghi ngờ về RT/TTKB; (vi) các yêu cầu cụ thể đối với việc duy trì tất cả thông tin về người khởi tạo và người thụ hưởng đã thu thập được của TCTC khởi tạo; (vii) các yêu cầu không cho phép thực hiện chuyển tiền điện tử khi TCTC khởi tạo không tuân thủ Tiêu chí 16.1 đến 16.7; và (viii) các yêu cầu cụ thể để tuân thủ Khuyến nghị số 16 khi MVTS hoạt động thông qua các đại lý của họ. Các điều khoản và các yêu cầu không tuân thủ Tiêu chí 16.9, 16.10, 16.11 và 16.17. **Khuyến nghị 16 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 17 – Dựa vào bên thứ ba

303. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá các yêu cầu này không áp dụng đối với Việt Nam. Không có điều khoản cụ thể nào cho phép các tổ chức tài chính sử dụng bên thứ ba trong quá trình triển khai CDD. Trong thực tế, tất cả các nghĩa vụ nhận biết được tiến hành trực

tiếp bởi các tổ chức tín dụng khi mở tài khoản và không có bằng chứng cho thấy TCTC dựa vào bên giới thiệu hoặc bên thứ ba trong quá trình CDD. Kể từ Báo cáo ĐGĐP gần nhất, Việt Nam đã đưa ra các quy định cho phép dựa vào bên thứ ba.

304. Tiêu chí 17.1 - Điều 17 (1) của Luật PCRT 2012 cho phép các TCTC dựa vào các bên trung gian (bên thứ ba) để thực hiện CDD ngay sau khi tiến hành hoạt động kinh doanh thông qua giới thiệu (bên thứ ba đã giới thiệu kinh doanh). Điều 17 (2) của Luật PCRT 2012 quy định rằng sự phụ thuộc không loại trừ trách nhiệm của các TCTC trong việc thực hiện CDD.

305. 17.1 (a): Các TCTC phải đảm bảo rằng bên thứ ba tiến hành CDD cho khách phù hợp với các yêu cầu của CDD theo quy định tại Điều 9 và 10 của Luật PCRT 2012 (Điều 17 (1) của Luật PCRT 2012). Tuy nhiên, các thiếu hụt được nêu tại Khuyến nghị 10 cũng được áp dụng ở đây (vui lòng xem tiêu chí 10.3, 10.5, 10.6 và 10.8). Không có yêu cầu về việc các TCTC phải thu thập ngay lập tức thông tin CDD cần thiết từ bên thứ ba.

306. 17.1 (b): Các TCTC phải đảm bảo rằng bên thứ ba cung cấp thông tin CDD của khách hàng cho các TCTC theo yêu cầu mà không bị chậm trễ (Điều 17 (1) của Luật PCRT 2012; và Điều 10 (1) của Nghị định số 116/2013).

307. 17.1 (c): Các TCTC phải đảm bảo rằng bên thứ ba phải chịu sự quản lý (quy định) và giám sát của các cơ quan có thẩm quyền (Điều 17 (1) của Luật PCRT 2012; và Điều 10 (2) và (3) của Nghị định số 116/2013/ND-CP). Điều 10(2) và (3) của Nghị định 116/2013 cũng quy định rằng (i) đối với bên thứ ba Việt Nam, các TCTC phải đảm bảo rằng họ tuân thủ các yêu cầu về CDD theo Điều 3 của Nghị định số 116/2013 và lưu giữ hồ sơ các yêu cầu được quy định theo Điều 27 của Luật PCRT 2012. Tuy nhiên, các thiếu hụt được nêu ở Khuyến nghị 10 và 11 vẫn được áp dụng; (ii) đối với bên thứ ba nước ngoài, các TCTC phải đảm bảo rằng bên thứ ba thực hiện các biện pháp CDD và lưu giữ hồ sơ theo luật pháp của nước đó và nếu luật pháp trong nước không đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng một phần các yêu cầu của Khuyến nghị của FATF, các TCTC phải tính đến các yếu tố rủi ro quốc gia để quyết định có nên dựa vào bên thứ ba hay không (Điều 10(3) của Nghị định số 116/2013.

308. Tiêu chí 17.2 - Các TCTC phải đảm bảo rằng bên thứ ba thực hiện các biện pháp CDD theo luật pháp của nước đó và nếu luật pháp trong nước không đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng một phần các yêu cầu của Khuyến nghị của FATF, các TCTC nên tính đến rủi ro để quyết định có nên dựa vào thứ ba hay không các bên hay không [Điều 10(3) của Nghị định số 116/2013].

Tiêu chí 17.3

309. 17.3 (a): Điều 10(4) Nghị định số 116/2013 quy định trong trường hợp bên thứ ba là một bộ phận của một tập đoàn tài chính và tập đoàn tài chính này đã thực hiện các yêu cầu về CDD và lưu giữ hồ sơ theo quy định tại Điều 10(2) và (3) của Nghị định số 116/2013, bên thứ ba đó được coi là đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu. Tuy nhiên, không có yêu cầu về việc các tập đoàn tài chính phải triển khai các chương trình phòng, chống RT/TTKB trong toàn tập đoàn (đề nghị xem tiêu chí 18.2) và các thiếu hụt theo Khuyến nghị 10 đến 12 được áp dụng.

310. 17.3 (b) Điều 10 (2) và (3) của Nghị định số 116/2013 giới hạn việc áp dụng đối với các tập đoàn tài chính được giám sát bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan tương đương khác của nước thứ ba.

311. 17.3 (c) Điều 16 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các TCTC phải thực hiện giám sát đặc biệt (các biện pháp thẩm định nâng cao theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 35/2013 và Điều 1 (1) của Thông tư 31/2014) đối với giao dịch với các tổ chức và cá nhân ở các quốc gia và vùng lãnh thổ trong danh sách do FATF công bố, tuy nhiên, việc không có yêu cầu về

việc các tập đoàn tài chính phải thực hiện chương trình toàn tập đoạn là một thiếu hụt (đề nghị xem c18.2).

Trọng số và Kết luận

312. Có những thiếu sót ở mức độ trung bình do không có yêu cầu về việc các TCTC phải thu thập thông tin CDD cần thiết ngay lập tức từ bên thứ ba. Cũng có những thiếu hụt liên quan đến việc dựa vào bên thứ ba là một bộ phận của cùng một tập đoàn tài chính và những thiếu hụt theo Khuyến nghị 10 đến 12 và Khuyến nghị 18. **Khuyến nghị 17 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 18 – Kiểm soát nội bộ và các chi nhánh, công ty con ở nước ngoài

313. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này. Các yêu cầu bị giới hạn ở các tổ chức tín dụng, không có kiểm soát nội bộ toàn diện và thiếu quy trình kiểm toán. Các chương trình đào tạo nhân viên liên tục cho các tổ chức tín dụng chỉ giới hạn ở việc đào tạo PCRT cơ bản và chỉ có một số lượng nhân viên hạn chế được đào tạo.

314. Tiêu chí 18.1 - Điều 20 của Luật PCRT 2012 và Điều 13 của Nghị định số 116/2013 cùng với Điều 1(5) của Thông tư 31/2014 và Điều 1 (5) của Thông tư 31/2014 yêu cầu các TCTC phải xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống RT/TTKB bao gồm một số khía cạnh của các biện pháp kiểm soát PCRT/TTKB. Quy tắc nội bộ phải phù hợp với cơ cấu tổ chức, quy mô hoạt động và mức độ rủi ro của các TCTC.

315. 18.1 (a): Điều 1(4) Thông tư số 31/2014 sửa đổi Thông tư số 35/2013 quy định các TCTC phải thành lập bộ phận chuyên trách phụ trách PCRT, trong đó yêu cầu các TCTC phải chỉ định một cán bộ tuân thủ ở cấp quản lý.

316. 18.1 (b) Không có quy định cụ thể yêu cầu các thủ tục sàng lọc để đảm bảo tiêu chuẩn cao khi tuyển dụng nhân viên.

317. 18.1 (c) Theo quy định tại Điều 20 (1) của Luật PCRT 2012 và Điều 13(8) của Nghị định số 116/2013, có các yêu cầu về việc các quy định nội bộ phải có chương trình đào tạo nhân viên và Điều 1(4) của Thông tư số 31/2014 hướng dẫn chi tiết về đào tạo nhân viên bao gồm phạm vi và tần suất của các chương trình đào tạo.

318. 18.1 (d) Điều 20 (1) của Luật PCRT 2012 và Điều 13 (9) của Nghị định số 116/2013 đưa ra yêu cầu áp dụng chức năng kiểm toán nội bộ vào việc theo dõi sự tuân thủ các chính sách và thủ tục liên quan đến các hoạt động PCRT. Điều 1 (4) của Thông tư 31/2014 quy định hướng dẫn chi tiết về kiểm toán nội bộ bao gồm tính độc lập.

319. Tiêu chí 18.2 - Không có quy định cụ thể về việc các tập đoàn tài chính phải thực hiện các chương trình phòng, chống RT/TTKB trên toàn tập đoàn, điều mà nên áp dụng và phù hợp với tất cả các chi nhánh và công ty con có cổ quyền quá bán của tập đoàn tài chính. Ngoài ra, không có quy định cụ thể về các chương trình toàn tập đoàn đối với các biện pháp theo tiêu chí 18.1 và 18.2 (a) - (c).

320. Tiêu chí 18.3 - Không có quy định cụ thể về việc các TCTC phải đảm bảo rằng các chi nhánh nước ngoài và các công ty con có cổ quyền quá bán áp dụng các biện pháp PCRT/TTKB phù hợp với các yêu cầu của quốc gia mẹ, khi các yêu cầu PCRT/TTKB tối thiểu của quốc gia sở tại ít nghiêm ngặt hơn so với quốc gia mẹ, trong phạm vi mà luật và quy định của quốc gia sở tại cho phép. Tương tự, không có quy định về việc các tập đoàn tài chính phải áp dụng các biện pháp bổ sung phù hợp để quản lý rủi ro RT/TTKB và thông báo cho cơ quan giám sát ở quốc gia mẹ trong tình huống nước sở tại không cho phép thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB thích hợp theo yêu cầu của quốc gia mẹ.

Trọng số và Kết luận

321. Có những thiếu sót ở mức độ trung bình. Không có quy định cụ thể bao gồm các thủ tục sàng lọc để đảm bảo tiêu chuẩn cao khi tuyển dụng nhân viên. Các tập đoàn tài chính cũng không có nghĩa vụ triển khai các chương trình toàn tập đoàn bao gồm các cơ chế chia sẻ thông tin. Cũng không có yêu cầu cụ thể để đảm bảo rằng các chi nhánh nước ngoài và các công ty con có cổ quyền quá bán tuân thủ các biện pháp PCRT/TTKB tại Việt Nam. **Khuyến nghị 18 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 19 – Các quốc gia có rủi ro cao

322. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ với các yêu cầu này. Việt Nam thiếu các hệ thống hoặc hướng dẫn để cảnh báo các ngành của các quốc gia hoặc các vùng lãnh thổ không áp dụng đầy đủ các tiêu chuẩn của FATF và không có yêu cầu pháp lý nào để áp dụng các biện pháp đối kháng khi các tiêu chuẩn của FATF không được xem là đầy đủ.

323. Tiêu chí 19.1 - Điều 16 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các TCTC phải thực hiện "giám sát đặc biệt" đối với một số giao dịch bao gồm các giao dịch với các tổ chức và cá nhân từ các quốc gia và vùng lãnh thổ trong danh sách do FATF công bố nhằm ngăn chặn rửa tiền hoặc trong danh sách cảnh báo. "Giám sát đặc biệt" đề cập đến các yêu cầu thực hiện thẩm định khách hàng nâng cao theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 35/2013 sửa đổi bởi Điều 1 của Thông tư số 31/2014. Tuy nhiên, yêu cầu theo Điều 16 của Luật PCRT 2012 chỉ bao gồm các "giao dịch" và không bao gồm các "mối quan hệ kinh doanh".

324. Tiêu chí 19.2 - Việt Nam không có quy định cụ thể nào để áp dụng các biện pháp đối phó tương xứng với rủi ro theo tiêu chí 19.2 (a) và (b).

325. Tiêu chí 19.3 - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có công văn vào tháng 9 năm 2014 và tháng 4 năm 2016 thông báo cho các TCTC tham khảo các trang web của FATF hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để có thông tin về các quốc gia có yếu kém trong hệ thống PCRT/TTKB. Tuy nhiên, không có biện pháp cụ thể được đặt ra để đảm bảo các TCTC được thông báo về những vấn đề liên qua đến sự yếu kiếm trong hệ thống PCRT/TTKB của các quốc gia khác một cách liên tục.

Trọng số và Kết luận

326. Có những thiếu sót ở mức độ trung bình. Phạm vi của các biện pháp thẩm định khách hàng nâng cao được áp dụng đối với các TCTC liên quan đến thể nhân và pháp nhân từ các quốc gia được FATF kêu gọi không bao gồm mối quan hệ kinh doanh. Việt Nam không có quy định cụ thể nào để áp dụng các biện pháp đối kháng phù hợp đối với các quốc gia có rủi ro cao hơn và không rõ liệu có biện pháp cụ thể nào để đảm bảo các TCTC được thông báo về những vấn đề liên quan đến sự yếu kém trong hệ thống PCRT/TTKB của các quốc gia khác một cách liên tục. **Khuyến nghị 19 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 20 – Báo cáo giao dịch đáng ngờ

327. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu này do chỉ có các tổ chức tín dụng được yêu cầu nộp STR. Hơn nữa, Nghị định liên quan chỉ quy định báo cáo các giao dịch đáng ngờ liên quan đến RT. Có những hạn chế trong các định nghĩa về "tiền do phạm tội mà có", "nghi ngờ", hay "cơ sở hợp lý để nghi ngờ"; không có yêu cầu về báo cáo đối với các giao dịch có ý định thực hiện và thiếu hướng dẫn về báo cáo STR.

328. *Tiêu chí 20.1* - Các đơn vị báo cáo phải nộp STR cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi họ nghi ngờ các khoản tiền có nguồn gốc từ hoạt động tội phạm hoặc có liên quan đến RT (Điều 22 của Luật PCRT 2012 và Điều 14 của Nghị định số 116/2013). Khoản 2, Điều 26 của Luật PCRT quy định các đơn vị báo cáo phải báo cáo STR trong vòng 48 giờ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nếu có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy giao dịch liên quan đến một hành vi tội phạm thì phải báo cáo ngay lập tức.

329. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm nhận các STR liên quan đến TTKB (Điều 45 của Luật Phòng, chống khủng bố 2013). Tuy nhiên, luật pháp Việt Nam không có yêu cầu rõ ràng rằng các đối tượng báo cáo phải báo cáo STR liên quan tới TTKB cho Cục PCRT.

330. Điều 34 Luật Chống khủng bố 2013 liên quan đến nhận biết và thẩm định khách quy định nghĩa vụ của các đối tượng báo cáo trong việc báo cáo cho lực lượng phòng, chống khủng bố của Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có nghi ngờ rằng khách hàng hoặc giao dịch của họ liên quan đến TTKB hoặc khách hàng nằm trong danh sách chỉ định. Tuy nhiên, không rõ ràng đây là có phải là nghĩa vụ có thể thực thi hay không hay liệu báo cáo này có ở dạng STR hay không. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các cơ quan chức năng khác đã không đưa ra hướng dẫn hoặc chỉ thị bổ sung cho các đối tượng báo cáo để nhấn mạnh rằng Điều 34 là nghĩa vụ báo cáo STR liên quan đến TTKB.

331. Các đối tượng báo cáo phải báo cáo cho lực lượng phòng, chống khủng bố chuyên trách và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nếu họ phát hiện ra các cá nhân hoặc tổ chức bị chỉ định đang có ý định thực hiện giao dịch hoặc có cơ sở hợp lý để tin rằng các tổ chức và/hoặc cá nhân đang tiến hành các hoạt động RT có liên quan đến các hoạt động khủng bố (Điều 30 của Luật PCRT). Các yêu cầu này hẹp hơn so với các yêu cầu theo các tiêu chuẩn của FATF, ngưỡng "cơ sở hợp lý để tin rằng" cao hơn nghi ngờ hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ và không rõ những báo cáo này có được thực hiện theo dạng STRs hay không.

332. Thông tư số 20/2019, được ban hành căn cứ theo Luật PCRT 2012, Nghị định số 116/2013 và Luật Chống khủng bố 2013 đã sửa đổi Thông tư số 35/2013 nhằm bổ sung Điều 10b mới về phòng, chống TTKB. Điều khoản này có mục đích mở rộng các nghĩa vụ được nêu trong các điều khoản cụ thể của Nghị định số 116/2013 (chi tiết hóa các nghĩa vụ trong Luật PCRT 2012) để áp dụng cho TTKB bao gồm cả nghĩa vụ về STR. Tuy nhiên, đoàn đánh giá nghi ngờ về thẩm quyền pháp lý của Thông tư do một Bộ đơn lẻ (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) ban hành nhằm mở rộng nghĩa vụ pháp lý trong Luật và Nghị định để áp dụng cho một vấn đề ngoài phạm vi của những công cụ này. Theo Luật ban hành văn bản pháp luật năm 2015, các thông tư có thể đưa ra hướng dẫn cho các điều, khoản và đoạn văn trong luật và nghị định (Điều 24). Tuy nhiên, các thông tư không có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung những nghĩa vụ trong những công cụ này.

333. Tiêu chí 20.2 - Nghĩa vụ báo cáo các giao dịch đáng ngờ không phụ thuộc vào số tiền được giao dịch bởi khách hàng hoặc giao dịch đã hoàn thành hay chưa (Khoản 3, Điều 14 của Nghị định số 116/2013). Tuy nhiên, do không có yêu cầu pháp lý rõ ràng về việc báo cáo STR liên quan tới TTKB, yêu cầu báo cáo về các giao dịch có ý định thực hiện được đề cập tại Điều 14 của Nghị định không áp dụng cho các giao dịch có ý định thực hiện liên quan tới TTKB.

Trọng số và Kết luận

334. Mặc dù các đối tượng báo cáo được yêu cầu nộp STR cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi họ nghi ngờ rằng tiền có nguồn gốc từ các hoạt động tội phạm hoặc có liên quan đến RT nhưng không có yêu cầu rõ ràng, có hiệu quả thực thi về việc các đối tượng báo cáo phải báo cáo STR liên quan tới TTKB cho Cục PCRT. Có các nghĩa vụ báo cáo khác liên quan đến TTKB, tuy nhiên, các yêu cầu này hẹp hơn so với yêu cầu. **Khuyến nghị 20 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 21 – Tiết lộ thông tin và tính bảo mật

335. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần các nghĩa vụ này. Không có hướng dẫn đầy đủ về các nghĩa vụ liên quan tới việc tiết lộ thông tin và thiếu sự bảo vệ khỏi các thủ tục hành chính, hình sự hoặc dân sự có thể xảy ra đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ

chức nào báo cáo STR một cách trung thực hoặc trong việc thực hiện nhiệm vụ thường xuyên.

336. Tiêu chí 21.1 - Nghĩa vụ báo cáo của các đối tượng báo cáo sẽ không bị coi là vi phạm các quy định về bí mật ngân hàng hoặc các luật về bí mật khác (Điều 28 của Luật PCRT). Tuy nhiên, Luật PCRT không bảo vệ các TCTC và các giám đốc, cán bộ và nhân viên của các tổ chức này một cách rõ ràng khỏi trách nhiệm hành chính, dân sự hoặc hình sự nếu họ báo cáo các giao dịch đáng ngờ hoặc báo cáo hoạt động cho Đơn vị tình báo tài chính, thậm chí nếu họ không biết chính xác hoạt động tội phạm tiềm ẩn là gì và không tính đến hoạt động bất hợp pháp có thực sự xảy ra hay không.

337. Tiêu chí 21.2 - Các đối tượng báo cáo phải lưu giữ các thông tin, bằng chứng liên quan đến giao dịch và tài liệu liên quan khác theo chế độ mật và chỉ được cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định của pháp luật (Điều 29 của Luật PCRT). Điều 29 không nêu rõ ràng việc cấm các giám đốc, cán bộ và nhân viên của các TCTC tiết lộ về các STR hoặc các thông tin liên quan đã được báo cáo cho Đơn vị tình báo tài chính. Hơn nữa, không có quy định chi tiết hoặc hướng dẫn nào được đưa ra nhằm đảm bảo sự tuân thủ với yêu cầu của tiêu chí này.

338. Điều 1 của Nghị định 117 làm rõ rằng các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải tuân thủ các quy định của Luật PCRT. Điều 28 và 29 nên áp dụng cho những điều này theo tiêu chí 21.1.

Trọng số và Kết luận

339. Không có quy định cụ thể nào được áp dụng để bảo vệ các TCTC, giám đốc, cán bộ và nhân viên của các TCTC khỏi trách nhiệm hành chính, dân sự hoặc hình sự nếu họ báo cáo các giao dịch đáng ngờ cho Đơn vị tình báo tài chính một cách trung thực hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thường xuyên. Luật không cấm rõ ràng các giám đốc, cán bộ và nhân viên tiết lộ STR hoặc các thông tin có liên quan đã báo cáo cho Đơn vị tình báo tài chính. **Khuyến nghị 21 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 22 – Các DNFBP: Thẩm định khách hàng

340. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ với các yêu cầu này. Chưa có quy định về các tổ chức cung ứng dịch vụ kế toán viên và dịch vụ công ty và định nghĩa về các đại lý bất động sản chỉ giới hạn ở các công ty. Không có quy định về ngưỡng giới hạn cho các casino và DNFBPs không có nghĩa vụ phải đáp ứng các yêu cầu hạn chế của Nghị định 74 về phòng chống rửa tiền.

341. Kể từ Báo cáo ĐGĐP gần nhất, tất cả các DNFBP đã đưa vào theo tiêu chí 21.1 được định nghĩa theo Luật PCRT 2012 tại Khoản 4, Điều 4. Các quy định của Luật PCRT 2012 áp dụng tương tự cho các TCTC và DNFBP. Việt Nam vượt lên các tiêu chuẩn của FATF khi đã đưa thêm vào lĩnh vực như cá cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế (Nghị định số 6/2017).

342. *Tiêu chí 22.1* - Các DNFBP phải thực hiện các biện pháp CDD theo Luật PCRT 2012. Các thiếu sót được xác định trong phần phân tích Khuyến nghị 10 áp dụng cho các DNFBP và TCTC. Ngoài việc Luật PCRT 2012 áp dụng bao trùm cho các DNFBP, các quy định sau đây cũng được áp dụng.

343. *22.1 (a)*: Nghị định số 116/2013 tại khoản 2, Điều 3 quy định rằng các sòng bạc và tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng phải thực hiện CDD đối với khách hàng tham gia giao dịch tài chính có tổng giá trị từ 60.000.000 VND (khoảng 2.600 USD) trở lên trong ngày. Điều này phù hợp với ngưỡng yêu cầu là 3.000 USD/EUR.

344. Điều 19 Nghị định số 03/2017 yêu cầu các casino áp dụng các quy tắc kiểm soát nội bộ PCRT/TTKB theo Luật PCRT. Các quy định tương tự được áp dụng đối với các doanh

nghiệp tham gia kinh doanh trò chơi có thưởng cho người nước ngoài (Điều 16 Nghị định 86/2013) và các doanh nghiệp kinh doanh cá cược đua ngựa, đua chó và bóng đá quốc tế (Điều 22 Nghị định số 6/2017).

345. 22.1 (b): Khoản 3, Điều 3 Nghị định số 116/2013 yêu cầu các doanh nghiệp quản lý dịch vụ bất động sản, môi giới bất động sản và sàn giao dịch bất động sản phải áp dụng các biện pháp nhận biệt khách hàng đối với bên mua, bên bán và chủ sở hữu hưởng lợi tronghoạt động môi giới bất động sản. Liên quan đến vấn đề này, các biện pháp CDD trong Luật PCRT 2012 (được mô tả trong phần Khuyến nghị 10) và Nghị định số 116/2013 được áp dụng cho các doanh nghiệp bất động sản.

346. 22.1 (c): Khoản 4, Điều 3 Nghị định số 116/2013 yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh kim loại quý và đá quý phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng có giao dịch bằng tiền mặt để mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị từ 300.000.000 VND (Khoảng 13.000 USD) trở lên trong ngày. Về vấn đề này, các biện pháp CDD trong Luật PCRT 2012 và Nghị định số 116/2013 được áp dụng cho các tổ chức kinh doanh kim loại quý và đá quý.

347. 22.1 (d): Điều 3 (5) của Nghị định số 116/2013 quy định rằng các luật sư, công chứng viên, chuyên gia pháp lý và kế toán viên phải thực hiện các biện pháp CDD khi hoạt động nhân danh khách hàng trong các trường hợp theo yêu cầu bởi FATF.

348. 22.1 (e): Khoản 4, Điều 4 của Luật PCRT 2012 cũng quy định rằng các tổ chức cung cấp "dịch vụ thành lập và quản lý doanh nghiệp" phải tuân thủ Luật PCRT 2012. Tuy nhiên, Việt Nam có các quy định khác liên quan đến các tổ chức tham gia thành lập pháp nhân.

349. Các tổ chức cung cấp dịch vụ ủy thác và công ty (TCSP) cung cấp dịch vụ giám đốc hoặc thư ký cho bên thứ ba phải áp dụng các biện pháp CDD. Tuy nhiên, không có quy định rõ ràng nào liên quan đến các TCSP đóng vai trò là đối tác của công ty hợp danh hoặc một vị trí tương tự liên quan đến các pháp nhân khác, hoặc bố trí một cá nhân khác hoạt động với tư cách đó.

350. Các TCSP cung cấp dịch vụ văn phòng, địa chỉ hoặc trụ sở kinh doanh được đăng ký phải thực hiện các biện pháp CDD. Tuy nhiên, không có quy định rõ ràng về các công ty hợp danh hoặc các pháp nhân khác. Các TCSP cung cấp dịch vụ hoặc cung cấp đại diện cho các cổ đông phải áp dụng các biện pháp CDD đối với các cổ đông và đại diện của các cổ đông đó. Tuy nhiên, không có yêu cầu cụ thể về việc TCSP phải áp dụng các biện pháp CDD khi hoạt động (hoặc thu xếp cho người khác hoạt động) với tư cách là cổ đông danh nghĩa (hoặc giám đốc danh nghĩa) cho tổ chức khác.

351. Ủy thác nhanh và các thỏa thuận pháp lý khác không thể được thiết lập được theo pháp luật Việt Nam nhưng các quỹ ủy thác nước ngoài được biết là đã hình thành mối quan hệ kinh doanh với các đối tượng báo cáo tại Việt Nam (xem Khuyến nghị 10 và 25). Các đối tượng báo cáo phải yêu cầu thu thập thông tin liên quan đến các thỏa thuận pháp lý đó, đặc biệt là về người thụ hưởng, người được ủy thác, nơi cư trú của người được ủy thác và tài sản nắm giữ và những người/tổ chức có liên quan đến các thỏa thuận pháp lý (Điều 10c (2) của Thông tư số 35/2013 (đã sửa đổi)). Tuy nhiên, những người được ủy thác không có nghĩa vụ phải tiết lộ tình trạng của họ cho các đối tượng báo cáo khi hình thành mối quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện một giao dịch không thường xuyên vượt ngưỡng.

352. Tiêu chí 22.2- DNFBP phải lưu giữ tất cả hồ sơ, tài liệu và bản sao tài liệu liên quan đến tất cả các hình thức giao dịch trong ít nhất 05 năm kể từ ngày đầu tiên của giao dịch thay vì sau khi hoàn thành giao dịch. Phạm vi các quy định của Luật PCRT 2012 liên quan đến nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ áp dụng cho DNFBP. Theo đó, các thiếu sót được xác định trong phần phân tích Khuyến nghị 11 áp dụng cho DNFBP.

353. Ngoài các quy định của Luật PCRT 2012, không có văn bản pháp luật cụ thể nào quy định các sòng bạc, đại lý bất động sản, tổ chức kinh doanh kim loại quý và đá quý và luật sư, công chứng viên hoặc các chuyên gia pháp lý khác phải lưu giữ hồ sơ. Tuy nhiên, Luật Kế toán quy định rằng các hồ sơ kế toán phải được giữ lại trong khoảng thời gian từ 05 năm đến vĩnh viễn (Khoản 5, Điều 41).

354. Tương tự như các TCTC, không có quy định rõ ràng về việc DNFBP phải lưu giữ đầy đủ hồ sơ giao dịch để cho phép thiết lập lại các giao dịch riêng lẻ làm bằng chứng cho việc truy tố các hoạt động tội phạm nếu cần thiết.

355. Điều 28 của Luật PCRT 2012 yêu cầu DNFBP cung cấp hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nếu được yêu cầu. Điều 17 của Nghị định số 116/2013 yêu cầu DNFBP cung cấp hồ sơ, tài liệu lưu trữ và các thông tin liên quan khác theo thời hạn được xác định bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác. Các cơ quan thực thi pháp luật có quyền thu thập tất cả các thông tin CDD và hồ sơ giao dịch từ DNFBP theo Điều 88 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

356. *Tiêu chí 22.3* - Các yêu cầu liên quan đến PEPs chỉ áp dụng cho PEPs nước ngoài và không áp dụng cho PEPs trong nước. Ngoài ra, cũng có những thiếu hụt liên quan tới các cộng sự thân thiết của tất cả các loại hình PEP và các yêu cầu để xác định PEP liên quan đến chính sách bảo hiểm nhân thọ. Các quy định có liên quan của Luật PCRT 2012 áp dụng cho DNFBP, theo đó, những phân tích và thiếu hụt liên quan đến Khuyến nghị được áp dụng cho DNFBP.

357. *Tiêu chí 22.4* - Các quy định của Luật PCRT 2012 áp dụng cho DNFBPs và theo đó, những thiếu sót được xác định theo Khuyến nghị 15 cũng được áp dụng. Luật PCRT 2012 không bao gồm yêu cầu đánh giá rủi ro đối với các sản phẩm và các hoạt động kinh doanh mới, trong đó có các cơ chế phân phối mới hoặc giới thiệu các công nghệ mới cho các sản phẩm mới và hiện có.

358. Luật Phòng, chống khủng bố 2013 không cung cấp thêm bất kỳ quy định pháp lý nào về công nghệ mới theo quy định tại tiêu chí 15.1 và 15.2, và do đó, Khuyến nghị 15 chưa có quy định về TTKB.

359. Tiêu chí 22.5 - Theo Điều 17 của Luật PCRT 2012 và Điều 10 của Nghị định 116/2013, DNFBP có thể dựa vào các bên thứ ba trung gian để thực hiện CDD. Theo đó, các thiếu hụt được xác định trong phần Khuyến nghị 17 áp dụng cho DNFBP.

Trọng số và Kết luận

360. Có các thiếu sót ở mức độ trung bình trong việc tuân thủ Khuyến nghị 22. Đặc biệt, những thiếu sót này liên quan đến việc không áp dụng các biện pháp CDD đối với các giao dịch được thực hiện trong một số hoạt động dường như có mối liên quan, chuyển tiền điện tử quốc tế, các cá nhân hoạt động nhân danh khách hàng và cập nhật thông tin. Có những thiếu sót liên quan đến các yêu cầu lưu trữ hồ sơ, về các yêu cầu về PEP và các yêu cầu về công nghệ mới. Có những thiếu sót có liên quan đến việc thu thập thông tin CDD từ bên thứ ba và thiếu các quy định áp dụng ở cấp độ tập đoàn. **Khuyến nghị 22 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 23 – Các DNFBP: Các biện pháp khác

361. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần các yêu cầu này. Nghị định PCRT trước đây đã không được bổ sung bởi các hướng dẫn theo ngành toàn diện để hỗ trợ các đối tượng báo cáo xác định các dấu hiệu cảnh báo (red flags) và các giao dịch đáng ngờ. Không có quy định rõ ràng về báo cáo các giao dịch có ý định thực hiện. Nghĩa vụ thực hiện STR không bao gồm tất cả các đối tượng báo cáo. Không có quy định pháp lý nào được

đưa ra để bảo vệ các cá nhân và pháp nhân báo cáo STR một cách trung thực và khi thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của họ. Không có hướng dẫn đầy đủ về các điều khoản tiết lộ thông tin và thiếu thông tin phản hồi cho các đối tượng báo cáo liên quan đến STRs và CTRs và các vấn đề tuân thủ PCRT khác. TTKB không bị hình sự hóa một cách rõ ràng và không có quy định rõ ràng về việc phải báo cáo STR hoặc các giao dịch có ý định thực hiện liên quan đến TTKB.

362. Tiêu chí 23.1 – Theo phân tích Khuyến nghị 20, Luật PCRT 2012, Luật chống khủng bố 2013 và Nghị định số 116/2013 áp dụng cho DNFBPs. Theo đó, phân tích được nêu trong phần Khuyến nghị 20 có liên quan và áp dụng cho tiêu chí 23.1, bao gồm các thiếu hụt chính liên quan đến việc thiếu yêu cầu rõ ràng về việc các đối tượng báo cáo phải báo cáo STRs liên quan tới TTKB cho Cục PCRT.

363. 23.1(a): Khoản 4, Điều 14 Nghị định số 116/2013 quy định luật sư, công chứng viên, kế toán viên và chuyên gia pháp lý độc lập phải báo cáo các giao dịch đáng ngờ trong một số trường hợp nhất định. Những trường hợp này bao gồm hầu hết các trường hợp được mô tả trong Tiêu chí 22.1 (d) nhưng các hoạt động liên quan đến việc vận hành và quản lý các công ty (pháp nhân) hoặc các thỏa thuận pháp lý không được bao trùm.

364. 23.1 (b): Điều 4 (c) của Luật PCRT 2012 quy định rằng thể nhân và pháp nhân liên quan đến kim loại quý và đá quý là các đối tượng báo cáo cho mục đích của pháp luật, Điều 22 (1) và (2) quy định rằng tất cả các đối tượng báo cáo phải báo cáo các giao dịch đáng ngờ; tức là bao gồm các tổ chức kinh doanh kim loại quý và đá quý. Mặc dù, các dấu hiệu của các giao dịch đáng ngờ được mô tả trong Điều 22 không mô tả cụ thể về các tổ chức kinh doanh kim loại và đá quý, các dấu hiệu cơ bản của các giao dịch đáng ngờ theo Điều 22 (2) áp dụng cho tất cả các đối tượng báo cáo.

365. Yêu cầu báo cáo giao dịch đáng ngờ không áp dụng cho bất kỳ ngưỡng nào theo Điều 14(3) Nghị định 116/2013. Tuy nhiên, các giao dịch vượt ngưỡng (khoảng 13.000 USD) (theo Điều 3 (4) của Nghị định số 116/2013) tự động tuân theo các yêu cầu báo cáo giao dịch có giá trị cao theo Điều 21 của Luật PCRT 2012 và Quyết định 20/2013.

366. 23.1 (c): Căn cứ vào khoản 4 (d) Điều 4 của Luật PCRT 2012, các doanh nghiệp liên quan đến dịch vụ đầu tư, thành lập và quản lý công ty, dịch vụ điều hành, dịch vụ giám đốc và dịch vụ thư ký được coi là DNFBPs theo Luật PCRT 2012. Liên quan đến vấn đề này, nghĩa vụ cung cấp các STRs sẽ áp dụng ở một mức độ nào đó đối với các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ này. Tuy nhiên, không có quy định rõ ràng về từng trường hợp cụ thể được mô tả trong tiêu chí 22.1 (e).

367. Tiêu chí 23.2 –Điều 20 của Luật PCRT 2012 và Điều 13 của Nghị định số 116/2013 quy định rằng các đối tượng báo cáo phải ban hành các quy tắc kiểm soát nội bộ để PCRT/TTKB. Các điều khoản trên phải được xem xét cùng với Điều 10b của Thông tư 25/2013 (được sửa đổi bởi Điều 5 của Thông tư số 31/2014), trong đó yêu cầu đối tượng báo cáo phải xây dựng các quy định nội bộ để PCRT/TTKB, bao gồm một vài khía cạnh của các biện pháp kiểm soát PCRT/TTKB. Do DNFBP là đối tượng báo cáo theo mục đích của Luật PCRT 2012, phần phân tích Khuyến nghị 18 cũng có liên quan.

368. Tiêu chí 23.3 – Điều 16 của Luật PCRT 2012 quy định rằng các đối tượng báo cáo phải thực hiện "giám sát đặc biệt" đối với các giao dịch với các cá nhân hoặc pháp nhân từ các quốc gia được xác định và công khai trên danh sách do FATF công bố và Danh sách cảnh báo.

369. Tuy nhiên, Điều 16 của Luật PCRT 2012 chỉ yêu cầu thẩm định nâng cao đối với "các giao dịch" và không yêu cầu đối với "các mối quan hệ kinh doanh" như yêu cầu trong tiêu chí 19.1. Hơn nữa, không có quy định về áp dụng các biện pháp đối kháng tương xứng với rủi ro (xem 19.2). Cuối cùng, không có biện pháp rõ ràng nào nhằm đảm bảo các đối tượng

báo cáo được thông báo về sự yếu kém trong hệ thống PCRT/TTKB của các quốc gia khác (xem tiêu chí 19.3).

370. Tiêu chí 23.4 – Luật PCRT 2012 đưa ra các quy định liên quan đến yêu cầu về tiết lộ thông tin và tính bảo mật theo Khuyến nghị 21. Các thiếu sót được xác định theo Khuyến nghị 21 được áp dụng tương tự cho DNFBP.

Trọng số và Kết luận

371. Có những thiếu sót ở mức độ trung bình đối với tất cả các tiêu chí. Không có yêu cầu rõ ràng về việc các DNFBP phải báo cáo STR liên quan đến TTKB cho Cục PCRT theo phân tích Khuyến nghị 20. Các thiếu hụt được xác định theo Khuyến nghị 18, 19 và 21 áp dụng tương tự cho các DNFBP. **Khuyến nghị 23 được đánh giá là Tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 24 – Minh bạch và chủ sở hữu hưởng lợi tại các pháp nhân

372. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần các yêu cầu này. Không có yêu cầu công khai thông tin chủ sở hữu hưởng lợi trong quá trình đăng ký và không có luật cụ thể cho phép các cơ quan chức năng có được thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.

373. Tiêu chí 24.1 – Pháp nhân được coi là "cá nhân/tổ chức pháp lý"[43], gồm hai loại: (1) pháp nhân thương mại; và (2) pháp nhân phi thương mại.

Pháp nhân thương mại

374. Pháp nhân thương mại là những đối tượng có mục đích chính là tìm kiếm lợi nhuận (Điều 75 Bộ luật Dân sự). Luật Doanh nghiệp 2014 mô tả các hình thức và đặc điểm cơ bản khác nhau của pháp nhân thương mại như sau:

a. Công ty trách nhiệm hữu hạn (khoản 4, Điều 4) bao gồm:

i. Công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên (xem Điều 47); và

ii. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (xem Điều 73).

b. Công ty cổ phần (Điều 110).

c. Công ty hợp danh (Điều 172).

d. Công ty tư nhân (Điều 183).

375. Theo luật Doanh nghiệp, công ty hợp danh (Điều 21 và 172/2) và công ty tư nhân (điều 20 và 183) có tư cách pháp nhân riêng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Điều 75-77 và 86/3 Bộ luật Dân sự.

376. Thông tin và pháp luật liên quan đến thành lập pháp nhân thương mại công khai trên trang web (www.dangkykinhdoanh.gov.vn).

377. Luật Doanh nghiệp 2014 đưa ra các cơ chế thu thập và lưu giữ thông tin chủ sở hữu cơ bản với hầu hết quyền sở hữu cơ bản công khai (bao gồm cả theo yêu cầu). Điều 27 quy định chi tiết thủ tục đăng ký. Mỗi đối tượng thương mại có được một số nhận dạng doanh nghiệp riêng là một phần của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Điều 30).

Pháp nhân phi thương mại

378. Pháp nhân phi thương mại là pháp nhân không có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận của họ cũng không được phân chia cho các thành viên (Điều 76, bộ luật dân sự 2015). Các loại pháp nhân phi thương mại có thể được thành lập tại Việt Nam là:

[43] Theo Bộ luật dân sự "pháp nhân" phải đáp ứng các điều kiện: a) được thành lập theo quy định tại Bộ Luật dân sự và các luật liên quan; (b) có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83; c) có tài sản độc lập từ các thể nhân và pháp nhân khác nhau; d) tham gia độc lập vào các quan hệ pháp lý.

e. Các hiệp hội, được cấp phép bởi Bộ trưởng Bộ Nội vụ (Nghị định số 45/2010);

f. Tổ chức phi chính phủ quốc tế (Nghị định số 12/2012); và

g. Quỹ xã hội và quỹ từ thiện (Nghị định số 30/2012).

379. Thông tin liên quan đến thành lập và các loại pháp nhân phi thương mại không được công bố công khai như được quy định tại các nghị định nêu trên.

380. *Tiêu chí 24.2* - Việt Nam đã thực hiện Đánh giá rủi ro về RT/TTKB liên quan đến tất cả các loại pháp nhân thương mại theo Luật Doanh nghiệp 2014: (a) công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên; (b) các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; (c) công ty cổ phần; (d) công ty hợp danh; và (e) doanh nghiệp tư nhân.

381. Đánh giá rủi ro được thực hiện bởi một nhóm công tác liên ngành do Bộ Kế hoạch và đầu tư đứng đầu (không có đầu vào từ khu vực tư nhân) và được phê duyệt chính thức vào ngày 4 tháng 11 năm 2019. Mặc dù, kết quả đánh giá được coi là hợp lý, còn một số thiếu sót đã được nêu chi tiết trong IO5.

382. Đánh giá bao gồm các rủi ro rửa tiền liên quan đến NPO ở mức độ hạn chế. Rủi ro TTKB liên quan đến pháp nhân phi thương mại được đánh giá riêng (xem Khuyến nghị 8 và IO 10). Rủi ro RT/TTKB của các hiệp hội, tổ chức phi chính phủ quốc tế, quỹ xã hội và quỹ từ thiện chưa được đánh giá.

Thông tin cơ bản

383. Tiêu chí 24.3 – Theo Chương II Luật Doanh nghiệp 2014, thông tin đăng ký pháp nhân thương mại phải bao gồm:

a. tên công ty;

b. địa chỉ trụ sở chính;

c. chi tiết về người đại diện theo pháp luật nếu pháp nhân thương mại là công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên/ các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc công ty cổ phần;

d. đối tác chung nếu pháp nhân thương mại là công ty hợp danh;

e. chủ sở hữu nếu pháp nhân thương mại là một công ty tư nhân;

f. thông tin liên quan đến các thành viên của pháp nhân thương mại;

384. Thông tin trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được công khai (Điều 33). Thông tư 20/2015 đưa ra hướng dẫn về đăng ký kinh doanh và quy định thêm rằng tên, số nhận dạng, trụ sở chính, tên đầy đủ của người đại diện theo pháp luật và tình trạng pháp lý của pháp nhân thương mại phải được công khai trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp. Các thông tin khác phải sẵn có theo yêu cầu (Điều 11(2) của Thông tư 20/2015 và Điều 3(1) - (4), của Nghị định số 78/2015). Tuy nhiên, thông tin công khai không bao hàm đầy đủ thẩm quyền điều hành cơ bản do Điều lệ công ty không được công khai (người đại diện theo pháp luật giữ vị trí như thế nào đối với công ty).

385. Tiêu chí 24.4 – Luật Doanh nghiệp 2014 yêu cầu pháp nhân thương mại lưu giữ một số tài liệu được mô tả trong tiêu chí 24.3 cũng như duy trì sổ đăng ký thông tin cổ đông. Luật Doanh nghiệp 2014 có quy định chung áp dụng cho tất cả các pháp nhân thương mại và các quy định riêng cho các pháp nhân thương mại cụ thể.

386. Tiêu chí 24.5 –Luật Doanh nghiệp có những yêu cầu chung về việc pháp nhân thương mại phải duy trì hồ sơ và thông tin chính xác. Pháp nhân thương mại phải báo cáo những thay đổi cho Cơ quan đăng ký kinh doanh theo Điều 12 (thay đổi giám đốc hoặc kiểm soát

viên), Điều 31 (thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) và Điều 32 (thông báo thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh).

387. Điều 31(2) của Luật Doanh nghiệp 2014 quy định rằng người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày. Sau đó, cơ quan có thẩm quyền có 03 ngày để xem xét thay đổi và chấp nhận/từ chối những thay đổi này. Điều 33 yêu cầu những thay đổi về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phải được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp. Trong khi thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và những thay đổi đối với giấy chứng nhận này phải được công bố công khai, các thông tin cập nhật khác (ví dụ Điều 12 và Điều 32) có thể được cung cấp khi có yêu cầu.

388. Hơn nữa, các doanh nghiệp được yêu cầu lưu giữ thông tin liên quan đến thẩm quyền điều hành cơ bản theo Điều 11 của Luật Doanh nghiệp, nhưng không có yêu cầu phải cập nhật thông tin này.

389. Đối với tính chính xác của thông tin, Điều 209 của Luật Doanh nghiệp 2014 quy định trách nhiệm của Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của thông tin. Điều 17 nghiêm cấm pháp nhân thương mại cung cấp thông tin đăng ký kinh doanh không chính xác.

390. Điều 14 Nghị định số 78/2015 quy định Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa vụ kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ doanh nghiệp và quyết định chấp nhận hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận. Điều 30 của Nghị định 78/2015 (liên quan đến chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu doanh nghiệp), Điều 36 (liên quan đến tính hợp lý của hồ sơ đăng ký trực tuyến) và Điều 58 (liên quan đến việc cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) cung cấp thêm cơ chế để các cơ quan có thẩm quyền xác nhận tính chính xác của thông tin đăng ký kinh doanh.

Thông tin Chủ sở hữu hưởng lợi

Tiêu chí 24.6 -

391. 24.6 (a&b): Không có yêu cầu về việc các công ty hoặc các cơ quan đăng ký công ty phải thu thập thông tin sở hữu hưởng lợi. Cơ chế chính sẵn có là các thông tin hiện có được thu thập bởi các TCTC và DNFBP theo Luật PCRT 2012 và các Nghị định liên quan (xem phân tích Khuyến nghị 10 và Khuyến nghị 22), cũng như các thông tin cơ bản và thông tin sẵn có về các công ty được niêm yết công khai.

392. 24.6 (c): Điều 9 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các TCTC và DNFBP phải xác định và cập nhật thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Đặc biệt, đối với khách hàng là pháp nhân, các TCTC và DNFBP phải thu thập thông tin về "cơ cấu sở hữu và kiểm soát" của pháp nhân để xác định cá nhân có quyền lợi kiểm soát. Điều 5 của Nghị định 116/2013 cũng yêu cầu (được sửa đổi bởi Điều 1 (3) của Nghị định 87/2019) các đối tượng báo cáo áp dụng các biện pháp để xác định chủ sở hữu hưởng lợi bằng cách tuân theo các tiêu chí nhất định.

393. Đối với các pháp nhân thương mại được niêm yết trên thị trường chứng khoán, sở giao dịch chứng khoán sẽ duy trì và cập nhật thông tin sở hữu cơ bản và chủ sở hữu hưởng lợi, theo điều 18/1 của Luật PCRT 2012 và Cơ quan đăng ký kinh doanh cho các doanh nghiệp không niêm yết theo Điều 18/2.

394. Tuy nhiên, không có yêu cầu rõ ràng về việc các đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi kiểm soát pháp nhân bằng các biện pháp khác khi có nghi ngờ về chủ sở hữu hưởng lợi hoặc khi không có thể nhân nào kiểm soát quyền lợi sở hữu. Việc có bắt buộc tất cả các pháp nhân tại Việt Nam phải có mối quan hệ với TCTC hay DNFBP hay không là không rõ ràng. Nếu một pháp nhân không có mối quan hệ với bất kỳ đối tượng báo cáo nào (ví dụ: tài khoản ngân hàng) thì sẽ dẫn tới việc thông tin chủ sở hữu hưởng lợi từ pháp nhân đó có thể không thể được thu thập và sẵn có.

395. Cần lưu ý rằng nghĩa vụ CDD đối với đối tượng báo cáo áp dụng cho tất cả các pháp nhân khi thiết lập mối quan hệ hoặc tham gia vào giao dịch không thường xuyên. Theo đó, phân tích trên áp dụng cho cả pháp nhân thương mại và phi thương mại.

396. *Tiêu chí 24.7* - Điều 10 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các đối tượng báo cáo phải thường xuyên cập nhật thông tin nhận dạng khách hàng để đảm bảo có đủ thông tin về khách hàng tại thời điểm thiết lập mối quan hệ kinh doanh. Quy định này áp dụng cho thông tin chủ sở hữu hưởng lợi, mà các đối tượng báo cáo được yêu cầu thu thập theo Luật PCRT 2012 và Nghị định 116/2013. Tuy nhiên, không có quy định cụ thể nào yêu cầu các thông tin chủ sở hữu hưởng lợi phải "chính xác" và cập nhật.

397. Mặc dù có quy định về việc thực hiện nghĩa vụ CDD liên tục, nhưng điều này bị hạn chế do yêu cầu cập nhật CDD định kỳ có thể dẫn đến việc TCTC phải chờ một số năm để cập nhật CDD trong trường hợp không có sự kiện rủi ro. Không có nghĩa vụ phải cập nhật CDD bất cứ khi nào có sự thay đổi đáng kể về chủ sở hữu hưởng lợi hoặc quyền kiểm soát. Hơn nữa, những thiếu hụt được xác định theo Khuyến nghị 10 áp dụng cho tiêu chí này.

398. *Tiêu chí 24.8* - Việt Nam không có cơ chế trực tiếp nào để chứng minh sự tuân thủ tiêu chí 24.8 đối với bất kỳ loại hình pháp nhân nào. Không có yêu cầu hoặc nghĩa vụ cụ thể nào về việc các thể nhân hoặc DNFBPs phải hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền thay mặt cho các pháp nhân. Tuy nhiên, Luật Doanh nghiệp quy định nghĩa vụ chung cho người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phải hợp tác với các cơ quan chức năng trong bất cứ vấn đề nào được pháp luật quy định.

399. Tiêu chí 24.9 - Điều 27 của Luật PCRT 2012 quy định rằng các đối tượng báo cáo phải lưu giữ hồ sơ của khách hàng trong 5 năm "*kể từ ngày kết thúc giao dịch hoặc ngày đóng tài khoản hoặc ngày báo cáo*". Tuy nhiên, điều khoản này không bao gồm "tất cả các cá nhân, cơ quan chức năng và tổ chức" được đề cập đến trong Khuyến nghị 24, cũng không bao gồm các bên liên quan đến việc giải thể doanh nghiệp. Ngoài các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu đăng ký doanh nghiệp quốc gia, Luật Doanh nghiệp 2014 không quy định việc lưu giữ hồ sơ về thông tin được thu thập về chủ sở hữu hưởng lợi sau khi giải thể hoặc kết thúc công ty/pháp nhân.

Các yêu cầu khác

400. Tiêu chí 24.10 - Điều 14 Nghị định số 78/2015 quy định chi tiết nghĩa vụ của Cơ quan đăng ký kinh doanh. Khoản 3, Điều 14 yêu cầu thông tin đăng ký kinh doanh phải được cung cấp cho các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Điều 34 của Luật Doanh nghiệp 2014 quy định Cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ chia sẻ thông tin, với cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội; và định kỳ cho các cơ quan quản lý khác. Các yêu cầu tương tự được quy định tại Điều 31 (1) của Nghị định số 78/2015. Tuy nhiên, không rõ liệu điều này có bao gồm tất cả các thông tin đăng ký kinh doanh cơ bản hoặc các thông tin phải được công khai theo Điều 33 của Luật Doanh nghiệp 2014 hay không. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền và cơ quan thực thi pháp luật có thể yêu cầu Cơ quan Đăng ký Kinh doanh cung cấp tất cả thông tin cơ bản sẵn có.

401. Các cơ quan thực thi pháp luật cũng có thể sử dụng các quyền hạn được mô tả trong Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 để thu thập thông tin như một phần của điều tra hình sự. Điều 88 cho phép các cơ quan thực thi pháp luật thu thập bằng chứng từ các cơ quan có thẩm quyền và các tổ chức khác bao gồm các tài liệu, vật phẩm và dữ liệu điện tử. Điều này bao gồm các thông tin chủ sở hữu hưởng lợi do các đối tượng báo cáo nắm giữ. Tuy nhiên, không rõ ràng những thông tin này có thể được cung cấp cho các cơ quan thực thi pháp luật nhanh chóng như thế nào. Việc không tuân thủ các yêu cầu từ các cơ quan thực thi sẽ bị xử

phạt theo Bộ luật Tố tụng Hình sự nhưng bản chất và mức độ của hình thức xử phạt là không rõ ràng.

402. Ngoài ra, Luật PCRT 2012 đưa ra những quy định chung về việc chia sẻ thông tin bao gồm cả thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi (xem tiêu chí 24.6).

403. *Tiêu chí 24.11* – Điều 120 (d) của Luật Doanh nghiệp yêu cầu chứng chỉ cổ phiếu (vật lý hoặc kỹ thuật số) phải có "tên đầy đủ, địa chỉ, quốc tịch, số CMND/hộ chiếu nếu cổ đông là cá nhân; tên, số nhận dạng doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập và địa chỉ trụ sở nếu cổ đông là một tổ chức". Do đó, pháp nhân không thể phát hành cổ phiếu vô danh. Theo Luật Doanh nghiệp 2014, chứng quyền cổ phiếu vô danh không thể được phát hành. Các NPO và các tổ chức không phát hành cổ phiếu hoặc chứng quyền dưới bất kỳ hình thức nào.

404. Tiêu chí 24.12 - Pháp luật Việt Nam không công nhận cổ phần danh nghĩa hoặc giám đốc danh nghĩa. Bộ luật Dân sự có đưa ra quy định về đại diện, trong đó mọi thể nhân hoặc pháp nhân đều có thể có thể xác lập, thực hiện giao dịch dân sự thông qua người đại diện (Điều 134). Theo Điều 135, quyền đại diện được xác lập theo giấy ủy quyền giữa bên thuê đại diện và bên đại diện. Đây là thỏa thuận giữa hai cá nhân hoặc tổ chức không yêu cầu giấy ủy quyền phải được ủy quyền cụ thể hoặc được ghi lại với cơ quan có thẩm quyền.

405. Tiêu chí 24.13 - Đối với các pháp nhân thương mại, Điều 210 của Luật Doanh nghiệp 2014 quy định rằng bất kỳ pháp nhân hoặc cá nhân nào vi phạm Luật này đều phải chịu hình thức xử phạt và tùy thuộc vào bản chất của các hành vi vi phạm, có thể phải đối mặt với các hình thức xử phạt hành chính, trách nhiệm dân sự hoặc kỷ luật. Điều 211 Luật Doanh nghiệp 2014 xác định việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là xử phạt hành chính trong những trường hợp nhất định.

406. Nghị định 50/2016 cung cấp một loạt các hình thức xử phạt khác liên quan đến vi phạm đăng ký doanh nghiệp. Một vài ví dụ như sau:

a) Phạt tiền từ 10.000.000 VND đến 15.000.000 VND (từ 432 USD đến 648 USD) đối với hành vi kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Điều 24);

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đến 15.000.000 VND (từ 43 USD đến 648 USD) đối với các tổ chức không đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mức độ phạt tiền tăng theo thời gian vi phạm. (Điều 25);

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đến 2.000.000 VND (từ 43 USD đến 86 USD) vì không công bố thông tin đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia (Điều 26).

407. Không có chế tài cụ thể trong trường hợp không tuân thủ các nghĩa vụ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, Luật PCRT 2012 đưa ra cơ chế chính để thu thập thông tin chủ sở hữu hưởng lợi (tức là yêu cầu các đối tượng báo cáo thu thập những thông tin này). Điều 35 của Luật PCRT 2012 quy định rộng rãi rằng các tổ chức vi phạm các quy định của Luật PCRT sẽ bị xử phạt hành chính và trả tiền bồi thường trong khi các cá nhân có thể bị xử phạt hành chính và hình sự.

408. Các quy định xử phạt của Luật PCRT 2012 có thể có hiệu lực trong trường hợp các đối tượng báo cáo không tuân thủ nghĩa vụ thu thập thông tin chủ sở hữu hưởng lợi theo Luật PCRT 2012 và Nghị định 116/2013.

409. Các hình thức xử phạt cụ thể cũng được quy định chi tiết tại Nghị định 88/2019, trong đó quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với Luật PCRT 2012. Đối với thị trường chứng khoán, Nghị định số 145/2016 sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013 cũng quy định xử phạt hành chính nếu không tuân thủ nhận dạng khách hàng theo Luật PCRT 2012.

410. Những biện pháp xử phạt hành chính tương xứng với các vi phạm hành chính tương tự và có tính răn đe. Tuy nhiên, các hình thức xử phạt hành chính không bao gồm tất cả các đối tượng báo cáo như mô tả trong Luật PCRT 2012.

411. Tiêu chí 24.14 - Việt Nam có thể cung cấp hợp tác quốc tế thông qua các yêu cầu MLA hoặc theo các MOU hiện tại hoặc các thỏa thuận khác với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo Khuyến nghị 37 đến 40.

412. Luật PCRT cung cấp một số cơ chế chung cho việc chia sẻ thông tin, ví dụ, Điều 48 của Luật PCRT quy định rằng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể trao đổi thông tin với các cơ quan PCRT nước ngoài. Điều 48 (2) của Luật PCRT 2014 quy định: "Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền với các cơ quan, tổ chức phòng, chống rửa tiền nước ngoài, các cơ quan và tổ chức khác theo quy định của pháp luật". Tuy nhiên, Việt Nam chỉ có một vài MOU về PCRT có hiệu lực đối với các quy định pháp luật của Luật PCRT. Cũng không rõ liệu có bất kỳ cơ chế rõ ràng nào để các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thu thập thông tin chủ sở hữu hưởng lợi thay mặt cho các đối tác nước ngoài hay không.

413. Có các cơ chế để các đối tác hoặc cơ quan nước ngoài yêu cầu và nhận thông tin chủ sở hữu hưởng lợi cơ bản liên quan đến các pháp nhân phi thương mại.

414. *Tiêu chí 24.15* - Việt Nam không theo dõi chất lượng hỗ trợ mà họ nhận được từ các quốc gia khác khi phản hồi các yêu cầu cung cấp thông tin cơ bản và chủ sở hữu hưởng lợi hoặc các yêu cầu hỗ trợ trong việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi cư trú ở nước ngoài.

Trọng số và Kết luận

415. Việt Nam có một cơ chế hợp lý cho việc thu thập và ghi lại thông tin cơ bản từ các pháp nhân thương mại. Việt Nam có những thiếu sót đáng kể liên quan đến việc thu thập thông tin sở hữu hưởng lợi. ***Khuyến nghị 24 được đánh giá là tuân thủ một phần.***

Khuyến nghị 25 – Minh bạch và sở hữu hưởng lợi tại các thỏa thuận pháp lý

416. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này. Không có quy định pháp lý nào quy định việc tiếp cận thông tin chủ sở hữu hưởng lợi và thông tin kiểm soát của các quỹ ủy thác nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Tiêu chí 25.1

417. 25.1 (a) và (b). Ủy thác nhanh và các thỏa thuận pháp lý tương tự không thể được thiết lập theo pháp luật Việt Nam.

418. 25.1 (c). Mặc dù không có khả năng thiết lập ra các ủy thác rõ ràng và các thỏa thuận pháp lý khác theo luật pháp Việt Nam, không có sự cấm đoán đối với ủy thác nhanh được thiết lập theo luật của một khu vực tài phán khác và người được ủy thác của các quỹ ủy thác đó hoạt động tại Việt Nam (bao gồm cả việc hình thành mối quan hệ với TCTC và DNFBP). Ngoài các trường hợp hạn chế của những người được ủy thác chuyên nghiệp hoạt động trong khả năng của họ như các đối tượng báo cáo (xem Khuyến nghị số 10), không có yêu cầu nào liên quan đến việc những người được ủy thác cần duy trì thông tin cần thiết theo khuyến nghị này.

419. Tiêu chí 25.2– Không có yêu cầu người được ủy thác cần giữ hồ sơ chính xác và cập nhật. Tuy nhiên, với những trường hợp hạn chế khi những người được ủy thác chuyên nghiệp hoạt động với tư cách là các đối tượng báo cáo, họ có nghĩa vụ tuân thủ các yêu cầu CDD để thu thập và cập nhật thông tin (xem Khuyến nghị số 10).

420. Tiêu chí 25.3 - Không có nghĩa vụ đối với những người được ủy thác tiết lộ trạng thái của họ cho các TCTC và DNFBP khi hình thành mối quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện các giao dịch không thường xuyên.

421. Tiêu chí 25.4 - Không có luật rõ ràng hoặc biện pháp thi hành, điều này sẽ ngăn cản việc người ủy thác tiết lộ thông tin liên quan đến các thỏa thuận pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền hoặc cung cấp TCTC và DNFBP, theo yêu cầu, với thông tin về quyền sở hữu hưởng lợi và tài sản ủy thác được giữ hoặc quản lý theo các điều khoản của mối quan hệ kinh doanh.

422. Tiêu chí 25.5 - Các cơ quan có thẩm quyền có một loạt các quyền hạn theo Luật PCRT 2012 và Bộ luật Tố tụng Hình sự để có quyền truy cập thông tin (xem thêm Khuyến nghị số 30 và 31). Các đối tượng báo cáo được yêu cầu thu thập thông tin liên quan đến các thỏa thuận pháp lý, đặc biệt; chủ sở hữu hưởng lợi, nơi cư trú của người được ủy thác và tài sản nắm giữ (Điều 10c (2) của Thông tư số 35/2013 (đã sửa đổi)). Theo đó, thông tin đó có thể được lấy bởi các cơ quan có thẩm quyền từ các đối tượng báo cáo sử dụng các quyền hạn liên quan. Tuy nhiên, không có điều khoản nào cho phép việc truy cập kịp thời vào thông tin được nắm giữ bởi những người được ủy thác tại Việt Nam.

423. Tiêu chí 25.6 - Việt Nam có thể cung cấp hợp tác quốc tế chính 'thức và không chính thức thông qua các yêu cầu MLA hoặc theo MOU hiện hành hoặc các thỏa thuận khác với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài, như được mô tả trong Khuyến nghị số 37 đến Khuyến nghị số 40. Tuy nhiên, Việt Nam không có bất kỳ cơ chế nào để đảm bảo việc có sẵn thông tin ngoại trừ từ các đối tượng báo cáo (xem Khuyến nghị số 10). Hơn nữa, Việt Nam đã không cung cấp bằng chứng cho thấy các cơ quan có thẩm quyền sử dụng thẩm quyền điều tra để có được thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi thay mặt cho các đối tác nước ngoài.

424. Tiêu chí 25.7 - Trong một số trường hợp hạn chế về người được ủy thác chuyên nghiệp hoạt động với tư cách là các đối tượng báo cáo, các quy định về xử phạt trong Luật PCRT và Nghị định 116/2013 sẽ được áp dụng, đặc biệt là đối với tiêu chí 25.1 (c), 25.2. Mặt khác, không có quy định nào về trách nhiệm pháp lý và/ hoặc chế tài đối với những người được ủy thác không thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến việc đáp ứng các nghĩa vụ của họ. Cũng không có quy định rõ ràng quy định xử phạt tương xứng và ngăn chặn được áp dụng đối với những người được ủy thác đó. Chẳng hạn, không có quy định rõ ràng nào về các biện pháp xử phạt đối với những người được ủy thác hoạt động tại Việt Nam khi không công bố họ là người được ủy thác tới các TCTC và DNFBP, trước khi hình thành mối quan hệ kinh doanh.

425. Tiêu chí 25.8 - Luật PCRT 2012, Nghị định 116/2013 và Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định rằng việc không tuân thủ các yêu cầu thông tin từ các cơ quan có thẩm quyền là "có thể xử phạt", nhưng không nêu rõ bản chất và mức độ của hình thức xử phạt. Các quy định này áp dụng trong trường hợp các đối tượng báo cáo ở Việt Nam không tiết lộ thông tin về các khoản ủy thác được thu thập trong quy trình CDD để yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, không có quy định nào cho các biện pháp xử phạt cụ thể đối với những người được ủy thác vì không tiết lộ thông tin ủy thác đó cho các cơ quan có thẩm quyền vì họ không bắt buộc phải báo cáo tình trạng của mình như được xác định theo tiêu chí 25.3.

Trọng số và Kết luận

426. Ủy thác nhanh và các thỏa thuận pháp lý tương tự không được công nhận theo luật pháp Việt Nam. Tuy nhiên, không có sự cấm đoán đối với các ủy thác nhanh được tạo ra theo luật của một khu vực tài phán khác và người được ủy thác của các quỹ ủy thác đó hoạt động tại Việt Nam (bao gồm cả việc hình thành mối quan hệ với TCTC và

DNFBP). Người được ủy thác không có nghĩa vụ phải tiết lộ trạng thái của họ cho các TCTC và DNFBP khi hình thành các mối quan hệ kinh doanh. Không có chế tài đối với những người được ủy thác không tiết lộ tình trạng của họ. **Khuyến nghị 25 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 26: Quản lý và thanh tra giám sát các tổ chức tài chính

427. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam đã tuân thủ một phần với các yêu cầu. Các thiếu sót bao gồm việc thiếu các yêu cầu về quyền sở hữu hưởng lợi và các cơ quan có thẩm quyền đã không tiến hành kiểm tra PCRT/TTKB.

428. Tiêu chí 26.1 - Ngân hàng Nhà nước đã được chỉ định là đơn vị có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với lĩnh vực PCRT (Điều 37, Luật về PCRT 2012). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính được chỉ định là cơ quan có thẩm quyền giám sát PCRT đối với các TCTC (Điều 37 và 39 - Luật về PCRT 2012), nhưng có những thiếu hụt đối với các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian (IPSPs) và các tổ chức cho vay trực tuyến (xem bảng sau):

Khu vực tài chính và/hoặc hoạt động chịu thanh tra giám sát về PCRT	**Cơ quan thanh tra giám sát lĩnh vực tài chính**	**Luật hoặc quy định giao cơ quan có thẩm quyền thực hiện thanh tra giám sát PCRT**
Tiền tệ, hoạt động ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác, ngoại hối và kiều hối	NHNN	Khoản 5, Điều 37, Luật PCRT 2012
Bảo hiểm và chứng khoán, công ty quản lý quỹ, tương lai	Bộ Tài chính	Khoản 2, Điều 39, Luật PCRT 2012
IPSPs và ví điện tử	NHNN (chỉ gi ám sát an toàn)	Không
Các tổ chức cho vay trực tuyến	Không	Không

429. Mặc dù IPSP được bao quát bởi các biện pháp PCRT theo các quy định pháp luật về rửa tiền của Việt Nam (Nghị định số 87/2019, Luật PCRT 2012), nhưng không có đơn vị giám sát PCRT/TTKB được chỉ định cho IPSP hoặc các tổ chức cho vay trực tuyến.

430. Liên quan đến phòng chống tài trợ khủng bố, Luật Chống khủng bố 2013 quy định Bộ Công an có trách nhiệm lớn trong việc thanh tra và kiểm tra việc thực thi luật pháp để ngăn chặn và chống khủng bố, bao gồm tài trợ khủng bố (đoạn (f), Khoản 1, Điều 40). Tuy nhiên, quyền hạn để thanh tra và kiểm tra của Bộ Công an liên quan đến TTKB dựa trên quan điểm thực thi pháp luật chứ không phải để giám sát PCTTKB về việc tuân thủ của các đối tượng báo cáo. Mặc dù Ngân hàng Nhà nước là cơ quan giám sát và quản lý PCTTKB, nhưng pháp luật không có ủy quyền rõ ràng trong việc xây dựng các yêu cầu quản lý và thực hiện giám sát.

Gia nhập thị trường

431. Tiêu chí 26.2 **-** Tại Việt Nam, hoạt động ngân hàng phải được Ngân hàng Nhà nước cấp phép (Điều 8, Luật Tổ chức Tín dụng 2010), và các công ty chứng khoán và công ty bảo hiểm phải được Bộ Tài chính cấp phép (Điều 62, Luật Chứng khoán năm 2006 và Điều 58, luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000). Các công ty cho thuê tài chính cũng đã được đề cập tại Điều 20 Luật Các tổ chức tín dụng.

Đối với các Nguyên tắc Cốt lõi áp dụng đối với các TCTC:

432. Ngân hàng: Các tổ chức tín dụng có thể tiến hành các hoạt động ngân hàng tại Việt Nam khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp lý và có được giấy phép từ Ngân hàng Nhà nước (Khoản 1, Điều 8, Luật Tổ chức Tín dụng 2010).

433. Công ty chứng khoán: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt việc thành lập và cấp giấy phép hoạt động cho các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ (Điều 62, Luật Chứng khoán năm 2006, sửa đổi năm 2010).

434. Công ty quản lý quỹ: công ty quản lý quỹ nên có giấy phép với các điều kiện bắt buộc (Khoản 2, Điều 1 và Điều 3 - Thông tư số 212/2012). Tuy nhiên, không tài liệu tham khảo nào cho thấy cơ quan chức năng nào sẽ cấp giấy phép.

435. Các công ty kinh doanh chứng khoán phái sinh: Các tổ chức giao dịch phải được SSC cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện để giao dịch chứng khoán phái sinh, bao gồm cả hợp đồng tương lai (Điều 4, Nghị định số 42/2015).

436. Công ty bảo hiểm: Các doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2000 (Điều 58, Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2000). Bộ Tài chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho các doanh nghiệp bảo hiểm với các điều kiện theo yêu cầu của pháp luật (Điều 62 và 63 - Luật Kinh doanh bảo hiểm).

<u>Đối với các TCTC khác:</u>

437. Nhà cung cấp dịch vụ thanh toán trung gian: IPSP yêu cầu giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp (Khoản 2, Điều 15 của Nghị định 101/2012). Các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác, bao gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác phải có Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp (Khoản 1 Điều 20 Luật Các tổ chức tín dụng 2010).

438. Nhà cung cấp dịch vụ nhận và thanh toán ngoại tệ: Các tổ chức muốn cung cấp dịch vụ thanh toán và nhận ngoại tệ, và / hoặc đại lý thanh toán ngoại tệ và hoạt động đại lý ngoại hối, phải có giấy phép từ Ngân hàng Nhà nước tại các tỉnh hoặc thành phố liên quan mà họ muốn hoạt động (Điều 4, Điều 12, Điều 15, Thông tư số 34/2015) và các hoạt động của họ bị giới hạn ở các địa phương nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký đại lý (Điều 2, Quyết định số 21/2008).

439. Tuy nhiên, không rõ liệu các tổ chức cho vay trực tuyến phải được cấp phép hay phải đăng ký trước khi hoạt động.

<u>Ngân hàng Vỏ bọc:</u>

440. Việt Nam không chấp thuận việc thành lập, hoặc tiếp tục hoạt động của các ngân hàng vỏ bọc. Theo Luật các tổ chức tín dụng 2010, các ngân hàng và tổ chức tín dụng cần đáp ứng các điều kiện về tư cách cổ đông, vốn, quản lý, kế hoạch thành lập và kế hoạch kinh doanh khả thi, để có được giấy phép (Điều 20 của Luật các tổ chức tín dụng 2010).

Hơn nữa, các ngân hàng và tổ chức tín dụng sẽ đăng ký kinh doanh và hoạt động theo luật trước khi hoạt động (Điều 24 của Luật các tổ chức tín dụng 2010).

441. Tiêu chí 26.3 - Có những yêu cầu phù hợp hạn chế để ngăn chặn tội phạm hoặc đồng bọn của chúng nắm giữ (hoặc là chủ sở hữu có lợi) một lợi ích quan trọng hoặc lợi ích có khả năng kiểm soát, hoặc nắm giữ chức năng quản lý trong TCTC. Những biện pháp này chỉ bao gồm các trường hợp và lĩnh vực cụ thể, và áp dụng cho những người bị kết án phạm tội hình sự hoặc bị xử phạt. Các yêu cầu được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2014 không nhất thiết phải áp dụng cho các bài kiểm tra về tính phù hợp của TCTC.

442. Những người phải đối mặt với việc truy tố hình sự hoặc thụ án tù không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp (Điều 18, Luật Doanh nghiệp 2014). Tội phạm không được làm kế toán trưởng hoặc giám đốc của một chi nhánh hoặc công ty con của tổ chức tín dụng (Khoản 2, Điều 33 của Luật Tổ chức tín dụng 2010).

443. Những người có trách nhiệm hình sự hoặc đang bị cầm tù hoặc bị tước quyền hành nghề chuyên nghiệp không được phép hành nghề như đại lý bảo hiểm (Điều 86, Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2000). Những người bị truy tố hình sự, bỏ tù hoặc tước quyền hành nghề, cũng như những người bị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xử phạt theo Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 2 năm, không được phép làm giám đốc (tổng giám đốc) của một công ty chứng khoán (Khoản 3, Điều 34 Thông tư số 210/2012). Các nhà quản lý quỹ hiện đang chấp hành án phạt tù hoặc bị tòa án cấm kinh doanh hoặc bị xử phạt vì vi phạm chứng khoán, ngân hàng và bảo hiểm trong vòng hai năm đều bị cấm hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ (Điều 11, Thông tư 212/2012).

444. Không có quy định nào để ngăn chặn tội phạm có được lợi ích quan trọng hoặc lợi ích kiểm soát các TCTC. Các biện pháp nêu trên không bao gồm các đối tượng hình sự, cũng không áp dụng cho các chủ sở hữu hưởng lợi của TCTC. Các yêu cầu về tính phù hợp có vẻ không được mở rộng cho IPSP và các tổ chức cho vay trực tuyến.

<u>Phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở rủi ro trong hoạt động giám sát và theo dõi</u>

Tiêu chí 26.4

445. 26.4a. Việt Nam dường như không áp dụng giám sát nhóm hợp nhất cho các mục đích PCRT/TTKB.

446. Các nguyên tắc cốt lõi của Ủy ban Basel về giám sát: Báo cáo đánh giá khu vực tài chính năm 2014 gần đây nhất của Việt Nam đã được WB và IMF thực hiện vào năm 2014 và đánh giá đó cho thấy mức độ tuân thủ các Nguyên tắc cốt lõi của Basel (BCP) là thấp (không có dấu hiệu nào cho thấy những thiếu sót trong FSAP đã được Việt Nam giải quyết thỏa đáng). Dựa trên các phản hồi của Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện cuộc đánh giá tại chỗ và xem xét các hoạt động giám sát hạn chế đã được thực hiện, các thiếu hụt lớn vẫn còn do mối liên quan đến việc thiếu các quy định để bắt buộc giám sát dựa trên rủi ro đối với khu vực ngân hàng hoặc nói rộng hơn là khu vực tài chính và thiếu thanh tra giám sát hợp nhất đối với các tập đoàn tài chính.

447. <u>Các nguyên tắc cốt lõi IOSCO:</u> SSC trở thành thành viên của IOSCO vào năm 2013. Mặc dù không có đánh giá bên ngoài về việc tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi của IOSCO, SSC có nhiều nguyên tắc của IOSCO về tiêu chuẩn gia nhập thị trường và kiểm soát nội bộ (Điều 62 & 71 của Luật Chứng khoán 2006). Trong hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam, không có khái niệm về quỹ phòng hộ.

448. Các nguyên tắc cốt lõi IAIS : không có đánh giá bên ngoài về việc tuân thủ của Việt Nam với các nguyên tắc cốt lõi của IAIS. Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2000 không đưa ra giám sát dựa trên rủi ro cho ngành bảo hiểm.

449. 26.4b. Ngân hàng Nhà nước là cơ quan giám sát PCRT đối với các nhà cung cấp dịch vụ ngoại hối và chuyển tiền kiều hối (Điều 37 của Luật PCRT 2012) và đã ban hành các quy định và hướng dẫn về các quy trình giám sát được áp dụng cho các TCTC này (Thông tư số 34/2015, Thông tư số 46/2014 và Nghị định số 101/2012). Trong khi IPSP phải tuân theo các yêu cầu của Luật PCRT 2012 (như đã nêu trong tiêu chí 2 6.1), không có sự giám sát nào với lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt, liên quan đến các rủi ro RT/TTKB. Các tổ chức cho vay trực tuyến không thuộc phạm vi điều chỉnh và giám sát về PCRT/TTKB.

450. Tiêu chí 26.5 - Các đối tượng báo cáo được yêu cầu thực hiện đánh giá rủi ro RT/TTKB và gửi các báo cáo này đến Ngân hàng Nhà nước (Thông tư số 20/2019). Tuy nhiên, tần suất và cường độ công tác giám sát được thực hiện bởi các cơ quan giám sát tại Việt Nam không bắt buộc phải được thực hiện dựa trên rủi ro RT/TTKB, chính sách, kiểm soát nội bộ và thủ tục quy trình liên quan đến tổ chức hoặc tập đoàn. Các cơ quan thanh tra giám sát chưa đánh giá hồ sơ rủi ro của các TCTC và tập đoàn tài chính. Ngoài ra, tần suất và cường độ giám sát không được xác định dựa trên rủi ro RT/TTKB hiện có ở Việt Nam hoặc đặc điểm của các TCTC hoặc tập đoàn.

451. Tiêu chí 26.6 - Các cơ quan thanh tra giám sát không tiến hành đánh giá rủi ro trên từng TCTC hoặc tập đoàn. Ngoài ra, không có đánh giá rủi ro theo định kỳ hoặc phản ứng với các sự kiện hoặc diễn biến lớn.

Trọng số và Kết luận

452. Tần suất và cường độ giám sát của các cơ quan giám sát tại Việt Nam không dựa trên rủi ro về RT/TTKB, chính sách và hồ sơ rủi ro của các TCTC và tập đoàn tài chính, và giám sát không xem xét tình hình thay đổi của quản lý và điều hành TCTC. Những khiếm khuyết chính bao gồm khoảng cách về phạm vi giám sát đối với các bộ phận trong lĩnh vực tài chính của Việt Nam, cụ thể là các IPSP và các tổ chức cho vay trực tuyến; và không có hệ thống giám sát dựa trên rủi ro. Sự phù hợp có giới hạn và các biện pháp kiểm soát thích hợp cũng không ngăn cản các đối tượng tội phạm sở hữu hoặc kiểm soát các TCTC với tư cách là chủ sở hữu có lợi.

Khuyến nghị 26 được đánh giá là tuân thủ một phần.

Khuyến nghị 27 – Thẩm quyền của cơ quan thanh tra giám sát

453. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu. Thiếu sót chính là không áp dụng các thẩm quyền thanh tra có sẵn và không thực hiện nghĩa vụ theo Nghị định 74 về PCRT. Ngoài ra, hiệu quả của hệ thống xử phạt còn hạn chế (Khuyến nghị số 17 cũ).

454. Tiêu chí 27.1 - Ngân hàng Nhà nước có quyền giám sát các tổ chức tín dụng, công ty ngoại hối và tổ chức thanh toán trung gian về việc tuân thủ các yêu cầu về PCRT, trong khi Bộ Tài chính có quyền giám sát các công ty chứng khoán và bảo hiểm về PCRT (Điều 37 và 39 của Luật PCRT 2012). Tuy nhiên, không có cơ quan thanh tra giám sát nào có thẩm quyền giám sát hoặc theo dõi các tổ chức cho vay trực tuyến và IPSP về việc tuân thủ các yêu cầu PCRT. Hơn nữa, quyền hạn giám sát sự tuân thủ của các TCTC đối với các yêu cầu của PCKB chưa được quy định rõ ràng bởi luật. Cũng có những yêu cầu tối thiểu về PCKB đối với TCTC, ngoài các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu (TFS) (xem Khuyến nghị số 9 - Khuyến nghị số 23).

455. Bộ Công an được ủy quyền giám sát việc thực thi luật pháp để ngăn chặn và chống khủng bố, bao gồm TTKB (Điều 40, Luật chống khủng bố 2013) và các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố và TTKB (Điều 16, Nghị định số 122/2013). Tuy nhiên, đây là quyền lực thanh tra chung, không cụ thể đối với TCTC. Ngoài ra còn có các yêu cầu PCTTKB tối thiểu được áp dụng cho các TCTC, ngoài các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu (xem Khuyến nghị số 9 – Khuyến nghị số 23).

456. Tiêu chí 27.2 - Luật PCRT 2012 ủy quyền cho Ngân hàng Nhà nước thanh tra và giám sát các hoạt động PCRT đối với các đối tượng báo cáo trong các lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối (Khoản 5, Điều 37). Nghị định số 116/2013 (Khoản 5, Điều 24) trao quyền cho Ngân hàng Nhà nước thẩm quyền kiểm tra, thanh tra và giám sát các đối tượng báo cáo dưới sự quản lý của nhà nước đối với các hoạt động PCRT. Luật PCRT 2012 cho phép Bộ Tài chính thực hiện thanh tra và giám sát PCRT đối với các đối tượng báo cáo trong các lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm và chứng khoán (Khoản 2, Điều 39). Tuy nhiên, không có ủy quyền về thanh tra PCRT/TTKB nào đối với các IPSP và các tổ chức cho vay trực tuyến. Hơn nữa, quyền hạn thanh tra về PCKB thì không được luật pháp quy định rõ ràng.

457. Luật Chống khủng bố 2013 ủy quyền cho Bộ Công an thanh tra và kiểm tra việc thực thi pháp luật nhằm ngăn chặn và chống khủng bố, bao gồm tài trợ khủng bố (Điều 40 và Khoản 3 Điều 3). Tuy nhiên, thẩm quyền thanh tra này không cụ thể đối với việc tuân thủ về phòng, chống khủng bố tại các TCTC.

458. Tiêu chí 27.3 - Cơ quan giám sát tại Việt Nam có quyền tiếp cận tới cơ sở, nhận các tài liệu và thông tin khác, theo yêu cầu (Điều 46, Luật Thanh tra 2010; Điều 57, Luật Ngân hàng Nhà nước 2010; Điều 160, Luật Tổ chức Tín dụng 2010). Các cơ quan nhà nước có thể tổ chức và chỉ đạo các hoạt động kiểm tra trong các lĩnh vực của họ, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của họ (Điều 76, Luật Thanh tra 2010). Điều này bao gồm các thanh tra viên PCRT như Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính (Điều 37-39, Luật PCRT 2012). Khi tiến hành thanh tra, thanh tra viên có thể bắt buộc đối tượng thanh tra hoặc những người khác cung cấp thông tin và tài liệu, báo cáo hoặc giải thích các vấn đề liên quan (Điều 54, Luật Thanh tra 2010). Tuy nhiên, quyền hạn của cán bộ thanh tra PCRT/TTKB trong việc bắt buộc cung cấp thông tin cho IPSP và các tổ chức cho vay trực tuyến không được đề cập rõ ràng.

459. Tiêu chí 27.4 - Luật PCRT 2012 quy định rằng các biện pháp xử phạt sẽ được áp dụng đối với các cá nhân và tổ chức làm trái với quy định. (Điều 35).

460. Đối với các tổ chức tiền tệ và ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp xử phạt tài chính đối với các cá nhân và tổ chức (Điều 39-46 của Nghị định số 96/2014). Bộ Tài chính có thể áp dụng hình thức xử phạt tài chính đối với các công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm và cá nhân (Điều 35a Nghị định 108/2013 được sửa đổi bởi Nghị định số 145/2016 và Điều 32a của Nghị định số 98/2013 được sửa đổi bởi Nghị định số 80/2019).

461. Trong trường hợp thể nhân, Ngân hàng Nhà nước cũng có thể áp dụng đình chỉ hoặc loại bỏ khỏi vị trí điều hành hoặc quản lý hoặc ngăn chặn việc giữ các chức danh quản lý đối với một số vi phạm PCRT (Điều 46, Nghị định số 96/2014). Tuy nhiên, tất cả các hình thức xử phạt này chỉ áp dụng cho các hành vi vi phạm Luật PCRT 2012 và không áp dụng đối với các vi phạm PCTTKB.

462. Không có cơ sở pháp lý nào ủy quyền cho bất kỳ thanh tra viên PCRT/TTKB nào xử phạt các công ty giao dịch ngoại tệ, IPSP hoặc các tổ chức cho vay trực tuyến vì không tuân thủ các yêu cầu của PCRT.

463. Không rõ liệu có cán bộ thanh tra nào đã được ủy quyền để áp dụng các biện pháp xử phạt khi các đối tượng báo cáo không tuân thủ các yêu cầu của PCTTKB hay không.

Trọng số và Kết luận

464. Quyền thanh tra và giám sát việc tuân thủ PCRT của TCTC đã được định nghĩa trong Luật. Tuy nhiên, thanh tra viên không có thẩm quyền tiến hành kiểm tra PCTTKB hoặc áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với việc không tuân thủ các yêu cầu của PCTTKB. Những khiếm khuyết lớn khác liên quan đến việc thiếu thẩm quyền để tiến hành thanh tra PCRT/TTKB đối với các IPSP và các tổ chức cho vay trực tuyến. **Khuyến nghị 27 được đánh giá là tuân thủ một phần.**

Khuyến nghị 28 – Quản lý và thanh tra giám sát các DNFBP

465. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này. Thiếu thực hiện các yêu cầu PCRT/TTKB và thiếu khung giám sát và quản lý hiệu quả trong việc giám sát và đảm bảo tuân thủ DNFBP với các nghĩa vụ PCRT/TTKB.

Casino (Sòng bạc)

Tiêu chí 28.1

466. 28.1a. Tại Việt Nam, sòng bạc cần có giấy chứng nhận đủ điều kiện theo luật đầu tư trước khi hoạt động như một sòng bạc (Điều 3 và 4, Nghị định số 3/2017). Hoạt động của một sòng bạc có điều kiện dựa trên giấy phép được cung cấp bởi cơ quan có thẩm quyền được chỉ định (Điều 2, Phần 1, Nghị định số 3/2017), đó là Bộ Tài chính.

467. 28.1b. Khi đăng ký chứng nhận kinh doanh sòng bạc, các đơn vị cần cung cấp danh sách các nhà quản lý và nhân viên điều hành của sòng bạc với bất kỳ hồ sơ tội phạm nào (Khoản 7, Điều 25, Nghị định số 3/2017). Không có các quy định rõ ràng để ngăn chặn tội phạm nắm giữ lợi ích quan trọng hoặc lợi ích kiểm soát, chức năng quản lý hoặc là người điều hành sòng bạc. Các biện pháp hiện có cũng không bao gồm các đối tượng tội phạm và cũng không áp dụng cho các chủ sở hữu hưởng lợi của sòng bạc.

468. 28.1c. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm giám sát và thanh tra các sòng bạc về việc tuân thủ các yêu cầu của PCRT (Điều 4 và 39, Luật PCRT 2012). Các yêu cầu chi tiết về PCRT/TTKB được quy định tại Nghị định số 86/2013 và Nghị định số 03/2017.

469. Liên quan đến PCTTKB, Bộ Công an có trách nhiệm giám sát việc thực thi luật pháp để ngăn chặn và chống khủng bố, bao gồm TTKB (Điều 40, Luật chống khủng bố 2013) và các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố và TTKB (Điều 16, Nghị định số 122/2013). Tuy nhiên, trách nhiệm này không dành riêng cho sòng bạc. Ngoài ra còn có các yêu cầu PCTTKB tối thiểu được áp dụng cho các sòng bạc, ngoài các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu (xem Khuyến nghị số 22-23).

Các DNFBPs ngoài sòng bạc (Casinos)

470. Tiêu chí 28.2 - Có các cơ quan được chỉ định để giám sát việc tuân thủ PCRT của DNFBP ngoài sòng bạc (Luật PCRT 2012, Nghị định số 116/2013);

471. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm giám sát các nghĩa vụ PCRT của các đối tượng báo cáo cung cấp dịch vụ kế toán (Đoạn (a), Khoản 7, Điều 26, Nghị định số 116/2013). Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm kiểm tra và giám sát các doanh nghiệp bất động sản (Điều 40, Luật PCRT năm 2012). Bộ tư pháp chịu trách nhiệm giám sát các nghĩa vụ PCRT của các đối tượng báo cáo về cung cấp công chứng, dịch vụ pháp lý và nhà cung cấp dịch vụ pháp lý (Điều 41, Luật PCRT 2012). Bộ Kế hoạch và đầu tư giám sát các đối tượng cung cấp dịch vụ công ty (Đoạn (d), Khoản 7, Điều 26, Nghị định số 116/2013). Bộ Công thương chịu trách nhiệm giám sát nghĩa vụ PCRT của các đại lý kim loại quý hoặc đá quý (Đoạn (e), Khoản 7,

Điều 26 của Nghị định số 116/2013). Bộ Kế hoạch và đầu tư giám sát nghĩa vụ PCRT của các đơn vị tham gia vào các doanh nghiệp ủy thác, cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý và vận hành các công ty (Đoạn (d), Khoản 7, Điều 26 của Nghị định số 116/2013). Khoản 3, Điều 26 Nghị định số 116/2013 quy định rằng các cơ quan này có trách nhiệm tiến hành kiểm tra các hoạt động PCRT của đối tượng báo cáo theo các quy định của họ.

472. Liên quan đến phòng, chống TTKB, cơ quan giám sát việc tuân thủ phòng, chống TTKB của DNFBPs không được pháp luật cho phép rõ ràng. Bộ Công an có trách nhiệm lớn trong việc giám sát việc thực thi luật pháp để ngăn chặn và chống khủng bố, bao gồm cả TTKB (Điều 40, Luật Chống khủng bố 2013) và các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố và TTKB (Điều 16, Nghị định số 122/2013). Tuy nhiên, trách nhiệm này không cụ thể đối với DNFBP. Ngoài ra còn có các yêu cầu phòng, chống TTKB tối thiểu được áp dụng cho DNFBP, ngoài các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu (xem Khuyến nghị số 22-23).

473. Tiêu chí 28.3 - Mặc dù các DNFBP được yêu cầu thực hiện các đánh giá rủi ro RT/TTKB của tổ chức và nộp kết quả cho Ngân hàng Nhà nước (Khoản 2, Điều 1, Thông tư số 20/2019), hiện tại không có hệ thống nào giám sát việc tuân thủ yêu cầu PCRT/TTKB của các DNFBP khác, ngoại trừ việc Bộ Tài chính đã tiến hành kiểm tra về PCRT đối với sòng bạc.

474. Tiêu chí 28.4

475. 28.4(a): Các cơ quan thẩm quyền được chỉ định có trách nhiệm tiến hành thanh tra, kiểm tra các hoạt động PCRT của đối tượng báo cáo theo quy định của họ (Khoản 3, Điều 26, Nghị định số 116/2013). Tuy nhiên, vì các cơ quan giám sát về kế toán, dịch vụ công ty, đại lý kinh doanh kim loại quý hoặc đá quý và các doanh nghiệp ủy thác không được pháp luật cho phép, nên không rõ liệu các cơ quan giám sát các DNFBP này có đủ thẩm quyền để thực hiện các chức năng PCRT của họ hay không.

476. 28.4 (b): Đối với dịch vụ kế toán, các tội phạm bị cấm hành nghề kế toán (Điều 52 của Luật Kế toán 2015). Tuy nhiên, không có biện pháp nào để ngăn chặn tội phạm nắm giữ lợi ích quan trọng hoặc lợi ích kiểm soát, hoặc nắm giữ chức năng quản lý đối với các công ty kế toán. Các biện pháp được đề cập ở trên không bao gồm các đối tượng hình sự, cũng không áp dụng cho các chủ sở hữu hưởng lợi của các công ty kế toán. Đối với các DNFBP khác, không có đầy đủ các biện pháp để các cơ quan có thẩm quyền của các tổ chức tự quản để ngăn chặn tội phạm hoặc các đồng phạm được công nhận hành nghề hoặc quản lý kiểm soát hoặc nắm giữ lợi ích quan trọng, hoặc là chủ sở hữu hưởng lợi của các lợi ích lớn hoặc lợi ích kiểm soát trong DNFBP.

477. c28.4 (c): Trong khi các biện pháp xử phạt được quy định đối với việc không tuân thủ Luật PCRT 2012 của DNFBP, không có công cụ nào quy định cơ quan có thẩm quyền được chỉ định áp dụng các biện pháp xử phạt đối với các DNFBP khác để xử lý các lỗi không tuân thủ các yêu cầu về PCRT. Không có chế tài xử lý cho việc không tuân thủ các yêu cầu về phòng, chốngTTKB.

Tất cả các DNFBPs

Tiêu chí 28.5

478. 28.5a. Không có yêu cầu pháp lý rằng việc giám sát DNFBP phải được thực hiện trên cơ sở rủi ro, bao gồm xác định tần suất và cường độ giám sát về PCRT, bao gồm cả việc xem xét hồ sơ rủi ro của các DNFBP đó.

479. 28.5b. Không có luật hay quy định cụ thể nào cho thấy việc giám sát DNFBP phải được thực hiện trên cơ sở rủi ro, bao gồm cả việc xem xét hồ sơ rủi ro RT/TTKB của các DNFBP đó và mức độ tùy ý cho phép theo phương pháp tiếp cận trên cơ sở rủi ro,

khi đánh giá mức độ đầy đủ của việc kiểm soát nội bộ về PCRT/TTKB, chính sách và quy trình nội bộ của DNFBP.

Trọng số và Kết luận

480. Cơ cấu và thẩm quyền để giám sát hoặc theo dõi các nghĩa vụ của DNFBPs đã được thiết lập. Tuy nhiên, vẫn còn những thiếu sót lớn, bao gồm sự hạn chế về kiểm tra về tính thích hợp, thiếu quyền hạn rõ ràng để áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với DNFBP trong trương hợp vi phạm các lỗi về PCRT/TTKB; và hiện đang thiếu các hệ thống để giám sát sự tuân thủ của các DNFBP đối với các yêu cầu về RT/TTKB. Việc giám sát các DNFBP không được thực hiện trên cơ sở nhạy cảm rủi ro.

Khuyến nghị 28 được đánh giá là tuân thủ một phần.

Khuyến nghị 29 – Đơn vị tình báo tài chính

481. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu. Có các thiếu sót với hệ thống CNTT để phân tích; thiếu hoạt động độc lập ; nhân lực không đầy đủ, không có báo cáo được công bố, không có hướng dẫn báo cáo STR ngoài các tổ chức tín dụng, thiếu ngân sách riêng cho Đơn vị tình báo tài chính, an ninh tại chỗ yếu.

482. Tiêu chí 29.1 - Đơn vị tình báo tài chính của Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước thành lập vào năm 2005 với tư cách là cơ quan duy nhất tiếp nhận và xử lý thông tin liên quan đến giao dịch và các thông tin khác (Điều 14 Nghị định số 74/2005). Đơn vị tình báo tài chính, Cục Phòng, chống rửa tiền (Cục PCRT), là đơn vị trực thuộc Cơ quan Giám sát Ngân hàng (BSA) thuộc Ngân hàng Nhà nước (Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 83/2009 và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 20/2019). Tuy nhiên, như đã lưu ý trong Khuyến nghị số 20, luật pháp Việt Nam không có yêu cầu rõ ràng bắt buộc các đối tượng báo cáo phải báo cáo các giao dịch đáng ngờ (STR) liên quan đến TTKB cho Cục PCRT.

483. Luật PCRT chỉ định Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tiếp nhận các STR, thông tin giao dịch, tài liệu, hồ sơ và các thông tin khác và Cục PCRT có trách nhiệm tiếp nhận các thông tin này (Điều 31 Luật PCRT 2012 và Điều 19 Nghị định số 116/2013). Cục PCRT Ngân hàng Nhà nước cũng có trách nhiệm phân tích, xử lý các báo cáo, thông tin nghi vấn liên quan đến RT, TTKB và các tội phạm khác liên quan đến RT và chuyển thông tin, hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Quyết định số 1367/2019, Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Số 2393/2019, Quyết định số 20/2019 và Quyết định 1367/2019).

484. Cục PCRT có trách nhiệm phổ biến thông tin cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền khi có căn cứ hợp lý nghi ngờ các giao dịch có liên quan đến RT hoặc hành vi RT nhằm vào TTKB (Điều 32 Luật PCRT và Điều 20 Nghị định số 116 / 2013). Điều 45 của Luật Phòng, chống khủng bố 2013 đưa ra cơ sở pháp lý rõ ràng chỉ định Ngân hàng Nhà nước là trung tâm quốc gia để tiếp nhận và phân tích các STR và các thông tin khác liên quan đến TTKB. Cũng theo luật này, Điều 33 buộc Ngân hàng Nhà nước phải báo cáo ngay cho lực lượng chống khủng bố có thẩm quyền nếu phát hiện có dấu hiệu khủng bố và chỉ định lực lượng chống khủng bố chịu trách nhiệm tiếp nhận thông tin liên quan đến TTKB.

Tiêu chí 29.2

485. 29.2 (a) - Các đối tượng báo cáo được yêu cầu nộp các STRs (liên quan đến RT hoặc các tội phạm nguồn), các giao dịch có giá trị lớn, chuyển khoản điện tử và các thông tin khác cho Ngân hàng Nhà nước (Luật PCRT - Điều 21, 22, 23, Điều 13 (3) và 14 của Nghị định số 116/2013 và Điều 9 và 10 của Nghị định số 74/2005). Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tiếp nhận các STR liên quan đến TTKB, mặc dù các mối quan

tâm được nêu tại Khuyến nghị số 20 là về nghĩa vụ liên quan đến STR của TTKB (Điều 45 Luật Phòng, chống khủng bố 2013).

486. 29.2 (b) - Các đối tượng báo cáo phải nộp các giao dịch có giá trị lớn, chuyển tiền điện tử và các thông tin khác cho Ngân hàng Nhà nước (Luật PCRT - Điều 21, 22, 23, Điều 13 (3) và 14 của Nghị định số 116/2013 và Điều 9 và 10 của Nghị định số 74/2005).

Tiêu chí 29.3

487. 29.3 (a) – Cục PCRT được ủy quyền yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung từ các đối tượng báo cáo và đối tượng báo cáo bắt buộc phải tuân thủ các yêu cầu (Điều 28 (a) của Luật PCRT và Khoản 2, Điều 19 của Nghị định số 116/2013). Các đối tượng báo cáo có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước giao dịch và các thông tin, tài liệu và tài liệu khác để hỗ trợ phân tích của họ (Điều 31 của Luật PCRT).

488. 29.3 (b): Cục PCRT có thể tiếp cận nhiều loại thông tin tài chính từ các đối tượng báo cáo bằng cách sử dụng các quyền hạn được quy định ở trên. Cục PCRT có trách nhiệm trao đổi thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong việc giám sát, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án liên quan đến RT (Điều 37 của Luật PCRT).

489. Bộ Công an có trách nhiệm chia sẻ thông tin với Ngân hàng Nhà nước (Điều 38 của Luật PCRT). Cơ chế hiện tại để trao đổi thông tin giữa Cục PCRT và Bộ Công an dựa trên quy trình thủ công thông qua việc gửi yêu cầu bằng văn bản. Ngân hàng Nhà nước cũng có quyền truy cập vào thông tin báo cáo xuyên biên giới (Điều 24 và 39 của Luật PCRT), nhữn thông tin này được cung cấp trong báo cáo hàng tháng. Cục PCRT không có quyền truy cập trực tiếp vào cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng của cơ quan thực thi pháp luật để trao đổi thông tin dưới dạng điện tử.

490. Cục PCRT cũng có thể truy cập thông tin từ bên trong Ngân hàng Nhà nước và từ các cơ quan giám sát PCRT/TTKB khác, bao gồm Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp, được yêu cầu phối hợp với các cơ quan liên quan để thực hiện các biện pháp PCRT đối với các đối tượng báo cáo dưới sự giám sát của các cơ quan này (Luật PCRT, các điều 39-41) và từ các cơ quan chính phủ khác được yêu cầu phải phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để thực hiện quản lý nhà nước về PCRT (Điều 42).

491. Những quy định này không nhắc đến việc chia sẻ thông tin liên quan đến TTKB.

492. Tiêu chí 29.4 (a & b) - Quyết định số 185/2016 do Cục trưởng Cục PCRT ban hành đưa ra các bước để xử lý các STR và các nguồn thông tin mà các cán bộ phân tích nên tham khảo khi xem xét các giao dịch, một phần đáp ứng yêu cầu. Quyết định này đã được sửa đổi và bổ sung bởi Quyết định số 99/2019 của Cục trưởng Cục PCRT, trong đó nêu rõ trách nhiệm của các cán bộ phân tích trong việc thực hiện phân tích chiến lược và vận hành. Đã có bốn trường hợp phân tích chiến lược được thực hiện bởi Cục PCRT.

493. Tiêu chí 29.5 – Cục PCRT chịu trách nhiệm chuyển giao thông tin cho cơ quan điều tra khi có cơ sở hợp lý nghi ngờ rằng các giao dịch này liên quan đến hành vi RT hoặc hành vi RT nhằm TTKB (Điều 32 Luật PCRT and Điều 20, 21 Nghị định 116/2013). Điều khoản này đủ rộng để cho phép Cục PCRT chủ động chuyển giao thông tin cũng như cung cấp thông tin theo yêu cầu.

494. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm báo cáo cho lực lượng chống khủng bố của Bộ Công an bất cứ khi nào họ nhận được báo cáo hoặc thông tin khác và có cơ sở thích hợp để nghi ngờ rằng các giao dịch có liên quan đến khủng bố hoặc TTKB (Điều 45 của Luật Phòng chống khủng bố 2013).

495. Cục PCRT có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ án liên quan tới RT/TTKB hoặc các tội phạm khác liên quan tới RT tới các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật (Điều 2(4) của Quyết định 1367/2019).

496. Việt Nam đã không cung cấp bằng chứng về việc sử dụng các kênh chuyên dụng, an toàn và được bảo vệ để chuyển giao thông tin tình báo, ví dụ: cơ chế điện tử và mã hóa để chuyển giao thông tin đến các cơ quan thực thi pháp luật. Trao đổi thông tin diễn ra dưới hình thức chia sẻ tài liệu và chia sẻ thông tin bằng lời nói trong các cuộc họp. Điều 29 của Luật PCRT mô tả nghĩa vụ chung để đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu. Cục PCRT có một quy trình xử lý các tài liệu bí mật, bao gồm một hệ thống đánh dấu phong bì theo mức độ bảo mật của chúng trước khi chúng được gửi.

Tiêu chí 29.6

497. 29.6 *(a):* Việt Nam đã có khung pháp lý (Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước, Nghị định số 33/2002, Thông tư số 33/2015 và Quyết định số 45/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) về bảo vệ bí mật nhà nước bí mật nhà nước áp dụng đối với mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân, Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật (Luật PCRT, Điều 45). Cục PCRT đã ban hành quy trình xử lý tài liệu mật. Ngoài ra, tất cả nhân viên của Cục PCRT phải ký một bản xác nhận tính bảo mật khi họ bắt đầu hoặc kết thúc công việc. Hệ thống CNTT của Cục PCRT được phân cấp để đảm bảo tính bảo mật của dữ liệu. Các lớp bảo mật đã được xác định để truy cập ngưỡng và các báo cáo giao dịch đáng ngờ.

498. 29.6 *(b):* Ngoài giấy cam kết về bảo mật cần được ký bởi nhân viên Cục PCRT, Việt Nam không cung cấp bất kỳ tài liệu thủ tục hoặc yêu cầu pháp lý nào để xác định quy trình miễn trừ an ninh cho nhân viên Cục PCRT. Tuy nhiên, Cục PCRT tổ chức đào tạo cho nhân viên của mình hai lần một năm, bao gồm các giao thức bảo mật. Các nhân viên được thuê cho Cục PCRT cũng tuân theo quy trình tương tự như những nhân viên được thuê cho các Vụ cục khác của Ngân hàng Nhà nước.

499. 29.6 (c): Trụ sở Cục PCRT được đặt trên một tầng riêng biệt trong trụ sở của Ngân hàng Nhà nước với các nhân viên bảo vệ để kiểm soát việc ra vào cơ sở. Công nghệ được phân cấp và các lớp điều khiển được đặt ra để kiểm soát ai có quyền truy cập vào hệ thống CNTT. Trung tâm dữ liệu của Cục PCRT được đặt trong một phòng riêng tại trụ sở của Ngân hàng Nhà nước và chỉ nhân viên CNTT của Cục PCRT được truy cập. Cục trưởng Cục PCRT chịu trách nhiệm giao quyền truy cập của nhân viên trên nền tảng công nghệ; tuy nhiên, Cục PCRT không có bất kỳ văn bản "Chính sách bảo mật" nào để bao quát các khía cạnh bảo mật khác nhau của đơn vị này.

Tiêu chí 29.7

500. 29.7 *(a):* Cục PCRT là một đơn vị thuộc Cơ quan TTGSNH của Ngân hàng Nhà nước với các chức năng, như đã nêu trong Quyết định số 1367/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, để hỗ trợ Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong quản lý nhà nước về PCRT; và để thực hiện các nhiệm vụ PCRT/TTKB theo Luật PCRT và Luật Phòng chống khủng bố 2013.

501. Theo Điều 2 của Quyết định số 1367/2019, được sửa đổi bởi Quyết định số 2393/2019, trách nhiệm của Cục PCRT bao gồm phân tích thông tin và báo cáo, yêu cầu cung cấp thông tin và phổ biến/chuyển giao các thông tin cho cơ quan có thẩm quyền. Theo Điều 4, Cục trưởng Cục PCRT chịu trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 2. Tuy nhiên, Cục trưởng Cục PCRT chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra Giám sát Ngân hàng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mọi hoạt động của Cục. Điều này không hoàn toàn đáp ứng yêu cầu rằng Cục PCRT

phải có thẩm quyền và năng lực để thực hiện các chức năng của mình một cách tự do và tự chủ.

502. 29.7 (b): Cục PCRT được trao quyền để trao đổi thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong nước (Điều 2 của Quyết định số 1367/2019, được sửa đổi bởi Quyết định số 2393/2019).

503. Cục PCRT chịu trách nhiệm hợp tác quốc tế về PCRT/TTKB trong phạm vi trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm đàm phán và ký MOU, mặc dù dựa trên sự ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (Điều 2(5) Của Quyết định số 1367/2019, sửa đổi bởi Quyết định số 2393/2019). Tuy nhiên, theo Điều 4, Cục trưởng Cục PCRT chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về các hoạt động này.

504. 29.7 (c): Vì các chức năng của Cục PCRT bao gồm chức năng giúp Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong quản lý nhà nước về RT và Cục trưởng Cục PCRT chịu trách nhiệm trước các cơ quan đó về các hoạt động PCRT, nên không rõ ràng rằng các chức năng cốt lõi của Cục PCRT có khác biệt với các chức năng của Ngân hàng Nhà nước hay không.

505. 29.7 (d): Cục PCRT được lãnh đạo bởi một Cục trưởng và có bốn phòng với 35 nhân viên. Việt Nam đã không chứng minh được rằng Cục PCRT có ngân sách riêng từ Ngân hàng Nhà nước và tiến hành tuyển dụng độc lập mà không có bất kỳ sự can thiệp nào. Điều này giới hạn khả năng tiếp cận tới các nguồn lực tài chính và khả năng có được cũng như triển khai các tài nguyên cần thiết để thực hiện các chức năng của mình, dù là trên cơ sở cá nhân hoặc thông thường.

506. Vụ Tài chính của Ngân hàng Nhà nước xử lý ngân sách cho tất cả các Vụ Cục trong Ngân hàng Nhà nước. Cục PCRT không thể trực tiếp tiếp cận và sử dụng ngân sách.

507. Tiêu chí 29.8–. Việt Nam đã đăng ký là thành viên của nhóm Egmont tại cuộc họp Egmont năm 2009. Năm 2014, đoàn làm việc tại chỗ cho thấy Việt Nam chưa đáp ứng được các yêu cầu do hạn chế về chức năng. Hiện tại, Cục PCRT vẫn đóng vai trò là quan sát viên của Egmont. Việt Nam đang thực hiện các bước để hoàn thành thủ tục thành viên Egmont. Tuy nhiên, Cục PCRT chưa hoàn thành các yêu cầu để có được tư cách thành viên.

Trọng số và kết luận

508. Có một số thiếu sót trong việc tuân thủ quy định của Việt Nam so với Khuyến nghị số 29. Những thiếu sót này bao gồm các thiếu sót đối với Khuyến nghị số 20 liên quan đến việc thiếu nghĩa vụ pháp lý rõ ràng để thực hiện các STR liên quan tới TTKB, thiếu hụt trong bảo vệ thông tin và lo ngại về tính độc lập trong hoạt động của Đơn vị tình báo tài chính, vốn được coi trọng đặc biệt.

Khuyến nghị 29 được đánh giá là tuân thủ một phần.

Khuyến nghị 30 – Trách nhiệm của các cơ quan điều tra và thực thi pháp luật

509. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần đối với các yêu cầu của Khuyến nghị. Không có quy định cụ thể nào cho phép các cơ quan có thẩm quyền hoãn hoặc từ bỏ hành động đối với TTKB, không có đội ngũ chuyên trách về TTKB, thiếu số liệu thống kê và thiếu bằng chứng về cách thức hoạt động của pháp luật trong thực tế. Khuyến nghị số 30 bao gồm các yêu cầu mới.

510. Tiêu chí 30.1 - Trách nhiệm của các cơ quan điều tra hình sự ở Việt Nam được nêu trong Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Luật Tổ chức các Cơ quan Điều tra Hình sự 2015. Theo Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Bộ Công an chịu trách nhiệm điều tra tất

cả các tội phạm, bao gồm RT, tội phạm nguồn và TTKB, trừ trường hợp các tội đó thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra của Quân đội Nhân dân hoặc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Điều 163). Luật Tổ chức các Cơ quan Điều tra Hình sự 2015 quy định các nhân viên cảnh sát điều tra của Bộ Công an chịu trách nhiệm điều tra RT (Điều 19-21) và các nhân viên an ninh điều tra của Bộ Công an chịu trách nhiệm điều tra TTKB (Điều 16-17).

511. Luật PCRT 2012 quy định Bộ Công an chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan trong việc phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm RT (Điều 38). Luật Phòng chống khủng bố 2013 chỉ định Bộ Công an là cơ quan chính chịu trách nhiệm điều tra TTKB, phối hợp với các cơ quan liên quan khác (Điều 40). Bộ Công an có một nhóm chuyên gia, bao gồm các sĩ quan từ Cục Phòng Chống khủng bố và Cơ quan An ninh Điều tra, được dành riêng để điều tra TTKB.

512. Cơ quan điều tra của Quân đội Nhân dân chịu trách nhiệm điều tra tất cả các tội phạm thuộc thẩm quyền của Tòa án quân sự (Điều 163, Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015), bao gồm bất kỳ phạm tội nào của quân nhân, chống lại quân nhân, liên quan đến bí mật quân sự, về tài sản quân sự hoặc theo luật quân sự (Điều 272, Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015). Điều này có thể bao gồm RT, tội phạm nguồn liên quan RT và TTKB.

513. Cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm điều tra một số tội liên quan đến vi phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng và vi phạm các vị trí trong lĩnh vực tư pháp, nơi những người phạm tội là cán bộ và nhân viên của cơ quan điều tra, Tòa án, viện kiểm sát, cơ quan thực thi pháp luật và chống lại những người được trao quyền tham gia vào các hoạt động tư pháp (Điều 163, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015). Viện Kiểm sát nhân dân tối cao không được phép điều tra RT hoặc TTKB.

514. Một loạt các cơ quan khác chịu trách nhiệm thực hiện một số hoạt động điều tra trong phạm vi trách nhiệm cụ thể của họ (Điều 164 Bộ Luật Tố tụng hình sự 2015 và Điều 9 Bộ luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự 2015). Các cơ quan này bao gồm các cơ quan bảo vệ biên giới, Tổng cục hải quan, cơ quan bảo vệ rừng, cơ quan cảnh sát biển, kiểm ngư á, Văn phòng Bộ Công an và các văn phòng Quân đội Nhân dân khác. Tuy nhiên, trong trường hợp họ phát hiện RT hoặc TTKB, họ được yêu cầu phải thông báo cho Bộ Công an hoặc Quân đội Nhân dân, tùy thuộc vào thẩm quyền và chuyển hồ sơ vụ án đến các cơ quan này trong vòng bảy (7) ngày để đánh giá.

515. Tiêu chí 30.2 - Cả Bộ Công an và Quân đội Nhân dân đều được quy định điều tra các hành vi về RT trong một cuộc điều tra tình báo song song khi điều tra hành vi tội phạm nguồn. Việc bắt đầu tất cả các cuộc điều tra của Bộ Công an đòi hỏi sự giám sát và phê duyệt từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Bộ Công an được yêu cầu thông báo cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và đưa ra lời bào chữa để bắt đầu điều tra. Trong trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tối cao từ chối yêu cầu của Bộ Công an, Bộ Công an sẽ ngừng điều tra hoặc cung cấp thêm tài liệu cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét.

516. Cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chỉ được phép điều tra một số tội phạm nguồn liên quan đến tham nhũng. Nếu tội rửa tiền bị phát hiện, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được yêu cầu chuyển các vi phạm này đến Bộ Công an hoặc Quân đội nhân dân để điều tra.

517. Các Cơ quan Điều tra Tội phạm khác chỉ được phép thực hiện một số hoạt động điều tra nhất định liên quan đến các tội phạm nguồn thuộc phạm vi trách nhiệm cụ thể của họ. Cũng như Viện kiểm sát nhân dân tối cao, nếu tội rửa tiền bị phát hiện, các cơ

quan này có thể tiến hành điều tra sơ bộ và sau đó chuyển vụ việc sang Bộ Công an hoặc Quân đội Nhân dân trong vòng bảy (7) ngày.

518. Chỉ có các cơ quan an ninh điều tra của Bộ Công an và Quân đội Nhân dân mới được phép điều tra các hành vi về TTKB và họ có thể làm như vậy trong các cuộc điều tra tài chính song song với điều tra về tội phạm khủng bố.

519. Tiêu chí 30.3 - Không có cơ quan duy nhất nào được chỉ định khẩn trương xác định, truy tìm, đề xuất phong tỏa và tịch thu tài sản, hoặc có thể trở thành đối tượng bị tịch thu hoặc bị nghi ngờ là tiền thu được do phạm tội. Thay vào đó, tất cả các điều tra viên được chỉ định để buộc tội và điều tra các vụ án hình sự có nhiệm vụ khẩn trương khám xét, phong tỏa, tịch thu và kê biên tài sản theo Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

520. Tiêu chí 30.4. Điều 9 của Luật Tổ chức các Cơ quan Điều tra Hình sự 2015 liệt kê một loạt các cơ quan, một số cơ quan không phải là Cơ quan thực thi pháp luật, được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong các lĩnh vực trách nhiệm cụ thể của họ. Những cơ quan này bao gồm các cơ quan bảo vệ biên giới, Tổng cục hải quan, cơ quan bảo vệ rừng, cơ quan cảnh sát biển, kiểm ngư , Văn phòng Công an Nhân dân và Văn phòng Quân đội Nhân dân khác. Các cơ quan này chịu trách nhiệm điều tra sơ bộ và có một số quyền tìm kiếm và tạm giữ liên quan đến chứng cứ vật chứng (Điều 39, Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015; Chương V, Luật Tổ chức Cơ quan Điều tra Hình sự 2015). Tuy nhiên, đối với tất cả các tội phạm nghiêm trọng, bao gồm RT và TTKB, họ phải chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong vòng bảy (7) ngày.

521. Tiêu chí 30.5 - Các tội phạm liên quan đến tham nhũng ở Việt Nam được điều tra bởi Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (Điều 84 và 86, Luật Chống tham nhũng 2018) và không phải bởi các cơ quan thực thi chống tham nhũng chuyên nghiệp. Tất cả các cơ quan này có quyền xác định, truy tìm, phong tỏa và tạm giữ tài sản, như được nêu trong điều 30.3. Trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, được giới hạn trong việc điều tra một số tội tham nhũng liên quan đến các quan chức của các cơ quan điều tra và tư pháp. Trong trường hợp các vi phạm RT hoặc TTKB được xác định thông qua các cuộc điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, họ phải chuyển các vụ việc đến Bộ Công an hoặc Bộ Quốc phòng để điều tra.

Trọng số và Kết luận

522. **Khuyến nghị 30 được đánh giá là tuân thủ.**

Khuyến nghị 31 – Thẩm quyền của các cơ quan điều tra và thực thi pháp luật

523. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam phần lớn tuân với các yêu cầu. Thiếu số liệu thống kê để chứng minh việc sử dụng các quyền lực sẵn có và chỉ có các quyền hạn hạn chế đối với TTKB.

524. Tiêu chí 31.1 - Luật PCRT 2012 và Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 có quy định thẩm quyền điều tra của các cơ quan chức năng để thu thập tài liệu và thông tin để sử dụng trong điều tra, truy tố và các hành động liên quan.

525. 31.1 (a) Điều 28 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các đối tượng báo cáo phải cung cấp các hồ sơ, tài liệu được lưu trữ và thông tin liên quan cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước được ủy quyền theo yêu cầu. Điều 88 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định cho các cơ quan điều tra yêu cầu các cơ quan chức năng và đối tượng khác cung cấp bằng chứng, tài liệu, vật phẩm, dữ liệu điện tử và sự việc thực tế. Cơ quan chức năng và các đối tượng được yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu của cơ quan điều

tra (Điều 168 Bộ luật tố tụng hình sự). Tuy nhiên, không có quyền hạn để buộc các thể nhân phải lập hồ sơ và chỉ có thể có được bằng cách khám xét người và cơ sở).

526. 31.1 (b) Điều 36 (2) của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng Cơ quan Điều tra ra quyết định về khám xét và Điều 37 quy định cho các cơ quan điều tra tiến hành khám xét người và tài sản cơ sở.

527. 31.1 (c) Điều 37 (1) (d) Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định cho các cơ quan điều tra lấy lời khai nhân chứng. Điều 38 (1) (a) quy định cho các nhân viên điều tra ghi lại lời khai, thẩm vấn bằng văn bản và lập các hồ sơ bằng văn bản khác.

528. 31.1 (d) Điều 36 (2) của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định cho các Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng Cơ quan Điều tra quyết định tạm giữ và xử lý các bằng chứng. Điều 37 (1) (e) quy định cho các cơ quan điều tra thi hành các quyết định tạm giữ và xử lý chứng cứ. Điều 192 đến 198 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 bao hàm các thẩm quyền tìm kiếm chung, tạm giữ và kiểm tra các tin điện tử trong quá trình điều tra.

Tiêu chí 31.2

529. 31.2 (a) và (d): Việt Nam có các quy định mật để sắp xếp con người xâm nhập vào các tổ chức tội phạm liên quan đến ma túy, bố trí lực lượng theo dõi các hoạt động của tội phạm liên quan đến ma túy và phối hợp với các quốc gia trong việc thực hiện các yêu cầu chuyển hàng hóa được kiểm soát để chống tội phạm ma túy. Tuy nhiên, không có quy định cụ thể nào cho phép sử dụng các kỹ thuật này trong RT, TTKB hoặc các điều tra tội phạm nguồn khác. Các quy định liên quan đến ma túy sẽ chỉ được áp dụng trong các cuộc điều tra RT trong đó tội phạm ma túy là hành vi tội phạm nguồn.

530. 31.2 (b) và (c): Điều 223 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 quy định người tố tụng được ủy quyền, (người là cá nhân được trao thẩm quyền tiến hành tố tụng - Điều 4) có quyền thi hành phương pháp điều tra và tố tụng đặc biệt, bao gồm:

- ghi âm bí mật bằng âm thanh hoặc âm thanh và hình ảnh;
- khai thác điện thoại bí mật; và
- thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

531. Tuy nhiên, theo như Điều 224 nêu rõ các phương pháp điều tra và tố tụng đặc biệt sẽ được áp dụng cho những trường hợp này:

- vi phạm an ninh quốc gia;
- tội phạm liên quan đến ma túy;
- tham nhũng;
- khủng bố;
- rửa tiền; và
- các tội phạm có tổ chức khác được phân loại là tội phạm cực kỳ nghiêm trọng.

Tiêu chí 31.3

532. 31.3 (a): Theo Điều 88 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, cơ quan điều tra có quyền yêu cầu các đối tượng cung cấp thông tin, bao gồm thông tin tài khoản và các đối tượng đó bắt buộc phải tuân theo Điều 168. Đây là cơ chế được sử dụng để xác định các tài khoản được giữ hoặc kiểm soát bởi các thể nhân hoặc pháp nhân như một phần của quy trình thu thập chứng cứ.

533. Theo Điều 28 của Luật PCRT, các đối tượng báo cáo được yêu cầu cung cấp hồ sơ và thông tin, bao gồm thông tin tài khoản, cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.

534. Theo Nghị định số 117/2018, với mục đích chính là bảo vệ thông tin khách hàng của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cơ quan điều tra có thể đưa ra yêu cầu về thông tin khách hàng do ngân hàng nắm giữ.

535. 31.3 (b): Điều 177 Luật Tố tụng Hình sự ngăn cản việc tiết lộ bí mật điều tra cho phép xác định tài sản mà không cần thông báo trước cho chủ sở hữu.

536. Tiêu chí 31.4 - Điều 88 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 ủy quyền cho các cơ quan điều tra yêu cầu bằng chứng và tài liệu từ các cơ quan khác và Điều 168 buộc các cơ quan đó phải tuân thủ các yêu cầu đó. Những quy định này được áp dụng liên quan đến thông tin do Đơn vị tình báo tài chính nắm giữ.

537. Điều 32 của Luật PCRT 2012 chỉ định Ngân hàng Nhà nước (Cục PCRT) có trách nhiệm chuyển thông tin từ Đơn vị tình báo tài chính sang cơ quan điều tra có liên quan khi có nghi ngờ về tội phạm rửa tiền. Điều 2 của Quyết định số 1367/2019 của Ngân hàng Nhà nước, được sửa đổi bởi Quyết định số 2393/2019 của Ngân hàng Nhà nước cũng quy định rằng Cục PCRT có trách nhiệm chuyển thông tin hoặc hồ sơ vụ án liên quan đến RT, tội phạm nguồn và TTKB cho cơ quan có thẩm quyền.

538. Điều 37 của Luật PCRT 2012 yêu cầu Ngân hàng Nhà nước phải thông báo ngay cho Bộ Công an hoặc Quân đội Nhân dân về việc RT liên quan đến khủng bố hoặc TTKB. Điều khoản này cũng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước trao đổi và cung cấp thông tin cho các cơ quan có thẩm quyền để điều tra, truy tố và ra phán quyết về RT. Điều 33 của Luật Phòng chống khủng bố 2013 yêu cầu Ngân hàng Nhà nước phải báo cáo ngay cho Bộ Công an hoặc Quân đội Nhân dân nếu phát hiện có dấu hiệu khủng bố.

Trọng số và Kết luận

539. Cơ quan điều tra Việt Nam có quyền hạn rộng để điều tra RT, TTKB và tội phạm nguồn. Các phương pháp điều tra đặc biệt, như chặn viễn thông và truy cập hệ thống máy tính hiện có để điều tra về RT, TTKB và một số tội phạm nguồn nhất định. Các hoạt động ngụy trang và kỹ thuật điều tra chuyển giao có kiểm soát chỉ được phép thực hiện trong điều tra liên quan đến ma túy. **Khuyến nghị 31 được đánh giá là tuân thủ phần lớn.**

Khuyến nghị 32 – Vận chuyển tiền mặt

540. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu. Hệ thống khai báo không bao gồm công cụ chuyển nhượng vô danh (BNIs); Quyền thu giữ tiền và BNIs không được quy định rõ ràng trong luật, các biện pháp xử phạt không hiệu quả, cân xứng và mang tính răn đe, Tổng cục Hải quan không có phương pháp phân tích thông tin xuyên biên giới liên quan đến RT/TTKB, và thiếu nhân viên chuyên trách và số liệu thống kê toàn diện. Kể từ thời điểm đó, Việt Nam đã ban hành Luật Hải quan mới 2014 và một số văn bản pháp lý mới liên quan đến PCRT trong đó có các điều khoản liên quan đến báo cáo xuyên biên giới.

541. Tiêu chí 32.1 - Việt Nam có hệ thống khai báo vận chuyển tiền tệ và BNIs xuyên biên giới.

542. Điều 24 của Luật PCRT 2012 yêu cầu các nội dung sau đây phải được khai báo bởi bất kỳ người nào nhập hoặc rời khỏi Việt Nam nếu vượt ngưỡng cho phép của Ngân hàng Nhà nước :

- tiền mặt (ngoại tệ hoặc VND)
- kim loại quý
- đá quý, và
- các công cụ chuyển nhượng

543. Nghĩa vụ này được củng cố bởi Điều 55 của Luật Hải quan 2014.

544. Đối với tiền tệ hoặc BNI được vận chuyển bằng hàng không/hoặc đường biển, Nghị định số 08/2015 yêu cầu những người nhập khẩu hoặc xuất khẩu ngoại tệ, VND hoặc BNIs phải hoàn thành các thủ tục hải quan, bao gồm nộp tờ khai hải quan thông qua một cổng thông tin điện tử (Điều 5-7).

545. Việc vận chuyển tiền tệ và BNIs qua bưu điện bị cấm ở Việt Nam. Điều 12 của Luật Bưu chính 2010 cấm việc gửi, nhận hoặc truyền các vật phẩm và hàng hóa bị cấm truyền qua đường bưu điện theo Luật Việt Nam hoặc một hiệp ước mà Việt Nam là một bên. Việt Nam là một bên ký kết Công ước Bưu chính Thế giới nghiêm cấm gửi tiền và BNIs trong bưu phẩm không được bảo hiểm hoặc bưu kiện không được bảo hiểm (Điều 19, Khoản 6).

546. Ngoài ra, Nghị định thư của Công ước này quy định rằng Việt Nam sẽ không chấp nhận các mục gửi thư đã đăng ký có chứa tiền tệ hoặc BNIs (Điều VII, khoản 2).Quyết định số 572/2013 của Chủ tịch Tổng công ty Bưu chính Việt Nam, ban hành Quy chế cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu chính. Điều 18 của các Quy định này liệt kê các loại tiền Việt Nam và ngoại tệ, cũng như các giấy tờ có giá do ngân hàng phát hành là hàng cấm không thể vận chuyển qua bưu điện Việt Nam. Ngoài ra còn có lệnh cấm gửi ngoại hối trong các điều khoản trong Pháp lệnh số 28/2005 được sửa đổi bởi Pháp lệnh số 06/2013.

547. Tiêu chí 32.2 - Việt Nam có hệ thống khai báo biên giới bằng văn bản cho tất cả khách du lịch mang tiền và BNI vượt ngưỡng do Ngân hàng Nhà nước đặt ra.

548. Điều 2 Thông tư số 15/2011 của Ngân hàng Nhà nước yêu cầu số lượng tiền tệ sau đây phải được khai báo cho Tổng Cục hải quan hoặc các cơ quan biên giới khi xuất nhập cảnh từ Việt Nam:

- Đồng Việt Nam vượt quá 15.000.000 VND (650 USD)
- Ngoại tệ vượt quá giá trị 5.000 USD hoặc ngoại tệ có cùng giá trị.

549. Điều 9, khoản 2 của Thông tư số 35/2013 đặt ngưỡng khai báo cho BNIs là 300.000.000 VND (13.000 USD).

550. Tất cả các ngưỡng này đều nằm dưới ngưỡng tối đa theo chuẩn mực FATF để vận chuyển tiền tệ và BNIs xuyên biên giới.

551. Đối với các quốc gia có chung biên giới với Việt Nam (Trung Quốc, Campuchia và Lào), việc mang theo tiền tệ của các cá nhân trong hoặc ngoài Việt Nam bằng chứng minh thư biên giới hoặc thẻ nhập cảnh biên giới được quy định bằng một văn bản riêng, Quyết định số 92/2000 trong đó có các ngưỡng sau:

- Đối với nhập/xuất Trung Quốc- 6.000 CNY (USD 850), 10.000.000 VND (USD430) và bất kỳ loại tiền nào khác vượt quá 3.000 USD.

- Đối với nhập/xuất cảnh Campuchia- KHR1.000.000 (USD 250), 10.000.000 VND (USD3030) và bất kỳ loại tiền nào khác vượt quá 3.000 USD.- Đối với nhập cảnh/xuất cảnh Lào, LAK3.000.000 (USD340), 10.000.000 VND (USD3030) và bất kỳ loại tiền nào khác vượt quá 3.000 USD.

552. Quyết định số 92/2000 không bao gồm việc mang BNI của những người có chứng minh thư biên giới hoặc thẻ nhập cảnh biên giới.

553. Tiêu chí 32.3 - Việt Nam có thực hiện hệ thống khai báo.

554. Tiêu chí 32.4 - Luật Hải quan quy định các nhân viên hải quan có quyền kiểm tra hàng hóa và yêu cầu người khai hải quan cung cấp thông tin và bằng chứng tài liệu liên

quan đến hàng hóa của họ để đảm bảo tính chính xác của xuất xứ và giá trị hàng hóa khai báo hải quan (Điều 19). Định nghĩa của 'hàng hóa' bao gồm các tài sản lưu động trong danh sách xuất nhập khẩu của Việt Nam, bao gồm tiền giấy, tiền xu và BNIs. Quyền hạn để yêu cầu và có thêm thông tin liên quan đến nguồn gốc và mục đích sử dụng được ghi tại điều 89 của Luật Hải Quan – quy định thẩm quyền điều tra, xác minh hàng hóa. Bao gồm xuất xứ và mục đích sử dụng trong trường hợp khai báo sai hoặc không khai báo.

555. Tiêu chí 32.5 Xử phạt hành chính có sẵn theo Điều 9 của Nghị định 127/2013, được sửa đổi bởi Nghị định số 45/2016. Các hình thức xử phạt cho việc không khai báo hoặc khai báo sai về tiền tệ khi rời khỏi Việt Nam là từ 1.000.000 VND (45 USD) đến 50.000.000 VND (2.150 USD) dựa trên các giá trị liên quan. Mức phạt cho việc không khai báo hoặc khai báo sai về tiền tệ khi vào Việt Nam thấp hơn và dao động từ 1.000.000 VND (USD45) đến 20.000.000 VND (USD860) dựa trên giá trị liên quan. Mức phạt cho việc không khai báo hoặc khai báo sai BNI khi vào hoặc ra khỏi Việt Nam dao động từ 1.000.000 VND (45 USD) đến 50.000.000 VND (2.150 USD) dựa trên giá trị liên quan. Khi hình thức xử phạt đã được thực hiện, tiền tệ hoặc BNIs sẽ được trả lại (Khoản 6). Chỉ áp dụng khi không có tội ác nào khác được thực hiện.

556. Theo Điều 23, Khoản 4 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, mức phạt sẽ là mức trung bình của phạm vi hình thức xử phạt có sẵn trừ khi có các tình tiết giảm nhẹ (có thể giảm mức phạt nhưng không thấp hơn mức tối thiểu) hoặc tình tiết tăng nặng (mức phạt có thể tăng nhưng không cao hơn mức tối đa).

557. Các hình thức xử phạt hành chính không tương xứng, vì các mức xử phạt khi vào Việt Nam thấp hơn nhiều so với các mức xử phạt khi rời khỏi Việt Nam (mức phạt cao nhất khi nhập cảnh là ít hơn một nửa mức phạt cao nhất khi xuất cảnh). Lý do cho sự khác biệt là có các yêu cầu bổ sung được áp đặt khi xuất cảnh và do đó vi phạm nhiều hơn.Các hình thức xử phạt với mức độ thấp hơn trong phạm vi chỉ chiếm khoảng 10% giá trị liên quan đến hành vi phạm tội và không được coi là mang tính răn đe (đặc biệt là xem xét các loại tiền tệ / BNIs còn lại sẽ được trả lại). Tuy nhiên, các hình thức xử phạt ở mức cao hơn trong phạm vi , chiếm 50% giá trị liên quan đến hành vi phạm tội được coi là mang tính răn đe.

558. Điều 188 và 189 của Bộ luật Hình sự 2015 hình sự hóa buôn lậu và vận chuyển hàng hóa hoặc tiền bất hợp pháp qua biên giới. Nếu giá trị liên quan đến vận chuyển xuyên biên giới bị tuyên bố sai hoặc không được khai báo và giá trị lớn hơn 100.000.000 VND, thì đó sẽ cấu thành tội hình sự đối với Điều 188 hoặc Điều 189. Có nhiều hình thức xử phạt hình sự khác nhau dựa trên giá trị liên quan. Các chế tài bao gồm phạt tiền từ 200.000.000 VND (8.600 USD) đến 3.000.000 VND (130.000 USD) và phạt tù từ 1-10 năm đối với thể nhân. Đối với pháp nhân, số tiền phạt từ 200.000.000 VND (8.600 USD) đến 5.000.000.000 VND (USD215.000) và các hình thức xử phạt khác bao gồm đình chỉ hoạt động và ngừng hoạt động vĩnh viễn. Những hình thức xử phạt này được coi là tương xứng và không khuyến khích. Tuy nhiên, các quy định này chỉ áp dụng liên quan đến tiền tệ chứ không phải BNIs.

559. Tiêu chí 32.6 - Theo Điều 24 của Luật PCRT 2012, Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm phổ biến thông tin được thu thập trong hệ thống khai báo xuyên biên giới cho Ngân hàng Nhà nước (Cục PCRT). Điều 15 Nghị định số 116/2013 yêu cầu Tổng cục Hải quan phải cung cấp chi tiết về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và BNI qua biên giới cho Ngân hàng Nhà nước (Cục PCRT). Tổng cục Hải quan chuyển bản tóm tắt hàng tháng về khai báo xuyên biên giới sang Cục PCRT dưới dạng bản sao giấy và tệp điện tử. Tổng cục Hải quan không cung cấp các khai báo vật lý, nhưng những

khai báo này có sẵn theo yêu cầu. Sau khi nhận được thông tin, Cục PCRT nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Nhà nước.

560. Tiêu chí 32.7 - Điều 39 của Luật PCRT 2012 đặt ra trách nhiệm cho Bộ Tài chính chỉ đạo Tổng cục Hải quan cung cấp thông tin thu thập được về vận chuyển tiền tệ xuyên biên giới và BNIs cho Ngân hàng Nhà nước (Cục PCRT) theo Điều 24. Tổng cục Hải quan có các thỏa thuận phối hợp tại chỗ với Bộ đội Biên phòng (Quy định số 3929/2019) và Cảnh sát biển (Quy định số 10472/2014), không dành riêng cho vận chuyển tiền mặt nhưng đủ rộng để bao gồm các vấn đề liên quan đến Khuyến nghị 32.

561. Tiêu chí 32.8 - Tiêu chí phụ (a) và (b): Điều 125, 127-129 của Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 cho phép tiền tệ của BNIs bị tạm giữ khi không khai báo hoặc khai báo sai để ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính ngay lập tức trong tối đa bảy ngày. Các quy định tồn tại trong khoảng thời gian được kéo dài nếu cần thêm thời gian để xác định liệu có bằng chứng về RT hoặc TTKB hay không..

562. Trong trường hợp có những dấu hiệu vi phạm hình sự, chẳng hạn như RT hoặc TTKB, Điều 62 của Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 cho phép vụ việc được chuyển sang Bộ Công an để điều tra. Các điều tra viên của Bộ Công an có thể thực hiện các quyền hạn chung về can thiệp khi tiến hành điều tra hình sự theo Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015.

563. Tiêu chí 32.9 **-** Điều 6 của Luật Hải quan cho phép hợp tác quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bao gồm trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với cơ quan hải quan các nước và các tổ chức quốc tế có liên quan. Tổng cục Hải quan là thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) và có một loạt các thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương với các đối tác nước ngoài tạo điều kiện trao đổi thông tin quốc tế. Các công cụ này được đóng khung rộng rãi nhưng được sử dụng để trao đổi thông tin khai báo xuyên biên giới. Ngoài ra, Điều 6 của Luật Hải quan trao cho TCHQ quyền trao đổi và hợp tác quốc tế để trao đổi thông tin về vận chuyển tiền tệ và BNI xuyên biên giới.

564. Như được nêu trong Khuyến nghị số 40, Luật PCRT (Điều 37 và Chương IV) và Nghị định PCRT (Chương IV) cung cấp cơ sở pháp lý cho Ngân hàng Nhà nước (Cục PCRT) để hợp tác quốc tế về RT và Ngân hàng Nhà nước đã ký kết 9 MOU song phương về việc trao đổi thông tin liên quan đến PCRT/TTKB. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước (Cục PCRT) có thể trao đổi thông tin khai báo xuyên biên giới mà họ nắm giữ trên phạm vi quốc tế khi có liên quan đến PCRT.

565. Việt Nam cũng có thể trao đổi thông tin về các khai báo xuyên biên giới quốc tế bằng cách sử dụng các quy trình tương trợ tư pháp và có thỏa thuận với Trung Quốc và Lào để được hỗ trợ pháp lý trực tiếp.

566. Không có nghĩa vụ cụ thể đối với Tổng cục Hải quan hoặc Ngân hàng Nhà nước (Cục PCRT) trong việc giữ lại thông tin khai báo xuyên biên giới. Tuy nhiên, trong thực tế Cục PCRT nhập và giữ lại thông tin nhận được từ Hải quan trong cơ sở dữ liệu của mình. Thông tư số 43/2011 yêu cầu Ngân hàng Nhà nước giữ lại các tài liệu liên quan đến tội phạm rửa tiền trong thời gian 20 năm, áp dụng cho các khai báo xuyên biên giới liên quan đến rửa tiền.

567. Thông tin khai báo xuyên biên giới được Hải quan thu thập bao gồm tên, số hộ chiếu, quốc tịch, ngày, cảng nhập / xuất cảnh và số lượng tiền tệ hoặc BNI.

568. Tiêu chí 32.10 - Việt Nam áp dụng kiểm soát tiền tệ và phải được phép của Ngân hàng Nhà nước đối với việc xuất nhập khẩu tiền Việt Nam. Pháp lệnh số 30/2000

về Bảo vệ Bí mật Nhà nước và Luật PCRT 2012 có đủ biện pháp bảo vệ để đảm bảo sử dụng đúng thông tin thu được từ hệ thống khai báo. Các yêu cầu khai báo xuyên biên giới đối với Việt Nam dường như không hạn chế thanh toán trong thương mại hoặc chuyển động vốn.

569. Tiêu chí 32.11 - Ngoài các hình thức xử phạt được nêu trong tiêu chí 35.5, trong đó có bằng chứng cho thấy việc vận chuyển tiền tệ hoặc BNIs thực tế có liên quan đến RT, các tội phạm nguồn hoặc TTKB, các trường hợp đó sẽ được Tổng cục Hải quan chuyển đến Bộ Công an để điều tra hình sự. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định rằng các cơ quan xem xét hoặc áp dụng xử phạt hành chính phải chuyển hồ sơ cho cơ quan tố tụng hình sự nếu có dấu hiệu hình sự (Điều 62).Những người vận chuyển tiền tệ hoặc BNIs sẽ phải chịu hình thức xử phạt cho những vi phạm này và tiền tệ hoặc BNIs sẽ bị tịch thu hình sự, như quy định trong Khuyến nghị số 4. Tuy nhiên, có những thiếu sót trong các biện pháp xử phạt dành cho hành vi phạm tội TTKB (như được mô tả trong Khuyến nghị số 5) và những thiếu sót nhất định trong chế độ tịch thu (như quy định trong Khuyến nghị số 4).

Trọng số và Kết luận

570. Trong hệ thống khai báo xuyên biên giới của Việt Nam vẫn còn một thiếu sót nhỏ xung quanh việc xử phạt hành chính không tương xứng.

Khuyến nghị 32 được đánh giá là tuân thủ phần lớn.

Khuyến nghị 33 – Số liệu Thống kê

571. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần các yêu cầu này. Các thiếu hụt bao gồm thiếu thông tin về giám sát và thiếu số liệu thống kê chi tiết và tách biệt.

572. Tiêu chí 33.1 - Luật Thống kê 2015 quy định hoạt động thống kê tại Việt Nam và việc sử dụng thông tin thống kê nhà nước; cũng như các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động thống kê và sử dụng thông tin thống kê nhà nước.

573. 33.1 (a): Cục PCRT duy trì số liệu thống kê về các STRs đã nhận và đã chuyển giao đồng thời cung cấp số liệu thống kê đó trong giai đoạn 2014-2018. Cục PCRT có thể chia nhỏ số liệu thống kê theo ngành, tuy nhiên các loại hoạt động tội phạm hoặc các yếu tố khác thì không rõ ràng.

574. 33.1 (b): Theo Điều 34 của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân 2014, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chính trong việc phối hợp với các cơ quan liên quan và thu thập số liệu thống kê tội phạm. Cơ quan này cũng duy trì một cơ sở dữ liệu thống kê về điều tra, truy tố hình sự và kết án hình sự (Thông tư liên tịch số 05/2018). Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có Cục Thống kê Hình sự chịu trách nhiệm thu thập các số liệu thống kê tội phạm trên toàn quốc, được lưu trữ tập trung trong cơ sở dữ liệu điện tử của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Việt Nam nắm bắt và duy trì số liệu thống kê, điều tra, truy tố và kết án tất cả các tội phạm, bao gồm RT/TTKB và các vụ việc tội phạm nguồn. Thống kê RT được chia nhỏ theo tội phạm nguồn và theo loại hình rửa tiền. Cục An ninh Nội địa của Bộ công an duy trì số liệu thống kê về các cuộc điều tra, truy tố và kết án TTKB.

*575. 33.1 (c):*Bộ Công an duy trì một cơ sở dữ liệu thống kê bao gồm giá trị cuối cùng của tài sản bị tịch thu và bị phong tỏa, và Tòa án Nhân dân Tối cao duy trì một cơ sở dữ liệu thống kê về tài sản bị tịch thu, từ cả vụ án dân sự và hình sự.

576. 33.1 (d): Số liệu thống kê về tương trợ tư pháp được duy trì bởi Vụ hợp tác quốc tế - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, theo Điều 23 của Luật Tương trợ tư pháp năm 2007,

Bộ Công an duy trì số liệu thống kê về dẫn độ, theo Điều 38 của Luật Tương trợ tư pháp 2007, Cục PCRT duy trì số liệu thống kê về các yêu cầu nước ngoài đến và đi, phân theo quốc gia và loại tội phạm (Quyết định số 68/2019). Các cơ quan khác như Bộ Công an, Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan cũng duy trì số liệu thống kê về hợp tác quốc tế.

Trọng số và Kết luận

577. **Khuyến nghị 33 được đánh giá là tuân thủ.**

Khuyến nghị 34 – Hướng dẫn và phản hồi

578. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam không tuân thủ các yêu cầu này. Thiếu cơ chế phản hồi hoặc hướng dẫn chi tiết và toàn diện.

579. Tiêu chí 34.1 - Các cơ quan chính phủ cần phải chỉ đạo và hướng dẫn các đơn vị trong hệ thống và các đơn vị báo cáo thuộc quyền quản lý của họ xây dựng và thực hiện các biện pháp chống rửa tiền (Điều 26 của Nghị định 116/2013). Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm ban hành các hướng dẫn trong việc thực hiện các quy định pháp lý về PCRT (Điều 24 của Nghị định số 116/2013). Tuy nhiên, những điều khoản này chỉ liên quan đến rửa tiền và không liên quan đến TTKB. Điều 18 của Nghị định quy định rằng Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị báo cáo trong việc thực hiện Điều 30 (1) của Luật PCRT 2012, liên quan đến báo cáo các hoạt động rửa tiền có liên quan đến TTKB.

580. Cục PCRT đã gửi công văn hướng dẫn cho các bộ và cơ quan để yêu cầu các đơn vị báo cáo tương ứng thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB. Tương tự, Bộ Tài chính đã gửi công văn cho ngành chứng khoán, sòng bạc và bảo hiểm và Bộ Xây dựng đã gửi công văn cho ngành bất động sản yêu cầu các đơn vị báo cáo có liên quan áp dụng các biện pháp PCRT/TTKB. Tuy nhiên, những công văn này là hướng dẫn tuân thủ nghĩa vụ PCRT/TTKB chứ không phải hướng dẫn để hỗ trợ tuân thủ.

581. Cục PCRT đã phát hành Sổ tay PCRT/TTKB cho các ngân hàng, bao gồm hướng dẫn về các nghĩa vụ PCRT/TTKB khác nhau. Sổ tay bao gồm hướng dẫn chi tiết về báo cáo các giao dịch đáng ngờ, danh sách các chỉ số báo động (red flag) để phát hiện các giao dịch đáng ngờ, thông tin về ai cần báo cáo và những gì cần đưa vào báo cáo, cũng như thông tin về phương pháp RT và trường hợp nghiên cứu cụ thể. Sổ tay cũng bao gồm hướng dẫn về kiểm soát nội bộ, CDD, rủi ro, giám sát giao dịch và lưu trữ hồ sơ. Tuy nhiên, trong khi các TCTC và DNFBP khác có thể tham khảo sổ tay này, không có hướng dẫn cụ thể theo ngành cho các tổ chức tài chính hoặc DNFBP khác. Vào năm 2014, Bộ Tư pháp đã công bố một tạp chí đặc biệt về nhận thức PCRT. Hướng dẫn chi tiết liên quan đến việc tiến hành CDD, bao gồm cả việc xác định quyền sở hữu hưởng lợi vẫn chưa được ban hành. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành hướng dẫn các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thực hiện các UNSCR có liên quan (Công văn 387/NHNN-TTGSNH (5/6/2019)), trong đó có hướng dẫn về nghĩa vụ các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu. Việt Nam chưa cung cấp cho các TCTC hoặc DNFBP khác bất kỳ hướng dẫn bằng văn bản nào về các nghĩa vụ và các thông lệ tốt nhất để thực hiện các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu[44].

582. Điều 6 (2) của Thông tư số 35/2013 yêu cầu Cục PCRT cung cấp phản hồi cho các đơn vị báo cáo về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến các STR mà họ đã gửi. Cục PCRT phản hồi cho các đối tượng báo cáo về việc tiếp nhận các STR và cung cấp phản hồi cho các

[44] Việt Nam đã thực hiện các bước tiếp theo vào tháng 3 năm 2020 để chia sẻ các chỉ số rủi ro TTKB năm 2016 với các TCTC phi ngân hàng và DNFBP, tuy nhiên điều này diễn ra sau khi kết thúc chuyến thăm tại chỗ

ngân hàng liên quan đến các STR nhận được, bao gồm tư vấn nếu STR không đáp ứng các yêu cầu chất lượng, thông tin không đầy đủ hoặc báo cáo chưa được ký bởi đúng người. Khi cần thiết, Cục PCRT sẽ yêu cầu đối tượng báo cáo cung cấp thêm thông tin liên quan đến STR đã gửi và sẽ hướng dẫn thêm cho đối tượng báo cáo.

583. Có các yêu cầu đối với các cơ quan quản lý DNFBP hoặc các cơ quan giám sát khác để thiết lập các hướng dẫn PCRT/TTKB và cung cấp phản hồi cho các ngành được quản lý của họ để hỗ trợ họ trong việc áp dụng các biện pháp PCRT/TTKB, phát hiện và báo cáo các giao dịch đáng ngờ.

Trọng số và Kết luận

584. Cục PCRT đã ban hành hướng dẫn cho các ngân hàng về STR và các vấn đề khác. Cục PCRT cung cấp phản hồi cho các đối tượng báo cáo thực hiện việc báo cáo STRs. Những thiếu sót ở mức trung binhg vẫn còn tồn tại liên quan tới cung cấp hướng dẫn và phản hồi. Tại thời điểm đánh giá tại chỗ, Cục PCRT không có hướng dẫn nào được ban hành cho các TCTC và DNFBP phi ngân hàng và hướng dẫn cho các ngân hàng thì không mở rộng đến các vấn đề TTKB. Hướng dẫn hạn chế đã được đưa ra về việc thực hiện CDD và các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu.

Khuyến nghị 34 được đánh giá là tuân thủ một phần

Khuyến nghị 35 – Xử phạt

585. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu này. Các thiếu hụt kỹ thuật quan trọng bao gồm thiếu khung xử phạt theo mức độ trong đó nêu rõ các biện pháp xử phạt cụ thể được áp dụng cho việc không tuân thủ các yêu cầu PCRT/TTKB; thiếu các biện pháp xử phạt bằng tiền tương xứng và mang tính răn đe; và không thực hiện các biện pháp xử phạt sẵn có đối với các vi phạm về PCRT. Các quy định khác nhau đã được ban hành kể từ Báo cáo ĐGĐP lần trước.

586. Tiêu chí 35.1 - Đối với Khuyến nghị 6, Nghị định 96/2014 bao gồm các biện pháp xử phạt đối với các ngân hàng khi không trì hoãn các giao dịch của các bên trong danh sách đen hoặc phong tỏa tài khoản hoặc tài sản khi được chỉ định bởi các cơ quan có thẩm quyền, theo yêu cầu của Luật PCRT 2012, mức phạt lên tới 150.000.000 VND (khoảng 6.400 USD) cho các cá nhân (gấp đôi cho các tổ chức) (Điều 45, Khoản 2). Ngoài ra, còn có các biện pháp xử phạt đối với các ngân hàng không báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền bất kỳ tài sản nào bị phong tỏa hoặc các hành động được thực hiện theo UNSCR, số tiền phạt lên tới 80.000.000 VND (khoảng 3,450 USD) cho các cá nhân (gấp đôi cho các tổ chức) (Điều 45, Khoản 1). Những khoản tiền phạt này không tương xứng hoặc mang tính răn đe.

587. Việt Nam không có chế tài xử lý đối với việc không phong tỏa ngay lập tức đối với các thể nhân và pháp nhân khác, hoặc bất kỳ biện pháp xử phạt nào đối với vi phạm lệnh cấm đối với người hoặc tổ chức trong phạm vi tài phán của họ cung cấp quỹ hoặc tài sản, tài nguyên hoặc dịch vụ khác cho người và tổ chức được chỉ định. Không có chế tài đối với các TCTC hoặc DNFBP khác khi không báo cáo.

588. Đối với Khuyến nghị 8, Việt Nam áp dụng một số biện pháp cho các NPO để xử lý một cách rộng rãi các rủi ro TTKB. Nghị định số 12/2012 có các chế tài đối với các NPO nước ngoài vi phạm Nghị định, vi phạm các yêu cầu đăng ký hoặc vi phạm pháp luật Việt Nam (Khoản 1, Điều 15 và Khoản 2, Điều 31). Những biện pháp xử phạt này bao gồm đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động và bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký.

589. Điều 29 và Khoản 1 và 2, Điều 40 của Nghị định 45/2010 áp dụng các biện pháp xử phạt đối với các hiệp hội trong nước vi phạm Nghị định, bao gồm việc thu hồi giấy chứng nhận hoạt động và những người đại diện có thể bị xử phạt hành chính hoặc có

khả năng chịu trách nhiệm hình sự. Nghị định số 30/2012 quy định về việc đình chỉ từ 3 đến 6 tháng hoặc giải thể NPO do có vi phạm liên quan đến quản lý yếu kém nguồn vốn hoặc không báo cáo.

590. Không có hình thức xử phạt nào ngoài việc đình chỉ hoặc giải thể đối với các vi phạm của NPO. Với phạm vi hạn chế và thiếu các hình phạt có thể được mô tả là xử phạt, các hình phạt không được coi là tương xứng và mang tính răn đe.

591. Các hình phạt đối với các biện pháp phòng ngừa và báo cáo (Khuyến nghị 9 đến 23):

592. Ngân hàng: Hình thức xử phạt cho các vi phạm đối với các quy định về rửa tiền được quy định tại Nghị định số 96/2014[45] trong đó có một loạt các khoản phạt hành chính từ 10.000.000 VND (430 USD) đến 500.000.000 VND (21.650 USD) cho các cá nhân (gấp đôi cho các tổ chức) vì không tuân thủ các yêu cầu của Khuyến nghị liên quan khác ngoài Khuyến nghị 17. Các ngân hàng cũng được yêu cầu loại bỏ chức danh của các cá nhân vi phạm yêu cầu CDD và áp dụng các biện pháp kỷ luật đối với họ (Điều 39). Các biện pháp phạt bổ sung, bao gồm thu hồi giấy phép, chứng chỉ, dịch vụ và các hoạt động kinh doanh khác hoặc đình chỉ giấy phép hoạt động của Ngân hàng Nhà nước cũng có thể được áp dụng (Điều 3).

593. Các công ty bảo hiểm nhân thọ được điều chỉnh bởi Nghị định số 98/2013, được sửa đổi bởi Nghị định số 80/2019 và quy định một loạt các khoản phạt hành chính từ 20.000.000 VND (850 USD) đến 100.000.000 VND (4.250 USD) đối với các cá nhân (gấp đôi cho các tổ chức) không tuân thủ một số yêu cầu của Khuyến nghị 9, 10, 12, 15 và 18. Cảnh cáo và đình chỉ giấy chứng nhận hoặc hoạt động kinh doanh cũng có thể được áp dụng (Điều 3).

594. Các công ty chứng khoán được quy định bởi Nghị định 108/2013, được sửa đổi bởi Nghị định số 145/2016 và quy định mức phạt hành chính từ 20.000.000 VND (850 USD) đến 150.000.000 VND (6.350 USD) đối với các tổ chức (một nửa đối với cá nhân) không tuân thủ một số yêu cầu của Khuyến nghị 9, 10, 12, 15, 18, 20. Cảnh báo, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận và các biện pháp khắc phục cũng được quy định (Điều 3).

595. Tuy nhiên, không có chế tài đối với các TCTC phi ngân hàng khác và có một loạt các thiếu sót trong các biện pháp phòng ngừa và yêu cầu báo cáo của Việt Nam (xem Khuyến nghị số 9-23) và các thiếu hụt tương ứng trong khung xử phạt đối với tất cả các TCTC. Các khoản tiền phạt hiện nay không được coi là tương xứng và mang tính răn đe.

596. DNFBPs: Không có biện pháp xử phạt nào đối với việc DNFBP không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa và yêu cầu báo cáo.

597. Tiêu chí 35.2 - Việt Nam áp dụng một số biện pháp xử phạt đối với các giám đốc và quản lý cấp cao của các ngân hàng theo khoản 4, Điều 46 Nghị định số 96/2014, bao gồm đình chỉ, miễn nhiệm và ngăn chặn việc giữ các chức danh tương tự trong TCTC. Tuy nhiên, những hình phạt này chỉ áp dụng liên quan đến các vi phạm hạn chế và cụ thể. Dường như không có hình phạt nào được áp dụng cho các giám đốc và quản lý cấp cao của các TCTC phi ngân hàng và DNFBP[46].

Trọng số và Kết luận

[45] Việt Nam hoàn thiện Nghị định số 88/2019 trong đợt đánh giá tại chỗ. Nghị định này, bao gồm các biện pháp xử phạt đối với các vi phạm liên quan đến TF, đã thay thế Nghị định số 96/2014 nhưng không có hiệu lực cho đến sau khi kết thúc đợt đánh giá tại chỗ

[46] Nghị định 88/2019 đã mở rộng một số hình phạt này tới phạm vi vi phạm rộng hơn và tới các giám đốc và quản lý cấp cao, tuy nhiên Nghị định chưa có hiệu lực mãi đến khi kết thúc đợt đánh giá tại chỗ.

598. Có các biện pháp xử phạt hành chính đối với việc không tuân thủ Khuyến nghị số 6 và 8-23. Tuy nhiên, có những thiếu hụt trong khung xử phạt và các mức phạt hiện có là không tương xứng và mang tính răn đe. Các biện pháp xử phạt áp dụng đối với các giám đốc và quản lý cấp cao của TCTC chỉ trong các trường hợp hạn chế và không có biện pháp xử phạt đối với các giám đốc và quản lý cấp cao của DNFBP. **Khuyến nghị 35 được đánh giá không tuân thủ.**

Khuyến nghị 36 – Các công cụ hợp tác quốc tế

599. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu này. Việt Nam đã không tham gia Công ước Palermovà thiếu thực thi Công ước TTKB và các UNSCR 1267 và 1373. Kể từ đó, tiêu chuẩn được tăng cường với việc bổ sung Công ước Merida.

600. Tiêu chí 36.1 - Việt Nam là thành viên của cả bốn công ước. Việt Nam tham gia Công ước Viên ngày 4 tháng 11 năm 1997; phê chuẩn Công ước Palermo vào ngày 8 tháng 6 năm 2012; phê chuẩn Công ước Merida vào ngày 19 tháng 8 năm 2009; và tham gia Công ước TTKB vào ngày 25 tháng 9 năm 2002.

601. Sau khi phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước, Việt Nam bày tỏ sự bảo lưu và tuyên bố liên quan đến các Điều khoản theo Khuyến nghị số 36. Đối với Công ước Viên, Việt Nam bảo lưu đối với Điều 6 về dẫn độ. Đối với Công ước Palermo, Việt Nam tuyên bố không bị ràng buộc bởi các quy định liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân như quy định tại Điều 10, hoặc coi Công ước là cơ sở pháp lý trực tiếp để dẫn độ. Đối với Công ước Merida, Việt Nam tuyên bố rằng mình không bị ràng buộc bởi các quy định liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân tại Điều 26. Việt Nam cũng đã thông báo sau đó rằng không coi Công ước này làm cơ sở pháp lý cho dẫn độ.

Tiêu chí 36.2

602. Thực hiện Công ước TTKB: Việt Nam đã thực hiện một phần các điều khoản liên quan của Công ước TTKB. TTKB được hình sự hóa theo Điều 300 của Bộ luật Hình sự. Như đã phân tích chi tiết theo Khuyến nghị số 5, TTKB không bị hình sự hóa hoàn toàn trên cơ sở Công ước TTKB. Có những thiếu hụt về tính răn đe của các biện pháp xử phạt, đặc biệt là trong trường hợp pháp nhân, cũng như các biện pháp phòng ngừa TTKB, chuyển tiền mặt, giám sát và hợp tác quốc tế.

603. Thực hiện Công ước Merida: Để tuân thủ Công ước Merida, Việt Nam ban hành Luật Phòng, Chống tham nhũng năm 2018. Việt Nam đã thực hiện phần lớn các nghĩa vụ theo Công ước; Tuy nhiên, có những thiếu hụt nhỏ liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân, phong tỏa, tạm giữ và tịch thu (như thảo luận theo Khuyến nghị số 4), cũng như MLA và các hình thức hợp tác quốc tế khác (như thảo luận tại Khuyến nghị số 37-38, và Khuyến nghị số 40).

604. Thực hiện Công ước Viên: Việt Nam đã thực hiện phần lớn các điều khoản có liên quan của Công ước Viên thông qua Luật phòng chống ma túy năm 2000, Luật phòng chống ma túy 2013, Luật Tương trợ Tư pháp 2007, Bộ luật hình sự 2015, Bộ luật tố tụng hình sự 2015, và thông qua các hiệp ước song phương và đa phương. Có những thiếu hụt nhỏ trong việc triển khai các điều khoản của Việt Nam về các vi phạm liên quan đến vi phạm RT (như thảo luận tại Khuyến nghị số 3), MLA (như thảo luận tại mục 37-38) và tịch thu (như thảo luận tại Khuyến nghị số 4).

605. Thực hiện Công ước Palermo: Việt Nam đã thực hiện phần lớn các điều khoản có liên quan của Công ước Palermo thông qua Luật PCRT 2012, Luật Tương trợ Tư pháp 2007, Bộ luật hình sự 2015, Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và thông qua các hiệp ước song phương và đa phương. Tuy nhiên, có những thiếu sót nhỏ trong việc thực hiện

liên quan đến hành vi phạm tội RT (như thảo luận tại Khuyến nghị số 3), trách nhiệm hình sự của pháp nhân, vận chuyển tiền mặt xuyên biên giới và BNIs (như thảo luận tại Khuyến nghị số 32), cũng như như tịch thu và MLA (như được thảo luận tại Khuyến nghị số 4 và 37-38). Việc triển khai các điều khoản liên quan đến các biện pháp tăng cường hợp tác và phòng ngừa còn hạn chế.

Trọng số và Kết luận

606. Trong khi Việt Nam là thành viên của cả bốn Công ước, có một vài thiếu sót nhỏ liên quan đến việc thực hiện các điều khoản liên quan của tất cả các Công ước. **Khuyến nghị 36 được đánh giá tuân thủ phần lớn.**

Khuyến nghị 37 – Tương trợ tư pháp

607. Báo cáo ĐGĐP 2009 đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần và không tuân thủ các yêu cầu này. Có những thiếu hụt đối với các yêu cầu bắt buộc do khó khăn về tội phạm kép đối với Việt Nam trong việc cung cấp MLA liên quan đến TTKB. Kể từ thời điểm đó, Việt Nam đã thông qua Bộ luật Tố tụng Hình sự mới năm 2015, trong đó bao gồm các điều khoản MLA có liên quan.

608. Tiêu chí 37.1 - Điều 491 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Luật Tương trợ Tư pháp 2007, các công ước quốc tế và các điều ước MLA song phương và đa phương mà Việt Nam là một bên là cơ sở pháp lý để Việt Nam thực hiện một loạt các tương trợ tư pháp trong tất cả các vấn đề hình sự. Việt Nam là một bên tham gia 19 hiệp ước MLA song phương và hiệp ước ASEAN MLA đa phương. Theo Điều 4 của Luật Tương trợ Tư pháp 2007, Việt Nam có thể cung cấp trợ giúp pháp lý cho một nước khác chưa ký kết hiệp ước với Việt Nam trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại, với điều kiện là không trái với luật pháp Việt Nam và tuân thủ luật pháp và thông lệ quốc tế. Trong khi Hiệp ước MLA ASEAN và các hiệp ước MLA song phương yêu cầu hỗ trợ "ngay lập tức", thì không có nghĩa vụ nào trong luật pháp phải cung cấp hỗ trợ "nhanh chóng".

609. Tiêu chí 37.2 - Theo Điều 439, Khoản 2 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao được chỉ định là cơ quan trung ương tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự. Điều 23 của Luật Tương trợ Tư pháp cung cấp một quy trình cơ bản để nhận và xử lý (các) yêu cầu từ nước ngoài. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao gần đây đã ban hành một quy trình ưu tiên và thực hiện MLA. Tuy nhiên, quy trình này không toàn diện vì nó chỉ tập trung vào việc giảm thời gian xử lý trong các trường hợp cụ thể. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao duy trì một hệ thống quản lý vụ việc, được thực hiện bằng giấy tờ và điện tử.

610. Tiêu chí 37.3 - Các căn cứ để từ chối các yêu cầu được nêu trong Điều 21 của Luật Tương trợ Tư pháp 2007, bao gồm: (1) không tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là một bên ký kết hoặc theo luật pháp Việt Nam; (2) chủ quyền hoặc an ninh quốc gia; (3) kiểm tra trách nhiệm hình sự của một người đối với hành vi phạm tội của anh ta / cô ta mà anh ta / cô ta đã bị kết án, tuyên bố vô tội hoặc được ân xá chung hoặc đặc biệt tại Việt Nam; (4) hết thời hiệu của các hành vi tội phạm; và (5) tội phạm kép, không có tội phạm nào quá hạn chế hoặc không hợp lý.

611. Tiêu chí 37.4 - Điều 21 của Luật Tương trợ tư pháp 2007 đưa ra năm căn cứ để từ chối các yêu cầu, như quy định ở trên. Không căn cứ nào trong số này liên quan đến yêu cầu liên quan đến vấn đề tài chính hoặc yêu cầu bảo mật / bí mật. Hiệp ước MLA ASEAN và các hiệp ước MLA song phương hạn chế giữa Việt Nam và các nước khác, bao gồm Indonesia và Pháp, quy định rõ ràng rằng các yêu cầu sẽ không bị từ chối chỉ với lý do bí mật của các ngân hàng và các tổ chức tài chính tương tự khác hoặc hành vi phạm tội được coi là liên quan đến các vấn đề tài chính.

612. Tiêu chí 37.5 - Theo Điều 27 của Luật Tương trợ Tư pháp 2007, Việt Nam yêu cầu nước ngoài phải tuân thủ nghĩa vụ bảo mật; Việt Nam yêu cầu nước ngoài tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin; tuy nhiên nghĩa vụ này không áp dụng đối với các công chức Việt Nam từ các cơ quan thực thi pháp luật đến các cơ quan khác liên quan đến MLA. Tuy nhiên, khi có các hiệp ước, điều khoản bảo mật luôn được kết hợp áp dụng cho tất cả các bên.

613. Tiêu chí 37.6 - Luật Tương trợ Tư pháp 2007 yêu cầu tội phạm kép khi xem xét yêu cầu MLA trừ khi có hiệp ước MLA giữa các quốc gia quy định khác. Yêu cầu này áp dụng cho dù hành động cưỡng chế có liên quan được yêu cầu hay không.

614. Tiêu chí 37.7 - Trong trường hợp dẫn độ, Luật Tương trợ Tư pháp 2007 (Điều 33) nêu rõ rằng các hành vi phạm tội của một người không nhất thiết phải thuộc cùng một loại tội phạm hoặc cùng một tội phạm theo luật pháp Việt Nam và các quốc gia yêu cầu để thỏa mãn yêu cầu tội phạm kép; Luật lại không có quy định về tội phạm kép trong các vấn đề MLA. Mặc dù trong thực tế, Việt Nam áp dụng cách tiếp cận tương tự với MLA và không từ chối các yêu cầu trên cơ sở thiếu tội phạm kép, nhưng điều này không được nêu rõ trong luật.

615. Tiêu chí 37.8 - Luật Tương trợ Tư pháp 2007, đặc biệt là Điều 29, quy định rằng việc điều tra, truy tố và xét xử áp dụng đối với các trường hợp MLA phải được thực hiện theo Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015. Quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền được thảo luận thêm tại Khuyến nghị số 31. Có một số thiếu hụt về việc tuân thủ Khuyến nghị số 31 có tác động đến tiêu chí này, bao gồm việc không có quyền hạn để thực hiện các hoạt động bí mật và chuyển giao có kiểm soát, có nghĩa là các kỹ thuật điều tra này không có sẵn để đáp ứng các yêu cầu MLA.

Trọng số và Kết luận

616. Khung pháp lý Việt Nam cho phép cung cấp một loạt các MLA và không áp đặt bất kỳ điều kiện hạn chế quá mức nào. Vẫn tồn tại thiếu sót nhỏ liên quan đến yêu cầu tội phạm kép và thiếu nghĩa vụ bảo mật đối với công chức Việt Nam trong pháp luật**.**

Khuyến nghị 37 được đánh giá là tuân thủ phần lớn.

Khuyến nghị 38 – Tương trợ tư pháp: phong tỏa và tịch thu

617. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu này. Có một số thiếu sót liên quan đến các quy định để cung cấp hỗ trợ hiệu quả và kịp thời để xác định, phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tiền thu được từ phạm tội. Kể từ thời điểm đó, Việt Nam đã thông qua Bộ luật Tố tụng hình sự mới 2015, bao gồm các quy định MLA có liên quan.

618. Tiêu chí 38.1 - Luật Tương trợ tư pháp 2007 không quy định thẩm quyền cụ thể cho việc phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tài sản để đáp ứng các yêu cầu MLA. Tuy nhiên, Điều 507 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài để truy vết, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu và xử lý các tài sản có nguồn gốc từ tội phạm để hỗ trợ điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Luật Phòng, Chống tham nhũng 2018 quy định về sự hợp tác như vậy với các cơ quan nước ngoài trong việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, tịch thu hoặc tước đoạt tài sản bất hợp pháp (Điều 91). Hiệp ước MLA ASEAN và các hiệp ước MLA song phương giữa Việt Nam và nước ngoài cho phép truy tìm, phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tiền thu được và các công cụ phạm tội. Các hiệp ước này yêu cầu các bên thực hiện các yêu cầu kịp thời theo luật pháp của quốc gia đó.

619. Tiêu chí 38.2 - Điều 507, khoản 2 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định rằng việc xử lý tài sản theo yêu cầu MLA phải tuân thủ luật pháp Việt Nam. Theo luật pháp Việt

Nam, tịch thu dựa trên kết án. Như vậy, Việt Nam không thể thực hiện các lệnh tịch thu không trên cơ sở kết án nhưng có thể cung cấp các hình thức hỗ trợ khác trong các trường hợp như vậy, ví dụ: truy tìm tài sản, dịch vụ tài liệu, vv.

Tiêu chí 38.3

620. 38.3 (a) Điều 507 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định các cơ quan chức năng của Việt Nam sẽ hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài trong việc tạm giữ và tịch thu tài sản có được thông qua phạm tội và các tài sản đó sẽ được xử lý theo thỏa thuận quốc tế và luật pháp trong nước, đặc biệt là Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Điều 508 cũng quy định về các cuộc điều tra và các thủ tục tố tụng đặc biệt được phối hợp với các đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, không có bằng chứng được cung cấp về sự sắp xếp cụ thể để phối hợp hành động tạm giữ hoặc tịch thu như vậy.

621. 38.3 (b) Việt Nam đã không cung cấp bất kỳ bằng chứng nào về cơ chế quản lý và khi cần xử lý, tài sản bị phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu để đáp ứng các yêu cầu MLA. Việt Nam có một số cơ chế quản lý tài sản cơ bản trong Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, như chi tiết tại Khuyến nghị số 4. Tuy nhiên, những điều này không tạo thành một khung quản lý tài sản toàn diện và mức độ mà các điều khoản này áp dụng trong bối cảnh MLA là không rõ ràng.

622. Tiêu chí 38.4 - Theo Điều 507 Khoản 3, tài sản có được thông qua phạm tội ở Việt Nam sẽ được xử lý theo thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã ký hoặc trên cơ sở từng trường hợp giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Hơn nữa, theo Điều 91 của Luật Phòng, Chống tham nhũng 2018, các cơ quan Việt Nam sẽ hợp tác với cơ quan nước ngoài trong việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, tịch thu hoặc tước đoạt tài sản bất hợp pháp và trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp của họ. Tuy nhiên, không rõ liệu có một quy trình thủ tục nào để các tài sản bất hợp pháp này được trả lại cho những chủ sở hữu hoặc quản lý hợp pháp hay không, và liệu các cụm từ "chủ sở hữu" hoặc "người quản lý" có bao gồm các cơ quan nhà nước nước ngoài hay không. Hiệp ước MLA ASEAN và Hiệp ước MLA song phương của Việt Nam có các điều khoản liên quan đến việc trả lại hoặc chia sẻ tài sản bị tịch thu với quốc gia yêu cầu khi có phán quyết cuối cùng.

Trọng số và Kết luận

623. Việt Nam có thẩm quyền pháp lý theo Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Luật Chống tham nhũng 2018 và các hiệp ước MLA để xác định, phong tỏa, tạm giữ và tịch thu tài sản có được thông qua phạm tội theo yêu cầu MLA. Việt Nam không thể thực hiện các lệnh tịch thu không thông qua kết án và có những thiếu sót ở mức trung bình khác liên quan đến việc phối hợp tạm giữ tài sản và hành động tịch thu, quản lý tài sản và chia sẻ tài sản bị tịch thu.

Khuyến nghị 38 được đánh giá là tuân thủ một phần.

Khuyến nghị 39 – Dẫn độ

624. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần với các yêu cầu này. Việt Nam không dẫn độ công dân của mình, không có bất kỳ thủ tục tiêu chuẩn nào để hợp tác với chính quyền nước ngoài để dẫn độ người Việt Nam và không có số liệu thống kê chi tiết để chứng minh việc thực thi hiệu quả các thỏa thuận dẫn độ song phương. Việt Nam đã thể hiện sự bảo lưu hoặc đưa ra các thông báo liên quan đến các điều khoản dẫn độ có trong các công ước quốc tế khác nhau, bao gồm các Công ước Vienna, Merida và Palermo.

Tiêu chí 39.1

625. 39.1 (a): Theo Luật Tương trợ Tư pháp 2007, một người có thể bị dẫn độ nếu họ có hành vi phạm tội mà Bộ luật Hình sự 2015 hoặc luật hình sự của quốc gia yêu cầu quy định hình thức xử phạt tù từ 1 năm trở lên, tù chung thân hoặc án tử hình. Về vấn đề này, RT và TTKB, cả hai đều có hình thức xử phạt tù có thời hạn từ một năm trở lên, là các tội phạm có thể dẫn độ.

626. 39.1 (b): Theo Điều 493, Khoản 1 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Bộ Công an được quy định là cơ quan trung ương trong trường hợp dẫn độ. Điều 38-40 của Luật Tương trợ Tư pháp 2007 đã đề ra quy trình tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu dẫn độ. Dựa theo quy trình này, các yêu cầu dường như sẽ được xử lý kịp thời.

627. Bộ Công an gần đây đã ban hành quy trình ưu tiên và thực hiện các yêu cầu dẫn độ. Theo thủ tục, việc ưu tiên được đưa ra cho trường hợp đáp ứng bất kỳ điều kiện nào sau đây: (1) người bị dẫn độ là người từ một quốc gia có hiệp ước dẫn độ với Việt Nam; (2) người bị dẫn độ có khả năng chạy trốn sang nước thứ ba; (3) yêu cầu liên quan đến các tội phạm khủng bố, RT, TTKB, ma túy, buôn người, tham nhũng, chiếm đoạt tài sản và lừa đảo; hoặc (4) yêu cầu liên quan đến Trung Quốc, CHDCND Lào, Campuchia, Nga, Úc, Mỹ, Anh và Cộng hòa Séc. Các quốc gia này được chọn là quốc gia ưu tiên vì họ có chung biên giới đất liền với Việt Nam hoặc vì họ có cộng đồng người Việt xa xứ lớn.

628. Bộ Công an chịu trách nhiệm theo dõi và quản lý các yêu cầu dẫn độ. Bộ Công an duy trì một hệ thống quản lý vụ việc, được thực hiện bằng cả giấy tờ và điện tử.

629. 39.1 (c): Ngoại trừ lý do là công dân Việt Nam (được thảo luận chi tiết dưới đây), các căn cứ khác để từ chối dẫn độ được nêu trong Điều 35 của Luật Tương trợ Tư pháp 2007 không phải là vô lý hoặc hạn chế quá mức.

630. Tiêu chí 39.2 Theo Điều 17 của Hiến pháp, công dân Việt Nam không thể bị trục xuất và giao cho một quốc gia khác. Tương tự, theo Điều 35 của Luật Tương trợ Tư pháp 2007, Việt Nam có thể từ chối yêu cầu dẫn độ nếu người được yêu cầu dẫn độ là công dân Việt Nam. Tuy nhiên, nếu dẫn độ bị từ chối trên cơ sở này, Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 (Điều 498-501) đưa ra một quy trình chi tiết để đệ trình vụ án cho cơ quan có thẩm quyền để truy tố.

631. Theo Điều 499 của Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, trong vòng 10 ngày kể từ ngày từ chối yêu cầu của nước ngoài về dẫn độ công dân Việt Nam, tòa án có thẩm quyền đã quyết định từ chối dẫn độ sẽ chuyển tài liệu từ nước ngoài sang Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét truy tố hình sự theo pháp luật. Các cơ quan có thẩm quyền cũng có thể yêu cầu đối tác nước ngoài cung cấp và bổ sung bằng chứng, tài liệu và vật phẩm để đảm bảo sự biện minh và tính hợp pháp của các hoạt động điều tra, truy tố và xét xử.

632. Tiêu chí 39.3 - Mặc dù tội phạm kép là một yêu cầu trong trường hợp dẫn độ, Điều 33, Khoản 2 của Luật Tương trợ Tư pháp 2007 quy định rằng yêu cầu này được thỏa mãn bất kể cả hai quốc gia có đặt hành vi phạm tội trong cùng một loại tội phạm hay bằng cách cho phạm tội có cùng thuật ngữ.

633. Tiêu chí 39.4 - Mặc dù Luật Tương trợ Tư pháp 2007 không có các thủ tục dẫn độ đơn giản hóa, 7 trong số 8 thỏa thuận song phương về dẫn độ cung cấp một thủ tục dẫn độ đơn giản hóa trong đó đồng ý người bị truy tìm bị dẫn độ.

Trọng số và Kết luận

634. Việt Nam có khung pháp lý mạnh mẽ để dẫn độ, bao gồm cả luật pháp trong nước và các hiệp ước song phương. Tuy nhiên, những thiếu sót nhỏ vẫn còn do Việt Nam có thể từ chối các yêu cầu liên quan đến công dân Việt Nam, mặc dù trong những trường hợp này, các yêu cầu này có thể được giải quyết trong nước.

Khuyến nghị 39 được đánh giá là tuân thủ phần lớn.

Khuyến nghị 40 – Các hình thức hợp tác quốc tế khác

635. Báo cáo ĐGĐP 2009 đã đánh giá Việt Nam tuân thủ một phần và không tuân thủ các yêu cầu này. Đơn vị tình báo tài chính không thể trực tiếp trao đổi thông tin với các Đơn vị tình báo tài chính đối tác, thiếu quy trình chuẩn đối với trao đổi thông tin và không có cơ sở pháp lý để cho phép Việt Nam trao đổi thông tin với các nước khác về TTKB.

Cácnguyên tắcchung

636. Tiêu chí 40.1 - Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thẩm quyền hợp tác quốc tế với các đối tác nước ngoài theo các luật quy định vai trò và chức năng tương ứng của họ và theo các luật đặc biệt liên quan đến các lĩnh vực cụ thể. Các quy định chung trong các luật này cung cấp cơ sở pháp lý cho các cơ quan có thẩm quyền tham gia MOU và các thỏa thuận và đưa ra sự hợp tác. Các cơ quan được coi là cơ quan có thẩm quyền là Cục PCRT, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tài chính, Tòa án Nhân dân tối cao, Bộ Xây dựng, Bộ Quốc phòng, BộCông an, Hải quan (một bộ phận của Bộ Tài chính), Biên phòng, Cảnh sát biển và INV.

637. Chương IV của Luật PCRT 2012 cung cấp cơ sở pháp lý cho các cơ quan chức năng của Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tư pháp, Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân tối cao hợp tác quốc tế về RT. Chương VI của Luật phòng, chống khủng bố 2013 cung cấp cơ sở pháp lý cho các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, đứng đầu là Bộ Công an, thực hiện hợp tác quốc tế để ngăn chặn và chống khủng bố, bao gồm TTKB. Mặc dù các luật này không quy định rõ việc trao đổi thông tin chủ động, cơ quan có thẩm quyền không bị giới hạn tới việc cung cấp hợp tác theo yêu cầu.

638. Việt Nam là thành viên của 22 điều ước quốc tế đa phương liên quan và có thể cung cấp hợp tác quốc tế theo các điều ước đó cũng như trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại. Ngoài ra, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã ký kết MOU song phương và đa phương với các đối tác nước ngoài và cũng có thể hợp tác quốc tế nhờ tư cách thành viên của họ trong một số tổ chức quốc tế bao gồm INTERPOL, ASEANAPOL, IOSCO và Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO).

639. Trong khi các luật của Việt Nam không đề cập đến thời gian hợp tác quốc tế, nhiều MOU của Việt Nam yêu cầu hợp tác kịp thời hoặc có biện pháp cho phép trao đổi thông tin nhanh (ví dụ: qua điện thoại, email hoặc fax) trong các trường hợp khẩn cấp. Trên thực tế, Việt Nam đã chứng minh rằng thông tin có thể được trao đổi nhanh chóng trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, đặc biệt là sử dụng đường dây nóng điện thoại.

Tiêu chí 40.2

640. 40.2 (a): Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có cơ sở hợp pháp để cung cấp hợp tác, như được nêu tại tiêu chí 40.1.

641. 40.2 (b): Luật pháp Việt Nam cho phép tất cả các cơ quan có thẩm quyền hợp tác trên cơ sở thỏa thuận quốc tế hoặc nguyên tắc có đi có lại. Như vậy, không có yêu cầu phải tham gia vào một thỏa thuận để cung cấp hợp tác và không có hạn chế nào khác đối với các cơ quan có thẩm quyền sử dụng các phương tiện hiệu quả nhất để hợp tác. Cụ thể, đối với RT, Nghị định số 116/2013 cho phép trao đổi thông tin bằng văn bản, qua email, fax hoặc các phương tiện điện tử khác bởi Ngân hàng Nhà nước, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp/ Viện kiểm sát nhân dân tối cao/Tòa án nhân dân tối cao, là những cơ quan được giao trách nhiệm cụ thể trong lĩnh vực hợp tác quốc tế nhưng các cơ quan chính phủ khác (tất cả các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 2 Luật Phòng, chống rửa tiền) cũng

được ủy quyền hợp tác nhưng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Điều 27, Khoản 5, Nghị định số 116/2013).

642. 40.2 (c): Trong khi các cơ quan thực thi pháp luật có các cơ chế và kênh an toàn, Đơn vị tình báo tài chính thiếu các cổng an toàn để trao đổi thông tin. Việt Nam không phải là thành viên của Egmont, điều đó có nghĩa là Cục PCRT không thể sử dụng Egmont Secure Web. Để đảm bảo an toàn cho việc trao đổi thông tin, Cục trưởng Cục PCRT đã ban hành Quyết định số 68/2019 về quy trình xử lý các yêu cầu quốc tế về thông tin PCRT/TTKB. Theo Quyết định này, Cục PCRT chuyển thông tin qua thư đã đăng ký (được ký và đóng dấu theo chế độ bảo mật), email/fax cho phép mã hóa hoặc trong phong bì dán kín thông qua các kênh ngoại giao. Bộ Công an sử dụng hệ thống I24/7 của INTERPOL để chuyển và thực hiện các yêu cầu. Không rõ các cơ quan có thẩm quyền khác sử dụng cổng hoặc cơ chế gì.

643. 40.2 (d): Việc xử lý các yêu cầu hợp tác quốc tế của Cục PCRT được quy định nội bộ bởi một quy trình rõ ràng nhằm ưu tiên và thực hiện kịp thời các yêu cầu hợp tác quốc tế (Quyết định số 68/2019). Bộ Công an đã thực hiện các biện pháp nghiệp vụ như đường dây nóng trực tiếp để đảm bảo thực hiện kịp thời các yêu cầu quốc tế đặc biệt liên quan đến khủng bố và các vụ án ma túy. Việt Nam đã không cung cấp bất kỳ bằng chứng nào về các quy trình ưu tiên và thực hiện kịp thời các yêu cầu quốc tế cho các cơ quan có thẩm quyền khác.

644. 40.2 (e): Việt Nam có quy trình rõ ràng và các biện pháp kiểm soát theo luật định để bảo vệ thông tin nhận được. Nhiều MOU song phương và đa phương của Việt Nam có các điều khoản bảo mật. Ngoài ra còn có một quy định bảo mật thông tin chung trong Luật PCRT 2012 (Điều 45) yêu cầu tất cả các cơ quan có thẩm quyền thực hiện bảo mật thông tin theo luật và với việc "các cơ quan chính phủ khác" được đề cập trong tất cả các quy định, không có cơ quan nào được ngoại lệ. Pháp lệnh số 30/2000 về bảo vệ bí mật nhà nước năm 2000 cũng áp dụng để bảo vệ thông tin nhận được thông qua các yêu cầu hợp tác quốc tế. Chương III Luật PCRT quy định cụ thể các cơ quan nhà nước có trách nhiệm theo pháp luật, bao gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - được ủy quyền cụ thể thực hiện hợp tác quốc tế và là đầu mối cho các hoạt động hợp tác quốc tế PCRT của Việt Nam; Bộ Công an - được ủy quyền cụ thể để thực hiện hợp tác quốc tế; Bộ Tài chính (bao gồm cả Hải quan); Bộ xây dựng; Bộ Tư pháp; Viện kiểm sát nhân dân tối cao/ Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban Nhân dân. Quy định bảo mật thông tin tại Điều 45 áp dụng cho tất cả các cơ quan có thẩm quyền này.

645. Tiêu chí 40.3 - Luật pháp Việt Nam cho phép các cơ quan có thẩm quyền hợp tác quốc tế trên cơ sở các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại. Như vậy, các thỏa thuận song phương hoặc đa phương là không cần thiết để hợp tác.

646. Tiêu chí 40.4 – Cục PCRT đã cung cấp phản hồi một lần tới Malaysia liên quan đến việc sử dụng thông tin nhận được từ họ. Việt Nam đã không thể hiện được các cơ quan có thẩm quyền khác cung cấp phản hồi cho các đối tác nước ngoài về việc sử dụng và tính hữu ích của thông tin nhận được theo yêu cầu hợp tác quốc tế.

647. Tiêu chí 40.5 - Việt Nam không cấm, hoặc đặt ra các điều kiện không hợp lý hoặc hạn chế quá mức đối với việc cung cấp trao đổi thông tin hoặc hỗ trợ. Có một số hạn chế trong các luật của Việt Nam đối với cung cấp hợp tác quốc tế, ví dụ, các yêu cầu có thể bị từ chối trên cơ sở chủ quyền quốc gia, an ninh hoặc các lợi ích quan trọng khác của Việt Nam; hoặc vì chúng không phù hợp với luật pháp Việt Nam hoặc các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên (Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Điều 294; Luật PCRT, Điều 46 và 48; Luật Chống khủng bố 2013, Điều 36; Nghị định số 116/2013). Những điều kiện này không phải là không hợp lý hoặc hạn chế quá mức.

648. 40.5 (a), (c) và (d): Không có điều khoản nào trong luật pháp Việt Nam cho phép cụ thể hoặc đòi hỏi các yêu cầu hợp tác quốc tế có thể bị từ chối với lý do được nêu trong Tiêu chí phụ 40.5 (a), (c) và (d).

649. 40.5 (b): Yêu cầu hợp tác quốc tế có thể bị từ chối trên cơ sở chúng không phù hợp với luật pháp Việt Nam. Trong khi có các quy định trong luật pháp Việt Nam yêu cầu các tổ chức tín dụng phải giữ bí mật, Điều 28 của Luật PCRT yêu cầu các tổ chức báo cáo cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo yêu cầu và quy định rằng điều này sẽ không bị coi là vi phạm các quy định của pháp luật về bảo mật tiền gửi, tài sản, thông tin tài khoản và giao dịch của khách hàng. Do đó, các yêu cầu hợp tác quốc tế về PCRT/TTKB không bị từ chối trên cơ sở chúng không phù hợp với luật pháp yêu cầu TCTC phải duy trì bảo mật.

650. Tiêu chí 40.6 - Có những điều khoản trong hầu hết các MOU quốc tế của Việt Nam (Bao gồm cả MOUs của Cục PCRT và Hải quan) yêu cầu thông tin được trao đổi bởi các cơ quan có thẩm quyền chỉ được sử dụng đúng mục đích và bởi các cơ quan chức năng, cho những thông tin được tìm kiếm hoặc cung cấp, trừ khi cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu trước. Tuy nhiên, không có yêu cầu nào như vậy được áp dụng khi (1) Việc hợp tác không theo MOU, (2) nó đi ngược lại lợi ích hoặc an ninh quốc gia của Việt Nam (Điều 27, 4, a, Nghị định 116/2013) và (3) nó liên quan đến một cuộc điều tra đang được tiến hành hoặc nên được thực hiện theo các giao thức hỗ trợ chính thức.

651. Tiêu chí 40.7 - Có những điều khoản trong hầu hết các MOU quốc tế của Việt Nam (Bao gồm cả MOUs của Cục PCRT và Hải quan) yêu cầu thông tin trao đổi phải được giữ bí mật. Việt Nam cũng có khung pháp lý để bảo vệ bí mật nhà nước. Không có quy định cụ thể nào trong luật hoặc MOU cho phép cho các cơ quan có thẩm quyền từ chối cung cấp thông tin nếu cơ quan có thẩm quyền yêu không thể bảo vệ thông tin một cách hiệu quả. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền có thể làm như vậy trên cơ sở trái với lợi ích quốc gia Việt Nam. Thông tin nhận được từ đối tác nước ngoài được phân loại và xử lý bảo mật như dữ liệu và thông tin nhận được từ các nguồn trong nước.

652. Tiêu chí 40.8 - Các luật đặc biệt của Việt Nam, bao gồm Luật PCRT, Luật Chống khủng bố 2013, Luật Chứng khoán 2006… cho phép hợp tác quốc tế rộng rãi. Tuy nhiên, các luật này không cho phép một cách cụ thể việc thực hiện các yêu cầu thay mặt cho các đối tác nước ngoài. Trái lại, Nghị định số 116/2013 (Điều 27) có quy định rộng, không có hạn chế nào trong luật về loại thông tin có thể trao đổi. Điều 27 của Nghị định số 116/2013 quy định các loại thông tin liên quan đến RT có thể trao đổi mặc dù quy định này được liệt kê rộng và bao gồm tất cả các loại thông tin cần thiết.

Trao đổi thông tin giữa các Đơn vị tình báo tài chính

653. Tiêu chí 40.9 Luật PCRT 2012 (Điều 37 và Chương IV) và Nghị định số 116/2013 (Chương IV) tạo cơ sở pháp lý cho Ngân hàng Nhà nước hợp tác quốc tế liên quan đến việc phòng ngừa RT. Ngân hàng Nhà nước không có cơ sở pháp lý rõ ràng để hợp tác quốc tế đối với TTKB. Tuy nhiên, theo Điều 37 của Luật chống khủng bố 2013, cơ quan này có thể phối hợp với Bộ Công an để hợp tác quốc tế. Cũng không có cơ sở pháp lý rõ ràng nào để Ngân hàng Nhà nước hợp tác quốc tế liên quan đến các tội phạm nguồn.

654. Ngân hàng Nhà nước, thay mặt cho Cục PCRT, đã ký 09 Biên bản ghi nhớ về việc trao đổi thông tin liên quan đến PCRT/TTKB với các đối tác là Đơn vị tình báo tài chính. Theo Quyết định số 2393/ QĐ-NHNN gần đây, Cục PCRT có thể ký Biên bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài với sự ủy quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước đã ký kết các MOU trước đây. Mặc dù không rõ ràng trong Luật PCRT hoặc Nghị định số 116/2013 rằng Cục PCRT có thể thực hiện hợp tác quốc tế trên cơ sở nguyên tắc có

đi có lại, Quyết định số 68/2019của PCRT công nhận rằng Cục PCRT có thể trao đổi thông tin với đối tác nước ngoài không có MOU với Việt Nam và Cục PCRT đã làm như vậy trong thực tế.

655. Tiêu chí 40.10 - Trong giai đoạn 2014-2019, Cục PCRT chỉ cung cấp phản hồi một lần cho Đơn vị tình báo tài chính Malaysia liên quan đến việc sử dụng và tính hữu ích của thông tin tình báo nhận được. Cung cấp phản hồi cho Đơn vị tình báo tài chính Malaysia là trên cơ sở yêu cầu chứ không phải trên cơ sở tự phát.

656. Tiêu chí 40.11 - Điều 27 của Nghị định số 116/2013 cho phép Cục PCRT trao đổi nhiều thông tin. Tuy nhiên, các thiếu sót được nêu trong Khuyến nghị 29 có tác động đến việc tuân thủ tiêu chí này, đặc biệt là đối với các STR liên quan đến TTKB.

Trao đổi thông tin giữa các cơ quan thanh tra, giám sát tài chính

657. Tiêu chí 40.12 - Cục PCRT được trao quyền để hợp tác quốc tế về RT với tư cách là cơ quan giám sát về PCRT/TTKB cũng như Đơn vị tình báo tài chính (Luật PCRT 2012 (Điều 37 và Chương IV) và Nghị định số 116/2013 (Chương IV)). Cục PCRT được trao quyền để thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng và cho phép họ trao đổi thông tin và phối hợp với các cơ quan giám sát và thanh tra ngân hàng nước ngoài (Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ký 27 MOU với các đối tác nước ngoài để trao đổi thông tin về giám sát ngân hàng. Ngoài MOU với Văn phòng cơ quan kiểm soát tiền tệ và Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Hoa Kỳ, không có MOU nào trong số các MOU này có các điều khoản liên quan đến giám sát PCRT/TTKB cụ thể.

658. Các Bộ chịu trách nhiệm về thanh tra PCRT/TTKB (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng) được giao quyền thực hiện hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (Nghị định số 86/2011 hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra 2010 (Điều 58-59)). Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm chủ trì các nghĩa vụ PCRT của các đối tượng báo cáo cung cấp dịch vụ công chứng, dịch vụ kế toán, dịch vụ pháp lý và nhà cung cấp dịch vụ pháp lý (Điều 41, Luật PCRT), mặc dù không đề cập cụ thể việc tiến hành thanh tra.

659. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được trao quyền thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (Điều 8 của Luật Chứng khoán 2006). Bộ Tài chính là thành viên của ba MOU đa phương, bao gồm IOSCO, và có MOU song phương với Campuchia trong lĩnh vực chứng khoán. Các MOU này cho phép trao đổi thông tin về quy định và giám sát liên quan đến thị trường chứng khoán và không bao gồm rõ ràng các điều khoản liên quan đến PCRT/TTKB.

660. Bộ Tài chính được trao quyền để hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm (Điều 5 của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2000). Bộ Tài chính có MOU song phương với Hàn Quốc và đã trao đổi thư hợp tác với Đài Bắc và Nhật Bản để hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm. Các văn bản này không có các quy định rõ ràng liên quan đến giám sát PCRT/TTKB.

661. Tiêu chí 40.13 - Các luật liên quan của Việt Nam như được trích dẫn tại Tiêu chí 40.12 ở trên cho phép hợp tác quốc tế rộng rãi nhưng không mở rộng quyền rõ ràng để trao đổi thông tin sẵn có trong nước, bao gồm cả thông tin do TCTC nắm giữ. Tuy nhiên, cũng không có giới hạn về các loại thông tin có thể được trao đổi.

662. Tiêu chí 40.14 - Luật pháp Việt Nam có liên quan như được trích dẫn trong tiêu chí 40.12 ở trên cho phép hợp tác quốc tế rộng rãi và không hạn chế các loại thông tin có thể trao đổi. Các MOU giám sát của Ngân hàng Nhà nước cho phép trao đổi thông tin về quy định và an toàn trong ngân hàng. Không có quyền rõ ràng để trao đổi thông tin do các tổ chức tài chính nắm giữ. Tuy nhiên, cũng không có giới hạn về các loại thông tin có

thể được trao đổi. Chỉ có MOU với Văn phòng cơ quan kiểm soát tiền tệ và Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Hoa Kỳ cho phép rõ ràng việc trao đổi thông tin liên quan đến PCRT/TTKB. Các MOU chứng khoán cho phép tương tự việc trao đổi thông tin về quy định và an toàn nhưng không cung cấp rõ ràng việc trao đổi thông tin liên quan đến PCRT/TTKB. Không có bằng chứng về các thỏa thuận quốc tế khác được cung cấp.

663. Tiêu chí 40.15 - Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền trao đổi thông tin và phối hợp với các cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng nước ngoài có thẩm quyền trong việc thanh tra, giám sát các đơn vị nước ngoài chịu sự thanh tra, giám sát ngân hàng hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và các đối tượng Việt Nam chịu sự thanh tra và giám sát ngân hàng hoạt động ở nước ngoài (Điều 61 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2010). Ngoài ra, một số MOU của Ngân hàng Nhà nước quy định các đối tác nước ngoài thực hiện các yêu cầu tại Việt Nam với một số điều kiện nhất định và Ngân hàng Nhà nước thực hiện các yêu cầu thay mặt họ. Nghị định 86/2011 quy định thẩm quyền rộng rãi cho các cơ quan có trách nhiệm thanh tra (bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng đối với các cuộc thanh tra PCRT/TTKB) thực hiện hợp tác quốc tế về công tác thanh tra nhằm cho phép hoặc tạo điều kiện cho các đối tác nước ngoài có thể tự tiến hành các cuộc điều tra trong nước, nhằm tạo điều kiện cho việc giám sát nhóm có hiệu quả.

664. Tiêu chí 40.16 - Không có yêu cầu pháp lý nào về việc cơ quan giám sát tài chính phải có được sự cho phép trước của cơ quan giám sát tài chính được yêu cầu để phổ biến thông tin trao đổi hoặc sử dụng thông tin đó cho mục đích giám sát và không giám sát. Các MOU của Ngân hàng Nhà nước có các điều khoản yêu cầu phê duyệt trước đối với việc chuyển và tiết lộ thông tin trao đổi. IOSCO MOU cũng yêu cầu cho phép trước đối với việc thông tin được trao đổi sẽ được sử dụng cho mục đích khác với những mục đích được nêu trong yêu cầu. Không rõ liệu các thỏa thuận quốc tế khác có yêu cầu này hay không.

Trao đổi thông tin giữa các cơ quan thực thi pháp luật

665. Tiêu chí 40.17 – Bộ Công an chịu trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế về phòng, chống RT trong thẩm quyền của mình (Điều 38, Luật PCRT). Mặc dù Điều 48 (Luật PCRT) giới hạn nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Công an trong việc thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về trợ giúp pháp lý trong phòng chống RT, Bộ Công an có thẩm quyền riêng và rộng hơn để hợp tác với các đối tác quốc tế theo Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (Điều 38). Bộ Công an với tư cách là cơ quan chủ trì hợp tác quốc tế liên quan đến chống khủng bố, trong đó có tài trợ khủng bố (Luật Chống khủng bố 2013 (Điều 37)). Bộ Công an đã ký hơn 100 MOU với các đối tác nước ngoài cho phép trao đổi thông tin thực thi pháp luật. Một số MOU này rõ ràng cho phép hợp tác về RT, tội phạm nguồn và TTKB, bao gồm MOU với New Zealand, Úc và Ý.

666. Bộ Tài chính, thay mặt cho Hải quan đã tham gia vào một loạt các thỏa thuận và MOU theo Luật Hải quan 2014 (Điều 6) để trao đổi thông tin hải quan. Luật Biên giới Quốc gia 2003, Pháp lệnh Biên phòng và một số Nghị định cho phép Bộ đội Biên phòng hợp tác với các cơ quan bảo vệ biên giới nước ngoài và Chính phủ về bảo vệ biên giới. Luật Cảnh sát biển Việt Nam ủy quyền cho Cảnh sát biển hợp tác quốc tế liên quan đến một loạt các hành vi tội phạm nguồn và các vi phạm pháp luật khác trên biển.

667. Các điều khoản hợp tác quốc tế có liên quan trong luật pháp Việt Nam được quy định rộng rãi và không cho phép cụ thể hợp tác trong việc xác định và truy tìm các khoản tiền và công cụ của tội phạm. Tuy nhiên, một số MOU của Bộ Công an có quy định cụ thể về vấn đề này.

668. Việt Nam cũng là thành viên của INTERPOL, ASEANAPOL và Tổ chức Hải quan Thế giới và có thể trao đổi thông tin với các đối tác nước ngoài thông qua các kênh đó, cũng như trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại.

669. Tiêu chí 40.18 - Luật pháp và MOU của Việt Nam cung cấp quyền rộng rãi cho các cơ quan thực thi pháp luật về hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, họ không ủy quyền cụ thể cho các cơ quan thực thi pháp luật sử dụng quyền hạn của mình để tiến hành các yêu cầu và lấy thông tin thay mặt cho các đối tác nước ngoài.

670. Tiêu chí 40.19 - Điều 508 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 cho phép các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể thực hiện các cuộc điều tra chung hoặc đặc biệt với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. Điều khoản này quy định rằng hợp tác phải tuân thủ các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc trên cơ sở từng trường hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài có liên quan.

Trao đổi thông tin giữa các bên không phải là đối tác

671. Tiêu chí 40.20 – các quy định về hợp tác quốc tế trong luật pháp Việt Nam (Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Luật PCRT, Luật chống khủng bố 2013) đủ rộng để cho phép các cơ quan có thẩm quyền trao đổi thông tin gián tiếp với các cơ quan nước ngoài khác. Các quy định theo luật định có liên quan không giới hạn trong việc công bố thông tin trực tiếp và không yêu cầu thông tin chỉ được trao đổi giữa các cơ quan đối tác. Ví dụ, Điều 37 của Luật PCRT cho phép Ngân hàng Nhà nước hợp tác quốc tế với các cơ quan và tổ chức PCRT theo quy định của pháp luật. Điều này có thể bao gồm một loạt các cơ quan nước ngoài liên quan đến PCRT.

Trọng số và Kết luận

672. Khuôn khổ pháp lý của Việt Nam cho phép các cơ quan có thẩm quyền trao đổi thông tin với các đối tác nước ngoài trên cơ sở rộng rãi và được cung cấp trọng số đáng kể. Có một số thiếu sót nhỏ liên quan đến hợp tác quốc tế không chính thức với trọng số nhỏ hơn. Trong đó có những thách thức của Cục PCRT trong việc trao đổi thông tin kịp thời và an toàn. Việt Nam cũng chỉ cung cấp rất hạn chế phản hồi cho các đối tác nước ngoài về việc sử dụng và tính hữu ích của thông tin nhận được. Không có quy trình xác định nào để bảo vệ thông tin mặc dù tính bảo mật vẫn được duy trì. Các MOU của các cơ quan giám sát cũng không có các điều khoản liên quan cụ thể đến hợp tác PCRT/TTKB. Hiện chưa rõ các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể tiến hành các cuộc điều tra thay mặt cho các đối tác nước ngoài hay không. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không có cơ sở pháp lý rõ ràng để hợp tác quốc tế liên quan đến việc xử lý các hành vi phạm tội và TTKB, tuy nhiên, Bộ Công an có thể hợp tác quốc tế thông qua Bộ Công an. Khuyến nghị 40 được đánh giá là tuân thủ phần lớn.

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
1. Đánh giá rủi ro & áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro	Tuân thủ một phần	• NRA không xem xét một số loại tội phạm được chỉ định của FATF hoặc ủy thác nước ngoài và một số lĩnh vực quan trọng khác (Tiêu chí 1.1). • Kết quả đánh giá thiếu phân tích sâu và cần phạm vi dữ liệu rộng hơn (Tiêu chí 1.1). • Các đánh giá rủi ro không được cập nhật do Việt Nam không thực hiện đánh giá các mối đe dọa cụ thể khác hoặc đánh giá theo ngành một cách thường xuyên để bổ sung cho quá trình thực hiện NRA (Tiêu chí 1.3). • Kế hoạch Hành động hậu NRA sử dụng các phát hiện của NRA trong một phạm vi hạn chế để giải quyết các rủi ro đã xác định mà không áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro để phân bổ nguồn lực và thực hiện các biện pháp ngăn ngừa hoặc giảm thiểu rủi ro về RT/TTKB mà NRA đã xác định (Tiêu chí 1.5). • Không có yêu cầu tất cả các Đối tượng báo cáo phải thực hiện các biện pháp nâng cao để quản lý và giảm thiểu rủi ro đối với các lĩnh vực rủi ro cao hơn đã được NRA xác định (Tiêu chí 1.7) • Không rõ liệu việc xác định hoặc đánh giá khách hàng có rủi ro thấp có phù hợp với NRA hay không (Tiêu chí 1.8) • Ngoài các biện pháp CDD được đơn giản hóa đối với các khách hàng có rủi ro thấp hơn, Việt Nam chưa cho phép các biện pháp đơn giản hóa đối với các lĩnh vực có rủi ro thấp hơn khác (Tiêu chí 1.8). • Những yếu kém về công tác giám sát và thiếu các yêu cầu đối với các đối tượng báo cáo để tăng cường các biện pháp kiểm soát áp dụng cho quản lý rủi ro (Tiêu chí 1.9). • Không có yêu cầu các đối tượng báo cáo phải tăng cường kiểm soát để phù hợp với rủi ro các tổ chức đó (Tiêu chí 1.11).
2. Hợp tác và điều phối quốc gia	Tuân thủ phần lớn	• Các kế hoạch và chính sách hành động được ban hành chưa cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro RT/TTKB đã được xác định (Tiêu chí 2.1). • Không có quy định cho phép các cơ quan và các bộ liên quan phối hợp và trao đổi thông tin trong các tình huống không có Biên bản ghi nhớ (Tiêu chí 2.3).
3. Tội rửa tiền	Tuân thủ một phần	• Tội rửa tiền không bao gồm tất cả các hình thức chuyển giao và chuyển đổi tiền thu được từ tội phạm (Tiêu chí 3.1). • Có thiếu hụt đối với các khía cạnh của phạm vi tội phạm nguồn (Tiêu chí 3.2).

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		• Không rõ rằng các tội danh RT có mở rộng đến cả tài sản thể hiện gián tiếp cho số tiền do phạm tội mà có hay không (Tiêu chí 3.4). • Các mức phạt hiện có là không tương xứng hoặc không có tính răn đe (Tiêu chí 3.9). • Trách nhiệm hình sự của pháp nhân không áp dụng đối với số tiền thu được của một số tội danh và đối với tất cả các hình thức pháp nhân (Tiêu chí 3.10).
4. Tịch thu và các biện pháp dự phòng	Tuân thủ phần lớn	• Không có điều khoản nào cho phép các cơ quan có thẩm quyền thực hiện các bước để vô hiệu hoặc ngăn chặn các hành động làm phương hại đến khả năng đóng băng, thu giữ hoặc thu hồi tài sản bị tịch thu của Việt Nam (Tiêu chí 4.2). • Có hạn chế các quy định pháp luật liên quan đến việc quản lý tài sản bị phong tỏa, bị thu giữ hoặc bị tịch thu (Tiêu chí 4.4).
5. Tội phạm tài trợ khủng bố	Tuân thủ phần lớn	• Việc hình sự hóa tội tài trợ cho các hành động khủng bố bị giới hạn không được đề cập rõ ràng (Tiêu chí 5.1). • Thiếu hụt trong việc hình sự hóa các hành động tài trợ cho hoạt động khủng bố (Tiêu chí 5.2). • Hành vi tài trợ cho việc đi lại của các đối tượng khủng bố nước ngoài không bị hình sự hóa (Tiêu chí 5.2 bis). • Trong trường hợp không hình sự hóa rõ ràng việc tài trợ cho các hành động khủng bố, thì không có các biện pháp trừng phạt liên quan đối với thể nhân hoặc pháp nhân (Tiêu chí 5.6 và Tiêu chí 5.7). • Các hình phạt đối với pháp nhân doanh nghiệp không tương xứng và không có tính răn đe (Tiêu chí 5.7). • Các tội chuẩn bị và cố gắng phạm tội không áp dụng cho việc tài trợ cho các hành vi tài trợ khủng bố (Tiêu chí 5.8).
6. Xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến khủng bố và tài trợ khủng bố	Tuân thủ một phần	• Không có tiêu chuẩn bằng chứng chứng minh khi quyết định liệu có hoặc không đưa vào danh sách chỉ định, cũng như Việt Nam không đưa ra bất kỳ điều gì khác tài liệu đề cập đến các tiêu chuẩn chứng minh cho quá trình này (Tiêu chí 6.1). • Không rõ liệu các đối tượng được sở hữu hoặc bị kiểm soát, hoặc những người thay mặt hoặc theo chỉ đạo của những người và các tổ chức bị chỉ định có thể bị chỉ định trong nước hay không (Tiêu chí 6.2). • Tiêu chuẩn chứng minh về bằng chứng với "cơ sở hợp lý" hoặc "căn cứ hợp lý" không được quy định trong luật (Tiêu chí 6.2).

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		• Có những thiếu hụt trong nghĩa vụ đóng băng không chậm trễ và không cần thông báo trước (Tiêu chí 6.5). • Nghĩa vụ đóng băng chỉ có hiệu lực đối với các ngân hàng, không phải với tất cả các thể nhân và pháp nhân (Tiêu chí 6.5). • Lệnh cấm không áp dụng đối với việc cung cấp tiền, tài sản, dịch vụ hoặc nguồn lực cho các đối tượng được sở hữu hoặc bị kiểm soát, hoặc những người và tổ chức thay mặt hoặc theo chỉ đạo của những người và tổ chức bị chỉ định(Tiêu chí 6.5). • Các Đối tượng báo cáo không nhận được bất cứ một thông báo nào khi có chỉ định hoặc khi được đưa ra khỏi danh sách. • Các nghĩa vụ báo cáo chỉ có hiệu lực đối với các ngân hàng (Tiêu chí 6.5). • Không có hướng dẫn về đóng băng/bãi bỏ việc đóng băng (Tiêu chí 6.5 & Tiêu chí 6.6). • Không có thông báo nào được đưa ra cho các đối tượng báo cáo khi việc chỉ định hoặc hủy chỉ định được thực hiện (Tiêu chí 6.6). • Không có quy trình thủ tục công khai nào về các cảnh báo giả (Tiêu chí 6.6).
7. Các Biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí	Không tuân thủ	• Khung pháp lý về các biện pháp xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến TTPBVKHDHL không được thực hiện đầy đủ khi kết thúc đánh giá tại chỗ (Tiêu chí 7.1.). • Các nghĩa vụ đóng băng không có hiệu lực thi hành (Tiêu chí 7.2). • Không có lệnh cấm có hiệu lực thi hành nào được áp dụng trực tiếp cho các cá nhân hoặc tổ chức (Tiêu chí 7.2) • Các nghĩa vụ báo cáo không có hiệu lực thi hành (Tiêu chí 7.2). • Cơ chế thông báo chỉ định và hủy danh sách chỉ định chưa được thiết lập (Tiêu chí 7.2 và Tiêu chí 7.4). • Không có hướng dẫn về đóng băng /bãi bỏ việc đóng băng (Tiêu chí 7.2 and Tiêu chí 7.4). • Không bị phạt dân sự, hành chính hoặc hình sự nếu không tuân thủ các nghĩa vụ về các biện pháp về xử phạt tài chính mục tiêu liên quan đến tài trợ PBVKHDHL (Tiêu chí 7.3). • Không có quy trình công khai nào đối với các yêu cầu đưa ra khỏi danh sách chỉ định hoặc các cảnh báo giả (Tiêu chí 7.4).

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
8. Tổ chức phi lợi nhuận	Tuân thủ phần lớn	• Đánh giá tính dễ bị tổn thương TTKB là cơ bản và không bao gồm bất kỳ phân tích nào về rủi ro TTKB trong khu vực (Tiêu chí 8.1.). • Hầu hết các hoạt động tiếp cận với các NPO có rủi ro cao không liên quan đến tính dễ bị tổn thương TTKB và các biện pháp để bảo vệ chống lại lạm dụng NPO cho mục đích TTKB (Tiêu chí 8.2). • Không giám sát NPO dựa trên rủi ro (Tiêu chí 8.3). • Các biện pháp xử phạt không tương xứng và không có tính răn đe (Tiêu chí 8.4). • Thiếu sự rõ ràng về quy trình chia sẻ báo cáo của Bộ Công an cho Cơ quan An ninh Điều tra của Bộ Công an để điều tra các NPO nghi ngờ là lạm dụng hoặc đồng lõa thực hiện (Tiêu chí 8.5). • Không có cơ chế rõ ràng để đáp ứng các yêu cầu quốc tế về thông tin liên quan đến các NPO trong nước (Tiêu chí 8.6).
9. Pháp luật về bảo mật đối với các tổ chức tài chính	Tuân thủ phần lớn	• Không có điều khoản rõ ràng nào nâng cao các yêu cầu bảo mật đối với các báo cáo liên quan đến TTKB hoặc việc chia sẻ thông tin giữa các TCTC trong khi những điều này được quy định tại Khuyến nghị 13, 16 hoặc 17 (Tiêu chí 9.1).
10. Xác minh thông tin khách hàng	Tuân thủ một phần	• Không có yêu cầu nào rõ ràng đối với các TCTC khi thực hiện các biện pháp về CDD trong trường hợp mà các giao dịch không thường xuyên được thực hiện thành nhiều lần và các lần này dường như có liên quan đến nhau hoặc khi có nghi ngờ RT trong các hoàn cảnh khác ngoài giao dịch hoặc khi nghi ngờ có dấu hiệu TTKB (Tiêu chí 10.2). • Không có biện pháp xác minh bắt buộc nào bao gồm yêu cầu sử dụng tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin từ nguồn độc lập, đáng tin cậy khi TCTC đang xác minh danh tính của khách hàng (Tiêu chí 10.3). • Không có yêu cầu bắt buộc nào đối với TCTC, ngoại trừ các công ty chứng khoán, để xác định và xác minh thông tin những người đại diện cho khách hàng (Tiêu chí 10.4). • Không có quy định cụ thể nào cho TCTC sử dụng thông tin hoặc dữ liệu liên quan thu được từ một nguồn đáng tin cậy khi xác minh danh tính của chủ sở hữu hưởng lợi (Tiêu chí 10.5). • Không có yêu cầu rõ ràng đối với TCTC để có được thông tin về bản chất dự kiến của mối quan hệ kinh doanh (Tiêu chí 10.6).

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		• Không có yêu cầu rõ ràng đối với TCTC để xem xét kỹ lưỡng các giao dịch được thực hiện trong suốt quá trình quan hệ kinh doanh hoặc trên cơ sở liên tục dựa trên hồ sơ khách hang (Tiêu chí 10.7). • Không có yêu cầu cụ thể nào đối với TCTC để cập nhật thông tin về khách hàng có "rủi ro cao" hoặc thực hiện việc xem xét các hồ sơ hiện có (Tiêu chí 10.7). • Ngoài các công ty bảo hiểm, không có yêu cầu bắt buộc nào đối với các TCTC khác để hiểu bản chất công việc kinh doanh của khách hàng (Tiêu chí 10.8). • Không yêu cầu TCTC phải hiểu bản chất công việc kinh doanh của khách hàng là pháp nhân hoặc thỏa thuận pháp lý (Tiêu chí 10.8). • Các biện pháp xác minh thông tin của pháp nhân không có hiệu lực thực thi đối với TCTC (Tiêu chí 10.9). • Không có yêu cầu bắt buộc thực hiện các biện pháp hợp lý để xác minh danh tính của chủ sở hữu hưởng lợi (Tiêu chí 10.10). • Không có yêu cầu rõ ràng đối với TCTC để xác định chủ sở hữu hưởng lợi kiểm soát pháp nhân bằng các phương thức khác, khi có nghi ngờ về quyền sở hữu được hưởng lợi hoặc khi không có thể nhân nào kiểm soát thông qua lợi ích sở hữu (Tiêu chí 10.10). • Thiếu sự rõ ràng trong các biện pháp xác định quyền sở hữu có lợi của pháp nhân trong mối quan hệ với "chủ doanh nghiệp tư nhân" và bất kỳ cá nhân nào khác thực sự chi phối và kiểm soát pháp nhân và thể nhân giữ chức vụ quan chức quản lý cấp cao (Tiêu chí 10 .10). • Không có quy định rõ ràng về việc phải xác định người chuyển nhượng và người bảo hộ của ủy thác (Tiêu chí 10.11). • Trong trường hợp một người thụ hưởng được chỉ định theo các đặc điểm nhất định, theo thứ hạng hoặc bằng các phương tiện khác, không có yêu cầu cụ thể về việc thu thập đầy đủ thông tin về người thụ hưởng nhằm có thể xác định được danh tính tại thời điểm chi trả (Tiêu chí 10.12). • Tuy nhiên, đối với các chính sách bảo hiểm nhân thọ và đầu tư khác, trường hợp người thụ hưởng được chỉ định bởi các đặc điểm hoặc theo tầng lớp hoặc bằng các phương tiện khác, không có yêu cầu cụ thể về việc phải xác minh danh tính của người thụ hưởng (Tiêu chí 10.12). • Không có điều khoản nào yêu cầu xác minh danh tính một cách rõ ràng tại thời điểm thanh toán (Tiêu chí

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		10.12). • Không có yêu cầu cụ thể nào đối với các TCTC có liên quan để bao gồm người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm nhân thọ như một yếu tố rủi ro liên quan trong việc xác định xem các biện pháp CDD nâng cao có được áp dụng hay không (Tiêu chí 10.13). • Không có yêu cầu cụ thể để thực hiện các biện pháp nâng cao, bao gồm các biện pháp hợp lý để xác định và xác minh danh tính của chủ sở hữu thực sự của người thụ hưởng, tại thời điểm thanh toán (Tiêu chí 10.13). • Thiếu sự bao quát toàn diện về các điều kiện để được áp dụng xác minh danh tính khách hàng và chủ sở hữu hưởng lợi sau, không làm gián đoạn hoạt động kinh doanh thông thường (Tiêu chí 10.14). • Không có điều khoản nào yêu cầu TCTC phải áp dụng các thủ tục quản lý rủi ro liên quan đến điều kiện mà khách hàng có thể sử dụng mối quan hệ kinh doanh trước khi xác minh (Tiêu chí 10.15). • Không có quy định cụ thể nào liên quan đến khách hàng hiện tại và không có nghĩa vụ đối với TCTC phải áp dụng các yêu cầu CDD đối với khách hàng hiện tại dựa trên tính trọng yếu và rủi ro và vào những thời điểm thích hợp (Tiêu chí 10.16). • Không có yêu cầu rõ ràng đối với TCTC để thực hiện các biện pháp nâng cao khi rủi ro TTKB cao hơn hoặc trong các trường hợp khác bất kể mức độ rủi ro của khách hàng là bao nhiêu (Tiêu chí 10.17). • Không có yêu cầu cụ thể nào đối với Việt Nam hoặc TCTC để tiến hành phân tích đầy đủ các rủi ro cho mục đích của Khuyến nghị 10 (Tiêu chí 10.18). • Không có điều khoản rõ ràng nào nói rằng các biện pháp đơn giản hóa không được chấp nhận khi có nghi ngờ về RT/TTKB hoặc áp dụng các tình huống rủi ro cao hơn cụ thể (Tiêu chí 10.18). • Không có nghĩa vụ đối với TCTC không được mở tài khoản, bắt đầu quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện giao dịch, hoặc chấm dứt quan hệ kinh doanh khi CDD không thể hoàn thành và Không có nghĩa vụ phải nộp STR trong các trường hợp được nêu ở trên (Tiêu chí 10.19). • Không có điều khoản rõ ràng nào cho phép các TCTC không theo đuổi quy trình CDD khi có nghi ngờ về RT hoặc TTKB và có nguy cơ quy trình CDD sẽ làm tiết lộ thông tin khách hàng (Tiêu chí 10.20).
11. Lưu giữ	Tuân thủ	• Không rõ liệu việc hoàn thành giao dịch và liệu tất cả

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
hồ sơ	một phần	các hồ sơ và tài liệu cần thiết của các giao dịch quốc tế có được tính đến trong yêu cầu lưu giữ hồ sơ giao dịch của khách hàng hay không (Tiêu chí 11.1). • Không có yêu cầu cụ thể nào về việc lưu giữ tất cả thông tin CDD, tất cả kết quả của bất kỳ phân tích nào đã thực hiện và các thư tín kinh doanh (Tiêu chí 11.2) • Không có yêu cầu cụ thể về hình thức duy trì hồ sơ giao dịch và thông tin liên quan khác đủ để cho phép xây dựng lại các giao dịch riêng lẻ nhằm cung cấp bằng chứng cho việc truy tố tội phạm nếu cần thiết (Tiêu chí 11.3) • Thiếu sự rõ ràng về việc các TCTC phải đảm bảo rằng tất cả thông tin CDD và hồ sơ giao dịch được cung cấp nhanh chóng cho các cơ quan có thẩm quyền (Tiêu chí 11.4).
12. Cá nhân có ảnh hưởng chính trị (PEP)	Không tuân thủ	• Thiếu sự bao quát toàn diện về PEP nước ngoài và các nghĩa vụ cho các đối tượng này (Tiêu chí 12.1). • Không yêu cầu đối tượng báo cáo phải được sự chấp thuận của quản lý cấp cao trước khi thiết lập (hoặc tiếp tục, đối với khách hàng hiện tại) các mối quan hệ kinh doanh với các PEP nước ngoài (Tiêu chí 12.1). • Không yêu cầu các đối tượng báo cáo xác định nguồn gốc tài sản của khách hàng khi chủ sở hữu hưởng lợi là PEP nước ngoài (Tiêu chí 12.1). • Không có yêu cầu đối với đối tượng báo cáo để tiến hành giám sát nâng cao liên tục (Tiêu chí 12.1). • Đối tượng báo cáo không có nghĩa vụ phải thực hiện các yêu cầu cụ thể đối với các PEP trong nước và các cá nhân được tổ chức quốc tế tin tưởng giao cho một chức năng công vụ nổi bật (Tiêu chí 12.2) • Không có nghĩa vụ để áp dụng các biện pháp kiểm soát đối với các cộng sự thân thiết của tất cả các loại PEP (Tiêu chí 12.3) • Không kiểm soát người thụ hưởng hoặc chủ sở hữu hưởng lợi của người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm nhân thọ có thể là PEP (Tiêu chí 12.4).
13. Quan hệ ngân hàng đại lý	Tuân thủ một phần	• Không có yêu cầu trực tiếp đối với TCTC xác định chất lượng của hoạt động giám sát đó, bao gồm cả việc liệu ngân hàng đại lý đó có đang bị điều tra về RT/TTKB hoặc vướng vào vấn đề pháp lý nào không (Tiêu chí 13.1). • Không có yêu cầu rõ ràng đối với TCTC về việc phải hiểu rõ ràng các trách nhiệm PCRT/TTKB tương ứng của mỗi tổ chức (Tiêu chí 13.1). • Không có yêu cầu nào đối với các TCTC phải đảm bảo

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		được rằng các ngân hàng đối tác không cho phép tài khoản của họ được sử dụng bởi các ngân hàng vỏ bọc (Tiêu chí 13.3).
14. Dịch vụ chuyển tiền hoặc giá trị (MVTS)	Tuân thủ một phần	• Không có thông tin nào được cung cấp về các hành động cụ thể được thực hiện đối với các MVTS bất hợp pháp và các biện pháp xử phạt đối với hành vi cung cấp dịch vụ trái phép là chưa tương xứng và chưa đủ sức răn đe (Tiêu chí 14.2). • Các thiếu sót liên quan đến kiểm tra và giám sát cho các mục đích TTKB được áp dụng (Tiêu chí 14.3). • Không rõ liệu thể nhân có thể trở thành đại lý cho các nhà cung cấp MVTS hay không (Tiêu chí 14.4). • Không có yêu cầu rõ ràng đối với MVTS để bao gồm các đại lý của họ trong các chương trình tuân thủ PCRT/TTKB (Tiêu chí 14.5).
15. Công nghệ mới	Không tuân thủ	• Việt Nam không có đánh giá rủi ro về RT/TTKB liên quan đến việc phát triển các sản phẩm mới và đánh giá rủi ro về RT/TTKB của TCTC chỉ bao gồm các giao dịch không gặp mặt trực tiếp (Tiêu chí 15.1). • Không rõ liệu các TCTC có được yêu cầu thực hiện đánh giá rủi ro trước khi tung ra hoặc sử dụng các sản phẩm, công nghệ đó hay không và giới hạn về phạm vi áp dụng của các loại công nghệ mới (Tiêu chí 15.2). • Các bước còn hạn chế trong việc đánh giá rủi ro RT/TTKB phát sinh từ VA/VASP và không có đánh giá cụ thể về rủi ro RT/TTKB phát sinh từ hoạt động VA/VASP và các hoạt động hoặc vận hành của VASP (Tiêu chí 15.3). • Các quy định cấm có giới hạn đối với các VA và không có nghĩa vụ đối với các VASP phải thực hiện các bước thích hợp để xác định, đánh giá và giảm thiểu rủi ro RT/TTKB của họ (Tiêu chí 15.3). • Không có biện pháp hoặc yêu cầu nào về việc cấp phép hoặc đăng ký VASP, và ngăn chặn tội phạm hoặc cộng sự của chúng nắm giữ, hoặc là chủ sở hữu thực sự, hoặc kiểm soát, hoặc nắm giữ vị trí quản lý trong VASP (Tiêu chí 15.4). • Không có hành động nào để thực thi lệnh cấm một phần hoặc xác định thể nhân hoặc pháp nhân thực hiện các hoạt động VASP mà không có giấy phép hoặc đăng ký cần thiết, và áp dụng các biện pháp trừng phạt thích hợp (Tiêu chí 15.5). • Không có biện pháp hoặc yêu cầu nào liên quan đến việc giám sát VASP (Tiêu chí 15.6).

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		• Không áp dụng các biện pháp xử phạt hoặc yêu cầu đối với VASP liên quan đến các yêu cầu tại các khuyến nghị 10 - 21 (Tiêu chí 15.7-Tiêu chí 15.9). • Các khiếm khuyết liên quan đến các biện pháp về xử phạt tài chính mục tiêu được áp dụng và không rõ liệu nghĩa vụ giám sát danh sách đen của Bộ Công an có áp dụng cho VASP hay không (Tiêu chí 15.10). • Không áp dụng các biện pháp hoặc yêu cầu đối với VASP liên quan đến nghĩa vụ báo cáo (Tiêu chí 15.10). • Không có cơ sở pháp lý để các giám sát viên trao đổi thông tin với các đối tác nước ngoài về VASP (Tiêu chí 15.11).
16. Chuyển tiền điện tử	Tuân thủ một phần	• Không có quy định về việc phải có thông tin chính xác và bắt buộc về người khởi tạo đi kèm giao dịch chuyển tiền điện tử xuyên biên giới từ USD/EUR 1000 trở lên, bao gồm thông tin người khởi tạo và người thụ hưởng được yêu cầu và chính xác đi kèm với chuyển tiền điện tử xuyên biên giới (Tiêu chí 16.1). • Không có yêu cầu cụ thể cho chuyển tiền điện tử theo lô xuyên biên giới (Tiêu chí 16.2). • Không có yêu cầu cụ thể cho chuyển tiền điện tử xuyên biên giới với giá trị dưới 1000 USD (Tiêu chí 16.3). • Không yêu cầu xác minh đối với chuyển tiền xuyên biên giới dưới 1000 USD khi có nghi ngờ về RT/TTKB (Tiêu chí 16.4). • Không rõ liệu tất cả các thông tin về người khởi tạo và thông tin về người thụ hưởng thu thập được có phải được duy trì bởi tổ chức đặt lệnh theo quy định tại Khuyến nghị 11 hay không. Hơn nữa, các nhà cung cấp dịch vụ thanh toán khác, những người có thể thực hiện chuyển tiền điện tử cũng không thuộc đối tượng duy trì các thông tin này (Tiêu chí 16.7). • Không có điều khoản nào quy định rằng TCTC đặt lệnh không được phép thực hiện chuyển tiền điện tử nếu không tuân thủ các yêu cầu tại tiêu chí 16.1 đến 16.7 (Tiêu chí 16.8). • Không có yêu cầu rõ ràng đối với các tổ chức trung gian để đảm bảo tất cả thông tin về người khởi tạo và thông tin người thụ hưởng đi kèm với giao dịch chuyển tiền điện tử xuyên biên giới được lưu giữ (Tiêu chí 16.9). • Không có điều khoản rõ ràng nào bao gồm các trường hợp mà các giới hạn kỹ thuật khiến các thông tin yêu cầu không đi kèm giao dịch chuyển tiền điện tử đó (Tiêu chí

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		16.10). • Không có quy định cụ thể nào để các tổ chức trung gian thực hiện các biện pháp hợp lý phù hợp với quy trình xử lý điện tử (straight-through processing) để xác định các giao dịch chuyển tiền điện tử qua biên giới thiếu thông tin người khởi tạo hoặc thông tin người thụ hưởng (Tiêu chí 16.11). • Không có yêu cầu rõ ràng liên quan đến hành động tiếp theo của các TCTC trung gian sau khi từ chối hoặc trì hoãn giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp giám sát sau giao dịch (Tiêu chí 16.12). • Không có yêu cầu rõ ràng nào liên quan đến hành động tiếp theo của các TCTC thụ hưởng sau khi từ chối hoặc trì hoãn giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp giám sát sau giao dịch trong trường hợp giao dịch thiếu thông tin về chuyển tiền và người thụ hưởng (Tiêu chí 16.15). • Không rõ liệu các đại lý cung cấp dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ có được yêu cầu tuân thủ Khuyến nghị 16 hay không khi họ cung cấp các giao dịch chuyển tiền hoặc giá trị (Tiêu chí 16.16). • Không có yêu cầu cụ thể nào đối với MVTS kiểm soát cả bên đặt lệnh và bên thụ hưởng của của một giao dịch chuyển tiền điện tử, để xem liệu có phải lập một báo cáo STR không cũng như có phải tạo STR ở bất kỳ quốc gia nào bị ảnh hưởng bởi giao dịch chuyển tiền điện tử đáng ngờ hoặc cung cấp thông tin giao dịch có liên quan cho Đơn vị tình báo tài chính (Tiêu chí 16.17).
17. Dựa vào bên thứ ba	Tuân thủ một phần	• Các thiếu sót về CDD và lưu trữ hồ sơ được áp dụng và không có yêu cầu đối với TCTC để lấy ngay thông tin CDD cần thiết từ các bên thứ ba (Tiêu chí 17.1). • Không yêu cầu các tập đoàn tài chính thực hiện các chương trình toàn tập đoàn để PCRT/TTKB và các thiếu hụt liên quan đến CDD, lưu trữ hồ sơ và những cá nhân có ảnh hưởng chính trị được áp dụng (Tiêu chí 17.3).
18. Kiểm soát nội bộ, các chi nhánh và công ty con ở nước ngoài	Tuân thủ một phần	• Không có điều khoản cụ thể nào bao gồm các thủ tục sàng lọc để đảm bảo các tiêu chuẩn cao khi tuyển dụng nhân viên (Tiêu chí 18.1). • Các tập đoàn tài chính không có nghĩa vụ phải thực hiện các chương trình toàn tập đoàn, bao gồm các cơ chế chia sẻ thông tin theo tiêu chí 18.1 và 18.2 (a) - (c) (Tiêu chí 18.2). • Không có yêu cầu cụ thể nào về việc các TCTC phải đảm bảo các chi nhánh nước ngoài và các công ty con do họ sở hữu đa số áp dụng các biện pháp PCRT/TTKB phù

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		hợp với các yêu cầu của nước sở tại và không yêu cầu các tập đoàn tài chính áp dụng các biện pháp bổ sung thích hợp để quản lý rủi ro RT/TTKB và thông báo cho cơ quan giám sát ở quốc gia mẹ trong tình huống nước sở tại không cho phép thực hiện các biện pháp PCRT/TTKB thích hợp theo yêu cầu của quốc gia mẹ (Tiêu chí 18.3).
19. Các quốc gia có rủi ro cao	Tuân thủ một phần	• Phạm vi của các biện pháp thẩm định nâng cao sẽ được áp dụng bởi TCTC đối với các thể nhân và pháp nhân từ các quốc gia được FATF kêu gọi nhưng chỉ bao gồm các "giao dịch", không bao gồm các mối quan hệ kinh doanh (Tiêu chí 19.1). • Không có quy định cụ thể nào để Việt Nam áp dụng các biện pháp đối phó tương xứng đối với các nước có rủi ro cao hơn (Tiêu chí 19.2). • Không có biện pháp cụ thể nào để đảm bảo TCTC được tư vấn về những lo ngại về điểm yếu trong hệ thống PCRT/TTKB của các quốc gia khác trên cơ sở đang thực hiện (Tiêu chí 19.3).
20. Báo cáo giao dịch đáng ngờ	Tuân thủ một phần	• Không có yêu cầu rõ ràng để báo cáo các STR liên quan đến TTKB cho Cục PCRT (Tiêu chí 20.1). • Yêu cầu báo cáo về các giao dịch có ý định thực hiện không áp dụng cho các giao dịch liên quan đến TTKB (Tiêu chí 20.2).
21. Rò rỉ thông tin và bảo mật	Tuân thủ một phần	• Không có quy định cụ thể nào để bảo vệ TCTC, giám đốc, cán bộ và nhân viên của họ khỏi trách nhiệm hành chính, dân sự hoặc hình sự nếu họ thực hiện báo cáo STR (Tiêu chí 21.1). • Không có quy định rõ ràng cấm các giám đốc, cán bộ và nhân viên của các TCTC tiết lộ về các STR hoặc các thông tin liên quan đã được báo cáo cho Đơn vị tình báo tài chính (Tiêu chí 21.2).
22. DNFBP: Theo dõi cập nhật thông tin khách hàng	Tuân thủ một phần	• Tất cả các DNFBP có liên quan đều phải tuân theo các nghĩa vụ CDD, tuy nhiên, các thiếu hụt được chỉ ra trong Khuyến nghị 10 cũng áp dụng cho DNFBP (Tiêu chí 22.1). • Tất cả các DNFBP có liên quan đều phải tuân theo các nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ, tuy nhiên, các thiếu hụt quy định trong Khuyến nghị 11 cũng áp dụng cho các DNFBP (Tiêu chí 22.2). • Tất cả các DNFBP có liên quan đều phải tuân theo các nghĩa vụ PEP hạn chế và các thiếu hụt quy định trong Khuyến nghị 12 áp dụng cho các DNFBP (Tiêu chí 22.3). • Tất cả các DNFBP có liên quan đều phải tuân theo các nghĩa vụ công nghệ mới, tuy nhiên các thiếu hụt quy định trong Khuyến nghị số 15 cũng áp dụng cho các DNFBP

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		(Tiêu chí 22.4). • Tất cả các DNFBP có liên quan đều có thể dựa vào các bên thứ ba trung gian để thực hiện CDD, tuy nhiên, các thiếu hụt nêu trong Khuyến nghị 17 cũng áp dụng cho các DNFBP (Tiêu chí 22.5).
23. DNFBP: Các biện pháp khác	Tuân thủ một phần	• Các thiếu hụt liên quan đến các Khuyến nghị số 18, 19, 20 và 21 cũng áp dụng tương tự cho DNFBP.
24. Minh bạch và chủ sở hữu hưởng lợi của các pháp nhân	Tuân thủ một phần	• Thông tin liên quan đến việc thành lập và các loại pháp nhân phi thương mại chỉ được công bố công khai trong văn bản quản lý/cấp phép của họ (Tiêu chí 24.1). • Thiếu sót trong việc đánh giá rủi ro của các loại pháp nhân khác nhau, bao gồm thiếu hụt với một số pháp nhân phi lợi nhuận (Tiêu chí 24.2). • Thông tin cơ bản được công bố công khai không bao hàm đầy đủ thẩm quyền điều hành cơ bản vì điều lệ của công ty không được công bố rộng rãi (Tiêu chí 24.3). • Thiếu hụt quy định để đảm bảo rằng công ty đó có được thông tin về quyền sở hữu có lợi của một công ty và có sẵn tại một địa điểm cụ thể ở quốc gia của họ; hoặc có thể được xác định một cách kịp thời bởi cơ quan có thẩm quyền (Tiêu chí 24.4). • Không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin liên quan đến thẩm quyền điều hành cơ bản (Tiêu chí 24.5). • Không có yêu cầu rõ ràng về việc các đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi kiểm soát pháp nhân bằng các biện pháp khác khi có nghi ngờ về quyền sở hữu hưởng lợi hoặc khi không có thể nhân nào kiểm soát quyền lợi sở hữu (Tiêu chí 24.6). • Không có quy định cụ thể nào yêu cầu thông tin về quyền sở hữu hưởng lợi do đối tượng báo cáo thu thập phải "chính xác" và cập nhật (Tiêu chí 24.7). • Không có yêu cầu hoặc nghĩa vụ cụ thể nào đối với thể nhân hoặc DNFBP để thay mặt pháp nhân hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền (Tiêu chí 24.8). • Thiếu hụt với liên quan đến các khía cạnh của nghĩa vụ lưu giữ hồ sơ (Tiêu chí 24.9). • Một số điểm yếu trong quyền hạn của các cơ quan có thẩm quyền trong việc tiếp cận kịp thời với tất cả các thông tin cơ bản và công khai về quyền sở hữu hưởng lợi (Tiêu chí 24.10). • Không có chế tài cụ thể trong trường hợp không tuân thủ các nghĩa vụ thông tin chủ sở hữu hưởng lợi liên quan

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		đến tính minh bạch của pháp nhân (Tiêu chí 24.13). • Không rõ liệu có bất kỳ cơ chế rõ ràng nào để các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thay mặt các đối tác nước ngoài thu thập thông tin về quyền sở hữu có lợi hay không (Tiêu chí 24.14). • Việt Nam không theo dõi chất lượng hỗ trợ nhận được từ các quốc gia khác khi phản hồi các yêu cầu cung cấp thông tin cơ bản và chủ sở hữu hưởng lợi hoặc các yêu cầu hỗ trợ trong việc xác định chủ sở hữu hưởng lợi cư trú ở nước ngoài (Tiêu chí 24.15).
25. Minh bạch và sở hữu hưởng lợi của các thỏa thuận pháp lý	Tuân thủ một phần	• Không có yêu cầu nào mà người được ủy thác của quỹ tín thác nước ngoài hoạt động tại Việt Nam phải duy trì thông tin cần thiết theo khuyến nghị này (Tiêu chí 25.1). • Không có yêu cầu đối với người được ủy thác để đảm bảo hồ sơ chính xác và cập nhật. Tuy nhiên, trong những trường hợp hạn chế của những người được ủy thác chuyên nghiệp hoạt động với khả năng của họ như đối tượng báo cáo, có nghĩa vụ tuân thủ các yêu cầu của CDD để thu thập và cập nhật thông tin (Tiêu chí 25.2). • Không có nghĩa vụ đối với những người được ủy thác tiết lộ trạng thái của họ cho các TCTC và DNFBP khi hình thành mối quan hệ kinh doanh hoặc thực hiện các giao dịch không thường xuyên (Tiêu chí 25.3). • Không có điều khoản nào cho phép truy cập kịp thời vào thông tin do người được ủy thác nắm giữ cụ thể tại Việt Nam (Tiêu chí 25.5). • Không rõ liệu có bất kỳ cơ chế rõ ràng nào để các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thay mặt các đối tác nước ngoài lấy thông tin về quyền sở hữu có lợi hay không (Tiêu chí 25.6). • Không có quy định rõ ràng nào về các biện pháp xử phạt đối với những người được ủy thác hoạt động tại Việt Nam khi không công bố họ là người được ủy thác tới các TCTC và DNFBP, trước khi hình thành mối quan hệ kinh doanh (Tiêu chí 25.7). • Không có quy định nào cho các biện pháp xử phạt cụ thể đối với những người được ủy thác vì không tiết lộ thông tin ủy thác đó cho các cơ quan có thẩm quyền vì họ không bắt buộc phải báo cáo tình trạng của mình như được xác định theo tiêu chí 25.3 (Tiêu chí 25.8).
26. Quản lý và thanh tra giám sát các tổ chức tài chính	Tuân thủ một phần	• Không có cơ quan quản lý hay giám sát chỉ định về PCRT/TTKB cho các nhà cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán và tổ chức cho vay trực tuyến (Tiêu chí 26.1). • Trong khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		giám sát và quản lý TTKB, không có sự ủy quyền rõ ràng trong luật để hình thành các yêu cầu quy định và thực hiện giám sát (Tiêu chí 26.1). • Không rõ ràng về cơ quan cấp phép cho các công ty quản lý quỹ hoặc các tổ chức cho vay trực tuyến phải được cấp phép hoặc đăng ký trước khi hoạt động (Tiêu chí 26.2). • Có giới hạn về việc kiểm tra tính chính xác và phù hợp nhằm ngăn chặn bọn tội phạm hoặc cộng sự của chúng nắm giữ (hoặc là chủ sở hữu hưởng lợi) một lợi ích đáng kể hoặc kiểm soát, hoặc nắm giữ chức năng quản lý trong TCTC (Tiêu chí 26.3). • Không có giám sát hợp nhất rõ ràng cho các mục đích PCRT/TTKB (Tiêu chí 26.4). • Không có sự giám sát của lĩnh vực thanh toán không dùng tiền mặt, hoặc của các tổ chức cho vay trực tuyến (Tiêu chí 26.4). • Tần suất và cường độ giám sát do người giám sát thực hiện không dựa trên rủi ro RT/TTKB, chính sách, kiểm soát nội bộ và thủ tục liên quan đến tổ chức hoặc nhóm (Tiêu chí 26.5). • Kiểm soát viên chưa đánh giá hồ sơ rủi ro của TCTC và các tập đoàn tài chính hoặc xem xét rủi ro định kỳ để ứng phó với các sự kiện lớn (Tiêu chí 26.6).
27. Thẩm quyền của cơ quan thanh tra giám sát	Tuân thủ một phần	• Không có giám sát viên nào có quyền giám sát hoặc giám sát các tổ chức cho vay trực tuyến và các tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán (IPSP) để tuân thủ các yêu cầu PCRT (Tiêu chí 27.1). • Yêu cầu tối thiểu về TTKB đối với TCTC, ngoài các biện pháp về xử phạt tài chính mục tiêu (Tiêu chí 27.1). • Giám sát viên không có quyền tiến hành kiểm tra TTKB hoặc áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với việc không tuân thủ các yêu cầu của TTKB (Tiêu chí 27.2). • Quyền lực của giám sát viên PCRT/TTKB trong việc bắt buộc cung cấp thông tin cho IPSP và các tổ chức cho vay trực tuyến không được đề cập rõ ràng (Tiêu chí 27.3). • Các hình thức phạt do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ áp dụng đối với các hành vi vi phạm Luật PCRT 2012 và không bao gồm các vi phạm TTKB (Tiêu chí 27.4). • Không có cơ sở pháp lý nào cho phép bất kỳ Giám sát viên PCRT/TTKB nào xử phạt các công ty thu đổi ngoại tệ, IPSP hoặc các tổ chức cho vay trực tuyến vì không tuân thủ các yêu cầu của PCRT (Tiêu chí 27.4).

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
28. Quản lý và thanh tra giám sát các DNFBP	Tuân thủ một phần	• Yêu cầu tương tự về kiểm tra tính chính xác và phù hợp đối với DNFBP và chủ sở hữu hưởng lợi của các tổ chức đó (Tiêu chí 28.1 & 28.4). • Chỉ có các biện pháp giám sát TTKB tối thiểu đối với các sòng bạc, ngoài các biện pháp về xử phạt tài chính mục tiêu (Tiêu chí 28.1). • Không có quyền hạn rõ ràng để áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với các hành vi vi phạm quy định PCRT/TTKB (Tiêu chí 28.1 & 28.4). • Không có cơ quan có thẩm quyền nào được chỉ định để giám sát và đảm bảo sự tuân thủ của các DNFBP với các nghĩa vụ TTKB ngoài các biện pháp về xử phạt tài chính mục tiêu (Tiêu chí 28.2). • Thiếu hệ thống để giám sát sự tuân thủ của DNFBP với các yêu cầu PCRT/TTKB (Tiêu chí 28.1 & 28.3). • Không có công cụ nào quy định cơ quan có thẩm quyền nào được chỉ định áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với DNFBP để giải quyết các trường hợp không tuân thủ các yêu cầu PCRT (Tiêu chí 28.4). • Việc giám sát DNFBP không được thực hiện trên cơ sở rủi ro (Tiêu chí 28.5).
29. Đơn vị tình báo tài chính	Tuân thủ một phần	• Thiếu sót trong Khuyến nghị số 20 và Khuyến nghị số 23 liên quan đến việc thiếu nghĩa vụ báo cáo rõ ràng các STR liên quan đến TTKB tương tự tại Khuyến nghị này (Tiêu chí 29.1 & Tiêu chí 29.2). • Không có quyền truy cập thông tin liên quan đến TTKB (Tiêu chí 29.3). • Phân tích chiến lược do Cục PCRT thực hiện hạn chế (Tiêu chí 29.4). • Không sử dụng các kênh chuyên dụng, an toàn và được bảo mật để chuyển giao thông tin tình báo (Tiêu chí 29.5). • Không có quy trình kiểm tra an ninh đối với nhân viên của Cục PCRT hoặc chính sách an ninh. (Tiêu chí 29.6).
30. Trách nhiệm cơ quan điều tra và cơ quan thực thi pháp luật	Tuân thủ	• Khuyến nghị được đáp ứng đầy đủ.
31. Thẩm quyền của các cơ quan điều tra và thực thi pháp luật	Tuân thủ phần lớn	• Không có quyền bắt buộc thể nhân xuất trình hồ sơ nếu không có lệnh khám xét (Tiêu chí 31.1). • Không có quyền để sắp xếp con người xâm nhập vào các tổ chức tội phạm(ngoại trừ trong trường hợp liên

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		quan đến tội phạm ma tuý) (Tiêu chí 31.2). • "Các phương pháp điều tra đặc biệt" khác chỉ có thể được sử dụng cho các tội danh cụ thể (Tiêu chí 31.2).
32. Vận chuyển tiền mặt	Tuân thủ phần lớn	• Các hình phạt hành chính không tương xứng, vì hình phạt khi nhập cảnh vào Việt Nam thấp hơn nhiều so với hình phạt khi xuất cảnh khỏi Việt Nam, tuy nhiên, các hình thức xử phạt ở mức cao hơn của thang đo, chiếm 50% giá trị liên quan đến hành vi phạm tội được coi là không mang tính răn đe (Tiêu chí 32.5). • Quyền tịch thu tiền tệ hoặc BNI phản ánh một số thiếu hụt được xác định trong Khuyến nghị số 4 (Tiêu chí 32.11).
33. Số liệu thống kê	Tuân thủ	• Khuyến nghị được đáp ứng đầy đủ.
34. Hướng dẫn và phản hồi	Tuân thủ một phần	• Không có hướng dẫn nào được ban hành cho các TCTC phi ngân hàng và DNFBP và không có hướng dẫn cho các ngân hàng đối với các vấn đề TTKB (Tiêu chí 34.1). • Hướng dẫn hạn chế đã được đưa ra về việc thực hiện CDD và các biện pháp về xử phạt tài chính mục tiêu (Tiêu chí 34.1)
35. Xử phạt	Không tuân thủ	• Đối với Khuyến nghị số 6 - không có chế tài xử lý đối với việc không phong tỏa ngay lập tức đối với các thể nhân và pháp nhân khác, hoặc bất kỳ biện pháp xử phạt nào vì vi phạm lệnh cấm đối với người hoặc tổ chức trong phạm vi tài phán của họ cung cấp quỹ hoặc tài sản, tài nguyên hoặc dịch vụ khác cho người và tổ chức được chỉ định. Không có chế tài đối với các TCTC hoặc DNFBP khác khi không báo cáo. (Tiêu chí 35.1). • Đối với Khuyến nghị số 8 - Không có hình thức xử phạt nào ngoài việc đình chỉ hoặc giải thể có sẵn đối với các vi phạm của NPO. Với phạm vi hạn chế và thiếu hình thức xử phạt, các biện pháp xử phạt hiện tại không được coi là tương xứng và mang tính răn đe (Tiêu chí 35.1). • Đối với các Khuyến nghị số 9-23 - có những điểm yếu với hàng loạt các biện pháp trừng phạt chưa tương xứng và phù hợp để xử lý các thể nhân hoặc pháp nhân không tuân thủ các yêu cầu về các biện pháp ngăn chặn và không có biện pháp trừng phạt nào đối với DNFBP và một số TCTC (Tiêu chí 35.1). • Chế tài xử phạt hạn chế đối với giám đốc và quản lý cấp cao của ngân hàng; không có chế tài đối với giám đốc và quản lý cấp cao của TCTC phi ngân hàng và DNFBP (Tiêu chí 35.2).
36. Các thỏa	Tuân thủ	• Việt Nam không bị ràng buộc bởi các điều khoản liên

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
thuận, thỏa ước quốc tế	phần lớn	quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với Công ước Merida và cũng không coi Công ước này làm cơ sở pháp lý cho việc dẫn độ (Tiêu chí 36.1). • Những thiếu hụt nhỏ trong việc thực hiện các điều khoản liên quan của cả bốn Công ước (TTKB, Merida, Vienna, Palermo) (Tiêu chí 36.2).
37. Tương trợ tư pháp đa phương	Tuân thủ phần lớn	• Không có nghĩa vụ rõ ràng là phải cung cấp hỗ trợ pháp lý song phương/đa phương một cách 'nhanh chóng' (Tiêu chí 37.1). • Quy trình ưu tiên và thực hiện MLA không toàn diện vì chỉ tập trung vào việc giảm thời gian xử lý trong các trường hợp cụ thể (Tiêu chí 37.2). • Luật pháp không yêu cầu các công chức Việt Nam tại các cơ quan liên quan đến MLA có nghĩa vụ phải duy trì tính bảo mật của các yêu cầu MLA (Tiêu chí 37.5). • Tội phạm kép là bắt buộc cho dù yêu cầu có liên quan đến hành động cưỡng chế hay không (Tiêu chí 37,6). • Luật Tương trợ tư pháp 2007 không quy định về việc liệu hành vi phạm tội ở 2 quốc gia có được thỏa mãn hay không bất kể loại và hình thức phạm tội với điều kiện cả hai quốc gia đều hình sự hóa hành vi cơ bản (Tiêu chí 37.7). • Sự thiếu hụt trong quyền hạn và kỹ thuật điều tra theo Khuyến nghị 31 cũng tác động đến tiêu chí này (Tiêu chí 37.8).
38. Tương trợ tư pháp: phong tỏa và tịch thu	Tuân thủ một phần	• Không có thẩm quyền cung cấp hỗ trợ xử lý tài sản theo yêu cầu MLA không trên cơ sở bị kết án (Tiêu chí 38.2). • Không có thỏa thuận cụ thể để phối hợp bắt giữ hoặc tịch thu (Tiêu chí 38.3). • Không có cơ chế quản lý và xử lý tài sản bị phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu theo yêu cầu MLA khi cần thiết (Tiêu chí 38.4).
39. Dẫn độ	Tuân thủ phần lớn	• Việt Nam có thể từ chối các yêu cầu liên quan đến công dân Việt Nam, mặc dù trong những trường hợp này, các yêu cầu đó có thể được giải quyết trong nước (Tiêu chí 39.1). • Có những thiếu hụt nhỏ liên quan đến các thủ tục đơn giản hóa để dẫn độ (Tiêu chí 39.4).
40. Các hình thức hợp tác quốc tế khác	Tuân thủ phần lớn	• Hầu hết các cơ quan có thẩm quyền không có các cơ chế rõ ràng và kênh an toàn để tạo điều kiện hợp tác, trao đổi thông tin (Tiêu chí 40.2).

Tóm tắt tuân thủ các khuyến nghị của FATF – Các thiếu hụt chính		
Khuyến nghị	**Xếp hạng**	**Các yếu tố thiếu hụt**
		• Hầu hết các cơ quan có thẩm quyền không có quy trình ưu tiên thực hiện các yêu cầu quốc tế cho các cơ quan có thẩm quyền khác (Tiêu chí 40.2). • Hầu hết các cơ quan có thẩm quyền không cung cấp phản hồi cho các đối tác nước ngoài về việc sử dụng và tính hữu ích của thông tin nhận được theo yêu cầu hợp tác quốc tế (Tiêu chí 40.4). • Không hạn chế việc sử dụng thông tin ngoài phạm vi đã được quy định tại MOU (Tiêu chí 40.6). • Không có quy định nào của pháp luật hoặc MOU cho phép Việt Nam từ chối cung cấp thông tin nếu cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin không thể bảo vệ thông tin (Tiêu chí 40.7). • Không có quyền hạn rõ ràng để thực hiện các yêu cầu thay mặt cho các đối tác nước ngoài (Tiêu chí 40.8). • Không có cơ sở pháp lý rõ ràng nào để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục PCRT) hợp tác quốc tế đối với các hành vi vi phạm TTKB (ngoại trừ thông qua Bộ Công an) hoặc RT (Tiêu chí 40.9). • Cục PCRT chỉ cung cấp phản hồi một lần cho đối tác nước ngoài (Đơn vị tình báo tài chính Malaysia) (Tiêu chí 40.10). • Một số thiếu hụt trong quyền hạn rõ ràng để Cục PCRT trao đổi thông tin liên quan đến TTKB với đối tác nước ngoài (Tiêu chí 40.11). • Luật và hầu hết các MOU về hợp tác giám sát không đề cập rõ ràng về hợp tác PCRT/TTKB (Tiêu chí 40.12). • Không có giới hạn về các loại thông tin sẵn có trong nước có thể được trao đổi (Tiêu chí 40.13). • Chỉ có một số MOU yêu cầu giám sát viên phải có sự cho phép trước khi phổ biến thông tin đã trao đổi (Tiêu chí 40.16). • Không có thẩm quyền rõ ràng về mặt pháp lý cho các cơ quan thực thi pháp luật hợp tác trong việc xác định và truy tìm các khoản tiền thu được cũng như công cụ phạm tội (Tiêu chí 40.17). • Không có thẩm quyền rõ ràng cho các các cơ quan thực thi pháp luật sử dụng quyền hạn của họ để thực hiện các yêu cầu và thu thập thông tin thay mặt cho các đối tác nước ngoài (Tiêu chí 40.18).

Thuật ngữ viết tắt

APG	Nhóm Châu Á – Thái Bình Dương về chống rửa tiền
Báo cáo ĐGĐP	Báo cáo đánh giá đa phương
BNI	Công cụ vô danh có thể chuyển nhượng
Cục PCRT	Cục Phòng, chống rửa tiền
DPRK	Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên
CDD	Thẩm định khách hàng (trong bản tiếng anh là customer due diligence)
EFT	Chuyển tiền điện tử
CTR	Báo cáo giao dịch tiền mặt
STR	Báo cáo giao dịch đáng ngờ
DNFBP	Tổ chức kinh doanh ngành, nghề phi tài chính chỉ định
FATF	Lực lượng đặc nhiệm tài chính
UNSC	Hội đồng bảo an Liên hợp quốc
IPSP	Các đơn vị cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
MLA	Tương trợ tư pháp
MOU	Bản ghi nhớ
NCC	Ủy ban điều phối quốc gia về RT và TTKB
KN	Khuyến nghị
NRA	Đánh giá rủi ro quốc gia về RT/TTKB
NPO	Tổ chức phi lợi nhuận
RT	Rửa tiền
TCSP	Các tổ chức cung cấp dịch vụ ủy thác và công ty
TTKB	Tài trợ khủng bố
PBVKHDHL	Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt
RT/TTKB	Rửa tiền/Tài trợ khủng bố
PCRT/TTKB	Phòng, chống rửa tiền/chống tài trợ khủng bố
TCTC	Tổ chức tài chính
TCTC phi ngân hàng	Tổ chức tài chính phi ngân hàng
TFS	Hình phạt tài chính mục tiêu
UNSCR	Nghị quyết hội đồng bảo an liên hợp quốc
VA	Tài sản ảo
VASP	Tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản ảo
VND	Việt Nam Đồng

© APG 2022

www.apgml.org

Tháng 1/2022

Các biện pháp phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

Đánh giá đa phương vòng 3 của APG – Việt Nam

Trong báo cáo này: tóm tắt các biện pháp PCRT/TTKB được áp dụng tại Việt Nam đến tháng 11/2019. Báo cáo này phân tích mức độ tuân thủ 40 Khuyến nghị của FATF và mức độ hiệu quả của hệ thống PCRT/TTKB của Việt Nam, và cung cấp khuyến nghị về cách tăng cường hệ thống này.